BÌNH GIẢNG ĐƯỜNG ĐẠO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI - II

WEBINAR 24-35

Michael D. Robbins

Commentary 24

[xi – xiii]

commentary by Michael D. Robbins

BY ALICE A. BAILEY

COPYRIGHT © 1955 BY LUCIS TRUST

COPYRIGHT RENEWED © 1983 BY LUCIS TRUST

Dedicated to the Master Djwhal Khul

[Page xi]

INTRODUCTION

Mrs. Bailey asked me to write an introduction to the second volume of "Discipleship in the New Age" and I therefore now gladly comply. The introduction written by her in the first volume may be profitably reread in relation to both volumes.

1. The two volumes together constitute one great work. DINA I prepares for DINA II, which is incomplete without its predecessor.

The Master Djwhal Khul, known also as "The Tibetan," took advantage of the opportunity of the availability of A.A.B. as a trained collaborator and initiated an unique and pioneering experiment in new age training for group initiation

2. By the time this introduction had been given out, it had been inadvertently disclosed that the “Tibetan” was Master Djwhal Khul.

3. The experiment was indeed unique—unique in the degree of attention given by a Master of the Wisdom to the impartation of the details of the Ageless Wisdom, and

[Page xi]

LỜI GIỚI THIỆU

Bà Bailey đã đề nghị tôi viết lời giới thiệu cho tập hai của “Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới”, và giờ đây tôi vui lòng đáp ứng lời đề nghị ấy. Đọc lại lời giới thiệu do Bà viết trong tập một sẽ giúp ích cho việc tìm hiểu cả hai tập.

1. Hai tập hợp lại thành một tác phẩm lớn. DINA I chuẩn bị cho DINA II; nếu thiếu tập trước, DINA II sẽ không trọn vẹn.

Chân sư Djwhal Khul, còn được biết đến với danh xưng “Chân sư Tây Tạng”, đã tận dụng cơ hội có A.A.B. làm cộng sự được huấn luyện để khởi xướng một cuộc thử nghiệm độc đáo và tiên phong về việc huấn luyện cho điểm đạo nhóm trong kỷ nguyên mới.

2. Vào thời điểm lời giới thiệu này được công bố, người ta đã vô tình tiết lộ rằng “Chân sư Tây Tạng” chính là Chân sư Djwhal Khul.

3. Quả thật, cuộc thử nghiệm này rất độc đáo —độc đáo ở mức độ quan tâm mà một Chân sư Minh Triết dành cho việc truyền đạt những chi tiết của Minh Triết Ngàn Đời, và

unique in the quality of subtle receptivity demonstrated by AAB.

độc đáo ở phẩm tính tiếp nhận tinh tế mà AAB thể hiện.

4. We should note that not only was AAB a "collaborator" with the Tibetan, but a "trained" collaborator. It is this training which is so often missing in those who seek to cooperate with higher beings.

4. Chúng ta cần lưu ý rằng AAB không chỉ là một "cộng sự" của Chân sư Tây Tạng, mà còn là một cộng sự "đã qua huấn luyện". Chính sự huấn luyện này lại thường thiếu ở những người tìm cách hợp tác với các Đấng cao cả hơn.

This involved the entry of those qualifying into His Ashram there to stay as they hastened their progress or to pass on to other Ashrams as the case might be.

Cuộc thử nghiệm này bao gồm việc những người đủ điều kiện gia nhập Ashram của Ngài, ở lại đó trong khi đẩy nhanh bước tiến của mình, hoặc chuyển sang các Ashram khác tùy từng trường hợp.

5. The experiment was really one of externalizing an Ashram. As we study the process we learn much concerning the qualifications of those who would enter the Ashram of one of the Masters.

5. Thực chất, cuộc thử nghiệm này là việc ngoại hiện một ashram. Khi nghiên cứu tiến trình ấy, chúng ta học được nhiều điều về những phẩm chất cần có ở những người muốn gia nhập ashram của một trong các Chân sư.

For this purpose the Master selected some fifty people, most but not all of whom were known to A.A.B., to whom this unique and transcendent opportunity was offered.

Vì mục đích này, Chân sư đã chọn khoảng năm mươi người, phần lớn nhưng không phải tất cả đều là những người A.A.B. quen biết, và trao cho họ cơ hội độc đáo và siêu việt này.

6. FB speaks of the opportunity for such training as "transcendent"; indeed we can see that it transcended ordinary developmental opportunity.

6. FB nói rằng cơ hội được huấn luyện như thế là "siêu việt"; quả thật, chúng ta có thể thấy cơ hội ấy vượt trên những cơ hội phát triển thông thường.

7. Some have wondered how they might have responded to such an opportunity; there is no way to know for certain, but perhaps the answer is "Very much as the others responded".

7. Một số người tự hỏi mình có thể đã đáp ứng thế nào trước một cơ hội như vậy; không có cách nào biết chắc, nhưng có lẽ câu trả lời là "Rất giống cách những người khác đã đáp ứng".

Almost everyone accepted but some did not stay very long. It was not easy.

Gần như mọi người đều đón nhận, nhưng một số đã không ở lại được lâu. Điều đó không dễ dàng.

8. Such was the eager anticipation, somewhat divorced from realism. Few there were who could anticipate the difficulties. Were there *any*?

8. Đó là một niềm háo hức mong đợi có phần xa rời thực tế. Rất ít người có thể lường trước những khó khăn. Liệu có *ai* như thế chăng?

As was inevitable and very human, some as time went on reacted well, others not.

Theo thời gian, như một điều tất yếu và rất đỗi con người, một số đáp ứng tốt, còn những người khác thì không.

9. The emphasis should be placed upon the word *react,* for many of the responses to the training were emotional or kama-manasic, i.e. , unreasoned and un-illumined

9. Cần nhấn mạnh từ *phản ứng,* vì nhiều đáp ứng đối với sự huấn luyện mang tính cảm xúc hoặc trí-cảm, tức là thiếu suy xét và chưa được soi sáng

It is hard to keep a right balance between the soul and the personality when the spiritual stimulant is relentlessly high. The rushing into the personal life of soul force is like sunshine in a garden. Weeds as well as flowers emerge.

Thật khó giữ sự cân bằng đúng đắn giữa linh hồn và phàm ngã khi sự kích thích tinh thần liên tục ở mức cao. Mãnh lực linh hồn tràn vào đời sống cá nhân cũng giống như ánh nắng chiếu vào một khu vườn. Cả cỏ dại lẫn hoa đều mọc lên.

10. FB's voice of experience speaks. We should note the word "relentlessly", for once a prospective group member accepted the training, the exposure to spiritual pressure was constant.

10. FB lên tiếng từ kinh nghiệm của mình. Chúng ta nên lưu ý từ "liên tục", vì một khi một thành viên tiềm năng của nhóm đã chấp nhận sự huấn luyện, người ấy phải thường xuyên chịu áp lực tinh thần.

11. Some imagine that the constant in-pouring of soul force is easy to bear, that it is a uniformly pleasant thing, but the revelations and energy-conditions produced can be distressing.

11. Một số người hình dung rằng mãnh lực linh hồn liên tục tuôn vào là điều dễ chịu đựng, rằng điều đó luôn dễ chịu, nhưng những mặc khải và trạng thái năng lượng do đó tạo ra có thể gây khổ sở.

It was a new age group forcing process, tested in operation by the use of this group of chelas all of whom had voluntarily accepted, and any one of whom was free to leave at any time without blame.

Đó là một tiến trình thúc đẩy sự phát triển nhóm trong kỷ nguyên mới, được thử nghiệm qua hoạt động của nhóm đệ tử này; tất cả đều tự nguyện chấp nhận tham gia, và

bất cứ ai cũng có thể tự do rời nhóm vào bất cứ lúc nào mà không bị trách cứ.

12. This type of training was a "forcing process". We remember that the process of initiation instituted relatively recently in the history of humanity is also a forcing process. Whenever force is applied (especially to the usually resistant personality), a measure of pain is to be expected.

12. Loại hình huấn luyện này là một "tiến trình thúc đẩy sự phát triển". Chúng ta nhớ rằng tiến trình điểm đạo, được thiết lập tương đối gần đây trong lịch sử nhân loại, cũng là một tiến trình thúc đẩy sự phát triển. Bất cứ khi nào mãnh lực được vận dụng (đặc biệt là lên phàm ngã vốn thường kháng cự), chúng ta có thể dự liệu sẽ có một mức độ đau đớn nào đó.

13. We note the emphasis upon free will. Membership was accepted voluntarily and all were free leave voluntarily. We note that no blame was to be attached to any such departures, though doubtlessly some departing disciples blamed themselves or AAB (rather than the Tibetan).

13. Chúng ta lưu ý sự nhấn mạnh vào ý chí tự do. Mọi người đều tự nguyện chấp nhận tư cách thành viên và đều có thể tự do rời nhóm theo ý nguyện. Chúng ta lưu ý rằng không ai bị trách cứ vì những lần rời nhóm như thế, dù chắc chắn một số đệ tử rời nhóm đã tự trách mình hoặc trách Bà AAB (thay vì Chân sư Tây Tạng).

The values achieved were much more than any obvious comment can display. Much of the deeper values are more subtle and slow to emerge.

Những giá trị đạt được vượt xa những gì bất kỳ lời nhận xét hiển nhiên nào có thể trình bày. Nhiều giá trị sâu xa hơn vốn tinh tế hơn và chậm bộc lộ.

14. A most important point is made. This is subtle work and its benefits cannot easily be described. In our own life of discipleship we can recognize the factor of slow, subtle emergence.

14. Một điểm hết sức quan trọng được nêu ra. Đây là công việc tinh tế và không dễ mô tả những lợi ích của nó. Trong chính đời sống đệ tử của mình, chúng ta có thể nhận ra yếu tố bộc lộ chậm rãi và tinh tế.

Individuals benefited greatly. As a group achievement it was not a success as is made abundantly clear in these pages, but the group is a living entity on the inner planes of possible great future usefulness.

Từng cá nhân đã nhận được lợi ích lớn lao. Xét về thành tựu của nhóm, cuộc thử nghiệm này đã không thành công, như những trang sách này cho thấy hết sức rõ ràng; nhưng nhóm vẫn là một thực thể sống động trên các cõi bên trong, có khả năng đem lại lợi ích lớn lao trong tương lai.

15. Tiến trình tiên phong này nhằm trực tiếp mang lại lợi ích cho các nhóm, còn lợi ích

15. This pioneering process was meant to benefit groups directly and individuals only incidentally (which it did).

cho các cá nhân chỉ là kết quả phụ (và tiến trình ấy quả đã mang lại lợi ích cho họ).

16. FB is direct is noting that the group did not succeed *outwardly,* however, he seems to salvage the process by noting that on the inner planes the group is a living entity with considerable possible future potential. The lesson for us is that no good work is ever lost even if immediate outer objectives are not achieved according to plan.

16. FB thẳng thắn ghi nhận rằng nhóm đã không thành công *về mặt bên ngoài,* tuy nhiên, dường như ông muốn cứu vãn giá trị của tiến trình ấy khi lưu ý rằng trên các cõi bên trong, nhóm là một thực thể sống động với tiềm năng đáng kể có thể phát huy trong tương lai. Bài học cho chúng ta là không một công việc tốt đẹp nào mất đi, ngay cả khi những mục tiêu bên ngoài trước mắt không đạt được theo kế hoạch.

17. It may well be that in these days preceding the true beginning of the Aquarian Age, there are many experiments and rehearsals which shall become successful achievements and performances a few centuries from now.

17. Rất có thể trong thời kỳ hiện nay, trước khi Kỷ Nguyên Bảo Bình thực sự bắt đầu, có nhiều cuộc thử nghiệm và diễn tập sẽ trở thành những thành tựu và những cuộc trình diễn thành công trong vài thế kỷ tới.

[Page xii]

[Page xii]

Mrs. Bailey gave unsparingly of her life and strength to do this work which was to her an extra and a heavy burden. It was particularly distasteful to her to take the personal instructions. Indeed sometimes when certain individuals did not like what the Tibetan said to them about themselves they blamed her.

Bà Bailey đã cống hiến không tiếc cuộc đời và sức lực của mình để thực hiện công việc này, một công việc mà đối với Bà là gánh nặng lớn lao thêm vào những trách nhiệm sẵn có. Bà đặc biệt không thích việc ghi nhận các huấn thị cá nhân. Quả thật, đôi khi một số người không thích những điều Chân sư Tây Tạng nói với họ về chính họ, thì họ lại trách cứ Bà.

18. AAB's sacrifice in handling this group of chelas is made abundantly clear. Her spiritual generosity is called to our attention. One day, at the right time and in the right place, we will be called upon to do likewise.

18. Sự hi sinh của Bà AAB trong việc phụ trách nhóm đệ tử này được trình bày hết sức rõ ràng. Lòng quảng đại tinh thần của Bà được nêu lên để chúng ta chú ý. Một ngày nào đó, vào đúng lúc và đúng nơi, chúng ta sẽ được kêu gọi làm điều tương tự.

19. It is astonishing to realize that there were group members who blamed her for

19. Thật đáng kinh ngạc khi nhận ra rằng có những thành viên trong nhóm đã trách cứ

what the Tibetan imparted. Her attitude to the whole process was sacrificial and impersonal. Her likes and dislikes were not allowed to enter the dictation process.

Bà về những điều Chân sư Tây Tạng truyền đạt. Thái độ của Bà đối với toàn bộ tiến trình là hi sinh và vô ngã. Bà không để những điều mình thích hay không thích xen vào tiến trình đọc truyền.

The training given to this group was not a part of Mrs. Bailey's system of training in the Arcane School. The Arcane School is not a training school for initiation and the goal is not to help the student to get into an ashram or to contact a Master.

Việc huấn luyện dành cho nhóm này không thuộc hệ thống huấn luyện của Bà Bailey tại Trường Arcane. Trường Arcane không phải là một trường huấn luyện để điểm đạo, và mục tiêu của trường không phải là giúp đạo sinh gia nhập một ashram hay tiếp xúc với một Chân sư.

20. The more modest objectives of the Arcane School are contrasted with the objectives set before those who became members of the Tibetan's specialized groups.

20. Những mục tiêu khiêm tốn hơn của Trường Arcane được đặt trong sự đối chiếu với những mục tiêu đề ra cho những người đã trở thành thành viên các nhóm chuyên biệt của Chân sư Tây Tạng.

21. It is important to maintain clarity about one's possibilities and objectives or else inflation can set in.

21. Điều quan trọng là phải luôn thấy rõ khả năng và mục tiêu của mình, nếu không, sự tự cao có thể nảy sinh.

The purpose of the Arcane School is, and always has been, to help the student to move forward more quickly on the Path of Discipleship. It does not deal either with the problems incident to the Probationary Path nor of the Path of Initiation.

Mục đích của Trường Arcane, từ trước đến nay, vẫn luôn là giúp đạo sinh tiến nhanh hơn trên Con Đường Đệ Tử. Trường không đề cập đến những vấn đề nảy sinh trên Con Đường Dự Bị, cũng không đề cập đến những vấn đề của Con Đường Điểm Đạo.

22. The Arcane School, we see, was intended to occupy a middle position. Neither was it for probationers nor for those treading the Path of Initiation, though doubtlessly a number of students who have passed through its training were treading the Path of Initiation in its earlier states.

22. Chúng ta thấy rằng Trường Arcane được dự định giữ một vị trí ở giữa. Trường không dành cho những người dự bị, cũng không dành cho những người đang bước trên Con Đường Điểm Đạo, dù chắc chắn một số đạo sinh từng trải qua chương trình huấn luyện của trường đã bước trên những giai đoạn đầu của Con Đường Điểm Đạo.

The Master Djwhal Khul has stated that in the new age the field of training for the

Chân sư Djwhal Khul đã khẳng định rằng trong kỷ nguyên mới, môi trường huấn

disciple is in the New Group of World Servers.

luyện dành cho đệ tử nằm trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

23. It is hard to over-estimate the value of this statement. There are two ways the disciple can be trained with respect to the NGWS: either by serving subjectively within this group, or (in the later stages of discipleship) by assisting those members of the NGWS who may be treading earlier stages of the Path.

23. Khó có thể đánh giá quá cao giá trị của lời khẳng định này. Có hai cách để đệ tử được huấn luyện trong mối liên hệ với Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian: hoặc phụng sự về mặt chủ quan trong nhóm này, hoặc (ở những giai đoạn sau của địa vị đệ tử) trợ giúp những thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có thể đang bước trên những giai đoạn đầu của Đường Đạo.

The decision to publish the record (or most of it) was an unexpected development to the Tibetan but welcomed by Him. He said that this act attracted the attention of other members of the Hierarchy.

Quyết định xuất bản bản ghi chép này (hay phần lớn nội dung của nó) là một diễn biến bất ngờ đối với Chân sư Tây Tạng, nhưng Ngài hoan nghênh điều đó. Ngài nói rằng hành động này đã thu hút sự chú ý của các thành viên khác trong Thánh đoàn.

24. FB alludes to the fact that not all of the correspondence concerning the Groups of IX has been published, but certainly the great majority of that material has found its way into book form.

24. FB ám chỉ rằng không phải toàn bộ thư từ liên quan đến các Nhóm IX đều đã được xuất bản, nhưng chắc chắn đại đa số tài liệu ấy đã được đưa vào sách.

25. We note that the decision to publish the material found in DINA I was not the Tibetan's decision. This demonstrates the importance of disciplic initiative in even those matters which relate to the Hierarchy.

25. Chúng ta lưu ý rằng quyết định xuất bản tài liệu trong DINA I không phải là quyết định của Chân sư Tây Tạng. Điều này cho thấy tầm quan trọng của sự chủ động nơi đệ tử, ngay cả trong những vấn đề liên quan đến Thánh đoàn.

26. It is interesting to note that this decision to publish was noticed by other members of the Hierarchy. They are attentive to all that might advance the cause of love and wisdom in the world. Elsewhere, Master DK spoke of the great value of DINA I for attracting readers towards the Ashram.

26. Thật thú vị khi lưu ý rằng các thành viên khác của Thánh đoàn đã chú ý đến quyết định xuất bản này. Các Ngài quan tâm đến mọi điều có thể thúc đẩy sự nghiệp tình thương và minh triết trên thế giới. Ở một chỗ khác, Chân sư DK đã nói đến giá trị to lớn của DINA I trong việc thu hút độc giả hướng về Ashram.

The appearance of the first volume has already proved a major addition to the entire esoteric field, especially in terms of what modern discipleship really is, and the practical realistic attitude that a Master has to his chela.

Sự ra đời của tập thứ nhất đã chứng tỏ đây là một đóng góp lớn cho toàn bộ lĩnh vực huyền bí học, đặc biệt về thực chất của địa vị đệ tử trong thời hiện đại, và thái độ thực tiễn, sát với thực tế của một Chân sư đối với đệ tử của Ngài.

27. We who are readers of DINA I can certainly confirm what FB says here.

27. Là độc giả của DINA I, chúng ta chắc chắn có thể xác nhận những điều FB nói ở đây.

28. One of the most important values of the DINA material is the accurate portrayal of the relationship between the Masters and His chelas. There are so many glamorous conceptions surrounding that question that the record needed to be set straight.

28. Một trong những giá trị quan trọng nhất của tài liệu DINA là sự khắc họa chính xác mối quan hệ giữa các Chân sư và các đệ tử của các Ngài. Có quá nhiều quan niệm đầy ảo cảm xoay quanh vấn đề ấy, nên cần phải làm sáng tỏ sự thật.

This second volume brings additional teaching both in the general text and in the remaining personal instructions which are amazingly frank and direct.

Tập thứ hai này đem đến thêm giáo huấn, cả trong phần văn bản chung lẫn các huấn thị cá nhân còn lại, vốn thẳng thắn và trực tiếp đến kinh ngạc.

29. FB speaks of the frankness and directness of the personal instructions. While students in the earlier groups experienced various crises, still deeper crises arose in their later training. The letters in DINA II were written to students, most of whom had been with the Tibetan for almost ten years (when the Group of Twenty-Four began). He must have thought that such experienced students could take the “straight medicine”.

29. FB nói đến tính thẳng thắn và trực tiếp của những huấn thị cá nhân. Tuy các đạo sinh trong những nhóm trước đã trải qua nhiều cuộc khủng hoảng khác nhau, những cuộc khủng hoảng sâu sắc hơn nữa vẫn nảy sinh trong giai đoạn huấn luyện về sau của họ. Các bức thư trong DINA II được viết cho những đạo sinh mà phần lớn đã theo học Chân sư Tây Tạng gần mười năm (khi Nhóm Hai Mươi Bốn bắt đầu). Hẳn Ngài đã nghĩ rằng những đạo sinh giàu kinh nghiệm như thế có thể tiếp nhận “liều thuốc thẳng thừng” này.

30. Though a Master has mastered the illusion of time, He continually gauges His work with respect to time (as it is experienced in the three lower worlds). Simply put, directness saves time.

30. Dù một Chân sư đã làm chủ ảo tưởng về thời gian, Ngài vẫn liên tục đánh giá công việc của mình trong tương quan với thời gian (như thời gian được trải nghiệm trong ba cõi thấp). Nói đơn giản, sự thẳng thắn giúp tiết kiệm thời gian.

A few personally assigned meditations are included to show the technique of the training in individual cases, but the individual training was always incidental to a planned special group achievement.

Một vài bài thiền được giao riêng cho từng người cũng được đưa vào để minh họa kỹ thuật huấn luyện trong những trường hợp cá biệt, nhưng việc huấn luyện cá nhân luôn chỉ là phần phụ trong nỗ lực đạt đến một thành tựu đặc biệt của nhóm đã được hoạch định.

31. Every student received personal meditations designed to facilitate growth and usefulness to the group. Only some of these meditations are included in the DINA books, largely because they had personal relevance only to the student for whom they were intended. In general, those meditations which had the promise of broad usefulness amongst the rank and file of esoteric students were included.

31. Mỗi đạo sinh đều nhận được những bài thiền cá nhân nhằm hỗ trợ sự phát triển và gia tăng khả năng đóng góp cho nhóm. Chỉ một số bài thiền này được đưa vào các sách DINA, chủ yếu vì chúng chỉ có ý nghĩa riêng đối với đạo sinh được giao thực hành. Nhìn chung, những bài thiền có triển vọng mang lại lợi ích rộng rãi cho đông đảo đạo sinh huyền bí học đã được đưa vào.

32. We are familiar with the thought that development of the group comes first, and that personal/individual training is always secondary to group training. This is a truth easily stated but not so easily assimilated because, fundamentally, most of us are so interested in our selves (which means, very often, our *personal* selves).

32. Chúng ta đã quen với tư tưởng rằng sự phát triển của nhóm được đặt lên hàng đầu, và việc huấn luyện cá nhân luôn đứng sau việc huấn luyện nhóm. Đây là một chân lý dễ nói ra nhưng không dễ thấm nhuần, bởi về căn bản, phần lớn chúng ta đều quá quan tâm đến bản ngã của mình (mà rất thường có nghĩa là những bản ngã *cá nhân* của chúng ta).

It should be remembered that these meditations are dangerous to use except as prescribed by a Master and used under His watchful eye, just as there are many medicines available to the public which are not safe except as directed by a physician.

Cần nhớ rằng việc sử dụng những bài thiền này là nguy hiểm, trừ khi có chỉ định của một Chân sư và thực hành dưới sự theo dõi sát sao của Ngài, cũng như có nhiều loại thuốc công chúng có thể mua được nhưng chỉ an toàn khi sử dụng theo chỉ dẫn của bác sĩ.

33. The analogy here offered is one that should be constantly remembered. Medicine is not only *physical.* The persistent use of an unsuitable meditation could have effects similar to the taking of an unsuitable, un-prescribed medicine. The Master is a superb spiritual physician.

33. Phép tương đồng nêu ở đây là điều cần luôn ghi nhớ. Thuốc không chỉ dành cho *thể xác.* Việc kiên trì thực hành một bài thiền không phù hợp có thể gây ra những tác động tương tự như dùng một loại thuốc không phù hợp, không được kê đơn. Chân sư là một lương y tinh thần xuất sắc.

34. Perhaps we should remind ourselves of the subtlety of esoteric training and the subtle dangers involved.

34. Có lẽ chúng ta nên tự nhắc mình về tính tinh tế của việc huấn luyện huyền bí học và những nguy hiểm tinh vi đi kèm.

An examination of the text will reveal many factors knowable only to a Master which made these meditations safe and the breathing exercises useful while He was watching [Page xiii] the effects.

Việc khảo sát văn bản sẽ cho thấy nhiều yếu tố mà chỉ một Chân sư mới có thể biết, nhờ đó những bài thiền này trở nên an toàn và các bài tập thở đem lại lợi ích trong khi Ngài theo dõi [xiii] những tác động của chúng.

35. FB elaborates the point. We must be realistic about what we know and what we do not. Thus far, we know far less than Master DK.

35. FB trình bày rõ hơn điểm này. Chúng ta phải thực tế về những gì mình biết và những gì mình không biết. Cho đến nay, chúng ta biết ít hơn Chân sư DK rất nhiều.

36. The assigning meditations is a serious matter; especially serious is the assigning of breathing exercises which involve a direct manipulation of etheric currents with their reflex effect upon the physical body.

36. Việc giao các bài thiền là một vấn đề nghiêm túc; đặc biệt nghiêm túc là việc giao các bài tập thở có liên quan đến sự điều khiển trực tiếp các dòng dĩ thái cùng tác động phản hồi của chúng lên thể xác.

For example: He knew not only the Ray qualities of all the vehicles but also the degree of response to Ray stimulant of any particular vehicle in relation to total, balanced progress.

Chẳng hạn: Ngài không chỉ biết các phẩm tính cung của mọi vận cụ, mà còn biết mức độ đáp ứng của từng vận cụ cụ thể đối với sự kích thích của cung trong tương quan với sự tiến bộ toàn diện và quân bình.

37. We learn that it is not enough to know the ray of vehicle, but also to assess the condition of any particular vehicle, so that its degree of responsiveness to ray and other stimulation can be gauged.

37. Chúng ta học được rằng chỉ biết cung của một vận cụ là chưa đủ, mà còn phải đánh giá tình trạng của từng vận cụ cụ thể để có thể xác định mức độ đáp ứng của nó với sự kích thích của cung và những kích thích khác.

38. Our ability to 'know' the rays is largely inferential, and we can never be entirely certain that our judgment is correct. Our knowledge of the actual occult condition of any particular vehicle is, truthfully, minimal compared to that of a Master.

38. Khả năng 'biết' các cung của chúng ta phần lớn dựa trên suy luận, và chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn chắc chắn rằng nhận định của mình là đúng. Thành thật mà nói, hiểu biết của chúng ta về tình trạng huyền bí thực tế của bất kỳ vận cụ cụ thể nào cũng đều rất ít ỏi so với hiểu biết của một Chân sư.

He knew also the conditioning Rays of the previous incarnation which may appear as a "hangover" not to be developed but to be transcended.

Ngài cũng biết các cung đã định hình kiếp lâm phàm trước, vốn có thể xuất hiện như một "dư âm" cần vượt qua chứ không phải tiếp tục phát triển.

39. Here, again, is a most important statement. The term "hangover" is graphic and even amusing. We have called such rays, 'legacy rays', with the suggestion that one 'inherits' them from oneself.

39. Một lần nữa, đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Từ "dư âm" rất gợi hình và thậm chí còn thú vị. Chúng ta đã gọi những cung như thế là 'các cung di sản', với hàm ý rằng người ta 'thừa hưởng' chúng từ chính mình.

40. We may think about what may have been important rays in our previous incarnations, but again, our knowledge is largely inferential.

40. Chúng ta có thể suy nghĩ xem những cung nào có lẽ đã đóng vai trò quan trọng trong các kiếp lâm phàm trước của mình, nhưng một lần nữa, hiểu biết của chúng ta phần lớn vẫn dựa trên suy luận.

He knew the astrological characteristics of the soul, a factor as yet unknown to present day astrology but of much importance in advanced stages of discipleship.

Ngài biết những đặc điểm chiêm tinh của linh hồn, một yếu tố mà chiêm tinh học ngày nay vẫn chưa biết đến, nhưng lại rất quan trọng trong những giai đoạn tiến xa trên Con Đường Đệ Tử.

41. FB gives an important hint. Of course DK knew the important astrological characteristics of the present personality of each of His students, but He also knew the "astrological characteristics of the soul". Such knowledge is one of the true goals of esoteric astrology.

41. FB đưa ra một gợi ý quan trọng. Dĩ nhiên, Chân sư DK biết những đặc điểm chiêm tinh quan trọng của phàm ngã hiện tại của từng môn sinh của Ngài, nhưng Ngài cũng biết những "đặc điểm chiêm tinh của linh hồn". Hiểu biết như thế là một trong những mục tiêu đích thực của chiêm tinh học nội môn.

42. Some may not have considered that every soul as certain defining and ongoing astrological characteristics. These are

42. Một số người có thể chưa từng nghĩ rằng mỗi linh hồn đều có những đặc điểm chiêm tinh nhất định mang tính xác định và tồn tại

influential and must be considered along with (and in interplay with) the more obvious ray and astrological characteristics of the personality.

lâu dài. Những đặc điểm này có ảnh hưởng và cần được xem xét cùng với (và trong sự tương tác với) những đặc điểm về cung và chiêm tinh dễ nhận thấy hơn của phàm ngã.

He knew the exact condition and degree of unfoldment of all the force centres in the chela which in certain cases He stated in exact percentages. Even with this knowledge given us we could not know which centre to stimulate next nor how much.

Ngài biết chính xác tình trạng và mức độ khai mở của tất cả các trung tâm mãnh lực trong người đệ tử; trong một số trường hợp, Ngài đã nêu rõ bằng những tỉ lệ phần trăm chính xác. Ngay cả khi có được kiến thức này, chúng ta cũng không thể biết tiếp theo cần kích thích trung tâm nào, cũng như kích thích đến mức nào.

43. FB continues His realistic assessment of the Master's knowledge with respect to the chelas taken for training.

43. FB tiếp tục đánh giá một cách thực tế về hiểu biết của Chân sư đối với những đệ tử được Ngài nhận huấn luyện.

44. With respect to chakric unfoldment, we often have some general ideas, but He gauged the degree of unfoldment and the potential for further unfoldment with exactitude. A study of the instructions of BSD reveals this.

44. Về sự khai mở của các luân xa, chúng ta thường có một vài ý niệm khái quát, nhưng Ngài xác định chính xác mức độ khai mở và tiềm năng khai mở thêm. Việc nghiên cứu những huấn thị dành cho BSD cho thấy điều này.

45. Understanding the degree of chakric unfoldment is not, in itself, sufficient. Do any of us truly know, with respect to ourselves or another, which chakra is next to be stimulated, how much it is to be stimulated and how to undertake that stimulation?

45. Chỉ thấu hiểu mức độ khai mở của các luân xa thôi thì chưa đủ. Có ai trong chúng ta thực sự biết, đối với bản thân mình hay người khác, luân xa nào cần được kích thích tiếp theo, cần kích thích đến mức nào và phải thực hiện sự kích thích ấy ra sao?

46. Thus, a considerable degree of humility is required of us in these matters.

46. Do đó, trong những vấn đề này, chúng ta cần có một mức độ khiêm nhường đáng kể.

Moreover Djwhal Khul has said that given a consecrated active life of selfless service to one's fellowman the centres will unfold naturally and safely without attention to them.

Hơn nữa, Chân sư Djwhal Khul đã nói rằng với một đời sống tích cực, thánh hiến cho việc phụng sự vô ngã đối với đồng loại, các trung tâm sẽ khai mở một cách tự nhiên và an toàn mà không cần chú ý đến chúng.

47. The safest manner of unfoldment (now familiar to us) is again brought to our attention. It is not through direct attention to the centers that they rightly unfold (though such attention when guided by a Master can be useful), but through a "consecrated active life of selfless service". Man is a psycho-spiritual being and the psycho-spiritual factors in his nature take precedence over the physical factors (such as the chakras)—remembering that the personality is (spiritually considered) the *body.* If the psychological and spiritual approaches are in order, the correct physical effects will occur predictably.

47. Một lần nữa, chúng ta được nhắc đến cách khai mở an toàn nhất (nay đã quen thuộc với chúng ta). Các trung tâm khai mở đúng đắn nhờ một "đời sống tích cực, thánh hiến cho việc phụng sự vô ngã", chứ không phải nhờ chú ý trực tiếp đến chúng (dù sự chú ý như thế có thể hữu ích khi có một Chân sư hướng dẫn). Con người là một sinh linh tâm lý–tinh thần, và những yếu tố tâm lý–tinh thần trong bản chất của y có vai trò ưu tiên hơn các yếu tố thể chất (chẳng hạn như các luân xa)—hãy nhớ rằng phàm ngã (xét về mặt tinh thần) là *thân thể.* Nếu các cách tiếp cận về tâm lý và tinh thần đều đúng đắn, những hiệu quả đúng đắn về thể chất sẽ xuất hiện như có thể dự đoán.

The Master also knew the basic and planned purpose of the soul for the present incarnation, the hidden hindering karmic forces working out and the latent spiritual capacities previously achieved which could be wisely called upon.

Chân sư cũng biết mục đích căn bản mà linh hồn đã hoạch định cho kiếp lâm phàm hiện tại, những mãnh lực nghiệp quả cản trở đang âm thầm phát tác, và những năng lực tinh thần tiềm tàng đã đạt được từ trước, có thể được khơi dậy một cách minh triết.

48. We must surely be impressed by all that a Master knows about His chelas—far more than we know of ourselves.

48. Chắc hẳn chúng ta phải cảm thấy ấn tượng trước tất cả những gì một Chân sư biết về các đệ tử của Ngài—nhiều hơn rất xa so với những gì chúng ta biết về chính mình.

49. We struggle to understand the "basic and planned purpose of the soul for the present incarnation", and of the "hidden hindering karmic forces", we know very little. Of our hidden spiritual achievements, rooted in the past, we also know rather little, however much we may infer.

49. Chúng ta chật vật để thấu hiểu "mục đích căn bản mà linh hồn đã hoạch định cho kiếp lâm phàm hiện tại", và chúng ta biết rất ít về "những mãnh lực nghiệp quả cản trở đang âm thầm phát tác". Chúng ta cũng biết khá ít về những thành tựu tinh thần còn ẩn giấu của mình, bắt nguồn từ quá khứ, dù chúng ta có suy luận nhiều đến đâu.

50. We begin to understand (do we not?) how many factors a Master has to *balance* when He directs the spiritual life and practices of His chelas.

50. Chúng ta bắt đầu thấu hiểu (phải vậy không?) rằng một Chân sư phải *cân bằng* biết bao yếu tố khi Ngài hướng dẫn đời sống tinh thần và các pháp thực hành của các đệ tử của Ngài.

51. These types of knowledge should be reviewed and appreciated. We may also try to determine how best we can approximate such knowledge, while admitting that true and complete knowledge of these matters must presently escape us.

51. Chúng ta nên xem xét lại và trân trọng những dạng hiểu biết này. Chúng ta cũng có thể cố gắng xác định cách tốt nhất để tiến gần đến hiểu biết như thế, đồng thời thừa nhận rằng hiện nay chúng ta hẳn vẫn chưa thể có hiểu biết chân thực và trọn vẹn về những vấn đề này.

Someday we shall have occult schools of meditation giving training for initiation. There are none such today. Those claiming to give such training are false teachers, often sincere but self-deluded. This also has been stated both by the Tibetan and by A.A.B.

Một ngày kia, chúng ta sẽ có những trường tham thiền huyền môn huấn luyện để điểm đạo. Ngày nay chưa có những trường như thế. Những ai tuyên bố cung cấp việc huấn luyện như vậy đều là những huấn sư giả mạo, thường chân thành nhưng tự lừa dối mình. Cả Chân sư Tây Tạng lẫn Bà A.A.B. đều đã khẳng định điều này.

52. FB looks ahead to the future training which, one day, will be offered to chelas on the Path of Discipleship.

52. FB hướng tới việc huấn luyện trong tương lai mà một ngày kia các đệ tử trên Con Đường Đệ Tử sẽ được tiếp nhận.

53. He was writing in 1955, more than five years after AAB's passing. His assessment of extant schools of occultism was accurate and still holds. While there are a number of good schools offering sound training in the principles of occultism, none of them can claim with justification to offer training for true initiation.

53. Ông viết những dòng này vào năm 1955, hơn năm năm sau khi Bà AAB qua đời. Nhận định của ông về các trường huyền bí học hiện hữu khi ấy là chính xác và đến nay vẫn còn đúng. Tuy có một số trường tốt cung cấp sự huấn luyện vững chắc về các nguyên lý của huyền bí học, nhưng không trường nào có cơ sở chính đáng để tuyên bố rằng mình cung cấp việc huấn luyện cho sự điểm đạo đích thực.

54. The problem of the sincere but self-deluded teacher is very real; there are many such and they cannot see into their delusion. Once they, themselves, are exposed to an authentic Master and subjected to true occult training, they will be able to differentiate between that which they offer and the real thing.

54. Vấn đề những huấn sư chân thành nhưng tự lừa dối mình là điều rất thực tế; có nhiều người như thế và họ không thể nhìn thấu sự mê lầm của mình. Một khi chính họ tiếp xúc với một Chân sư đích thực và trải qua sự huấn luyện huyền môn chân chính, họ sẽ có thể phân biệt những gì mình cung cấp với sự huấn luyện đích thực.

Foster Bailey

Foster Bailey

March 1955

Tháng 3 năm 1955

Commentary 25

[3-13]

INTRODUCTORY REMARKS

January 1940

MY BROTHER: [3]

May I say that when I am able to start my instruction to this New Seed Group with the words "My Brothers," you will then know that an adequate measure of group-integration has been achieved and that the real group work can begin.

1. The word "Brother" is used as a singular. The Tibetan is addressing each member *as an individual.* The word, "Brothers" would mean that a greater degree of group consciousness and group integration had been achieved. It would signal that the group members had achieved liberation from a largely personal/individual consciousness.

I have earlier stated the wider and more important objectives* which are, as you saw, entirely impersonal. I would commit this particular objective to your intelligent consideration.

2. Below are the objectives which were given in DINA I and on which commentary has been made. A re-reading of these objectives will be useful in light of the further instruction which the Tibetan now seeks to impart.

I would like to deal, first of all, with the objectives that I have in mind for all of you:

Tháng Một năm 1940

HUYNH ĐỆ CỦA TÔI: [3]

Tôi xin nói rằng khi Tôi có thể bắt đầu huấn thị dành cho Nhóm Hạt Giống Mới này bằng những lời "Các huynh đệ của Tôi", thì các bạn sẽ biết rằng nhóm đã đạt đến một mức độ tích hợp thích đáng và công việc nhóm thực sự có thể bắt đầu.

1. Từ "Huynh đệ" được dùng ở số ít. Chân sư Tây Tạng đang nói với từng thành viên *như một cá nhân.* Cụm từ "Các huynh đệ" sẽ hàm ý rằng nhóm đã đạt đến một mức độ tâm thức nhóm và tích hợp nhóm cao hơn. Điều đó sẽ báo hiệu rằng các thành viên trong nhóm đã thoát khỏi một tâm thức phần lớn còn mang tính cá nhân/cá thể.

Trước đây, Tôi đã nêu những mục tiêu rộng lớn và quan trọng hơn i*, vốn hoàn toàn phi cá nhân, như các bạn đã thấy. Tôi muốn giao mục tiêu cụ thể này để các bạn suy xét một cách sáng suốt.

2. Dưới đây là những mục tiêu đã được nêu trong DINA I và đã được bình giảng. Việc đọc lại những mục tiêu này sẽ hữu ích dưới ánh sáng của những huấn thị tiếp theo mà giờ đây Chân sư Tây Tạng muốn truyền đạt.

Trước hết, Tôi muốn bàn đến những mục tiêu mà Tôi dự định dành cho tất cả các bạn:

1. **The main present objective.**

I seek to bring about a much needed group integration. The polarisation of this group—as a unity upon the mental plane—is not yet accomplished. It is most needed and until this integration has been achieved, the united group inter-communication will not be possible or the desired group work capable of accomplishment. Several of you need to do some careful thinking and should align yourselves in love with your fellow disciples, eliminating all sense of criticism and personal self-satisfaction in your own judgment and rectitude.

2. **The future objective of these ashramic groups.**

It is fundamentally necessary that the new groups which are inaugurating the new discipleship should eventually establish a telepathic rapport with each other. Later, when there is a closer individual inter-relation, it will be possible to give definite teaching which will make this increasingly possible, but in the meantime a hint will have to suffice. It is foundational in nature and will have to be accepted and somewhat understood prior to successful work in all these pioneering groups. **Think outwardly towards each other in love. Just simply that, my brothers—simply and humbly that and no more than that at present.** Can you accept such a simple rule—apparently simple? In this way the etheric body of this group of disciples will be animated by the golden energy and the light of love and thus a network of light will be established which will form a focal point of energy in the etheric body of humanity itself and eventually in the planetary etheric body also.

1. **Mục tiêu chính hiện nay.**

Tôi tìm cách mang lại sự tích hợp nhóm hết sức cần thiết. Nhóm này vẫn chưa đạt được sự phân cực trên cõi trí như một thể thống nhất. Điều này vô cùng cần thiết, và chừng nào chưa đạt được sự tích hợp ấy, nhóm sẽ chưa thể giao tiếp với nhau trong sự hợp nhất, cũng chưa thể hoàn thành công việc nhóm mong muốn. Một số người trong các bạn cần suy nghĩ kỹ lưỡng và nên chỉnh hợp với các đệ tử đồng môn trong tình thương, loại bỏ mọi ý muốn chỉ trích và sự tự mãn cá nhân về khả năng phán đoán cũng như sự ngay chính của mình.

2. **Mục tiêu tương lai của các nhóm ashram này.**

Điều thiết yếu về căn bản là các nhóm mới đang mở đầu địa vị đệ tử mới cuối cùng phải thiết lập mối giao cảm viễn cảm với nhau. Về sau, khi mối tương quan giữa các cá nhân trở nên mật thiết hơn, sẽ có thể đưa ra giáo huấn cụ thể để ngày càng tạo điều kiện cho việc này, nhưng trong lúc này, một gợi ý sẽ phải là đủ. Gợi ý ấy mang tính nền tảng, và các bạn sẽ phải chấp nhận cũng như phần nào thấu hiểu nó trước khi có thể làm việc thành công trong tất cả các nhóm tiên phong này. **Hãy hướng tư tưởng ra ngoài, đến với nhau trong tình thương. Chỉ đơn giản như thế thôi, các huynh đệ của Tôi—một cách đơn giản và khiêm nhường, và hiện giờ chỉ có thế.** Các bạn có thể chấp nhận một quy luật đơn giản như vậy—có vẻ đơn giản—không? Bằng cách này, năng lượng vàng kim và ánh sáng của tình thương sẽ tiếp sinh lực cho thể dĩ thái của nhóm đệ tử này; nhờ đó, một mạng lưới ánh sáng sẽ hình thành, tạo nên một tiêu điểm năng lượng trong thể dĩ thái của chính nhân loại, và cuối cùng cả trong thể dĩ thái hành tinh.

3. **The general group objective.**

This is the shifting of consciousness of all integrated human beings in increasingly large numbers on to the etheric levels of consciousness and activity. This entails conscious work on those levels as energy units, each contributing his individual share and his special quota of energy to the sum total of available etheric energy and doing this both consciously and intelligently. When this is done, the man is then ready for the first initiation [81] and is a true occultist —working with energy under hierarchical guidance.

3. **Mục tiêu chung của nhóm.**

Đó là chuyển dịch tâm thức của tất cả những người đã tích hợp, với số lượng ngày càng đông, lên các cấp độ tâm thức và hoạt động dĩ thái. Điều này đòi hỏi họ làm việc hữu thức trên các cấp độ ấy như những đơn vị năng lượng, mỗi người đóng góp phần riêng và phần năng lượng đặc thù của mình vào tổng thể năng lượng dĩ thái sẵn có, đồng thời thực hiện điều này một cách hữu thức và sáng suốt. Khi làm được như vậy, con người sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ nhất [81] và là một nhà huyền bí học đích thực—làm việc với năng lượng dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn.

4. **The individual objective.**

This necessitates the preparation of the life and consciousness for this new process of group initiation. This group initiation is itself of real import and is dependent upon the unit in the group fitting himself for initiation and at the same time learning to subordinate his spiritual ambition and desires to the group pace and to the necessity of right timing where his fellow disciples are concerned. It involves, therefore, a dual attitude towards the processes of initiation: the adapting of oneself to the needed integration and, secondly, to the development of spiritual responsiveness to impressions from the level of the soul and of the spiritual Hierarchy. It also involves the cultivation of judgment and of wisdom in the establishment of a right inter-relation with the group of disciples so that the group—in this case my group of disciples and definitely a group entity—may move on together. This necessitates the same conditions for the group as always exist for the individual: **right integration on the three personality**

4. **Mục tiêu cá nhân.**

Điều này đòi hỏi phải chuẩn bị đời sống và tâm thức cho tiến trình điểm đạo nhóm mới này. Chính cuộc điểm đạo nhóm này có tầm quan trọng thực sự và tùy thuộc vào việc mỗi đơn vị trong nhóm tự chuẩn bị cho mình đủ điều kiện điểm đạo, đồng thời học cách đặt tham vọng và những mong muốn tinh thần của mình dưới nhịp tiến của nhóm và yêu cầu về thời điểm thích hợp đối với các đệ tử đồng môn. Do đó, điều này bao hàm một thái độ kép đối với các tiến trình điểm đạo: tự thích ứng với sự tích hợp cần thiết và, thứ hai, phát triển khả năng đáp ứng tinh thần với các ấn tượng từ cấp độ linh hồn và Thánh đoàn. Điều này cũng bao hàm việc trau dồi khả năng phán đoán và minh triết khi thiết lập mối tương quan đúng đắn với nhóm đệ tử, để nhóm—trong trường hợp này là nhóm đệ tử của Tôi và rõ ràng là một thực thể nhóm—có thể cùng nhau tiến bước. Điều này đòi hỏi nhóm phải có những điều kiện vốn luôn cần thiết đối với cá nhân: **sự tích hợp đúng đắn trên ba cấp độ phàm ngã và cả trên các cấp độ linh hồn,** cùng với sự tiếp nhận ấn tượng đúng đắn của nhóm, hay

levels and also on soul levels, plus right group impression or responsiveness to the spiritual and higher psychic "gift waves"—as Tibetan occultists call them.

khả năng đáp ứng với những "làn sóng ân ban" tinh thần và thông linh cao cấp—theo cách gọi của các nhà huyền bí học Tây Tạng.

This will take many years and the work of achieving finished group attitudes and relationships through individual understanding and true impersonality can go forward upon the physical plane whilst in incarnation, or it can go on out of incarnation with the same facility. You must always bear in mind that the consciousness remains the same, whether in physical incarnation or out of incarnation, and that development can be carried on with even greater ease than when limited and conditioned by the brain consciousness.

Điều này sẽ mất nhiều năm, và công việc đạt đến những thái độ cùng các mối quan hệ nhóm hoàn thiện, thông qua sự thấu hiểu của cá nhân và tính phi cá nhân đích thực, có thể tiến triển trên cõi hồng trần khi đang nhập thể, hoặc tiếp tục khi không nhập thể cũng thuận lợi như vậy. Các bạn phải luôn ghi nhớ rằng tâm thức vẫn như nhau, dù đang nhập thể trong thể xác hay không nhập thể, và sự phát triển có thể tiếp diễn còn dễ dàng hơn cả khi tâm thức bộ não giới hạn và tác động lên nó.

The attainment of these objectives will involve clear vision and a keen and intelligent understanding; it will require the steady and conscious intensification of group love and group interplay; it will lead all disciples to live lives full of wise purpose and planned spiritual objectives and, at the same time, the service rendered will assume a definite and an automatic technique of expression.

Việc đạt được những mục tiêu này sẽ đòi hỏi tầm nhìn rõ ràng cùng sự thấu hiểu sắc bén và sáng suốt; điều đó sẽ đòi hỏi tăng cường tình thương nhóm và sự tương tác nhóm một cách đều đặn và hữu thức; điều đó sẽ dẫn dắt mọi đệ tử sống một cuộc đời tràn đầy mục đích minh triết và những mục tiêu tinh thần đã được hoạch định, đồng thời việc phụng sự sẽ có một kỹ thuật biểu đạt rõ rệt và tự động.

3. It seems consistently necessary to remind disciples of the factor of impersonality. When impersonality is achieved, it prevents lesser things from looming large in the disciple's consciousness.

3. Dường như luôn cần nhắc nhở các đệ tử về yếu tố vô ngã. Khi đạt được tính vô ngã, những điều thứ yếu sẽ không còn chiếm vị trí quá lớn trong tâm thức của đệ tử.

I would have you begin your new work with this objective and goal in your defined consciousness. I therefore stated the objective clearly, so that your minds may be tuned to mine—as far as that may be practically possible.

Tôi muốn các bạn bắt đầu công việc mới với mục tiêu và đích đến này được xác định rõ trong tâm thức. Vì vậy, Tôi đã nêu rõ mục tiêu, để thể trí các bạn có thể hòa điệu với thể trí Tôi—trong chừng mực điều ấy có thể thực hiện được trên thực tế.

4. We are reminded that, when attempting to work in relation to the Ashram, the attunement of the disciple's mind to the mind of the Master is of utmost importance. The Master can *use* those whose minds are attuned to His.

4. Chúng ta được nhắc nhở rằng, khi cố gắng làm việc trong mối liên hệ với ashram, việc thể trí của đệ tử hòa điệu với thể trí của Chân sư có tầm quan trọng tột bậc. Chân sư có thể *sử dụng* những người có thể trí hòa điệu với thể trí của Ngài.

Let your horizon be wide, my brother, and your humility great. I am here speaking individually to you, for you are as yet (the majority of you) individually polarised and the group polarisation lies ahead.

Hỡi huynh đệ của tôi, hãy mở rộng tầm nhìn và giữ lòng khiêm nhường sâu sắc. Ở đây, Tôi đang nói với từng người trong các bạn, vì phần lớn các bạn hiện vẫn còn phân cực theo cá nhân, và sự phân cực nhóm vẫn còn ở phía trước.

5. The advice is sound—for all of us. *If* the horizon is truly "wide", there is every expectation that there will be a greater "humility". The achievement of humility derives from the achievement of a broad, deep and realistic perspective about the nature of life. It is the narrow consciousness which seems incapable of humility.

5. Lời khuyên này xác đáng—đối với tất cả chúng ta. *Nếu* tầm nhìn thực sự "rộng mở", chúng ta hoàn toàn có thể kỳ vọng rằng lòng "khiêm nhường" sẽ lớn hơn. Việc đạt được lòng khiêm nhường bắt nguồn từ việc đạt được một cách nhìn rộng, sâu và thực tế về bản chất của sự sống. Chính tâm thức hạn hẹp dường như không có khả năng khiêm nhường.

6. When one is individually polarized, one's sense of identity is confined to one's own, individual ring-pass-not. When group polarization has been achieved, one's sense of identity resides within the ring-pass-not of the group.

6. Khi một người phân cực theo cá nhân, cảm nhận về bản sắc của người ấy giới hạn trong vòng-giới-hạn cá nhân của chính mình. Khi đã đạt được sự phân cực nhóm, cảm nhận về bản sắc của người ấy nằm trong vòng-giới-hạn của nhóm.

7. It is recommended that the student attempt to visualize both types of polarizations and see what type of 'inner sense' arises in so doing.

7. Đạo sinh nên cố gắng hình dung cả hai kiểu phân cực và xem loại 'cảm nhận bên trong' nào nảy sinh khi làm như vậy.

I have given much thought to what I have enjoined upon you in your personal instruction. I have attempted to gauge you and your need from the point of the next lesson you need to learn and the next step that you can take which will release you,

Tôi đã suy nghĩ nhiều về những điều Tôi căn dặn các bạn trong huấn thị cá nhân. Tôi đã cố gắng đánh giá các bạn và nhu cầu của các bạn từ góc độ bài học kế tiếp cần học và bước tiếp theo có thể thực hiện, nhằm giải phóng từng người cũng như tất cả các bạn để phụng sự tinh thần đầy đủ và sâu sắc hơn.

each and all, for fuller and deeper spiritual service.

8. The Tibetan is ever practical (as was the Buddha). It is not the distant eventualities that concern Him, but the immediate next step.

8. Chân sư Tây Tạng luôn thực tế (Đức Phật cũng vậy). Điều Ngài quan tâm là bước kế tiếp ngay trước mắt, chứ không phải những khả năng xa xôi về sau.

9. It would be fascinating to be aware of the criteria used by the Tibetan in this gauging.

9. Sẽ rất thú vị nếu biết được những tiêu chí mà Chân sư Tây Tạng sử dụng trong việc đánh giá này.

10. The result at which He aims is greater release for deeper spiritual service.

10. Kết quả Ngài nhắm đến là sự giải phóng lớn hơn để phụng sự tinh thần sâu sắc hơn.

I have not attempted to consider you from the point of your attainment upon the Path. I have attempted to aid you in the instructions as a group more than as individuals, and I will therefore ask you to read each other's instructions with great care, for you will find your name and perhaps some suggestions occurring in other papers than your own. It is as a group that you work and as a group you go forward. [4]

Tôi đã không cố gắng xem xét các bạn từ góc độ thành tựu trên Đường Đạo. Qua các huấn thị, Tôi đã cố gắng trợ giúp các bạn với tư cách một nhóm hơn là những cá nhân, và vì vậy Tôi sẽ yêu cầu các bạn đọc huấn thị của nhau thật cẩn thận, vì các bạn sẽ thấy tên mình và có lẽ cả một số gợi ý trong những tài liệu dành cho người khác. Các bạn làm việc với tư cách một nhóm, và tiến bước với tư cách một nhóm.

11. The Tibetan is using an excellent method of group instruction. There are some students (individually polarized) who would tend to read only their own instructions with great interest, paying only perfunctory attention to the instructions to other group members. DK's method, however, is to mention different members in the various sets of instructions, to demonstrate that all He writes must be considered by each and all.

11. Chân sư Tây Tạng đang sử dụng một phương pháp huấn thị nhóm tuyệt vời. Có một số đạo sinh (phân cực theo cá nhân) có xu hướng chỉ đọc các huấn thị dành cho mình với sự quan tâm sâu sắc, còn các huấn thị dành cho những thành viên khác trong nhóm thì chỉ chú ý qua loa. Tuy nhiên, phương pháp của Chân sư DK là nhắc đến những thành viên khác nhau trong các loạt huấn thị khác nhau, để cho thấy rằng từng người cũng như tất cả mọi người đều phải suy xét mọi điều Ngài viết.

12. Thus, we see Him, tactically, instilling the idea of group approach.

12. Như vậy, chúng ta thấy Ngài khéo léo thấm nhuần ý tưởng về cách tiếp cận theo nhóm.

13. Eventually, in the consciousness of each of us, the *group* will assume a position of greater importance than concern for our individual condition.

13. Cuối cùng, trong tâm thức của mỗi chúng ta, *nhóm* sẽ giữ một vị trí quan trọng hơn mối quan tâm đến tình trạng cá nhân của chúng ta.

The sense of criticism and wrong reaction to each other's knowledge is rapidly disappearing from among you. That is good.

Tinh thần chỉ trích và phản ứng sai lệch trước sự hiểu biết của nhau đang nhanh chóng biến mất trong các bạn. Điều đó là tốt.

14. Among mentally polarized disciples (and especially among those who are becoming so), criticism is an ever-present difficulty. It is obviously overcome through access to the energy of the heart.

14. Trong số các đệ tử phân cực trí tuệ (và nhất là những người đang trở nên như vậy), sự chỉ trích là một khó khăn luôn hiện hữu. Hiển nhiên, có thể vượt qua khó khăn này bằng cách tiếp cận năng lượng của trái tim.

15. What could be meant by the "wrong reaction to each other's knowledge"? Could it mean a tendency to misunderstand? Could it mean envy of the knowledge of another?

15. "Phản ứng sai lệch trước sự hiểu biết của nhau" có thể hàm ý điều gì? Liệu đó có thể là khuynh hướng hiểu lầm? Liệu đó có thể là sự đố kỵ với hiểu biết của người khác?

16. One of the obvious liabilities of group work in its initial stages is "wrong reaction" between the personnel of the group. We can ponder on the various types of incorrect interplay with which we may be familiar—on the causes and on possible methods of correcting the problem.

16. Một trong những bất lợi rõ rệt của công việc nhóm trong các giai đoạn đầu là "phản ứng sai lệch" giữa các thành viên trong nhóm. Chúng ta có thể suy ngẫm về những kiểu tương tác không đúng đắn mà mình có thể đã biết—về nguyên nhân và những phương pháp khả dĩ để khắc phục vấn đề.

The growth of impersonality must be steady and sure. The faults evidenced by each and all of you are on the surface of your lives, but the deep inner integration and the activity of the divine nature in each of you is more definitely vital than before.

Tính phi cá nhân phải phát triển đều đặn và vững chắc. Những khuyết điểm mà từng người cũng như tất cả các bạn bộc lộ đều nằm trên bề mặt đời sống, nhưng sự tích hợp sâu xa bên trong và hoạt động của bản chất thiêng liêng nơi mỗi người rõ ràng đã có sức sống mạnh mẽ hơn trước.

17. The Tibetan looks beneath the surface and seems to counsel us to do the same.

17. Chân sư Tây Tạng nhìn xuống bên dưới bề mặt và dường như khuyên chúng ta cũng làm như vậy.

18. When we detect a fault in a brother, perhaps we should remind ourselves that we

18. Khi phát hiện một khuyết điểm nơi một huynh đệ, có lẽ chúng ta nên tự nhắc mình

are probably looking as a 'surface event'. It will be impersonality that allows us to react correctly to that which we perceive. "Each sees and knows the villainy of each. And yet there is with that great revelation no turning back, no spurning of each other, no shakiness upon the Road. The Road goes forward into day."

rằng rất có thể chúng ta đang nhìn vào một 'sự việc trên bề mặt'. Chính tính phi cá nhân sẽ cho phép chúng ta phản ứng đúng đắn với điều mình nhận thấy. "Mỗi người đều thấy và biết sự xấu xa của nhau. Tuy nhiên, trước sự mặc khải lớn lao ấy, không ai quay lưng, không ai hắt hủi nhau, không ai chao đảo trên Đường Đạo. Đường Đạo tiến về phía ánh sáng ban ngày."

I do not say that it is as yet in full right outer expression. It can and does produce at times a surface turmoil, but this, if rightly handled, need cause no true disturbance.

Tôi không nói rằng điều đó hiện đã biểu lộ ra bên ngoài một cách hoàn toàn đúng đắn. Đôi khi nó có thể và thực sự tạo ra xáo trộn trên bề mặt, nhưng nếu xử lý đúng cách, điều này không nhất thiết gây ra bất cứ sự rối loạn thực sự nào.

19. Let us ponder the distinction between a "surface turmoil" and a "true disturbance". Surface turmoils will not affect the fundamental structure of group interplay (or essential group relations). A true disturbance would.

19. Chúng ta hãy suy ngẫm về sự khác biệt giữa một "xáo trộn trên bề mặt" và một "rối loạn thực sự". Những xáo trộn trên bề mặt sẽ không ảnh hưởng đến cấu trúc nền tảng của sự tương tác trong nhóm (hay những mối quan hệ cốt yếu trong nhóm). Một rối loạn thực sự thì sẽ ảnh hưởng.

Give to each other real love in the times that lie ahead, for it is the fusing and illuminating element in the life of the disciple. Let not your love remain theoretical, but give that true understanding which ignores mistakes, recognises no barriers, refuses all separating thoughts, and surrounds each other with that protecting wall of love that meets all need wherever possible—physical, emotional and mental.

Trong thời gian sắp tới, hãy dành cho nhau tình thương chân thật, vì đó là yếu tố dung hợp và soi sáng trong đời sống của người đệ tử. Đừng để tình thương của các bạn chỉ dừng lại ở lý thuyết, mà hãy trao cho nhau sự thấu hiểu chân thật, không chấp nhặt lỗi lầm, không thừa nhận rào cản, khước từ mọi tư tưởng chia rẽ, và bao bọc nhau bằng bức tường tình thương che chở, đáp ứng mọi nhu cầu ở bất cứ nơi nào có thể—về thể chất, cảm xúc và trí tuệ.

20. This is the soundest advice imaginable. We see that "real love" is not only cohesive but illuminating. Love reveals.

20. Đây là lời khuyên xác đáng nhất mà chúng ta có thể hình dung. Chúng ta thấy rằng "tình thương chân thật" không chỉ gắn kết mà còn soi sáng. Tình thương làm hiển lộ.

21. Love and understanding are, of course, related. One of the names of the second ray is the "Ray of Loving-Understanding".

21. Dĩ nhiên, tình thương và sự thấu hiểu có liên hệ với nhau. Một trong những tên gọi của cung hai là "Cung của Sự Thấu Hiểu Đầy Tình Thương".

22. Let us tabulate the nature of "true understanding":

22. Chúng ta hãy liệt kê bản chất của "sự thấu hiểu chân thật":

1. It ignores mistakes

1. Không chấp nhặt lỗi lầm

2. It recognizes no barriers

2. Không thừa nhận rào cản

3. It refuses all separating thoughts

3. Khước từ mọi tư tưởng chia rẽ

4. It surrounds all with a protecting wall of love, and that protecting wall meets all need wherever possible.

4. Nó bao bọc tất cả trong một bức tường tình thương che chở, và bức tường che chở ấy đáp ứng mọi nhu cầu trong chừng mực có thể.

23. We can see that "real love" and "true understanding" allow nothing to get in the way of an ideal interplay between the members of the group. Group cohesion is not sacrificed for personal (and, thus, petty) reasons.

23. Chúng ta có thể thấy rằng "tình thương chân thật" và "sự thấu hiểu đích thực" không để bất cứ điều gì cản trở sự tương tác lý tưởng giữa các thành viên trong nhóm. Sự cố kết của nhóm không bị hy sinh vì những lý do cá nhân (và do đó, nhỏ nhặt).

It is this which blends the group into one organised whole, which the Masters of the Wisdom can use in the service of the Plan.

Chính điều này hòa quyện nhóm thành một toàn thể có tổ chức mà các Chân sư Minh Triết có thể sử dụng để phụng sự Thiên Cơ.

24. It becomes clear that unless groups are, indeed, blended into "one organised whole" they cannot be used in the service of the Plan. The energy put into an un-integrated group would simply produce greater fissures than already existed. The unintended result would be *dis* -integration.

24. Rõ ràng, trừ khi các nhóm thực sự hòa quyện thành "một toàn thể có tổ chức", chúng không thể được sử dụng để phụng sự Thiên Cơ. Năng lượng đưa vào một nhóm chưa tích hợp sẽ chỉ tạo ra những rạn nứt lớn hơn những rạn nứt vốn đã có. Kết quả ngoài ý muốn sẽ là sự *tan* rã.

25. So we see group cohesion and integration as indispensable if a group wishes to be useful to Hierarchy.

25. Như vậy, chúng ta thấy sự cố kết và tích hợp của nhóm là những điều không thể

thiếu nếu một nhóm muốn hữu ích cho Thánh đoàn.

The pressure at this time is great upon Them and the urgency of humanity's cry grows stronger in Their ears.

Lúc này, áp lực đè nặng lên Các Ngài rất lớn, và tiếng kêu cầu khẩn thiết của nhân loại ngày càng vang mạnh trong tai Các Ngài.

26. We note the word "cry" with its implication of distress within the emotional body. Our Planetary Logos (and even our Solar Logos) still has His emotional struggles (in relation to the cosmic planes) and so does the human kingdom in relation to the systemic astral plane and its effects upon the systemic physical and mental planes.

26. Chúng ta lưu ý từ "kêu cầu", hàm ý nỗi khổ đau trong thể cảm dục. Hành Tinh Thượng đế của chúng ta (và ngay cả Thái dương Thượng đế của chúng ta) vẫn còn những cuộc đấu tranh về cảm xúc của Ngài (trong mối liên hệ với các cõi vũ trụ), và giới nhân loại cũng vậy trong mối liên hệ với cõi cảm dục của hệ mặt trời cùng những ảnh hưởng của cõi ấy lên cõi hồng trần và cõi trí của hệ mặt trời.

27. Just as a new parent attends to the cry of his/her infant child, so does Hierarchy attend to the cry of a humanity which has not yet reached spiritual maturity.

27. Cũng như người mới làm cha hay mẹ chú tâm đến tiếng khóc của đứa con thơ, Thánh đoàn cũng chú tâm đến tiếng kêu cầu của một nhân loại chưa đạt đến sự trưởng thành tinh thần.

I have given you much time and thought, and earnestly I have sought to aid you on the Way. My love and strength are ever yours, but not always my time and attention. My earnest prayer is that the Light may enfold you and the Love of God transmute your lives.

Tôi đã dành nhiều thời gian và suy nghĩ cho các bạn, và tha thiết tìm cách trợ giúp các bạn trên Đường Đạo. Tình thương và sức mạnh của Tôi luôn dành cho các bạn, nhưng thời gian và sự chú ý của Tôi thì không phải lúc nào cũng vậy. Tôi tha thiết cầu nguyện rằng Ánh sáng sẽ bao bọc các bạn và Tình thương của Thượng đế sẽ chuyển hoá cuộc đời các bạn.

28. DK is being realistic. A Master of the Wisdom is an extraordinarily committed and 'busy' individual. We have little idea of the duties to which a Master must attend, and so self-centered are we usually, that we tend to think that attending to 'us' is for Him a high priority.

28. Chân sư DK đang nhìn nhận thực tế. Một Chân sư Minh Triết là một cá nhân tận tâm và 'bận rộn' phi thường. Chúng ta biết rất ít về những bổn phận mà một Chân sư phải chu toàn, và chúng ta thường tập trung vào bản thân đến mức có xu hướng nghĩ rằng việc quan tâm đến 'chúng ta' là một ưu tiên cao đối với Ngài.

29. We see that the Master supports His chelas with "love and strength", but must most often leave the details of the life lived to the one who lives that life.

29. Chúng ta thấy rằng Chân sư hỗ trợ các đệ tử của Ngài bằng "tình thương và sức mạnh", nhưng thường phải để chính người sống cuộc đời ấy lo liệu những chi tiết trong đời sống của mình.

30. Our attention is called to the fact that the "Love of God" is a *transmutative* factor in our lives. Love not only elevates vibration, but renders it more coherent with other vibrations—microcosmically and macrocosmically.

30. Chúng ta được lưu ý rằng "Tình thương của Thượng đế" là một yếu tố *chuyển hoá* trong cuộc đời chúng ta. Tình thương không chỉ nâng cao rung động mà còn khiến rung động ấy hòa hợp hơn với các rung động khác —ở cả tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

For many years I have been looking ahead with definite planning and intent to the work which began in the late summer of 1936.

Trong nhiều năm, Tôi đã hướng về phía trước với kế hoạch và ý định rõ ràng cho công việc bắt đầu vào cuối mùa hè năm 1936.

31. The "Groups of Nine" had begun a number of years before 1936 (initial efforts occurring in 1931). Perhaps DK is referring to a particular way of approaching the Groups-of-Nine work once a sufficient number of them had been organized. It took a number of years to bring four of the intended ten groups into existence. They developed in order: Telepathy, Trained Observers, Magnetic/Radiatory Healers, and Educators of the New Age. Group IX.5, Political Workers, was in process of formulation when the Groups-of-Nine project was disbanded.

31. Các "Nhóm Chín Người" đã bắt đầu từ nhiều năm trước năm 1936 (những nỗ lực ban đầu diễn ra vào năm 1931). Có lẽ Chân sư DK đang nói đến một cách tiếp cận cụ thể đối với công việc của các Nhóm Chín Người sau khi đã tổ chức đủ số nhóm. Phải mất nhiều năm mới thành lập được bốn trong số mười nhóm dự kiến. Các nhóm lần lượt hình thành theo thứ tự: Viễn Cảm, Các Nhà Quan Sát Lão Luyện, Các Nhà Trị Liệu Bằng Từ Tính/Phát Xạ, và Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới. Nhóm IX.5, Những Người Hoạt Động Chính Trị, đang trong quá trình hình thành khi dự án các Nhóm Chín Người bị giải thể.

I have sought—with the knowledge of some of you—to prepare you all as a group for an active participation in this future work.

Tôi đã tìm cách—với sự biết đến của một số người trong các bạn—chuẩn bị tất cả các bạn, với tư cách một nhóm, để tích cực tham gia công việc tương lai này.

32. We note that the Master works towards the future. In other references, we discover that that future included the future

32. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư làm việc hướng tới tương lai. Qua những dẫn chiếu khác, chúng ta khám phá rằng tương lai ấy bao gồm cả một hay nhiều kiếp lâm phàm

incarnation(s) of those who were being trained in the 1930s and 1940s.

tương lai của những người đang được huấn luyện trong các thập niên 1930 và 1940.

33. The entire project was slated to last some two hundred years or more.

33. Toàn bộ dự án dự kiến sẽ kéo dài khoảng hai trăm năm hoặc hơn.

As I enter upon the task of preparing you for future increased usefulness and for closer cooperation, I must myself perforce take certain risks, and there must be established between us a trust which will be based—not on secrecy and reticences—but on truth and understanding.

Khi bắt tay vào nhiệm vụ chuẩn bị cho các bạn trở nên hữu ích hơn trong tương lai và hợp tác chặt chẽ hơn, chính Tôi tất phải chấp nhận một số rủi ro, và giữa chúng ta phải hình thành một niềm tin dựa trên chân lý và sự thấu hiểu, chứ không dựa trên sự bí mật và những điều giữ kín.

34. Are the risks here mentioned risks to DK, or risks relating to the development of the chelas and for which DK seems to be assuming some degree of responsibility?

34. Những rủi ro được nhắc đến ở đây là rủi ro đối với Chân sư DK, hay là những rủi ro liên quan đến sự phát triển của các đệ tử mà dường như Chân sư DK đang nhận một phần trách nhiệm?

35. The Master is preparing for a phase of more intimate work with the chelas and requires of them an openness to truth and an understanding attitude. Secrecy and reticences are usually based upon personal sensitivities which chelas do not wish to have exposed.

35. Chân sư đang chuẩn bị cho một giai đoạn làm việc mật thiết hơn với các đệ tử và đòi hỏi họ phải cởi mở đón nhận chân lý cùng một thái độ thấu hiểu. Sự bí mật và những điều giữ kín thường bắt nguồn từ những nhạy cảm cá nhân mà các đệ tử không muốn để lộ.

This formation of the New Seed Group is my second attempt to be of hierarchical assistance in inaugurating the New Age methods and technique and to train groups (for it [5] is a group age) which can express the New Age types of work.

Việc thành lập Nhóm Hạt Giống Mới này là nỗ lực thứ hai của Tôi nhằm hỗ trợ Thánh đoàn trong việc khởi xướng những phương pháp và kỹ thuật của Kỷ Nguyên Mới, đồng thời huấn luyện các nhóm (vì đây [5] là một kỷ nguyên của nhóm) có thể thể hiện những loại hình công việc của Kỷ Nguyên Mới.

36. We see that Master DK is in the midst of a reformulation. The Groups of Nine, with their specific missions, failed to develop as intended. The Master is now consolidating the enterprise into one group of twenty-four individuals selected from the original Groups of Nine. Not all participants in those

36. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang trong quá trình định hình lại công việc. Các Nhóm Chín Người, với những sứ mệnh riêng, đã không phát triển như dự định. Giờ đây, Chân sư đang hợp nhất công cuộc này vào một nhóm gồm hai mươi bốn người được chọn từ các Nhóm Chín Người ban đầu.

earlier groups were selected for participation in the New Seed Group. DK had to assess whether they could benefit from inclusion and whether the New Seed Group would benefit or be delayed by their presence. Perhaps, as well, the number of participants in the new group had to be held to twenty-four—a most significant number, being twice-twelve and the number of Shamballa.

Không phải tất cả những người tham gia các nhóm trước đó đều được chọn tham gia Nhóm Hạt Giống Mới. Chân sư DK phải đánh giá xem việc được đưa vào nhóm có mang lại lợi ích cho họ hay không, và sự hiện diện của họ sẽ mang lại lợi ích hay làm chậm tiến độ của Nhóm Hạt Giống Mới. Có lẽ số người tham gia nhóm mới cũng phải giới hạn ở hai mươi bốn—một con số có thâm nghĩa sâu sắc, vì bằng hai lần mười hai và là con số của Shamballa.

37. The intent is to inaugurate "New Age methods and technique" and "to train groups" in a group age.

37. Ý định là khởi xướng "những phương pháp và kỹ thuật của Kỷ Nguyên Mới" và "huấn luyện các nhóm" trong một kỷ nguyên của nhóm.

In my first attempt certain group limitations initiated difficulty and led to the closing of the several individual groups.

Trong nỗ lực đầu tiên của Tôi, một số hạn chế của nhóm đã làm nảy sinh khó khăn và dẫn đến việc đóng lại các nhóm riêng lẻ.

38. DK speaks of "certain group limitations". These were, among others, inertia, a tendency to be overcome by glamour, and criticism

38. Chân sư DK nói đến "một số hạn chế của nhóm". Trong số đó có tính trì trệ, khuynh hướng bị ảo cảm lấn át và sự chỉ trích

You will have noted that I assigned the major failure to the inactivity of the heart centre in the majority of the members; this leads necessarily to inadequate integration.

Các bạn hẳn đã lưu ý rằng Tôi quy nguyên nhân thất bại chủ yếu cho tình trạng bất hoạt của trung tâm tim nơi phần lớn các thành viên; điều này tất yếu dẫn đến sự tích hợp không đầy đủ.

39. It would seem that the importance of an active heart center cannot be over-estimated. Group integration depends upon the activation of the heart.

39. Dường như tầm quan trọng của một trung tâm tim hoạt động có nhấn mạnh đến đâu cũng không quá mức. Sự tích hợp nhóm tùy thuộc vào việc hoạt hóa trung tâm tim.

I mention this now because I would urge those members who have been selected to work in this new group to bear in mind that they may quite easily carry their earlier tendency into the new group.

Giờ đây, Tôi nhắc đến điều này vì muốn thúc giục những thành viên được chọn làm việc trong nhóm mới ghi nhớ rằng họ rất dễ mang khuynh hướng trước kia vào nhóm mới.

40. The participants are being given a fresh opportunity, but are warned against previous tendencies which led to an earlier failure.

40. Những người tham gia đang có một cơ hội mới, nhưng cũng được cảnh báo về những khuynh hướng trước kia đã dẫn đến thất bại trước đó.

Only a fresh dedication and a renewed aspiration towards inspiration can prevent the recurrence of a certain static tendency;

Chỉ một sự tận hiến mới mẻ và một khát vọng hướng tới cảm hứng được khơi dậy trở lại mới có thể ngăn một khuynh hướng trì trệ nào đó tái diễn;

41. Do we recognize advice for our own life of discipleship?

41. Chúng ta có nhận ra lời khuyên dành cho chính đời sống đệ tử của mình không?

42. It is an interesting phrase— "aspiration towards inspiration". One cannot access inspiration at will (unless very advanced), but one can aspire towards that access.

42. Đây là một cụm từ thú vị—"khát vọng hướng tới cảm hứng". Người ta không thể tiếp cận cảm hứng theo ý muốn (trừ khi đã tiến hóa rất cao), nhưng có thể khát vọng hướng tới việc tiếp cận ấy.

43. The aspiration with which we build the bridge into the higher worlds is "aspiration towards inspiration", for inspiration comes from the spiritual triad.

43. Khát vọng mà chúng ta dùng để xây dựng cây cầu vào các thế giới cao hơn là "khát vọng hướng tới cảm hứng", vì cảm hứng đến từ Tam Nguyên Tinh Thần.

44. The "static tendency" was the particular liability of the Group of Telepathic Communicators, Group XI.1

44. "Khuynh hướng trì trệ" là nhược điểm riêng của Nhóm Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm, Nhóm XI.1

only a clear vision of the nature of glamour and of its effects in the individual and group life can eliminate the danger of infection from that tendency;

chỉ một tầm nhìn rõ ràng về bản chất của ảo cảm và những tác động của nó trong đời sống cá nhân và nhóm mới có thể loại trừ nguy cơ lây nhiễm khuynh hướng ấy;

45. The members of Group IX.2 were much infected by the tendency towards glamor. Two of them actually arrived at a rather distressing and spiritual dangerous condition (which at least on of them managed to correct).

45. Các thành viên của Nhóm IX.2 chịu ảnh hưởng nặng nề của khuynh hướng ảo cảm. Hai người trong số họ thực sự đã rơi vào một tình trạng khá đáng lo ngại và nguy hiểm về mặt tinh thần (mà ít nhất một người trong số họ đã khắc phục được).

46. Yet it is not easy to acquire a "clear vision of the nature of glamour", because glamour

46. Tuy nhiên, không dễ có được một "tầm nhìn rõ ràng về bản chất của ảo cảm", bởi

is, above all, elusive and so customary as to evade detection.

trên hết, ảo cảm khó nắm bắt và quá quen thuộc đến mức khó phát hiện.

only a humble spirit which is not occupied with the faults and failures of others can prevent the injection of an attitude of criticism and judging;

chỉ một tinh thần khiêm nhường, không bận tâm đến những khuyết điểm và thất bại của người khác, mới có thể ngăn thái độ chỉ trích và phán xét len vào;

47. The Tibetan is cataloguing the liabilities of each of the groups. The problem with the members in Group IX.3 was, in fact, criticism and judgmentalism.

47. Chân sư Tây Tạng đang liệt kê những nhược điểm của từng nhóm. Thực ra, vấn đề của các thành viên trong Nhóm IX.3 là sự chỉ trích và thái độ phán xét.

48. A "humble spirit" sees a vast horizon and knows that small faults and failures are, essentially, inconsequential.

48. Một "tinh thần khiêm nhường" nhìn thấy chân trời bao la và biết rằng, về cơ bản, những khuyết điểm và thất bại nhỏ nhặt không có gì đáng kể.

and only an attentive watchfulness on the part of a certain few of the members can protect this new vehicle from disaster based on inexperienced self-confidence.

và chỉ sự tỉnh táo theo dõi của một số ít thành viên mới có thể bảo vệ vận cụ mới này khỏi tai họa bắt nguồn từ sự tự tin thiếu kinh nghiệm.

49. The Tibetan is extraordinarily direct and uses words which are arresting in their potency— "inexperienced self-confidence"! This attitude is frequently seen in the beginner—whatever may be the field of endeavor.

49. Chân sư Tây Tạng nói hết sức thẳng thắn và dùng những từ gây chú ý bởi sức mạnh của chúng—"sự tự tin thiếu kinh nghiệm"! Thái độ này thường thấy ở người mới bắt đầu—bất kể trong lĩnh vực hoạt động nào.

50. The implication is that there are certain members in the New Seed Group whose usual approaches carry the seeds of trouble. DK does not point them out, but it can be presumed that they and the others know who they are.

50. Điều này hàm ý rằng trong Nhóm Hạt Giống Mới có một số thành viên mà những cách tiếp cận thường lệ của họ mang sẵn mầm mống rắc rối. Chân sư DK không chỉ đích danh họ, nhưng có thể cho rằng chính họ và những người khác đều biết họ là ai.

I have seriously considered what action I should rightly take. Various alternatives presented themselves—all of them concerned with the group work per se; none of them concerned you, as individuals.

Tôi đã nghiêm túc cân nhắc hành động nào là đúng đắn mà Tôi nên thực hiện. Nhiều phương án khác nhau đã xuất hiện—tất cả đều liên quan đến chính công việc nhóm; không phương án nào liên quan đến các bạn với tư cách cá nhân.

51. There is a constant attempt to move the chelas towards an attitude of humility where their personal self is concerned by stressing the value of the group.

51. Luôn có một nỗ lực hướng các đệ tử tới thái độ khiêm nhường đối với cái tôi cá nhân của họ bằng cách nhấn mạnh giá trị của nhóm.

I could continue with the groups as they existed but, brother of mine, what more could I say, or do or teach them? The constant impartation of teaching and of information, the constant pointing out of failure,and the constant individual training are no part of the technique of the Hierarchy—certainly not as far as the individual aspirant is concerned.

Tôi có thể tiếp tục với các nhóm như trước, nhưng hỡi huynh đệ của tôi, Tôi còn có thể nói, làm hay dạy thêm điều gì cho họ? Việc liên tục truyền đạt giáo huấn và thông tin, liên tục chỉ ra thất bại, và liên tục huấn luyện cá nhân không thuộc kỹ thuật của Thánh đoàn—chắc chắn là không, xét đối với từng người chí nguyện.

52. We find DK suggesting that He gave much, and that the response of the chelas was insufficient.

52. Chúng ta thấy Chân sư DK hàm ý rằng Ngài đã trao truyền rất nhiều, còn sự đáp ứng của các đệ tử thì chưa đủ.

53. He expected them to ‘take hold’ and prove their merit, but the factor of inertia was apparently present.

53. Ngài mong họ ‘nắm lấy’ và chứng tỏ giá trị của mình, nhưng dường như yếu tố trì trệ vẫn hiện diện.

54. In short, DK saw no further use in continuing His work with the Groups of IX. A fresh initiative was needed to overcome evident liabilities. There is often power in a fresh start. One can rapidly move through obstacles which hitherto seemed intractable.

54. Tóm lại, Chân sư DK thấy rằng việc tiếp tục công việc của Ngài với các Nhóm Chín Người không còn ích lợi gì nữa. Cần một sáng kiến mới để khắc phục những điểm bất lợi rõ rệt. Một khởi đầu mới thường mang lại sức mạnh. Người ta có thể nhanh chóng vượt qua những chướng ngại mà trước đó dường như không thể tháo gỡ.

55. We pause to think—what really is “the technique of Hierarchy” if the approaches listed are not part of that technique?

55. Chúng ta dừng lại để suy nghĩ—“kỹ thuật của Thánh đoàn” thực sự là gì nếu

những cách tiếp cận đã liệt kê không thuộc kỹ thuật ấy?

Where world values and where group consciousness are involved, the indication of needed change, the cyclic bringing about of the presentation to the soul of the Ageless Wisdom and the training of the world disciples—such is the definite and ordained technique of the Hierarchy. But this is not Their method of work with personalities and with those whose orientation is primarily in the three worlds of human endeavour.

Khi liên quan đến những giá trị của thế gian và tâm thức nhóm, thì việc chỉ ra sự thay đổi cần thiết, theo chu kỳ đưa Minh Triết Ngàn Đời đến trước linh hồn, và huấn luyện các đệ tử thế gian—đó chính là kỹ thuật rõ ràng và đã được ấn định của Thánh đoàn. Nhưng đây không phải là phương pháp Các Ngài làm việc với các phàm ngã và với những người mà định hướng chủ yếu vẫn nằm trong ba cõi giới nỗ lực của con người.

56. We find DK evaluating the orientation of those involved in the Groups of Nine.

56. Chúng ta thấy Chân sư DK đánh giá định hướng của những người tham gia các Nhóm Chín Người.

57. He sought to relate to those who were *souls,* and to present to those souls the Ageless Wisdom. He sought to see amongst His chelas "world values" and "group consciousness". But He did not see these things; rather He was faced with those still largely personal in their consciousness and largely oriented to "the three worlds of human endeavor".

57. Ngài tìm cách liên hệ với những người sống như những *linh hồn,* và trình bày Minh Triết Ngàn Đời cho những linh hồn ấy. Ngài tìm kiếm nơi các đệ tử của Ngài "những giá trị của thế gian" và "tâm thức nhóm". Nhưng Ngài không thấy những điều này; thay vào đó, Ngài phải đối diện với những người mà tâm thức vẫn phần lớn mang tính cá nhân và định hướng vẫn chủ yếu hướng về "ba cõi giới nỗ lực của con người".

58. He is explaining here that the members of Hierarchy cannot work successfully with those who are thus limited in their identification and orientation.

58. Ở đây, Ngài đang giải thích rằng các thành viên của Thánh đoàn không thể làm việc thành công với những người còn bị giới hạn như vậy trong sự đồng hoá và định hướng của mình.

59. All the members of the New Seed Group were members of the earlier Groups of Nine, and they are here receiving an assessment of their earlier attempts.

59. Tất cả các thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới đều từng là thành viên của các Nhóm Chín Người trước đó, và ở đây họ đang nhận được một đánh giá về những nỗ lực trước đây của mình.

Their method and procedure is to try out the personalities of Theirintended and indicated disciples and—should [6] these measure up with adequacy—then to proceed with the work of esoteric training.

Phương pháp và cách tiến hành của Các Ngài là thử thách phàm ngã của những người Các Ngài dự định và chỉ định làm đệ tử, và—nếu [6] những người ấy đáp ứng đầy đủ yêu cầu—thì mới tiến hành công việc huấn luyện nội môn.

60. When under instruction by a Master, a chela will always be tested in his/her personality nature. To come under such supervision is a bit like entering the Scorpio experience where all three aspects of the personality are tested *on the physical plane.*

60. Khi được một Chân sư huấn thị, đệ tử luôn trải qua thử thách về bản chất phàm ngã của mình. Chịu sự giám sát như vậy phần nào giống như bước vào trải nghiệm Hổ Cáp, trong đó cả ba phương diện của phàm ngã đều trải qua thử thách *trên cõi hồng trần.*

61. DK seems to be suggesting that He never got around to the really esoteric training.

61. Dường như Chân sư DK đang hàm ý rằng Ngài chưa bao giờ tiến đến việc huấn luyện thực sự mang tính nội môn.

It is the same with groups; these are tested and tried in connection with the group personality, and upon the response depends the future activity of both the group and its Master and Teacher. But it is the group, as you see, which decides procedure.

Với các nhóm cũng vậy; các nhóm được thử thách và khảo nghiệm về phương diện phàm ngã nhóm, và hoạt động tương lai của cả nhóm lẫn Chân sư và Huấn sư của nhóm tùy thuộc vào sự đáp ứng ấy. Nhưng như các bạn thấy, chính nhóm quyết định cách tiến hành.

62. An analogy is drawn. The group personality is tested just as is the individual personality.

62. Một phép tương đồng được đưa ra. Phàm ngã nhóm trải qua thử thách cũng như phàm ngã cá nhân.

63. The response of the group determines its future usefulness; that response often places a limitation upon what the Master may successfully attempt.

63. Sự đáp ứng của nhóm quyết định khả năng hữu dụng của nhóm trong tương lai; sự đáp ứng ấy thường giới hạn những gì Chân sư có thể thực hiện thành công.

64. The Master emphasizes the responsibility of the group. The group cannot wait to be told what to do in all instances. It must take initiative and determine procedure.

64. Chân sư nhấn mạnh trách nhiệm của nhóm. Nhóm không thể chờ được chỉ bảo phải làm gì trong mọi trường hợp. Nhóm phải chủ động và quyết định cách tiến hành.

I have endeavoured to remove out of this group those elements which might perchance have handicapped it, and which the group members—as they are at present constituted and motivated—are not capable of absorbing.

Tôi đã cố gắng loại khỏi nhóm này những yếu tố có thể đã gây trở ngại cho nhóm, và những yếu tố mà các thành viên—với cấu tạo và động lực hiện nay—chưa có khả năng tiếp nhận.

65. DK speaks of that fact that He did not allow certain former group members to continue with the New Seed Group. He does not place the blame entirely on those removed, but also points to the inability of the present group members to rightly absorb those who were removed (or simply not re-invited).

65. Chân sư DK nói đến việc Ngài đã không cho phép một số cựu thành viên của nhóm tiếp tục tham gia Nhóm Hạt Giống Mới. Ngài không quy trách nhiệm hoàn toàn cho những người đã bị loại, mà còn chỉ ra rằng các thành viên hiện tại của nhóm chưa có khả năng tiếp nhận đúng cách những người đã bị loại (hoặc đơn giản là không được mời trở lại).

Group unity is not dependent upon personal sympathy, personal liking and understanding as it may exist between the group members, but upon capacity to absorb and assimilate, to lift, to change and to transmute those units which seem at first to be uncongenial or even unsuitable—from the limited point of view of the group member.

Sự hợp nhất nhóm không tùy thuộc vào sự đồng cảm cá nhân, sự yêu thích và thấu hiểu cá nhân có thể tồn tại giữa các thành viên, mà tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận và đồng hoá, nâng cao, thay đổi và chuyển hoá những thành viên thoạt đầu có vẻ không hợp nhau hoặc thậm chí không thích hợp—từ quan điểm hạn hẹp của thành viên trong nhóm.

66. We are being given a deeper perspective on “group unity”. It is not a matter of sentiment.

66. Chúng ta đang được trao một góc nhìn sâu sắc hơn về “sự hợp nhất nhóm”. Đây không phải là vấn đề tình cảm.

67. Rather it depends upon the capacity of a group to

67. Đúng hơn, điều đó tùy thuộc vào khả năng của một nhóm trong việc

1. absorb

1. tiếp nhận

2. assimilate

2. đồng hoá

3. lift

3. nâng cao

4. change

4. thay đổi

units who are not easily incorporated in the group as it presently exists.

68. DK hints that present group members may have a "limited point of view" with respect to the real potentials of those who could have been absorbed by a less limited group.

This is oft overlooked, but upon the capacity to do this depends much of group success.

69. So the present group members are seen to be implicated in the choice of chelas for the New Seed Group. It is partially their inability to rightly absorb which has led to the exclusion of some possibly value group members.

When a group cannot yet be depended upon to do this necessary absorption, the apparent rejection of certain people is not the fault of those people, but that of the group which is not yet integrated enough or unified enough to assimilate certain types of character and certain tendencies.

70. There is much food for thought in these words. The group could be enriched by the rightful inclusion of certain types of individuals, but the group is not yet capable of such inclusion.

71. We can immediately think of the microcosmic correspondence and ask ourselves what kinds of individuals we accept or reject as comrades, friends and co-workers.

những thành viên khó hoà nhập vào nhóm trong hiện trạng của nhóm.

68. Chân sư DK ngụ ý rằng các thành viên hiện tại của nhóm có thể có một "quan điểm hạn hẹp" về những tiềm năng thực sự của những người mà một nhóm ít hạn hẹp hơn đã có thể tiếp nhận.

Điều này thường bị bỏ qua, nhưng phần lớn thành công của nhóm tùy thuộc vào khả năng thực hiện điều đó.

69. Như vậy, có thể thấy các thành viên hiện tại của nhóm có phần trách nhiệm trong việc lựa chọn đệ tử cho Nhóm Hạt Giống Mới. Một phần chính việc họ không có khả năng tiếp nhận đúng cách đã dẫn đến việc loại trừ một số thành viên có thể có giá trị đối với nhóm.

Khi chưa thể tin cậy rằng một nhóm có thể thực hiện sự tiếp nhận cần thiết này, thì việc một số người dường như bị loại bỏ không phải là lỗi của họ, mà là của nhóm, vốn chưa đủ tích hợp hoặc hợp nhất để đồng hoá một số kiểu tính cách và khuynh hướng.

70. Những lời này chứa đựng nhiều điều đáng suy ngẫm. Việc thu nhận đúng đắn một số kiểu cá nhân có thể làm cho nhóm thêm phong phú, nhưng nhóm chưa có khả năng thu nhận như vậy.

71. Chúng ta có thể nghĩ ngay đến sự tương ứng nơi tiểu thiên địa và tự hỏi mình chấp nhận hay khước từ những kiểu người nào khi chọn bạn đồng hành, bạn bè và người cộng tác.

72. It is interesting that DK calls the rejection "apparent rejection", indicating that, from the perspective of the Ashram, the non-included units are not really rejected. Rather, they are temporarily excluded in an outer sense only.

72. Điều thú vị là Chân sư DK gọi sự khước từ này là "sự khước từ có vẻ bề ngoài", cho thấy rằng, từ góc nhìn của Ashram, những thành viên chưa được thu nhận không thực sự bị khước từ. Đúng hơn, họ chỉ tạm thời chưa được thu nhận xét về mặt bên ngoài.

The recognition of this should be fruitful in the preservation of much needed humility.

Nhận biết điều này sẽ giúp duy trì lòng khiêm nhường rất cần thiết.

73. We find DK working against group pride. There might be a tendency among the chelas selected for the New Seed Group to think of themselves as special in some way. Instead, DK points out their limitations.

73. Chúng ta thấy Chân sư DK đang chống lại lòng kiêu hãnh nhóm. Những đệ tử được chọn vào Nhóm Hạt Giống Mới có thể có khuynh hướng nghĩ rằng mình đặc biệt theo một cách nào đó. Thay vào đó, Chân sư DK chỉ ra những giới hạn của họ.

You are being tendered another opportunity. I would ask you to remember this and to endeavour, in relation to this new experiment, to cultivate from the very start a humble spirit and the priceless gift of silence.

Các bạn đang được trao thêm một cơ hội. Tôi muốn các bạn ghi nhớ điều này, và trong cuộc thử nghiệm mới này, ngay từ đầu hãy cố gắng vun bồi một tinh thần khiêm nhường cùng phẩm chất im lặng vô giá.

74. Two requirements are stated

74. Hai yêu cầu được nêu ra

1. a humble spirit, animated by an "adjusted sense of right proportion"

1. một tinh thần khiêm nhường, được khơi dậy nhờ một "ý thức đúng đắn về tỉ lệ đã được điều chỉnh"

2. "the priceless gift of silence". This would protect the new group from interference (from the thoughts and words of non-members) and from envy. It would also tend to prevent the appearance of disturbances within the group.

2. "phẩm chất im lặng vô giá". Điều này sẽ bảo vệ nhóm mới khỏi sự can thiệp (từ tư tưởng và lời nói của những người ngoài nhóm) và lòng đố kỵ. Nó cũng sẽ góp phần ngăn ngừa những xáo trộn nảy sinh trong nhóm.

75. We may suppose that the silence enjoined involves a refusal to discuss the personalities of the other group members, and also a definite refusal to discuss (with

75. Chúng ta có thể cho rằng sự im lặng được yêu cầu bao hàm việc từ chối bàn luận về phàm ngã của các thành viên khác trong nhóm, đồng thời kiên quyết từ chối bàn luận (với những người không tham gia) về bản

those not involved) the nature of the work to be undertaken by this new group.

chất công việc mà nhóm mới này sẽ đảm nhận.

A group of disciples must be distinguished, as I already told you, by pure reason which will steadily supersede motive, merging eventually into the will aspect of the Monad, its major aspect. It is, technically speaking, Shamballa in direct relation with Humanity.

Như Tôi đã nói với các bạn, một nhóm đệ tử phải nổi bật bởi lý trí thuần khiết, vốn sẽ dần thay thế động cơ, rồi cuối cùng hòa nhập vào phương diện ý chí của Chân thần, phương diện chủ yếu của Chân thần. Nói theo thuật ngữ chuyên môn, đó là Shamballa trong mối liên hệ trực tiếp với Nhân loại.

76. For a group of disciples, "pure reason" supersedes "motive" (which is more related to desire than to sight). Motive is relatively blind; pure reason sees the truth exactly and understanding exactly what must be done and why.

76. Đối với một nhóm đệ tử, "lý trí thuần khiết" thay thế "động cơ" (vốn liên quan đến dục vọng nhiều hơn là khả năng thấy). Động cơ tương đối mù quáng; lý trí thuần khiết thấy chính xác chân lý và thấu hiểu chính xác điều gì phải làm và vì sao.

77. Pure reason reflects the wisdom aspect of the monad, but the *will* aspect is the highest monadic aspect and eventually must direct pure reason. In the life of a person in whom this has been consummated, atma-buddhi will be the directing energy.

77. Lý trí thuần khiết phản ánh phương diện minh triết của chân thần, nhưng phương diện *ý chí* là phương diện cao nhất của chân thần và cuối cùng phải chỉ đạo lý trí thuần khiết. Trong đời sống của một người đã thành tựu điều này, atma-Bồ đề sẽ là năng lượng chỉ đạo.

78. Might we say that *pure reason* reveals the archetypal pattern, while *will* reveals *why* that archetypal pattern is meant to prevail within any particular living system. The end towards which all things are intended is revealed by the will. Will reveals the significance of a living system within a larger context.

78. Liệu chúng ta có thể nói rằng *lý trí thuần khiết* mặc khải mô hình nguyên mẫu, trong khi *ý chí* mặc khải *vì sao* mô hình nguyên mẫu ấy phải chiếm ưu thế trong bất kỳ hệ thống sống cụ thể nào. Ý chí mặc khải mục đích mà mọi sự đều hướng tới. Ý chí mặc khải thâm nghĩa của một hệ thống sống trong một bối cảnh rộng lớn hơn.

79. When, at length, humanity is characterized by pure reason and responsive to the will aspect, Shamballa will be in process of merging with humanity.

79. Khi cuối cùng nhân loại có đặc trưng là lý trí thuần khiết và đáp ứng với phương diện ý chí, Shamballa sẽ bước vào tiến trình hòa nhập với nhân loại.

What, therefore, is the group will in any ashram or Master's group? Is it present in any form vital enough to condition the

Vậy ý chí nhóm trong bất kỳ ashram hay nhóm nào của một Chân sư là gì? Nó có hiện diện dưới một hình thức đủ sức sống để định

group relations and to unite all into a band of brothers—moving forward into the light? Is the spiritual will of the individual personalities of such strength that it negates the personality relation and leads to spiritual recognition, spiritual interplay and spiritual relation?

hình các mối quan hệ nhóm và hợp nhất mọi người thành một đoàn huynh đệ—cùng tiến vào ánh sáng hay không? Ý chí tinh thần của từng phàm ngã có đủ mạnh để vượt qua mối quan hệ phàm ngã và dẫn đến sự nhận biết tinh thần, tương tác tinh thần và quan hệ tinh thần hay không?

80. We have here some profound questions. Do we know the "group will" of our Ashram or Master's group? Is it sufficiently vital in our lives and in the life of our group? Is our own spiritual will sufficiently strong to establish (between us and those associated with us) "spiritual recognition, spiritual interplay and spiritual relation"?

80. Ở đây, chúng ta có một số câu hỏi sâu sắc. Chúng ta có biết "ý chí nhóm" của ashram hay nhóm của Chân sư mà chúng ta thuộc về không? Ý chí ấy có đủ sức sống trong đời sống của chúng ta và trong đời sống của nhóm chúng ta không? Ý chí tinh thần của chính chúng ta có đủ mạnh để thiết lập (giữa chúng ta và những người liên kết với chúng ta) "sự nhận biết tinh thần, tương tác tinh thần và quan hệ tinh thần" không?

81. The implication is that a "band of brothers" will only be formed if the group will of an Ashram or Master's group is "vital enough" to condition group relations. We do not weld ourselves into a "band of brothers" based upon anything less than ashramic group will or, at the very least, the group will of a Master's group. No other impetus will be sufficiently binding.

81. Điều này hàm ý rằng một "đoàn huynh đệ" chỉ hình thành nếu ý chí nhóm của một ashram hay nhóm của một Chân sư "đủ sức sống" để định hình các mối quan hệ nhóm. Chúng ta không thể gắn kết thành một "đoàn huynh đệ" dựa trên bất cứ điều gì thấp hơn ý chí nhóm của ashram, hoặc ít nhất là ý chí nhóm của một nhóm thuộc một Chân sư. Không một động lực nào khác có đủ sức gắn kết.

82. We note that the term "spiritual will" is related to "individual personalities". In this case we must think of the spiritual will as the higher directives to which the individual personality can become responsive.

82. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "ý chí tinh thần" có liên quan đến "từng phàm ngã". Trong trường hợp này, chúng ta phải xem ý chí tinh thần là những chỉ đạo cao hơn mà từng phàm ngã có thể trở nên đáp ứng.

83. It is also stated in no uncertain terms that the "personal relation" must be negated. Only then will "spiritual recognition, spiritual interplay and spiritual relation" emerge.

83. Nguyên tác cũng khẳng định dứt khoát rằng "quan hệ cá nhân" phải được phủ nhận. Chỉ khi đó, "sự nhận biết tinh thần, sự tương tác tinh thần và quan hệ tinh thần" mới xuất hiện.

84. Again, we can pause to consider the degree to which personality relation has

been negated in the groups in which we find ourselves.

84. Một lần nữa, chúng ta có thể dừng lại để xem xét mức độ phủ nhận quan hệ phàm ngã trong các nhóm mà chúng ta tham gia.

It is only in consideration of these fundamental [7] effects of standing as a group in the "head's clear light" that it is permissible for a disciple to bring into the picture personal sensitivities of thought, and this only because of a group temporary limitation.

Chỉ khi xem xét những tác động căn bản [7] này của việc đứng với tư cách một nhóm trong "ánh sáng trong trẻo của đầu", người đệ tử mới được phép đưa những nhạy cảm cá nhân trong tư tưởng vào việc xem xét, và điều này cũng chỉ vì một hạn chế tạm thời của nhóm.

85. What are "personal sensitivities of thought"? We see that to introduce them into the group consciousness is considered, at best, a temporarily limitation—a *group* temporary limitation.

85. "Những nhạy cảm cá nhân trong tư tưởng" là gì? Chúng ta thấy rằng việc đưa chúng vào tâm thức nhóm, ngay cả trong trường hợp tốt nhất, cũng được xem là một hạn chế tạm thời—một hạn chế tạm thời của *nhóm*.

86. "Personal sensitivities of thought" are not about group welfare. They pertain to the individual disciple and must not be allowed to interfere with group process. It is only because the group is temporarily limited that such sensitivities can be introduced at all.

86. "Những nhạy cảm cá nhân trong tư tưởng" không liên quan đến phúc lợi của nhóm. Chúng thuộc về cá nhân người đệ tử và không được phép cản trở tiến trình của nhóm. Chỉ vì nhóm còn có hạn chế tạm thời nên những nhạy cảm như thế mới có thể được đưa vào.

87. The term "head's clear light" takes us immediately to Rule I of the Fourteen Rules for Disciples and Initiates. The group (standing "within the fire of mind") is to be "focussed within the head's clear light". From this 'altitude' it is possible to deal rightly with personal sensitivities.

87. Thuật ngữ "ánh sáng trong trẻo của đầu" lập tức đưa chúng ta đến Quy luật I trong Mười Bốn Quy Luật dành cho Đệ Tử và Điểm Đạo Đồ. Nhóm (đứng "trong lửa của trí tuệ") phải "tập trung trong ánh sáng trong trẻo của đầu". Từ 'độ cao' này, chúng ta có thể xử lý đúng đắn những nhạy cảm cá nhân.

88. The books *DINA II* and the *Rays and the Initiations* are to be considered interdependent.

88. Cần xem hai cuốn *DINA II* và *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo* là có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau.

89. Again we are invited to ponder upon that which we 'bring up' in the group context. Does it have more to do with group life or with ourselves?

89. Một lần nữa, chúng ta được mời suy ngẫm về những gì mình 'nêu lên' trong bối cảnh nhóm. Những điều đó liên quan nhiều

hơn đến sự sống nhóm hay đến bản thân chúng ta?

I have pointed out along what lines there has been failure, not because I seek to put the emphasis upon failure or to enlarge upon it, but because clarity of thought and of vision is necessary if the work is to go forward in a reorganised and more vital manner.

Tôi đã chỉ ra những phương diện đã có thất bại, không phải vì muốn nhấn mạnh hay nói dài về thất bại, mà vì sự sáng rõ trong tư tưởng và tầm nhìn là điều cần thiết nếu công việc muốn tiến triển theo một cách thức được tổ chức lại và có sức sống hơn.

90. The Master does not mention failure in order to chide or scold but to protect the future. Clarity of thought and vision is a great protection.

90. Chân sư đề cập đến thất bại nhằm bảo vệ tương lai, chứ không nhằm trách móc hay quở mắng. Sự sáng rõ trong tư tưởng và tầm nhìn là một sự bảo vệ lớn lao.

91. From this new group He seeks a kind of work which is both "reorganized" and "more vital". This necessitates a keen awareness of where things went wrong in the earlier experiment.

91. Ở nhóm mới này, Ngài tìm kiếm một loại công việc vừa "được tổ chức lại" vừa "có sức sống hơn". Điều này đòi hỏi phải nhận thức sắc bén về những chỗ đã sai trong cuộc thử nghiệm trước.

If this New Seed Group measures up to requirements, then there may again arise correspondences to the original groups as planned. They will arise as the spiritual result of the esoteric manifestation of the potency of life to be found in the seed group.

Nếu Nhóm Hạt Giống Mới này đáp ứng được các yêu cầu, thì những nhóm tương ứng với các nhóm ban đầu theo kế hoạch có thể lại xuất hiện. Chúng sẽ xuất hiện như kết quả tinh thần của sự biểu hiện nội môn của tiềm lực sự sống hiện hữu trong nhóm hạt giống.

92. We see that DK has not given up on the *idea* of the Groups of Nine, but is attempting something more foundational that the more specialized work of the ten Seed Groups.

92. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK chưa từ bỏ *ý tưởng* về các Nhóm Chín Người, mà đang thử thực hiện một điều mang tính nền tảng hơn so với công việc chuyên biệt hơn của mười Nhóm Hạt Giống.

93. The ten may again arise, He tells His chelas, if the work envisioned for the New Seed Group is properly accomplished. He is careful to call that which may arise "correspondences" to the original groups. He does not envision a literal reconstitution of those groups with the original personnel. Perhaps, He envisions the possible emergence of correspondences to the earlier

93. Ngài nói với các đệ tử của Ngài rằng mười nhóm có thể lại xuất hiện nếu công việc dự kiến cho Nhóm Hạt Giống Mới được hoàn thành đúng cách. Ngài thận trọng gọi những gì có thể xuất hiện là những nhóm "tương ứng" với các nhóm ban đầu. Ngài không hình dung việc tái lập nguyên trạng các nhóm ấy với những thành viên ban đầu. Có lẽ Ngài hình dung khả năng xuất hiện những

intended ten groups at a rather later date. He remains, I think, purposefully vague about the possibilities.

nhóm tương ứng với mười nhóm đã dự định trước đây vào một thời điểm khá lâu về sau. Tôi nghĩ Ngài chủ ý không nói rõ về những khả năng ấy.

94. Presently, there are a number of people presently working along what might be called the 'Seed Group line'. They should not imagine that they are actually reconstituting the true Seed Groups. Rather, they are engaged in a kind of 'rehearsal' for a reconstitution which may occur later under Master DK's more direct supervision.

94. Hiện nay, có một số người đang làm việc theo hướng có thể gọi là 'đường hướng Nhóm Hạt Giống'. Họ không nên tưởng rằng mình đang thực sự tái lập các Nhóm Hạt Giống đích thực. Đúng hơn, họ đang tham gia một hình thức 'diễn tập' cho việc tái lập có thể diễn ra về sau dưới sự giám sát trực tiếp hơn của Chân sư DK.

The work to be done by us in joint cooperation (as regards your training) was organised by me into seven teaching units:

Tôi đã tổ chức công việc mà chúng ta sẽ cùng hợp tác thực hiện (liên quan đến việc huấn luyện các bạn) thành bảy đơn vị giáo huấn:

I. Definite planned Meditation.

I. Tham thiền theo kế hoạch xác định.

II. Teaching upon the subject of Initiation.

II. Giáo huấn về chủ đề Điểm đạo.

III. Training in Telepathy.

III. Huấn luyện về Viễn cảm.

IV. Consideration of the Problems of Humanity.

IV. Xem xét các Vấn đề của Nhân loại.

V. Teaching anent the Etheric Body.

V. Giáo huấn về Thể Dĩ Thái.

VI. Added to the above, I seek to give each of you a measure of Individual Help and Instruction.

VI. Ngoài những điều trên, Tôi tìm cách dành cho mỗi người trong các bạn một mức độ Trợ giúp và Huấn thị Cá nhân.

VII. As time goes on, I will convey information anent the work of the Masters' Ashrams and their planned Externalisation.

VII. Theo thời gian, Tôi sẽ truyền đạt thông tin về công việc của các Ashram của các Chân sư và sự Ngoại hiện đã được hoạch định của các ashram ấy.

95. The unit of work outlined finds place in the voluminous text of *DINA II* and *The Rays and the Initiations.*

95. Phần công việc được phác thảo có trong nội dung đồ sộ của *DINA II* và *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo.*

96. The teaching offered during the 1940's is succinctly outlined.

I am going to ask you to give two relatively brief periods of time each day to definite and defined meditation. One period (the most important) must be given to the general group meditation, and the other to that meditation which I feel will enable you to function as an integrated personality, fused and blended in consciousness with the soul. This will lead the group as a whole to function correctly, because the individual group units are aligned and rightly adjusted.

97. Two types of meditation are mentioned. One is a "general group meditation"—the most important of the two.

98. The other type of meditation is personal/individual and is designed to help the chela "function as an integrated personality, fused and blended in the consciousness of the soul".

99. These two types are, in a way, indispensable to each other. Without the individual meditations "the individual groups units" would not be properly "aligned and rightly adjusted."

100. In all occult training during the Aquarian Age, both the group and individual equation will have to be held firmly in mind. The coming Age will not only be the Age of Aquarius (the Age of the Group), but the 'Age of Aquarius/Leo'. The right cultivation of individuals as prospective group members must not be neglected.

96. Giáo huấn được đưa ra trong thập niên 1940 được phác thảo súc tích.

Tôi sẽ yêu cầu các bạn dành hai khoảng thời gian tương đối ngắn mỗi ngày cho việc tham thiền cụ thể và xác định rõ. Một khoảng thời gian (quan trọng nhất) phải dành cho bài tham thiền chung của nhóm, và khoảng còn lại dành cho bài tham thiền mà Tôi cảm thấy sẽ giúp các bạn hoạt động như một phàm ngã tích hợp, dung hợp và hòa quyện trong tâm thức với linh hồn. Điều này sẽ giúp toàn nhóm hoạt động đúng đắn, vì từng thành viên trong nhóm đều được chỉnh hợp và điều chỉnh thích đáng.

97. Hai loại tham thiền được đề cập. Một loại là "bài tham thiền chung của nhóm"—loại quan trọng nhất trong hai loại.

98. Loại tham thiền còn lại mang tính cá nhân và nhằm giúp người đệ tử "hoạt động như một phàm ngã tích hợp, dung hợp và hòa quyện trong tâm thức của linh hồn".

99. Theo một nghĩa nào đó, hai loại này không thể thiếu nhau. Nếu không có các bài tham thiền cá nhân, "từng thành viên trong nhóm" sẽ không được "chỉnh hợp và điều chỉnh thích đáng" một cách đúng đắn.

100. Trong mọi sự huấn luyện huyền bí trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, phải luôn ghi nhớ cả yếu tố nhóm lẫn yếu tố cá nhân. Kỷ nguyên sắp tới sẽ không chỉ là Kỷ Nguyên Bảo Bình (Kỷ Nguyên của Nhóm), mà còn là 'Kỷ Nguyên Bảo Bình/Sư Tử'. Không được sao nhãng việc bồi dưỡng đúng đắn các cá nhân để họ trở thành những thành viên tương lai của nhóm.

Why is it necessary for the disciple to intensify his inner link with his teacher? Not because the teacher is his Master, not because the disciple is subjected to the imposition by the [8] Master of any subjective control, not because of any special privilege in the matter,but because if a student's mind is in true rapport with the teacher, then that student himself can become a source of inspiration to his fellow students; if he is thinking with clarity along the line of his chosen theme (note the word "chosen"), then he too can teach.

Tại sao người đệ tử cần tăng cường mối liên kết bên trong với huấn sư của mình? Không phải vì huấn sư là Chân sư của y, không phải vì người đệ tử phải chịu bất kỳ sự kiểm soát chủ quan nào do [8] Chân sư áp đặt, không phải vì có đặc quyền nào trong việc này, mà vì nếu thể trí của một đạo sinh thực sự hòa hợp với huấn sư, thì chính đạo sinh ấy có thể trở thành nguồn cảm hứng cho các đạo sinh đồng môn; nếu y suy nghĩ sáng rõ theo chủ đề mình đã chọn (hãy lưu ý từ "đã chọn"), thì y cũng có thể giảng dạy.

101. There is no question that a disciple should intensify "his inner link with his teacher", but the real reason for doing so is clarified, largely through stating what the reasons are *not:*

101. Không có gì phải bàn cãi về việc người đệ tử cần tăng cường "mối liên kết bên trong với huấn sư của mình", nhưng lý do thực sự để làm như vậy được làm sáng tỏ, phần lớn bằng cách nêu rõ những gì *không phải là lý do:*

1. not because the teacher is the Master of a particular chela

1. không phải vì huấn sư là Chân sư của một đệ tử cụ thể

2. "not because the disciple is subjected to the imposition by the Master of any subjective control"

2. "không phải vì đệ tử phải chịu bất kỳ sự kiểm soát chủ quan nào do Chân sư áp đặt"

3. "not because of any special privilege". This one is especially important.

3. "không phải vì bất kỳ đặc quyền nào". Điểm này đặc biệt quan trọng.

102. DK, it appears, is seeking to raise the quality of inspiration of which His chelas are capable, and also to increase their ability to "teach".

102. Dường như Chân sư DK đang tìm cách nâng cao phẩm tính của cảm hứng mà các đệ tử của Ngài có khả năng tiếp nhận, đồng thời gia tăng khả năng "giảng dạy" của họ.

103. Inspiration is the 'influx of an energy into an arena where force customarily prevails'. In short, it is the result which occurs when a higher vibration enters a domain usually characterized by lower

103. Cảm hứng là 'sự tuôn vào của một năng lượng trong một phạm vi mà mãnh lực thường chiếm ưu thế'. Nói ngắn gọn, đó là kết quả xuất hiện khi một rung động cao hơn đi vào một lĩnh vực thường có đặc trưng là rung động thấp hơn. Đó là điều tất cả

vibration. It is what we all seek, for when inspired we more truly *live.*

104. The chela *chooses* the theme of his thought. DK emphasizes the word "chosen" indicating the responsibility which falls to every chela. The Master does not determine what we shall think and do. *We* choose, and if we choose correctly, He confirms.

105. Are we inspired? Do we inspire? Can we teach in a truly inspired manner? Let us ponder.

A Master looks at each member of His group from the angle of their usefulness in the general group service. The contribution of each may differ; one disciple may have achieved much along the lines of clear thought and an impersonal attitude; his usefulness to the group can be that, and the Master will seek to train him still more along these two lines.

106. We do see that, as DK promised earlier, the perspective offered in these instructions is largely that of the Master and the Ashram relative to the group of chelas. In earlier books DK has written at length about what must be the perspective of the students of occultism. In these more advanced writings He views the situation from a higher perspective.

107. Our abilities are recognized, not to compliment us for having achieved them, but in order to employ our notably useful qualities in "general group service".

chúng ta đều tìm kiếm, vì khi có cảm hứng, chúng ta *sống chân thực hơn.*

104. Đệ tử *lựa chọn* chủ đề tư tưởng của mình. Chân sư DK nhấn mạnh từ "được lựa chọn", qua đó chỉ ra trách nhiệm đặt lên mỗi đệ tử. Chân sư không quyết định chúng ta sẽ suy nghĩ và làm gì. *Chúng ta* lựa chọn, và nếu chúng ta lựa chọn đúng, Ngài xác nhận.

105. Chúng ta có được khơi nguồn cảm hứng không? Chúng ta có khơi nguồn cảm hứng cho người khác không? Chúng ta có thể giảng dạy với cảm hứng thực sự không? Chúng ta hãy suy ngẫm.

Một Chân sư nhìn mỗi thành viên trong nhóm của Ngài từ góc độ sự hữu ích của họ trong công việc phụng sự chung của nhóm. Đóng góp của mỗi người có thể khác nhau; một đệ tử có thể đã đạt được nhiều thành tựu về tư tưởng sáng rõ và thái độ phi cá nhân; sự hữu ích của y đối với nhóm có thể nằm ở đó, và Chân sư sẽ tìm cách huấn luyện y thêm nữa theo hai phương diện này.

106. Quả thực, chúng ta thấy rằng, như Chân sư DK đã hứa trước đó, góc nhìn trình bày trong những huấn thị này phần lớn là góc nhìn của Chân sư và ashram đối với nhóm đệ tử. Trong các sách trước, Chân sư DK đã viết rất nhiều về góc nhìn mà các môn sinh huyền bí học cần có. Trong những tác phẩm cao cấp hơn này, Ngài nhìn nhận tình hình từ một góc nhìn cao hơn.

107. Những khả năng của chúng ta được ghi nhận nhằm sử dụng những phẩm tính đặc biệt hữu ích của chúng ta trong "công việc phụng sự chung của nhóm", chứ không phải để khen ngợi chúng ta vì đã đạt được những khả năng ấy.

108. Do we, then, recognize the general lines along which we are truly useful? Can we be objective in our assessment?

108. Vậy chúng ta có nhận ra những phương diện khái quát mà theo đó chúng ta thực sự hữu ích không? Chúng ta có thể đánh giá một cách khách quan không?

109. From what DK tells us, the Master will seek to train us along the lines of our true abilities.

109. Theo những gì Chân sư DK cho chúng ta biết, Chân sư sẽ tìm cách huấn luyện chúng ta theo những phương diện thuộc khả năng thực sự của chúng ta.

110. Perhaps, each of us should pause to establish for himself the contribution or contributions he can usefully make to the group.

110. Có lẽ mỗi người chúng ta nên dừng lại để tự xác định đóng góp hoặc những đóng góp hữu ích mà mình có thể thực hiện cho nhóm.

What is it therefore which prevents a disciple, as an individual, from having direct approach and direct contact with a Master without being dependent upon a senior disciple as an intermediary?

Vậy điều gì ngăn cản một đệ tử, với tư cách cá nhân, trực tiếp tiếp cận và tiếp xúc với một Chân sư mà không phải lệ thuộc vào một đệ tử cao niên làm trung gian?

111. This is a vital question, would we not all agree? For the majority of those within the group DK was training, AAB was that senior disciple. Without the employment of her telepathic skills, a clear contact with DK would have been impossible for most.

111. Đây là một câu hỏi thiết yếu, chẳng phải tất cả chúng ta đều đồng ý sao? Đối với phần lớn những người trong nhóm mà Chân sư DK đang huấn luyện, AAB chính là người đệ tử cao niên ấy. Nếu không nhờ đến các kỹ năng viễn cảm của Bà, phần lớn họ hẳn đã không thể tiếp xúc rõ ràng với Chân sư DK.

What is it that prevents you from having such direct relation tomyself?

Điều gì ngăn cản các bạn có mối quan hệ trực tiếp như thế với Tôi?

112. The question is exceedingly direct and the point is driven home.

112. Câu hỏi hết sức trực tiếp và nhấn mạnh rõ điều cần nói.

One or two in this group have direct approach, and another one of you has it but knows it not;

Một hoặc hai người trong nhóm này có khả năng tiếp cận trực tiếp, và một người khác trong các bạn cũng có nhưng không biết;

113. A couple ("one or two") could approach DK directly and *knew* they could.

113. Một vài người ("một hoặc hai") có thể tiếp cận trực tiếp Chân sư DK và *biết* mình có thể làm như vậy.

114. It would be interesting to learn more of the disciple who had the qualifications for direct approach but did not realize it. What would be the cause of this non-realization?

114. Sẽ thật thú vị nếu tìm hiểu thêm về người đệ tử có đủ phẩm chất để tiếp cận trực tiếp nhưng lại không nhận ra điều đó. Nguyên nhân nào khiến người ấy không nhận ra?

115. It is not enough to possess a capacity; we must be aware that we possess it. Clear self-observation will contribute to this awareness.

115. Có một năng lực thôi thì chưa đủ; chúng ta phải biết rằng mình có năng lực ấy. Việc tự quan sát rõ ràng sẽ góp phần vào sự nhận biết này.

several others are well-intentioned and hard-striving disciples but never for a second do they forget themselves;

một số người khác là những đệ tử có thiện chí và nỗ lực hết mình nhưng không một giây phút nào quên bản thân;

116. Those chelas here mentioned aspire greatly, but have not learned self-forgetfulness. They are still at the center of their own stage.

116. Những đệ tử được đề cập ở đây có khát vọng lớn lao, nhưng chưa học được cách quên mình. Họ vẫn đứng ở trung tâm sân khấu của chính mình.

the problem of glamour and preoccupation with spiritual ambition condition some aspirants, a spiritual ambition which is working through a very small personality;

vấn đề ảo cảm và sự bận tâm với tham vọng tinh thần đang chi phối một số người chí nguyện, một tham vọng tinh thần hoạt động qua một phàm ngã rất nhỏ bé;

117. This may be the point to interject that the wording here given should be checked against the original publication. It may be correct, but I am (rightly or wrongly) remembering otherwise, and would like to see this whole paragraph confirmed word for word. I will research this point when the necessary books and papers are available to me.

117. Có lẽ đây là lúc cần nói thêm rằng nên đối chiếu cách diễn đạt ở đây với ấn bản gốc. Cách diễn đạt này có thể đúng, nhưng tôi nhớ là khác (dù ký ức ấy đúng hay sai), và muốn xác minh từng chữ trong toàn bộ đoạn này. Tôi sẽ nghiên cứu điểm này khi có trong tay những sách và tài liệu cần thiết.

118. We note that some members of the group are called "aspirants". We do remember, however, that the true aspirant

118. Chúng ta lưu ý rằng một số thành viên của nhóm được gọi là "người chí nguyện". Tuy nhiên, chúng ta vẫn nhớ rằng người chí

has taken the first initiation. DK's specific role is the training of aspirants for initiation.

nguyện chân chính đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Vai trò cụ thể của Chân sư DK là huấn luyện những người chí nguyện để họ được điểm đạo.

119. The warning is clear: if we are preoccupied with aspiration, self-centeredness and spiritual ambition, we shall never have direct contact with the Master.

119. Lời cảnh báo rất rõ ràng: nếu chúng ta bận tâm với khát vọng, sự tập trung vào bản thân và tham vọng tinh thần, chúng ta sẽ không bao giờ tiếp xúc trực tiếp với Chân sư.

some could make rapid progress but are prone to inertia—perhaps they just do not care enough.

một số người có thể tiến bộ nhanh chóng nhưng lại có khuynh hướng trì trệ—có lẽ họ chưa thực sự quan tâm đủ mức.

120. The last deterrent mentioned is "inertia", to which even the average initiate is prone! If one *cares* enough, there will be no inertia.

120. Trở ngại cuối cùng được đề cập là "tính trì trệ", mà ngay cả điểm đạo đồ ở mức trung bình cũng dễ mắc phải! Nếu một người *quan tâm* đủ mức, sẽ không có sự trì trệ.

All desire to move forward, all possess a strong inner spiritual life, but the group antahkarana is usually still incomplete and the aspect of pure reason, which is of the heart, does not control.

Tất cả đều mong muốn tiến bước, tất cả đều có một đời sống tinh thần bên trong mạnh mẽ, nhưng antahkarana nhóm thường vẫn chưa hoàn chỉnh, và phương diện lý trí thuần khiết, vốn thuộc về tim,

121. The virtues, which all share, are mentioned—a desire to move forward and a strong inner spiritual life—but a general problem preventing fuller communication with the Master is the incompleteness of the group antahkarana.

121. Những đức tính chung của tất cả mọi người được đề cập đến—mong muốn tiến bước và đời sống tinh thần bên trong mạnh mẽ—nhưng một vấn đề chung ngăn cản sự giao tiếp trọn vẹn hơn với Chân sư là tình trạng chưa hoàn chỉnh của antahkarana nhóm.

122. Again, we return to a discussion of "pure reason", which is significantly said to be "of the heart". Love and pure reason, we remember, are considered synonymous terms.

122. Một lần nữa, chúng ta trở lại bàn luận về "lý trí thuần khiết", mà việc được nói là "thuộc về tim" mang thâm nghĩa đáng kể. Chúng ta nhớ rằng tình thương và lý trí thuần khiết được xem là những thuật ngữ đồng nghĩa.

123. In our lives, it is not desire, motive and aspiration that are to control, but pure reason.

123. Trong cuộc sống của chúng ta, điều cần nắm quyền chi phối là lý trí thuần khiết, chứ không phải dục vọng, động cơ và khát vọng.

The evocative power of the Spiritual Triad is not, therefore, adequate to hold the personality steady and the invocative power of the personality is nonexistent—speaking from the angle of the group personalities which make up the personality aspect of the Ashram. This is a factor which can only become potent if certain personality relations are adjusted and inertia is overcome. Then, and only then, can the "group stand."

chưa nắm quyền chi phối. Vì vậy, quyền năng gợi lên của Tam Nguyên Tinh Thần chưa đủ để giữ phàm ngã vững vàng, còn quyền năng khẩn cầu của phàm ngã thì chưa hiện hữu—xét từ góc độ các phàm ngã trong nhóm hợp thành phương diện phàm ngã của Ashram. Đây là một yếu tố chỉ có thể trở nên mạnh mẽ nếu một số mối quan hệ phàm ngã được điều chỉnh và tính trì trệ được khắc phục. Khi ấy, và chỉ khi ấy, "nhóm mới có thể đứng vững".

124. We are speaking here of invocation and evocation. The spiritual triad *evokes,* and the personality (of the individual or of the group) is to *invoke.*

124. Ở đây, chúng ta đang nói về khẩn cầu và gợi lên. Tam Nguyên Tinh Thần *gợi lên,* còn phàm ngã (của cá nhân hay của nhóm) phải *khẩn cầu.*

125. DK is saying much—namely that the personalities of the group members are not invocative of the spiritual triad, nor are they "steady".

125. Chân sư DK đang nói lên rất nhiều điều—cụ thể là phàm ngã của các thành viên trong nhóm không khẩn cầu Tam Nguyên Tinh Thần, cũng không "vững vàng".

126. The Master is to be found on the levels of the spiritual triad and, so, without a built and functioning antahkarana, there will be no direct contact with Him.

126. Có thể tìm thấy Chân sư trên các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần; vì vậy, nếu chưa có một antahkarana đã được xây dựng và đang hoạt động, sẽ không có sự tiếp xúc trực tiếp với Ngài.

127. It is the personality aspect of the Ashram which needs adjustment. There are certain personality relations (He does not name them specifically, but He has said enough previously) which are to be adjusted and, certainly, inertia is to be overcome.

127. Chính phương diện phàm ngã của Ashram cần được điều chỉnh. Có một số mối quan hệ phàm ngã cần được điều chỉnh (Ngài không nêu cụ thể, nhưng trước đó Ngài đã nói đủ), và chắc chắn cần khắc phục tính trì trệ.

128. A maladjusted personality aspect will drag the group down; if the personality adjustments are made, the group can "stand". We find in the very first Rule for

128. Một phương diện phàm ngã thiếu sự điều chỉnh thích đáng sẽ kéo nhóm xuống; nếu thực hiện những điều chỉnh về phàm ngã, nhóm có thể "đứng vững". Ngay trong

Disciples and Initiates that the group is to "stand". That which is here given must first be fulfilled if this is to be possible.

Quy luật đầu tiên dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ, chúng ta thấy rằng nhóm phải "đứng vững". Muốn điều này có thể xảy ra, trước hết phải thực hiện trọn vẹn những điều được đưa ra ở đây.

I propose to give you personality instructions only once a year, at the time of the Full Moon of May. I shall then indicate to you any needed changes in your individual meditation [9] or in the group meditation.

Tôi dự định chỉ ban huấn thị về phàm ngã cho các bạn mỗi năm một lần, vào kỳ Trăng Tròn tháng Năm. Khi ấy, Tôi sẽ chỉ cho các bạn bất kỳ thay đổi cần thiết nào trong bài tham thiền cá nhân [9] hoặc trong bài tham thiền nhóm.

129. In the years following 1940, the intended rhythm of even once a year was not always fulfilled. The demands of the war must have been very heavy upon the Masters.

129. Trong những năm sau 1940, ngay cả nhịp độ dự định là mỗi năm một lần cũng không phải lúc nào cũng được duy trì. Những đòi hỏi của chiến tranh hẳn đã đặt gánh nặng rất lớn lên các Chân sư.

130. The approach is becoming more impersonal, and the expectations upon the group personnel even higher. A parent pays much attention to a toddler, and increasingly less as the child matures.

130. Cách tiếp cận đang trở nên vô ngã hơn, và những kỳ vọng đặt vào các thành viên trong nhóm còn cao hơn nữa. Cha mẹ dành nhiều sự quan tâm cho đứa trẻ mới chập chững biết đi, rồi ngày càng ít hơn khi đứa trẻ trưởng thành.

At this time I will give to this new seed group a meditation intended to produce coherent relations and a conscious group interplay.

Lúc này, Tôi sẽ trao cho nhóm hạt giống mới này một bài thiền nhằm tạo ra những mối quan hệ gắn kết và sự tương tác nhóm có ý thức.

131. This meditation was reviewed in the last DINA Commentary.

131. Bài thiền này đã được xem xét trong phần Bình giảng DINA trước.

132. We note the emphasis upon coherency and consciousness.

132. Chúng ta lưu ý sự nhấn mạnh vào tính gắn kết và tâm thức.

I will give each member also a meditation which will serve to integrate his personality more completely but will also serve, above all else, to fuse it with his soul.

Tôi cũng sẽ trao cho mỗi thành viên một bài thiền giúp tích hợp phàm ngã của người ấy trọn vẹn hơn, nhưng trên hết còn giúp dung hợp phàm ngã với linh hồn. Sau này,

133. In this regard, the "Techniques of Fusion" to be found in *Esoteric Psychology* Vol. II should be studied.

133. Về phương diện này, cần nghiên cứu các "Kỹ Thuật Dung Hợp" trong *Tâm Lý Học Nội Môn* Tập II.

134. The personality is considered fully (or almost fully) fused with the soul at the third initiation.

134. Ở lần điểm đạo thứ ba, phàm ngã được xem là đã dung hợp hoàn toàn (hoặc gần như hoàn toàn) với linh hồn.

135. In preparing the individual meditations, two necessary developments are, thus, being considered:

135. Như vậy, khi chuẩn bị các bài thiền cá nhân, hai bước phát triển cần thiết đang được xem xét là:

1. personality integration

1. sự tích hợp phàm ngã

2. fusion with the soul and infusion by the soul

2. sự dung hợp với linh hồn và sự thấm nhuần của linh hồn

I shall enlarge later upon this when giving each of you his personal instructions. As I am to instruct you individually only once a year, I shall handle you with directness, and shall pay small attention to your personal reactions. Those are essentially your own business and not mine.

Tôi sẽ nói rõ hơn về điều đó khi trao huấn thị cá nhân cho từng người. Vì Tôi sẽ chỉ hướng dẫn riêng từng người mỗi năm một lần, Tôi sẽ làm việc với các bạn một cách thẳng thắn và ít chú ý đến những phản ứng cá nhân của các bạn. Về căn bản, đó là việc của các bạn, không phải của Tôi.

136. We find DK offering a very direct, first ray statement. It seems He is saying to His chelas, "Grow up"! It is true that the personal sensitivities of a number of His chelas prevented the full impact of His teaching from reaching them.

136. Chúng ta thấy Chân sư DK đưa ra một lời tuyên bố rất thẳng thắn, mang tính cung một. Dường như Ngài đang nói với các đệ tử của Ngài: "Hãy trưởng thành lên"! Quả thật, sự nhạy cảm cá nhân của một số đệ tử đã ngăn họ đón nhận trọn vẹn tác động từ giáo huấn của Ngài.

August 1940

Tháng Tám năm 1940

Some of you have really studied my previous instructions; others have given them a definitely cursory and perfunctory reading and have, in the last analysis, given no real thought to what I have said.

Một số người trong các bạn đã thực sự nghiên cứu những huấn thị trước đây của Tôi; những người khác rõ ràng chỉ đọc lướt qua, chiếu lệ, và xét cho cùng, chưa thực sự suy nghĩ về những điều Tôi đã nói.

137. This is a strong indictment. We can see the richness of each of Master DK's instructions and, so, wonder why they would not have been very carefully studied.

137. Đây là một lời phê phán nghiêm khắc. Chúng ta có thể thấy nội dung phong phú trong từng huấn thị của Chân sư DK và do đó tự hỏi tại sao các đệ tử lại không nghiên cứu chúng thật kỹ lưỡng.

138. It is sometimes true that when 'feelings' are 'hurt' by truth, there is less willingness to expose oneself to the source of the 'hurt'.

138. Đôi khi, quả thật là khi 'cảm xúc' bị sự thật làm 'tổn thương', người ta ít sẵn lòng tiếp xúc với nguồn gây ra sự 'tổn thương' ấy hơn.

139. It also becomes clear that DK knows which of His chelas have studied and which have not.

139. Cũng trở nên rõ ràng rằng Chân sư DK biết những đệ tử nào của Ngài đã nghiên cứu và những đệ tử nào chưa nghiên cứu.

Hence the need of reminding you of my major points prior to continuing with the next phase of the teaching. I would have you demonstrate your grasp of the subject and also your response to the effort I am making to instruct you. The best paper turned in was by W.D.S. because it was the most esoteric and touched upon the spiritual techniques of approach, insight and vision.

Vì vậy, trước khi tiếp tục giai đoạn giáo huấn kế tiếp, cần nhắc lại cho các bạn những điểm chính của Tôi. Tôi muốn các bạn chứng tỏ rằng mình nắm được chủ đề, đồng thời thể hiện sự đáp ứng đối với nỗ lực Tôi đang thực hiện để hướng dẫn các bạn. Bài viết tốt nhất được nộp là của W.D.S., vì đó là bài mang tính nội môn nhất và đề cập đến những kỹ thuật tinh thần về tiếp cận, tuệ kiến và tầm nhìn.

140. DK reviews the papers of His chelas in an interesting manner described below.

140. Chân sư DK xem xét các bài viết của các đệ tử Ngài theo một cách thú vị được mô tả dưới đây.

141. WDS was formerly in the Education Seed Group, Group IX.4. His rays were unusual, 21-213 and his Sun-sign was in Gemini. This shows, by the way, that the ray of the personality is not directly determined by the usual rays associated with the Sun-sign, for the first ray has only the most tenuous relation to Gemini, through the monadic ray of the Earth, its hierarchical ruler.

141. Trước đây, WDS thuộc Nhóm Hạt Giống Giáo Dục, Nhóm IX.4. Các cung của ông khá khác thường, 21-213, và dấu hiệu Mặt Trời của ông là Song Tử. Nhân đây, điều này cho thấy cung phàm ngã không do các cung thường gắn với dấu hiệu Mặt Trời trực tiếp quyết định, vì cung một chỉ có mối liên hệ hết sức mờ nhạt với Song Tử, thông qua cung chân thần của Trái Đất, chủ tinh huyền giai của Song Tử.

142. Why should DK speak of the "best paper turned in"? Certainly, not to inspire

142. Vì sao Chân sư DK lại nói đến "bài viết tốt nhất được nộp"? Chắc chắn Ngài không

competition, but simply for the sake of deepening their understanding. The group members must understand what He seeks to see produced.

nhằm khơi dậy sự cạnh tranh, mà chỉ để giúp họ thấu hiểu sâu sắc hơn. Các thành viên trong nhóm phải hiểu Ngài mong muốn thấy họ tạo ra điều gì.

143. DK is attempting to teach His group about the true nature of esotericism. Many may write what *they* consider to be "esoteric" papers; the Master may see such papers in a different light.

143. Chân sư DK đang cố gắng dạy nhóm của Ngài về bản chất đích thực của huyền bí học. Nhiều người có thể viết những bài mà *họ* cho là "nội môn"; Chân sư có thể nhìn nhận những bài viết ấy dưới một góc độ khác.

144. We learn here that that which is esoteric is characterized by a discussion of "spiritual techniques of approach, insight and vision".

144. Ở đây, chúng ta học được rằng điều mang tính nội môn có đặc trưng là bàn về "những kỹ thuật tinh thần về tiếp cận, tuệ kiến và tầm nhìn".

Incidentally, the question arises in your minds as to the method whereby I ascertain the content of your papers. Do I read them? Does A.A.B. read them and convey to me her impressions? Do I psychometrise them? None of these expresses my method or conveys the true mode of ascertaining. I do not read them; candidly, my brother, they do not warrant my taking the time.

Nhân đây, trong thể trí các bạn nảy sinh câu hỏi về phương pháp Tôi dùng để biết nội dung những bài viết của các bạn. Tôi có đọc chúng không? Bà A.A.B. có đọc rồi truyền đạt cho Tôi những ấn tượng của Bà không? Tôi có trắc tâm chúng không? Không cách nào trong số đó diễn tả phương pháp của Tôi hay truyền đạt đúng cách Tôi tìm hiểu. Tôi không đọc chúng; nói thẳng ra, hỡi huynh đệ của tôi, chúng chưa đủ để Tôi dành thời gian làm việc ấy.

145. DK's candid remark is amusing.

145. Nhận xét thẳng thắn của Chân sư DK thật thú vị.

Does A.A.B.. read them and then convey their significance to me? No, because as they filter through her mind and brain they would take on the powerful colouring of her thought, and from this she has ever carefully protected the group and all work she does as an intermediary between you and me. I do not psychometrise them. Let me endeavour to explain.

Bà A.A.B. có đọc rồi truyền đạt thâm nghĩa của chúng cho Tôi không? Không, vì khi đi qua thể trí và bộ não của Bà, chúng sẽ mang sắc thái mạnh mẽ của tư tưởng Bà, và Bà luôn cẩn thận bảo vệ nhóm cùng mọi công việc Bà thực hiện với tư cách trung gian giữa các bạn và Tôi khỏi ảnh hưởng ấy. Tôi không trắc tâm chúng. Tôi xin cố gắng giải thích.

146. These are points of technical interest and clarify questions which would naturally

146. Đây là những điểm đáng quan tâm về mặt kỹ thuật và làm sáng tỏ những câu hỏi

arise in the minds of DK's chelas—and in our own.

vốn tự nhiên nảy sinh trong thể trí các đệ tử của Chân sư DK—và trong thể trí của chính chúng ta.

147. The papers are not read, not psychometrized and AAB does not read them and report to DK.

147. Những bài viết ấy không được đọc hay trắc tâm, và Bà AAB cũng không đọc rồi báo cáo với Chân sư DK.

148. We do note that this last solution would not be useful, as AAB's report would necessarily be colored by filtration "through her mind and brain", taking on the powerful coloring of her thought. We may wonder whether it is ever possible to assimilate any content objectively, and report upon it objectively!

148. Chúng ta quả có lưu ý rằng cách giải quyết cuối cùng này sẽ không hữu ích, vì bản báo cáo của Bà AAB tất yếu sẽ nhuốm màu khi lọc "qua thể trí và bộ não của Bà", mang sắc thái mạnh mẽ của tư tưởng Bà. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có bao giờ có thể tiếp thu bất kỳ nội dung nào một cách khách quan và báo cáo về nội dung ấy một cách khách quan hay không!

149. It is important to realize AAB's care in protecting the group from the coloring of her own thought. It reveals a very high level of both detachment and integrity.

149. Cần nhận ra sự cẩn trọng của Bà AAB trong việc bảo vệ nhóm khỏi sắc thái tư tưởng của chính Bà. Điều này cho thấy cả sự tách rời lẫn tính chính trực đều ở một mức độ rất cao.

All detailed, outer forms are expressions of some subjective significance which is the cause of their appearance [10] and which can be discovered by those who can function in the world of meaning.These "foci of significance" carry a note, a vibration and a symbolic aspect which conveys to the trained mind of the esotericist far more than does the outer form of words convey meaning to the trained mind of the exoteric reader. One glance in the direction of the disciple with the thought in mind of ascertaining the value of his contribution in words, serves to bring into my line of vision the symbol which is the product of his written thought. This symbol may be and probably is distorted—a symbol without true balance; it will find its place upon some level of consciousness—astral, mental or spiritual—and its vibratory note will depend

Mọi hình tướng cụ thể bên ngoài đều là những biểu hiện của một thâm nghĩa chủ quan nào đó, vốn là nguyên nhân khiến chúng xuất hiện [10] và những ai có thể hoạt động trong thế giới của ý nghĩa đều có thể khám phá thâm nghĩa ấy. Những "tiêu điểm thâm nghĩa" này mang một âm điệu, một rung động và một phương diện biểu tượng, truyền đạt cho thể trí đã được huấn luyện của nhà bí truyền học nhiều hơn rất nhiều so với ý nghĩa mà hình thức ngôn từ bên ngoài truyền đạt cho thể trí đã được huấn luyện của độc giả ngoại môn. Chỉ một cái nhìn hướng về người đệ tử, với ý định xác định giá trị phần đóng góp bằng ngôn từ của y, cũng đủ đưa vào tầm nhìn của Tôi biểu tượng do tư tưởng thành văn của y tạo ra. Biểu tượng này có thể, và có lẽ thực sự, bị méo lệch—một biểu tượng không có sự quân bình đích thực; nó sẽ có vị trí trên một cấp độ tâm thức

upon its "occult location." Forget not that the world of meaning and the world of outer forms express in essentiality the world in which multiplicity is reduced to simplicity, though this does not connote synthesis.

nào đó—cảm dục, trí tuệ hay tinh thần—và âm điệu rung động của nó sẽ tùy thuộc vào "vị trí huyền bí" của nó. Đừng quên rằng thế giới của ý nghĩa và thế giới hình tướng bên ngoài, về bản chất, biểu hiện thế giới trong đó tính đa tạp được quy về sự đơn giản, dù điều này không hàm ý sự tổng hợp.

150. DK is telling us that He can and does work within the "world of meaning".

150. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng Ngài có thể và thực sự hoạt động trong "thế giới của ý nghĩa".

151. The Master is alerting us to the existence of a deeply subjective method whereby understanding of written content may be achieved.

151. Chân sư đang lưu ý chúng ta về sự tồn tại của một phương pháp mang tính chủ quan sâu xa, qua đó có thể thấu hiểu nội dung thành văn.

152. We find that He is calling Himself an "esotericist". This is a word which, perhaps, we prematurely apply to ourselves. It is also clear that we do not really *work* in the "world of meaning".

152. Chúng ta thấy rằng Ngài gọi chính mình là một "nhà bí truyền học". Có lẽ chúng ta đã quá sớm dùng từ này để gọi chính mình. Cũng rõ ràng là chúng ta không thực sự *hoạt động* trong "thế giới của ý nghĩa".

153. The "foci of significance" carry

153. Những "tiêu điểm thâm nghĩa" mang

1. a note

1. một âm điệu

2. a vibration

2. một rung động

3. a symbolic aspect.

3. một phương diện biểu tượng.

154. So it is clear that DK 'sees' a symbol (however distorted the symbol may be) of that which has been precipitated in writing, and the quality and value of that which has been written is easily determined by him.

154. Vì vậy, rõ ràng là Chân sư DK 'thấy' một biểu tượng (dù biểu tượng ấy có thể méo lệch đến đâu) của những gì đã ngưng tụ thành văn, và Ngài dễ dàng xác định phẩm tính cùng giá trị của những gì đã được viết ra.

155. There are ways in which we, too, can practice this 'symbolic essentialization', by 'asking' to be shown a symbol of anything we wish to evaluate. The symbol will not yet be that which a Master would see, but the

155. Có những cách để chúng ta cũng có thể thực hành việc 'quy về tinh yếu qua biểu tượng' này, bằng cách 'thỉnh cầu' được thấy một biểu tượng của bất cứ điều gì chúng ta muốn đánh giá. Biểu tượng ấy chưa phải là

practice will bring us into line with a useful process of symbolic revelation.

biểu tượng mà một Chân sư sẽ thấy, nhưng việc thực hành sẽ đưa chúng ta vào cùng hướng với một tiến trình mặc khải hữu ích qua biểu tượng.

156. We should note that the reduction of multiplicity to simplicity does not connote synthesis, which is something deeper still and more essential.

156. Chúng ta nên lưu ý rằng việc quy tính đa tạp về tính đơn giản không hàm nghĩa sự tổng hợp, vốn còn sâu xa hơn và thiết yếu hơn nữa.

157. The "vibratory note" of the symbol depends upon its "occult location", which means the plane and subplane on which it is to be found.

157. "Âm điệu rung động" của biểu tượng tùy thuộc vào "vị trí huyền bí" của nó, nghĩa là cõi và cõi phụ nơi biểu tượng ấy hiện hữu.

I wonder if any of you really grasp the extent of the effort which I have to make in order to reach your minds and teach you?

Tôi tự hỏi liệu có ai trong các bạn thực sự nắm được mức độ nỗ lực mà Tôi phải thực hiện để tiếp cận thể trí các bạn và giảng dạy cho các bạn hay không?

158. Do we not usually presume that such an effort meets with instantaneous results?

158. Chẳng phải chúng ta thường mặc nhiên cho rằng một nỗ lực như thế đem lại kết quả tức thì hay sao?

159. That which is given below is a sobering assessment of the effort expended by DK to reach His chelas.

159. Phần trình bày dưới đây là một sự đánh giá khiến chúng ta phải nghiêm túc suy ngẫm về nỗ lực mà Chân sư DK bỏ ra để tiếp cận các đệ tử của Ngài.

When, for instance, I seek to send out these instructions I have to make the following preparation. First, I seek to ascertain the mental state and preparedness of the amanuensis, A.A.B., and whether the press of the other work upon which she is engaged in connection with the Plan of the spiritual Hierarchy permits of her right reception; for if the work is exerting extreme pressure and if she is occupied with urgent problems, it may be needful for me to wait until such time as circumstances give her the needed leeway both of time and strength, and of mental detachment. My own sphere of

Chẳng hạn, khi tìm cách truyền đi những huấn thị này, Tôi phải thực hiện sự chuẩn bị sau đây. Trước hết, Tôi tìm hiểu trạng thái trí tuệ và mức độ sẵn sàng của người ghi chép, Bà A.A.B., cũng như xem áp lực từ công việc khác mà Bà đang thực hiện liên quan đến Thiên Cơ của Thánh đoàn có cho phép Bà tiếp nhận đúng đắn hay không; vì nếu công việc đang gây áp lực quá lớn và Bà đang bận tâm với những vấn đề cấp bách, có thể Tôi cần chờ cho đến khi hoàn cảnh đem lại cho Bà khoảng thư thái cần thiết về thời gian, sức lực và sự tách rời trong trí tuệ. Phạm vi công việc huyền môn của chính Tôi cũng

occult work must also come under consideration. Then, having established a rapport with her, I have three things to do.

phải được cân nhắc. Sau đó, khi đã thiết lập sự hòa hợp với Bà, Tôi có ba việc phải làm.

160. The amanuensis is the instrument, and the instrument must be capable of right receptivity. We see how important is the quality of patience when a Master attempts this kind of work.

160. Người ghi chép là công cụ, và công cụ ấy phải có khả năng tiếp nhận đúng đắn. Chúng ta thấy đức tính kiên nhẫn quan trọng đến mức nào khi một Chân sư thực hiện loại công việc này.

161. No doubt Master DK has an extensive "sphere of occult work", so He is not free to work with His amanuensis at all times.

161. Chắc chắn Chân sư DK có một "phạm vi công việc huyền môn" rộng lớn, nên không phải lúc nào Ngài cũng rảnh để làm việc với người ghi chép của Ngài.

162. The requirements necessitated of AAB are:

162. Những yêu cầu mà Bà AAB cần đáp ứng là:

1. time

1. thời gian

2. strength

2. sức lực

3. mental detachment.

3. sự tách rời trong trí tuệ.

163. The need for time is obvious. With regard to "strength" it is probably not appreciated how great must be the strain (on all levels of the personality mechanism) of working so intimately with a Master—a being possessed of great spiritual intensity, relatively speaking.

163. Nhu cầu về thời gian là điều hiển nhiên. Về "sức lực", có lẽ chúng ta chưa nhận thức đầy đủ rằng việc làm việc mật thiết đến thế với một Chân sư—một Đấng có cường độ tinh thần rất lớn, nói một cách tương đối—hẳn phải gây ra sức căng lớn đến mức nào trên mọi cấp độ của bộ máy phàm ngã.

164. The requirement for "mental detachment" is also interesting. AAB had to keep her own thoughts out of the process. Often, things would be said which would be at variance with her own opinions, or which it would be very difficult for her to understand. Her thoughts or questionings, however, were not allowed to intervene. With sufficient mental detachment this non-intervention would be possible.

164. Yêu cầu về "sự tách rời trong trí tuệ" cũng đáng chú ý. Bà AAB phải giữ cho những tư tưởng riêng của Bà không xen vào tiến trình. Những điều được truyền đạt thường trái với quan điểm riêng của Bà, hoặc rất khó để Bà thấu hiểu. Tuy nhiên, những tư tưởng hay thắc mắc của Bà không được phép xen vào. Với sự tách rời đầy đủ trong trí tuệ, việc không can thiệp như vậy mới có thể thực hiện được.

First, I The gather the group of disciples as a whole into my aura and so gauge its general condition of receptivity—for that must determine the scope of the intended communication.

165. We note that Master DK gathers the entirety of the group. This He does before focussing on any one disciple. By doing this, He will know how far He may safely and usefully proceed.

166. There must be a definite occult secret to this ingathering. We can use our imagination to visualize how it might be done.

Do you realise, my brothers, that as you extend your power to grasp the needed lessons and learn to train your minds to think in ever wider and more abstract terms, you draw from me a correspondingly adequate instruction? [11] The limitation to the imparted truth lies on your side and not on mine.

167. DK asks a question which again places responsibility squarely upon His chelas. The depth and quality of the instruction He may impart depends upon their ability "to think in ever wider and more abstract terms". DK can only act proportionately. He may give only that which is proportionate to the group invocation.

Thứ nhất, Tôi phải tập hợp toàn bộ nhóm đệ tử vào hào quang của Tôi, nhờ đó đánh giá tình trạng tiếp nhận chung của nhóm—vì điều ấy phải quyết định phạm vi của sự truyền đạt dự kiến.

165. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK quy tụ toàn thể nhóm. Ngài làm điều này trước khi tập trung vào bất kỳ đệ tử nào. Qua đó, Ngài sẽ biết mình có thể tiến xa đến đâu một cách an toàn và hữu ích.

166. Hẳn phải có một bí quyết huyền bí cụ thể trong việc quy tụ này. Chúng ta có thể dùng sự tưởng tượng để hình dung cách thực hiện điều đó.

Hỡi các huynh đệ của Tôi, các bạn có nhận ra rằng khi mở rộng khả năng nắm bắt những bài học cần thiết và học cách rèn luyện thể trí để suy nghĩ theo những khái niệm ngày càng rộng lớn và trừu tượng hơn, các bạn sẽ khơi được từ Tôi những huấn thị thích đáng tương ứng hay không? [11] Giới hạn đối với chân lý được truyền đạt nằm ở phía các bạn, không phải ở phía Tôi.

167. Chân sư DK đặt một câu hỏi một lần nữa quy trách nhiệm rõ ràng cho các đệ tử của Ngài. Chiều sâu và phẩm tính của huấn thị Ngài có thể truyền đạt tùy thuộc vào khả năng của họ trong việc "suy nghĩ theo những khái niệm ngày càng rộng lớn và trừu tượng hơn". Chân sư DK chỉ có thể hành động theo mức độ tương xứng. Ngài chỉ có thể ban cho những gì tương xứng với sự khẩn cầu của nhóm.

168. If you and I read this with seriousness, would we not find in it an incentive to think in ever wider and more abstract terms?

168. Nếu các bạn và tôi đọc điều này một cách nghiêm túc, chẳng phải chúng ta sẽ tìm thấy trong đó một động lực để suy nghĩ theo những khái niệm ngày càng rộng lớn và trừu tượng hơn sao?

Second, I must isolate in my own consciousness the extent of the instruction, detaching myself from all other concerns and formulating the needed material into a thoughtform which will be comprehensive, clear-cut, sequential in its relation to that which has already been imparted and which will lay the ground for the next instruction in due time.

Thứ hai, Tôi phải tách riêng trong tâm thức mình phạm vi của huấn thị, tách mình khỏi mọi mối quan tâm khác và xây dựng tài liệu cần thiết thành một hình tư tưởng bao quát, rõ nét, nối tiếp những điều đã được truyền đạt trước đó và đặt nền tảng cho huấn thị kế tiếp vào đúng thời điểm.

169. For Master DK, this stage represents an act of concentration. To do so requires that He think only of the task before Him (though doubtlessly He has many other concerns of greater moment).

169. Đối với Chân sư DK, giai đoạn này là một hành động tập trung. Để thực hiện điều đó, Ngài phải chỉ nghĩ đến nhiệm vụ trước mắt (dù chắc chắn Ngài còn nhiều mối quan tâm khác quan trọng hơn).

170. This second phase is all about clarity, comprehensiveness, sequentiality. We recognize DK as a 'Master Teacher'. He is surely responsible for what He imparts and, no doubt, He must weigh His words carefully, as so many will take them as truth.

170. Giai đoạn thứ hai này hoàn toàn chú trọng đến tính rõ ràng, tính bao quát và tính tuần tự. Chúng ta nhìn nhận Chân sư DK là một 'Huấn Sư bậc Chân Sư'. Chắc chắn Ngài chịu trách nhiệm về những gì mình truyền đạt, và hẳn Ngài phải cân nhắc lời lẽ cẩn thận, vì rất nhiều người sẽ xem những lời ấy là chân lý.

Then **third**, I have to enter into that meditative condition, and that extraverted attitude which will enable me to pour out in a steady stream of constructive sentences which will express, to the mind of the amanuensis, the thoughtform as I see it and build it. Putting it otherwise, I become creative with deliberation and endeavour to convey to the vision, to the mind and to the intellectual perception of A.A.B. an ordered presentation of the thoughtform which

Rồi **thứ ba**, Tôi phải đi vào trạng thái thiền định và thái độ hướng ngoại cho phép Tôi tuôn ra một dòng câu văn kiến tạo đều đặn, diễn đạt cho thể trí của người ghi chép hình tư tưởng đúng như Tôi nhìn thấy và xây dựng nó. Nói cách khác, Tôi chủ ý sáng tạo và cố gắng truyền đến tầm nhìn, thể trí và nhận thức trí tuệ của Bà A.A.B. một sự trình bày có trật tự về hình tư tưởng chứa đựng bài học mà Tôi mong các đạo sinh học được.

embodies the lesson I desire the students to learn.

171. The third phase is both a “meditative condition” and an “extraverted attitude”. It is a pouring forth of “sentences”—a steady stream of them which may be rightly received in the mind of the amanuensis.

171. Giai đoạn thứ ba vừa là một “trạng thái thiền định” vừa là một “thái độ hướng ngoại”. Đó là sự tuôn trào của những “câu văn”—một dòng câu văn đều đặn mà thể trí của người ghi chép có thể tiếp nhận đúng đắn.

172. All of this is done in the most orderly and sequential manner.

172. Tất cả những điều này đều diễn ra theo cách có trật tự và tuần tự nhất.

173. DK needs to deal not only with what He wishes to say, but with what can be rightly received and interpreted by His amanuensis. There had been times when He wanted to convey a certain type of teaching, but found the mind of AAB insufficiently trained to receive and transmit the intended teaching in the right way.

173. Chân sư DK không chỉ cần xử lý những gì Ngài muốn nói, mà còn cả những gì người ghi chép của Ngài có thể tiếp nhận và diễn giải đúng đắn. Đã có những lúc Ngài muốn truyền đạt một loại giáo huấn nhất định, nhưng nhận thấy thể trí của Bà AAB chưa được rèn luyện đầy đủ để tiếp nhận và truyền lại giáo huấn dự định ấy một cách đúng đắn.

174. We see that Master DK is constructing thoughtforms (which He *sees*) and then attempting to convey the nature of the constructed thoughtform in a clear, intelligent, sequential and well-ordered manner.

174. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang xây dựng những hình tư tưởng (mà Ngài *nhìn thấy*), rồi cố gắng truyền đạt bản chất của hình tư tưởng đã xây dựng theo cách rõ ràng, sáng suốt, tuần tự và có trật tự chặt chẽ.

175. Perhaps, in this process, we will recognize at least something of how we attempt to prepare our thought for assimilation by others.

175. Có lẽ, trong tiến trình này, chúng ta sẽ nhận ra ít nhiều cách mình cố gắng chuẩn bị tư tưởng để người khác có thể lĩnh hội.

All this necessitates an expenditure of force and of time on my part which I feel is well warranted if the students—on their side—will prepare their minds, give the needed time, respond to the few requests I may make, and eventually cooperate with the work of bringing the edited instructions to

Tất cả những điều này đòi hỏi Tôi phải tiêu tốn mãnh lực và thời gian, điều mà Tôi cảm thấy hoàn toàn xứng đáng nếu về phần mình, các đạo sinh chuẩn bị thể trí, dành thời gian cần thiết, đáp ứng một vài yêu cầu Tôi có thể đưa ra, và cuối cùng hợp tác trong công việc đưa những huấn thị đã biên tập

the attention of aspirants and disciples everywhere and later to a wider public.

đến với người chí nguyện và đệ tử khắp nơi, rồi sau đó đến với công chúng rộng rãi hơn.

176. DK is speaking of the expenditure of force on His part, and whether that expenditure is warranted.

176. Chân sư DK đang nói về việc Ngài tiêu tốn mãnh lực, và liệu sự tiêu tốn ấy có xứng đáng hay không.

177. Implicit in this caveat is the suggestion that not all students have prepared their minds, given the needed time, responded to the few requests He has made, and cooperated with bringing the edited instructions to the attention of a wider circle of aspirants, disciples and the general public.

177. Lời cảnh báo này ngầm gợi ý rằng không phải mọi đạo sinh đều đã chuẩn bị thể trí, dành thời gian cần thiết, đáp ứng một vài yêu cầu mà Ngài đã đưa ra, và hợp tác đưa những huấn thị đã biên tập đến với một phạm vi rộng hơn gồm những người chí nguyện, các đệ tử và công chúng nói chung.

178. A Master is governed (as are even greater begins) by the Law of Economy and must justify the expenditure of force.

178. Một Chân sư chịu sự chi phối của Định luật Tiết Kiệm (cũng như các Đấng cao cả hơn nữa) và phải có lý do chính đáng cho việc sử dụng mãnh lực.

And let me here clarify also the question which is in your minds concerning the basis of the rapport between A.A.B. and myself. Earlier, I explained that a neophyte in an ashram is under the guidance of a more advanced chela and that "the Master is receiving regular reports (based on certain charts) from the senior disciple who has the neophyte in charge. It is in this way that many hierarchical relationships are established." (Discipleship in the New Age, Vol. I, page 723.)

Ở đây, Tôi cũng xin làm rõ câu hỏi trong thể trí các bạn về nền tảng của sự hòa hợp giữa Bà A.A.B. và Tôi. Trước đây, Tôi đã giải thích rằng một người sơ cơ trong một ashram chịu sự hướng dẫn của một đệ tử tiến bộ hơn, và rằng "Chân sư nhận được những báo cáo thường xuyên (dựa trên một số biểu đồ) từ người đệ tử cao niên phụ trách người sơ cơ. Chính bằng cách này mà nhiều mối quan hệ trong Thánh đoàn được thiết lập." (Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I, trang 723.)

179. DK is revealing much of essential occult value. He is referring here to the stage of Chela in the Light (which we studied in earlier commentaries on DINA I).

179. Chân sư DK đang tiết lộ nhiều điều có giá trị huyền bí thiết yếu. Ở đây, Ngài đang đề cập đến giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng (mà chúng ta đã nghiên cứu trong những phần bình giảng trước về DINA I).

180. He is reviewing the history of His relationship with AAB, and the Master involved was probably Master KH.

180. Ngài đang ôn lại lịch sử mối quan hệ của Ngài với Bà AAB, và Chân sư có liên quan có lẽ là Chân sư KH.

Several lives ago I was thus responsible for A.A.B. and hence the close link between us and the basic understanding and hence, therefore, the work we have been able to do together, even though I am not her Master.

Vài kiếp trước, Tôi từng chịu trách nhiệm về Bà A.A.B. như vậy, do đó có mối liên kết mật thiết và sự thấu hiểu căn bản giữa chúng tôi; vì thế, chúng tôi đã có thể cùng nhau thực hiện công việc, dù Tôi không phải là Chân sư của Bà.

181. Master DK took His Mastership in 1875. The word "several" may mean four to, perhaps, seven. "Several lives" may, therefore, take us back more than a thousand years, perhaps two thousand.

181. Chân sư DK đạt quả vị Chân sư vào năm 1875. Từ "vài" có thể hàm ý từ bốn đến có lẽ là bảy. Do đó, "vài kiếp" có thể đưa chúng ta trở lại hơn một nghìn năm trước, có lẽ là hai nghìn năm.

182. We are being told about the method of establishing "hierarchical relationships". The process occurs over many centuries and nothing that has been subjectively built is lost.

182. Ngài đang cho chúng ta biết phương pháp thiết lập "các mối quan hệ trong Thánh đoàn". Tiến trình này diễn ra qua nhiều thế kỷ, và không điều gì đã được xây dựng về mặt chủ quan bị mất đi.

I explain this so that you can get some understanding of the interrelation [12] in ashramic work. We both belong to the Ashram of the Master K.H.

Tôi giải thích điều này để các bạn có thể phần nào thấu hiểu mối tương quan [12] trong công việc ashram. Cả hai chúng tôi đều thuộc Ashram của Chân sư KH.

183. The impartation of this information will help us understand the gradual building of relationships within the Ashram.

183. Việc truyền đạt thông tin này sẽ giúp chúng ta thấu hiểu sự xây dựng dần dần các mối quan hệ trong Ashram.

184. We note that *both* AAB and Master DK belong (and still belong) to the Ashram of Master KH, who is the senior Master of the great second ray Ashram. It is interesting that a Master with His own Ashram may belong to the Ashram of a still more experienced Master.

184. Chúng ta lưu ý rằng *cả* Bà AAB lẫn Chân sư DK đều thuộc (và hiện vẫn thuộc) Ashram của Chân sư KH, Ngài là Chân sư cao niên của Ashram cung hai vĩ đại. Thật thú vị khi một Chân sư có Ashram riêng vẫn có thể thuộc Ashram của một Chân sư giàu kinh nghiệm hơn nữa.

185. Those who, therefore, belong to the Ashram of Master DK are loosely within the periphery of the Ashram of Master KH.

185. Do đó, những ai thuộc Ashram của Chân sư DK đều nằm trong phạm vi ngoại vi của Ashram Chân sư KH, với mối liên hệ tương đối lỏng lẻo.

I should like to add a further point: Reception such as that by A.A.B. is very rare indeed, not only because of the subject matter, but also because of the delicate sequence of ideas and the good choice of words; through this, she has made my books unique. She provides a standard which has no competition.

Tôi muốn bổ sung một điểm nữa: Sự tiếp nhận như của Bà A.A.B. quả thật rất hiếm, không chỉ vì nội dung chủ đề, mà còn vì trình tự tinh tế của các ý tưởng và sự lựa chọn ngôn từ khéo léo; qua đó, Bà đã làm cho các sách của Tôi trở nên độc đáo. Bà đặt ra một chuẩn mực chưa ai sánh được.

186. The words immediately above are, perhaps, words which AAB did not enjoy taking down. DK, however, has a significant purpose in offering this high evaluation of AAB's receptivity. In doing so, He is protecting the work for which He is responsible. We come to understand that AAB was/is a most highly trained and unusually skillful 'instrument'.

186. Những lời ngay phía trên có lẽ là những lời mà Bà AAB không thích ghi lại. Tuy nhiên, Chân sư DK có một mục đích quan trọng khi đánh giá cao khả năng tiếp nhận của Bà AAB như vậy. Khi làm thế, Ngài đang bảo vệ công việc mà Ngài chịu trách nhiệm. Chúng ta dần thấu hiểu rằng Bà AAB đã và vẫn là một 'khí cụ' được huấn luyện hết sức kỹ lưỡng và khéo léo khác thường.

187. Such statements as those above cannot be forced upon anyone as the truth. Their truth must be experienced by those who have widely searched and studied esoteric writings.

187. Không thể ép bất kỳ ai chấp nhận những phát biểu như trên là chân lý. Những ai đã tìm tòi sâu rộng và nghiên cứu các trước tác huyền bí phải tự trải nghiệm tính chân thật của những phát biểu ấy.

I assured you that I would deal with directness when teaching this group, owing to the urgency of the time and the need for the intelligent work of the trained disciple. Will you bear this in mind, and apply my suggestions to yourself and not to your group brothers?

Tôi đã khẳng định với các bạn rằng Tôi sẽ thẳng thắn khi giảng dạy nhóm này, do tính cấp bách của thời cuộc và nhu cầu về công việc sáng suốt của người đệ tử đã qua huấn luyện. Các bạn hãy ghi nhớ điều này và áp dụng những gợi ý của Tôi cho chính mình, thay vì cho các huynh đệ trong nhóm.

188. This is always the problem: disciples are only too eager to apply to *others* that which they should apply to *themselves*. Our first responsibility is self-management. The management of others is *their own* responsibility.

188. Vấn đề luôn là thế này: các đệ tử quá sốt sắng áp dụng cho *người khác* những điều lẽ ra họ phải áp dụng cho *chính mình*. Trách nhiệm đầu tiên của chúng ta là tự quản lý bản thân. Việc quản lý người khác là trách nhiệm của *chính họ*.

One of the most needed things for all disciples is to apply the teaching I may give to the idea of promoting and increasing

Một trong những điều cần thiết nhất đối với mọi đệ tử là vận dụng giáo huấn Tôi có thể đưa ra để thúc đẩy và mở rộng việc phụng sự

their world service, thus rendering practical and effective in the world the teaching received and the stimulation to which they have been subjected.

thế gian của mình, qua đó làm cho giáo huấn đã nhận và sự kích thích đã trải qua trở nên thiết thực và hữu hiệu trong thế gian.

189. The thoughts here conveyed should be obvious to us. The accumulation of the teaching, unapplied, but increases responsibility. The purpose of the teaching is to enhance the service of those who receive it.

189. Những tư tưởng được truyền đạt ở đây hẳn phải rõ ràng đối với chúng ta. Việc tích lũy giáo huấn mà không áp dụng chỉ làm tăng thêm trách nhiệm. Mục đích của giáo huấn là nâng cao việc phụng sự của những người tiếp nhận.

190. Let us question ourselves: “Has it done so?”

190. Chúng ta hãy tự hỏi: “Giáo huấn đã làm được điều đó chưa?”

In your personal instructions I will give you information as to the nature of your prevailing glamour.

Trong các huấn thị cá nhân, Tôi sẽ cho các bạn biết về bản chất của ảo cảm đang chiếm ưu thế nơi mình.

191. It may be supposed that each of has a prevailing glamor. It may well be that because that glamor is related to a habituated way of thought, feeling and behavior, it will not be readily detected.

191. Có thể cho rằng mỗi người chúng ta đều có một ảo cảm chiếm ưu thế. Rất có thể vì ảo cảm ấy gắn với một lối suy nghĩ, cảm nhận và hành xử đã thành thói quen nên chúng ta sẽ không dễ phát hiện ra nó.

You may ask, what do I really mean by that phrase? I mean that aspect of thought, that quality of feeling, or that innate predisposition, which stands between you and the light of life and truth.

Các bạn có thể hỏi, Tôi thực sự muốn nói gì qua cụm từ ấy? Tôi muốn nói đến phương diện tư tưởng, phẩm tính cảm xúc hay khuynh hướng bẩm sinh đứng giữa các bạn và ánh sáng của sự sống cùng chân lý.

192. This is a really excellent way of conceiving glamor.

192. Đây là một cách quan niệm thực sự tuyệt vời về ảo cảm.

193. We note that glamor, as here described, includes both thought and feeling and probably physical activity. The idea of “innate predisposition” seems to include the mayavic habit nature.

193. Chúng ta lưu ý rằng ảo cảm, như được mô tả ở đây, bao gồm cả tư tưởng lẫn cảm xúc và có lẽ cả hoạt động thể chất. Ý tưởng về “khuynh hướng bẩm sinh” dường như bao gồm bản chất thói quen thuộc ảo lực.

194. We learn that glamor blots out the light of life and truth. Naturally, we want to be rid of it.

194. Chúng ta học được rằng ảo cảm che lấp ánh sáng của sự sống và chân lý. Đương nhiên, chúng ta muốn thoát khỏi nó.

There is in the life of every aspirant some outstanding tendency which acts as a limitation. This should receive due attention, leading to its eventual eradication.

Trong đời sống của mỗi người chí nguyện đều có một khuynh hướng nổi bật nào đó đóng vai trò hạn chế. Cần dành sự chú ý thích đáng cho điều này để cuối cùng loại bỏ nó.

195. It would be interesting for us to try to determine our particular "outstanding tendency" and then compare it with the outstanding tendency seen in us by others. In such a comparison, revelation might dawn.

195. Sẽ thật thú vị nếu chúng ta thử xác định "khuynh hướng nổi bật" riêng của mình rồi so sánh nó với khuynh hướng nổi bật mà người khác nhìn thấy nơi chúng ta. Qua sự so sánh như thế, sự mặc khải có thể hé mở.

Most disciples and aspirants are too general in their handling of themselves and of their respective characters. Less diffused attention to the multiplicity of inherited habits and a more concentrated attention to a main, or at least a major, issue would result in a more rapid progress.

Phần lớn đệ tử và người chí nguyện còn quá chung chung trong cách xử lý bản thân và tính cách riêng của mình. Bớt phân tán sự chú ý vào vô số thói quen kế thừa và tập trung hơn vào một vấn đề chính, hoặc ít nhất là một vấn đề lớn, sẽ dẫn đến sự tiến bộ nhanh hơn.

196. This is a strong piece of advice. It says, in essence, that if we can identify the major flaw in our general approach, it would be of much greater value than identifying a number of smaller issues.

196. Đây là một lời khuyên mạnh mẽ. Về thực chất, lời khuyên ấy nói rằng nếu chúng ta có thể xác định khiếm khuyết chính trong cách tiếp cận tổng thể của mình, thì điều đó sẽ có giá trị lớn hơn nhiều so với việc xác định một số vấn đề nhỏ hơn.

197. We are left with the definite impression that character must be handled by the one who has built that character.

197. Chúng ta có ấn tượng rõ rệt rằng chính người đã xây dựng nên tính cách ấy phải xử lý nó.

What I shall therefore reveal to you as needing correction, adjustment or eradication should occupy your attention and be consciously dealt with during the coming year.

Vì vậy, điều Tôi sẽ chỉ rõ cho các bạn là cần sửa chữa, điều chỉnh hay loại bỏ phải được các bạn chú tâm và xử lý một cách có ý thức trong năm tới.

198. We note three words, or three treatments of a flaw revealed:

1. correction,

2. adjustment,

3. eradication.

199. Perhaps "adjustment" is the least demanding term. That which is to be adjusted may not be bad in itself, but may be out of right relation with other characteristics—within oneself or within others.

200. Correcting an approach is a definite reshaping of that approach.

201. "Eradication" speaks for itself. Here we are speaking of undesirable approaches which have no redeeming value—nothing worth correcting or adjusting.

Small notice need be paid to less important faults and errors; so oft faults that seem to you of paramount importance are of no moment in the eyes of the Masters.

202. We are enjoined to develop a better sense of proportion. DK seems to be saying that we spend too much time considering trivialities.

203. It is not easy to see as the Masters see; at our stage of development, it is not even possible. We might ask ourselves what we consider to be our worst faults. Then, placing ourselves imaginatively in the Master's position, we might ask the question

198. Chúng ta lưu ý ba từ, hay ba cách xử lý một khiếm khuyết đã bộc lộ:

1. sửa chữa,

2. điều chỉnh,

3. loại bỏ.

199. Có lẽ "điều chỉnh" là từ ít đòi hỏi nhất. Điều cần điều chỉnh có thể vốn không xấu, nhưng có thể chưa có mối quan hệ đúng đắn với những đặc điểm khác—trong bản thân mình hoặc trong người khác.

200. Sửa chữa một cách tiếp cận là định hình lại cách tiếp cận ấy một cách rõ rệt.

201. "Loại bỏ" tự nó đã nói rõ ý nghĩa. Ở đây, chúng ta đang nói đến những cách tiếp cận không mong muốn, không có chút giá trị nào để giữ lại—không có gì đáng sửa chữa hay điều chỉnh.

Không cần chú ý nhiều đến những khuyết điểm và sai sót ít quan trọng hơn; rất thường xuyên, những khuyết điểm mà các bạn xem là tối quan trọng lại chẳng đáng kể trong mắt các Chân sư.

202. Chúng ta được yêu cầu phát triển ý thức về tỉ lệ tốt hơn. Dường như Chân sư DK đang nói rằng chúng ta dành quá nhiều thời gian xem xét những điều vụn vặt.

203. Không dễ nhìn nhận như các Chân sư nhìn nhận; ở giai đoạn phát triển hiện nay của chúng ta, điều đó thậm chí còn chưa thể thực hiện được. Chúng ta có thể tự hỏi mình xem đâu là những khuyết điểm tồi tệ nhất của bản thân. Sau đó, bằng sự tưởng tượng,

again, and note what emerges. There will be a noticeable change of perspective.

đặt mình vào vị trí của Chân sư, chúng ta có thể đặt lại câu hỏi ấy và ghi nhận những gì xuất hiện. Sẽ có một sự thay đổi rõ rệt trong cách nhìn.

So much of the thought life of a disciple is occupied with a ceaseless interrogation and consideration of himself. What I shall say may be very brief and very scant. I am only seeking to indicate and not to direct; [13] I intend to point out, but not dictate to you, modes of eradication.

Quá nhiều phần trong đời sống tư tưởng của người đệ tử dành cho việc không ngừng tự chất vấn và xem xét bản thân. Những điều Tôi sẽ nói có thể rất ngắn gọn và ít ỏi. Tôi chỉ tìm cách chỉ dẫn chứ không điều khiển; [13] Tôi có ý định chỉ ra cho các bạn những cách loại bỏ, chứ không ra lệnh.

204. This is DK's way of saying that so many of us are essentially self-centered—a great limitation preventing the living of a more soul-infused life.

204. Đây là cách Chân sư DK nói rằng rất nhiều người trong chúng ta về cơ bản đều tập trung vào bản thân—một hạn chế lớn ngăn cản chúng ta sống một đời sống được linh hồn thấm nhuần nhiều hơn.

205. The Master is not offering detailed instructions for the eradication of undesirable qualities. That is up to us, as are the methods of correction and adjustment. Our task is to follow His indications, taking upon ourselves the creation of an exact procedure.

205. Chân sư không đưa ra những chỉ dẫn chi tiết để loại bỏ các phẩm tính không mong muốn. Điều đó tùy thuộc vào chúng ta, cũng như các phương pháp sửa chữa và điều chỉnh. Nhiệm vụ của chúng ta là làm theo những điều Ngài chỉ ra, tự đảm nhận việc xây dựng một quy trình chính xác.

The times are serious and the world disciples are hard pressed.

Thời cuộc đang nghiêm trọng và các đệ tử thế gian chịu áp lực nặng nề.

206. By "world disciples", DK means those with world influence and, more technically, initiates of the third degree.

206. Qua cụm từ "đệ tử thế gian", Chân sư DK muốn nói đến những người có ảnh hưởng trên thế giới và, theo nghĩa chuyên môn hơn, các điểm đạo đồ bậc ba.

The Hierarchy and its affiliated groups are seeking active help and cooperation in the work of salvage. All disciples and aspirants are needed, and all can give much if the desire, the loving heart and the consecrated mind are united in service. I ask aid in the task of reconstruction. I ask for your consecrated help. I ask you to discipline

Thánh đoàn cùng các nhóm liên kết đang tìm kiếm sự trợ giúp và hợp tác tích cực trong công việc cứu vớt. Cần đến mọi đệ tử và người chí nguyện, và tất cả đều có thể đóng góp nhiều nếu ước muốn, trái tim yêu thương và thể trí thánh hiến cùng hợp nhất trong phụng sự. Tôi kêu gọi sự trợ giúp trong nhiệm vụ tái thiết. Tôi kêu gọi sự trợ giúp

yourselves anew, to hold back nothing, either objective or subjective. I ask for your wholehearted cooperation in the work of world salvage.

thánh hiến của các bạn. Tôi yêu cầu các bạn rèn luyện kỷ luật bản thân một lần nữa, không giữ lại bất cứ điều gì, dù khách quan hay chủ quan. Tôi kêu gọi các bạn toàn tâm hợp tác trong công việc cứu vớt thế gian.

207. DK ends with one of His great exhortations, so inspiring, and so difficult to resist.

207. Chân sư DK kết thúc bằng một trong những lời hiệu triệu vĩ đại của Ngài, đầy cảm hứng và khó lòng cưỡng lại.

208. He is asking us to help salvage and rebuild the world, to hold nothing back, to cooperate wholeheartedly.

208. Ngài đang yêu cầu chúng ta góp phần cứu vãn và tái thiết thế giới, không giữ lại điều gì, hết lòng hợp tác.

209. We note that DK is already thinking in terms of salvage and reconstruction even though the Second World War was raging in its early phases when this was written. Could He see beyond the war at this point? Perhaps, although we are told that towards the close of 1942 there was a dark period during which the Hierarchy thought humanity would go down to destruction.

209. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã nghĩ đến việc cứu vãn và tái thiết, dù khi những dòng này được viết ra, Chiến tranh Thế giới thứ hai đang diễn ra ác liệt trong những giai đoạn đầu. Vào thời điểm ấy, liệu Ngài có thể nhìn thấy những gì sẽ đến sau cuộc chiến không? Có lẽ vậy, mặc dù chúng ta được cho biết rằng vào gần cuối năm 1942, đã có một thời kỳ đen tối mà trong đó Thánh đoàn nghĩ rằng nhân loại sẽ đi đến diệt vong.

210. He is asking disciples to become true and full human beings, great-hearted, illumined and fully committed to work upon the physical plane.

210. Ngài đang yêu cầu các đệ tử trở thành những con người chân chính và trọn vẹn, có tấm lòng cao cả, được soi sáng và hoàn toàn tận tâm với công việc trên cõi hồng trần.

211. He has given so much, it would seem only natural to respond as He requests.

211. Ngài đã ban cho nhiều đến thế, nên việc đáp ứng theo lời Ngài yêu cầu dường như là điều hết sức tự nhiên.

Commentary 26

[14-23]

December 1941

MY BROTHERS:

1. We note that Master DK has changed His form of address. In His previous instruction, He said the following:

May I say that when I am able to start my instruction to this New Seed Group with the words "My Brothers," you will then know that an adequate measure of group-integration has been achieved and that the real group work can begin.

Apparently that time had arrived, for His form of address has changed to "My Brothers".

I would like to start off this instruction with the simple statement as to the task which all disciples of the Masters throughout the world are engaged in undertaking and which you also should consciously consider. It is the task of confronting the Dweller on the Threshold in your own life and also in the group life, and then—from that vantage point of strength—face that Dweller on behalf of humanity and thus aid humanity to vanquish this ancient evil.

2. We, ourselves, are attempting to be "disciples of the Masters" and so the task here discussed is our own.

3. We note the order of confrontation. The disciple, who has not confronted his own

Tháng Mười Hai năm 1941

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

1. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã thay đổi cách xưng hô của Ngài. Trong huấn thị trước, Ngài đã nói như sau:

Tôi xin nói rằng khi Tôi có thể bắt đầu huấn thị dành cho Nhóm Hạt Giống Mới này bằng những lời "Các huynh đệ của Tôi", bấy giờ các bạn sẽ biết rằng nhóm đã đạt đến một mức độ tích hợp thích đáng và công việc nhóm thực sự có thể bắt đầu.

Hiển nhiên thời điểm ấy đã đến, vì cách xưng hô của Ngài đã đổi thành "Các huynh đệ của Tôi".

Tôi muốn bắt đầu huấn thị này bằng một lời trình bày giản dị về nhiệm vụ mà tất cả đệ tử của các Chân sư trên khắp thế giới đang thực hiện, và các bạn cũng nên có ý thức xem xét. Đó là nhiệm vụ đối diện với Kẻ Chận Ngõ trong đời sống riêng cũng như trong đời sống nhóm, rồi từ vị thế đầy sức mạnh ấy, thay mặt nhân loại đối diện với Kẻ Chận Ngõ và nhờ đó trợ giúp nhân loại chiến thắng điều ác từ xa xưa này.

2. Chính chúng ta đang cố gắng trở thành "đệ tử của các Chân sư", vì vậy nhiệm vụ được bàn đến ở đây là nhiệm vụ của chúng ta.

3. Chúng ta lưu ý đến trình tự đối diện. Người đệ tử chưa đối diện với Kẻ Chận Ngõ

Dweller, or the Dweller of his group, can certainly not be of much assistance in helping humanity to face and vanquish the ancient evil of its own Dweller.

của chính mình, hoặc Kẻ Chận Ngõ của nhóm mình, chắc chắn không thể trợ giúp được nhiều cho nhân loại trong việc đối diện và chiến thắng điều ác từ xa xưa nơi Kẻ Chận Ngõ của chính nhân loại.

4. The many struggles through which humanity is passing (and, it seems, through which it has always passed) are the struggles with its Dweller.

4. Nhiều cuộc đấu tranh mà nhân loại đang trải qua (và dường như vẫn luôn trải qua) là những cuộc đấu tranh với Kẻ Chận Ngõ của mình.

To do this presupposes crisis in your life and in the life of humanity.

Làm được điều đó đòi hỏi phải có khủng hoảng trong đời sống các bạn và trong đời sống nhân loại.

5. If we are to confront and vanquish the ancient evil, it will necessarily evoke crises into our lives.

5. Nếu chúng ta muốn đối diện và chiến thắng điều ác từ xa xưa ấy, việc đó tất yếu sẽ khơi dậy những cuộc khủng hoảng trong đời sống chúng ta.

The handling of crises is the hallmark of the disciple, and every crisis met and rightly handled provides (once the difficulty is occultly "under the feet") the place from which an extended vision can be gained, fresh knowledge can flow in and the transmuting light can shine from the Angel of the Presence and thus produce results.

Xử lý khủng hoảng là dấu hiệu đặc trưng của người đệ tử, và mỗi cuộc khủng hoảng được đối mặt và xử lý đúng đắn đều đem lại (một khi khó khăn, nói theo nghĩa huyền bí, đã ở "dưới chân") một vị thế từ đó có thể đạt được tầm nhìn rộng mở hơn, tri thức mới có thể tuôn vào, và ánh sáng chuyển hoá có thể tỏa chiếu từ Thiên Thần của Hiện Diện, nhờ đó tạo ra kết quả.

6. DK speaks of the advantages of facing crisis in the right manner. If the "handling of crises is the hallmark of the disciple" there is no way to avoid it, nor should it be avoided.

6. Chân sư DK nói về những lợi ích của việc đối diện với khủng hoảng đúng cách. Nếu "xử lý khủng hoảng là dấu hiệu đặc trưng của người đệ tử", thì không có cách nào né tránh việc ấy, và cũng không nên né tránh.

7. We are to 'stand' upon the crises we surmount. Let us tabulate the advantages of handling crisis rightly:

7. Chúng ta phải 'đứng' trên những cuộc khủng hoảng mà mình vượt qua. Chúng ta hãy liệt kê những lợi ích của việc xử lý khủng hoảng đúng đắn:

a. Extended vision can be gained

a. Có thể đạt được tầm nhìn rộng mở hơn

b. Fresh knowledge can flow in

b. Tri thức mới có thể tuôn vào

c. The transmuting light can shine (afresh) from the Angel of the Presence producing advantageous results.

c. Ánh sáng chuyển hoá có thể lại chiếu rọi từ Thiên Thần của Hiện Diện, tạo ra những kết quả thuận lợi.

8. It would appear that in order to climb the Mountain of Initiation, the climb proceeds and is completed through the surmounting of crises.

8. Dường như để leo lên Núi Điểm Đạo, người ta tiến bước và hoàn tất cuộc leo núi bằng cách vượt qua các cuộc khủng hoảng.

9. This is only natural as humanity is ruled by the fourth ray of Harmony through Conflict—the ray, which of all rays, is the ray of crisis.

9. Điều này hoàn toàn tự nhiên vì nhân loại chịu sự cai quản của cung bốn, Hài Hoà qua Xung Đột—cung mà trong tất cả các cung, chính là cung của khủng hoảng.

Each of you has passed through a cycle of real difficulty and strain. This is true of all disciples.

Mỗi người trong các bạn đều đã trải qua một chu kỳ thực sự khó khăn và căng thẳng. Điều này đúng với mọi đệ tử.

10. Eighteen months preceding the date on this letter would have been approximately June of 1940. The words “difficulty and strain” are characteristic of discipleship even in times which are less stressful than the early years of the Second World War.

10. Mười tám tháng trước ngày ghi trên bức thư này hẳn vào khoảng tháng Sáu năm 1940. Những từ “khó khăn và căng thẳng” là đặc trưng của địa vị đệ tử ngay cả trong những thời kỳ ít căng thẳng hơn những năm đầu của Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

The past eighteen months have been months of precipitation, producing a chemicalisation, an interior process of upheaval and probably outer behaviour which may have caused concern to the Observer within.

Mười tám tháng qua là những tháng ngưng tụ, tạo ra một sự biến đổi hóa học, một tiến trình xáo trộn nội tâm và có lẽ cả những hành vi bên ngoài có thể đã khiến Đấng Quan Sát bên trong quan ngại.

11. DK acknowledges that the personality aspect of His disciples has been challenged and has reacted, often unwisely. The “Observer within” is always concerned with the response of its personality does not measure up to an interior standard.

11. Chân sư DK thừa nhận rằng phương diện phàm ngã của các đệ tử của Ngài đã gặp thử thách và đã phản ứng, thường thiếu khôn ngoan. “Đấng Quan Sát bên trong” luôn quan ngại khi sự đáp ứng của phàm ngã của mình không đạt đến một chuẩn mực nội tâm.

12. Who, however, is "the Observer within"? May we say that it is the disciple in a state of detachment and in his/her higher moments of lucidity?

12. Tuy nhiên, "Đấng Quan Sát bên trong" là ai? Liệu chúng ta có thể nói rằng đó là người đệ tử trong trạng thái tách rời và trong những khoảnh khắc sáng suốt cao hơn của mình không?

13. The disciples have been in a psycho-spiritual crucible. They have been subject to the downflow of higher energies and these have interacted with their more normal energy/force patterns causing upheaval.

13. Các đệ tử đã ở trong một lò luyện tâm lý–tinh thần. Họ đã chịu tác động của những năng lượng cao hơn tuôn xuống, và các năng lượng này đã tương tác với những mô hình năng lượng/mãnh lực thông thường hơn của họ, gây ra xáo trộn.

14. During periods of considerable potential growth, somewhat 'abnormal' behavior may be expected of a disciple. The personality vehicles are subjected to discomfort and demonstrate that discomfort in unusual ways. We have all passed through such periods, have we not?

14. Trong những thời kỳ có tiềm năng tăng trưởng đáng kể, có thể dự kiến rằng một đệ tử sẽ có hành vi phần nào 'bất thường'. Các hiện thể của phàm ngã phải chịu sự khó chịu và biểu lộ sự khó chịu ấy theo những cách khác thường. Tất cả chúng ta đều đã trải qua những thời kỳ như thế, phải không?

This however is but the reaction of the [14] personality to undue pressure and strain, to world conditions and clearer vision.

Tuy nhiên, đây chỉ là phản ứng của [14] phàm ngã trước áp lực và sự căng thẳng quá mức, trước tình hình thế giới và tầm nhìn sáng rõ hơn.

15. DK places His emphasis on more important subjective states and not on our reactions.

15. Chân sư DK nhấn mạnh những trạng thái chủ quan quan trọng hơn, chứ không phải những phản ứng của chúng ta.

16. The personality upheaval has been caused by three factors:

16. Ba yếu tố đã gây ra sự xáo trộn của phàm ngã:

1. Undue pressure and strain

1. Áp lực và sự căng thẳng quá mức

2. World conditions

2. Tình hình thế giới

3. Clearer vision

3. Tầm nhìn sáng rõ hơn

17. The inclusion of "clearer vision" is interesting, as we often eagerly invoke such

17. Việc đưa "tầm nhìn sáng rõ hơn" vào đây thật đáng chú ý, vì chúng ta thường hăng hái

vision little realizing its possibly disturbing effects.

khẩn cầu tầm nhìn ấy mà ít nhận ra những tác động có thể gây xáo trộn của nó.

Vision reveals both the light and the dark, a thing which is oft forgotten.

Tầm nhìn cho thấy cả ánh sáng lẫn bóng tối, một điều thường bị quên lãng.

18. Higher vision will reveal all that remains to be redeemed within the energy system of the disciple—not a pleasant sight. For every revealed glory there is an unsightly contrast —until the personality is no longer needed at the fourth initiation.

18. Tầm nhìn cao hơn sẽ phơi bày tất cả những gì còn cần được cứu chuộc trong hệ thống năng lượng của người đệ tử—một cảnh tượng chẳng dễ chịu chút nào. Mỗi vẻ huy hoàng được hiển lộ đều có một điều xấu xí tương phản—cho đến khi phàm ngã không còn cần thiết nữa ở lần điểm đạo thứ tư.

Disciples are fortunate if the major results work out in the physical body. The reactions of the physical body are the least important and do the least harm to others.

Các đệ tử thật may mắn nếu những kết quả chủ yếu biểu lộ nơi thể xác. Những phản ứng của thể xác ít quan trọng nhất và ít gây tổn hại nhất cho người khác.

19. Putting things in proportion, DK compares the physical vehicle with the other personality vehicles. Physical reactions are said to be the least important and least damaging to others.

19. Để nhìn nhận mọi sự theo đúng tỉ lệ, Chân sư DK so sánh vận cụ thể xác với các vận cụ khác của phàm ngã. Ngài cho biết những phản ứng của thể xác ít quan trọng nhất và ít gây tổn hại nhất cho người khác.

20. It is clear that a Master's perspective is very different to our own, which so often places principal emphasis upon the distress of the physical vehicle.

20. Rõ ràng, cách nhìn của một Chân sư rất khác với cách nhìn của chúng ta, vốn thường đặt trọng tâm vào sự đau đớn của vận cụ thể xác.

Where they work out in an emotional or mental condition they are then apt to become a problem of fellow disciples, adding to their strain and necessitating an effort upon their part to carry the brother through with the least damage to the group.

Khi chúng biểu lộ thành một tình trạng cảm xúc hay trí tuệ, chúng dễ trở thành vấn đề đối với các đệ tử đồng môn, làm tăng thêm sự căng thẳng và đòi hỏi họ phải nỗ lực giúp người huynh đệ vượt qua với mức tổn hại ít nhất cho nhóm.

21. We see how easily we can become liabilities for our co-disciples, and how a special, ameliorative response may be required of them to carry *us* through.

21. Chúng ta thấy mình dễ trở thành gánh nặng cho các đệ tử đồng môn đến mức nào, và họ có thể cần có một sự đáp ứng đặc biệt nhằm cải thiện tình hình để giúp *chúng ta* vượt qua.

22. Precipitation, chemicalisation, stress and strain can befall anyone; therefore, we are well advised to monitor ourselves—if not for our own sake, then for the sake of our co-workers.

22. Sự ngưng tụ, sự hóa học hóa, áp lực và căng thẳng có thể xảy đến với bất kỳ ai; vì vậy, chúng ta nên theo dõi bản thân—nếu không vì chính mình thì cũng vì các cộng sự của mình.

In this group work you need to remember that increasingly there will be no individual life. This is as it should be.

Trong công việc nhóm này, các bạn cần nhớ rằng đời sống cá nhân sẽ ngày càng không còn nữa.

23. This is a remarkable statement and needs pondering. The group life will take over and we will find that we *cannot* live unto ourselves alone.

23. Đây là một phát biểu đáng chú ý và cần suy ngẫm. Đời sống nhóm sẽ nắm quyền chi phối, và chúng ta sẽ nhận thấy mình *không thể* chỉ sống cho riêng mình.

Increasingly disciples should be aware of each other and tune in with ease on each other; increasingly the bonds of illumined loyalty should control; increasingly you will participate in each other's attitudes and conditions and thus learn the basic lesson of understanding.

Điều đó là đúng như phải thế. Các đệ tử cần ngày càng nhận biết lẫn nhau và dễ dàng hòa điệu với nhau; những mối dây trung thành sáng suốt cần ngày càng chi phối; các bạn sẽ ngày càng cùng chia sẻ những thái độ và trạng thái của nhau, qua đó học bài học căn bản về sự thấu hiểu.

25. We are receiving instruction of psychological importance. The individual psyche will give way to the group psyche, and the states occurring within that psyche will be perceived by and will affect all group members.

25. Chúng ta đang tiếp nhận huấn thị có tầm quan trọng về mặt tâm lý. Tâm lý cá nhân sẽ nhường chỗ cho tâm lý nhóm, và tất cả các thành viên trong nhóm sẽ nhận biết những trạng thái xuất hiện trong tâm lý nhóm ấy, đồng thời chịu tác động của chúng.

26. "Illumined loyalty" is a beautiful term with a Venusian ring and closely related to the second ray of "light bearing influence". Such loyalty exists in contrast to the "blind loyalty" of the sixth ray, which remains loyal without understanding the one to whom the loyalty is given or why it is given. Illumined

26. "Lòng trung thành sáng suốt" là một thuật ngữ đẹp, mang âm hưởng Sao Kim và có liên hệ mật thiết với cung hai của "ảnh hưởng mang ánh sáng". Lòng trung thành ấy tương phản với "lòng trung thành mù quáng" của cung sáu, vốn vẫn trung thành mà không thấu hiểu người mình trung

loyalty sees and understands faults and, yet, remains loyal.

thành hay lý do mình trung thành. Lòng trung thành sáng suốt nhìn thấy và thấu hiểu những khuyết điểm, nhưng vẫn trung thành.

27. It is also clear that unless we are able to participate in each other's attitudes and conditions, no true understanding can develop. We must somewhat *experience* that which we are called upon to understand.

27. Cũng rõ ràng rằng nếu chúng ta không thể cùng chia sẻ những thái độ và trạng thái của nhau, thì không thể phát triển sự thấu hiểu chân thực. Chúng ta phải phần nào *trải nghiệm* điều mà chúng ta được kêu gọi thấu hiểu.

Understanding is the secret behind all power to achieve identification with any form of divine expression;

Sự thấu hiểu là bí quyết đằng sau mọi quyền năng đạt đến sự đồng hoá với bất kỳ hình thức biểu hiện thiêng liêng nào;

28. We see that understanding precedes identification. In other words, participation in each other's attitudes and conditions, and the revelation produced thereby, makes identification eventually possible.

28. Chúng ta thấy rằng sự thấu hiểu đi trước sự đồng hoá. Nói cách khác, việc tham dự vào thái độ và hoàn cảnh của nhau, cùng sự mặc khải do đó tạo ra, cuối cùng khiến sự đồng hoá trở nên khả thi.

understanding is one of the prime factors in producing revelation, and this is one of the paradoxes of occultism.

sự thấu hiểu là một trong những yếu tố chủ yếu tạo ra sự mặc khải, và đây là một trong những nghịch lý của huyền bí học.

29. This is perhaps another way of saying that participation in the attitudes and conditions of the group produces a revelation of that which lies behind and within those attitudes and conditions, i.e., of that which *substands.*

29. Có lẽ đây là một cách khác để nói rằng việc tham dự vào thái độ và hoàn cảnh của nhóm tạo ra sự mặc khải về những gì nằm đằng sau và bên trong những thái độ và hoàn cảnh ấy, tức là về những gì *làm nền tảng bên dưới.*

30. Another way of understanding this idea is that the heart (which understands) produces revelation.

30. Một cách khác để thấu hiểu ý tưởng này là tâm (vốn thấu hiểu) tạo ra sự mặc khải.

31. It would seem that a certain amount of revelation (or at least, light) is necessary to produce understanding. We have here a "virtuous circle".

31. Dường như cần có một mức độ mặc khải nhất định (hay ít nhất là ánh sáng) để tạo ra sự thấu hiểu. Ở đây, chúng ta có một "vòng tuần hoàn tích cực".

In the world of human thought, understanding follows the prescribed routine, it follows the presented fact. In the life of the spirit, understanding is a necessary predisposing cause of revelation. I would ask you to ponder on this, bracing yourself for revelation, through a deep understanding of the initiator in yourself.

Trong thế giới tư tưởng con người, sự thấu hiểu đi theo trình tự đã định, đi sau sự kiện được trình bày. Trong đời sống tinh thần, sự thấu hiểu là một nguyên nhân dẫn đến sự mặc khải, một điều kiện mở đường cần thiết. Tôi muốn các bạn suy ngẫm điều này, chuẩn bị vững vàng để đón nhận sự mặc khải qua sự thấu hiểu sâu sắc về đấng điểm đạo bên trong mình.

32. Two approaches to understanding are here indicated. The first and more mundane approach tells us that understanding follows the presented fact. Mental light (often called the "light of understanding") comes from participating in the energy and force patterns of the presented fact.

32. Ở đây, có hai cách tiếp cận sự thấu hiểu. Cách thứ nhất, mang tính thế tục hơn, cho chúng ta biết rằng sự thấu hiểu đi sau sự kiện được trình bày. Ánh sáng trí tuệ (thường gọi là "ánh sáng của sự thấu hiểu") đến từ việc tham dự vào các mô hình năng lượng và mãnh lực của sự kiện được trình bày.

33. But the "life of the spirit" is different from the "life of human thought", and in the life of the spirit, the revelation which comes is different from the more mundane type of understanding. In the first and more mundane instance, understanding is the result of dealing with the presented fact; in the second instance, an attitude of understanding causes or precipitates a revelation of what might be called the 'energy sources' of any presented fact.

33. Nhưng "đời sống tinh thần" khác với "đời sống tư tưởng con người", và trong đời sống tinh thần, sự mặc khải xuất hiện khác với loại thấu hiểu mang tính thế tục hơn. Trong trường hợp thứ nhất, mang tính thế tục hơn, sự thấu hiểu là kết quả của việc xử lý sự kiện được trình bày; trong trường hợp thứ hai, một thái độ thấu hiểu gây ra hoặc làm ngưng tụ sự mặc khải về những gì có thể gọi là các 'nguồn năng lượng' của bất kỳ sự kiện nào được trình bày.

34. What is revealed are the deep roots of present conditions—both as regards the individual self (and the groups to which it may belong) *and* the Divine Plan.

34. Những gì được mặc khải là các cội rễ sâu xa của những hoàn cảnh hiện tại—cả về bản ngã cá nhân (và những nhóm mà bản ngã ấy có thể thuộc về) *lẫn* Thiên Cơ.

35. What spirit knows and experiences is revealed through the aid of understanding.

35. Những gì tinh thần biết và trải nghiệm được mặc khải nhờ sự trợ giúp của sự thấu hiểu.

36. Without the functioning of the heart and the heart in the head (organs of

36. Nếu tâm và tâm trong đầu (các cơ quan thấu hiểu) không hoạt động, những mặc

understanding) such revelations will not precipitate from the realm of spirit.

khải như thế sẽ không ngưng tụ từ lĩnh vực tinh thần.

37. Who is the "initiator in yourself"? Ultimately, it is the spirit/monad, who is already (through its high estate) initiate. To understand "the initiator in yourself" is to understand the spirit/monad.

37. Ai là "đấng điểm đạo bên trong mình"? Xét đến cùng, đó là tinh thần/chân thần, vốn đã là một điểm đạo đồ (nhờ địa vị cao cả của mình). Thấu hiểu "đấng điểm đạo bên trong mình" là thấu hiểu tinh thần/chân thần.

38. Understanding, therefore, is to be directed not only to the presented fact but to that within us which asserts the fact—i.e., to the monad! DK's wording is full of hints. It is only through and achieved understanding of the spirit/monad that the revelations of the spirit/monad can descend.

38. Do đó, sự thấu hiểu cần hướng không chỉ đến sự kiện được trình bày mà còn đến điều bên trong chúng ta vốn khẳng định sự kiện ấy—tức là chân thần! Cách diễn đạt của Chân sư DK chứa đầy những gợi ý. Chỉ khi đạt được sự thấu hiểu về tinh thần/chân thần, những mặc khải của tinh thần/chân thần mới có thể giáng xuống.

39. If we have to "brace" ourselves for revelation, it cannot be easy to bear. Nothing from the realm of spirit is easy to bear, as it carries the 'shocking' energy of electric fire. The contrast between archetype and actuality is a tremendous shock to consciousness, and maybe to the actual energy system.

39. Nếu chúng ta phải "chuẩn bị vững vàng" để đón nhận sự mặc khải, hẳn không dễ chịu đựng sự mặc khải ấy. Không điều gì đến từ lĩnh vực tinh thần lại dễ chịu đựng, vì nó mang năng lượng 'gây chấn động' của lửa điện. Sự tương phản giữa nguyên mẫu và thực tế là một cú sốc dữ dội đối với tâm thức, và có lẽ cả đối với hệ thống năng lượng thực tế.

Each of you has to initiate your own individual crises; there is no one else who is responsible.

Mỗi người trong các bạn phải khởi phát những cuộc khủng hoảng riêng; không ai khác chịu trách nhiệm.

40. This is a remarkable thought. It requires that we purposefully create the right kind of disturbance in our lives by imposing the energy of spirit/monad upon conditions. We cannot expect that the Master will cause such crises, or even that the Solar Angel will. We, ourselves, the soul in incarnation, are the precipitator of crisis.

40. Đây là một tư tưởng đáng chú ý. Nó đòi hỏi chúng ta chủ đích tạo ra loại xáo trộn đúng đắn trong đời mình bằng cách áp đặt năng lượng của tinh thần/chân thần lên các hoàn cảnh. Chúng ta không thể trông đợi Chân sư sẽ gây ra những cuộc khủng hoảng như thế, hay ngay cả Thái dương Thiên Thần cũng vậy. Chính chúng ta, linh hồn đang nhập thể, là tác nhân làm ngưng tụ khủng hoảng.

41. If we follow the promptings of the Solar Angel (which can be interpreted as the mediated promptings of spirit) we can be assured that crisis will eventuate—principally soul crises, but necessarily involving the personality. To follow such promptings is always disruptive of comfort. The Solar Angel has much to wrestle with when considering the personal man.

41. Nếu chúng ta làm theo những thôi thúc của Thái dương Thiên Thần (có thể hiểu là những thôi thúc của tinh thần qua trung gian), chúng ta có thể chắc chắn rằng khủng hoảng sẽ xảy ra—chủ yếu là những khủng hoảng linh hồn, nhưng tất yếu liên quan đến phàm ngã. Làm theo những thôi thúc như vậy luôn phá vỡ sự thoải mái. Thái dương Thiên Thần có nhiều điều phải vật lộn khi xét đến con người phàm ngã.

Each of you together initiates the activity for which the group is responsible and for which you have been brought together; each of you initiates himself into the Presence, through the medium of the Angel, and into the shadow of the Dweller on the Threshold. Through this process, full consciousness is achieved.

Từng người trong các bạn cùng khởi phát hoạt động mà nhóm chịu trách nhiệm và vì đó các bạn đã được tập hợp lại; mỗi người tự điểm đạo để bước vào Hiện Diện, qua trung gian của Thiên Thần, và bước vào bóng của Kẻ Chận Ngõ. Qua tiến trình này, tâm thức trọn vẹn được thành tựu.

42. The various ways in which we are initiators are brought to our attention. It is we who have to take the initiative to initiate. The value of passivity or any purely expectant attitude is negated.

42. Đoạn này lưu ý chúng ta về những cách khác nhau mà qua đó chúng ta là những người khởi xướng. Chính chúng ta phải chủ động khởi xướng. Giá trị của sự thụ động hay bất kỳ thái độ thuần túy chờ đợi nào đều bị phủ nhận.

43. If we wish to reach the Presence which is the monad, we must do so through the relationship we initiate with the Angel. This is, at least, one mode of approach. The Presence can also be reached more directly through the antahkarana process, but let us remember how much the 'Angel-as-soul participates' in that process, for we appropriate its energy in order to project consciousness into the spiritual triad.

43. Nếu muốn đạt đến Hiện Diện vốn là chân thần, chúng ta phải thực hiện điều đó qua mối quan hệ mà chúng ta khởi lập với Thiên Thần. Ít nhất, đây là một phương thức tiếp cận. Cũng có thể đạt đến Hiện Diện một cách trực tiếp hơn qua tiến trình antahkarana, nhưng chúng ta hãy nhớ 'Thiên Thần với tư cách là linh hồn tham gia' sâu rộng đến mức nào vào tiến trình ấy, vì chúng ta thu dụng năng lượng của Thiên Thần để phóng chiếu tâm thức vào Tam Nguyên Tinh Thần.

44. It is interesting and important that we, ourselves, must precipitate a confrontation with the Dweller. Only if we are willing to do so will "full consciousness" be achieved.

44. Một điều thú vị và quan trọng là chính chúng ta phải thúc đẩy cho cuộc đối diện với Kẻ Chận Ngõ xảy ra. Chỉ khi chúng ta sẵn

lòng làm như vậy mới có thể đạt được "tâm thức trọn vẹn".

The work of this group, and of other groups similarly motivated, is to achieve these undertakings together: Together to face the Dweller and triumph; together to arrive at understanding; together to stand before the Presence because the Angel's light reveals "that which the eye has never seen;" together to walk the Path of Revelation; together to [15] serve and together to aid the faltering steps of humanity, the world aspirant; together to stand with your backs to the light because you comprehend the ancient aphorism which states:

Công việc của nhóm này, và của những nhóm khác có động lực tương tự, là cùng nhau hoàn thành những nhiệm vụ sau: Cùng nhau đối diện với Kẻ Chận Ngõ và chiến thắng; cùng nhau đạt đến sự thấu hiểu; cùng nhau đứng trước Hiện Diện vì ánh sáng của Thiên Thần mặc khải "điều mắt chưa từng thấy"; cùng nhau bước trên Con Đường Mặc Khải; cùng nhau [15] phụng sự và cùng nhau trợ giúp những bước đi chập chững của nhân loại, người chí nguyện thế gian; cùng nhau đứng quay lưng về phía ánh sáng vì các bạn thấu hiểu câu cách ngôn cổ xưa rằng:

45. This is a beautiful paragraph inspiring us to true group service. What is here enjoined is no longer an individual matter, but must be undertaken in a concerted manner by the group.

45. Đây là một đoạn văn đẹp, truyền cảm hứng cho chúng ta hướng đến việc phụng sự nhóm đích thực. Điều được yêu cầu ở đây không còn là chuyện cá nhân, mà nhóm phải cùng phối hợp thực hiện.

46. So that we may see the requirements more distinctly, let us tabulate them:

46. Để thấy rõ hơn các yêu cầu, chúng ta hãy liệt kê chúng:

1. together to face the Dweller and triumph

1. cùng nhau đối diện với Kẻ Chận Ngõ và chiến thắng

2. together to arrive at understanding

2. cùng nhau đạt đến sự thấu hiểu

3. together to stand before the Presence because the Angel's light reveals "that which the eye has never seen"

3. cùng nhau đứng trước Hiện Diện vì ánh sáng của Thiên Thần mặc khải "điều mắt chưa từng thấy"

4. together to walk the Path of Revelation

4. cùng nhau bước trên Con Đường Mặc Khải

5. together to serve and together to aid the faltering steps of humanity, the world aspirant

5. cùng nhau phụng sự và cùng nhau trợ giúp những bước đi chập chững của nhân loại, người chí nguyện thế gian

6. together to stand with our backs to the light

6. cùng nhau đứng quay lưng về phía ánh sáng

47. What does the Angel's light reveal?—"that which the eye has never seen". This is another name for the spirit, and it gives us the hint that spirit cannot be treated as objective, i.e., capable of being "seen" by the eye. One must *be* spirit rather than *see* it.

47. Ánh sáng của Thiên Thần mặc khải điều gì?—"điều mắt chưa từng thấy". Đây là một tên gọi khác của tinh thần, và cho chúng ta một gợi ý rằng không thể xem tinh thần là một đối tượng khách quan, nghĩa là một thứ mà mắt có thể "nhìn thấy". Người ta phải *là* tinh thần thay vì *nhìn thấy* tinh thần.

48. Below is an aphorism well worthy of memorization, understanding and application.

48. Dưới đây là một câu cách ngôn rất đáng để ghi nhớ, thấu hiểu và áp dụng.

"He who faces the light and stands within its radiance is blinded to the issues of the world of men; he passes on the lighted way to the great Centre of Absorption. But he who feels the urge to pass that way, yet loves his brother on the darkened path, revolves upon the pedestal of light and turns the other way.

"Người hướng mặt về ánh sáng và đứng trong hào quang của nó sẽ không còn thấy những vấn đề của thế giới loài người; y tiến trên con đường được soi sáng đến Trung Tâm Thu Nhiếp vĩ đại. Nhưng người cảm thấy thôi thúc bước trên con đường ấy, mà vẫn yêu thương huynh đệ mình trên lối đi tăm tối, sẽ xoay mình trên bệ ánh sáng và quay về hướng khác.

49. The Bodhisattva's Path is distinguished from the path of those aspirants (be they initiates or Buddhas) who think more of themselves and their ability to reach the goal.

49. Con Đường Bồ Tát khác với con đường của những người chí nguyện (dù họ là điểm đạo đồ hay các vị Phật) vốn nghĩ nhiều hơn đến bản thân và khả năng đạt đến mục tiêu của mình.

50. We notice that there is an inherent division in the lives of those who tread the Bodhisattva Path. They are drawn toward the Great Centre of Absorption (which, for the moment, we can consider as Shamballa) and yet they are also drawn towards suffering humanity, still imprisoned in the lower three worlds.

50. Chúng ta nhận thấy rằng trong cuộc sống của những người bước trên Con Đường Bồ Tát vốn có một sự phân chia. Họ chịu sức thu hút hướng về Trung Tâm Thu Nhiếp Vĩ Đại (mà lúc này chúng ta có thể xem là Shamballa), nhưng đồng thời cũng chịu sức thu hút hướng về nhân loại đau khổ, vẫn còn bị giam hãm trong ba cõi thấp.

51. The pedestal of light may well be considered the achieved result of initiation, most specifically, the third initiation.

51. Có thể xem bệ ánh sáng là thành quả đạt được qua điểm đạo, cụ thể nhất là lần điểm đạo thứ ba.

52. We have the choice; we avail ourselves of either option—to pass directly to the Great Center or to revolve upon the "pedestal of light" in order to serve the darkened world.

52. Chúng ta có quyền lựa chọn; chúng ta chọn một trong hai khả năng—tiến thẳng đến Trung Tâm Vĩ Đại hoặc xoay mình trên "bệ ánh sáng" để phụng sự thế giới tăm tối.

"He faces towards the dark and then the seven points of light within himself transmit the outward streaming light, and lo! the face of those upon the darkened way receives that light. For them, the way is not so dark. Behind the warriors—twixt the light and dark—blazes the light of Hierarchy."

"Y hướng mặt về bóng tối, rồi bảy điểm ánh sáng bên trong y truyền đi ánh sáng tuôn ra ngoài, và kìa! gương mặt những người trên con đường tăm tối đón nhận ánh sáng ấy. Đối với họ, con đường không còn tối tăm đến thế. Phía sau những chiến sĩ—giữa ánh sáng và bóng tối—ánh sáng của Thánh đoàn rực cháy."

53. The dark is the dark of the lower three worlds in which the mass of humanity is trapped.

53. Bóng tối ấy là bóng tối của ba cõi thấp mà đại đa số nhân loại đang mắc kẹt trong đó.

54. The seven points of light may be considered the seven chakras but, more specifically, the seven head centers which are *directing* chakras.

54. Có thể xem bảy điểm ánh sáng là bảy luân xa, nhưng cụ thể hơn là bảy trung tâm ở đầu, vốn là những luân xa *chỉ đạo*.

55. We note that it is the "face" of those upon the darkened way that receives the light. When light falls upon the face, it serves to reorient the traveler, for it reaches his eyes, of course.

55. Chúng ta lưu ý rằng chính "gương mặt" của những người trên con đường tăm tối đón nhận ánh sáng. Khi ánh sáng chiếu lên gương mặt, nó giúp người lữ hành định hướng lại, vì dĩ nhiên ánh sáng ấy chiếu đến mắt y.

56. We are to be as light bearers, as shafts of light penetrating the darkness, somewhat lighting the way of those who grope in darkness.

56. Chúng ta phải là những người mang ánh sáng, như những tia sáng xuyên vào bóng tối, phần nào soi đường cho những người đang dò dẫm trong bóng tối.

57. We receive a new definition of ourselves: we are "warriors—twixt the light and dark". Let every disciple take this description to

57. Chúng ta nhận được một định nghĩa mới về chính mình: chúng ta là những "chiến sĩ—giữa ánh sáng và bóng tối". Mong mỗi đệ

heart. The battle is often for the light. Let what we do contribute to the necessary enlightenment and in no way feed illusion, glamor and maya.

tử khắc ghi lời mô tả này trong lòng. Cuộc chiến thường là vì ánh sáng. Mong những việc chúng ta làm góp phần vào sự giác ngộ cần thiết và tuyệt nhiên không nuôi dưỡng ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực.

I have been thinking of you all with tenderness and love. The struggle is so hard and oft you feel alone. There is strength in all of you or I would not have chosen you to serve your fellowmen with me; there is weakness in all of you which can evoke your brothers' strength and thus you will be strong; there is love in all of you but it needs expression, and for that the group exists; there is light in all of you and with that light you serve.

Tôi đã nghĩ đến tất cả các bạn với lòng trìu mến và tình thương. Cuộc đấu tranh quá gian nan và các bạn thường cảm thấy cô đơn. Trong tất cả các bạn đều có sức mạnh, nếu không Tôi đã chẳng chọn các bạn để phụng sự đồng loại cùng Tôi; trong tất cả các bạn đều có sự yếu đuối có thể khơi dậy sức mạnh nơi các huynh đệ, và nhờ đó các bạn sẽ mạnh mẽ; trong tất cả các bạn đều có tình thương nhưng tình thương ấy cần được biểu lộ, và đó là lý do nhóm hiện hữu; trong tất cả các bạn đều có ánh sáng, và các bạn phụng sự bằng ánh sáng ấy.

58. The Master is many things to His chelas. He cannot be only one thing and have only one attitude. Psychological states are continually changing and the Master must have the adaptability to respond to such changing states. From Him may also emanate tenderness and love as well as injunctions to greater effort.

58. Chân sư đảm nhận nhiều vai trò đối với các đệ tử của Ngài. Ngài không thể chỉ đảm nhận một vai trò và chỉ có một thái độ. Các trạng thái tâm lý không ngừng thay đổi, và Chân sư phải có khả năng thích ứng để đáp ứng những trạng thái biến đổi ấy. Từ Ngài cũng có thể toát ra lòng trìu mến và tình thương, cũng như những lời yêu cầu nỗ lực nhiều hơn.

59. Is DK not demonstrating the very understanding and identification of which He has been speaking in this instruction?

59. Chẳng phải Chân sư DK đang thể hiện chính sự thấu hiểu và đồng hoá mà Ngài đã nói đến trong huấn thị này sao?

60. In this section He strengthens us and even identifies our weakness as a factor which may invoke strength, if not in us, then in those who care about us and the group process. Have we ever thought of the usefulness (to our group brothers) of our own weakness?

60. Trong phần này, Ngài tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta và thậm chí còn xác định sự yếu đuối của chúng ta là một yếu tố có thể khẩn cầu sức mạnh, nếu không phải nơi chúng ta thì nơi những người quan tâm đến chúng ta và tiến trình của nhóm. Chúng ta đã bao giờ nghĩ đến sự hữu ích của chính sự yếu đuối của mình đối với các huynh đệ trong nhóm chưa?

61. We are possessed of strength, weakness, love and light. What is said here of His chelas (at that time) can doubtlessly be said of us.

61. Chúng ta có sức mạnh, sự yếu đuối, tình thương và ánh sáng. Chắc chắn những điều nói ở đây về các đệ tử của Ngài (vào thời điểm ấy) cũng có thể nói về chúng ta.

62. It stands out that love, though existent in His chelas, needs expression, and that the group exists for this purpose (at least this is one of the purposes of the group).

62. Điều nổi bật là tình thương, dù hiện hữu trong các đệ tử của Ngài, vẫn cần được biểu lộ, và nhóm tồn tại vì mục đích này (ít nhất đây là một trong những mục đích của nhóm).

63. We see that the Master is indeed a master at facilitating necessary changes of energy. In other words, He knows just what to say to "turn things around" and beneficently alter present, inadequate energy states.

63. Chúng ta thấy rằng Chân sư quả thực là bậc thầy trong việc tạo điều kiện cho những thay đổi cần thiết về năng lượng. Nói cách khác, Ngài biết chính xác cần nói gì để "xoay chuyển tình thế" và thay đổi theo hướng tốt lành những trạng thái năng lượng hiện tại còn bất cập.

As the Hierarchy stands as a centre of light and strength to humanity, so do your souls stand to you, and—as your Master—I blend my light with yours and thus increase the efficiency of your service;

Như Thánh đoàn là một trung tâm ánh sáng và sức mạnh đối với nhân loại, linh hồn các bạn cũng như thế đối với các bạn, và—với tư cách Chân sư của các bạn—Tôi hòa ánh sáng của Tôi với ánh sáng của các bạn, nhờ đó gia tăng hiệu quả phụng sự của các bạn;

64. An important analogy is given: Hierarchy's light and strength/humanity = the soul's light and strength/the disciple.

64. Một phép tương đồng quan trọng được nêu ra: ánh sáng và sức mạnh của Thánh đoàn/nhân loại = ánh sáng và sức mạnh của linh hồn/người đệ tử.

65. A mode in which the Master serves is given—the blending of light. Have we ever felt as we meditated, studied or offered service, that the Master's light was blending with our own? Let us be alert to the possibility of such blendings.

65. Một phương thức phụng sự của Chân sư được nêu ra—sự hòa trộn ánh sáng. Khi tham thiền, học tập hay phụng sự, chúng ta đã bao giờ cảm thấy ánh sáng của Chân sư đang hòa với ánh sáng của chính mình chưa? Chúng ta hãy lưu tâm đến khả năng có những sự hòa trộn như thế.

66. We note the result of the blending of the Master's light with our own—efficiency in service. This is to be pondered.

66. Chúng ta ghi nhận kết quả của sự hòa trộn ánh sáng của Chân sư với ánh sáng của

chúng ta—hiệu quả trong phụng sự. Đây là điều cần suy ngẫm.

I blend my love with the love which pours forth from the soul towards each of you, and thus I deepen the relation of love between each and all of you.

Tôi hòa tình thương của Tôi với tình thương tuôn trào từ linh hồn đến từng người trong các bạn, qua đó làm sâu sắc thêm mối quan hệ yêu thương giữa từng người và tất cả các bạn.

67. The Master also blends his love with the love of the soul pouring forth to us. Thus we see the cooperation of the Master with the Solar Angel who pours forth love upon soul in incarnation manifesting through the personality.

67. Chân sư cũng hòa tình thương của Ngài với tình thương của linh hồn đang tuôn trào đến chúng ta. Như vậy, chúng ta thấy sự hợp tác giữa Chân sư và Thái dương Thiên Thần, Đấng tuôn đổ tình thương xuống linh hồn đang nhập thể và biểu hiện qua phàm ngã.

68. Have we noticed that there are times when the love between group members seems to increase? Have we thought that the presence of the Master's love could be responsible for this augmentation?

68. Chúng ta có nhận thấy rằng có những lúc tình thương giữa các thành viên trong nhóm dường như gia tăng không? Chúng ta có nghĩ rằng sự hiện diện của tình thương từ Chân sư có thể là nguyên nhân của sự gia tăng này không?

69. We are given to understand some small aspect of the Master's subjective work in relation to each of us and to the ashramically-related groups of which we may be a part.

69. Chúng ta được giúp thấu hiểu một phương diện nhỏ trong công việc chủ quan của Chân sư đối với mỗi người chúng ta và đối với các nhóm có liên hệ với ashram mà chúng ta có thể là thành viên.

It is not often that I speak to you in this manner, but in the process of freeing you for increased service I have drawn nearer to you and my love surrounds you.

Tôi không thường nói với các bạn theo cách này, nhưng trong tiến trình giải phóng các bạn để phụng sự nhiều hơn, Tôi đã đến gần các bạn hơn, và tình thương của Tôi bao bọc các bạn.

70. Yes, this is a rare instance, if one but compares Master DK's usual mode of address.

70. Đúng vậy, đây là một trường hợp hiếm hoi, chỉ cần so sánh với cách nói chuyện thông thường của Chân sư DK là thấy.

71. He has assessed the situation and, being a Master in energy manipulation, has decided that this closer approach is now needed.

71. Ngài đã đánh giá tình hình và, là một Chân sư tinh thông việc vận dụng năng lượng, Ngài đã quyết định rằng lúc này cần đến sự tiếp cận gần gũi hơn ấy.

72. One can sense the effect which such a drawing-near must have had.

72. Chúng ta có thể cảm nhận được tác động mà sự đến gần như thế hẳn đã tạo ra.

73. Many there are who wish that the Master could always act in this manner, but it would not serve the development of His chelas.

73. Có nhiều người mong Chân sư luôn có thể hành động theo cách này, nhưng điều đó sẽ không giúp ích cho sự phát triển của các đệ tử của Ngài.

Learn, my brothers, the meaning of words, their transmitting potency and their spiritual significance.

Hỡi các huynh đệ của Tôi, hãy học ý nghĩa của ngôn từ, tiềm lực truyền đạt và thâm nghĩa tinh thần của chúng.

74. DK has used words in a manner which will convey to those who "learn"—their meaning, their transmitting potency and their spiritual significance.

74. Chân sư DK đã dùng từ ngữ theo cách truyền đạt cho những ai "học hỏi" ý nghĩa, năng lực truyền dẫn và thâm nghĩa tinh thần của chúng.

75. Has He not transmitted much to the chelas through the potent words just written? Have we not sensed His blending light and love through the foregoing paragraphs? His words carry the energies of light and love.

75. Chẳng phải Ngài đã truyền đạt rất nhiều điều cho các đệ tử qua những lời đầy quyền năng vừa viết đó sao? Chẳng phải chúng ta đã cảm nhận được sự hòa quyện ánh sáng và tình thương của Ngài qua những đoạn trên sao? Lời Ngài mang những năng lượng của ánh sáng và tình thương.

76. He is asking us to consider words in three ways: from the perspective of meaning, transmitting potency and spiritual significance. Can we differentiate these three levels as they pertain to mind, soul and spirit?

76. Ngài yêu cầu chúng ta xem xét từ ngữ theo ba cách: từ góc độ ý nghĩa, năng lực truyền dẫn và thâm nghĩa tinh thần. Chúng ta có thể phân biệt ba cấp độ này trong mối liên hệ của chúng với thể trí, linh hồn và tinh thần không?

I am going to take the time and spare the needed energy to get in touch with the group during the coming full moons, prior to that of May. I ask you, at no matter what hour the [16] full moon each month may

Tôi sẽ dành thời gian và phần năng lượng cần thiết để tiếp xúc với nhóm vào những kỳ trăng tròn sắp tới, trước kỳ trăng tròn tháng Năm. Tôi yêu cầu các bạn, bất kể kỳ [16] trăng tròn mỗi tháng rơi vào giờ nào, hãy cố

fall, to endeavour to keep half an hour free so that you can attempt to enter into my consciousness.

gắng dành riêng nửa giờ để có thể thử đi vào tâm thức của Tôi.

77. Is such contact with the Master still possible or did it refer only to His group at that time? I think it would be the course of wisdom to "act-as-if" it were still possible—today. It would be at precisely such a time that the Master would be alert to the possibility of contacting or inspiring His chelas—even if they do not know that they are His chelas.

77. Liệu sự tiếp xúc như thế với Chân sư vẫn còn khả thi, hay điều đó chỉ dành cho nhóm của Ngài vào thời ấy? Tôi nghĩ cách hành xử khôn ngoan là "hành động như thể" điều đó vẫn còn khả thi—ngày nay. Chính vào thời điểm như thế, Chân sư sẽ lưu tâm đến khả năng tiếp xúc với các đệ tử của Ngài hoặc truyền cảm hứng cho họ—ngay cả khi họ không biết mình là đệ tử của Ngài.

I realise that it may not always be possible for you in your busy Western lives to keep the exact minute free, but you can attempt to find some time, as near to the full moon period as is reasonably possible in your own particular circumstances.

Tôi nhận ra rằng trong cuộc sống bận rộn ở phương Tây, không phải lúc nào các bạn cũng có thể dành đúng thời điểm ấy, nhưng các bạn có thể cố gắng tìm một khoảng thời gian gần kỳ trăng tròn nhất có thể, trong chừng mực hợp lý với hoàn cảnh riêng của mình.

78. I assume that we do likewise. If it were not important for the ashramically related work, Master DK would not insist upon it.

78. Tôi cho rằng chúng ta cũng làm như vậy. Nếu điều đó không quan trọng đối với công việc liên quan đến ashram, Chân sư DK đã không nhấn mạnh yêu cầu ấy.

This, my brother, is to be a group effort, and not an individual one, and it is as a group that I shall seek to contact you. Therefore it is necessary for you to have this in your mind as you prepare for that moment.

Huynh đệ của tôi, đây phải là một nỗ lực nhóm, chứ không phải nỗ lực cá nhân, và Tôi sẽ tìm cách tiếp xúc với các bạn với tư cách một nhóm. Vì vậy, các bạn cần ghi nhớ điều này khi chuẩn bị cho thời điểm ấy. Trước hết,

79. When we approach the Master in mediation at the time of the Full Moon, do we do so as individuals, or as a group? Or as the individual identified with and, better, *as* the group?

79. Khi đến với Chân sư trong tham thiền vào thời điểm Trăng Tròn, chúng ta đến với tư cách những cá nhân, hay với tư cách một nhóm? Hay với tư cách cá nhân đồng hóa với nhóm và, đúng hơn, *là* nhóm?

You must link up first with all the group members, pouring yourself out in love to each of them, and to all collectively, and

các bạn phải liên kết với mọi thành viên trong nhóm, tuôn tràn tình thương đến từng người và toàn thể nhóm, đồng thời kết nối mình với họ như một phần với toàn thể.

associating yourself with them as a part with the whole.

80. It is to be remembered that if we wish to link up with our fellow group members, the most expedient way of doing so is to pour ourselves out in love to each group member. This is so utterly simple. Do we work in this manner? If not, we are missing a great opportunity.

80. Cần nhớ rằng nếu muốn liên kết với những thành viên đồng nhóm, cách hữu hiệu nhất là tuôn tràn tình thương của mình đến từng thành viên trong nhóm. Điều này thật vô cùng đơn giản. Chúng ta có làm việc theo cách ấy không? Nếu không, chúng ta đang bỏ lỡ một cơ hội lớn.

81. A very powerful Full Moon Meditation is given immediately below.

81. Ngay dưới đây là một bài thiền Trăng Tròn rất mạnh mẽ.

Then in united effort attempt the following procedure:

Sau đó, trong nỗ lực hợp nhất, hãy thử thực hiện tiến trình sau:

1. Having linked up with all your group brothers, and having raised your consciousness as high as you possibly can, endeavour then to hold steady, holding the mind unwaveringly "in the light," and letting the brain consciousness and its registration drop below the level of consciousness.

1. Sau khi đã liên kết với mọi huynh đệ trong nhóm và nâng tâm thức lên cao nhất có thể, hãy cố gắng giữ vững trạng thái ấy, giữ thể trí không dao động "trong ánh sáng", và để tâm thức bộ não cùng những ghi nhận của nó lắng xuống dưới ngưỡng tâm thức.

82. A mind held unwaveringly "in the light" will drop the testimony of the senses, i.e., cognizance of the immediate material surroundings.

82. Một thể trí được giữ không dao động "trong ánh sáng" sẽ buông bỏ những gì các giác quan cho biết, tức là sự nhận biết về môi trường vật chất ngay xung quanh.

83. It is, indeed, possible to be so much *in the mind* that one has no sense of being *in the brain.* Of course the brain is at work but its normal testimony is silenced—at least consciousness does not perceive it. In general, right intensification silences a vibratory domain which is to be tuned out.

83. Quả thực, chúng ta có thể ở *trong thể trí* sâu đến mức không còn cảm thấy mình ở *trong bộ não.* Dĩ nhiên, bộ não vẫn hoạt động, nhưng những gì nó thường cho biết đã lắng im—ít nhất tâm thức không nhận biết những điều ấy. Nói chung, sự tăng cường đúng đắn làm lắng im một miền rung động mà chúng ta cần ngừng bắt nhận.

2. Then initiate a new effort. Realise that, on my side, I also stand steady, pouring out upon you my love and strength and

2. Sau đó, hãy khởi sự một nỗ lực mới. Hãy nhận biết rằng, về phía Tôi, Tôi cũng đứng vững, tuôn đổ tình thương và sức mạnh của

endeavouring to lift you up into a higher state of consciousness.

Tôi xuống các bạn, đồng thời cố gắng nâng các bạn lên một trạng thái tâm thức cao hơn.

84. We see how the creative imagination is used to augment realization.

84. Chúng ta thấy sự tưởng tượng sáng tạo được sử dụng như thế nào để tăng cường sự nhận biết.

85. Occult work is extremely subtle. The energy transfers required are, for the most part, subjective.

85. Công việc huyền bí vô cùng tinh tế. Những sự chuyển dịch năng lượng cần thiết phần lớn đều mang tính chủ quan.

3. Visualise ahead of you (if I may use so inadequate a word) a disk or sphere of indigo blue, a deep electric blue. In the centre of that disk imagine that I, your Tibetan brother, am standing. My appearance and personality matter not.

3. Hãy hình dung phía trước các bạn (nếu Tôi có thể dùng một từ không đủ sức diễn tả như vậy) một đĩa tròn hoặc khối cầu màu xanh chàm, một màu xanh điện thẫm. Ở trung tâm đĩa tròn ấy, hãy tưởng tượng rằng Tôi, huynh đệ Tây Tạng của các bạn, đang đứng. Diện mạo và phàm ngã của Tôi không quan trọng.

86. We see that spatial terms are not really accurate but must, perforce, be used. The imagination may see the disk as if it were ahead, but the visualization is only symbolic and not to be taken literally.

86. Chúng ta thấy rằng các thuật ngữ không gian không thực sự chính xác, nhưng vẫn buộc phải sử dụng. Sự tưởng tượng có thể thấy đĩa tròn như thể nó ở phía trước, nhưng sự hình dung này chỉ mang tính biểu tượng và không nên hiểu theo nghĩa đen.

87. We find indigo blue described in other terms as a “deep electric blue”. For some types of imaginations, this may prove helpful.

87. Chúng ta thấy màu xanh chàm được mô tả bằng một cách diễn đạt khác là “màu xanh điện thẫm”. Đối với một số kiểu tưởng tượng, cách diễn đạt này có thể hữu ích.

88. The visualization of certain colors summons certain energies, and, in this case, puts the one who visualizes en rapport with the second ray of Love Wisdom and with the Tibetan who, in His soul nature, at least, is on this ray.

88. Việc hình dung những màu sắc nhất định triệu gọi những năng lượng nhất định, và trong trường hợp này, đưa người hình dung vào sự giao cảm với cung hai Bác Ái – Minh Triết và với Chân sư Tây Tạng, Đấng mà ít nhất về bản chất linh hồn của Ngài, thuộc cung này.

89. One wonders about the “electric” nature of the blue, as this may suggest the first ray. We remember that that Tibetan has

89. Chúng ta tự hỏi về bản chất “điện” của màu xanh ấy, vì điều này có thể gợi đến cung một. Chúng ta nhớ rằng bản chất Tam

somewhat of the first ray in His triadal nature.

"Bear in mind that first ray disciples are in my Ashram, and that there are aspects of my nature which are of first ray origin, but when you remember this, bear also in mind that the aspect to which I refer is Triadal." (DINA II 761)

90. The Tibetan refers to Himself as a "brother" rather than as His chelas' Master. This reference must be deliberate and is productive of unity with the aspiring group.

91. A direct statement is here offered about the secondary nature of "appearance and personality". At one point Master DK does, somewhat, describe His appearance, but He seems to want to avoid too much emphasis upon the outer form. It is attunement with the quality of the Master that counts.

4. When you have visualised me thus standing waiting, then endeavour to see—stretching between yourself, the group and me—a band of golden light and know this to be the symbol of the Path which we are all treading.

92. We are dealing with the blue and the gold (or yellow), said by some to be the colors particularly associated with Master DK.

93. The golden band of light is symbolic of the Path which all true disciples must tread. It is a path devoid of lunar control. The Moon is symbolically silvery; the Sun-as-soul is golden.

Nguyên Tinh Thần của Chân sư Tây Tạng có phần thuộc cung một.

"Hãy ghi nhớ rằng trong Ashram của Tôi có các đệ tử cung một, và có những phương diện trong bản chất của Tôi có nguồn gốc từ cung một; nhưng khi nhớ điều này, cũng hãy ghi nhớ rằng phương diện mà Tôi đề cập đến thuộc Tam Nguyên Tinh Thần." (DINA II 761)

90. Chân sư Tây Tạng tự xưng là một "huynh đệ" thay vì là Chân sư của các đệ tử của Ngài. Cách xưng hô này hẳn là có chủ ý và tạo nên sự hợp nhất với nhóm đang hướng nguyện.

91. Ở đây có một lời khẳng định trực tiếp rằng "diện mạo và phàm ngã" chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Ở một chỗ, Chân sư DK quả có mô tả phần nào diện mạo của Ngài, nhưng dường như Ngài muốn tránh nhấn mạnh quá nhiều vào hình tướng bên ngoài. Điều quan trọng là sự hòa điệu với phẩm tính của Chân sư.

4. Khi đã hình dung Tôi đứng chờ như vậy, hãy cố gắng nhìn thấy một dải ánh sáng vàng kim trải dài giữa các bạn, nhóm và Tôi, và biết rằng đây là biểu tượng của Đường Đạo mà tất cả chúng ta đang bước đi.

92. Chúng ta đang bàn đến màu xanh và màu vàng kim (hoặc vàng), mà theo một số người, là những màu đặc biệt gắn liền với Chân sư DK.

93. Dải ánh sáng vàng kim tượng trưng cho Đường Đạo mà mọi đệ tử chân chính đều phải bước đi. Đó là một con đường không chịu sự kiểm soát của Mặt Trăng. Về mặt biểu tượng, Mặt Trăng có màu bạc; Mặt Trời với tư cách là linh hồn có màu vàng kim.

94. DK reminds us that He, too, continues to tread the Path—something we must not forget.

94. Chân sư DK nhắc chúng ta rằng Ngài cũng tiếp tục bước trên Đường Đạo—một điều chúng ta không được quên.

95. The band also is a kind of antahkarana leading to buddhic levels (color yellow). The Master's Ashram is on the buddhic level of the spiritual triad.

95. Dải sáng ấy cũng là một loại antahkarana dẫn đến các cấp độ Bồ đề (màu vàng). Ashram của Chân sư nằm ở cấp độ Bồ đề của Tam Nguyên Tinh Thần.

See this path gradually shortening, thus bringing us closer together, slowly and steadily, until you enter into the heart of the blue disk.

Hãy thấy con đường này dần ngắn lại, đưa chúng ta đến gần nhau hơn, chậm rãi và vững vàng, cho đến khi các bạn đi vào tâm của đĩa tròn màu xanh.

96. This shortening reminds me of the statement that "Mercury and the Sun are one". The intermediary function of Mercury gradually lessens and we find ourselves in a state of identification within the Sun of our life—the monad, eventually.

96. Sự rút ngắn này khiến tôi nhớ đến lời khẳng định rằng "Sao Thủy và Mặt Trời là một". Chức năng trung gian của Sao Thủy dần giảm đi, và cuối cùng chúng ta thấy mình ở trong trạng thái đồng nhất bên trong Mặt Trời của sự sống chúng ta—chân thần.

97. Let us remember, too, that our Solar Logos (of which all lesser intra-systemic suns are reflections) is called the "Blue Logos".

97. Chúng ta cũng hãy nhớ rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta (mà mọi mặt trời nhỏ hơn bên trong hệ mặt trời đều là những phản chiếu của Ngài) được gọi là "Thượng đế Xanh".

Whilst doing this, hold the mind positive and attentive, using simultaneously the faculties of imagination and of [17] visualisation.

Trong khi thực hiện điều này, hãy giữ thể trí chủ động và chú tâm, đồng thời sử dụng các năng lực tưởng tượng và [17] hình dung.

98. Are the faculties of imagination and visualization distinct? We might say that visualization corrects and moulds imagination, which is more free and spontaneous and less mind-directed.

98. Năng lực tưởng tượng và năng lực hình dung có khác biệt nhau không? Chúng ta có thể nói rằng sự hình dung điều chỉnh và định hình sự tưởng tượng, vốn tự do và tự phát hơn, đồng thời ít chịu sự chỉ đạo của thể trí hơn.

99. To use imagination we must relax the grip which the mind often has over the image-making faculty, but, then, the images

99. Để sử dụng sự tưởng tượng, chúng ta phải nới lỏng sự kiềm giữ mà thể trí thường áp đặt lên năng lực tạo hình ảnh, nhưng sau

which suggest themselves must be appropriately shaped.

đó, những hình ảnh tự xuất hiện phải được định hình cho thích hợp.

This triple activity will test and tax your powers but will be good training in active esoteric work.

Hoạt động tam phân này sẽ thử thách và đòi hỏi nhiều ở năng lực của các bạn, nhưng sẽ là sự rèn luyện tốt cho công việc nội môn tích cực.

100. The work is triple because:

100. Công việc này mang tính tam phân vì:

1. The mind is positive and attentive

1. Thể trí chủ động và chú tâm

2. The imagination is suggesting images on the theme

2. Sự tưởng tượng gợi ra những hình ảnh theo chủ đề

3. The power of visualization is shaping and purposefully moving the images suggested.

3. Quyền năng hình dung định hình và chuyển động những hình ảnh đã được gợi ra một cách có chủ đích.

Regard this always as a united group effort and remember that in doing it you aid each other, and may facilitate the work to be done at the time of the Wesak moon.

Hãy luôn xem đây là một nỗ lực nhóm hợp nhất, và nhớ rằng khi thực hiện, các bạn trợ giúp lẫn nhau, đồng thời có thể tạo thuận lợi cho công việc cần làm vào kỳ trăng tròn Wesak.

101. We are reminded of the group nature of the work and the fact that when the individual chela performs it successfully, it is of value to all chelas and to the group as a whole.

101. Chúng ta được nhắc nhở về bản chất nhóm của công việc và về sự thật rằng khi một đệ tử thực hiện thành công công việc này, điều đó có giá trị đối với tất cả các đệ tử và toàn thể nhóm.

102. We see that Master DK begins long before the Wesak Full Moon to prepare for that event.

102. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK bắt đầu chuẩn bị cho sự kiện Trăng Tròn Wesak từ rất lâu trước khi sự kiện ấy diễn ra.

I would like to add that the results of this work will not become apparent to you until the full moon of May, and even then you will only (through the synthesis of the two years' work) begin to comprehend the fusing and blending and awakening that your own souls are bringing about.

Tôi muốn nói thêm rằng các kết quả của công việc này sẽ chưa trở nên rõ ràng với các bạn trước kỳ trăng tròn tháng Năm, và ngay cả khi ấy, chỉ qua sự tổng hợp công việc của hai năm, các bạn mới bắt đầu thấu hiểu sự dung hợp, hòa quyện và thức tỉnh mà chính linh hồn các bạn đang tạo ra.

103. We are not to be overly eager in looking for results. So much failure in occult meditation derives from the fact that meditators are not willing to do what they are told to do (in this case by the Master), consistently and for a sufficiently long time to arrive at the intended results.

103. Chúng ta không nên quá nôn nóng tìm kiếm kết quả. Rất nhiều thất bại trong tham thiền huyền môn bắt nguồn từ việc những người hành thiền không sẵn lòng thực hiện những điều họ được chỉ dẫn (trong trường hợp này là từ Chân sư) một cách nhất quán và trong thời gian đủ dài để đạt được những kết quả dự định.

104. The soul (principally a second ray factor and faculty in man) brings about fusing and blending. In all group work, fusing and blending are necessitated. The major facilitative act, we remember, is the pouring forth of love upon all group members.

104. Linh hồn (chủ yếu là một yếu tố và năng lực cung hai nơi con người) tạo nên sự dung hợp và hòa quyện. Mọi công việc nhóm đều đòi hỏi sự dung hợp và hòa quyện. Chúng ta nhớ rằng hành động chính giúp tạo thuận lợi cho điều này là tuôn đổ tình thương lên tất cả các thành viên trong nhóm.

I would ask you also to make a careful record every full moon—from two days before until two days after the full moon—of all experiences and visions. Then in June turn in your full moon records along with your other work, for the helping and informing of the group members. Turn them in, my brother, even if there is naught to relate but failure to register anything.

Tôi cũng muốn các bạn ghi chép cẩn thận vào mỗi kỳ trăng tròn—từ hai ngày trước đến hai ngày sau trăng tròn—về mọi trải nghiệm và linh ảnh. Sau đó, vào tháng Sáu, hãy nộp các bản ghi chép trăng tròn cùng với những bài làm khác, để trợ giúp và cung cấp thông tin cho các thành viên trong nhóm. Huynh đệ của tôi, hãy nộp chúng, ngay cả khi không có gì để thuật lại ngoài việc không ghi nhận được điều gì.

105. The Full Moon work is scientific rather than strictly aspirational.

105. Công việc Trăng Tròn mang tính khoa học hơn là thuần túy dựa trên khát vọng.

106. We can see how the spirit of truth prevails in all ashramically related work. Even if there is nothing to say, the individual and the group learn. Egoism is defeated in the light of the group gaze.

106. Chúng ta có thể thấy tinh thần chân thật ngự trị trong mọi công việc liên quan đến ashram. Ngay cả khi không có gì để nói, cá nhân và nhóm vẫn học hỏi. Tính vị kỷ bị đánh bại trong ánh sáng từ cái nhìn của nhóm.

107. Why record experiences and visions? Perhaps to substantiate them? Perhaps to test their quality?

107. Tại sao phải ghi chép những trải nghiệm và linh ảnh? Có lẽ để xác chứng chúng? Có lẽ để kiểm nghiệm phẩm tính của chúng?

I think that there is a certain vagueness in your minds as to the processes which I shall follow in dealing with this group of disciples and in the working out of the experiment hinted at earlier—the experiment of group initiation. I would like, therefore, to make the whole plan clearer and indicate anew the lines along which the training given will go.

Tôi nghĩ rằng trong thể trí các bạn vẫn còn một sự mơ hồ nhất định về những tiến trình Tôi sẽ thực hiện khi làm việc với nhóm đệ tử này và khi triển khai cuộc thử nghiệm đã gợi ra trước đây—cuộc thử nghiệm điểm đạo nhóm. Vì vậy, Tôi muốn làm rõ hơn toàn bộ kế hoạch và một lần nữa chỉ ra những phương hướng huấn luyện.

108. The Master wants His chelas to know exactly what they are doing so they may work with greater power and efficiency and with greater hope that the desired results may be achieved.

108. Chân sư muốn các đệ tử của Ngài biết chính xác họ đang làm gì để họ có thể làm việc với quyền năng và hiệu quả lớn hơn, cùng niềm hy vọng lớn hơn rằng những kết quả mong muốn có thể đạt được.

109. The experiment in which they are all these chelas are engaged is the “experiment of group initiation”. All true disciples are in training for initiation. To see whether group initiation is possible for a group of chelas at this particular time of history was one of the main purposes of Master DK’s experiments with this Groups of Nine and the reorganized New Seed Group.

109. Cuộc thử nghiệm mà tất cả những đệ tử này đang tham gia là “cuộc thử nghiệm điểm đạo nhóm”. Mọi đệ tử chân chính đều đang được huấn luyện để điểm đạo. Một trong những mục đích chính của các cuộc thử nghiệm mà Chân sư DK tiến hành với các Nhóm Chín Người và Nhóm Hạt Giống Mới đã được tổ chức lại là xem liệu điểm đạo nhóm có khả thi đối với một nhóm đệ tử vào thời điểm lịch sử đặc biệt này hay không.

This might be called the exoteric aspect of the esoteric training, formuch must and will transpire upon the inner planes in the inner Ashram about which nothing can be said and which will be individual as well as group expansion. I will outline the outer processes in the order of their present importance, and this in its turn is determined by the group condition—for which you are one and all responsible.

Có thể gọi đây là phương diện ngoại môn của việc huấn luyện nội môn, vì nhiều điều phải và sẽ diễn ra trên các cõi bên trong, trong ashram bên trong, những điều không thể nói ra và sẽ là sự mở rộng của cả cá nhân lẫn nhóm. Tôi sẽ phác thảo các tiến trình bên ngoài theo thứ tự quan trọng hiện tại của chúng; đến lượt mình, thứ tự ấy do tình trạng của nhóm quyết định—mà tất cả các bạn, từng người một, đều chịu trách nhiệm.

110. The true inner ashramic developments are not for exoteric discussion. If we handle the outer requirements with care, the inner developments will unfold rightly.

110. Những sự phát triển thực sự bên trong ashram không phải là điều để bàn luận công khai theo lối ngoại môn. Nếu chúng ta cẩn thận đáp ứng các yêu cầu bên ngoài, những sự phát triển bên trong sẽ khai mở đúng đắn.

111. We note that the outer processes have a certain order of importance, but that order may change, depending upon "the group condition". DK reminds all that they are responsible for creating that condition.

111. Chúng ta lưu ý rằng các tiến trình bên ngoài có một thứ tự quan trọng nhất định, nhưng thứ tự ấy có thể thay đổi tùy theo "tình trạng của nhóm". Chân sư DK nhắc nhở tất cả rằng họ có trách nhiệm tạo nên tình trạng ấy.

112. We are about to examine a prioritized outer process related to a hierarchical experiment in inducing the possibility of group initiation in a group of chelas under training by a Master.

112. Chúng ta sắp xem xét một tiến trình bên ngoài được xếp theo thứ tự ưu tiên, liên quan đến một cuộc thử nghiệm của Thánh đoàn nhằm tạo ra khả năng điểm đạo nhóm trong một nhóm đệ tử đang được một Chân sư huấn luyện.

I. **Definite and planned Meditation**. The theme, if I might so call it, of the work will be threefold:

I. **Tham thiền xác định và có kế hoạch**. Chủ đề của công việc, nếu Tôi có thể gọi như vậy, sẽ mang tính tam phân:

113. Meditation comes first.

113. Tham thiền đứng đầu tiên.

a. The interior interrelation of the seven centres in the body will be the objective of the meditation, basing the work upon the occult maxim that "energy follows thought." We have started upon one formula which relates the heart, the higher head centre, and the solar plexus.

a. Mối tương quan bên trong giữa bảy trung tâm trong thân thể sẽ là mục tiêu của việc tham thiền, với công việc dựa trên châm ngôn huyền bí rằng "năng lượng theo sau tư tưởng". Chúng ta đã bắt đầu với một công thức liên kết trung tâm tim, trung tâm đầu cao hơn và tùng thái dương.

114. DK is referencing Meditation I/II. We note that the work is specifically occult as it deals with the aligning and rightly relating the seven chakras under the Master's supervision.

114. Chân sư DK đang đề cập đến Bài thiền I/II. Chúng ta lưu ý rằng công việc này mang tính huyền bí rõ rệt vì nó liên quan đến việc chỉnh hợp và thiết lập mối tương quan đúng đắn giữa bảy luân xa dưới sự giám sát của Chân sư.

115. We may also assume that the seven head centers are coming into right relation as well. They are active at the time of the first initiation and all but one of the group members had passed the first degree.

115. Chúng ta cũng có thể cho rằng bảy trung tâm ở đầu đang đi vào mối liên hệ đúng đắn. Chúng hoạt động vào thời điểm lần điểm đạo thứ nhất, và tất cả các thành viên trong nhóm, trừ một người, đều đã vượt qua cấp điểm đạo thứ nhất.

116. In Meditation I/II the ajna center was also involved but is not here mentioned.

116. Trong Bài thiền I/II, trung tâm ajna cũng tham gia nhưng không được đề cập ở đây.

[18]

[18]

b. The subsequent relation of the centres in any one individual to the remainder of the group members, regarding the centres as radiating transmitters of energy to the centres of the other group members.This will result in the forming of seven great centres of energy which will constitute the group centres, fed and enlightened by the energy transmitted by each individual.

b. Tiếp đó là mối liên hệ giữa các trung tâm trong mỗi cá nhân với những thành viên còn lại của nhóm, xem các trung tâm như những bộ truyền phát năng lượng đến các trung tâm của những thành viên khác. Điều này sẽ dẫn đến sự hình thành bảy trung tâm năng lượng lớn, cấu thành các trung tâm của nhóm, được nuôi dưỡng và soi sáng bằng năng lượng do mỗi cá nhân truyền đến.

117. We see that right interrelation of the centers within any chela is only the beginning of a larger process. There must be an interrelation of the centers within any group member to the centers in all other group members.

117. Chúng ta thấy rằng mối liên hệ tương hỗ đúng đắn giữa các trung tâm trong mỗi đệ tử chỉ là bước khởi đầu của một tiến trình rộng lớn hơn. Phải có mối liên hệ tương hỗ giữa các trung tâm trong mỗi thành viên của nhóm với các trung tâm trong tất cả những thành viên khác.

118. It must be clear that the energy pouring through any of our centers will find and influence the same center in our group brothers.

118. Cần hiểu rõ rằng năng lượng tuôn qua bất kỳ trung tâm nào của chúng ta sẽ tìm đến và ảnh hưởng đến trung tâm tương ứng trong các huynh đệ cùng nhóm.

119. The following sentence tells us of the formation of “seven great centers” within a group. This is an important piece of occult information, and alerts us to our responsibility in the formation of such larger group centers.

119. Câu tiếp theo cho chúng ta biết về sự hình thành “bảy trung tâm lớn” trong một nhóm. Đây là một thông tin huyền bí quan trọng, nhắc chúng ta ý thức về trách nhiệm của mình trong việc hình thành những trung tâm nhóm lớn hơn như thế.

120. The formation of these seven great centers suggests an analogy to the formation of a Group Solar Angel.

120. Sự hình thành bảy trung tâm lớn này gợi ra một sự tương đồng với sự hình thành một Thái dương Thiên Thần của Nhóm.

c. The fusion (consciously undertaken) of the individual soul with the group soul and consequently a conscious rapport with the Hierarchy, which is inherently the kingdom of souls.

c. Sự dung hợp (được thực hiện một cách hữu thức) giữa linh hồn cá nhân và hồn nhóm, và do đó là mối giao cảm hữu thức với Thánh đoàn, vốn về bản chất là giới các linh hồn.

121. The group soul can only come to full power when this fusion of the individual souls of the group members with the group soul is accomplished. Of course, there are no strictly individual souls, but the illusion is allowed to persist to designate Soul (i.e., consciousness) in a state of individual limitation.

121. Hồn nhóm chỉ có thể phát huy trọn vẹn quyền năng khi sự dung hợp giữa các linh hồn cá nhân của những thành viên trong nhóm với hồn nhóm đã hoàn tất. Dĩ nhiên, nói một cách chặt chẽ thì không có những linh hồn cá nhân riêng biệt, nhưng ảo tưởng ấy vẫn được phép tồn tại để chỉ Linh hồn (tức tâm thức) trong trạng thái giới hạn cá nhân.

122. We are told that if there is the right merging of the individual soul with the group soul there will result an increasingly conscious rapport with Hierarchy and, presumably, an eventual merging of the group soul with Hierarchy, which, itself, is a Great Soul.

122. Chúng ta được cho biết rằng nếu linh hồn cá nhân hòa nhập đúng đắn với hồn nhóm, thì kết quả sẽ là một mối giao cảm ngày càng hữu thức với Thánh đoàn và, có lẽ, cuối cùng hồn nhóm sẽ hòa nhập với Thánh đoàn, vốn chính là một Linh Hồn Vĩ Đại.

The first meditation affects the three centres in the individual disciple and also, and consequently, his astral body.

Bài thiền thứ nhất tác động đến ba trung tâm trong người đệ tử cá nhân và do đó cũng tác động đến thể cảm dục của y.

123. Another piece of occultism. If the three centers mentioned—solar plexus, heart and head—are rightly stimulated, there will also follow an effect in the astral body—which has similar centers in astral matter.

123. Thêm một điều nữa về huyền bí học. Nếu ba trung tâm đã đề cập—tùng thái dương, tim và đầu—được kích thích đúng đắn, thì một tác động cũng sẽ diễn ra trong thể cảm dục—vốn có những trung tâm tương tự trong vật chất cảm dục.

They can—when related, awakened and functioning, and when the two points in the solar plexus are balanced and "enlightened," a word which I shall frequently use in

Khi đã liên kết, thức tỉnh và hoạt động, và khi hai điểm trong tùng thái dương đã cân bằng và được "soi sáng"—một từ Tôi sẽ thường xuyên dùng khi nói đến các trung

connection with the centres—evoke response from the love-petals of the egoic lotus.

tâm—chúng có thể gợi lên đáp ứng từ các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã.

124. Let us pay close attention to what is being said, as we are being given important information on occult process.

124. Chúng ta hãy chú ý kỹ những điều đang được nói đến, vì chúng ta đang nhận được thông tin quan trọng về tiến trình huyền bí.

125. DK tells us that centers can be "enlightened"—i.e., illumined and stimulated. Probably this relates not only to the material stimulation of the centers but to their potential for becoming increasingly valuable organs of consciousness.

125. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các trung tâm có thể được "soi sáng"—tức là được chiếu sáng và kích thích. Có lẽ điều này không chỉ liên quan đến sự kích thích các trung tâm về mặt vật chất, mà còn đến tiềm năng trở thành những cơ quan tâm thức ngày càng có giá trị của chúng.

126. With respect to the two points of light within the solar plexus, we note that they must become both balanced and enlightened. On this we may ponder. The higher of the points may supersede the lesser point (in time), however, in the central phase of the process, balancing is required.

126. Về hai điểm ánh sáng trong tùng thái dương, chúng ta lưu ý rằng cả hai phải trở nên cân bằng và được soi sáng. Chúng ta có thể suy ngẫm về điều này. Theo thời gian, điểm cao hơn có thể thay thế điểm thấp hơn; tuy nhiên, trong giai đoạn giữa của tiến trình, cần có sự cân bằng.

127. We have a definite occult sequence given:

127. Chúng ta có một trình tự huyền bí rõ ràng như sau:

1. Solar plexus, heart and head are to be awakened and rightly related

1. Các trung tâm tùng thái dương, tim và đầu cần được đánh thức và liên kết đúng đắn với nhau

2. When this happen the astral body, probably through the corresponding centers within the astral body, will also be brought into the process

2. Khi điều này xảy ra, thể cảm dục cũng sẽ tham gia vào tiến trình, có lẽ thông qua các trung tâm tương ứng trong thể cảm dục

3. The solar plexus points are to be balanced and enlightened

3. Các điểm trong tùng thái dương cần được cân bằng và soi sáng

4. When all this has occurred properly, a response will be evoked form the love petals of the egoic lotus.

4. Khi tất cả những điều này đã diễn ra đúng đắn, một đáp ứng sẽ được gợi lên từ các cánh hoa bác ái của hoa sen chân ngã.

128. We can see that the members of the group (though first degree initiates, at least) have not completed the unfoldment of the love petals, or, at least, there is still the need to evoke energy from those petals even though the concentration of such group members may be focussed on the sacrifice petals.

128. Chúng ta có thể thấy rằng các thành viên của nhóm (dù ít nhất cũng là những điểm đạo đồ bậc một) vẫn chưa hoàn tất việc khai mở các cánh hoa bác ái, hoặc ít nhất vẫn cần gợi lên năng lượng từ những cánh hoa ấy, dù các thành viên nhóm như thế có thể đang tập trung vào các cánh hoa hi sinh.

129. But here we are talking about group process, and the group must pass through (as a group) that which its constituent members have already experienced individually.

129. Nhưng ở đây chúng ta đang nói về tiến trình nhóm, và nhóm phải trải qua (với tư cách một nhóm) những gì mà từng thành viên cấu thành nhóm đã trải nghiệm riêng lẻ.

This must happen automatically and need not be regarded as a complicated technicality. Do the required meditation faithfully and correctly and the results will follow spontaneously.

Điều này phải diễn ra tự động và không cần được xem là một vấn đề kỹ thuật phức tạp. Hãy thực hành bài thiền được yêu cầu một cách trung thành và đúng đắn, rồi các kết quả sẽ tự nhiên xuất hiện.

130. We are again reminded that there is no need to attend overly much to occult technicalities. The right results will occur through following the required meditation faithfully and not through deliberate manipulation of the centers.

130. Một lần nữa, chúng ta được nhắc nhở rằng không cần quá chú tâm đến những chi tiết kỹ thuật huyền bí. Những kết quả đúng đắn sẽ xuất hiện nhờ trung thành thực hành bài thiền được yêu cầu, chứ không phải nhờ chủ ý điều khiển các trung tâm.

131. A certain amount of trust is required to produce the successful meditator and group member.

131. Cần có một mức độ tin tưởng nhất định để trở thành người hành thiền và thành viên nhóm thành công.

II. **Unfold to you and reveal the techniques of work, preparatory to initiation.** I referred to this earlier (in Vol. I, Page 99): "As time goes on, I shall bridge between the old techniques and the newer modes of training by using a part of the ancient technique, now becoming somewhat obsolete, and give you hints as to the nature and methods of educating accepted disciples in the processes of initiation."

II. **Khai mở và mặc khải cho các bạn những kỹ thuật làm việc để chuẩn bị cho điểm đạo.** Tôi đã đề cập đến điều này trước đây (trong Tập I, Trang 99): "Theo thời gian, Tôi sẽ bắc cầu giữa các kỹ thuật cũ và những phương thức huấn luyện mới hơn bằng cách sử dụng một phần kỹ thuật cổ xưa, nay đang phần nào trở nên lỗi thời, và gợi ý cho các bạn về bản chất cùng các phương pháp giáo dục những đệ tử được chấp nhận trong các tiến trình điểm đạo."

132. There are old and new techniques of work which help to prepare the chela or group of chelas for initiation. In the Tibetan's approach, some of the old techniques are to be retained and some new techniques introduced.

132. Có những kỹ thuật làm việc cũ và mới giúp chuẩn bị cho đệ tử hoặc nhóm đệ tử bước vào điểm đạo. Trong cách tiếp cận của Chân sư Tây Tạng, một số kỹ thuật cũ sẽ được giữ lại và một số kỹ thuật mới sẽ được đưa vào.

133. DK may not be entirely explicit about all of the new techniques. Some of them will have to be approached through the following of hints.

133. Chân sư DK có thể không trình bày hoàn toàn tường minh về tất cả các kỹ thuật mới. Chúng ta sẽ phải tiếp cận một số kỹ thuật ấy bằng cách lần theo các gợi ý.

134. In any case, what He is saying is applicable to "accepted disciples in the process of initiation". This is a fact we must keep in mind. The processes discussed in DINA II are not for everyone.

134. Dù sao đi nữa, những gì Ngài đang nói đều áp dụng cho "những đệ tử được chấp nhận đang trong tiến trình điểm đạo". Đây là một sự thật chúng ta phải ghi nhớ. Những tiến trình được bàn đến trong DINA II không dành cho tất cả mọi người.

You will note, therefore, that it is my intention to give you such hints. This I shall do from the angle of initiation and in preparation for the second or the third initiation.

Vì vậy, các bạn sẽ nhận thấy rằng ý định của Tôi là đưa ra những gợi ý như thế. Tôi sẽ thực hiện điều này từ góc độ điểm đạo và nhằm chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai hoặc thứ ba.

135. The hints given in DINA II are, therefore, of specific value in preparing for these two initiations—the second and the third. Training for probationary disciples was, when these instructions were written, handled by means of other processes and by

135. Vì vậy, những gợi ý trong DINA II có giá trị cụ thể trong việc chuẩn bị cho hai cuộc điểm đạo này—lần thứ hai và lần thứ ba. Khi những huấn thị này được viết ra, việc huấn luyện các đệ tử dự bị được thực hiện qua những tiến trình khác và do những nhóm

other groups (according to Alice Bailey, groups like the Theosophical Society). This is still the case; different sorts of spiritually-inclined groups have different objectives in the training they offer.

khác đảm nhiệm (theo Alice Bailey, đó là những nhóm như Hội Thông Thiên Học). Hiện nay vẫn như vậy; các loại nhóm có khuynh hướng tinh thần khác nhau có những mục tiêu khác nhau trong việc huấn luyện mà họ cung cấp.

136. We see that the second and third initiations faced all group members but one —if not in the present life, then in incarnations immediately ahead.

136. Chúng ta thấy rằng tất cả các thành viên trong nhóm, trừ một người, đều đứng trước lần điểm đạo thứ hai và thứ ba—nếu không phải trong kiếp sống hiện tại thì trong những kiếp nhập thể ngay tiếp sau.

Bear this in mind. Hitherto I have not taught you from that particular angle, but I have instructed you as accepted disciples in training for preparation—a much earlier stage.

Hãy ghi nhớ điều này. Cho đến nay, Tôi chưa giảng dạy các bạn từ góc độ đặc biệt ấy, mà đã huấn luyện các bạn với tư cách những đệ tử được chấp nhận, đang được huấn luyện để chuẩn bị—một giai đoạn sớm hơn nhiều.

137. This is an important technicality. All of DK's group instruction preceding this was pitched at a lower level. Something new is emerging in the DINA II instructions. We remember that Master DK addressed the group members as "My Brothers".

137. Đây là một điểm quan trọng về mặt chuyên môn. Tất cả những huấn thị trước đó của Chân sư DK dành cho nhóm đều ở cấp độ thấp hơn. Một điều mới mẻ đang xuất hiện trong những huấn thị của DINA II. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã gọi các thành viên trong nhóm là "Các huynh đệ của Tôi".

138. So, in this particular series of instructions, a new departure is undertaken.

138. Vì vậy, trong loạt huấn thị cụ thể này, một hướng đi mới được mở ra.

These hints I will convey to you in the ancient symbolic formulas which will require much deep reflection on your part and an effort to evoke the intuition and thus arrive at [19] the three meanings which they hold for you, and for disciples like you.

Tôi sẽ truyền đạt những gợi ý này cho các bạn qua các công thức biểu tượng cổ xưa, đòi hỏi các bạn suy ngẫm sâu sắc và nỗ lực gợi lên trực giác, nhờ đó đạt đến [19] ba ý nghĩa mà chúng hàm chứa đối với các bạn và những đệ tử như các bạn.

139. Those who have read DINA II will recognize that Master DK is speaking of the abstruse formulas presented in this book.

139. Những ai đã đọc DINA II sẽ nhận ra rằng Chân sư DK đang nói đến những công thức thâm áo được trình bày trong cuốn sách này.

140. DK suggests that the hints of which He speaks will be conveyed in ancient symbolic formulas. This He, indeed, does, but He also gives a number of definite and concise verbal hints which are to be read in relation to these formulas.

140. Chân sư DK cho biết rằng những gợi ý mà Ngài nói đến sẽ được truyền đạt qua các công thức biểu tượng cổ xưa. Quả thực, Ngài làm như vậy, nhưng Ngài cũng đưa ra một số gợi ý rõ ràng và súc tích bằng lời, cần được đọc trong mối liên hệ với những công thức này.

141. We note that the formulas will not yield their meaning to the concrete mind alone; the intuition is required.

141. Chúng ta lưu ý rằng chỉ riêng trí cụ thể không thể khám phá ý nghĩa của những công thức này; cần có trực giác.

142. The formulas can be interpreted in three or seven ways. DK advises us to confine ourselves to three.

142. Có thể diễn giải những công thức này theo ba hoặc bảy cách. Chân sư DK khuyên chúng ta chỉ giới hạn ở ba cách.

There are literally seven meanings, but I would advise you to confine yourself to the comprehension of the first three. There will be one meaning for your personality, indicating certain brain and mind realisations which are essential for the right transmission of force upon the physical plane—one of the first things an initiate has to master. There will be the soul meaning which will indicate relation to the Hierarchy, in the same way that the personality significance will indicate relationship to humanity. Then there will be a still higher meaning which will be exceedingly difficult for you to grasp, but for which you must strive and which will necessitate the consciously acquired use of the antahkarana. You will understand, therefore, why the study of the Science of the Antahkarana forms part of my instruction to this group. No major initiation can be taken until there is some measure of conscious use of the antahkarana.

Thực sự có bảy ý nghĩa, nhưng Tôi khuyên các bạn chỉ nên giới hạn ở việc thấu hiểu ba ý nghĩa đầu tiên. Sẽ có một ý nghĩa dành cho phàm ngã của các bạn, chỉ ra những nhận biết nhất định trong bộ não và thể trí, vốn thiết yếu cho việc truyền mãnh lực đúng đắn trên cõi hồng trần—một trong những điều đầu tiên mà một điểm đạo đồ phải làm chủ. Sẽ có ý nghĩa linh hồn, chỉ ra mối liên hệ với Thánh đoàn, cũng như thâm nghĩa phàm ngã sẽ chỉ ra mối liên hệ với nhân loại. Rồi sẽ có một ý nghĩa còn cao hơn nữa, cực kỳ khó nắm bắt đối với các bạn, nhưng các bạn phải nỗ lực hướng tới, và điều này đòi hỏi việc sử dụng antahkarana mà các bạn đã học được một cách hữu thức. Vì vậy, các bạn sẽ thấu hiểu tại sao việc nghiên cứu Khoa Học về Antahkarana là một phần trong sự huấn thị của Tôi cho nhóm này. Không thể trải qua bất kỳ cuộc điểm đạo lớn nào cho đến khi có một mức độ sử dụng antahkarana hữu thức.

143. The three types of meaning (in relation to the personality, soul and monad) are here somewhat detailed.

143. Ba loại ý nghĩa (trong mối liên hệ với phàm ngã, linh hồn và chân thần) được trình bày phần nào chi tiết ở đây.

144. By “major initiation” DK means those which number from the third. Although the antahkarana can be built by those in training for the second initiation, it must be consciously used by those attempting the third. Of course, it must be remembered that some chelas can take the second and third initiations in the same life! (cf. IHS 84-85)

144. Khi nói “cuộc điểm đạo lớn”, Chân sư DK muốn nói đến những cuộc điểm đạo từ lần thứ ba trở đi. Mặc dù những người đang được huấn luyện cho lần điểm đạo thứ hai có thể xây dựng antahkarana, những người đang nỗ lực đạt lần điểm đạo thứ ba phải sử dụng nó một cách hữu thức. Dĩ nhiên, cần nhớ rằng một số đệ tử có thể trải qua lần điểm đạo thứ hai và thứ ba trong cùng một kiếp sống! (xem IHS 84-85)

145. So we have:

145. Như vậy, chúng ta có:

1. Mind/brain realizations related to right transmission of force upon the physical plane

1. Những nhận biết trong thể trí/bộ não liên quan đến việc truyền mãnh lực đúng đắn trên cõi hồng trần

2. Soul meaning, indicating relationship to Hierarchy

2. Ý nghĩa linh hồn, chỉ ra mối liên hệ với Thánh đoàn

3. And, though it is not explicitly stated, an approach which involves penetration into monadic awareness.

3. Và, dù không được nêu rõ, một cách tiếp cận bao hàm việc thâm nhập vào nhận biết chân thần.

146. If there are really seven types of meaning, there must be one type for each of the seven principles of man.

146. Nếu thực sự có bảy loại ý nghĩa, thì phải có một loại tương ứng với mỗi nguyên khí trong bảy nguyên khí của con người.

147. In this approach, everything beyond the level of soul seems to be combined as one. Neither atma, buddhi nor manas are singled out.

147. Trong cách tiếp cận này, mọi thứ vượt trên cấp độ linh hồn dường như đều được gộp thành một. Cả atma, Bồ đề lẫn manas đều không được xét riêng.

148. If DK is training people for the second and third initiations (re the third He sometimes affirms that He is doing so, and sometimes denies it) the building and use of the antahkarana are a necessity.

148. Nếu Chân sư DK đang huấn luyện những người chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai và thứ ba (về lần thứ ba, đôi khi Ngài xác nhận rằng Ngài đang làm như vậy, và đôi khi

lại phủ nhận), thì việc xây dựng và sử dụng antahkarana là điều cần thiết.

The accepted disciple never receives any detailed information or instruction; he is given no list of rules which must govern his daily life and no minute instructions as to what he must do to "take initiation."

Người đệ tử được chấp nhận không bao giờ nhận được thông tin hay huấn thị chi tiết; y không được trao một danh sách các quy luật phải chi phối đời sống hằng ngày, cũng không có những chỉ dẫn tỉ mỉ về điều y phải làm để "được điểm đạo".

149. Does this come as a surprising statement? Perhaps such detailed information is for the earlier stages of training.

149. Đây có phải là một phát biểu gây ngạc nhiên không? Có lẽ những thông tin chi tiết như vậy dành cho các giai đoạn huấn luyện ban đầu.

150. It would appear that much is left to the accepted disciple's own discernment and intuition.

150. Dường như nhiều điều được để cho chính sự phân biện tinh thần và trực giác của người đệ tử được chấp nhận quyết định.

He receives—at specific "points in time"—according to his success in expanding his consciousness, certain definite hints. These hints have, in the past, been given without calling attention to the fact that they are hints. The disciple either recognised them for what they were and profited thereby, or else he failed to sense their import and so delayed his moving forward.

Vào những "thời điểm" cụ thể, tùy theo thành công trong việc mở rộng tâm thức, y nhận được những gợi ý xác định. Trước đây, những gợi ý này được đưa ra mà không lưu ý rằng chúng là các gợi ý. Người đệ tử hoặc nhận ra chúng đúng như bản chất của chúng và nhờ đó được lợi ích, hoặc không cảm nhận được tầm quan trọng của chúng và do vậy làm chậm bước tiến của mình.

151. We are told that, rather than receive detailed information, lists of rules, minute instructions, etc., the accepted disciple receives at certain moments of readiness "definite hints".

151. Chúng ta được cho biết rằng, thay vì nhận thông tin chi tiết, các danh sách quy luật, những chỉ dẫn tỉ mỉ, v.v., người đệ tử được chấp nhận nhận được những "gợi ý xác định" vào những thời điểm nhất định khi đã sẵn sàng.

152. It is interesting that the hierarchical teachers of the past may have not called attention to the fact that they were giving hints. If the disciple failed to recognize a hint, it indicated the inadequacy of his intuition, and of readiness to profit from the hint.

152. Điều thú vị là các huấn sư thuộc Thánh đoàn trong quá khứ có thể đã không lưu ý người đệ tử rằng Các Ngài đang đưa ra những gợi ý. Nếu người đệ tử không nhận ra một gợi ý, điều đó cho thấy trực giác của y còn bất cập và y chưa đủ sẵn sàng để hưởng lợi từ gợi ý ấy.

153. This counsels us to be alert to the spiritual direction of that which we see and hear and of that which may be imparted to us by a more advanced soul

153. Điều này khuyên chúng ta hãy nhạy bén với sự chỉ dẫn tinh thần trong những gì chúng ta thấy và nghe, cũng như trong những gì một linh hồn tiến hóa hơn có thể truyền đạt cho chúng ta

In this group experiment which I am undertaking, I propose to change this somewhat and I shall let you know which are the hints I give, so that together the group may profit by them, stimulated by each presented idea and thus evoke together the overshadowing soul.

Trong cuộc thử nghiệm nhóm mà Tôi đang thực hiện, Tôi dự định thay đổi điều này phần nào, và Tôi sẽ cho các bạn biết đâu là những gợi ý Tôi đưa ra, để nhóm có thể cùng nhau hưởng lợi từ chúng, được kích thích bởi từng ý tưởng được trình bày và nhờ đó cùng nhau gợi lên linh hồn đang phủ bóng. Cuối cùng,

154. Because He is teaching a group, DK is changing the mode of imparting hints. The group will pour over the hints given and create and present thought in relation to them. These presented thoughts or ideas will assist the other group members and evoke the overshadowing *group* soul.

154. Vì đang giảng dạy một nhóm, Chân sư DK thay đổi cách truyền đạt các gợi ý. Nhóm sẽ nghiền ngẫm những gợi ý được đưa ra, hình thành và trình bày các tư tưởng liên quan đến chúng. Những tư tưởng hay ý tưởng được trình bày này sẽ hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm và gợi lên linh hồn *nhóm* đang phủ bóng.

This will result, eventually, in an inflow of light from the Spiritual Triad via the group antahkarana, constructed of the “rainbow bridge” of each disciple.

điều này sẽ dẫn đến một luồng ánh sáng tuôn vào từ Tam Nguyên Tinh Thần qua antahkarana của nhóm, được tạo thành từ “cây cầu vồng” của mỗi đệ tử.

155. Firs the soul is to be approached and then the spiritual triad. The spiritual triad is a group organ but must, in group process, be approached by the group antahkarana.

155. Trước hết cần tiếp cận linh hồn, rồi đến Tam Nguyên Tinh Thần. Tam Nguyên Tinh Thần là một cơ quan của nhóm, nhưng trong tiến trình nhóm, phải tiếp cận Tam Nguyên Tinh Thần bằng antahkarana của nhóm.

156. We bear in mind: *group* soul and *group* antahkarana.

156. Chúng ta ghi nhớ: *nhóm* trong linh hồn nhóm và *nhóm* trong antahkarana của nhóm.

III. **Develop in each of you some measure of telepathic rapport—to each other, to me, your Master, and the hierarchical Plan.**

III. **Phát triển nơi mỗi người trong các bạn một mức độ giao cảm viễn cảm—với nhau,**

<u>với Tôi, Chân sư của các bạn, và với Thiên Cơ của Thánh đoàn.</u>

157. Three modes of telepathic rapport are presented and they are important:

157. Ba phương thức giao cảm viễn cảm được trình bày, và cả ba đều quan trọng:

1. Telepathic rapport between group members

1. Giao cảm viễn cảm giữa các thành viên trong nhóm

2. Telepathic rapport with the Master

2. Giao cảm viễn cảm với Chân sư

3. Telepathic rapport with the hierarchical Plan. This last must be the most important, but prepared by the achievement of the earlier two.

3. Giao cảm viễn cảm với Thiên Cơ của Thánh đoàn. Phương thức cuối cùng này hẳn là quan trọng nhất, nhưng việc đạt được hai phương thức trước là bước chuẩn bị cho nó.

A Master can give no real teaching (by means of stimulation) to His group until there is established by the disciples—as individuals—a proper relation to each other, [20] free from all criticism (which always severs telepathic interplay) and based on loving understanding in which they—again as individuals—ask nothing for the separated self but only seek to give to each other and to the group.

Một Chân sư không thể thực sự giảng dạy nhóm của Ngài (bằng sự kích thích) cho đến khi các đệ tử, với tư cách cá nhân, thiết lập được mối liên hệ đúng đắn với nhau, [20] không có bất kỳ sự chỉ trích nào (vốn luôn cắt đứt sự tương tác viễn cảm), và dựa trên sự thấu hiểu đầy tình thương, trong đó họ—vẫn với tư cách cá nhân—không đòi hỏi điều gì cho bản ngã chia rẽ mà chỉ tìm cách trao tặng cho nhau và cho nhóm.

158. We are reminded of the value of group love in the process of receiving teaching/ stimulation from the Master.

158. Chúng ta được nhắc nhở về giá trị của tình thương nhóm trong tiến trình tiếp nhận sự giảng dạy/kích thích từ Chân sư.

159. If we were not convinced that criticism was a “dire creator of misery” we are here reminded. Criticism severs telepathic interplay and love promotes it.

159. Nếu chúng ta chưa tin chắc rằng sự chỉ trích là một “tác nhân đáng sợ gây ra khổ đau”, thì ở đây chúng ta được nhắc nhở về điều đó. Sự chỉ trích cắt đứt sự tương tác viễn cảm, còn tình thương thúc đẩy sự tương tác ấy.

160. To be properly telepathic there must be an attitude of:

160. Để có khả năng viễn cảm đúng đắn, cần có thái độ:

1. Freedom from criticism

2. Loving understanding

3. Asking nothing for the separated self

4. Giving to each other and to the group

161. The conclusion is that selflessness produces telepathic rapport (or, rather, reveals the telepathic rapport which always exists on the level of the loving soul).

The above concerns and applies to your relation to me, to the Hierarchy (which is "entered" through the process of initiation) and to each other. This relation, which indicates ability to touch the sources of power, love and light, carries with it the implications of service and work for humanity.

162. We are reminded that Hierarchy is entered through the process of initiation.

163. If the group members, through selflessness, succeed in establishing the proper telepathic rapport between themselves, their Master and the Plan, they will touch the source of power, love and light which will greatly increase their service potential.

IV. **I shall, therefore, endeavour to interpret humanity to you** (and to disciples everywhere) **so that its present problems and its immediate opportunity may emerge clearly in your minds, and you will be able consequently to work intelligently and understandingly.**

1. Không chỉ trích

2. Thấu hiểu đầy tình thương

3. Không đòi hỏi điều gì cho bản ngã chia rẽ

4. Trao tặng cho nhau và cho nhóm

161. Kết luận là lòng vị tha tạo ra sự giao cảm viễn cảm (hay đúng hơn, làm hiển lộ sự giao cảm viễn cảm vốn luôn hiện hữu trên cấp độ của linh hồn đầy tình thương).

Những điều trên liên quan và áp dụng cho mối liên hệ của các bạn với Tôi, với Thánh đoàn (mà người ta "gia nhập" qua tiến trình điểm đạo) và với nhau. Mối liên hệ này, biểu thị khả năng chạm đến các nguồn quyền năng, tình thương và ánh sáng, đồng thời hàm chứa việc phụng sự và làm việc cho nhân loại.

162. Chúng ta được nhắc nhở rằng người ta gia nhập Thánh đoàn qua tiến trình điểm đạo.

163. Nếu nhờ lòng vị tha, các thành viên nhóm thành công trong việc thiết lập mối giao cảm viễn cảm thích hợp giữa họ với nhau, với Chân sư của họ và với Thiên Cơ, họ sẽ tiếp xúc với cội nguồn của quyền năng, tình thương và ánh sáng, qua đó gia tăng đáng kể tiềm năng phụng sự của họ.

IV. **Vì vậy, Tôi sẽ cố gắng giải thích về nhân loại cho các bạn** (và cho các đệ tử khắp nơi)**, để những vấn đề hiện tại và cơ hội trước mắt của nhân loại có thể hiện rõ trong thể trí các bạn, nhờ đó các bạn có thể làm việc một cách sáng suốt và thấu hiểu.**

164. The Tibetan had not yet written the *Problems of Humanity*. We can see that the writing of this book became part and parcel of the training He was offering.

164. Khi ấy, Chân sư Tây Tạng chưa viết cuốn *Những Vấn Đề của Nhân Loại*. Chúng ta có thể thấy rằng việc viết cuốn sách này đã trở thành một phần không thể tách rời của chương trình huấn luyện mà Ngài đang thực hiện.

The Science of Service needs elucidating and the Path of Man needs understanding.

Khoa Học Phụng Sự cần được làm sáng tỏ và Con Đường của Con Người cần được thấu hiểu.

165. A magnificently clear sentence concerning two related factors.

165. Một câu rõ ràng tuyệt vời về hai yếu tố có liên quan với nhau.

166. A close study of the Science of Service and of the Path of Man is an aspect of training for group initiation.

166. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng Khoa Học Phụng Sự và Con Đường của Con Người là một phương diện của việc huấn luyện để điểm đạo nhóm.

The attitude of the initiate consciousness to human problems is not identical with that of the ordinary human being. I do not desire to deal with problems already considered by us in the various pamphlets and in my books. It is the new world which we shall start to study, the new opportunities and the new complexities, as well as the new and coming simplifications in life and being. They concern primarily the service of the initiate; hitherto we have only considered the service which disciples, aspirants and men of goodwill can render.

Thái độ của tâm thức điểm đạo đồ đối với các vấn đề của con người không giống thái độ của người bình thường. Tôi không muốn bàn đến những vấn đề chúng ta đã xem xét trong các tập sách nhỏ và các sách của Tôi. Chúng ta sẽ bắt đầu nghiên cứu thế giới mới, những cơ hội mới và những sự phức tạp mới, cũng như những sự đơn giản hóa mới đang đến trong đời sống và sự hiện tồn. Chúng chủ yếu liên quan đến việc phụng sự của điểm đạo đồ; cho đến nay, chúng ta chỉ xem xét sự phụng sự mà các đệ tử, người chí nguyện và những người thiện chí có thể thực hiện.

167. DK differentiates between the attitude of the ordinary human being to human problems and that of the initiate consciousness (note, He does not say, “initiate”) to the same types of problems.

167. Chân sư DK phân biệt thái độ của người bình thường đối với các vấn đề của con người với thái độ của tâm thức điểm đạo đồ (lưu ý, Ngài không nói “điểm đạo đồ”) đối với cùng những loại vấn đề ấy.

168. We note that the coming age will offer simultaneously its complexities and

168. Chúng ta lưu ý rằng kỷ nguyên sắp đến sẽ đồng thời mang lại những sự phức tạp và

simplifications, which are not mutually contradictory.

169. As the chelas in the New Seed Group are in training for initiation, an examination of the kind of service to be offered by initiates in the New Age becomes part of their training curriculum.

V. **I shall give you some clear and definite instructions anent the uses of the etheric body.** This vehicle of vitality or energy is the ultimate conditioning factor in the activity of the physical body. It is an initiator, for there is no physical activity as we understand it unless impulsed by some energy emanating from the etheric body.

170. We are given a new way to consider the word, "initiator"—in this case, describing the relationship of the etheric body to the physical body.

171. The initiator, therefore, is always a positive energy acting upon a negative force.

An understanding of some of the processes of initiation will come from an understanding of the body of vitality.

172. This is a considerable hint, is it not?

173. Let us remember that the etheric body is a *solar* factor; so is the soul and so is the initiator.

The etheric body is the organ whereby personality or soul expression becomes evidenced upon the physical plane. Its potency is that which evokes the physical

những sự đơn giản hóa, vốn không mâu thuẫn với nhau.

169. Vì các đệ tử trong Nhóm Hạt Giống Mới đang được huấn luyện để điểm đạo, việc xem xét loại hình phụng sự mà các điểm đạo đồ sẽ thực hiện trong Kỷ Nguyên Mới trở thành một phần trong chương trình huấn luyện của họ.

V. **Tôi sẽ đưa ra cho các bạn những huấn thị rõ ràng và xác định về cách sử dụng thể dĩ thái.** Hiện thể sinh lực hay năng lượng này là yếu tố định hình cuối cùng trong hoạt động của thể xác. Nó là tác nhân khởi phát, vì không có hoạt động hồng trần nào, theo cách chúng ta hiểu, mà không được thúc đẩy bởi một năng lượng nào đó phát ra từ thể dĩ thái.

170. Chúng ta được cung cấp một cách mới để xem xét từ "tác nhân khởi phát"—trong trường hợp này, từ ấy mô tả mối quan hệ của thể dĩ thái với thể xác.

171. Do đó, tác nhân khởi phát luôn là một năng lượng dương tác động lên một mãnh lực âm.

Sự thấu hiểu một số tiến trình điểm đạo sẽ đến từ việc thấu hiểu thể sinh lực.

172. Đây là một gợi ý đáng kể, phải không?

173. Chúng ta hãy nhớ rằng thể dĩ thái là một yếu tố *thái dương*; linh hồn cũng vậy, và Đấng Điểm Đạo cũng vậy.

Thể dĩ thái là cơ quan qua đó sự biểu lộ của phàm ngã hoặc linh hồn trở nên rõ rệt trên cõi hồng trần. Chính tiềm lực của nó gợi lên hình tướng hồng trần. Phần lớn các hiện thể

form. Most of the vehicles have a dual capacity—invocation and evocation. They also have a third function: they ground or focus energy, thus producing a point of tension, of crisis and an interlude, prior to a process of transmission. [21] Ponder on these words.

174. The richness of the instruction imparted is amazing.

175. We are being told that the subjective factors of personality and soul cannot manifest physically without the etheric body. Had we considered the personality as a subjective or recessed factor requiring manifestation?

176. The dual capacity of a vehicle indicates that it can relate to the vehicle 'above' it and the one 'below'. It invokes the vehicle above and evokes the one below.

177. The third function is to "ground or focus energy": The sequence here given is:

a. Tension

b. Crisis

c. Interlude

d. Transmission

178. This sequence should be compared with crisis, tension, emergence.

The physical body can be evoked into manifestation and subsequent activity, but it has no power of invocation. Hence it is not a principle (as H.P.B. tells us in The Secret Doctrine) but is basically an automaton.

có năng lực kép—khẩn cầu và gợi lên. Chúng còn có chức năng thứ ba: neo giữ hoặc tập trung năng lượng, nhờ đó tạo ra một điểm tập trung nhất tâm, một điểm khủng hoảng và một khoảng gián đoạn trước một tiến trình truyền dẫn. [21] Hãy suy ngẫm về những lời này.

174. Nội dung huấn thị được truyền đạt phong phú đến kinh ngạc.

175. Chúng ta được cho biết rằng các yếu tố chủ quan của phàm ngã và linh hồn không thể biểu hiện trên cõi hồng trần nếu không có thể dĩ thái. Chúng ta đã từng xem phàm ngã là một yếu tố chủ quan hay ẩn sâu bên trong, cần biểu hiện ra ngoài chưa?

176. Năng lực kép của một hiện thể cho thấy nó có thể liên hệ với hiện thể ở 'trên' nó và hiện thể ở 'dưới'. Nó khẩn cầu hiện thể bên trên và gợi lên hiện thể bên dưới.

177. Chức năng thứ ba là "neo giữ hoặc tập trung năng lượng": Trình tự nêu ở đây là:

a. Tập trung nhất tâm

b. Khủng hoảng

c. Khoảng gián đoạn

d. Truyền dẫn

178. Cần so sánh trình tự này với trình tự khủng hoảng, tập trung nhất tâm, xuất hiện.

Có thể gợi thể xác đi vào biểu hiện và hoạt động tiếp theo, nhưng nó không có quyền năng khẩn cầu. Vì vậy, nó không phải là một nguyên khí (như H.P.B. cho chúng ta biết

trong Giáo Lý Bí Nhiệm), mà về căn bản là một bộ máy tự động.

179. This is another important hint. No vehicle can be considered a principle unless it is possessed of the power of invocation.

179. Đây là một gợi ý quan trọng khác. Không hiện thể nào có thể được xem là một nguyên khí nếu không có quyền năng khẩn cầu.

180. An automaton can only respond but cannot invoke response.

180. Một bộ máy tự động chỉ có thể đáp ứng, nhưng không thể khẩn cầu sự đáp ứng.

The etheric body invokes and evokes; but it also, in relation to the physical plane, precipitates energy through a process of appropriation. A study of these things will bring to our attention the entire subject of the centres and this we will approach from the angle of invocation and evocation.

Thể dĩ thái khẩn cầu và gợi lên; nhưng trong mối liên hệ với cõi hồng trần, nó cũng làm ngưng tụ năng lượng qua một tiến trình thu nhận. Việc nghiên cứu những điều này sẽ đưa toàn bộ chủ đề về các trung tâm vào sự chú ý của chúng ta, và chúng ta sẽ tiếp cận chủ đề ấy từ góc độ khẩn cầu và gợi lên.

181. There are three functions of the etheric body:

181. Thể dĩ thái có ba chức năng:

1. Invocation (presumably of the higher principles)

1. Khẩn cầu (có lẽ là khẩn cầu các nguyên khí cao hơn)

2. Evocation of the physical body

2. Gợi lên sự đáp ứng của thể xác

3. Precipitation through appropriation. It is, therefore, an active agent of manifestation. This tells us something about the buddhic plane as well, which is the fourth cosmic ether.

3. Ngưng tụ thông qua sự chiếm hữu. Vì vậy, nó là một tác nhân tích cực của sự biểu hiện. Điều này cũng cho chúng ta biết đôi điều về cõi Bồ đề, vốn là cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư.

182. We are alerted to the fact that the chakras or centers can be studied from the point of view of both invocation and evocation.

182. Chúng ta được lưu ý rằng có thể nghiên cứu các luân xa hay trung tâm từ cả góc độ khẩn cầu lẫn gợi lên.

The teaching upon the etheric body naturally follows upon any instructions which I may give anent telepathic communication and the manipulation of

Giáo huấn về thể dĩ thái đương nhiên tiếp nối bất kỳ huấn thị nào Tôi có thể đưa ra về giao tiếp viễn cảm và việc điểm đạo đồ-đệ tử vận dụng năng lượng qua các trung tâm, qua

energy by the initiate-disciple, via the centres, via the group centres and—when of very high development and initiate degree—via the planetary centres. I have not yet given you much on this theme but there is much that will later be said. I shall, however, have to deal with it only briefly and tentatively, as the majority of aspirants and disciples are not yet ready for this particular study.

các trung tâm của nhóm và—khi đã đạt mức phát triển và cấp bậc điểm đạo rất cao—qua các trung tâm hành tinh. Tôi chưa nói nhiều với các bạn về chủ đề này, nhưng sau này sẽ có nhiều điều được trình bày. Tuy nhiên, Tôi sẽ chỉ có thể bàn đến nó một cách ngắn gọn và sơ bộ, vì phần lớn người chí nguyện và đệ tử chưa sẵn sàng cho việc nghiên cứu đặc biệt này.

183. We are probably being informed of the substance of the book, *Telepathy and the Etheric Vehicle*

183. Có lẽ chúng ta đang được cho biết nội dung cốt yếu của cuốn sách *Viễn Cảm và Thể Dĩ Thái*

184. We are speaking of the "initiate-disciple". This is the kind of disciple which DK is seeking to create.

184. Chúng ta đang nói đến "điểm đạo đồ-đệ tử". Đây là kiểu đệ tử mà Chân sư DK đang tìm cách đào tạo.

185. Manipulation of energy can occur in three ways, as here given:

185. Việc vận dụng năng lượng có thể diễn ra theo ba cách, như trình bày ở đây:

a. Via the individual centers

a. Qua các trung tâm cá nhân

b. Via the group centers

b. Qua các trung tâm của nhóm

c. Via the planetary centers. This would, I think, pertain to full members of Hierarchy.

c. Qua các trung tâm hành tinh. Tôi nghĩ điều này áp dụng cho các thành viên chính thức của Thánh đoàn.

186. Of course, the Tibetan had already given much anent the etheric body in *A Treatise on Cosmic Fire,* but that which is now to be given is of an even more practical nature.

186. Dĩ nhiên, Chân sư Tây Tạng đã trình bày nhiều điều về thể dĩ thái trong *Luận về Lửa Vũ Trụ,* nhưng những điều sắp được trình bày còn mang tính thực hành cao hơn nữa.

187. Putting things in proportion, we see that we are dealing with an advanced study, for which more aspirants and disciples are not ready. The ability to manipulate energy rightly assumes that major glamors and

187. Khi nhìn nhận mọi việc theo đúng tỉ lệ, chúng ta thấy rằng mình đang đề cập đến một nội dung nghiên cứu cao cấp mà nhiều người chí nguyện và đệ tử chưa sẵn sàng tiếp nhận. Khả năng vận dụng năng lượng đúng đắn đòi hỏi những ảo cảm và ảo tưởng chủ

illusions have been cleared; for how many is this the case?

VI. **I shall, once a year, give to each of you a measure of individual help, personal instruction and individual meditation.** The clue to your next step towards the door of initiation and towards the Presence will also be indicated by me. This I will do at the time of the Full Moon of May (Taurus) each year.

188. A number of potent sentences were given to each member of the New Seed Group in August of 1942. They were rich enough to be pondered for the remainder of the disciple's life.

189. DK sees very clearly the steps to be taken towards initiation; the disciples do not see with such clarity and need the hints imparted.

This may involve at times an analysis of your group relation, of the effect that your national and racial thoughtforms have upon you, and also the assets and the liabilities of your personality and egoic rays.

190. All group members were subject to exacting analysis.

191. If we think we are free individual agents, we have no true idea of how much our national and racial conditioning affects us and, also, how much we are under the sway of certain ray tendencies, not easily controlled.

yếu đã được loại bỏ; có bao nhiêu người đã đạt đến điều này?

VI. **Mỗi năm một lần, Tôi sẽ dành cho mỗi người trong các bạn một mức độ trợ giúp cá nhân, huấn thị riêng và bài thiền cá nhân.** Tôi cũng sẽ chỉ ra manh mối cho bước tiếp theo của các bạn hướng đến cánh cửa điểm đạo và hướng đến Hiện Diện. Tôi sẽ thực hiện điều này vào kỳ Trăng Tròn tháng Năm (Kim Ngưu) hằng năm. Đôi khi,

188. Vào tháng Tám năm 1942, mỗi thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới đã nhận được một số câu đầy uy lực. Những câu ấy hàm chứa đủ ý nghĩa phong phú để người đệ tử suy ngẫm suốt phần đời còn lại.

189. Chân sư DK thấy rất rõ những bước cần thực hiện để tiến tới điểm đạo; các đệ tử không thấy rõ đến thế và cần những gợi ý mà Ngài truyền đạt.

điều này có thể bao gồm việc phân tích mối liên hệ nhóm của các bạn, ảnh hưởng của các hình tư tưởng quốc gia và chủng tộc đối với các bạn, cũng như những ưu điểm và hạn chế của cung phàm ngã và cung chân ngã của các bạn.

190. Tất cả các thành viên trong nhóm đều trải qua sự phân tích nghiêm ngặt.

191. Nếu nghĩ rằng mình là những cá nhân tự do hành động, chúng ta thực sự chưa hiểu những ảnh hưởng định hình từ quốc gia và giống dân tác động đến chúng ta sâu sắc đến mức nào, cũng như chúng ta chịu sự chi phối đến mức nào của một số khuynh hướng cung không dễ kiểm soát.

I shall endeavour to bring to your attention your personal point in evolution.

Tôi sẽ cố gắng giúp các bạn chú ý đến điểm tiến hoá riêng của mình.

192. This was often done with subtlety. The chela had to catch the hint. Sometimes however, explicit information was given, as in the case of ISG-L (preparation for the second initiation) and DHB (preparation for the third initiation).

192. Điều này thường được thực hiện một cách tinh tế. Người đệ tử phải nắm bắt lời gợi ý. Tuy nhiên, đôi khi thông tin rõ ràng cũng được đưa ra, như trong trường hợp của ISG-L (chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai) và DHB (chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ ba).

I would remind you at this point that these seven rays are sharply different as to colouring and phenomenal effect and, at the same time, I would remark that—under the Law of Occult Paradox—the seven Lords of Being (the seven Rays) are widely different but remain non-separative.

Tại đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng bảy cung này khác biệt rõ rệt về sắc thái và tác động trong thế giới hiện tượng; đồng thời, Tôi muốn lưu ý rằng—theo Định Luật Nghịch Lý Huyền Bí—bảy Chúa Tể của Bản Thể (bảy Cung) rất khác nhau nhưng vẫn không chia rẽ.

193. This is a most important statement. The relevant quotation is the following:

193. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Đoạn trích liên quan như sau:

"The seven Brothers love each other, yet each seeketh for many aeons the path of hatred. They hate and kill each other until they find that which dieth not and is not hurt. Together then they stand and serve and through their service the seven suns burn up." (TCF 1249)

"Bảy Huynh Đệ yêu thương nhau, tuy vậy, mỗi vị lại tìm kiếm con đường hận thù trong nhiều đại kiếp. Các Ngài căm ghét và giết hại nhau cho đến khi tìm thấy điều không chết đi và không hề tổn thương. Bấy giờ, Các Ngài cùng nhau đứng vững và phụng sự, và qua sự phụng sự của Các Ngài, bảy mặt trời bùng cháy đến tận cùng." (TCF 1249)

194. If we had any doubts as to the importance of the ray effects (sometimes masked by the rather glib statement— "we *all* have *all* the rays") we should now be set straight.

194. Nếu từng hoài nghi về tầm quan trọng của các tác động cung (đôi khi bị che khuất bởi lời khẳng định khá hời hợt—"*tất cả chúng ta* đều có *tất cả* các cung") thì giờ đây chúng ta hẳn đã hiểu cho đúng.

195. We should pause to realize the power of our conditioning (under Saturn), and the difficulty of releasing ourselves from it, since quite often that conditioning is unconscious. DK raises these unconscious factors to our attention.

195. Chúng ta nên dừng lại để nhận ra sức mạnh của những ảnh hưởng định hình mình (dưới tác động của Sao Thổ), và sự khó khăn khi giải thoát mình khỏi chúng, vì khá thường xuyên chúng ta không ý thức được những ảnh hưởng ấy. Chân sư DK giúp

chúng ta chú ý đến những yếu tố vô thức này.

VII. **We are also trying the experiment of externalising the Ashram.**

VII. **Chúng ta cũng đang thực hiện cuộc thử nghiệm ngoại hiện ashram.**

196. This occurred in New York City and was a monthly process. Fourteen members of the New Seed Group were involved.

196. Việc này diễn ra tại Thành phố New York và là một tiến trình hằng tháng. Mười bốn thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới đã tham gia.

This is an effort which, if successful, will be the prelude to the manifestations of the Hierarchy upon Earth.

Đây là một nỗ lực mà nếu thành công, sẽ là bước mở đầu cho những biểu hiện của Thánh đoàn trên Trái Đất.

197. We can see how much responsibility was laid upon Master DK. Had His efforts succeeded the way would have been paved for the Externalization of a number of hierarchical Ashrams. It is my impression that the dire conditions created by the war, and the creation of the atomic bomb, intervened and prevented the full unfoldment of His intentions.

197. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đã gánh vác trách nhiệm lớn lao đến mức nào. Nếu những nỗ lực của Ngài thành công, con đường ngoại hiện của một số ashram thuộc Thánh đoàn hẳn đã được mở ra. Tôi có cảm tưởng rằng những hoàn cảnh khốc liệt do chiến tranh gây ra, cùng việc chế tạo bom nguyên tử, đã xen vào và ngăn cản các ý định của Ngài khai mở trọn vẹn.

This is one of the next intended undertakings, if and when the Forces of Light have driven the forces of evil and of [22] aggression back to their "dark habitation."

Đây là một trong những công cuộc tiếp theo đã dự định, nếu và khi các Mãnh Lực Ánh Sáng đẩy các mãnh lực tà ác và [22] xâm lược trở về "nơi cư ngụ tối tăm" của chúng.

198. Let us remember that these words were written before the late months of 1942 when the Hierarchy was almost forced to retreat from its association with a failing humanity. The victory of the Forces of Light was, therefore, at the time of this writing, *not* a foregone conclusion.

198. Chúng ta hãy nhớ rằng những lời này được viết trước những tháng cuối năm 1942, khi Thánh đoàn gần như buộc phải rút khỏi mối liên hệ với một nhân loại đang thất bại. Vì vậy, vào thời điểm viết những lời này, chiến thắng của các Mãnh Lực Ánh Sáng *không* phải là một kết cục đã chắc chắn.

As time goes on I will convey information anent the work of the Masters' Ashrams, their planned externalisation and,

Theo thời gian, Tôi sẽ truyền đạt thông tin về công việc của các ashram của các Chân sư, sự ngoại hiện theo kế hoạch của các ashram

eventually, the externalisation of the Hierarchy.

ấy và cuối cùng là sự ngoại hiện của Thánh đoàn.

199. This information was collected in some of the essays in *The Externalization of the Hierarchy.*

199. Thông tin này đã được tập hợp trong một số bài luận trong *Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn.*

Such, brother of mine, is our appointed task. Out of all that might be said or written by me will eventually emerge a Treatise on Discipleship which will be useful in the New Age.

Huynh đệ của tôi, đó là nhiệm vụ đã định của chúng ta. Từ tất cả những điều Tôi có thể nói hoặc viết, cuối cùng sẽ hình thành một bộ Luận về Địa Vị Đệ Tử hữu ích trong Kỷ Nguyên Mới.

200. This is the hint that suggested the value of preparing and publishing DINA II.

200. Đây là gợi ý cho thấy giá trị của việc chuẩn bị và xuất bản DINA II.

201. We can see that the writings in DINA II are more advanced than those in DINA I, and far more impersonal.

201. Chúng ta có thể thấy rằng các bài viết trong DINA II cao cấp hơn những bài trong DINA I, và mang tính phi cá nhân hơn rất nhiều.

You are accustomed to the teaching of the Piscean Age upon this subject and also to the Piscean interpretation. It is part of my work to begin to indicate the methods and processes and the modes of instruction which will distinguish the Aquarian Age. This will only be possible to aspirants with an open mind. For this you must strive.

Các bạn đã quen với giáo huấn của Kỷ Nguyên Song Ngư về chủ đề này, cũng như cách diễn giải của thời Song Ngư. Một phần công việc của Tôi là bắt đầu chỉ ra những phương pháp, tiến trình và phương thức huấn thị sẽ đặc trưng cho Kỷ Nguyên Bảo Bình. Điều này chỉ khả thi đối với những người chí nguyện có thể trí cởi mở. Các bạn phải nỗ lực đạt được điều ấy.

202. Probably most aspirants and disciples think they have an “open mind”. Subjection to DK’s training often revealed something quite different.

202. Có lẽ phần lớn những người chí nguyện và đệ tử đều nghĩ mình có một “thể trí cởi mở”. Việc trải qua sự huấn luyện của Chân sư DK thường bộc lộ một điều hoàn toàn khác.

203. Disciples of the present era imagine they have left the Piscean Age behind. If we subjected our psyches to analysis, how many Piscean vestiges would we find?

203. Các đệ tử của thời đại hiện nay tưởng rằng họ đã bỏ lại Kỷ Nguyên Song Ngư phía sau. Nếu phân tích tâm lý của chính mình, chúng ta sẽ tìm thấy bao nhiêu tàn dư của thời Song Ngư?

This programme is an ambitious one, my brothers; it will call forth your utmost capacity and staying power but, if persisted in, it will hasten your development; this will also entail obedience.

Các huynh đệ của Tôi, chương trình này có quy mô đầy tham vọng; nó sẽ khơi dậy năng lực và sức bền tối đa của các bạn, nhưng nếu kiên trì theo đuổi, nó sẽ thúc đẩy sự phát triển của các bạn; điều này cũng đòi hỏi sự vâng lời. Về căn bản, dù các bạn có thể ít nhận ra điều đó,

204. The note is one of realism. The disciples in the program would be strained to the utmost, and some would fall away. The note of a necessary obedience is sounded; a number failed in this regard and simply did not do the work assigned.

204. Âm điệu ở đây mang tính thực tế. Các đệ tử trong chương trình sẽ phải gắng sức đến tột độ, và một số sẽ rời bỏ. Âm điệu về sự vâng lời cần thiết được xướng lên; một số đã không đáp ứng được điều này và đơn giản là không làm công việc được giao.

We are basically occupied, little as you may realise it, in compiling an elementary manual for initiation. Ponder on this.

chúng ta đang biên soạn một cẩm nang nhập môn về điểm đạo. Hãy suy ngẫm về điều này.

205. This is what DINA II really is: “an elementary manual for initiation”. Had we realize that? Do we realize it yet?

205. Đây chính là bản chất thực sự của DINA II: “một cẩm nang nhập môn về điểm đạo”. Trước đây chúng ta đã nhận ra điều đó chưa? Đến nay chúng ta đã nhận ra điều đó chưa?

206. We see that the requirement of intuitive thinking is an inescapable part of such preparation. Initiation is not approached via the concrete mind alone.

206. Chúng ta thấy rằng yêu cầu tư duy trực giác là một phần không thể thiếu của sự chuẩn bị như thế. Không thể tiếp cận điểm đạo chỉ bằng trí cụ thể.

Much antagonism will be evoked and an uprising of scepticism will be naturally aroused;

Nhiều sự chống đối sẽ nảy sinh và một làn sóng hoài nghi đương nhiên sẽ dấy lên;

207. Even among the chelas in training?

207. Ngay cả trong số các đệ tử đang được huấn luyện sao?

208. Perhaps, DK is speaking of future readers of DINA II, more habituated to Piscean methods.

208. Có lẽ Chân sư DK đang nói đến những độc giả tương lai của DINA II, vốn quen thuộc hơn với các phương pháp của thời Song Ngư.

those who see no need or possibility for any changing of hierarchical methods, and who are the fundamentalists of the theosophical movement and the narrow theologians among the esotericists, will make an outcry.

những người không thấy cần thiết hay có khả năng thay đổi các phương pháp của Thánh đoàn, những người theo chủ nghĩa giáo điều trong phong trào Thông Thiên Học và những nhà thần học hẹp hòi trong giới bí truyền học, sẽ lên tiếng phản đối.

209. It has come, but is gradually wearing thin as the poverty of old methods is revealed.

209. Điều đó đã đến, nhưng đang dần suy yếu khi sự nghèo nàn của các phương pháp cũ bộc lộ.

210. We note that the esoteric movement is not devoid of its theologians. So many esotericists think they are beyond the liabilities so readily seen in certain churchmen, but they are not. In fact, there are a number modern theosophically inclined people who are simply reincarnated churchmen.

210. Chúng ta lưu ý rằng phong trào huyền bí học cũng có các nhà thần học của mình. Rất nhiều nhà bí truyền học nghĩ rằng họ đã vượt khỏi những nhược điểm dễ thấy nơi một số giáo sĩ, nhưng thực tế không phải vậy. Thật ra, có một số người ngày nay thiên về Thông Thiên Học chỉ đơn giản là các giáo sĩ tái sinh.

They will be annoyed and bewildered, but they can make no further progress this life unless they widen their point of view; they must learn that the past methods and techniques were devoted to bringing the personality into relation with the soul, with character building, integration and alignment processes, as well as with laying the foundation for what could be given out when humanity reached its present stage.

Họ sẽ bực bội và hoang mang, nhưng không thể tiến bộ thêm trong kiếp này trừ khi mở rộng quan điểm; họ phải học rằng các phương pháp và kỹ thuật trước đây nhằm đưa phàm ngã vào mối liên hệ với linh hồn, nhằm lập hạnh, thực hiện các tiến trình tích hợp và chỉnh hợp, cũng như đặt nền tảng cho những điều có thể được truyền dạy khi nhân loại đạt đến giai đoạn hiện nay.

211. DK is speaking of the Probationary Path. Preparation to tread this Path has been the main emphasis of so much training offered in the late nineteenth and twentieth century. Now something new, wider and more relevant to changing hierarchical objectives is needed.

211. Chân sư DK đang nói về Con Đường Dự Bị. Việc chuẩn bị để bước trên Con đường này là trọng tâm của rất nhiều chương trình huấn luyện được đưa ra vào cuối thế kỷ mười chín và trong thế kỷ hai mươi. Giờ đây, cần có điều gì đó mới mẻ, rộng lớn hơn và phù hợp hơn với những mục tiêu đang thay đổi của Thánh đoàn.

212. Is it really easy to change? Is it not the hardest thing? Many disciples think it might

212. Thay đổi có thật sự dễ dàng không? Chẳng phải đó là điều khó nhất sao? Nhiều đệ tử nghĩ rằng việc ấy có thể dễ dàng,

be easy, but direct subjection to such training as DK offered changed their minds.

nhưng việc trực tiếp trải qua sự huấn luyện như Chân sư DK đã đưa ra khiến họ thay đổi suy nghĩ.

Now the preparatory work has been done and has proved effective; it will be continued for those who need its aid, but the more advanced work can be made exoteric.

Giờ đây, công việc chuẩn bị đã hoàn tất và chứng tỏ hiệu quả; nó sẽ tiếp tục cho những người cần đến sự trợ giúp của nó, nhưng công việc cao hơn có thể được công khai.

213. This is exactly what DK is doing through the writing of those instructions which would eventually become DINA II.

213. Đây chính là điều Chân sư DK đang làm qua việc viết những huấn thị mà về sau sẽ trở thành DINA II.

This planned externalising of the teaching must go on all the time.

Việc ngoại hiện giáo huấn theo kế hoạch này phải liên tục tiến hành.

214. The Hierarchy cannot externalize unless the more advanced teaching associated with newer hierarchical process is first externalized.

214. Thánh đoàn không thể ngoại hiện trừ khi giáo huấn cao hơn gắn liền với tiến trình mới hơn của Thánh đoàn được ngoại hiện trước.

It is the testimony of the Hierarchy that the points of crisis in the evolutionary process have accomplished their intent and have demonstrated success.

Đó là sự xác nhận của Thánh đoàn rằng các điểm khủng hoảng trong tiến trình tiến hoá đã hoàn thành mục đích và chứng tỏ thành công.

215. So then, why hold on to the older methods? Simply—old habits die hard.

215. Vậy thì, tại sao vẫn bám giữ các phương pháp cũ? Đơn giản là vì thói quen cũ khó bỏ.

These points of crisis are ever [23] succeeded by “points of revelation” and it is with such points of revelation that we are at this time occupied.

Những điểm khủng hoảng này luôn [23] được tiếp nối bằng các “điểm mặc khải”, và hiện nay chúng ta đang làm việc với những điểm mặc khải như thế.

216. To change the method of training evokes a crisis, of course. We remember that crisis surmounted and put under foot, so to speak, evokes revelation. One must pass through conflict, strain and tension before full revelation can descend. Sometimes that decent (at least in part) may occur *during* the

216. Dĩ nhiên, thay đổi phương pháp huấn luyện sẽ khơi lên một cuộc khủng hoảng. Chúng ta nhớ rằng khủng hoảng, khi được vượt qua và, có thể nói, được đặt dưới chân, sẽ khơi lên sự mặc khải. Người ta phải trải qua xung đột, căng thẳng và tập trung nhất tâm trước khi sự mặc khải trọn vẹn có thể giáng xuống. Đôi khi, sự giáng xuống ấy (ít nhất là một phần) có thể xảy ra *ngay trong*

crisis, but it often occurs *afterward* during a period of greater serenity.

cuộc khủng hoảng, nhưng thường xảy ra *sau đó,* trong một thời kỳ tĩnh lặng hơn.

Commentary 27

[23-30]

August 1942

MY BROTHERS:

I would like first to remind you briefly of three points which I made in my last instruction.

1. Review and reminder is an important aspect of every sound educational enterprise.

1. **This is my last effort** to bring you each in this incarnation up to the point in your spiritual development which would be entirely possible, if you so desired. Success or failure in conforming to requirements is entirely your personal affair. Each of you can be active or inactive as it seems best to you, but I would remind you that whatever you do affects your group—either constructively or adversely.

2. We are reaching a most important point. The condition caused by WWII is critical. The Hierarchy does not even know whether the Good will prevail.

3. Nevertheless DK is attending to the needs of His group, though the call for protective work on behalf of humanity is intense.

4. The Master sees what is possible for the disciple and seeks for the disciple to reach

Tháng Tám năm 1942

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Trước hết, Tôi muốn nhắc lại ngắn gọn ba điểm đã nêu trong huấn thị trước.

1. Ôn tập và nhắc lại là một phương diện quan trọng của mọi công cuộc giáo dục có nền tảng vững chắc.

1. **Đây là nỗ lực cuối cùng của Tôi** nhằm đưa mỗi người trong các bạn, ngay trong kiếp này, đến điểm phát triển tinh thần hoàn toàn có thể đạt được, nếu các bạn mong muốn như vậy. Thành công hay thất bại trong việc đáp ứng các yêu cầu hoàn toàn là việc riêng của các bạn. Mỗi người có thể hoạt động hoặc không hoạt động, tùy theo điều mình thấy là tốt nhất, nhưng Tôi muốn nhắc các bạn rằng bất cứ điều gì các bạn làm đều tác động đến nhóm—hoặc theo hướng xây dựng, hoặc theo hướng bất lợi.

2. Chúng ta đang tiến đến một thời điểm hết sức quan trọng. Tình hình do Chiến tranh Thế giới thứ hai gây ra đang ở mức nguy cấp. Ngay cả Thánh đoàn cũng không biết liệu điều Thiện có thắng thế hay không.

3. Tuy nhiên, Chân sư DK vẫn chăm lo cho những nhu cầu của nhóm Ngài, dù lời kêu gọi thực hiện công việc bảo vệ nhân loại đang hết sức cấp thiết.

4. Chân sư thấy điều gì là khả thi đối với người đệ tử và tìm cách giúp người đệ tử đạt

that possible point of development. Of the true nature of this possible point of attainment the disciple, it seems, is often quite ignorant.

đến điểm phát triển khả thi ấy. Dường như người đệ tử thường hoàn toàn không biết bản chất thực sự của mức thành tựu có thể đạt đến này.

5. Perhaps we should ponder on what we (individually and as a group) hope to achieve during this incarnation. Do we underestimate, overestimate? Are we realistic or not?

5. Có lẽ chúng ta nên suy ngẫm về những gì chúng ta hy vọng đạt được trong kiếp này, với tư cách cá nhân và với tư cách một nhóm. Chúng ta đánh giá quá thấp hay quá cao? Chúng ta có thực tế hay không?

6. The responsibility for achievement rests personally with every disciple. The Master gives all that it is possible to give; right response is in the hands of His chelas.

6. Mỗi đệ tử phải tự chịu trách nhiệm về thành tựu của mình. Chân sư trao tất cả những gì có thể trao; việc đáp ứng đúng đắn nằm trong tay các đệ tử của Ngài.

7. We live not unto ourselves alone. While we rise or fall on the basis of our personal response, that response definitely affects our group brothers and sisters.

7. Chúng ta không chỉ sống cho riêng mình. Dù chúng ta tiến lên hay sa sút tùy theo sự đáp ứng của cá nhân mình, sự đáp ứng ấy chắc chắn ảnh hưởng đến các huynh đệ và tỉ muội trong nhóm.

8. Thus, in asking the group members to respond to the proffered opportunity, DK also clearly sounds a note of group responsibility.

8. Như vậy, khi yêu cầu các thành viên trong nhóm đáp ứng cơ hội đã trao, Chân sư DK cũng xướng lên rõ ràng một âm điệu về trách nhiệm đối với nhóm.

2. There are outer processes at work which are effects of inner happenings in your own souls, in the Ashram and in the Hierarchy itself.

2. Có những tiến trình bên ngoài đang diễn ra, là hệ quả của những sự kiện bên trong chính linh hồn các bạn, trong ashram và trong chính Thánh đoàn.

9. In the last instruction, DK reminded us of the rather inconceivable nature of inner process. Of the outer processes we may learn much, but much of what transpires in the inner recesses of our nature and within the Ashram is inaccessible to us.

9. Trong huấn thị trước, Chân sư DK đã nhắc chúng ta về bản chất khá khó hình dung của tiến trình bên trong. Chúng ta có thể học được nhiều điều về các tiến trình bên ngoài, nhưng phần lớn những gì diễn ra trong những nơi sâu kín của bản chất chúng ta và bên trong ashram vẫn nằm ngoài tầm tiếp cận của chúng ta.

My task is to aid you in fusing the inner and the outer events so as to bring about a true

Nhiệm vụ của Tôi là trợ giúp các bạn dung hợp những sự kiện bên trong và bên ngoài,

expression of the facts as they are in your life, in the Ashram life and in the Hierarchy.

để biểu lộ chân thực các sự kiện đúng như chúng đang hiện hữu trong đời sống các bạn, trong đời sống ashram và trong Thánh đoàn.

10. The real "facts" are deeply interior. The unknown inner events and the somewhat understood outer events are to be fused. With this fusion the Master can help.

10. Những "sự kiện" đích thực nằm sâu bên trong. Cần dung hợp những sự kiện bên trong chưa được biết đến với những sự kiện bên ngoài đã được thấu hiểu phần nào. Chân sư có thể trợ giúp sự dung hợp này.

11. We remember reading of how the Master blended His light and love with the light and love normally available to the disciple, and how this blending greatly facilitated group process.

11. Chúng ta nhớ đã đọc về cách Chân sư hòa ánh sáng và tình thương của Ngài với ánh sáng và tình thương mà người đệ tử thường có sẵn, và cách sự hòa quyện này hỗ trợ rất nhiều cho tiến trình nhóm.

Your task is to develop sensitivity in these three classes of spiritual events.

Nhiệm vụ của các bạn là phát triển sự nhạy cảm đối với ba loại sự kiện tinh thần này.

12. Of how much are we aware—of soul, of Ashram, of Hierarchy? There is a progressive penetration required. Successful penetration is possible but many do not succeed. A great deepening of the "esoteric sense" is required.

12. Chúng ta nhận biết được đến đâu về linh hồn, về Ashram, về Thánh đoàn? Cần có sự thâm nhập ngày càng sâu. Có thể thâm nhập thành công, nhưng nhiều người không thành công. Cần đào sâu rất nhiều "giác quan nội môn".

3. The group is the factor of importance and, as I said, increasingly the individual life of the disciple lessens and his group awareness and sensitivity increases.

3. Nhóm là yếu tố quan trọng, và như Tôi đã nói, đời sống cá nhân của người đệ tử ngày càng giảm bớt, còn sự nhận biết và nhạy cảm với nhóm của y ngày càng tăng.

13. The importance of the group is ever the theme in Master DK's work. There are many sacrifices required if the group is to be put in first place. What specifically *do* we sacrifice for the welfare of the group? What specifically *could* we sacrifice for the welfare of the group? It is through such sacrifices that the initiatory petals of sacrifice unfold.

13. Tầm quan trọng của nhóm luôn là chủ đề trong công việc của Chân sư DK. Cần nhiều sự hi sinh nếu muốn đặt nhóm lên hàng đầu. Cụ thể, chúng ta *thực sự* hi sinh điều gì vì lợi ích của nhóm? Cụ thể, chúng ta *có thể* hi sinh điều gì vì lợi ích của nhóm? Chính qua những sự hi sinh như thế mà các cánh hoa hi sinh liên quan đến điểm đạo khai mở.

Bear this in mind as you master the hard lesson of impersonality—an impersonality

Hãy ghi nhớ điều này khi các bạn làm chủ bài học khó khăn về tính vô ngã—một tính vô ngã mà Tôi, A.A.B. và chính linh hồn các

shown to you by me, by A.A.B. and (so difficult a thing to learn!) by your own souls.

bạn đã thể hiện cho các bạn thấy (một điều khó học biết bao!).

14. Good examples of impersonality surrounded the disciples. Impersonality is really a concentration upon the soul nature and an ability to put essences before accidentals.

14. Quanh các đệ tử có những tấm gương tốt về tính vô ngã. Tính vô ngã thực sự là sự tập trung vào bản chất linh hồn và khả năng đặt những gì cốt yếu lên trước những gì phụ thuộc, ngẫu nhiên.

15. Have we understood that with respect to us, our souls (Solar Angels) are impersonal? What would that mean? Perhaps that the Angel looks for the development of consciousness rather than the 'success' of the form on its own level.

15. Chúng ta đã hiểu rằng linh hồn của chúng ta (các Thái dương Thiên Thần) có tính vô ngã trong mối quan hệ với chúng ta chưa? Điều đó có nghĩa là gì? Có lẽ là Thiên Thần chú trọng sự phát triển tâm thức hơn là 'thành công' của hình tướng trên cấp độ riêng của nó.

16. It seems that we must ponder the meaning of the impersonality shown by the soul to its personality.

16. Dường như chúng ta phải suy ngẫm về ý nghĩa của tính vô ngã mà linh hồn thể hiện đối với phàm ngã của mình.

It is an impersonality which you yourselves must develop and apply, once you love enough. Love is the basis of impersonality.

Đó là tính vô ngã mà chính các bạn phải phát triển và áp dụng, một khi các bạn yêu thương đủ mức. Tình thương là nền tảng của tính vô ngã.

17. Well, here we are given a potent seed thought: "Love is the basis of impersonality". Love is the perspective from which impersonality can more easily develop. Love does not fixate on non-essentials, but on the fine inner qualities beheld. Love sees another as she/he is in essence. Love, therefore, is deep and not superficial. Through impersonality we acquire a necessary depth of perception, otherwise, as 'personal' individuals, we are caught in externalities.

17. Ở đây, chúng ta nhận được một tư tưởng hạt giống đầy uy lực: "Tình thương là nền tảng của tính vô ngã". Tình thương là góc nhìn từ đó tính vô ngã có thể phát triển dễ dàng hơn. Tình thương không chăm chú vào những điều không cốt yếu, mà vào những phẩm tính tốt đẹp bên trong mà nó nhận thấy. Tình thương nhìn thấy người khác đúng như bản chất cốt yếu của họ. Vì vậy, tình thương sâu sắc chứ không hời hợt. Qua tính vô ngã, chúng ta đạt được chiều sâu tri giác cần thiết; nếu không, với tư cách những cá nhân mang tính 'cá nhân', chúng ta bị cuốn vào những điều bên ngoài.

This is, as I have repeatedly told you, an experiment in group initiation. This means

Như Tôi đã nhiều lần nói với các bạn, đây là một cuộc thử nghiệm điểm đạo nhóm. Điều

that though each of you takes various steps in line with your particular point of development, there is also being developed by the Hierarchy a new technique which—when perfected and understood—will initiate [24] entire group units into the Light and into the "Labour of the Plan."

này có nghĩa là mặc dù mỗi người trong các bạn thực hiện những bước khác nhau phù hợp với điểm phát triển riêng, Thánh đoàn cũng đang phát triển một kỹ thuật mới mà—khi được hoàn thiện và thấu hiểu—sẽ điểm đạo [24] toàn bộ các đơn vị nhóm vào Ánh Sáng và vào "Công Cuộc của Thiên Cơ".

18. One of the key purposes of the entire project is to train a group of willing chelas for group initiation.

18. Một trong những mục đích then chốt của toàn bộ dự án là huấn luyện một nhóm đệ tử sẵn lòng tham gia điểm đạo nhóm.

19. Individual training is incidental to group purpose. New techniques are offered, techniques to be increasingly understood from the angle of the initiate consciousness.

19. Việc huấn luyện cá nhân chỉ là thứ yếu so với mục đích nhóm. Những kỹ thuật mới được đưa ra, những kỹ thuật cần ngày càng được thấu hiểu từ góc độ tâm thức của điểm đạo đồ.

20. What will success really mean? It will mean that all group units will be initiated "into the Light and into the 'Labour of the Plan'." This is a valuable definition of group initiation.

20. Thành công thực sự sẽ có nghĩa là gì? Nó sẽ có nghĩa là tất cả các đơn vị nhóm sẽ được điểm đạo "vào Ánh sáng và vào 'Công Cuộc của Thiên Cơ'." Đây là một định nghĩa có giá trị về điểm đạo nhóm.

Such a group must itself be composed of people who have taken initiation.

Bản thân một nhóm như vậy phải gồm những người đã được điểm đạo.

21. This was the case for all but one of the group members. Even an initiate of the first degree is said to have "taken initiation".

21. Điều này đúng với tất cả các thành viên trong nhóm, chỉ trừ một người. Ngay cả một điểm đạo đồ bậc một cũng được nói là đã "trải qua điểm đạo".

As one of your group members will only take the first initiation next life, it is obvious that the group initiation to which I refer will not be taken in this immediate cycle. The rest of the group have to wait for him.

Vì một thành viên trong nhóm các bạn chỉ sẽ trải qua lần điểm đạo thứ nhất vào kiếp sau, rõ ràng cuộc điểm đạo nhóm mà Tôi nói đến sẽ không diễn ra trong chu kỳ ngay trước mắt này. Những người còn lại trong nhóm phải chờ người ấy.

22. This is really an amazing section. *All* in the group are accepted disciples, and yet, *one* of the group members has not taken the first

22. Đây quả là một đoạn đáng kinh ngạc. *Tất cả* những người trong nhóm đều là đệ tử được chấp nhận, thế mà *một* thành viên trong nhóm vẫn chưa trải qua lần điểm đạo

initiation. This is a great exception to the rule.

23. The individual in question was known as LTS-K (*Lucidity*, Truth, Self-Knowledge). We can see by the words in his Developmental Formula that he had much to achieve before he could take this initiation, which is based upon clarity and a certain degree of knowledge of the true Self, the soul.

24. So we realize that for the particular group of disciples DK was addressing, group initiation could not be taken during that incarnation! What did the group members think when they learned this and when they learned that the reason was that one of their number had not taken the first initiation?

25. It certainly seems as if one disciple was holding all others back. And yet, perhaps there was a great lesson in this situation—a lesson of selflessness, patience and real respect for *group* rather than individual process.

26. In that particular life, LTS-K had a sixth ray personality. In the next life—that in which he was to take the first initiation—he was to have a first ray personality. We can see from this that the thought that those who take the first initiation must have third ray personality is not correct. The third ray, however, is very useful in preparing for that initial initiation.

27. "Some move ahead; he follows after. Some move behind; he sets the pace. He travels *not* alone." (Rules of the Road, 3, DINA I 584)

thứ nhất. Đây là một ngoại lệ rất lớn đối với quy luật.

23. Người đang được nói đến có tên gọi là LTS-K (*Sự sáng suốt*, Chân lý, Sự hiểu biết về bản thân). Qua những từ trong Công Thức Phát Triển của ông, chúng ta có thể thấy rằng ông còn phải đạt được nhiều điều trước khi có thể trải qua cuộc điểm đạo này, vốn dựa trên sự sáng tỏ và một mức độ hiểu biết nhất định về Chân Ngã đích thực, tức linh hồn.

24. Vì vậy, chúng ta nhận ra rằng nhóm đệ tử cụ thể mà Chân sư DK đang ngỏ lời không thể trải qua điểm đạo nhóm trong kiếp sống ấy! Các thành viên trong nhóm đã nghĩ gì khi biết điều này, và khi biết rằng lý do là một người trong số họ chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất?

25. Quả thật, dường như một đệ tử đang kìm bước tất cả những người còn lại. Tuy nhiên, có lẽ tình huống này chứa đựng một bài học lớn—bài học về lòng vị tha, sự kiên nhẫn và lòng tôn trọng thực sự đối với tiến trình của *nhóm* hơn là tiến trình cá nhân.

26. Trong kiếp sống cụ thể ấy, LTS-K có phàm ngã cung sáu. Trong kiếp tiếp theo—kiếp mà ông sẽ trải qua lần điểm đạo thứ nhất—ông sẽ có phàm ngã cung một. Từ đó, chúng ta có thể thấy rằng quan niệm cho rằng những người trải qua lần điểm đạo thứ nhất phải có phàm ngã cung ba là không đúng. Tuy nhiên, cung ba rất hữu ích trong việc chuẩn bị cho cuộc điểm đạo đầu tiên ấy.

27. "Một số người tiến phía trước; y theo sau. Một số người đi phía sau; y định nhịp bước. Y *không* đi một mình." (Các Quy Luật của Đường Đạo, 3, DINA I 584)

28. Let us think of groups presently preparing for group initiation and their estimation of their present status and accomplishments. A clear realization of the condition of DK's group at that time should be sobering. If His group had to delay its initiation until the next incarnation (presumably they would incarnate, relatively, together) is it not likely that present groups (often consisting of personnel who are *not* tested to the degree that DK's group members were tested) will also have to wait, perhaps an incarnation or two, for the day of their group initiation.

28. Chúng ta hãy nghĩ đến các nhóm hiện đang chuẩn bị cho điểm đạo nhóm và cách họ đánh giá vị thế cùng những thành tựu hiện tại của mình. Nhận biết rõ tình trạng nhóm của Chân sư DK vào thời ấy hẳn sẽ khiến chúng ta tỉnh táo hơn. Nếu nhóm của Ngài phải hoãn cuộc điểm đạo của mình đến kiếp sau (có lẽ họ sẽ nhập thể tương đối cùng lúc), thì chẳng phải các nhóm hiện nay (thường gồm những thành viên *chưa* trải qua thử thách đến mức độ như các thành viên trong nhóm của Chân sư DK) cũng có khả năng phải chờ đợi, có lẽ một hoặc hai kiếp, để đến ngày điểm đạo nhóm của họ hay sao?

29. Indeed, it seems that we are passing through a period of preparation and training for eventualities.

29. Quả thật, dường như chúng ta đang trải qua một giai đoạn chuẩn bị và huấn luyện cho những điều có thể xảy đến.

In any case, they are not yet ready and there is much preparatory work to be done, much unfolding of awareness and developing of sensitivity before there can be a going forward together as the situation desired demands.

Dù sao, họ cũng chưa sẵn sàng, và còn nhiều công việc chuẩn bị phải làm, nhiều sự khai mở nhận biết và phát triển nhạy cảm phải thực hiện trước khi có thể cùng nhau tiến bước như tình thế mong muốn đòi hỏi.

30. If any disciples thought they were being held back by one group member, this section puts them in their place. The whole group, really, was not ready. Much awareness would have to unfold, and much sensitivity would have to be developed if group initiation were to be achieved.

30. Nếu có đệ tử nào nghĩ rằng một thành viên trong nhóm đang kìm bước mình, thì đoạn này khiến họ phải nhìn lại vị trí thực sự của mình. Thực ra, cả nhóm đều chưa sẵn sàng. Nhận biết còn phải khai mở nhiều và sự nhạy cảm còn phải phát triển nhiều thì mới có thể đạt tới điểm đạo nhóm.

The time equation is one of great difficulty to the average disciple.

Yếu tố thời gian là một khó khăn lớn đối với người đệ tử trung bình.

31. We often estimate the time when initiation is likely to occur. This is more difficult to do that we imagine.

31. Chúng ta thường ước tính thời điểm điểm đạo có khả năng diễn ra. Việc này khó hơn chúng ta tưởng.

32. It is the initiate who is the true master of time for, in a significant sense, the initiate has conquered the lower influence of Saturn —thought not the higher.

32. Chính điểm đạo đồ mới thực sự làm chủ thời gian, vì theo một ý nghĩa sâu xa, điểm đạo đồ đã chinh phục ảnh hưởng thấp của Sao Thổ—dù chưa chinh phục ảnh hưởng cao.

He is either working constantly under a sense of pressure and of haste or he is "strolling along the path of life," feeling that evolution is long and why, therefore, the need to make speed?

Y hoặc liên tục làm việc trong cảm giác bị thúc ép và vội vã, hoặc "thong dong trên đường đời", cảm thấy rằng tiến hoá còn dài, vậy tại sao phải vội?

33. The rajasic and tamasic approaches are here mentioned—working under pressure (rajasic) or "strolling along the path of life" (tamasic). Neither approach is the balanced approach characteristic of sattva.

33. Ở đây đề cập đến các cách tiếp cận rajas và tamas—làm việc dưới áp lực (rajas) hoặc "thong thả dạo bước trên đường đời" (tamas). Cả hai đều không phải là cách tiếp cận quân bình đặc trưng của sattva.

Only a very few work from that point of balance which inhibits the spasmodic rushing activity of the intense devotee or the lazy moving forward of the awakened aspirant.

Chỉ rất ít người làm việc từ điểm quân bình ngăn được hoạt động lao tới bộc phát của người sùng tín nhiệt thành hoặc bước tiến lười nhác của người chí nguyện đã thức tỉnh.

34. While it is easy to understand that the devotee, under Mars and the sixth ray, rushes forward spasmodically, it is not so easy to understand the awakened aspirant as exhibiting a "lazy moving forward", yet we are told that sloth is the major sin of the average "initiate"! (R&I 156)

34. Tuy dễ hiểu rằng người sùng tín, dưới ảnh hưởng của Sao Hỏa và cung sáu, lao tới từng đợt bộc phát, nhưng không dễ hiểu vì sao người chí nguyện đã thức tỉnh lại biểu lộ một "bước tiến lười nhác"; tuy vậy, chúng ta được cho biết rằng sự lười biếng là tội lỗi lớn nhất của một "điểm đạo đồ" trung bình! (R&I 156)

I would ask you to study time in relation to your own souls, having in mind the peculiar opportunities of the present cycle and the outstanding need of humanity.

Tôi muốn các bạn nghiên cứu thời gian trong mối liên hệ với chính linh hồn mình, ghi nhớ những cơ hội đặc biệt của chu kỳ hiện tại và nhu cầu cấp thiết của nhân loại.

35. This, each of us should do. The suggestion is that the times are unusual. Saturn is both the "God of Opportunity" and the "Lord of Time". Much can be done today

35. Mỗi người chúng ta đều nên làm điều này. Lời gợi ý hàm ý rằng thời buổi này khác thường. Sao Thổ vừa là "Thần Cơ Hội" vừa là "Chúa Tể Thời Gian". Ngày nay, chúng ta có thể làm được nhiều việc trong một khoảng

in a far shorter period, and the "outstanding need of humanity" demands it.

Many are still too preoccupied with what they are attempting to do, with their own development and with their own capacity or non-capacity to help; but at the same time they are inadequately handling the problem of self-effacement and complete dedication to their fellowmen.

36. Comment is made upon a usual situation —preoccupation with one's doing, one's own development and with the ability or non-ability to help. All of this is self-centered.

37. One preoccupied in this manner may fail in "self-effacement and complete dedication to [one's] fellowmen."

38. We can see that these last two requirements are considered indispensable for true ashramic service.

39. The first three preoccupations are related to the third aspect of divinity; the last two requirements to the second.

"What can I do?" is of less importance to them than "What am I learning, and is the Master satisfied with me?" I shall be satisfied with you when you have forgotten both yourself and me in your strenuous service for mankind.

40. Doing is contrasted with learning; learning is more important.

41. DK is asking His disciples to question whether the Master is satisfied with them. To question in this manner would submit

thời gian ngắn hơn nhiều, và "nhu cầu cấp thiết của nhân loại" đòi hỏi điều đó.

Nhiều người vẫn quá bận tâm đến những gì họ đang cố gắng làm, đến sự phát triển của mình và khả năng hay sự thiếu khả năng trợ giúp của mình; nhưng đồng thời, họ chưa xử lý thỏa đáng vấn đề quên mình và tận hiến trọn vẹn cho đồng loại. Đối với họ,

36. Lời bình đề cập đến một tình trạng thường gặp—bận tâm đến việc mình làm, sự phát triển của chính mình và khả năng hay sự thiếu khả năng trợ giúp. Tất cả những điều này đều là tập trung vào bản thân.

37. Người bận tâm theo cách này có thể không thực hiện được việc "quên mình và tận hiến trọn vẹn cho đồng loại [của mình]."

38. Chúng ta có thể thấy rằng hai yêu cầu sau cùng này được xem là không thể thiếu đối với sự phụng sự ashram đích thực.

39. Ba mối bận tâm đầu tiên liên quan đến phương diện thứ ba của thiên tính; hai yêu cầu sau cùng liên quan đến phương diện thứ hai.

"Tôi có thể làm gì?" ít quan trọng hơn "Tôi đang học được gì, và Chân sư có hài lòng với tôi không?" Tôi sẽ hài lòng với các bạn khi các bạn quên cả bản thân lẫn Tôi trong sự phụng sự hết mình cho nhân loại.

40. Việc làm được đặt đối chiếu với việc học; việc học quan trọng hơn.

41. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài tự hỏi liệu Chân sư có hài lòng với họ hay không. Tự hỏi như vậy sẽ đặt phần lớn

most of our doings to a high standard of evaluation.

42. Maybe we should take the final sentence into meditation:

"I shall be satisfied with you when you have forgotten both yourself and me in your strenuous service for mankind."

43. There are three factors which may loom large in the consciousness of the advancing chela and only one of them is truly legitimate: the disciple, the Master and "service for mankind".

44. Where do we stand on this continuum?" Have we moved beyond thinking of ourselves and of the Master, and can we at last immerse ourselves in the service of humanity? This is the big question.

Service, I would remind you, is a scientific process, calling forth all the soul powers into full expression on the physical plane. It is service which causes a divine manifestation or what you call a divine incarnation.

45. We see the power of service (a scientific process operating, therefore, according to law) to draw forth all latent soul powers into physical expression.

46. The soul is, in a way, a "divine manifestation" or "divine incarnation". The soul incarnates in order to serve.

If a man is truly serving, he will perforce draw upon all the resources of spiritual strength and light and all the wisdom and

những việc chúng ta làm dưới một tiêu chuẩn đánh giá cao.

42. Có lẽ chúng ta nên đưa câu cuối cùng vào tham thiền:

"Tôi sẽ hài lòng với các bạn khi các bạn quên cả bản thân lẫn Tôi trong sự phụng sự hết mình cho nhân loại."

43. Có ba yếu tố có thể chiếm vị trí nổi bật trong tâm thức của người đệ tử đang tiến bước, và chỉ một trong số đó thực sự chính đáng: người đệ tử, Chân sư và "sự phụng sự nhân loại".

44. Chúng ta đang ở đâu trên dải liên tục này?" Chúng ta đã vượt qua việc nghĩ về bản thân và về Chân sư chưa, và cuối cùng chúng ta có thể dấn mình vào việc phụng sự nhân loại chưa? Đây là câu hỏi lớn.

Tôi muốn nhắc các bạn rằng phụng sự là một tiến trình khoa học, khơi dậy mọi quyền năng của linh hồn để biểu lộ trọn vẹn trên cõi hồng trần. Chính sự phụng sự tạo nên một biểu hiện thiêng liêng hay điều các bạn gọi là một sự lâm phàm thiêng liêng.

45. Chúng ta thấy quyền năng của sự phụng sự (một tiến trình khoa học, do đó vận hành theo định luật) trong việc khơi dậy mọi quyền năng tiềm ẩn của linh hồn để biểu lộ trên cõi hồng trần.

46. Theo một nghĩa nào đó, linh hồn là một "biểu hiện thiêng liêng" hay "sự lâm phàm thiêng liêng". Linh hồn lâm phàm để phụng sự.

Nếu một người thực sự phụng sự, y tất yếu sẽ huy động mọi nguồn sức mạnh và ánh sáng tinh thần, cùng toàn bộ minh triết và

directing power of his soul, because the task to be done is always too big for the personality.

quyền năng chỉ đạo của linh hồn mình, vì nhiệm vụ cần làm luôn quá lớn đối với phàm ngã.

47. We have here an irresistible injunction to serve with all our power and might. In the midst of true service, it is always realized that personality resources alone will not serve to accomplish what must be accomplished. Engagement in true service causes us to draw upon our deepest resources. This, in turn, increases our powers and causes us to grow.

47. Ở đây, chúng ta có một lời thúc giục không thể cưỡng lại: hãy phụng sự bằng tất cả quyền năng và sức mạnh của mình. Trong khi thực sự phụng sự, chúng ta luôn nhận ra rằng chỉ riêng những nguồn lực của phàm ngã sẽ không đủ để hoàn thành những gì phải hoàn thành. Việc dấn thân vào sự phụng sự đích thực khiến chúng ta huy động những nguồn lực sâu thẳm nhất của mình. Đến lượt điều này lại gia tăng các quyền năng của chúng ta và khiến chúng ta tăng trưởng.

48. Therefore, if we wish to access the fullness of our spiritual strength, light, love and wisdom, we must serve. Service, therefore, is the principal means of access to our essential, occult nature.

48. Vì vậy, nếu muốn tiếp cận trọn vẹn sức mạnh tinh thần, ánh sáng, tình thương và minh triết của mình, chúng ta phải phụng sự. Do đó, phụng sự là phương tiện chủ yếu để tiếp cận bản chất huyền bí cốt yếu của chúng ta.

Some of the world's greatest servers are men and women who are very close to the spiritual Hierarchy and working under its direction, inspiration and impression, [25] but who know naught of esotericism so-called, do not recognise the Hierarchy and (in their brain consciousness) remain unaware of its Personnel, the Masters of the Wisdom.

Một số người phụng sự vĩ đại nhất của thế giới là những người nam và nữ rất gần gũi với Thánh đoàn và làm việc dưới sự chỉ đạo, cảm hứng và ấn tượng của Thánh đoàn, [25] nhưng không biết gì về cái gọi là huyền bí học, không nhận biết Thánh đoàn và (trong tâm thức bộ não) vẫn không biết đến các Thành Viên của Thánh đoàn, các Chân sư Minh Triết.

49. Of this fact, we must forever remind ourselves. We become so immersed in the technicalities of our own teaching that we may fail to recognize servers far greater than we who know nothing of these technicalities.

49. Chúng ta phải luôn nhắc mình về sự thật này. Chúng ta quá đắm chìm trong những chi tiết chuyên môn của giáo lý mình theo học đến mức có thể không nhận ra những người phụng sự vĩ đại hơn chúng ta rất nhiều, dù họ không biết gì về những chi tiết chuyên môn ấy.

50. Such servers may have renounced hierarchical recognition in this particular

50. Những người phụng sự như thế có thể đã từ bỏ việc nhận biết Thánh đoàn trong kiếp

incarnation so that they could serve more effectively.

sống cụ thể này để có thể phụng sự hiệu quả hơn.

51. If we identify servers on the sole basis of whether or not they are familiar with occultism, we reveal our consciousness as trapped by form and unaware of the *spirit* of service.

51. Nếu chúng ta nhận diện những người phụng sự chỉ dựa trên việc họ có am hiểu huyền bí học hay không, chúng ta bộc lộ rằng tâm thức mình đang mắc kẹt trong hình tướng và không nhận biết *tinh thần* phụng sự.

One of the tragedies today of the esoteric world is the vast amount of facts in the possession of esoteric students, and the piling up of knowledge anent the Hierarchy and its Personnel. In the minds of disciples this knowledge and this aspiration obliterates the need of their fellowmen.

Một trong những bi kịch của thế giới huyền môn ngày nay là lượng dữ kiện khổng lồ mà các đạo sinh nội môn nắm giữ, cùng sự tích lũy kiến thức về Thánh đoàn và các Thành Viên của Thánh đoàn. Trong thể trí các đệ tử, kiến thức và khát vọng này che lấp nhu cầu của đồng loại.

52. This is a tragedy, indeed, so let us all take note. Human need comes first, and all that we know of occult knowledge, the Hierarchy and its Personnel must be applied to meet that need. How we shall do this is a question of resourcefulness.

52. Quả thực, đây là một bi kịch, vì vậy tất cả chúng ta hãy lưu tâm. Nhu cầu của nhân loại phải được đặt lên hàng đầu, và mọi điều chúng ta biết về tri thức huyền bí, Thánh đoàn và các Thành Viên của Thánh đoàn đều phải được vận dụng để đáp ứng nhu cầu ấy. Chúng ta sẽ làm điều này như thế nào là vấn đề về khả năng tháo vát.

53. If DK used the word “tragedy” He meant it. Let us ponder our relation to this problem. Are we part of the problem or part of the solution?

53. Nếu Chân sư DK dùng từ “bi kịch”, thì Ngài thực sự muốn nói như vậy. Chúng ta hãy suy ngẫm về mối liên hệ của mình với vấn đề này. Chúng ta là một phần của vấn đề hay một phần của giải pháp?

This constitutes one of the problems with which the Hierarchy is faced. The problem of balance and of dual orientation is a very real one. As regards the impartation of spiritual knowledge, the Masters Who take pupils are faced with two problems:

Đây là một trong những vấn đề mà Thánh đoàn phải đối diện. Vấn đề quân bình và định hướng kép là một vấn đề hết sức thực tế. Về việc truyền đạt tri thức tinh thần, các Chân sư nhận môn sinh phải đối diện với hai vấn đề:

54. The phrase is an excellent one: “the problem of balance and of dual orientation”. It is so easy to emphasize one of the dualities

54. Đây là một cụm từ tuyệt vời: “vấn đề quân bình và định hướng kép”. Chúng ta rất dễ nhấn mạnh bên này hoặc bên kia của một

or the other and fail to see and maintain the value of both.

cặp đối cực mà không thấy và duy trì giá trị của cả hai.

1. The problem of the unawakened aspirant.

1. Vấn đề của người chí nguyện chưa thức tỉnh.

2. The problem of the learned disciple.

2. Vấn đề của người đệ tử uyên bác.

55. Here DK mentions the "unawakened aspirant", but earlier the "awakened aspirant". It is easy to see how the quality of tamas would be characteristic of the "unawakened" aspirant.

55. Ở đây Chân sư DK đề cập đến "người chí nguyện chưa thức tỉnh", nhưng trước đó lại nói đến "người chí nguyện đã thức tỉnh". Dễ thấy phẩm tính tamas là nét đặc trưng của người chí nguyện "chưa thức tỉnh".

Ignorance and knowledge must both give place to understanding and wisdom.

Cả vô minh lẫn tri thức đều phải nhường chỗ cho sự thấu hiểu và minh triết.

56. In both cases a state of "understanding and wisdom" is desirable. The "unawakened aspirant" is subject to ignorance. For the "learned disciple" the ignorance is not *so* deep, yet, withal, it *is* deep.

56. Trong cả hai trường hợp, trạng thái "thấu hiểu và minh triết" đều là điều đáng mong muốn. "Người chí nguyện chưa thức tỉnh" chịu sự chi phối của vô minh. Với "người đệ tử uyên bác", vô minh không *đến mức* sâu đậm như thế, nhưng dù vậy, nó *quả thực vẫn* sâu đậm.

I particularly wish to speak about the work that I desire you should do at the time of the full moon during the coming year. This aspect of your work should become increasingly potent and interesting.

Tôi đặc biệt muốn nói về công việc Tôi mong các bạn thực hiện vào kỳ trăng tròn trong năm tới. Phương diện này trong công việc của các bạn cần ngày càng có hiệu lực và sức thu hút.

57. We see the importance of the Full Moon work and how it must grow in its potency.

57. Chúng ta thấy tầm quan trọng của công việc vào kỳ Trăng Tròn và việc công việc ấy phải ngày càng gia tăng hiệu lực.

I regard it as of major importance in the group endeavour, and if I, your teacher and friend (under the pressure of the present world opportunity),

Tôi xem nó có tầm quan trọng lớn trong nỗ lực của nhóm; và nếu Tôi, huấn sư và người bạn của các bạn,

58. Could He have said, 'the present world distress'?

58. Liệu Ngài có thể đã nói "nỗi khốn khổ của thế giới hiện tại" chăng?

can spare the time to aid the group in this particular way, it is surely not too much to ask that I receive reciprocal attention.

có thể dành thời gian trợ giúp nhóm theo cách đặc biệt này (dưới áp lực của cơ hội thế giới hiện tại), thì chắc chắn việc yêu cầu các bạn đáp lại bằng sự chú tâm cũng không phải là quá đáng.

59. It is amazing that DK has almost to plead with His chelas to respond to the attention that He has given them by following His instructions.

59. Thật đáng kinh ngạc khi Chân sư DK gần như phải khẩn khoản với các đệ tử của Ngài để họ đáp lại sự quan tâm Ngài đã dành cho họ bằng cách tuân theo các huấn thị của Ngài.

60. Probably no potential chela could have imagined that he would refuse to follow the Master's requests and work assigned, but this is just what happened.

60. Có lẽ không một đệ tử tiềm năng nào có thể hình dung rằng mình sẽ từ chối làm theo những yêu cầu của Chân sư và thực hiện công việc được giao, nhưng đó chính là điều đã xảy ra.

Perhaps some of you may get increased light upon the usefulness of the attempt if I tell you the interesting fact that—at the time of the full moon—**it is almost as if a door suddenly opened wide, which at other times stands closed.**

Có lẽ một số người trong các bạn sẽ hiểu rõ hơn tính hữu ích của nỗ lực này nếu Tôi cho biết một sự thật đáng chú ý rằng—vào kỳ trăng tròn—**gần như có một cánh cửa bỗng mở rộng, trong khi vào những thời điểm khác nó vẫn đóng kín.**

61. The image is vivid and important. The idea of a sudden opening should make one realize the nature of the opportunity, unavailable at other times of the month.

61. Hình ảnh này sống động và quan trọng. Ý tưởng về một lối mở đột ngột hẳn sẽ giúp chúng ta nhận ra bản chất của cơ hội vốn không có vào những thời điểm khác trong tháng.

Through that door, ingress is possible; through that door or opening, energies can be contacted which are otherwise shut off; and through that door approaches can be made to the planetary Hierarchy and to reality which are at other times not possible.

Qua cánh cửa ấy, người ta có thể đi vào; qua cánh cửa hay lối mở ấy, người ta có thể tiếp xúc với những năng lượng vốn bị ngăn cách vào những lúc khác; và qua cánh cửa ấy, người ta có thể tiếp cận Thánh đoàn hành tinh và thực tại theo những cách không thể thực hiện vào các thời điểm khác.

62. The incentive offered could hardly be more compelling. The meditator can ingress or enter dimensions hitherto sealed; the meditator can receive the egress of energies

62. Động lực được đưa ra khó có thể thôi thúc mạnh mẽ hơn nữa. Người hành thiền có thể đi vào hay bước vào những chiều kích cho đến lúc ấy vẫn đóng kín; người hành

usually shut off. And, most importantly, the Hierarchy itself (and "reality") can be approached in definite manner.

thiền có thể tiếp nhận những năng lượng tuôn ra vốn thường bị ngăn cách. Và quan trọng nhất, chúng ta có thể tiếp cận chính Thánh đoàn (và "thực tại") theo một cách xác định.

In this statement, you have the rude outlines of a Science of Approach which has been little known up to the present time, even to advanced disciples, but which it is intended [26] during the New Age to develop. It is a part of the true and emerging technique of the Path.

Trong lời này, các bạn có những nét phác thảo sơ lược của một Khoa Học Tiếp Cận, cho đến nay vẫn ít được biết đến, ngay cả đối với các đệ tử tiến bộ, nhưng dự định sẽ [26] được phát triển trong Kỷ Nguyên Mới. Đây là một phần của kỹ thuật chân chính đang xuất hiện trên Đường Đạo.

63. DK has just outlined some important principles concerning the "Science of Approach". Doors to high dimensions are not always open; this we must understand.

63. Chân sư DK vừa phác thảo một số nguyên tắc quan trọng liên quan đến "Khoa Học Tiếp Cận". Những cánh cửa dẫn vào các chiều kích cao không phải lúc nào cũng mở; chúng ta phải hiểu điều này.

64. This "Science of Approach" suggests some of the occult techniques to be understood and practiced during the New Age.

64. "Khoa Học Tiếp Cận" này gợi ra một số kỹ thuật huyền bí cần thấu hiểu và thực hành trong Kỷ Nguyên Mới.

65. If even advanced disciples have not understood this science hitherto, we are certainly advised to pay close attention.

65. Nếu cho đến nay ngay cả các đệ tử tiến bộ cũng chưa thấu hiểu khoa học này, thì chắc chắn chúng ta nên hết sức chú tâm.

I would like somewhat to change your work in connection with your full moon contact. **Two days before the time of the full moon**, I will ask you to begin to cultivate that inner attitude of poised re-collectedness which will lay the right foundation for further work and which will help to shift the focus of the attention from the objective to the subjective work.

Tôi muốn thay đổi phần nào công việc liên quan đến sự tiếp xúc trăng tròn của các bạn. **Hai ngày trước thời điểm trăng tròn**, Tôi yêu cầu các bạn bắt đầu vun bồi thái độ nội tâm quân bình và định tâm, để đặt nền tảng đúng đắn cho công việc tiếp theo, đồng thời giúp chuyển trọng tâm chú ý từ công việc khách quan sang công việc chủ quan.

66. DK is most specific about His expectations during the period of the Full Moon.

66. Chân sư DK nêu rất cụ thể những điều Ngài mong đợi trong thời kỳ Trăng Tròn.

67. We see that what He expects is not so much activity as an "inner attitude".

67. Chúng ta thấy rằng điều Ngài mong đợi chủ yếu là một "thái độ nội tâm" hơn là hoạt động.

68. What is required in this "inner attitude of poised re-collectedness" is to re-gather our "points of extension" so that we may truly become the soul-aligned Observer.

68. Điều cần thiết trong "thái độ nội tâm quân bình và định tâm" này là thu gom lại những "điểm mở rộng" của chúng ta để chúng ta có thể thực sự trở thành Người Quan Sát chỉnh hợp với linh hồn.

69. In other words, we are to become *subjective* in our attitude rather than preoccupied with objective matters.

69. Nói cách khác, chúng ta cần có thái độ hướng về *chủ quan* thay vì bận tâm đến những vấn đề khách quan.

It is an attitude more than an activity. Ponder on this phrase.

Đây là một thái độ hơn là một hoạt động. Hãy suy ngẫm về câu này.

70. Attitudes pertain to consciousness; activities, to the third aspect.

70. Thái độ thuộc về tâm thức; hoạt động thuộc về phương diện thứ ba.

It is a state of consciousness which can be carried forward, no matter what may be the outer activity or interests, and it involves no outer silence, or cessation of normal behaviour.

Đây là một trạng thái tâm thức có thể duy trì bất kể hoạt động hay mối quan tâm bên ngoài là gì, và không đòi hỏi sự im lặng bên ngoài hay ngừng những sinh hoạt bình thường.

71. The correct attitude, therefore, does not call for a cessation of activity or the display of any strange or conspicuously different behavior.

71. Vì vậy, thái độ đúng đắn không đòi hỏi phải ngừng hoạt động hay biểu lộ bất kỳ hành vi kỳ lạ hoặc khác biệt rõ rệt nào.

72. It seems to require a dual focus—careful attention to one's required outer activities and a recollected state of consciousness of observation.

72. Điều này dường như đòi hỏi sự tập trung kép—chú tâm cẩn thận vào những hoạt động bên ngoài mà mình cần thực hiện, đồng thời duy trì trạng thái tâm thức định tâm để quan sát.

It is part of the training which has for its goal the living (by the disciple) of a dual life —a life of active participation in world affairs and a life of intense mental and spiritual preoccupation.

Đó là một phần của sự huấn luyện nhằm giúp người đệ tử sống một đời sống kép— một đời sống tích cực tham gia các công việc thế gian và một đời sống chuyên chú mãnh liệt về trí tuệ và tinh thần.

73. Can we achieve this—active participation in world affairs and "a life of intense mental and spiritual preoccupation"?

73. Chúng ta có thể đạt được điều này chăng —tích cực tham gia các công việc thế gian và "một đời sống chuyên chú mãnh liệt về trí tuệ và tinh thần"?

74. This would presuppose an ability to sustain a meditative attitude even while engaged in normal activities. Perhaps we will be ready for this dual focus when we know what it is to sustain a meditative attitude well beyond any specific period of meditation.

74. Điều này đòi hỏi khả năng duy trì một thái độ thiền định ngay cả khi đang tham gia các hoạt động bình thường. Có lẽ chúng ta sẽ sẵn sàng cho sự tập trung kép này khi biết thế nào là duy trì một thái độ thiền định vượt xa bất kỳ thời kỳ tham thiền cụ thể nào.

Make a most definite effort during these two days to step up your consciousness a little higher at each of the three spiritual points in each day: at the early morning meditation, at the noonday recollection, and at the sunset hour of contact.

Trong hai ngày này, hãy hết sức dứt khoát nỗ lực nâng tâm thức cao hơn một chút tại mỗi trong ba thời điểm tinh thần mỗi ngày: lúc tham thiền sáng sớm, lúc định tâm giữa trưa và giờ tiếp xúc khi mặt trời lặn.

75. The value of the "three spiritual points in each day" is asserted.

75. Giá trị của "ba thời điểm tinh thần mỗi ngày" được khẳng định.

76. Not only must there be an observance of these three points but a constant heightening of tension at each successive point.

76. Không những phải tuân thủ ba thời điểm này mà còn phải không ngừng nâng cao sự tập trung nhất tâm tại mỗi thời điểm kế tiếp.

This means—if you follow instructions correctly—that you subject your subtle bodies to six equal points of spiritual stimulation and that you do it consciously.

Điều này có nghĩa là—nếu làm đúng chỉ dẫn —các bạn đưa các thể vi tế của mình qua sáu thời điểm kích thích tinh thần ngang nhau, và thực hiện điều đó một cách hữu thức.

77. Three points are observed for both days. This makes six points.

77. Ba thời điểm này được tuân thủ trong cả hai ngày. Như vậy là sáu thời điểm.

78. They are called “equal points of spiritual stimulation” so that we realize the importance of all of them and do not slight any.

78. Chúng được gọi là “các thời điểm kích thích tinh thần ngang nhau” để chúng ta nhận ra tầm quan trọng của tất cả các thời điểm ấy và không xem nhẹ bất kỳ thời điểm nào.

Then at some hour in the day of the full moon, but prior to the exact hour if that hour is not possible, follow the procedure outlined below:

Sau đó, vào một giờ nào đó trong ngày trăng tròn, nhưng trước giờ chính xác nếu không thể thực hiện đúng giờ ấy, hãy theo tiến trình dưới đây:

79. We are now focussed on an intensified Full Moon approach.

79. Giờ đây, chúng ta tập trung vào một sự tiếp cận Trăng Tròn được tăng cường.

1. Centre the consciousness in the head.

1. Tập trung tâm thức trong đầu.

80. This is the center from which all truly occult work proceeds, as the head contains the prototype of all the centers in other parts of the body.

80. Đây là trung tâm mà mọi công việc huyền bí đích thực đều xuất phát từ đó, vì đầu chứa nguyên mẫu của tất cả các trung tâm ở những phần khác của thân thể.

2. Imagine yourself as retreating even more consciously within towards that point of contact where personality-soul and the teacher in the world of souls can meet and become as one.

2. Hãy tưởng tượng mình rút sâu vào bên trong một cách hữu thức hơn nữa, hướng đến điểm tiếp xúc nơi phàm ngã-linh hồn và huấn sư trong thế giới linh hồn có thể gặp gỡ và trở thành một.

81. We have here an imaginative fusion of the personality, soul and the Master as a teacher in the world of souls. DK has often told us that He is one with our soul.

81. Ở đây, chúng ta có sự dung hợp qua tưởng tượng của phàm ngã, linh hồn và Chân sư trong vai trò một huấn sư nơi thế giới linh hồn. Chân sư DK đã thường nói với chúng ta rằng Ngài là một với linh hồn chúng ta.

3. Then hold yourself as poised and steady as possible, preserving that detached poise as fully as may be during the following process which is carried forward silently by the creative activity of the imagination.

3. Sau đó, hãy giữ mình quân bình và vững vàng nhất có thể, duy trì sự quân bình tách rời ấy trọn vẹn hết mức trong suốt tiến trình sau đây, được thực hiện trong im lặng bằng hoạt động sáng tạo của sự tưởng tượng.

82. Chúng ta sắp thực hiện một sự hình dung thu hút toàn bộ sự chú tâm. Để thực

82. We are about to engage in an absorbing visualization. In order to do this successfully an attitude of "detached poise" is required.

hiện thành công điều này, cần có thái độ "quân bình tách rời".

a. Imagine or visualise yourself as standing before a golden or ivory door.

a. Hãy tưởng tượng hoặc hình dung mình đang đứng trước một cánh cửa bằng vàng hoặc ngà.

83. Either color (golden or ivory) is suitable. Perhaps, different types of meditators will prefer one or the other color.

83. Cả hai màu (vàng kim hoặc ngà) đều thích hợp. Có lẽ, những kiểu người hành thiền khác nhau sẽ thích màu này hoặc màu kia hơn.

84. Perhaps, as well, the two colors refer to preparation for different initiations.

84. Có lẽ, hai màu ấy cũng liên quan đến việc chuẩn bị cho những cuộc điểm đạo khác nhau.

85. The golden color may connect more with the second ray and ivory (or white) with the first.

85. Màu vàng kim có thể liên hệ nhiều hơn với cung hai, còn màu ngà (hoặc trắng) với cung một.

86. The association with the elephant cannot be avoided; it is symbolically and actually a wise animal, at the head (first ray) of the second ray animals.

86. Không thể tránh việc liên tưởng đến loài voi; cả về mặt biểu tượng lẫn trên thực tế, đây là một loài vật minh triết, đứng đầu (cung một) trong các loài động vật thuộc cung hai.

[27]

[27]

b. See that door slowly open, revealing a long low room with three windows—one looking east, one looking west and one looking north.

b. Hãy thấy cánh cửa ấy từ từ mở ra, để lộ một căn phòng dài, thấp, có ba cửa sổ—một nhìn về hướng đông, một nhìn về hướng tây và một nhìn về hướng bắc.

87. The approaching meditator must, therefore, be entering from the south—the world of form.

87. Do đó, người hành thiền đang tiến đến hẳn phải đi vào từ hướng nam—thế giới hình tướng.

Seated before the eastern window on a low carved chair (but looking towards you, and therefore sitting with his back to the window) you may visualise your Tibetan

Các bạn có thể hình dung huynh đệ Tây Tạng của mình đang ngồi trước cửa sổ phía đông trên một chiếc ghế thấp chạm trổ (nhưng nhìn về phía các bạn, nên quay lưng lại cửa

brother, in deep meditation, seeking to contact you and all for whom he is, as a teacher, responsible.

sổ), trong trạng thái thiền định sâu, tìm cách tiếp xúc với các bạn và tất cả những người mà Ngài chịu trách nhiệm với tư cách huấn sư.

88. We note that the image of the Tibetan is to be visualized in the East—the place from which the light comes, the place of the rising Sun.

88. Chúng ta lưu ý rằng cần hình dung hình ảnh Chân sư Tây Tạng ở phương Đông—nơi ánh sáng đến, nơi Mặt Trời mọc.

89. It is important to see the Tibetan in deep meditation and motivated by the wish to contact those for whom He is responsible as a teacher. This type of imagining opens the door to the Tibetan's outreaching energy.

89. Điều quan trọng là thấy Chân sư Tây Tạng trong trạng thái thiền định sâu, với động cơ là mong muốn tiếp xúc với những người mà Ngài chịu trách nhiệm với tư cách huấn sư. Cách tưởng tượng này mở cửa đón nhận năng lượng đang vươn ra của Chân sư Tây Tạng.

c. Then picture yourself as advancing slowly up the long room (which is his study and work room) and then standing before him.

c. Sau đó, hãy hình dung mình chậm rãi đi dọc căn phòng dài (là phòng nghiên cứu và làm việc của Ngài), rồi đứng trước Ngài.

90. We note that this second ray Master has a "study", which, given His ray, is suitable.

90. Chúng ta lưu ý rằng vị Chân sư cung hai này có một "phòng nghiên cứu", điều này phù hợp với cung của Ngài.

91. We note also that the room is *both* a study and work room, giving us an important hint.

91. Chúng ta cũng lưu ý rằng căn phòng *vừa* là phòng nghiên cứu vừa là phòng làm việc, qua đó cho chúng ta một gợi ý quan trọng.

92. The room is "long" because it takes a while to reach the Master. It is "low" to emphasize the attitude of humility related to all that transpires within the room.

92. Căn phòng "dài" vì phải mất một khoảng thời gian mới đến được với Chân sư. Căn phòng "thấp" để nhấn mạnh thái độ khiêm nhường gắn với mọi điều diễn ra trong phòng.

See also your group brothers standing with you. Then each of you can constitute himself, in imagination, as spokesman for his group and offer the group in service and deep consecration to the service of the Plan.

Cũng hãy thấy các huynh đệ trong nhóm đang đứng cùng các bạn. Khi ấy, mỗi người có thể tưởng tượng mình là người phát ngôn của nhóm, dâng hiến nhóm trong tinh thần phụng sự và thánh hiến sâu xa cho việc phụng sự Thiên Cơ.

93. The imagination of the whole group is vitally important. What is being offered is, essentially, a *group* meditation and has nothing to do with the individual per se.

93. Việc hình dung toàn thể nhóm có tầm quan trọng thiết yếu. Về bản chất, điều được đưa ra là một bài tham thiền *nhóm* và không liên quan gì đến chính cá nhân.

94. Each group member has to learn to speak on behalf of the group and, thus, to represent the group. In order to accomplish this, his individuality will have to be tempered, and he will have to merge his identity in that of the group.

94. Mỗi thành viên nhóm phải học cách nói thay mặt nhóm và qua đó đại diện cho nhóm. Để thực hiện điều này, y sẽ phải tiết chế cá tính của mình và hòa nhập bản sắc của mình vào bản sắc của nhóm.

d. When you have accomplished this, imagine that you see me rising from my chair.

d. Khi đã thực hiện điều này, hãy tưởng tượng các bạn thấy Tôi đứng dậy khỏi ghế.

95. The Master now becomes active in order to participate in a special act of invocation.

95. Giờ đây, Chân sư bắt đầu hoạt động để tham gia một hành động khẩn cầu đặc biệt.

96. One wonders if Master DK arranges in some manner to be physically or projectedly present in exactly the position and surroundings He suggests for visualization. This would, of course, strengthen the power of the visualization attempted by His chelas.

96. Chúng ta tự hỏi liệu Chân sư DK có thu xếp bằng cách nào đó để hiện diện bằng thể xác hoặc qua sự phóng chiếu, ngay tại vị trí và trong khung cảnh mà Ngài đề nghị hình dung hay không. Dĩ nhiên, điều này sẽ tăng cường sức mạnh của việc hình dung mà các đệ tử của Ngài đang cố gắng thực hiện.

Then as a group we face the East and say together the Great Invocation. Endeavour consciously to follow my lead as we say the words, and listen with care, using the imagination. This will involve intense concentration.

Sau đó, với tư cách một nhóm, chúng ta hướng về phương Đông và cùng đọc Đại Khấn Nguyện. Hãy cố gắng hữu thức theo sự dẫn dắt của Tôi khi chúng ta đọc những lời ấy, và lắng nghe chăm chú, sử dụng sự tưởng tượng. Điều này sẽ đòi hỏi sự tập trung mãnh liệt.

97. By attempting to follow the lead of the Master, one attunes closely with the presence and energy of the Master. He becomes a real and active individual and the sense of being in His presence is strongly reinforced. In fact, such work will take the

97. Bằng cách cố gắng theo sự dẫn dắt của Chân sư, chúng ta hòa điệu mật thiết với sự hiện diện và năng lượng của Ngài. Ngài trở thành một cá nhân có thực và đang hoạt động, và cảm nhận rằng mình đang ở trong sự hiện diện của Ngài được củng cố mạnh mẽ. Thực tế, công việc như vậy sẽ thực sự

meditator actually into the presence of the Master.

98. We are here dealing with imagination approximating reality. That which is imagined ceases to be merely an image and approximates reality. It may be that the meditators will actually hear the voice of the Tibetan.

99. What He is offering seems to be another technique in the Science of Approach.

Do this until the time of the full moon of May, for it is a preparatory exercise in order to train you all in esoteric participation.

100. We may wonder how we can actually enter the presence of the Master and participate with Him in some inner process. The method is here clearly given.

101. We are not simply engaging in an exercise of the imagination but are using the creative imagination to induce a state of "esoteric participation". This calls for practice.

Make a careful analysis each month of your success or failure to carry out this discipline, and note with exactitude all reactions, results and phenomena.

102. Ever the fifth ray attitude is enjoined—observation, analysis, truth.

Success will depend upon your ability to achieve a strong mental reorientation and focus, to keep detached from brain activity,

đưa người hành thiền vào sự hiện diện của Chân sư.

98. Ở đây, chúng ta đang bàn đến sự tưởng tượng tiến gần đến thực tại. Điều được hình dung không còn chỉ là một hình ảnh mà tiến gần đến thực tại. Có thể những người hành thiền sẽ thực sự nghe được giọng nói của Chân sư Tây Tạng.

99. Điều Ngài đang đưa ra dường như là một kỹ thuật khác trong Khoa Học Tiếp Cận.

Hãy thực hiện như vậy cho đến kỳ trăng tròn tháng Năm, vì đây là một bài tập chuẩn bị nhằm huấn luyện tất cả các bạn tham gia công việc nội môn.

100. Chúng ta có thể tự hỏi làm thế nào mình có thể thực sự đi vào sự hiện diện của Chân sư và cùng Ngài tham gia một tiến trình nội tâm nào đó. Ở đây, phương pháp đã được chỉ dẫn rõ ràng.

101. Chúng ta không chỉ thực hiện một bài tập tưởng tượng mà đang sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo để tạo ra một trạng thái "tham gia công việc nội môn". Điều này đòi hỏi sự thực hành.

Mỗi tháng, hãy phân tích cẩn thận sự thành công hay thất bại của mình trong việc thực hiện kỷ luật này, và ghi lại chính xác mọi phản ứng, kết quả và hiện tượng.

102. Thái độ cung năm luôn là điều được yêu cầu—quan sát, phân tích, chân lý.

Thành công sẽ tùy thuộc vào khả năng tái định hướng và tập trung thể trí một cách mạnh mẽ, giữ mình tách rời khỏi hoạt động

and yet at the same time to preserve the waking brain attentiveness.

bộ não, đồng thời vẫn duy trì sự chú tâm tỉnh thức của bộ não.

103. The consciousness is not to be preoccupied with the following of brain activity and yet the brain cannot go to sleep. One must be "wide awake" and yet detached.

103. Tâm thức không được mải mê theo dõi hoạt động của bộ não, nhưng bộ não cũng không được ngủ thiếp đi. Chúng ta phải "hoàn toàn tỉnh thức" mà vẫn tách rời.

104. This requirement, too, suggests the sustaining of a dual focus. The brain must be involved because it is our intention to bring through into normal brain consciousness that which transpires on the inner planes.

104. Yêu cầu này cũng gợi ý việc duy trì sự tập trung kép. Bộ não phải tham gia vì ý định của chúng ta là đưa những gì diễn ra trên các cõi bên trong vào tâm thức bình thường của bộ não.

105. One gathers from these instructions that the actions upon which the suggested visualization is based are actually transpiring.

105. Từ những huấn thị này, chúng ta hiểu rằng các hoạt động làm cơ sở cho sự hình dung được đề nghị đang thực sự diễn ra.

The resultant effects, reactions, and the registering of any realisation must be noted for the two days succeeding the time of the full moon, for the seeping through of information and knowledge is often a slow process, owing to the inadequate alignment of the bodies.

Cần ghi lại các hiệu quả, phản ứng và mọi nhận biết có được trong hai ngày sau thời điểm trăng tròn, vì thông tin và tri thức thấm qua thường là một tiến trình chậm, do sự chỉnh hợp chưa đầy đủ của các thể vi tế.

106. The advice is not simply to record impressions on the day of the Full Moon only. Attentiveness during the entire two-day preparatory process is necessary. The meditation itself, however, is for use on the day of the Full Moon.

106. Lời khuyên này không chỉ đơn thuần là ghi lại các ấn tượng vào riêng ngày Trăng Tròn. Cần chú tâm trong suốt tiến trình chuẩn bị kéo dài hai ngày. Tuy nhiên, chính bài thiền này dành để thực hành vào ngày Trăng Tròn.

The May full moon will inaugurate the first real united effort to synthesise subjectively [28] the present existing groups.

Kỳ trăng tròn tháng Năm sẽ mở đầu nỗ lực hợp nhất thực sự đầu tiên nhằm tổng hợp trên phương diện chủ quan [28] các nhóm hiện có.

107. Of which "groups" is DK speaking? The several Groups of Nine have already been synthesized into one New Seed Group.

107. Chân sư DK đang nói đến những "nhóm" nào? Các Nhóm Chín Người đã được tổng hợp thành một Nhóm Hạt Giống Mới.

108. But perhaps there are other groups under the care of different Masters and perhaps these are part of the synthesis.

108. Nhưng có lẽ còn có những nhóm khác do các Chân sư khác nhau chăm nom, và có lẽ những nhóm này cũng nằm trong sự tổng hợp ấy.

This synthesis and corporate effort will become an annual endeavour as time goes on, and will take place regularly each Wesak Festival.

Theo thời gian, sự tổng hợp và nỗ lực tập thể này sẽ trở thành một hoạt động hằng năm, diễn ra đều đặn vào mỗi Lễ Hội Wesak.

109. When DK speaks of an annual endeavor, it certainly seems as if the synthesizing is part of a wider effort.

109. Khi Chân sư DK nói đến một nỗ lực hằng năm, quả thực có vẻ như việc tổng hợp này là một phần của một nỗ lực rộng lớn hơn.

Of the original twenty-four members of the new (reorganised) seed group only eighteen now remain working on the physical plane.

Trong số hai mươi bốn thành viên ban đầu của nhóm hạt giống mới (đã được tái tổ chức), hiện chỉ còn mười tám người làm việc trên cõi hồng trần.

110. Two of the six members are deceased.

110. Hai trong số sáu thành viên ấy đã qua đời.

Two of them have passed into what we in Tibet call “the clear cold light”; they have gone over to the other side of the veil but are still actively cooperating with the group, and receiving the same instructions from me. I can, however, approach them more directly, as the limitations imposed by the physical brain no longer exist.

Hai người đã đi vào điều mà ở Tây Tạng chúng tôi gọi là “ánh sáng trong trẻo lạnh lẽo”; họ đã sang phía bên kia bức màn nhưng vẫn tích cực hợp tác với nhóm và nhận cùng những huấn thị từ Tôi. Tuy nhiên, Tôi có thể tiếp cận họ trực tiếp hơn, vì những giới hạn do bộ não hồng trần đặt ra không còn nữa.

111. The integrity of the group persists regardless of the fact that some of the members are now on the other side of the veil.

111. Tính toàn vẹn của nhóm vẫn duy trì bất kể một số thành viên hiện đang ở phía bên kia bức màn.

112. It is arresting to realize that those who are on the other side are “receiving the same instruction” from the Tibetan.

112. Thật đáng chú ý khi nhận ra rằng những người ở phía bên kia đang “nhận cùng những huấn thị” từ Chân sư Tây Tạng.

113. We also have reaffirmed for us the often stated fact that the physical brain is an obstruction to communication from the Master and from the subtle world in general.

113. Chúng ta cũng được tái khẳng định một sự thật thường được nhắc đến: bộ não hồng trần là một chướng ngại đối với sự giao tiếp từ Chân sư và từ thế giới vi tế nói chung.

P.D.W., though the latest to pass over, was held by the handicap of the astral body for an exceedingly brief time; he is now focussed and working in connection with my Ashram, upon the mental plane.

P.D.W., tuy là người vừa qua đời gần đây nhất, chỉ bị sự hạn chế của thể cảm dục níu giữ trong một thời gian cực kỳ ngắn; hiện nay, bạn ấy đã tập trung và đang làm việc trong mối liên hệ với ashram của Tôi trên cõi trí.

114. The case of PDW is interesting. He was a Jesuit priest who disappeared during the war in Europe, presumably killed by the Nazis.

114. Trường hợp của PDW thật thú vị. Ông là một linh mục Dòng Tên đã mất tích trong chiến tranh ở châu Âu, có lẽ đã bị Đức Quốc xã sát hại.

115. He is also one of those for whom a first ray Monad is subtly through definitely suggested, for DK later tells us that his true Master is Master M. and yet his soul is on the second ray.

115. Ông cũng là một trong những người mà chân thần cung một được gợi ý một cách tinh tế nhưng dứt khoát, vì về sau Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Chân sư thực sự của ông là Chân sư M., trong khi linh hồn ông lại thuộc cung hai.

"The latter [PDW] has moved on into the Ashram of his Master, the Master Morya. He is now preoccupied with the work of breaking up—along with other trusted first ray disciples—the crystallisation which is the disastrous condition of France. His past incarnation in the French nation has well fitted him for this task; his heart of love and his very profound development will also enable him greatly to assist, thus offsetting the destructive tendencies of the first ray worker. He has never been destructive in his application of truth." (DINA II 33)

"Người sau [PDW] đã chuyển vào ashram của Chân sư mình, Chân sư Morya. Hiện nay, cùng với các đệ tử cung một đáng tin cậy khác, bạn ấy đang chuyên tâm vào công việc phá vỡ sự kết tinh vốn là tình trạng tai hại của nước Pháp. Kiếp trước của bạn ấy trong dân tộc Pháp đã chuẩn bị tốt cho bạn ấy đảm nhận nhiệm vụ này; trái tim yêu thương và sự phát triển rất sâu sắc của bạn ấy cũng sẽ giúp bạn ấy trợ giúp rất nhiều, nhờ đó hóa giải những khuynh hướng hủy diệt của người hoạt động cung một. Bạn ấy chưa bao giờ mang tính hủy diệt khi vận dụng chân lý." (DINA II 33)

116. The astral body is also a handicap, just as is the physical brain. Perhaps because of PDW's essentially first ray nature, the astral body could not hold him, for as we realize,

116. Thể cảm dục cũng là một trở ngại, giống như bộ não thể xác. Có lẽ do bản chất căn bản thuộc cung một của PDW, thể cảm dục không thể giữ ông lại, vì như chúng ta

the first ray is adept at controlling emotion and is actually said to despise it.

nhận biết, cung một rất giỏi kiểm soát cảm xúc và thực ra còn được cho là khinh miệt cảm xúc.

"First ray people dread emotion and despise it, but sometimes they have to swing into an emotional condition before they can use emotional sensitivity in the right manner." (GWP 4)

"Những người cung một sợ hãi và khinh miệt cảm xúc, nhưng đôi khi họ phải chuyển sang một trạng thái cảm xúc trước khi có thể sử dụng sự nhạy cảm về cảm xúc một cách đúng đắn." (GWP 4)

117. We remember that PDW has a fifth ray mental body and so it is fitting that his post mortem work with DK's Ashram should be upon the mental plane which is so closely attuned to the fifth ray.

117. Chúng ta nhớ rằng PDW có thể trí cung năm, vì vậy việc sau khi qua đời, ông làm việc với ashram của Chân sư DK trên cõi trí, vốn hòa điệu rất mật thiết với cung năm, là điều thích hợp.

C.D.P. is now in process of freeing herself from astral limitations, and by the time the sun moves northward she too will be working entirely mentally.

C.D.P. hiện đang trong tiến trình giải thoát khỏi những giới hạn cảm dục, và đến khi mặt trời chuyển về phía bắc, bạn ấy cũng sẽ làm việc hoàn toàn trên cõi trí.

118. She probably died earlier than PDW, but having so much of the sixth ray in her nature (sixth ray personality, astral nature and physical body), it probably took her longer to disengage from astral limitation.

118. Có lẽ bà qua đời sớm hơn PDW, nhưng vì bản chất bà có quá nhiều yếu tố cung sáu (phàm ngã, bản chất cảm dục và thể xác đều thuộc cung sáu), có lẽ bà cần nhiều thời gian hơn để thoát khỏi giới hạn cảm dục.

119. We note that the northward moving of the sun is considered a moment of completion. The Hierarchy governs all its internal workings and its workings with its chelas by such cycles.

119. Chúng ta lưu ý rằng thời điểm mặt trời chuyển về phía bắc được xem là một thời điểm hoàn tất. Thánh đoàn điều hành mọi hoạt động nội bộ và công việc với các đệ tử của mình theo những chu kỳ như vậy.

120. Interestingly, CDP also had a fifth ray mind and again we see that "she too will be working entirely mentally". Once two of the sixth ray vehicles are dropped or worked through such mental labor would become easier of accomplishment.

120. Điều thú vị là CDP cũng có thể trí cung năm, và một lần nữa chúng ta thấy rằng "bạn ấy cũng sẽ làm việc hoàn toàn trên cõi trí". Một khi hai trong số các hiện thể cung sáu được rũ bỏ hoặc những giới hạn của chúng được khắc phục, công việc trí tuệ như vậy sẽ trở nên dễ thực hiện hơn.

They are both of them of real service to me at this time of world need, one owing to her

Cả hai đều thực sự trợ giúp Tôi trong thời điểm thế giới cần đến này, một người nhờ

understanding heart and utter selflessness, the other because of his outstanding wisdom.

trái tim thấu hiểu và tính vị tha hoàn toàn, người kia nhờ minh triết xuất chúng.

121. Such statements must provide great incentive to the group still in physical incarnation and reaffirm their solidarity with the comrades "on the other side".

121. Những lời phát biểu như vậy hẳn phải tạo động lực lớn lao cho nhóm vẫn đang lâm phàm trong thể xác và tái khẳng định tình đoàn kết của họ với những người đồng chí "ở bên kia".

122. We see what is required to really be of use to the Master. The requirements are embodied in the words "understanding heart and utter selflessness" and "outstanding wisdom". If PDW were, indeed, a first ray monad, we could understand why he emphasize the wisdom aspect of the second ray soul rather than the love aspect.

122. Chúng ta thấy những gì cần có để thực sự hữu ích cho Chân sư. Những yêu cầu ấy thể hiện trong các từ "trái tim thấu hiểu và tính vị tha hoàn toàn" và "minh triết xuất chúng". Nếu quả thực PDW là một chân thần cung một, chúng ta có thể hiểu vì sao ông nhấn mạnh phương diện minh triết của linh hồn cung hai hơn là phương diện tình thương.

123. When we hear that one or another person is on a different aspect of the second ray (or any other ray), the monadic ray may be involved, though in the case of the Buddha, it was not.

123. Khi nghe nói người này hay người khác thuộc một phương diện khác của cung hai (hoặc bất kỳ cung nào khác), cung chân thần có thể có liên quan, dù trong trường hợp của Đức Phật thì không phải vậy.

Three of the original members (C.A.C., S.C.P., and W.O.I.) could not stand the spiritual pressure, and their personalities forced their withdrawal (probably for this incarnation) from the group work.

Ba thành viên ban đầu (C.A.C., S.C.P. và W.O.I.) không chịu nổi áp lực tinh thần, và phàm ngã của họ đã buộc họ rút khỏi công việc nhóm (có lẽ trong suốt kiếp này).

124. We note that the personality is a power and can interfere with the soul's intentions. It is as if their withdrawal was not their soul choice, but that they were overcome by a force greater than their accessible soul-will.

124. Chúng ta lưu ý rằng phàm ngã là một quyền năng và có thể cản trở những ý định của linh hồn. Dường như việc rút lui của họ không phải là lựa chọn của linh hồn họ, mà họ đã bị một mãnh lực lấn át, mạnh hơn ý chí linh hồn mà họ có thể tiếp cận.

125. If we find ourselves giving in to the personality, let us realize that so doing may frustrate (perhaps for the duration of an entire incarnation) the soul's work.

125. Nếu thấy mình đang nhượng bộ phàm ngã, chúng ta hãy nhận ra rằng làm như vậy có thể cản trở công việc của linh hồn (có lẽ trong suốt cả một kiếp lâm phàm).

The tests of discipleship are severe, as you well know, and only the pure heart, true love and mental activity can serve to pull the disciple through them;

Như các bạn biết rõ, những thử thách của địa vị đệ tử rất khắc nghiệt, và chỉ trái tim thanh khiết, tình thương chân thật cùng hoạt động trí tuệ mới có thể giúp người đệ tử vượt qua; tuy nhiên,

126. These are sobering words; the Tibetan never uses words lightly.

126. Đây là những lời khiến chúng ta phải nghiêm túc suy xét; Chân sư Tây Tạng không bao giờ dùng lời một cách khinh suất.

127. The requirements for success are clear: let us tabulate them:

127. Những yêu cầu để thành công rất rõ ràng: chúng ta hãy liệt kê chúng:

a. A pure heart

a. Một trái tim thanh khiết

b. True love

b. Tình thương chân thật

c. Mental activity

c. Hoạt động trí tuệ

128. We note that we are not considering aspiration and emotion.

128. Chúng ta lưu ý rằng ở đây chúng ta không xét đến khát vọng và cảm xúc.

this is always possible, however, where these exist and where there is also a determined orientation towards the light.

điều này luôn khả thi khi có những phẩm chất ấy và đồng thời có sự định hướng kiên quyết về ánh sáng.

129. Here DK relates the three requirements for successful passing of discipleship tests to "a determined orientation towards the light". This determination seems to be the sine qua non.

129. Ở đây, Chân sư DK liên hệ ba yêu cầu để vượt qua thành công các thử thách của địa vị đệ tử với "sự định hướng kiên quyết về ánh sáng". Sự kiên quyết này dường như là điều kiện tiên quyết không thể thiếu.

130. One must be sincere about discipleship, or the tests will overwhelm.

130. Người ta phải thành tâm với địa vị đệ tử, nếu không các thử thách sẽ nhấn chìm họ.

It is this determined orientation which has enabled W.D.S. to stand steady through his tests.

Chính sự định hướng kiên quyết này đã giúp W.D.S. đứng vững qua các thử thách.

131. W.D.S. seems to be one of the disciples who persisted to the end.

131. W.D.S. dường như là một trong những đệ tử đã kiên trì đến cùng.

There is a stage of discipleship which is described as that of "light fluctuation." The Stanzas for Disciples, which I have at times quoted to you, speak of this stage as follows:

Có một giai đoạn của địa vị đệ tử được mô tả là "ánh sáng dao động". Các Bài Kệ Dành Cho Đệ Tử, mà đôi lúc Tôi đã trích dẫn cho các bạn, nói về giai đoạn này như sau:

132. DK describes a stage of discipleship to which many are subject before they become points of dependable radiance.

132. Chân sư DK mô tả một giai đoạn của địa vị đệ tử mà nhiều người phải trải qua trước khi trở thành những điểm tỏa sáng vững vàng, đáng tin cậy.

"In and out of the light, as a moth around a candle, flicker the sparks. These sparks are men, awakened to the light, but men who know not that the greater Light puts out their little light and draws the sparks unto itself. They cannot face the light. They fear its utter truth. [29] They come; they go; again do they return, only again to leave."

"Như con thiêu thân quanh ngọn nến, những tia lửa chập chờn ra vào ánh sáng. Những tia lửa ấy là những con người đã thức tỉnh trước ánh sáng, nhưng không biết rằng Ánh Sáng lớn hơn dập tắt ánh sáng nhỏ bé của họ và thu hút những tia lửa vào chính nó. Họ không thể đối diện với ánh sáng. Họ sợ chân lý tuyệt đối của nó. [29] Họ đến; họ đi; rồi lại trở về, chỉ để lại ra đi."

133. We are speaking here of those who fear the extinction of their little light by the greater Light to which they are fitfully attracted.

133. Ở đây, chúng ta đang nói đến những người sợ ánh sáng nhỏ bé của mình bị Ánh Sáng lớn hơn dập tắt, dù họ bị thu hút về Ánh Sáng ấy một cách thất thường.

134. It would seem that we (little lights that we are) have to accept the blotting out of form if we are truly to experience the empowering absorption of initiation.

134. Dường như chúng ta (vốn là những ánh sáng nhỏ bé) phải chấp nhận sự xóa mờ hình tướng nếu muốn thực sự trải nghiệm sự hấp thu mang lại quyền năng của điểm đạo.

135. This period of fluctuation is based on fear.

135. Giai đoạn dao động này bắt nguồn từ nỗi sợ hãi.

136. Let us question ourselves as to where we stand in this matter of steady or fitful approach.

136. Chúng ta hãy tự hỏi mình đang ở đâu trong việc tiếp cận một cách vững vàng hay thất thường.

Hold these brothers, who still remain your group brothers though temporarily in

Hãy trìu mến giữ trong tim những huynh đệ ấy, những người vẫn là huynh đệ trong

pralaya, warmly in your hearts. Hold them in love. Seek not to bring them aid or draw them back again within the circle of your service. They are at the point where their own souls alone and I, their Master, know the right timing of approach.

nhóm của các bạn dù tạm thời ở trong giai kỳ qui nguyên. Hãy giữ họ trong tình thương. Đừng tìm cách trợ giúp họ hay kéo họ trở lại vòng phụng sự của các bạn. Họ đang ở điểm mà chỉ chính linh hồn họ và Tôi, Chân sư của họ, mới biết thời điểm thích hợp để tiếp cận.

137. DK is asking of His chelas a special attitude towards those who are no longer outer members of the outer group. Love is to be expressed but no attempt to draw them back into the outer group work.

137. Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài có một thái độ đặc biệt đối với những người không còn là thành viên bên ngoài của nhóm ngoại môn. Cần biểu lộ tình thương nhưng không tìm cách kéo họ trở lại công việc của nhóm ngoại môn.

138. DK informs any group member who might wish to draw these others back that the "right timing of approach" is known only to the Master and to the souls of those who have apparently left. This point should induce humility.

138. Chân sư DK cho bất kỳ thành viên nào trong nhóm có thể muốn kéo những người kia trở lại biết rằng chỉ Chân sư và linh hồn của những người có vẻ đã rời đi mới biết "thời điểm thích hợp để tiếp cận". Điều này hẳn sẽ khơi dậy lòng khiêm tốn.

139. Those who have left the group for one reason or another are considered temporarily "in pralaya". By no means are they considered severed from the group simply because of the temporary cessation of outer involvement.

139. Những người đã rời nhóm vì lý do này hay lý do khác được xem là tạm thời "ở trong giai kỳ qui nguyên". Tuyệt nhiên không xem họ là đã tách lìa khỏi nhóm chỉ vì họ tạm thời ngừng tham gia các hoạt động bên ngoài.

Finally, my brothers, one parting word as I close this instruction. The world tension increases and will increase; anxiety grows and there is no sign of its immediate lessening; the darkest hour of human life is upon us and it frequently brings to the earnest disciple the experience—terrible yet beautiful—to which has been given the name of the "dark night of the soul."

Cuối cùng, các huynh đệ của Tôi, xin có một lời trước khi kết thúc huấn thị này. Căng thẳng thế giới đang gia tăng và sẽ còn gia tăng; lo âu ngày càng lớn và chưa có dấu hiệu sớm giảm bớt; giờ phút đen tối nhất của đời sống nhân loại đang đến với chúng ta, và nó thường đem đến cho người đệ tử tha thiết trải nghiệm—khủng khiếp mà đẹp đẽ—đã được gọi là "đêm tối của linh hồn".

140. The instruction was written in August of 1940 and the very darkest hour was upon humanity. As previously stated, Hierarchy itself was preparing to withdraw from human contact thinking that humanity

140. Huấn thị này được viết vào tháng Tám năm 1940, và giờ phút đen tối nhất đang đến với nhân loại. Như đã nói trước đó, chính Thánh đoàn đang chuẩn bị rút khỏi sự tiếp

would go down to defeat because of its selfishness.

xúc với nhân loại, cho rằng nhân loại sẽ đi đến thất bại vì tính ích kỷ của mình.

141. As bad as the situation was in August of 1942, DK seems to predict that the world tension would only increase. This is did, apparently, until the Sun moved northward following the winter solstice of 1942.

141. Dù tình hình vào tháng Tám năm 1942 đã tồi tệ đến vậy, Chân sư DK dường như dự báo rằng căng thẳng thế giới sẽ chỉ gia tăng. Dường như điều này quả đã xảy ra, cho đến khi Mặt Trời chuyển về phía bắc sau đông chí năm 1942.

142. Although there was no sign of "immediate" lessening, the possibility of lessening could be seen ahead—provided that humanity passed through the immediate intense crisis.

142. Mặc dù chưa có dấu hiệu giảm bớt "ngay lập tức", vẫn có thể thấy trước khả năng giảm bớt—với điều kiện nhân loại vượt qua cuộc khủng hoảng dữ dội trước mắt.

143. DK is telling His disciples that the present world situation may contribute to the onset of the "dark night of the soul".

143. Chân sư DK đang nói với các đệ tử của Ngài rằng tình hình thế giới hiện tại có thể góp phần khiến "đêm tối của linh hồn" bắt đầu.

144. Why does He call this experience "terrible yet beautiful"? Perhaps because in the apparent blotting out of all spiritual hope, new and still higher spiritual resources are accessed.

144. Tại sao Ngài gọi trải nghiệm này là "khủng khiếp mà đẹp đẽ"? Có lẽ vì khi mọi hy vọng tinh thần dường như bị xóa sạch, người ta tiếp cận được những nguồn lực tinh thần mới và còn cao hơn nữa.

This dark night takes different forms and different degrees of intensity, according to the ray, the type and the point in evolution of the disciple. From it you cannot escape.

Đêm tối này mang những hình thức và mức độ mãnh liệt khác nhau, tùy theo cung, loại hình và điểm tiến hoá của người đệ tử. Các bạn không thể tránh khỏi nó.

145. Interesting hints are given. The nature of the "dark night" varies for each ray type. The "type" of disciple and "point in evolution" are also involved. This means that different types of dark nights can be experienced depending upon evolutionary development. This is perhaps a new idea.

145. Có những gợi ý thú vị ở đây. Bản chất của "đêm tối" thay đổi theo từng loại hình cung. "Loại hình" đệ tử và "điểm tiến hoá" cũng có liên quan. Điều này có nghĩa là người ta có thể trải nghiệm những loại đêm tối khác nhau tùy theo mức độ phát triển tiến hoá. Đây có lẽ là một ý tưởng mới.

146. DK seems to be telling His chelas to use the present terrible opportunity and to confront the dark night directly.

146. Dường như Chân sư DK đang bảo các đệ tử của Ngài tận dụng cơ hội khủng khiếp hiện tại và trực tiếp đối diện với đêm tối.

But one error emerges if careful thought is given to this dark night as pictured by the mystics down the ages. Their emphasis has, in the past, been laid upon the suffering which the personality experiences and the agony through which the personality goes.

Nhưng nếu suy xét cẩn thận về đêm tối này theo cách các nhà thần bí qua các thời đại đã mô tả, sẽ thấy một sai lầm hiện ra. Trước đây, họ nhấn mạnh nỗi đau khổ mà phàm ngã trải nghiệm và sự thống khổ mà phàm ngã đi qua.

147. The mystics, thereby, showed that they were often largely centered in their personality.

147. Qua đó, các nhà thần bí cho thấy họ thường tập trung phần lớn vào phàm ngã của mình.

But in reality and from the angle of the facts, that is not the true dark night. The real "dark night" is that of the soul as it participates in the pain of humanity as a whole, in the agony of humanity's separation from God (a separation based upon illusion but not on actuality) and upon the desperation of humanity's reaching forth towards what appears to be an unresponsive God.

Nhưng trên thực tế và xét từ góc độ các sự kiện, đó không phải đêm tối đích thực. "Đêm tối" thực sự là đêm tối của linh hồn khi linh hồn tham dự vào nỗi đau của toàn thể nhân loại, vào sự thống khổ do nhân loại chia cách với Thượng đế (một sự chia cách dựa trên ảo tưởng chứ không trên thực tại), và vào nỗi tuyệt vọng khi nhân loại vươn đến một Thượng đế dường như không đáp ứng.

148. DK offers a vital distinction between the real dark night of the soul and the kind of which the mystics down the ages have spoken and written.

148. Chân sư DK đưa ra một sự phân biệt thiết yếu giữa đêm tối thực sự của linh hồn và loại đêm tối mà các nhà thần bí qua các thời đại đã nói và viết đến.

149. The dark night, therefore, is not a state of *personality* consciousness, but is based upon soul consciousness and soul empathy.

149. Do đó, đêm tối không phải là một trạng thái tâm thức *phàm ngã*, mà dựa trên tâm thức linh hồn và sự đồng cảm của linh hồn.

150. We can see why DK tells us that the real dark night was upon all true disciples; conditions in humanity were so bad that any truly loving and sensitive soul would have been deeply immersed in humanity's pain, its apparent separation from God, and its desperation. It would seem that never had humanity been so desperate.

150. Chúng ta có thể thấy vì sao Chân sư DK nói với chúng ta rằng đêm tối thực sự đã bao trùm mọi đệ tử chân chính; tình trạng của nhân loại tồi tệ đến mức bất kỳ linh hồn nào thực sự biết yêu thương và nhạy cảm hẳn đều chìm sâu trong nỗi đau của nhân loại, trong sự chia cách dường như có thật giữa nhân loại với Thượng đế, và trong nỗi tuyệt

vọng của nhân loại. Dường như chưa bao giờ nhân loại tuyệt vọng đến thế.

151. The human soul experiences its true dark night as it participates in humanity's despair.

151. Linh hồn con người trải nghiệm đêm tối đích thực của mình khi tham dự vào nỗi tuyệt vọng của nhân loại.

Personality pain, agony and desperation are very different things and are not concerned with the totality of pain and suffering to which mankind is subjected.

Nỗi đau, sự thống khổ và tuyệt vọng của phàm ngã là những điều rất khác, không liên quan đến toàn bộ nỗi đau và sự khổ mà nhân loại phải chịu đựng.

152. This is such a vital distinction, essentially negating the validity of the mystic's dark night. Their experience of personality pain, agony and desperation is not the true dark night.

152. Đây là một sự phân biệt hết sức thiết yếu, về căn bản phủ nhận tính xác thực của đêm tối nơi nhà thần bí. Trải nghiệm của họ về nỗi đau, sự thống khổ và tuyệt vọng của phàm ngã không phải là đêm tối đích thực.

153. Perhaps Master Jesus experienced this dark night upon the cross when He realized the benighted condition of all humanity. His was not an expression of self-pity.

153. Có lẽ Chân sư Jesus đã trải nghiệm đêm tối này trên thập giá khi Ngài nhận ra tình trạng tăm tối của toàn thể nhân loại. Điều Ngài biểu lộ không phải là lòng tự thương hại.

I would therefore ask you to steel your souls to endurance,

Vì vậy, Tôi muốn các bạn tôi luyện linh hồn mình để bền bỉ chịu đựng,

154. This is a Vulcanian act.

154. Đây là một hành động mang tính Vulcan.

knowing that the Hierarchy Stands;

biết rằng Thánh đoàn Vẫn Đứng Vững;

155. It is the first ray that stands. DK is speaking of the power aspect of Hierarchy.

155. Chính cung một đứng vững. Chân sư DK đang nói về phương diện quyền năng của Thánh đoàn.

I would ask you to love blindly and unchangingly in spite of all that may happen, knowing that Love Stands unmoved amid the wreckage of all around and eternally loves;

Tôi muốn các bạn yêu thương không do dự và không đổi thay bất chấp mọi điều có thể xảy ra, biết rằng Tình Thương Vẫn Đứng Vững, bất lay chuyển giữa sự đổ nát của mọi thứ chung quanh và mãi mãi yêu thương;

156. Usually there is an attempt to *avoid* blind love based on desire, but what DK is asking for is a continuance of love regardless of all the eyes seem to reveal.

156. Thông thường, người ta cố gắng *tránh* tình thương mù quáng dựa trên dục vọng, nhưng điều Chân sư DK yêu cầu là tiếp tục yêu thương bất kể mọi điều mà đôi mắt dường như cho thấy.

157. Here we have a most powerful description of the true nature of Love—the *will aspect of Love.* The idea expressed is that true love is divorced from form; it loves that which substands the form and which can never be destroyed.

157. Ở đây, chúng ta có một mô tả hết sức mạnh mẽ về bản chất đích thực của Tình Thương—*phương diện ý chí của Tình Thương.* Ý tưởng được diễn đạt là tình thương đích thực tách rời khỏi hình tướng; nó yêu thương cái làm nền tảng cho hình tướng và không bao giờ có thể bị hủy diệt.

I would ask you to put your hand into that of the Master and move forward with Him and in the strength of your group, irradiated by [30] the life and light of the Hierarchy;

Tôi muốn các bạn đặt tay mình vào tay Chân sư và tiến bước cùng Ngài, trong sức mạnh của nhóm mình, được soi rạng bởi [30] sự sống và ánh sáng của Thánh đoàn;

158. The images are almost personal and therefore, in this context, extremely powerful. The factor of human intimacy is blended with spiritual intimacy.

158. Những hình ảnh này gần như mang tính cá nhân, và vì vậy, trong bối cảnh này, có sức mạnh vô cùng lớn. Yếu tố gần gũi giữa người với người hòa quyện với sự gần gũi về tinh thần.

159. The call is for strength in love. Each of these requests is meant to strengthen the individual and the group.

159. Lời kêu gọi ở đây là hãy mạnh mẽ trong tình thương. Mỗi yêu cầu này đều nhằm tăng thêm sức mạnh cho cá nhân và nhóm.

I would ask you to be a strong hand in the dark to your fellowmen because you are affiliated with the Hierarchy and the love and strength of the Hierarchy can flow through you, if you so permit.

Tôi muốn các bạn trở thành một bàn tay vững mạnh trong bóng tối đối với đồng loại, vì các bạn thực sự có liên kết với Thánh đoàn, và tình thương cùng sức mạnh của Thánh đoàn có thể tuôn chảy qua các bạn, nếu các bạn cho phép.

160. The disciples are not only to receive strength from the Master but to give it to all those who have less. They are asked to draw upon the Master's strength.

160. Các đệ tử không chỉ phải đón nhận sức mạnh từ Chân sư mà còn phải trao sức mạnh ấy cho tất cả những ai có ít sức mạnh hơn. Họ được yêu cầu vận dụng nguồn sức mạnh của Chân sư.

I would remind you in this time of trial that I, your Master, love and guard you, **for your soul and my soul are one soul.**

Trong thời kỳ thử thách này, Tôi muốn nhắc các bạn rằng Tôi, Chân sư của các bạn, yêu thương và gìn giữ các bạn, **vì linh hồn các bạn và linh hồn Tôi là một linh hồn.**

161. The times must have been severe indeed, the danger unimaginably great, for DK to talk this way.

161. Thời cuộc hẳn phải thực sự khắc nghiệt, mối nguy hẳn phải lớn đến mức không thể tưởng tượng nổi, thì Chân sư DK mới nói như vậy.

162. What does it mean experientially to us that the soul of the Master and our soul are one soul? On this great truth we must ponder.

162. Xét về trải nghiệm của chúng ta, việc linh hồn của Chân sư và linh hồn chúng ta là một linh hồn có ý nghĩa gì? Chúng ta phải suy ngẫm về chân lý vĩ đại này.

Be not unduly disturbed. There is no light or dark to the soul but only existence and love.

Đừng quá xao động. Đối với linh hồn, không có sáng hay tối, mà chỉ có sự hiện tồn và tình thương.

163. We are told that the soul in immune from the fluctuations of duality. The soul cannot be darkened.

163. Chúng ta được cho biết rằng linh hồn không chịu tác động của những dao động trong nhị nguyên. Linh hồn không thể bị che tối.

Rest back on that. There is no separation but only identification with the heart of all love; the more you love the more love can reach out through you to others.

Hãy an trú trong điều đó. Không có chia cách, mà chỉ có sự đồng hoá với trái tim của toàn thể tình thương; các bạn càng yêu thương, càng có nhiều tình thương vươn qua các bạn đến với người khác.

164. The advice is so sound. Were we to follow it always, our service would increase tremendously and liberation would come to us.

164. Lời khuyên này thật xác đáng. Nếu chúng ta luôn làm theo, việc phụng sự của chúng ta sẽ gia tăng vô cùng lớn và sự giải thoát sẽ đến với chúng ta.

The chains of love unite the world of men and the world of forms and they constitute the great chain of Hierarchy. The spiritual effort you are asked to make is that of developing yourself into a vibrant and powerful centre of that fundamental, universal Love.

Những mắt xích tình thương liên kết thế giới con người với thế giới hình tướng, và tạo thành chuỗi liên kết vĩ đại của Thánh đoàn. Nỗ lực tinh thần mà các bạn được yêu cầu thực hiện là phát triển bản thân thành một trung tâm rung động đầy sức mạnh của Tình Thương căn bản, phổ quát ấy.

165. It is hard to speak of these things; they speak for themselves.

165. Thật khó nói về những điều này; chính chúng đã tự nói lên tất cả.

166. The “chains of love” are the chains that Vulcan (ruling the heart center within the head) are meant to forge.

166. Những “mắt xích tình thương” là những mắt xích mà Vulcan (cai quản trung tâm tim bên trong đầu) có nhiệm vụ rèn nên.

167. Love will love despite the destruction of form, but love seeks to unite the world of men and the world of forms. Love understands the right relation between these two worlds.

167. Tình thương vẫn yêu thương bất chấp sự hủy diệt hình tướng, nhưng tình thương tìm cách hợp nhất thế giới con người và thế giới hình tướng. Tình thương thấu hiểu mối quan hệ đúng đắn giữa hai thế giới này.

168. Nothing could be more explicit than the last sentence. It cuts through all secondary motives. Could we hold this as our highest motive, all aspects of our spiritual life would succeed.

168. Không gì có thể rõ ràng hơn câu cuối cùng. Câu ấy xuyên qua mọi động cơ thứ yếu. Nếu chúng ta có thể giữ điều này làm động cơ cao nhất của mình, mọi phương diện trong đời sống tinh thần của chúng ta đều sẽ thành công.

Commentary 28

[31-41]

Libra FMN/SFF 2005

LAWS-Living Ageless Wisdom School

(Underlining, Highlighting and Bolding, MDR)

September 1943

MY BROTHERS:

The New Seed Group has now been in existence for several years.

1. Since November of 1939. In that month and that year, a letter was written announcing its commencement.

During this time, I have only been in communication with you annually.

2. Sometimes, even an interval of two years occurred (at least for personal instructions) as between August of 1940 and August of 1942. It will be recognized that these were the most severe years of the Second World War.

Those who are in preparation for initiation must inevitably work alone.

3. So, in fact, the less frequent contact from the Tibetan is purposeful, fostering greater spiritual independence in His chelas.

I would have you remember this. There are, as you know, three sources of inspiration which indicate to the disciple—struggling on the physical plane—his goal:

Tháng Chín năm 1943

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Nhóm Hạt Giống Mới hiện đã tồn tại được vài năm.

1. Kể từ tháng Mười Một năm 1939. Vào tháng ấy, năm ấy, một bức thư đã được viết để thông báo sự khởi đầu của nhóm.

Trong thời gian này, Tôi chỉ liên lạc với các bạn mỗi năm một lần.

2. Đôi khi, khoảng cách giữa hai lần liên lạc thậm chí lên đến hai năm (ít nhất là đối với các huấn thị cá nhân), như từ tháng Tám năm 1940 đến tháng Tám năm 1942. Có thể nhận thấy rằng đây là những năm khốc liệt nhất của Thế Chiến Thứ Hai.

Những người đang chuẩn bị cho điểm đạo tất yếu phải làm việc một mình.

3. Vì vậy, trên thực tế, việc Chân sư Tây Tạng ít liên lạc hơn là có chủ đích, nhằm nuôi dưỡng tính độc lập tinh thần lớn hơn nơi các đệ tử của Ngài.

Tôi muốn các bạn ghi nhớ điều này. Như các bạn biết, có ba nguồn cảm hứng chỉ cho người đệ tử—đang phấn đấu trên cõi hồng trần—thấy mục tiêu của y:

1. His own soul.....through direct contact, as the result of alignment.

4. Correct alignment is indispensable. We have seen in the last DINA Commentary (27) that Master DK, dissatisfied with the group results arising from their following Meditation I/II, gave, as a third meditation, a short meditation on alignment.

5. We are looking for *direct* contact with the soul; right alignment will provide this. No meditated contact will do at this stage—the stage of accepted discipleship.

2. The Master.....through impression, as a result of sensitivity.

6. The Master seeks to impress the sensitive, rightly aligned chela. Alignment with the soul is, however, a necessary precursor of impression by the Master.

3. The Ashram group... through service, as a result of interplay.

7. Ashramic inspiration arises through service and through interplay with the ashramic group.

8. Let us remember that we are speaking of three sources of inspiration which, essentially, are *one,* for we are often told that the Master and the soul are one, and the Ashram is simply an extension of the Master's consciousness.

Later, as the initiate-disciple makes progress and as he builds the antahkarana, the energy

1. Chính linh hồn y..... qua tiếp xúc trực tiếp, là kết quả của sự chỉnh hợp.

4. Sự chỉnh hợp đúng đắn là điều không thể thiếu. Trong bài Bình giảng DINA trước (27), chúng ta đã thấy rằng Chân sư DK, do không hài lòng với những kết quả mà nhóm đạt được khi thực hành Bài thiền I/II, đã đưa ra một bài thiền ngắn về sự chỉnh hợp làm bài thiền thứ ba.

5. Chúng ta đang tìm kiếm sự tiếp xúc *trực tiếp* với linh hồn; sự chỉnh hợp đúng đắn sẽ mang lại điều này. Ở giai đoạn này—giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận—không một sự tiếp xúc nào qua tham thiền là đủ.

2. Chân sư..... qua ấn tượng, là kết quả của sự nhạy cảm.

6. Chân sư tìm cách truyền ấn tượng cho người đệ tử nhạy cảm và chỉnh hợp đúng đắn. Tuy nhiên, sự chỉnh hợp với linh hồn là bước đi trước cần thiết để đón nhận ấn tượng từ Chân sư.

3. Nhóm ashram.... qua phụng sự, là kết quả của sự tương tác.

7. Cảm hứng ashram nảy sinh qua phụng sự và qua sự tương tác với nhóm ashram.

8. Chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta đang nói đến ba nguồn cảm hứng mà về bản chất là *một,* vì chúng ta thường được cho biết rằng Chân sư và linh hồn là một, và ashram chỉ là sự mở rộng tâm thức của Chân sư.

Về sau, khi điểm đạo đồ-đệ tử tiến bộ và xây dựng antahkarana, năng lượng của Sự Sống

of the one Life, emanating from the Monad, brings in the fourth type of inspiration.

duy nhất, phát ra từ chân thần, đem đến loại cảm hứng thứ tư.

9. Four types of inspiration are under discussion. When we feel ourselves to be inspired, we should attempt to trace the source.

9. Bốn loại cảm hứng đang được bàn đến. Khi cảm thấy mình được truyền cảm hứng, chúng ta nên cố gắng truy tìm nguồn của cảm hứng ấy.

10. Monadic inspiration necessitates the utilization of the antahkarana; for that matter, so does inspiration from both the Master and His Ashram.

10. Cảm hứng từ chân thần đòi hỏi phải sử dụng antahkarana; xét về điều này, cảm hứng từ cả Chân sư lẫn ashram của Ngài cũng vậy.

11. The Monad emanates the energy of the one Life. A true understanding of the nature of Life is thus the province of monadic awareness.

11. Chân thần phát xạ năng lượng của Sự Sống duy nhất. Do đó, sự thấu hiểu chân thực về bản chất của Sự Sống thuộc phạm vi nhận biết của chân thần.

To these spiritual sources of inspiration must be added lesser ones, such as mental impression, telepathically registered and coming [31] from a multitude of thinkers and minds. These work both as individuals and as members of a group.

Ngoài những nguồn cảm hứng tinh thần này còn phải kể đến các nguồn thấp hơn, như ấn tượng trí tuệ được ghi nhận bằng viễn cảm và đến [31] từ vô số nhà tư tưởng và thể trí. Họ hoạt động vừa với tư cách cá nhân vừa với tư cách thành viên của một nhóm.

12. It is important to know the major and minor sources of inspiration. Through inspiration we become increasingly vitalized and alive to our possibilities.

12. Biết được các nguồn cảm hứng chính và phụ là điều quan trọng. Qua cảm hứng, chúng ta ngày càng được tiếp sinh lực và nhạy bén với những khả năng của mình.

13. Perhaps we all know what it is to be inspired by thought or, better, by an idea. Thoughts come from the mental plane but true ideas from the triadal levels.

13. Có lẽ tất cả chúng ta đều biết cảm giác được một tư tưởng, hay đúng hơn là một ý tưởng, truyền cảm hứng. Tư tưởng đến từ cõi trí, nhưng những ý tưởng đích thực đến từ các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần.

14. There are at least three types of mental inspiration according to the level of mind from which such inspiration comes.

14. Có ít nhất ba loại cảm hứng trí tuệ, tùy theo cấp độ của thể trí mà cảm hứng ấy phát sinh.

15. Not only individuals but groups can become inspired by telepathically registered mental impressions.

15. Không chỉ cá nhân mà cả các nhóm cũng có thể được truyền cảm hứng từ những ấn tượng trí tuệ được ghi nhận bằng viễn cảm.

There is also emotional inspiration to which —in its most easily recognisable appearance —we give the name of aspiration.

Cũng có cảm hứng cảm xúc mà—trong hình thức dễ nhận ra nhất—chúng ta gọi là khát vọng.

16. A fifth type of inspiration is given—"emotional inspiration"—which stimulates aspiration. With mental inspiration, it is a *lesser* type of inspiration, but important for spiritual development.

16. Một loại cảm hứng thứ năm được nêu ra —"cảm hứng cảm xúc"—có tác dụng kích thích khát vọng. Cùng với cảm hứng trí tuệ, đây là một loại cảm hứng *thấp hơn*, nhưng quan trọng đối với sự phát triển tinh thần.

All these are, esoterically considered, evocative of desire, to be transmuted into will if (and only if) "the energy of the will-to-good is the emanating principle and the actuating result of the inspired impulse; it must constitute the motivating impulse at the centre of the disciple's being." Thus spoke one of the Masters not long ago to a disciple who sought to grasp the synthetic effect of inspiration.

Xét theo huyền bí học, tất cả những điều này đều gợi lên dục vọng, để chuyển hoá thành ý chí nếu (và chỉ nếu) "năng lượng của Ý Chí-hướng Thiện là nguyên khí phát xạ và là kết quả thúc đẩy hành động của xung lực được cảm hứng; nó phải là xung lực tạo động cơ tại trung tâm sự hiện tồn của người đệ tử". Cách đây không lâu, một Chân sư đã nói như vậy với một đệ tử đang tìm cách nắm bắt tác động tổng hợp của cảm hứng.

17. All types of inspiration evoke desire—the desire to act on the inspiration.

17. Mọi loại cảm hứng đều gợi lên dục vọng —dục vọng hành động theo cảm hứng ấy.

18. Desire, we are told, must be transmuted into will. The necessity of contacting the will-to-good is articulated by one of the Masters—we are not told which Master.

18. Chúng ta được cho biết rằng dục vọng phải được chuyển hoá thành ý chí. Một trong các Chân sư đã nêu rõ sự cần thiết phải tiếp xúc với Ý Chí-hướng Thiện—chúng ta không được cho biết đó là Chân sư nào.

19. There are many types of inspiration (as we have seen). The higher types will easily be related to the will-to-good. Mental and emotional aspiration may have other ultimate sources.

19. Như chúng ta đã thấy, có nhiều loại cảm hứng. Các loại cao hơn sẽ dễ dàng liên hệ với Ý Chí-hướng Thiện. Khát vọng trí tuệ và cảm xúc có thể bắt nguồn từ những nguồn tối hậu khác.

20. The will-to-good is based upon an understanding of mediated Logoic Purpose.

20. Ý Chí-hướng Thiện dựa trên sự thấu hiểu Thiên Ý của Thượng đế qua trung gian.

We cannot yet know Logoic Purpose directly, but only through the higher aspects of our own energy system. The spiritual triad is more closely related to Logoic Purpose than our causal body, which still has many 'personal' contents.

Chúng ta chưa thể biết trực tiếp Thiên Ý của Thượng đế, mà chỉ có thể biết qua các phương diện cao của hệ thống năng lượng của chính mình. Tam Nguyên Tinh Thần liên hệ mật thiết với Thiên Ý của Thượng đế hơn thể nguyên nhân của chúng ta, vốn vẫn chứa nhiều nội dung 'cá nhân'.

21. We realize that men have often thought themselves 'inspired' even when the sources of 'inspiration' were not especially high. I have even heard of a German inventor and weapons manufacturer who felt himself 'inspired' by the smells emanating from the horse stable over which his working room was built! Therefore, much depends upon how we define the word "inspiration". A stimulation is not necessarily an inspiration.

21. Chúng ta nhận ra rằng con người thường nghĩ mình 'được truyền cảm hứng' ngay cả khi các nguồn 'cảm hứng' không đặc biệt cao siêu. Tôi thậm chí từng nghe nói về một nhà phát minh kiêm nhà sản xuất vũ khí người Đức cảm thấy mình 'được truyền cảm hứng' từ những mùi bốc lên từ chuồng ngựa nằm bên dưới phòng làm việc của ông! Do đó, nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa từ "cảm hứng". Một sự kích thích không nhất thiết là một cảm hứng.

22. We have been given a good touchstone for testing the quality of a supposed inspiration: relating it to the will-to-good.

22. Chúng ta đã được trao một tiêu chuẩn tốt để kiểm nghiệm phẩm tính của một cảm hứng được cho là có thật: liên hệ nó với Ý Chí-hướng Thiện.

23. For purposes of convenience, one way to understand the will-to-good is as that which will produce the greatest good for the greatest number.

23. Để thuận tiện, một cách thấu hiểu Ý Chí-hướng Thiện là xem đó là điều sẽ tạo ra lợi ích lớn nhất cho số đông nhất.

It is the Will and its immediate evocation which is the major need of this particular group of my disciples.

Chính Ý Chí và việc tức thời gợi lên ý chí ấy là nhu cầu chủ yếu của nhóm đệ tử đặc biệt này của Tôi.

24. Here the Tibetan capitalizes the word, "Will". We have seen how important is the quality of love, but DK tells us that that "major" need of the New Seed Group and its members is "Will".

24. Ở đây, Chân sư Tây Tạng viết hoa từ "Ý Chí". Chúng ta đã thấy phẩm tính của tình thương quan trọng đến mức nào, nhưng Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nhu cầu "chủ yếu" của Nhóm Hạt Giống Mới và các thành viên của nhóm là "Ý Chí".

25. Ý Chí là một mãnh lực thúc đẩy và tống xuất, nhanh chóng huy động nhóm thành

25. The Will is a driving expulsive force and quickly mobilizes the group into a more useful, powerful and vital unit—and unity.

một đơn vị hữu ích hơn, mạnh mẽ hơn và tràn đầy sinh lực hơn—đồng thời thành một khối hợp nhất.

The hierarchical Plan is the objective of that will;

Thiên Cơ của Thánh đoàn là mục tiêu của ý chí ấy;

26. The purpose of that will is to manifest the "hierarchical Plan". Let us pause. We have been given the relationship of the Divine Will to the Plan.

26. Mục đích của ý chí ấy là biểu hiện "Thiên Cơ của Thánh đoàn". Chúng ta hãy dừng lại một chút. Chúng ta đã được chỉ rõ mối quan hệ giữa Ý Chí thiêng liêng và Thiên Cơ.

the purpose of Sanat Kumara is the revelation which comes to those who demonstrate that will, and it is the strength of the divine Power which makes that will possible.

thiên ý của Sanat Kumara là sự mặc khải đến với những người thể hiện ý chí ấy, và chính sức mạnh của Quyền Năng thiêng liêng khiến ý chí ấy trở nên khả thi.

27. Those who *do* the Will of God shall "know". In this case, that which will become known is "the purpose of Sanat Kumara". There seems no way for man to know that arcane Will except through the fulfillment of the spiritual will.

27. Những ai *thực hiện* Ý Chí của Thượng Đế sẽ "biết". Trong trường hợp này, điều họ sẽ biết là "thiên ý của Sanat Kumara". Dường như con người không có cách nào biết được Ý Chí huyền nhiệm ấy ngoài việc thực hiện trọn vẹn ý chí tinh thần.

28. We may understand many lesser aspects of the greater Will. If we manifest those lesser aspects that we do understand, the greater Will, will be revealed to us. Therefore, one cannot simply study the nature of that Will and hope to know it. The great Will is learned through the exercise of lesser aspects of that same Will.

28. Chúng ta có thể thấu hiểu nhiều phương diện nhỏ hơn của Ý Chí lớn lao hơn. Nếu chúng ta biểu hiện những phương diện nhỏ hơn mà mình thực sự thấu hiểu ấy, Ý Chí lớn lao hơn sẽ mặc khải cho chúng ta. Do đó, người ta không thể chỉ nghiên cứu bản chất của Ý Chí ấy rồi hy vọng biết được nó. Chúng ta học biết Ý Chí vĩ đại qua việc vận dụng những phương diện nhỏ hơn của chính Ý Chí ấy.

29. DK then relates "will" to "the divine Power". The divine Power is that which sustains the Will which we all try to fulfill, and which DK would have His group fulfill.

29. Tiếp đó, Chân sư DK liên hệ "ý chí" với "Quyền Năng thiêng liêng". Quyền Năng thiêng liêng là điều duy trì Ý Chí mà tất cả chúng ta đều cố gắng thực hiện trọn vẹn, và cũng là Ý Chí mà Chân sư DK muốn nhóm của Ngài thực hiện trọn vẹn.

30. At this point it might be well to remember a brief encapsulation of the Divine Plan: the illumination of the mind; the revelation of love; and the evocation of the will.

30. Đến đây, có lẽ chúng ta nên nhớ lại một cách trình bày cô đọng về Thiên Cơ: sự soi sáng thể trí; sự mặc khải tình thương; và việc gợi lên ý chí.

31. Precisely the latter is what DK would see occur within this particular group.

31. Chính điều cuối cùng ấy là điều Chân sư DK muốn thấy diễn ra trong nhóm đặc biệt này.

32. Power is directly relate to the first divine aspect—in fact, another name for it. Strength is an expression of Power.

32. Quyền Năng liên hệ trực tiếp với phương diện thiêng liêng thứ nhất—thực ra, đó là một tên gọi khác của phương diện ấy. Sức mạnh là một biểu hiện của Quyền Năng.

Strength is to Power what desire is to aspiration, or what the personality is to the soul. It is the revelation of quality.

Sức mạnh đối với Quyền Năng cũng như dục vọng đối với khát vọng, hay phàm ngã đối với linh hồn. Đó là sự mặc khải phẩm tính.

33. A vitally important analogy is given: Power, aspiration and soul are the prototypes of strength, desire and personality respectively. Strength, desire and personality are lesser expressions of their greater prototypes.

33. Một phép tương đồng vô cùng quan trọng được nêu ra: Quyền năng, khát vọng và linh hồn lần lượt là những nguyên mẫu của sức mạnh, dục vọng và phàm ngã. Sức mạnh, dục vọng và phàm ngã là những biểu hiện thấp hơn của các nguyên mẫu cao hơn tương ứng.

34. The soul is the “quality of Life”. The Tibetan seems to be saying that personality is the revelation of quality.

34. Linh hồn là “phẩm tính của Sự Sống”. Dường như Chân sư Tây Tạng muốn nói rằng phàm ngã là sự mặc khải phẩm tính.

I have started this communication with this note of Will because the use of that will (under instruction) is the objective of your next year’s work;

Tôi đã mở đầu thông điệp này bằng âm điệu Ý Chí vì việc sử dụng ý chí ấy (dưới sự hướng dẫn) là mục tiêu công việc của các bạn trong năm tới;

35. Note that Will is a dynamic force and must be used carefully, or, as Master DK says, “under instruction”.

35. Hãy lưu ý rằng Ý Chí là một mãnh lực năng động và phải được sử dụng thận trọng, hay như Chân sư DK nói, “dưới sự hướng dẫn”.

36. One sometimes sees disciples ‘taken’ by that which they call “the will”; the results of often less positive than they would hope.

36. Đôi khi chúng ta thấy các đệ tử bị điều mà họ gọi là “ý chí” ‘cuốn đi’; kết quả thường kém tích cực hơn họ mong đợi.

37. Let us watch the capitalizations of the word, “Will” and see if there is any rhyme or reason to it.

37. Chúng ta hãy chú ý những chỗ viết hoa từ “Ý Chí” và xem liệu cách viết ấy có quy luật hay lý do nào không.

as we proceed with the various phases of our study which I have earlier outlined, my use of this theme will emerge clearly in your consciousness.

khi chúng ta tiến qua các giai đoạn nghiên cứu khác nhau mà Tôi đã phác thảo trước đây, cách Tôi sử dụng chủ đề này sẽ hiện rõ trong tâm thức các bạn.

38. DK clearly had to wait until a certain degree of group integration had occurred before He could introduce this dynamic subject. The wrong use of the Will will easily splinter a group.

38. Rõ ràng Chân sư DK đã phải đợi cho đến khi nhóm đạt được một mức độ tích hợp nhất định rồi Ngài mới có thể giới thiệu chủ đề năng động này. Việc sử dụng Ý Chí sai cách sẽ dễ dàng làm một nhóm tan rã.

It has seemed to me necessary to open this instruction with a brief resume of the past teaching. The pressure of life these days is very great; everybody is tired;

Tôi thấy cần mở đầu huấn thị này bằng một bản tóm lược ngắn gọn về giáo huấn trước đây. Áp lực cuộc sống những ngày này rất lớn; mọi người đều mệt mỏi; vì vậy,

39. The major crisis in WWII had been passed when once the Sun moved northward at the winter solstice of 1942. The fatigue incident to the war was, as might be expected, great.

39. Cuộc khủng hoảng lớn trong Thế chiến II đã qua khi Mặt Trời bắt đầu di chuyển về phía bắc vào tiết đông chí năm 1942. Đúng như có thể dự đoán, sự mệt mỏi do chiến tranh gây ra là rất lớn.

40. Reviews are useful in stabilizing an understanding of that which has been accomplished, preparatory to new undertakings. It is a sound pedagogical technique. Often we cover ground, but have no really clear conception of the ground covered.

40. Việc ôn lại giúp củng cố sự thấu hiểu về những gì đã hoàn thành, để chuẩn bị cho những công việc mới. Đó là một phương pháp sư phạm đúng đắn. Chúng ta thường đã đi qua một chặng đường nhưng lại chưa có quan niệm thực sự rõ ràng về chặng đường đã đi qua ấy.

you will therefore approach this fresh addition to the teaching with renewed zest if the past teaching is clearly apprehended and is clearly illumined in your minds.

các bạn sẽ tiếp cận phần bổ sung mới này của giáo huấn với nhiệt tâm được khơi lại, nếu giáo huấn trước đây được nắm bắt rõ ràng và soi sáng rõ rệt trong thể trí các bạn.

41. The reasoning could not be clearer: DK is promoting "renewed zest" in His students by building upon a sense of accomplishment. One is heartened, and may it be said, "inspired", by the realization of past achievement.

41. Lập luận không thể rõ ràng hơn: Chân sư DK đang khơi dậy "nhiệt tâm được khơi lại" nơi các môn sinh của Ngài bằng cách xây dựng trên cảm nhận về những gì đã hoàn thành. Việc nhận ra những thành tựu đã đạt được đem lại sự khích lệ và, có thể nói, "cảm hứng".

What is the task which confronts you, both as individuals and as a group? It is a fivefold task:

Nhiệm vụ nào đang đặt ra trước các bạn, với tư cách cá nhân cũng như một nhóm? Đó là một nhiệm vụ ngũ phân:

42. A fivefold task for His group members is given:

42. Một nhiệm vụ ngũ phân được đề ra cho các thành viên trong nhóm của Ngài:

1. To confront and deal adequately with your own personal Dweller on the Threshold.

1. Đối diện và xử lý thỏa đáng Kẻ Chận Ngõ của chính cá nhân mình.

43. This is the personal task with great group implications.

43. Đây là nhiệm vụ cá nhân có những hệ quả lớn đối với nhóm.

2. To share—as a group—in humanity's effort to confront the group Dweller on the Threshold; this "Dweller" is constructed of the evil desires of all mankind, of humanity's mistakes and weaknesses, thoughts, [32] distorted strengths and perverse motives. **This confronting is one of the objectives of the present world war**.

2. Cùng tham gia—với tư cách một nhóm—vào nỗ lực của nhân loại nhằm đối diện với Kẻ Chận Ngõ của nhóm; "Kẻ Chận Ngõ" này được cấu thành từ những dục vọng xấu xa của toàn thể nhân loại, từ những sai lầm và yếu kém, những tư tưởng, [32] những sức mạnh bị bóp méo và những động cơ lệch lạc của nhân loại. **Sự đối diện này là một trong những mục tiêu của cuộc thế chiến hiện nay**.

44. The group itself will have to confront its own Dweller if it is to be of use in assisting humanity in the way described.

44. Chính nhóm sẽ phải đối diện với Kẻ Chận Ngõ của mình nếu muốn góp phần hữu ích vào việc hỗ trợ nhân loại theo cách đã mô tả.

45. We have here an excellent definition of humanity's Dweller on the Threshold. Let us tabulate:

45. Ở đây, chúng ta có một định nghĩa rất hay về Kẻ Chận Ngõ của nhân loại. Chúng ta hãy liệt kê:

a. The evil desires of all mankind

a. Những dục vọng xấu xa của toàn thể nhân loại

b. Humanity's mistakes

b. Những sai lầm của nhân loại

c. Humanity's weaknesses

c. Những yếu kém của nhân loại

d. Humanity's thoughts

d. Những tư tưởng của nhân loại

e. Humanity's distorted strengths

e. Những sức mạnh bị bóp méo của nhân loại

f. Humanity's perverse motives

f. Những động cơ lệch lạc của nhân loại

46. The entire Dweller was created in ignorance and is sustained because adequate alignment with the soul is not yet achieved.

46. Toàn bộ Kẻ Chận Ngõ hình thành trong vô minh và tiếp tục tồn tại vì sự chỉnh hợp với linh hồn vẫn chưa đạt mức thỏa đáng.

47. If we wish to know (esoterically) why WWII was fought, we have been given one of its major objectives. The evocation of such a war must tell something of humanity's development for only a fairly advanced disciple can begin confronting his own personal Dweller. The analogy can be extended to the aspirant/disciple called "humanity".

47. Nếu muốn biết vì sao Thế chiến II diễn ra xét về mặt huyền bí, chúng ta đã được cho biết một trong những mục tiêu chính của cuộc chiến ấy. Việc khơi dậy một cuộc chiến như vậy hẳn phải cho thấy đôi điều về sự phát triển của nhân loại, vì chỉ một đệ tử khá tiến bộ mới có thể bắt đầu đối diện với Kẻ Chận Ngõ của chính cá nhân mình. Có thể mở rộng phép tương đồng này sang người chí nguyện/đệ tử mang tên "nhân loại".

3. To arrive at that **understanding** which is the foundation of wisdom, which is the result of a developed intuition, and which is also an intelligent application of the truths apprehended.

3. Đạt đến sự **thấu hiểu** vốn là nền tảng của minh triết, là kết quả của một trực giác đã phát triển, đồng thời cũng là sự vận dụng thông minh những chân lý đã lĩnh hội.

48. An excellent definition and description of the quality of understanding is given:

48. Ở đây có một định nghĩa và mô tả rất hay về phẩm tính thấu hiểu:

a. Understanding is the foundation of wisdom

a. Sự thấu hiểu là nền tảng của minh triết

b. Understanding is the result of a developed intuition

b. Sự thấu hiểu là kết quả của một trực giác đã phát triển

c. Understanding arises, it seems, from “an intelligent application of the truths apprehended”

c. Dường như sự thấu hiểu nảy sinh từ “việc vận dụng một cách thông minh những chân lý đã lĩnh hội”

49. The second ray is the Ray of Loving Understanding. The group is under second ray direction and the development of this quality is one of its principal objectives.

49. Cung hai là Cung của Sự Thấu Hiểu Đầy Yêu Thương. Nhóm chịu sự chỉ đạo của cung hai, và việc phát triển phẩm tính này là một trong những mục tiêu chính của nhóm.

4. To stand—as a group—before the Angel of the Presence.

4. Đứng—với tư cách một nhóm—trước Thiên Thần của Hiện Diện.

50. The individual may stand before his own Angel of the Presence, but there is also the ‘Group Angel’, composed, it would seem, of all the many Angels combined. The group must see its own Dweller and also to its Angel. This necessitates an advanced degree of development.

50. Cá nhân có thể đứng trước Thiên Thần của Hiện Diện của chính mình, nhưng còn có ‘Thiên Thần Nhóm’, dường như do tất cả các Thiên Thần hợp lại mà thành. Nhóm phải thấy Kẻ Chận Ngõ của chính mình và cả Thiên Thần của mình. Điều này đòi hỏi một mức độ phát triển cao.

5. To take initiation yourself, as an individual, and also as a coherent unit in the group effort towards initiation.

5. Tự mình tiếp nhận điểm đạo, với tư cách một cá nhân, đồng thời cũng là một đơn vị gắn kết trong nỗ lực của nhóm hướng tới điểm đạo.

51. Opportunity for initiation is offered to the various group members. We recall, however, that the group would not actually be able to take group initiation until the next incarnation of its members because one of the group members had not yet taken the first degree. Besides, the Tibetan tells us, the group was not ready in other respects.

51. Các thành viên khác nhau trong nhóm có cơ hội điểm đạo. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng nhóm thực sự chỉ có thể tiếp nhận điểm đạo nhóm vào kiếp lâm phàm kế tiếp của các thành viên, vì một thành viên trong nhóm vẫn chưa tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất. Ngoài ra, Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết rằng nhóm cũng chưa sẵn sàng về những phương diện khác.

52. Nevertheless, if certain group members could take initiation individually, those group members would obviously assist

52. Tuy nhiên, nếu một số thành viên trong nhóm có thể tiếp nhận điểm đạo với tư cách cá nhân, thì hiển nhiên những thành viên ấy

progress towards the objective of group initiation.

sẽ giúp thúc đẩy sự tiến triển hướng tới mục tiêu điểm đạo nhóm.

Other goals will emerge as you strive, study and serve; the simplicity, however, of the above statement will convey to you your immediate objectives. These objectives must be thought through together and their import must be grasped as a group.

Những mục tiêu khác sẽ xuất hiện khi các bạn nỗ lực, học hỏi và phụng sự; tuy nhiên, cách trình bày giản dị ở trên sẽ giúp các bạn nhận biết những mục tiêu trước mắt của mình. Các bạn phải cùng nhau suy xét thấu đáo những mục tiêu này và cùng lĩnh hội ý nghĩa của chúng với tư cách một nhóm.

53. Good group work can only be done if the goals and objectives before the group are clear

53. Chỉ khi những đích đến và mục tiêu trước mắt nhóm đã rõ ràng, nhóm mới có thể thực hiện tốt công việc

54. We see that it is not enough for the individual group members to understand the objectives. There must be a group understanding arrived at through group process. The objectives must be clear in the *group* mind.

54. Chúng ta thấy rằng việc từng thành viên trong nhóm thấu hiểu các mục tiêu vẫn chưa đủ. Phải có sự thấu hiểu chung của nhóm, đạt tới thông qua tiến trình làm việc nhóm. Các mục tiêu phải rõ ràng trong thể trí của *nhóm*.

The contribution which each of you can make to the cause of clear thinking, ardent aspiration and determined application may sound easy and quite familiar.

Sự đóng góp mà mỗi người trong các bạn có thể thực hiện để thúc đẩy tư duy sáng rõ, khát vọng nhiệt thành và sự vận dụng kiên quyết có vẻ dễ dàng và khá quen thuộc.

55. We note three requirements, each for one of the vehicles of the personality: clear thinking for the mind; ardent aspiration for the astral body; and determined application for the etheric-physical body.

55. Chúng ta ghi nhận ba yêu cầu, mỗi yêu cầu dành cho một hiện thể của phàm ngã: tư duy sáng rõ dành cho thể trí; khát vọng nhiệt thành dành cho thể cảm dục; và sự vận dụng kiên quyết dành cho thể dĩ thái–thể xác.

56. We note that at this stage of discipleship —accepted discipleship—ardor is required in the astral body.

56. Chúng ta ghi nhận rằng ở giai đoạn này của địa vị đệ tử—địa vị đệ tử được chấp nhận —thể cảm dục cần có lòng nhiệt thành.

The moment, nevertheless, these goals become techniques and are expressed factually, their simplicity seems to vanish and the proposition appears extremely hard.

Tuy nhiên, ngay khi những mục tiêu này trở thành các kỹ thuật và được thể hiện trong thực tế, sự giản dị của chúng dường như biến mất và công việc ấy có vẻ vô cùng khó khăn.

57. Theory is easy, application difficult.

57. Lý thuyết thì dễ, thực hành thì khó.

58. Meeting the ancient fires of the physical plane always causes difficulty no matter how clear the objective.

58. Việc đối diện với những ngọn lửa cổ xưa của cõi hồng trần luôn gây khó khăn, bất kể mục tiêu rõ ràng đến đâu.

Since my last communication to you, certain changes have taken place in the personnel of the group. L.U.T. has been dropped (temporarily and for this particular incarnation) out of the group, and therefore out of my Ashram. The constant condition of irritation in which he lived was the result of the ceaseless conflict between his aspiring soul nature and his inert and essentially selfish personality; that is now over and for the rest of this life it can be assumed that he has reached his high water mark and is passing through a period—definitely temporary—of retrogression or of recession. Next life will see him pass triumphantly his present point of attainment, leaving him stabilised upon the Way. He remains, therefore, tenuously linked with the New Seed Group—a linking which is stronger upon the subjective side than upon the outer.

Kể từ lần truyền đạt trước của Tôi với các bạn, thành phần nhân sự của nhóm đã có một số thay đổi. L.U.T. đã tạm thời rời khỏi nhóm trong kiếp sống cụ thể này, và do đó cũng rời khỏi ashram của Tôi. Tình trạng bực bội thường xuyên mà bạn ấy sống trong đó là kết quả của cuộc xung đột không ngừng giữa bản chất linh hồn đầy khát vọng và phàm ngã trì trệ, về căn bản là ích kỷ của bạn ấy; giờ đây tình trạng ấy đã chấm dứt, và có thể xem rằng trong phần đời còn lại này, bạn ấy đã đạt đến mức cao nhất của mình và đang trải qua một thời kỳ—chắc chắn chỉ là tạm thời—thoái bộ hoặc lùi bước. Trong kiếp tới, bạn ấy sẽ vượt qua một cách vẻ vang mức thành tựu hiện tại, nhờ đó đứng vững trên Đường Đạo. Vì vậy, bạn ấy vẫn còn liên kết một cách mong manh với Nhóm Hạt Giống Mới—một mối liên kết mạnh hơn ở phía chủ quan so với phía bên ngoài.

59. DK details the changes of personnel in the New Seed Group, and more importantly, the reasons for these changes.

59. Chân sư DK trình bày chi tiết những thay đổi về nhân sự trong Nhóm Hạt Giống Mới và, quan trọng hơn, những lý do dẫn đến các thay đổi này.

60. We note that a disciple, LUT, was actually “dropped”. It is surprising that being dropped from the group is related to being dropped out of the Tibetan’s Ashram.

60. Chúng ta lưu ý rằng một đệ tử, LUT, đã thực sự “bị loại”. Điều đáng ngạc nhiên là việc bị loại khỏi nhóm lại gắn liền với việc bị loại khỏi ashram của Chân sư Tây Tạng. Tuy

We have to remember, however, that LUT (as is indicated elsewhere in these DINA instructions) is really a disciple of the Master KH.

nhiên, chúng ta phải nhớ rằng LUT (như có nêu ở nơi khác trong những huấn thị DINA này) thực ra là đệ tử của Chân sư KH.

"Do you realise what is the task that confronts me where you are concerned? It is the task of aiding you to transmute your personality nature into such an instrument that your soul can remove you out of my Ashram into that of the Master K.H. Such is my task with several of you in this group; **you and they do not essentially belong in my Ashram but stay and work there until the spiritual laws control, the vision is firmly established, and the soul is in control."** (DINA II 702)

"Em có nhận ra nhiệm vụ mà Tôi phải đối diện liên quan đến em là gì không? Đó là nhiệm vụ giúp em chuyển hoá bản chất phàm ngã thành một công cụ thích hợp để linh hồn em có thể đưa em ra khỏi ashram của Tôi và vào ashram của Chân sư KH. Đó là nhiệm vụ của Tôi đối với một số người trong nhóm này; **về căn bản, em và các bạn ấy không thuộc về ashram của Tôi, nhưng ở lại và làm việc tại đó cho đến khi các định luật tinh thần chi phối, tầm nhìn được xác lập vững chắc và linh hồn nắm quyền kiểm soát."** (DINA II 702)

61. For quick reference, LUT has a Taurus Sun, a Libra Ascendant and a Leo Moon. His rays were 21-463.

61. Để tiện tra cứu nhanh, LUT có Mặt Trời ở Kim Ngưu, Điểm mọc ở Thiên Bình và Mặt Trăng ở Sư Tử. Các cung của ông là 21-463.

62. Taurus may breed a high level of aspiration, but it is also responsible for inertia, self-will and selfishness—other character traits noted in LUT.

62. Kim Ngưu có thể khơi dậy khát vọng cao độ, nhưng cũng gây ra tính trì trệ, sự khăng khăng theo ý riêng và tính ích kỷ—những nét tính cách khác đã được ghi nhận ở LUT.

63. When the "high water mark" is reached for a particular incarnation, what follows it? In this case (perhaps because the disciple was no longer directly affiliated with the group), "retrogression" or "recession". Not a very pretty picture!

63. Khi đã đạt đến "mức cao nhất" trong một kiếp sống cụ thể, điều gì sẽ tiếp theo? Trong trường hợp này (có lẽ vì người đệ tử không còn trực tiếp gắn bó với nhóm), đó là "thoái bộ" hoặc "lùi bước". Quả là một bức tranh chẳng mấy đẹp đẽ!

64. DK predicts the future in regard to LUT, who in the next life would be facing the terrific tests of the sign Scorpio (the signs opposite his present Sun-sign) and would, presumably, be taking the second initiation as the triumphant disciple. (c.f. DINA I 485)

64. Chân sư DK tiên đoán tương lai của LUT: trong kiếp tới, ông sẽ đối diện với những thử thách khốc liệt của dấu hiệu Hổ Cáp (dấu hiệu đối diện với dấu hiệu Mặt Trời hiện tại của ông) và có lẽ sẽ trải qua lần điểm đạo thứ hai với tư cách người đệ tử chiến thắng. (xem DINA I 485)

65. That he will be stabilized on the way in this next incarnation is another indication of the probability of the second degree will be taken then. The taking of the second degree marks a great point of stabilized orientation.

65. Việc ông sẽ đứng vững trên Đường Đạo trong kiếp tới là một dấu hiệu nữa cho thấy có khả năng ông sẽ đạt bậc điểm đạo thứ hai vào lúc ấy. Việc đạt bậc điểm đạo thứ hai đánh dấu một mốc quan trọng trong sự định hướng vững vàng.

66. There is, however, the remote possibility that it was the first degree that lay before him as will be explained below.

66. Tuy nhiên, vẫn có một khả năng nhỏ rằng bậc điểm đạo thứ nhất mới là điều đang chờ đợi ông phía trước, như sẽ được giải thích bên dưới.

67. DK notes that LUT is still tenuously linked with the New Seed Group. Outwardly it does not seem so, but inwardly it is more the case.

67. Chân sư DK lưu ý rằng LUT vẫn còn liên kết một cách mong manh với Nhóm Hạt Giống Mới. Bề ngoài dường như không phải vậy, nhưng bên trong thì mối liên kết ấy hiện hữu rõ hơn.

Three of your comrades in the earlier groups have rejoined [33] the group; the demand of their souls for reinstatement has been recognised by me and has evoked from me due response.

Ba người đồng môn của các bạn trong những nhóm trước đã tái gia nhập [33] nhóm; Tôi đã nhận biết lời yêu cầu của linh hồn họ xin được trở lại và đã có sự đáp ứng thích đáng.

68. DK did not respond to any personality demand in reinstating them.

68. Khi cho họ trở lại, Chân sư DK không đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào của phàm ngã.

69. Interestingly, DK, in the previous instruction, asked his chelas not to exert any thought in the attempt to draw back into the New Seed Group those former members of the Groups of IX who were not included in the NSG. He told them they did not know the time which might be appropriate for their brothers' re-entry.

69. Điều đáng chú ý là trong huấn thị trước, Chân sư DK đã yêu cầu các đệ tử của Ngài không vận dụng bất kỳ tư tưởng nào nhằm thu hút trở lại Nhóm Hạt Giống Mới những thành viên cũ của các Nhóm Chín Người vốn không có tên trong NSG. Ngài bảo họ rằng họ không biết thời điểm nào có thể thích hợp để các huynh đệ của mình tái gia nhập.

Their linking with the group was not tenuous but was a strongly knit cable.

Mối liên kết của họ với nhóm không hề mong manh mà là một sợi cáp bện chặt.

70. As a Master, DK judges by what can be seen on the inner planes. The disciples listed below seemed well out of the new process,

70. Là một Chân sư, Chân sư DK phán đoán dựa trên những gì có thể thấy trên các cõi bên trong. Những đệ tử được liệt kê dưới đây

but Master DK understood their link to the New Seed Group as strong and not tenuous. Of course, it was the *soul-* link He was considering.

dường như đã hoàn toàn đứng ngoài tiến trình mới, nhưng Chân sư DK hiểu rằng mối liên kết của họ với Nhóm Hạt Giống Mới vẫn vững chắc chứ không mong manh. Dĩ nhiên, mối liên kết mà Ngài đang xem xét là mối liên kết *linh hồn*.

H.S.D. has again taken her place among you, having learnt some measure of inner calm and mental poise.

H.S.D. đã trở lại vị trí của mình giữa các bạn, sau khi học được phần nào sự bình tâm bên trong và trạng thái quân bình trí tuệ.

71. HSD was one of two disciples transferring from the sixth ray soul to the second. Her first ray mind and first ray personality were difficult for to handle and she gave in repeatedly to the tendency to criticize.

71. HSD là một trong hai đệ tử đang chuyển từ cung linh hồn sáu sang cung hai. Bà khó làm chủ thể trí cung một và phàm ngã cung một của mình, và nhiều lần đã buông theo khuynh hướng chỉ trích.

72. We recognize that those upon the sixth ray have much to do to achieve "inner calm and mental poise". The situation becomes acute during an incarnation when there is a transference from one soul ray to another.

72. Chúng ta nhận ra rằng những người thuộc cung sáu còn nhiều việc phải làm để đạt được "sự bình tâm bên trong và trạng thái quân bình trí tuệ". Tình trạng này trở nên gay gắt trong một kiếp lâm phàm có sự chuyển dịch từ cung linh hồn này sang cung linh hồn khác.

L.T.S-K., I felt, needed the protection of the group against his constantly recurring glamours and his innate glamour-making tendency; I, therefore, reinstated him for his own protection so that in a coming life he can start earlier, and move forward with greater precision.

Tôi cảm thấy L.T.S-K. cần sự che chở của nhóm trước những ảo cảm liên tục tái diễn và khuynh hướng tạo ảo cảm bẩm sinh của bạn ấy; vì vậy, Tôi đã cho bạn ấy trở lại để bảo vệ chính bạn ấy, hầu trong một kiếp sống sắp tới, bạn ấy có thể khởi đầu sớm hơn và tiến bước chính xác hơn.

73. This is really interesting. LTS-K was not included in the New Seed Group so much because of the demand of his soul but for his own protection. DK seemed to watch over LTS-K, a third ray soul, with special care. LTS-K, it seems, was the one disciple in the group who had not taken the first initiation.

73. Điều này thật thú vị. Việc đưa LTS-K vào Nhóm Hạt Giống Mới chủ yếu là để bảo vệ chính ông hơn là do đòi hỏi của linh hồn ông. Dường như Chân sư DK trông nom LTS-K, một linh hồn cung ba, với sự quan tâm đặc biệt. Có vẻ LTS-K là đệ tử duy nhất trong nhóm chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

74. There is some question about the timing of the reinstatement of LTS-K. Did it occur around September of 1943 or earlier?

74. Vẫn còn đôi chút nghi vấn về thời điểm LTS-K được nhận trở lại. Việc ấy xảy ra vào khoảng tháng Chín năm 1943 hay sớm hơn?

75. DK says the following in the group instruction written in August 1942: "As one of your group members will only take the first initiation next life, it is obvious that the group initiation to which I refer will not be taken in this immediate cycle. The rest of the group have to wait for him." (DINA II 24)

75. Chân sư DK nói như sau trong huấn thị dành cho nhóm viết vào tháng Tám năm 1942: "Vì một thành viên trong nhóm các bạn phải đến kiếp sau mới trải qua lần điểm đạo thứ nhất, nên rõ ràng cuộc điểm đạo nhóm mà Tôi đề cập sẽ không diễn ra trong chu kỳ ngay trước mắt này. Những thành viên còn lại của nhóm phải chờ bạn ấy." (DINA II 24)

76. Was this group member LTS-K? If so, he would have to have been a member in August 1942 or before. LTS-K did receive letters from the Tibetan in both June and December of 1942. By 1942 it seems that he was again involved in some group work in connection with the Tibetan's work, but in June of 1942, it is not entirely clear if he had been brought into the New Seed Group. Perhaps, at that time, he was brought only into a certain phase of the overall work—the task of financially assisting with the publishing of the books.

76. Thành viên này của nhóm có phải là LTS-K không? Nếu vậy, ông hẳn đã là thành viên vào tháng Tám năm 1942 hoặc trước đó. LTS-K quả thực đã nhận thư của Chân sư Tây Tạng vào cả tháng Sáu lẫn tháng Mười Hai năm 1942. Có vẻ đến năm 1942, ông đã lại tham gia một số công việc nhóm liên quan đến công việc của Chân sư Tây Tạng, nhưng chưa hoàn toàn rõ liệu vào tháng Sáu năm 1942, ông đã được đưa vào Nhóm Hạt Giống Mới hay chưa. Có lẽ vào thời điểm đó, ông chỉ được đưa vào một giai đoạn nhất định của công việc tổng thể—nhiệm vụ hỗ trợ tài chính cho việc xuất bản các sách.

77. If LTS-K was not a member of the New Seed Group when the August instruction of 1942 was written, who then was the disciple who had not yet taken the first initiation? It would have to have been LUT, who, we see, was dropped from the group before the writing of the September, 1943 instruction.

77. Nếu LTS-K chưa phải là thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới khi huấn thị tháng Tám năm 1942 được viết, thì đệ tử chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất là ai? Người đó hẳn phải là LUT, người mà, như chúng ta thấy, đã bị loại khỏi nhóm trước khi huấn thị tháng Chín năm 1943 được viết.

78. Much depends on the meaning of DK's phrase, "As one of your group members will only take the first initiation in the next life…". Perhaps, DK considered LTS-K "one of your group members" even though he was not *outwardly* affiliated with the group. This

78. Nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa câu nói của Chân sư DK: "Vì một thành viên trong nhóm các bạn phải đến kiếp sau mới trải qua lần điểm đạo thứ nhất…". Có lẽ Chân sư DK xem LTS-K là "một thành viên trong nhóm các bạn" dù ông chưa gắn kết với nhóm *về*

is difficult to determine. DK's determination of who is a group member and who is not would be based upon subjective relations and would not be obvious to us.

mặt bên ngoài. Điều này khó xác định. Việc Chân sư DK xác định ai là thành viên của nhóm và ai không phải hẳn dựa trên các mối quan hệ chủ quan, và chúng ta không dễ nhận thấy được.

79. In any case, it is probable that LTS-K had not taken the first initiation. DK, in His final letter to LTS-K, alludes to a failure to stand before the One Initiator:"But the failure is scarce recognised; the effort is made to register what caused the failure and the inability to stand before the One Initiator, for all effects emanate from some ascertainable cause." (DINA II 732)While LTS-K would not be standing before the "*One* Initiator" (Sanat Kumara), the Tibetan's allusion could be considered a hint to LTS-K about his own failure to stand before the 'First Initiator', the Christ.

79. Dù sao đi nữa, có lẽ LTS-K chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Trong bức thư cuối cùng gửi LTS-K, Chân sư DK ám chỉ việc không thể đứng trước Đấng Điểm Đạo Duy Nhất: "Nhưng thất bại ấy hầu như không được nhận ra; người ta nỗ lực ghi nhận điều gì đã gây ra thất bại và việc không thể đứng trước Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, vì mọi kết quả đều phát sinh từ một nguyên nhân nào đó có thể xác định được." (DINA II 732) Dù LTS-K chưa ở vào giai đoạn đứng trước "Đấng Điểm Đạo *Duy Nhất*" (Sanat Kumara), lời ám chỉ của Chân sư Tây Tạng có thể được xem là một gợi ý cho LTS-K về việc chính ông đã không thể đứng trước 'Đấng Điểm Đạo Thứ Nhất', Đức Christ.

80. From other things that DK said to LUT, it is probable that he had taken the first initiation, but if there were actually *two* among DK's chelas (affiliated at one time or another with the New Seed Group) who had not taken the first initiation, it was likely to be LTS-K and LUT.

80. Từ những điều khác mà Chân sư DK đã nói với LUT, có lẽ ông đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất, nhưng nếu thực sự có *hai người* trong số các đệ tử của Chân sư DK (từng gắn kết với Nhóm Hạt Giống Mới vào thời điểm này hay thời điểm khác) chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất, thì rất có thể đó là LTS-K và LUT.

81. All this, notwithstanding, the Scorpio experience promised to LUT in his next incarnation (DINA I 485) would probably pertain more to the second initiation than the first (even though Scorpio *can* be felt, in some cases, at the first initiation).

81. Tuy vậy, bất chấp tất cả những điều này, trải nghiệm Hổ Cáp mà LUT được hứa hẹn trong kiếp lâm phàm kế tiếp (DINA I 485) có lẽ liên quan đến lần điểm đạo thứ hai nhiều hơn lần thứ nhất (dù trong một số trường hợp, ảnh hưởng của Hổ Cáp *có thể* được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ nhất).

R.V.B., having learnt the lessons which an interlude of complete aloneness can give to the ardent disciple (who craves and rests back upon companionship) is now ready to

R.V.B., sau khi học được những bài học mà một thời kỳ hoàn toàn đơn độc có thể đem lại cho người đệ tử nhiệt thành vốn khao khát và nương tựa vào tình đồng môn, giờ

prove what he essentially has ever been—a strength and a centre of poised peace to his group brothers. He is a definite asset in the group work and has reached a point in his unfoldment where it will not hurt him to know this.

đây đã sẵn sàng chứng tỏ điều mà về căn bản bạn ấy vẫn luôn là—một nguồn sức mạnh và một trung tâm bình an quân bình cho các huynh đệ trong nhóm. Bạn ấy thực sự là một nguồn đóng góp quý giá cho công việc nhóm và đã đạt đến một điểm trong sự khai mở mà việc biết điều này sẽ không gây hại cho bạn ấy.

82. RVB was a more advanced disciple than either LTS-K or LUT. From certain things said in RVB's instructions it seems likely that he succeeded in taking the second initiation.

82. RVB là một đệ tử tiến xa hơn cả LTS-K lẫn LUT. Từ một số điều được nói trong các huấn thị dành cho RVB, có vẻ ông đã thành công trong việc trải qua lần điểm đạo thứ hai.

83. RVB's rays were 24-423. We note that DK calls RVB an "ardent disciple" even though he had no sixth ray in his system. He did have (according to the chart rectification of Elena Dramchini) an Aries Rising-sign which would go a long way towards accounting for his ardor.

83. Các cung của RVB là 24-423. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK gọi RVB là một "đệ tử nhiệt thành" dù ông không có cung sáu trong cấu trúc các cung của mình. Tuy nhiên, theo bản hiệu chỉnh lá số của Elena Dramchini, ông có dấu hiệu mọc Bạch Dương, điều này giải thích được phần lớn lòng nhiệt thành của ông.

84. The strong Libra in his chart would account for the fact that DK views him as "a centre of poised peace to his group brothers."

84. Ảnh hưởng mạnh của Thiên Bình trong lá số của ông giải thích vì sao Chân sư DK xem ông là "một trung tâm bình an điềm tĩnh đối với các huynh đệ trong nhóm".

85. DK seems to indicate real progress on the part of RVB. Can it be said that the taking of the second initiation confers upon the disciple a degree of humility not available before that point? In any case, the Tibetan seems to think that RVB had enough humility to be told he was a definite asset to the work without becoming inflated. As stated, from certain things said in RVB's instructions, it seems that he passed that degree after the period of "complete aloneness" referenced above.

85. Dường như Chân sư DK cho thấy RVB đã thực sự tiến bộ. Liệu có thể nói rằng việc trải qua lần điểm đạo thứ hai mang lại cho đệ tử một mức độ khiêm nhường mà trước đó y chưa thể có được chăng? Dù sao đi nữa, dường như Chân sư Tây Tạng cho rằng RVB có đủ sự khiêm nhường để nghe Ngài nói rằng ông là một người đóng góp có giá trị rõ rệt cho công việc mà không trở nên tự cao. Như đã nói, qua một số điều trong các huấn thị dành cho RVB, dường như ông đã vượt qua cấp điểm đạo ấy sau giai đoạn "hoàn toàn đơn độc" được nhắc đến ở trên.

86. RVB had left the Tibetan's group to pursue a relationship (Libra) and returned

86. RVB đã rời nhóm của Chân sư Tây Tạng để theo đuổi một mối quan hệ (Thiên Bình)

some years later, apparently chastened. It is interesting that DK asked ISG-L to drop his present groups and enter a period of relative aloneness

và trở lại vài năm sau đó, dường như đã trở nên khiêm nhường hơn qua trải nghiệm. Điều đáng chú ý là Chân sư DK đã yêu cầu ISG-L rời các nhóm hiện tại của ông và bước vào một giai đoạn tương đối đơn độc

"Can you free yourself for two years, my brother, and at the end stand free? You would be well advised to do this; you should relinquish your groups and stand alone. (DINA II 528)

"Huynh đệ của tôi, em có thể giải phóng mình trong hai năm, và khi thời gian ấy kết thúc, đứng vững trong tự do không? Em nên làm như vậy; em nên từ bỏ các nhóm của mình và đứng một mình. (DINA II 528)

87. (such as the one through which RVB had passed). Interestingly, ISG-L was definitely being prepared to pass through the second initiation. ISG-L did not obey the Master's suggestions, later left the Tibetan's group, and presumably did not pass through the second degree.

87. (như giai đoạn mà RVB đã trải qua). Điều đáng chú ý là ISG-L rõ ràng đang được chuẩn bị để trải qua lần điểm đạo thứ hai. ISG-L đã không làm theo những gợi ý của Chân sư, sau đó rời nhóm của Chân sư Tây Tạng, và có lẽ đã không vượt qua cấp điểm đạo thứ hai.

So, my brothers, we face a new cycle of work and one in which C.D.P. and P.D.W.—working on the inner side of life—are definitely sharing.

Vì vậy, các huynh đệ của Tôi, chúng ta đang đứng trước một chu kỳ công việc mới, và C.D.P. cùng P.D.W.—hoạt động ở phía bên trong của sự sống—chắc chắn cũng đang tham gia vào chu kỳ ấy.

88. In the instruction preceding this one (August 1942), the Tibetan spoke specifically of the value of CDP's work on the inner side due to her "understanding heart and utter selflessness" and of PDW's assistance in His Ashram.

88. Trong huấn thị trước huấn thị này (tháng Tám năm 1942), Chân sư Tây Tạng đã nói cụ thể về giá trị công việc của CDP ở phía bên trong nhờ "trái tim thấu hiểu và lòng vị tha hoàn toàn" của bà, cũng như sự trợ giúp của PDW trong ashram của Ngài.

89. Here DK reminds his outer chelas of the bonds of ashramic continuity which still unite them to their co-workers who have passed on.

89. Ở đây, Chân sư DK nhắc các đệ tử đang sống ở cõi ngoài của Ngài về những mối dây liên kết liên tục trong ashram vẫn gắn kết họ với những cộng sự đã qua đời.

The latter has moved on into the Ashram of his Master, the Master Morya. He is now preoccupied with the work of breaking up—along with other trusted first ray disciples—the crystallisation which is the disastrous

Người sau đã chuyển vào ashram của Chân sư mình, Chân sư Morya. Hiện nay, cùng với những đệ tử cung một đáng tin cậy khác, bạn ấy đang chuyên tâm vào công việc phá vỡ sự kết tinh vốn là tình trạng tai hại của

condition of France. His past incarnation in the French nation has well fitted him for this task; his heart of love and his very profound development will also enable him greatly to assist, thus offsetting the destructive tendencies of the first ray worker. He has never been destructive in his application of truth.

nước Pháp. Kiếp sống trước trong dân tộc Pháp đã chuẩn bị rất tốt cho bạn ấy thực hiện nhiệm vụ này; trái tim đầy tình thương và sự phát triển hết sức sâu sắc của bạn ấy cũng sẽ giúp bạn ấy hỗ trợ rất nhiều, qua đó hóa giải những khuynh hướng hủy diệt của người hoạt động cung một. Bạn ấy chưa bao giờ mang tính hủy diệt trong cách vận dụng chân lý.

90. In the section above, DK does much to hint at a probable first ray Monad for PDW, who has apparently reached the point in evolution in which the monadic ray can become effective.

90. Trong đoạn trên, Chân sư DK đưa ra nhiều gợi ý rằng PDW có thể có chân thần cung một; dường như ông đã đạt đến điểm tiến hoá mà tại đó cung chân thần có thể phát huy tác dụng.

91. PDW, in his former incarnation, was a second ray soul and sixth ray personality. This mind was on the fifth ray and no first ray appeared in his ray make-up. Why, then, this discussion of the first ray?

91. Trong kiếp sống trước, PDW có linh hồn cung hai và phàm ngã cung sáu. Thể trí của ông thuộc cung năm và không có cung một trong cấu trúc các cung của ông. Vậy tại sao lại bàn đến cung một ở đây?

92. It is probable that from working in Master DK's Ashram, due to his second ray soul, he is now moving to the Ashram of the Master whose ray is the same as his monadic ray—Master Morya on the first ray.

92. Có lẽ sau thời gian làm việc trong ashram của Chân sư DK do linh hồn thuộc cung hai, giờ đây ông đang chuyển sang ashram của Chân sư có cung trùng với cung chân thần của ông—Chân sư Morya thuộc cung một.

93. At first (after passing over) PDW, through"his outstanding wisdom" (DINA II 28)assisted Master DK with ashramic work related to Master DK's second ray Ashram. Now his work is changing and he is working on the first ray as a destroyer of crystallization, in relation to France, the nation in which his former incarnation as a priest was taken.

93. Lúc đầu (sau khi qua đời), nhờ "minh triết nổi bật của mình" (DINA II 28), PDW đã trợ giúp Chân sư DK trong công việc ashram liên quan đến ashram cung hai của Chân sư DK. Giờ đây, công việc của ông đang thay đổi và ông đang hoạt động trên cung một với vai trò phá hủy sự kết tinh, trong mối liên hệ với nước Pháp, quốc gia nơi ông từng nhập thể làm một linh mục trong kiếp sống trước.

94. This section illustrates clearly how Master DK, while stating explicitly the monadic ray of his disciples in only two cases, manages to hint at that ray in the case of a number of others—PDW among them.

94. Đoạn này minh họa rõ cách Chân sư DK, dù chỉ nêu rõ cung chân thần của các đệ tử Ngài trong hai trường hợp, vẫn khéo gợi ý về cung ấy ở một số người khác—trong đó có PDW.

95. Apparently PDW is a disciple of "profound development". Because he can begin to work on what is probably his monadic ray, it is a certainty that he has passed the second initiation and perhaps the third.

95. Dường như PDW là một đệ tử có "sự phát triển sâu sắc". Vì ông có thể bắt đầu hoạt động trên cung có lẽ là cung chân thần của mình, nên chắc chắn ông đã trải qua lần điểm đạo thứ hai, và có thể cả lần thứ ba.

96. We can see why the probable first ray Monad would choose a second ray soul (thus a second subray): in order to offset the destructive tendencies of first ray worker.

96. Chúng ta có thể thấy vì sao chân thần có lẽ thuộc cung một lại chọn một linh hồn cung hai (do đó là cung phụ thứ hai): để hóa giải những khuynh hướng hủy diệt của người hoạt động cung một.

97. DK adds that PDW has never been destructive in his application of truth. PDW's second and fifth ray equipment would assure this.

97. Chân sư DK nói thêm rằng PDW chưa bao giờ mang tính hủy diệt khi vận dụng chân lý. Những trang bị thuộc cung hai và cung năm của PDW bảo đảm điều này.

C.D.P. is working continuously with the children of the world (including those who died victims of the horrors of war), preserving inviolate her affiliation with my Ashram but working in a group composed of disciples upon all the rays and whose personalities—in their last incarnation—were upon all the many nationalities; they are doing what they can and must be done to salvage the consciousness of the children and to preserve them from complete disintegration.

C.D.P. đang liên tục làm việc với trẻ em trên thế giới, kể cả những em đã chết vì những nỗi kinh hoàng của chiến tranh, vẫn giữ nguyên vẹn mối liên hệ của mình với ashram của Tôi, nhưng hoạt động trong một nhóm gồm các đệ tử thuộc mọi cung, mà phàm ngã của họ—trong kiếp sống gần nhất—thuộc đủ mọi quốc tịch; họ đang làm những gì có thể và phải làm để cứu vãn tâm thức của trẻ em và bảo vệ các em khỏi sự tan rã hoàn toàn.

98. We are told of the truly selfless work of CDP on the inner side. In her previous incarnation, we (ED and MR) hypothesize that she a Cancer Ascendant which would assist her in her work of salvaging the shattered consciousnesses of children.

98. Chúng ta được biết về công việc thật sự vô ngã của CDP ở phía bên trong. Chúng ta (ED và MR) đưa ra giả thuyết rằng trong kiếp sống trước, bà có Điểm mọc Cự Giải, điều này hẳn đã hỗ trợ bà trong công việc cứu vãn tâm thức tan vỡ của trẻ em.

99. We learn something about the quality of organization which exists on the inner side by noting the kind of group with which CDP became affiliated.

99. Khi lưu ý loại nhóm mà CDP đã gia nhập, chúng ta biết thêm đôi điều về phẩm tính tổ chức ở phía bên trong.

100. We see as well how much restorative and ameliorative work is done on the inner side to rectify the horrific effects of the brutalities of war.

100. Chúng ta cũng thấy ở phía bên trong có biết bao công việc phục hồi và cải thiện nhằm khắc phục những hậu quả kinh hoàng do các hành vi tàn bạo của chiến tranh gây ra.

101. There can be no doubt about the continuity of ashramic work which awaits the pledged disciple who passes to the other side.

101. Không thể nghi ngờ rằng công việc ashram vẫn tiếp tục chờ đón người đệ tử đã cam kết khi người ấy chuyển sang phía bên kia.

K.E.S., who died prior to the reorganisation of the New Seed Group, is now subjectively affiliated with the group [34] and must be regarded by you as a fellow worker.

K.E.S., đã qua đời trước khi Nhóm Hạt Giống Mới được tái tổ chức, hiện nay liên kết với nhóm về mặt chủ quan [34] và các bạn phải xem bạn ấy là một người đồng sự.

102. We note the kind of consciousness which the Tibetan is attempting to cultivate in His chelas—one which considers death as no barrier group cooperation.

102. Chúng ta lưu ý loại tâm thức mà Chân sư Tây Tạng đang cố gắng vun bồi nơi các đệ tử của Ngài—một tâm thức xem cái chết không phải là rào cản đối với sự hợp tác nhóm.

His work is very largely with those who pass over to the inner side from the British and American Armed Forces; for this he is eminently well equipped, being English by birth but having spent long years in the United States; he has also worked for many years in the spiritualistic movement.

Công việc của bạn ấy phần lớn là với những người từ Lực lượng Vũ trang Anh và Mỹ chuyển sang phía bên trong; bạn ấy được trang bị đặc biệt tốt cho công việc này, vì sinh ra là người Anh nhưng đã sống nhiều năm tại Hoa Kỳ; bạn ấy cũng đã hoạt động nhiều năm trong phong trào thần linh học.

103. DK is most explicit about the work being pursued by group members who have passed over. KES never had the opportunity to join the New Seed Group, however, it seems that he would have been invited to join, and now must be considered as a co-worker.

103. Chân sư DK nói hết sức rõ ràng về công việc mà các thành viên trong nhóm đã qua đời đang theo đuổi. KES chưa từng có cơ hội gia nhập Nhóm Hạt Giống Mới; tuy nhiên, dường như ông hẳn đã được mời gia nhập, và giờ đây phải được xem là một người đồng sự.

104. It becomes clear how much care is given to those who pass over through a violent death; apparently they need to be well received and counseled.

104. Điều trở nên rõ ràng là những người qua đời do một cái chết dữ dội nhận được biết bao sự chăm sóc; dường như họ cần được đón tiếp chu đáo và tư vấn.

105. We also note how a person's personality qualifications (even their language and nationality while in incarnation) are utilized on the inner side. The "other world", it seems, is not so very different from this one in some respects.

105. Chúng ta cũng lưu ý cách người ta tận dụng những năng lực phàm ngã của một người ở phía bên trong (kể cả ngôn ngữ và quốc tịch của họ khi còn lâm phàm). Dường như, xét trên một vài phương diện, "thế giới bên kia" không khác thế giới này nhiều đến thế.

I am giving you information anent your group brothers who are not in physical bodies because I seek to have you realise the unity of all life, the identity of purpose and the close sense of relationship which characterises an Ashram.

Tôi cung cấp cho các bạn thông tin về những huynh đệ trong nhóm hiện không ở trong thể xác, vì Tôi muốn các bạn nhận ra tính thống nhất của mọi sự sống, sự đồng nhất về mục đích và ý thức gắn bó mật thiết vốn là đặc trưng của một ashram.

106. The perspective of the chelas must certainly have been expanded by the impartation of this information.

106. Việc truyền đạt thông tin này chắc chắn đã mở rộng tầm nhìn của các đệ tử.

107. Often when Master DK does something, He states exactly why He is doing it, as is here the case.

107. Khi làm điều gì đó, Chân sư DK thường nêu rõ lý do Ngài làm điều ấy, như trong trường hợp này.

108. Let us tabulate that which He seeks to impart anent the life and the Ashram:

108. Chúng ta hãy lập bảng những điều Ngài tìm cách truyền đạt về sự sống và Ashram:

a. The unity of all life

a. Sự hợp nhất của toàn thể sự sống

b. The identity of purpose which characterizes the Ashram

b. Sự đồng nhất về mục đích vốn là đặc trưng của Ashram

c. The close sense of relationship which characterizes the Ashram

c. Cảm nhận về mối liên hệ mật thiết vốn là đặc trưng của Ashram

A Master's Ashram has people working both on the outer and on the inner planes and in this work, the Master sees no difference, being released from the concepts of time and space. This has relation to the "double life pattern of the disciple" to which I referred when I last communicated with you.

Ashram của một Chân sư có những người hoạt động trên cả các cõi bên ngoài lẫn bên trong, và trong công việc này, Chân sư không thấy có sự khác biệt, vì Ngài đã thoát khỏi những khái niệm về thời gian và không gian. Điều này liên quan đến "mô hình đời sống kép của người đệ tử" mà Tôi đã đề cập trong lần truyền đạt trước với các bạn.

109. The Master refers to those working in His Ashram, whether on the inner or outer side, as "people".

109. Chân sư gọi những ai hoạt động trong Ashram của Ngài, dù ở phía bên trong hay bên ngoài, là "những người".

110. Because the Master is released from the concepts of time and space, He sees no difference between the workers who are in the body and those who have passed to greater freedom.

110. Vì Chân sư đã thoát khỏi những khái niệm về thời gian và không gian, Ngài không thấy có sự khác biệt giữa những người hoạt động còn mang thân thể và những người đã bước sang trạng thái tự do hơn.

111. The "double life pattern of the disciple" pertains to the pledged disciple, and is related, in the last instruction, to the ability to hold a seed thought in the back of the mind while living through the activities of a normal day.

111. "Mô hình đời sống kép của người đệ tử" liên quan đến người đệ tử đã cam kết, và trong huấn thị trước, mô hình này gắn với khả năng duy trì một tư tưởng hạt giống trong phần sâu kín của thể trí trong khi thực hiện các hoạt động của một ngày bình thường.

112. An extension of this idea will see the chela living his normal life activities while having his consciousness focussed in the Ashram (and perhaps in some kind of contact with those who are free of their bodies on the inner side).

112. Mở rộng ý tưởng này, chúng ta sẽ thấy người đệ tử thực hiện các hoạt động bình thường trong đời sống trong khi vẫn tập trung tâm thức trong Ashram (và có lẽ có một hình thức tiếp xúc nào đó với những người ở phía bên trong đã thoát khỏi thân thể của họ).

At that time, I gave you no explicit instruction or individual meditations. I gave each of you six statements upon which to ponder. Through the close consideration of these statements you can create fresh aspiration and a renewed tendency to creative living.

Khi ấy, Tôi không đưa ra cho các bạn huấn thị cụ thể hay những bài thiền cá nhân. Tôi đã trao cho mỗi người trong các bạn sáu lời phát biểu để suy ngẫm. Bằng việc xem xét kỹ lưỡng những lời phát biểu này, các bạn có thể khơi dậy khát vọng mới và làm mới khuynh hướng sống sáng tạo.

113. As stated, many of the statements were truly remarkable in their power to evoke aspiration in the disciple to whom they were given. These statements came partly from an old Book of Rule and partly from the Tibetan.

113. Như đã nói, nhiều lời phát biểu thật sự đáng chú ý ở sức mạnh khơi dậy khát vọng nơi người đệ tử nhận được chúng. Những lời phát biểu này một phần trích từ một quyển Sách Quy Luật cổ và một phần đến từ Chân sư Tây Tạng.

114. Pondering on the six statements was to take the place of the usual individual mediations. DK was encouraging an increasing self-initiative in His chelas.

114. Việc suy ngẫm sáu lời phát biểu nhằm thay thế những bài thiền cá nhân thông thường. Chân sư DK đang khuyến khích các đệ tử của Ngài ngày càng chủ động hơn.

Statements such as these are formulations of truth and are also voiced concepts of spiritual import. They are potent in their transforming effect, if rightly used.

Những lời phát biểu như thế là những cách diễn đạt chân lý, đồng thời cũng là những khái niệm mang ý nghĩa tinh thần được nói thành lời. Nếu được sử dụng đúng đắn, chúng có tác dụng chuyển đổi mạnh mẽ.

115. Interestingly, DK calls the statements “voiced concepts”. It is as if the Master is speaking them to the chela. The hint can be gathered that the chela, as well, is to give voice to them.

115. Điều thú vị là Chân sư DK gọi những lời phát biểu này là “những khái niệm được nói thành lời”. Điều đó như thể Chân sư đang nói những lời ấy với người đệ tử. Có thể nhận ra gợi ý rằng người đệ tử cũng cần nói chúng thành lời.

116. Part of their right use would be right ‘voicing’, using them perhaps as voiced mantrams.

116. Một phần của việc sử dụng chúng đúng đắn hẳn là ‘nói thành lời’ đúng cách, có lẽ sử dụng chúng như những mantram được xướng thành lời.

I have not been too satisfied with the results of my past requests to you. The pressure of life has been great these days; to that pressure many of you have succumbed. You might have carried through and been more effective had you given careful attention to your thought life.

Tôi chưa thật hài lòng với kết quả của những yêu cầu trước đây Tôi đã đưa ra cho các bạn. Những ngày này, áp lực của cuộc sống rất lớn; nhiều người trong các bạn đã khuất phục trước áp lực ấy. Các bạn hẳn đã có thể kiên trì thực hiện và đạt hiệu quả cao hơn nếu chú ý cẩn thận đến đời sống tư tưởng của mình.

117. DK offers an evaluation of the chelas’ work. He has not been too satisfied. While pressure inevitably will exist in the life of the disciple (and especially at time of world

117. Chân sư DK đưa ra một đánh giá về công việc của các đệ tử. Ngài chưa thật hài lòng. Dù áp lực tất yếu sẽ hiện hữu trong đời sống của người đệ tử (đặc biệt vào thời kỳ

crisis), the disciple is not really permitted to succumb to such pressure.

118. A hint is given regarding how to avoid succumbing: give more careful attention to one's thought life. Our effectiveness upon the physical plane is, we see, directly related to our thought life—presumably to its quality, clarity and potency.

One of the problems confronting disciples in times of world stress is that of the preservation of a right sense of proportion. This leads to right paralleling activity—the activity of the inner disciple and the work of the outer man. A perfect balance is the goal and this is not at all easy of achievement.

119. DK now speaks of a Libran issue—the preservation of a right sense of proportion.

120. There is to be right balance between the inner and outer man. Again, balance is a Libran issue.

In all times of world agony and catastrophe (such as we are at this time experiencing) a third and paralleling aspect of life appears and complicates the problem with which the disciple is faced and which he already regards as most difficult and challenging. There is (within the man) the inner disciple, oriented consciously towards the Hierarchy [35] and the life of the Kingdom of God; there is the busy outer man, preoccupied with various activities, playing the part of the intelligent citizen and seeking always to shoulder his share of national and group responsibility; there is also a suffering emotional human being, bewildered oft by

khủng hoảng thế giới), người đệ tử thực sự không được phép khuất phục trước áp lực ấy.

118. Có một gợi ý về cách tránh khuất phục: hãy chú tâm kỹ lưỡng hơn đến đời sống tư tưởng của mình. Chúng ta thấy rằng hiệu quả hoạt động của mình trên cõi hồng trần liên quan trực tiếp đến đời sống tư tưởng—có lẽ là đến phẩm tính, sự sáng rõ và sức mạnh của đời sống ấy.

Một trong những vấn đề mà các đệ tử phải đối diện trong những thời kỳ thế giới căng thẳng là duy trì một ý thức đúng đắn về tỉ lệ. Điều này dẫn đến hoạt động song hành đúng đắn—hoạt động của người đệ tử bên trong và công việc của con người bên ngoài. Mục tiêu là sự quân bình hoàn hảo, và điều này hoàn toàn không dễ đạt được.

119. Giờ đây, Chân sư DK nói đến một vấn đề thuộc Thiên Bình—duy trì một ý thức đúng đắn về tỉ lệ.

120. Cần có sự quân bình đúng đắn giữa con người bên trong và con người bên ngoài. Một lần nữa, sự quân bình là một vấn đề thuộc Thiên Bình.

Trong mọi thời kỳ thế giới đau thương và tai họa, như thời kỳ chúng ta đang trải qua, một phương diện thứ ba của đời sống xuất hiện song hành và làm phức tạp thêm vấn đề mà người đệ tử phải đối diện, vốn đã được y xem là hết sức khó khăn và đầy thử thách. Bên trong con người có người đệ tử nội tâm, có ý thức hướng về Thánh đoàn [35] và sự sống của Thiên Giới; có con người bên ngoài bận rộn, chuyên chú vào nhiều hoạt động khác nhau, đảm nhiệm vai trò một công dân thông minh và luôn tìm cách gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với quốc gia và nhóm; đồng thời cũng có một con người đầy cảm xúc đang đau khổ, thường hoang mang

world agony, reacting painfully to the sorrows and distresses of his fellowmen, horrified by the appalling psychological results of world war, by the psychological impacts and complexities, aghast at the present and overwhelmed by fear of the future.

trước nỗi thống khổ của thế giới, phản ứng đau đớn trước những buồn đau và khốn khó của đồng loại, kinh hoàng trước những hậu quả tâm lý khủng khiếp của thế chiến, trước những tác động và phức tạp về tâm lý, bàng hoàng trước hiện tại và bị nỗi sợ tương lai lấn át.

121. This is a most interesting and section. Every disciple is immersed in a complex situation caused by a threefold division of his nature:

121. Đây là một phần hết sức thú vị. Mỗi đệ tử đều ở trong một tình thế phức tạp do sự phân chia tam phân trong bản chất của mình gây ra:

a. The inner disciple oriented toward Hierarchy. We are dealing here with the soul-in-incarnation.

a. Người đệ tử bên trong hướng về Thánh đoàn. Ở đây, chúng ta đang bàn đến linh hồn đang nhập thể.

b. The busy outer man. This is the personality as it works through the mind and the physical body.

b. Con người bên ngoài bận rộn. Đây là phàm ngã khi hoạt động qua thể trí và thể xác.

c. The suffering emotional human being. This aspect focusses upon the most problematic of the three personality vehicles —the astral body.

c. Con người đầy cảm xúc đang đau khổ. Phương diện này tập trung vào vận cụ gây nhiều vấn đề nhất trong ba vận cụ của phàm ngã—thể cảm dục.

The greater his power to include, the greater his strain and pain; the further on he is upon the Way, the more keen are his reactions and the more he thinks and plans for the future, and the greater also the clarity with which he can view the imminent possibilities. I would not have it otherwise; this threefold position which inevitably you have to take and which you cannot avoid if you are true disciples, gives opportunity for planned integration and also proffers an invitation for you to shoulder an individual share of hierarchical responsibility and comprehension.

Năng lực bao gồm của y càng lớn thì sự căng thẳng và đau đớn của y càng lớn; y càng tiến xa trên Đường Đạo thì những phản ứng của y càng nhạy bén, y càng suy nghĩ và hoạch định nhiều hơn cho tương lai, và cũng càng thấy rõ hơn những khả năng sắp xảy ra. Tôi không mong điều đó khác đi; vị thế tam phân này, mà các bạn tất yếu phải đảm nhận và không thể tránh nếu là những đệ tử chân chính, đem lại cơ hội cho sự tích hợp có hoạch định, đồng thời mời gọi các bạn gánh vác phần trách nhiệm và sự thấu hiểu của cá nhân trong công việc của Thánh đoàn.

122. DK speaks of the problem caused the "this threefold position", but calls its esoteric

122. Chân sư DK nói đến vấn đề do "vị thế tam phân này" gây ra, nhưng lưu ý các đệ tử

usefulness to the attention of His chelas. No true disciple can avoid this complex, interactive triplicity.

123. The personalities of the chelas may not be completely integrated. The threefold division is really a living opportunity for promoting the necessary integration.

The only thing that I would ask is that you accept the implications of this triple situation and that you do not use it as an alibi; this, some of you have definitely done; you have regarded your complex problems as so strenuous and difficult that it makes your work in the group (which is a definite part of my Ashram) entirely out of the question. You have—many of you—not done the work which I requested; only a few—a very few—endeavoured to fulfil requirements. Had you managed to carry them out, you might have found your entire path in life more simple and easy and your service more effective.

124. DK has a reason for bring this complex, "triple situation" to the attention of His disciples. Some of them have been using their "complex problems" as alibis against doing the required group work.

125. The New Seed Group of accepted disciples, we note, is a definite part of Master DK's Ashram. Some disciples, therefore, have been shirking their part in the ashramic work.

126. The situation is actually disappointing. Only a very few have even endeavored to fulfill the group requirements. Those who have not fulfilled requirements have been immersed in a complexity and difficulty

của Ngài về tính hữu ích nội môn của nó. Không đệ tử chân chính nào có thể tránh được bộ ba phức tạp, tương tác với nhau này.

123. Phàm ngã của các đệ tử có thể chưa hoàn toàn tích hợp. Sự phân chia tam phân thực sự là một cơ hội sống động để thúc đẩy sự tích hợp cần thiết.

Điều duy nhất Tôi muốn yêu cầu là các bạn chấp nhận những hệ quả của tình thế tam phân này và đừng dùng nó làm lý do bào chữa; một số người trong các bạn quả thực đã làm như vậy; các bạn đã xem những vấn đề phức tạp của mình là quá căng thẳng và khó khăn đến mức hoàn toàn không thể thực hiện công việc trong nhóm, vốn là một bộ phận xác định của ashram của Tôi. Nhiều người trong các bạn đã không làm công việc Tôi yêu cầu; chỉ có một vài người—rất ít—cố gắng đáp ứng các yêu cầu. Nếu các bạn đã thực hiện được chúng, có lẽ các bạn đã thấy toàn bộ con đường đời mình giản dị và dễ dàng hơn, và sự phụng sự của mình hiệu quả hơn.

124. Chân sư DK có lý do khi lưu ý các đệ tử của Ngài về "tình thế tam phân" phức tạp này. Một số người trong họ đã dùng những "vấn đề phức tạp" của mình làm lý do bào chữa cho việc không thực hiện công việc nhóm theo yêu cầu.

125. Chúng ta lưu ý rằng Nhóm Hạt Giống Mới gồm các đệ tử được chấp nhận là một bộ phận xác định của ashram của Chân sư DK. Do đó, một số đệ tử đã và đang trốn tránh phần việc của mình trong công việc ashram.

126. Tình hình thực sự đáng thất vọng. Chỉ có rất ít người thậm chí đã cố gắng đáp ứng các yêu cầu của nhóm. Những người chưa đáp ứng các yêu cầu đã chìm trong tình trạng phức tạp và khó khăn mà họ có thể dễ

they might easily have obviated by doing the work.

dàng tránh được bằng cách thực hiện công việc.

Certain things anent the group aura, or rather anent its general characteristics, might prove of interest to you. A Master, when studying a group considers, first of all, the various lines of force which relate the individuals in the group to Him, to the inner Ashram and to each other.

Một số điều về hào quang nhóm, hay đúng hơn là về những đặc điểm chung của nó, có thể khiến các bạn quan tâm. Khi nghiên cứu một nhóm, trước hết Chân sư xem xét những đường mãnh lực khác nhau liên kết các cá nhân trong nhóm với Ngài, với ashram bên trong và với nhau.

127. As the Master studies the group aura we are told of three lines of interplay that He considers. Let us tabulate.

127. Khi Chân sư nghiên cứu hào quang nhóm, chúng ta được cho biết về ba đường tác động tương hỗ mà Ngài xem xét. Chúng ta hãy liệt kê.

128. The lines of force which relate the individual in the group to Him

128. Những đường mãnh lực liên kết cá nhân trong nhóm với Ngài

129. The lines of force which relate the individuals in the group to the inner Ashram

129. Những đường mãnh lực liên kết các cá nhân trong nhóm với ashram bên trong

130. The lines of force which relate the individuals to each other

130. Những đường mãnh lực liên kết các cá nhân với nhau

He looks for the constancy of the interplay, for the brilliance of the group light, as a whole, and for its emanatory influence, its radiation and its magnetic effect in the world.

Ngài tìm kiếm sự bền bỉ trong tác động tương hỗ, độ chói sáng của ánh sáng toàn nhóm, ảnh hưởng phát xạ, sự bức xạ và tác động từ tính của nhóm trong thế giới.

131. Let us tabulate what the Master is looking for relative to these lines of force:

131. Chúng ta hãy liệt kê những điều Chân sư tìm kiếm liên quan đến những đường mãnh lực này:

a. Constancy of the interplay

a. Sự bền bỉ trong tác động tương hỗ

b. Brilliance of the group light—as a whole

b. Độ chói sáng của ánh sáng toàn nhóm

c. The emanatory influence of the group light

c. Ảnh hưởng phát xạ của ánh sáng nhóm

d. The radiation of the group light

e. The magnetic effect of the group light in the world

Changes constantly occur. In the past, the lines of force between the [36] group and myself were strong, and the relationship between the group members was definitely weak. Today, the lines of energy, carried by thought and directed towards me, are steady but not so brilliantly fluctuating; the lines between the group members are strengthened by mental determination, but not by emotional or embryonic love.

132. The Tibetan offers an interesting assessment of an auric change which has occurred in the group.

133. The lines of energy (He calls them "energy" rather than force) relating the group members to Him are now not so brilliant and fluctuating, but are more steady.

134. The lines (whether of energy or force) between group members are stronger due to mental determination. He notes that they are not stronger because of "emotional or embryonic love".

135. We note that emotional love is embryonic love and not true or full love,

This indicates, on the whole, improvement, because the tide of devotion, poured out to me was not something which guaranteed to

d. Sự bức xạ của ánh sáng nhóm

e. Tác động từ tính của ánh sáng nhóm trong thế giới

Những thay đổi liên tục diễn ra. Trước đây, các đường mãnh lực giữa [36] nhóm và Tôi rất mạnh, còn mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng là yếu. Ngày nay, những đường năng lượng do tư tưởng chuyên chở và hướng về Tôi đã ổn định nhưng không còn dao động rực sáng như trước; những đường liên kết giữa các thành viên trong nhóm được củng cố bằng quyết tâm trí tuệ, nhưng chưa bằng tình thương mang tính cảm xúc hay mới chớm nở. Nhìn chung,

132. Chân sư Tây Tạng đưa ra một nhận định thú vị về một thay đổi trong hào quang đã diễn ra trong nhóm.

133. Những đường năng lượng (Ngài gọi chúng là "năng lượng" thay vì mãnh lực) liên kết các thành viên trong nhóm với Ngài giờ đây không còn rực sáng và dao động như trước, mà ổn định hơn.

134. Những đường liên kết (dù là năng lượng hay mãnh lực) giữa các thành viên nhóm mạnh hơn nhờ sự quyết tâm bằng trí tuệ. Ngài lưu ý rằng chúng mạnh hơn không phải nhờ "tình thương cảm xúc hay tình thương phôi thai".

135. Chúng ta lưu ý rằng tình thương cảm xúc là tình thương phôi thai, chưa phải tình thương chân thật hay trọn vẹn,

điều này cho thấy sự cải thiện, vì làn sóng sùng tín tuôn đổ về Tôi không phải là điều

me that the group had staying power. There is a more wholesome attitude.

bảo đảm với Tôi rằng nhóm có sức bền. Đã có một thái độ lành mạnh hơn.

136. DK notes what He considers improvement. Devotion is brilliant but unstable. Have not we, ourselves, noticed this in relation to potential co-workers?

136. Chân sư DK lưu ý điều Ngài xem là sự cải thiện. Lòng sùng tín rực rỡ nhưng thiếu ổn định. Chẳng phải chính chúng ta cũng đã nhận thấy điều này ở những người có tiềm năng trở thành cộng sự hay sao?

137. DK speaks of "a more wholesome attitude". The word "wholesome", in this context, suggests a greater consideration of the *wholeness* of the group and of the entire enterprise.

137. Chân sư DK nói đến "một thái độ lành mạnh hơn". Trong ngữ cảnh này, từ "lành mạnh" gợi ý sự quan tâm nhiều hơn đến *tính toàn vẹn* của nhóm và của toàn bộ công cuộc.

The relation between you as an individual and your co-disciples is one of a relative indifference, but of a mental recognition of your joint group affiliation.

Mối quan hệ giữa mỗi cá nhân các bạn với các đệ tử đồng môn mang tính tương đối điềm nhiên, nhưng có sự nhận biết bằng trí tuệ về mối liên kết chung của các bạn với nhóm.

138. DK notes that the chelas are relative indifferent to each other, but that mentally they recognize each other as members of a "joint group affiliation". Obviously, such an attitude (though in the right direction) has not fully 'arrived'. Group love is not even mentioned as embryonic.

138. Chân sư DK lưu ý rằng các đệ tử tương đối điềm nhiên với nhau, nhưng về mặt trí tuệ, họ nhận biết nhau là những thành viên có "mối liên kết chung với nhóm". Hiển nhiên, thái độ như vậy (dù đúng hướng) vẫn chưa đạt đến mức cần có. Thậm chí tình thương nhóm ở dạng phôi thai cũng chưa được nhắc đến.

The magnetic radiation of the group is the weakest point in the entire presentation which you make to the world. As yet, from the angle of service, you do not count, for the group is doing nothing as a group. That is serious, my brothers. As individuals, many of you are serving in some way or another, but it is a detached and personal service and has no relation to a fused group endeavour.

Sự bức xạ từ tính của nhóm là điểm yếu nhất trong toàn bộ những gì các bạn thể hiện với thế giới. Cho đến nay, xét từ góc độ phụng sự, các bạn vẫn chưa có trọng lượng, vì nhóm chưa làm gì với tư cách một nhóm. Đó là điều nghiêm trọng, các huynh đệ của Tôi. Với tư cách cá nhân, nhiều người trong các bạn đang phụng sự theo cách này hay cách khác, nhưng đó là sự phụng sự riêng rẽ và mang tính cá nhân, không liên quan đến một nỗ lực nhóm đã dung hợp.

139. Here is the real critique. The group's radiation is weak and it is making no real impact on the world. The group is doing nothing *as a group* although various of its members are serving in various "detached and personal" ways—detached from the group.

139. Đây chính là lời phê bình thực sự. Sự bức xạ của nhóm yếu và nhóm chưa tạo được tác động thực sự nào lên thế giới. Nhóm không làm gì *với tư cách một nhóm* dù một số thành viên đang phụng sự theo nhiều cách "riêng rẽ và mang tính cá nhân"—tách rời khỏi nhóm.

140. This is a standard to which we may subject our own esoteric group efforts. How would we fare if we did so?

140. Đây là một tiêu chuẩn mà chúng ta có thể dùng để đánh giá những nỗ lực nhóm huyền bí học của chính mình. Nếu làm vậy, chúng ta sẽ đạt đến đâu?

141. DK notes that the condition is "serious"—a word He cannot use lightly. After all, some twelve years of training have passed for the greater number of group members.

141. Chân sư DK lưu ý rằng tình trạng này là "nghiêm trọng"—một từ Ngài không thể dùng một cách khinh suất. Xét cho cùng, phần đông thành viên nhóm đã trải qua khoảng mười hai năm huấn luyện.

142. DK is looking for a "fused group endeavor". Naturally, considerable group development is required before this can occur and apparently that development has not unfolded as hoped.

142. Chân sư DK mong đợi một "nỗ lực nhóm đã dung hợp". Dĩ nhiên, nhóm cần phát triển đáng kể trước khi điều này có thể xảy ra, và rõ ràng sự phát triển ấy chưa diễn ra như mong đợi.

You might here ask: What can we as a group accomplish? What is it that we can do? You can, for one thing, begin to work as an Ashram works, using the power of thought, originating pressures, directing thought currents along specified lines out into the world, creating thoughtforms which will make clear-cut contact with other minds and which will bring about definite changes in the consciousness of humanity. This you do not as yet do, nor have you evidenced any desire so to work. I have waited to see if the initiating impulse would come from you without any prompting by me. I have waited in vain.

Đến đây, các bạn có thể hỏi: Với tư cách một nhóm, chúng ta có thể hoàn thành điều gì? Chúng ta có thể làm gì? Trước hết, các bạn có thể bắt đầu hoạt động như một ashram, sử dụng quyền năng của tư tưởng, khởi tạo những áp lực, hướng các dòng tư tưởng theo những đường xác định ra thế giới, tạo ra những hình tư tưởng sẽ tiếp xúc rõ rệt với các thể trí khác và đem lại những thay đổi xác định trong tâm thức nhân loại. Cho đến nay, các bạn chưa làm điều này, cũng chưa bộc lộ bất kỳ mong muốn nào hoạt động như thế. Tôi đã chờ xem liệu xung lực khởi xướng có xuất phát từ các bạn mà không cần Tôi thúc giục hay không. Tôi đã chờ đợi vô ích.

143. The critique is deep, for no real group initiative has come from the group members themselves.

143. Lời phê bình này sâu sắc, vì chính các thành viên nhóm chưa đưa ra sáng kiến nhóm thực sự nào.

144. Let us tabulate what it is that such a group *can* do and see whether we, seeking to work in affiliation with impulse coming from Master DK's Ashram, can accomplish anything of like nature. Such a group can—

144. Chúng ta hãy liệt kê những gì một nhóm như thế *có thể* làm và xem liệu chúng ta, những người đang tìm cách hoạt động trong sự liên kết với xung lực đến từ ashram của Chân sư DK, có thể hoàn thành điều gì có tính chất tương tự hay không. Một nhóm như thế có thể—

145. Begin to work as an Ashram works

145. Bắt đầu hoạt động như một ashram

146. Use the power of thought

146. Sử dụng quyền năng của tư tưởng

147. Originate pressures (presumably within the world of thought)

147. Khởi phát những áp lực (có lẽ trong thế giới tư tưởng)

148. Direct thought currents along specified lines into the world

148. Hướng các dòng tư tưởng theo những đường lối đã xác định vào thế giới

149. Create thoughtforms which will make clear-cut contact with other minds and which will bring about definite changes in the consciousness of humanity

149. Tạo ra những hình tư tưởng có thể tiếp xúc rõ rệt với các thể trí khác và mang lại những thay đổi cụ thể trong tâm thức nhân loại

150. It is clear that DK is calling for no strictly *outer* initiative, but expects that this group (working in affiliation with the Ashram) will work somewhat as a reflection of that Ashram.

150. Rõ ràng Chân sư DK không kêu gọi bất kỳ sáng kiến nào thuần túy *bên ngoài*, mà kỳ vọng nhóm này (hoạt động trong mối liên kết với Ashram) sẽ hoạt động phần nào như một sự phản chiếu của Ashram ấy.

I told you elsewhere that "an Ashram is an emanating source of hierarchical impression upon the world. Its `impulsive energies' and its inciting forces are directed towards the expansion of the human consciousness, through the magnetic lives of the group members as they carry on their duties, obligations and responsibilities in the outer world; it is aided also by the steady vibratory

Ở nơi khác, Tôi đã nói với các bạn rằng "một ashram là một nguồn phát xạ ấn tượng của Thánh đoàn lên thế giới. Những 'năng lượng thúc đẩy' và các mãnh lực khơi động của nó hướng đến việc mở rộng tâm thức nhân loại, thông qua đời sống có từ tính của các thành viên trong nhóm khi họ thực hiện bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm trong thế giới bên ngoài; công việc ấy còn nhận được sự hỗ trợ

activity of the members of the Ashram who are not in physical incarnation and [37] by the united clear thinking and convinced awareness of the entire Ashram."(TEV 194)

từ hoạt động rung động đều đặn của những thành viên ashram không nhập thể ở cõi hồng trần và [37] từ tư duy sáng rõ hợp nhất cùng sự nhận biết vững tin của toàn thể ashram."

151. DK cites a quotation given in *Telepathy and the Etheric Vehicle.* We realize that the information that appeared in a number of books was really part of a synthetic training in ashramic work and for the purpose of preparing the group (eventually) for group initiation. Of course, such instruction was, as well, intended for disciples in times to come—such as we are attempting to be.

151. Chân sư DK dẫn một đoạn trích trong *Viễn Cảm và Thể Dĩ Thái.* Chúng ta nhận ra rằng thông tin xuất hiện trong một số sách thực sự là một phần của chương trình huấn luyện tổng hợp về công việc ashram, nhằm chuẩn bị cho nhóm (về sau) đón nhận điểm đạo nhóm. Dĩ nhiên, những huấn thị ấy cũng dành cho các đệ tử trong những thời đại sắp tới—như những người mà chúng ta đang cố gắng trở thành.

152. Let us tabulate the nature of an Ashram as presented in this excellent definition:

152. Chúng ta hãy lập bảng về bản chất của một Ashram như được trình bày trong định nghĩa xuất sắc này:

a. An Ashram is an emanating source of hierarchical impression upon the world

a. Một Ashram là một nguồn phát xạ ấn tượng của Thánh đoàn lên thế giới

b. It releases "impulsive energies" and "inciting forces"—do we know the difference?

b. Ashram phóng thích "những năng lượng thúc đẩy" và "các mãnh lực khơi động"—chúng ta có biết sự khác biệt giữa hai loại này không?

c. These energies and forces are directed towards the expansion of human consciousness

c. Những năng lượng và mãnh lực này hướng đến việc mở rộng tâm thức nhân loại

d. The Ashram's members have magnetic lives

d. Các thành viên của Ashram có đời sống mang từ tính

e. Though they work esoterically, they also carry on their duties, obligations and responsibilities in the outer world

e. Tuy hoạt động về mặt nội môn, họ cũng thực hiện bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm trong thế giới bên ngoài

f. An Ashram is aided by the steady vibratory activity of its member who are not in physical incarnation

f. Một Ashram nhận được sự hỗ trợ từ hoạt động rung động đều đặn của những thành viên không nhập thể ở cõi hồng trần

g. It is also aided by the united clear thinking and convinced awareness of the entire Ashram

g. Ashram cũng nhận được sự hỗ trợ từ tư duy sáng rõ hợp nhất cùng sự nhận biết vững tin của toàn thể Ashram

153. We can see the high standard for ashramic participation and work. It is against this standard that Master DK is comparing the present state and output of His group.

153. Chúng ta có thể thấy tiêu chuẩn cao đối với việc tham gia và làm việc trong ashram. Chân sư DK đang đối chiếu tình trạng hiện tại và thành quả hoạt động của nhóm Ngài với chính tiêu chuẩn này.

I have thus explained the need because you require clear understanding as we consider our first point, meditation, and begin to plan the work to be done by you during the coming year.

Như vậy, Tôi đã giải thích sự cần thiết, vì các bạn cần thấu hiểu rõ ràng khi chúng ta xem xét điểm đầu tiên, tham thiền, và bắt đầu hoạch định công việc các bạn phải thực hiện trong năm tới.

154. DK is offering a clear evaluation of the group's present status as the group members need to see with clarity before beginning the year's work.

154. Chân sư DK đang đưa ra một đánh giá rõ ràng về tình trạng hiện tại của nhóm, vì các thành viên trong nhóm cần thấy rõ trước khi bắt đầu công việc của năm.

Will you accept my words that you need a reorientation and a greatly lessened preoccupation with the Ashram, its Master, its personnel and its life?

Các bạn có chấp nhận lời Tôi rằng các bạn cần tái định hướng và giảm bớt rất nhiều sự bận tâm về ashram, Chân sư của ashram, thành phần nhân sự và đời sống của ashram hay không?

155. As ever, the Master emphasizes the angle of service, as He tries to free the group members from certain natural preoccupations:

155. Như mọi khi, Chân sư nhấn mạnh phương diện phụng sự khi Ngài cố gắng giải phóng các thành viên trong nhóm khỏi một số mối bận tâm tự nhiên:

a. Preoccupation with the Ashram

a. Bận tâm về ashram

b. Preoccupation with the Master of the Ashram

b. Bận tâm về Chân sư của ashram

c. Preoccupation with the Ashram's personnel and its life

If you will do this, and thus mentally free yourselves, you can and will go on to a fuller life of service, with your eyes on human need and not upon your co-disciples, their activities, my plans and the purpose at this time of your preparation for initiation.

156. The eyes of the group members are to be focused on service

157. Presently they are focussed on:

a. Their co-disciples

b. The activities of their co-disciples

c. The plans of the Master

d. Preparation for individual initiation

I would like now to try an experiment. Continue with your group work with me at the time of the full moon, exactly as outlined in your group instructions, but to that work I want to add another activity.

158. Master DK, ever resourceful, attempts another method of deepening His groups relation to Himself and to each other.

Each month I will speak three words, forming one consecutive sentence. Will you

c. Bận tâm về thành phần nhân sự và đời sống của ashram

Nếu các bạn làm như vậy và nhờ đó giải phóng mình về mặt trí tuệ, các bạn có thể và sẽ tiến tới một đời sống phụng sự trọn vẹn hơn, hướng mắt đến nhu cầu của nhân loại thay vì đến các đệ tử đồng môn, những hoạt động của họ, những kế hoạch của Tôi và mục đích hiện tại của việc chuẩn bị cho các bạn tiếp nhận điểm đạo.

156. Các thành viên trong nhóm cần hướng mắt vào việc phụng sự

157. Hiện nay, họ đang tập trung vào:

a. Các đệ tử đồng môn của họ

b. Những hoạt động của các đệ tử đồng môn của họ

c. Những kế hoạch của Chân sư

d. Việc chuẩn bị cho cuộc điểm đạo cá nhân

Giờ đây, Tôi muốn thử một cuộc thực nghiệm. Hãy tiếp tục công việc nhóm với Tôi vào thời điểm trăng tròn, đúng như đã phác thảo trong các huấn thị dành cho nhóm, nhưng Tôi muốn bổ sung một hoạt động khác vào công việc ấy.

158. Chân sư DK, luôn có nhiều phương cách, thử một phương pháp khác để làm sâu sắc thêm mối quan hệ của nhóm Ngài với chính Ngài và mối quan hệ giữa các thành viên với nhau.

Mỗi tháng, Tôi sẽ nói ba từ, tạo thành một câu liền mạch. Các bạn hãy thử xem mình có thể ghi nhận những từ này trong sự im lặng

see if you can, in the silence of intensity, record these words?

159. We notice that the words from Master DK will be *spoken* and not thought. This, it seems, would add to their tangibility.

160. An important phrase is given in relation to the ability to register the words: "the silence of intensity". The implication is that if the point of tension is sufficient it will produce that silence necessary for the words to be heard.

161. It is significant that the words to be spoken will form a completed thought and are not just words spoken without relation. One presumes it is not only words that are being registered but the intent of the entire thought and that the thought, as a whole, has something of value for those who are able to receive it.

To help you in your task, I am giving a list from which I will choose each month a phrase. Send in what you think you registered each month on your full moon report. I will signify to A.A.B. the correctness, or otherwise, of your choice, by letting her know what I said.

162. We note that AAB will not be informed of which phrase the Tibetan has spoken until the time comes to verify the correctness or otherwise of the choice made by the group members. Perhaps AAB would also be a party to the experiment. In any case, it would be best not to tell her ahead of time, as her thought could influence the choices of the group members.

của trạng thái tập trung mãnh liệt hay không.

159. Chúng ta nhận thấy rằng Chân sư DK sẽ *nói thành lời* những từ ấy chứ không chỉ nghĩ đến chúng. Dường như điều này sẽ khiến chúng trở nên rõ ràng, dễ nắm bắt hơn.

160. Một cụm từ quan trọng được đưa ra liên quan đến khả năng ghi nhận những từ ấy: "sự im lặng của trạng thái tập trung mãnh liệt". Hàm ý ở đây là nếu điểm tập trung nhất tâm đủ mạnh, nó sẽ tạo ra sự im lặng cần thiết để nghe được những từ ấy.

161. Điều đáng chú ý là những từ sẽ được nói ra sẽ tạo thành một tư tưởng hoàn chỉnh, chứ không chỉ là những từ được nói ra rời rạc, không liên hệ với nhau. Có thể cho rằng điều được ghi nhận không chỉ là những từ ấy mà còn là chủ ý của toàn bộ tư tưởng, và xét như một toàn thể, tư tưởng ấy chứa đựng điều gì đó có giá trị đối với những ai có khả năng tiếp nhận nó.

Để giúp các bạn trong nhiệm vụ này, Tôi đưa ra một danh sách mà từ đó mỗi tháng Tôi sẽ chọn một cụm từ. Hằng tháng, hãy gửi điều các bạn nghĩ mình đã ghi nhận được trong bản báo cáo trăng tròn. Tôi sẽ cho A.A.B. biết lựa chọn của các bạn có đúng hay không bằng cách cho bà biết Tôi đã nói gì.

162. Chúng ta lưu ý rằng AAB sẽ không được cho biết Chân sư Tây Tạng đã nói cụm từ nào cho đến lúc xác minh lựa chọn của các thành viên nhóm có đúng hay không. Có lẽ AAB cũng sẽ tham gia cuộc thử nghiệm. Dù sao đi nữa, tốt nhất là không cho bà biết trước, vì tư tưởng của bà có thể ảnh hưởng đến những lựa chọn của các thành viên nhóm.

This is the list from which I will choose:

Đây là danh sách mà từ đó Tôi sẽ lựa chọn:

1. Go in peace. 2. Faith, hope and charity.

1. Hãy ra đi trong bình an. 2. Đức tin, hy vọng và bác ái.

3. God keep you. 4. God bless you.

3. Cầu mong Thượng đế gìn giữ ngươi. 4. Cầu mong Thượng đế ban phúc cho ngươi.

5. Enter within thyself. 6. Love thy brother.

5. Hãy đi vào bên trong chính mình. 6. Hãy yêu thương huynh đệ của ngươi.

7. Stand in light. 8. Om Tat Sat.

7. Hãy đứng trong ánh sáng. 8. OM, Đó là Chân Lý.

9. Where art thou? 10. Tread the Path.

9. Ngươi đang ở đâu? 10. Hãy bước trên Đường Đạo.

11. God guard thee. 12. Enter into peace.

11. Cầu mong Thượng đế che chở ngươi. 12. Hãy đi vào bình an.

13. Lift up thine eyes. 14. Speak low, brother.

13. Hãy ngước mắt lên. 14. Hãy nói khẽ, hỡi huynh đệ.

15. Give love always. 16. The open gate.

15. Hãy luôn trao ban tình thương. 16. Cổng rộng mở.

163. To orient the minds of the disciples, and to facilitate the choice, DK narrows the field of possibilities by offering a list of words to be spoken.

163. Để định hướng thể trí của các đệ tử và giúp họ lựa chọn dễ dàng hơn, Chân sư DK thu hẹp phạm vi các khả năng bằng cách đưa ra một danh sách những từ sẽ được nói ra.

164. We can see that each of the three-word phrases carries an important spiritual message or energy. Perhaps some group members would sense the energy of the phrase even before 'hearing' the words.

164. Chúng ta có thể thấy rằng mỗi cụm gồm ba từ đều mang một thông điệp hoặc năng lượng tinh thần quan trọng. Có lẽ một số thành viên trong nhóm sẽ cảm nhận năng lượng của cụm từ ngay cả trước khi 'nghe' những từ ấy.

165. One can see that the recipients would do all possible to reach the point of tension necessary for 'hearing'.

165. Có thể thấy rằng những người tiếp nhận sẽ làm mọi điều có thể để đạt tới điểm tập trung nhất tâm cần thiết cho việc 'nghe'.

166. Taken together, these sixteen phrases (one for each petal of the throat center) form a unit of teaching for ashramic workers.

166. Khi xét chung, mười sáu cụm từ này (mỗi cụm ứng với một cánh hoa của trung tâm cổ họng) tạo thành một đơn vị giáo huấn dành cho những người hoạt động trong ashram.

The work to be done is now outlined and you enter upon a **fresh**period of study, of effort, and of training. May I, in order to stir you to**fresh** decisive living, remind you that:

Công việc cần thực hiện giờ đây đã được phác thảo, và các bạn bước vào một thời kỳ học hỏi, nỗ lực và huấn luyện **mới**. Để khơi dậy nơi các bạn một lối sống **mới** đầy quyết tâm, xin nhắc các bạn rằng:

167. We note the Tibetan's use of the word "fresh". He used the word earlier as well. He hopes to rekindle the group effort through a fresh impulse.

167. Chúng ta lưu ý việc Chân sư Tây Tạng dùng từ "mới". Trước đó, Ngài cũng đã dùng từ này. Ngài hy vọng khơi lại nỗ lực của nhóm thông qua một xung lực mới.

168. This is a reminder to all of us that we must find ways to *refresh* our spiritual approach so that it does not become dull and customary.

168. Đây là lời nhắc nhở tất cả chúng ta rằng chúng ta phải tìm cách *làm mới* cách tiếp cận tinh thần của mình để nó không trở nên tẻ nhạt và thành thói quen.

169. DK seeks to clarify the minds of His chelas with the following reminders.

169. Chân sư DK tìm cách làm sáng tỏ thể trí của các đệ tử của Ngài bằng những lời nhắc nhở sau đây.

170. 1. [38]

170. 1. [38]

1. You are in training for initiation. Therefore, face the future with clearer vision.

1. Các bạn đang được huấn luyện để tiếp nhận điểm đạo. Vì vậy, hãy đối diện tương lai với tầm nhìn sáng rõ hơn.

171. Always it is necessary to remind people of their purpose and direction. There is a goal—the goal of initiation. DK seeks to evoke the 'prophetic faculty' which carries a true relation to future developments.

171. Luôn cần nhắc nhở mọi người về mục đích và phương hướng của họ. Có một mục tiêu—mục tiêu điểm đạo. Chân sư DK tìm cách khơi dậy 'năng lực tiên tri', vốn có mối liên hệ chân thực với những diễn biến trong tương lai.

2. You are pledged disciples, therefore take up your task and move forward.

2. Các bạn là những đệ tử đã cam kết, vì vậy hãy đảm nhận nhiệm vụ của mình và tiến bước.

172. The disciples have made their pledge and can, within reason, be trusted. They are expected to work hard and to move forward as they so work. He seeks to have them overcome any condition of spiritual laziness.

172. Các đệ tử đã lập lời cam kết và, trong chừng mực hợp lý, có thể được tin cậy. Ngài mong họ làm việc chăm chỉ và tiến bước trong khi làm việc như thế. Ngài tìm cách giúp họ vượt qua mọi tình trạng lười biếng về tinh thần.

3. You are members of the New Group of World Servers, and have therefore, no time to be idle.

3. Các bạn là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, vì vậy không có thời gian để nhàn rỗi.

173. He is attempting to *bestir* them. Note that the group members are students of occultism who are also members of the New Group of World Servers. That subjective group, we are told, has not so many members who are studying occultism.

173. Ngài đang cố gắng *thúc giục* họ hành động. Hãy lưu ý rằng các thành viên trong nhóm là những môn sinh huyền bí học, đồng thời cũng là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Chúng ta được cho biết rằng nhóm chủ quan ấy không có nhiều thành viên đang nghiên cứu huyền bí học.

174. The implication here is that members of the NGWS are active people—active in service.

174. Hàm ý ở đây là các thành viên của NGWS là những người tích cực—tích cực phụng sự.

4. You are not alone, but your group brothers stand with you, and I stand also by your side.

4. Các bạn không đơn độc, vì các huynh đệ trong nhóm đứng cùng các bạn, và Tôi cũng đứng bên cạnh các bạn.

175. This reminder cuts at the roots of rugged individualism. In the Rules of the Road we learn that disciple "travels not alone". This is an important reminder for all those who are involved in the cultivation of true group consciousness.

175. Lời nhắc nhở này đánh vào tận gốc chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Trong Các Quy Luật của Đường Đạo, chúng ta học rằng người đệ tử "không đi một mình". Đây là lời nhắc nhở quan trọng đối với tất cả những ai đang vun bồi tâm thức nhóm chân chính.

176. The brothers "stand with" and the Master stands "by your side". The implication is that the responsibility to

176. Các huynh đệ "đứng cùng", và Chân sư đứng "bên cạnh các bạn". Điều này hàm ý

move forward belongs to the individual chela but that he/she is supported.

rằng trách nhiệm tiến bước thuộc về từng đệ tử, nhưng người đệ tử ấy luôn có sự hỗ trợ.

5. That there is no task which is insuperable, and no way that is too long for you to tread it. You are a soul with all the powers of the soul and—as you are linked with the Hierarchy—you are facing toward success.

5. Không có nhiệm vụ nào không thể vượt qua, và không có con đường nào quá dài khiến các bạn không thể bước hết. Các bạn là một linh hồn với mọi quyền năng của linh hồn, và—vì các bạn thực sự liên kết với Thánh đoàn—các bạn đang hướng tới thành công.

177. This is a reminder of great power. The chelas are reminded that they are essentially souls with all the power of the soul and therefore can accomplish much that to the normal human being looks impossible. They have the power of endurance because they are *souls* and they will succeed. Such reminder are strengthening and heartening.

177. Đây là một lời nhắc nhở đầy sức mạnh. Các đệ tử được nhắc rằng về bản chất, họ là những linh hồn với mọi quyền năng của linh hồn, và do đó có thể hoàn thành nhiều điều mà người bình thường thấy là bất khả thi. Họ có sức bền bỉ vì họ là *những linh hồn* và họ sẽ thành công. Những lời nhắc nhở như vậy tiếp thêm sức mạnh và khích lệ tinh thần.

As I earlier said, I at this time shall not deal with certain points connected with the growth of the human family and its stabilisation into a new civilisation. I shall begin to do so as soon as the war is over. When the needs of humanity are changed, and they will then be radically different to the conditions and demands prior to the war, then I will consider them.

Như Tôi đã nói trước đây, lúc này Tôi sẽ không bàn đến một số điểm liên quan đến sự tăng trưởng của gia đình nhân loại và việc gia đình ấy ổn định trong một nền văn minh mới. Tôi sẽ bắt đầu làm điều đó ngay khi chiến tranh kết thúc. Khi nhu cầu của nhân loại thay đổi, và khi ấy chúng sẽ khác hẳn những điều kiện và đòi hỏi trước chiến tranh, Tôi sẽ xem xét chúng.

178. DK tells of the kind of instruction He will offer after the war is over. By the time this was written it had become clear that the war would be won by the representatives of the Forces of Light.

178. Chân sư DK nói về loại huấn thị mà Ngài sẽ đưa ra sau khi chiến tranh kết thúc. Vào thời điểm những lời này được viết ra, đã rõ rằng những đại diện của các Mãnh Lực Ánh Sáng sẽ giành chiến thắng trong cuộc chiến.

179. We see the constant need for adaptation on the part of the Hierarchy. Human needs following the war would be radically different than before it, and to those changing needs Hierarchy must adapt its teaching and service.

179. Chúng ta thấy Thánh đoàn luôn cần thích ứng. Nhu cầu của nhân loại sau chiến tranh sẽ khác hẳn trước chiến tranh, và Thánh đoàn phải điều chỉnh giáo huấn cùng công việc phụng sự của mình cho phù hợp với những nhu cầu đang thay đổi ấy.

With the period of reconstruction, in which the New Group of World Servers will be active, we shall later deal in detail, and I will give two series of instructions which can act as a guide for all your reconstruction work.

Về thời kỳ tái thiết, trong đó Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ hoạt động tích cực, sau này chúng ta sẽ bàn chi tiết, và Tôi sẽ đưa ra hai loạt huấn thị có thể làm kim chỉ nam cho toàn bộ công việc tái thiết của các bạn.

180. The *Problems of Humanity* may be considered in this instructional stream.

180. Có thể xem tác phẩm *Những Vấn Đề của Nhân Loại* là thuộc dòng huấn thị này.

One instruction will be for my disciples, and through them for the New Group of World Servers, of which they are a part; another will be for the men and women of goodwill, and through them for the world of thinking men.

Một loạt huấn thị sẽ dành cho các đệ tử của Tôi, và thông qua họ, dành cho Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian mà họ là một bộ phận; loạt kia sẽ dành cho những người nam và nữ có thiện chí, và thông qua họ, dành cho giới những người biết suy nghĩ.

181. DK is cognizant of the need to teach on two levels—one for the inner group and one for those who are simply workers in the world and have no esoteric background.

181. Chân sư DK nhận biết nhu cầu giảng dạy ở hai cấp độ—một cấp độ dành cho nhóm bên trong và một cấp độ dành cho những người chỉ là những người hoạt động trên thế gian và không có nền tảng huyền bí học.

However, I might state that the background or groundwork of all that you may be asked to do is the Triangle work. In the subjective work, the New Group of World Servers will be peculiarly active, creating the network of light; in the objective work, the men and women of goodwill will bestir themselves, creating the network of goodwill.

Tuy nhiên, Tôi có thể nói rằng nền tảng hay cơ sở của tất cả những gì các bạn có thể được yêu cầu thực hiện là công việc Tam Giác. Trong công việc chủ quan, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ hoạt động đặc biệt tích cực, tạo nên mạng lưới ánh sáng; trong công việc khách quan, những người nam và nữ có thiện chí sẽ tích cực hành động, tạo nên mạng lưới thiện chí.

182. DK emphasizes the value of the Triangles work. It is of fundamental importance and still is more than sixty years after this instruction was written.

182. Chân sư DK nhấn mạnh giá trị của công việc Tam Giác. Công việc này có tầm quan trọng nền tảng và vẫn giữ nguyên tầm quan trọng ấy sau hơn sáu mươi năm kể từ khi huấn thị này được viết ra.

The function of the New Group of World Servers is dynamically to**”force” the energy of the will-to-good into the world**; the

Chức năng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là mạnh mẽ **“thúc đẩy” năng lượng của Ý Chí-hướng Thiện vào thế giới**;

average man and woman, responding unconsciously, will express goodwill.

183. DK offers a rather Vulcanian definition of the first ray duties of the NGWS—they are to "force" the energy of the will-to-good into the world. Had we thought of such a dynamic and forceful approach? What implications doe this forcing process have for us who are supposedly members of the NGWS?

Disciples, such as you are, must perforce work in both fields, creating and building both types of network.

184. The networks spoken of here will be the Network of Light and the Network of Goodwill—two types of triangular formations.

185. Once could also conceive a network for the specific transmission of the Will-to-Good.

This you can do now, and you can form thus the nucleus of that great interwoven [39] pattern of light and of goodwill which must underlie or "substand" all exoteric work of renovation, renewal, rehabilitation and reconstruction.

186. World service work does not emerge from nothing; the substanding networks of light and goodwill are crucial to the success of the outer service efforts.

187. Notice the prefix "re" attached to each of the activities to ensure "renovation,

những người nam và nữ bình thường, đáp ứng một cách vô thức, sẽ biểu lộ thiện chí.

183. Chân sư DK đưa ra một định nghĩa khá đậm tính Vulcan về các bổn phận cung một của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian—họ phải "thúc đẩy" năng lượng của Ý Chí-hướng Thiện vào thế giới. Chúng ta đã từng nghĩ đến một cách tiếp cận năng động và mạnh mẽ như vậy chưa? Tiến trình thúc đẩy này có những hàm ý gì đối với chúng ta, những người được cho là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian?

Những đệ tử như các bạn tất yếu phải hoạt động trong cả hai lĩnh vực, tạo lập và xây dựng cả hai loại mạng lưới.

184. Các mạng lưới được nói đến ở đây sẽ là Mạng lưới Ánh sáng và Mạng lưới Thiện chí —hai loại cấu trúc tam giác.

185. Cũng có thể hình dung một mạng lưới chuyên truyền dẫn Ý Chí-hướng Thiện.

Các bạn có thể làm điều này ngay bây giờ, và nhờ đó hình thành hạt nhân của mô hình đan kết rộng lớn [39] gồm ánh sáng và thiện chí, vốn phải làm nền tảng hay "nâng đỡ từ bên dưới" cho mọi công việc ngoại môn về cải tạo, đổi mới, phục hồi và tái thiết.

186. Công việc phụng sự thế gian không xuất hiện từ hư không; các mạng lưới ánh sáng và thiện chí làm nền tảng bên dưới giữ vai trò thiết yếu đối với thành công của những nỗ lực phụng sự bên ngoài.

187. Hãy lưu ý tiền tố "re" gắn với mỗi hoạt động nhằm bảo đảm sự "cải tạo, đổi mới,

renewal, rehabilitation and reconstruction". A Uranian impulse is on the way.

phục hồi và tái thiết". Một xung lực của Sao Thiên Vương đang đến.

188. From a historical perspective we can see that it, indeed, occurred, but not with sufficient thoroughness, we may now judge.

188. Từ góc nhìn lịch sử, chúng ta có thể thấy rằng quả thực điều ấy đã xảy ra, nhưng giờ đây chúng ta có thể nhận định rằng nó chưa diễn ra đủ triệt để.

I ask you and other disciples, therefore, again to work with renewed interest at the forming of triangles, reaching people who are already active, and seek to aid them in forming new triangles. This is a work of major importance and has the endorsement of the Hierarchy.

Vì vậy, một lần nữa Tôi yêu cầu các bạn và những đệ tử khác làm việc với sự quan tâm mới trong việc hình thành các tam giác, tiếp cận những người đã hoạt động và tìm cách hỗ trợ họ hình thành các tam giác mới. Đây là một công việc có tầm quan trọng lớn và được Thánh đoàn tán thành.

189. Does it seem that Master DK is offering the group an outer project which could unify their efforts and answer the critique, earlier given, concerning the non-effectiveness of the group?

189. Phải chăng Chân sư DK đang trao cho nhóm một dự án bên ngoài có thể hợp nhất những nỗ lực của họ và đáp lại lời phê bình trước đó về tình trạng hoạt động thiếu hiệu quả của nhóm?

As regards our sixth subject, my personal instructions to each of you, you will find them as usual after this group instruction and after the teaching which I shall give you on the building of the antahkarana.*

Về chủ đề thứ sáu của chúng ta, những huấn thị riêng của Tôi dành cho từng người trong các bạn, như thường lệ, các bạn sẽ thấy chúng sau huấn thị nhóm này và sau giáo huấn Tôi sẽ trao cho các bạn về việc xây dựng antahkarana.

190. We see that the personal instructions are always the least important (though still important) and this is reflected in the order of presentation— *after* the group instructions and the teaching on the building of the antahkarana.

190. Chúng ta thấy rằng những huấn thị riêng luôn ít quan trọng nhất (dù vẫn quan trọng), và điều này thể hiện qua thứ tự trình bày— *sau* những huấn thị nhóm và giáo huấn về việc xây dựng antahkarana.

Your personal instructions are fuller this time and I would ask you to accept them as instructions to be followed. Constant reading and consciousness of instructions and teaching which are not carried through into action upon the outer plane, simply present a way of escape from reality. Unless

[ii]* Lần này, những huấn thị riêng của các bạn đầy đủ hơn, và Tôi muốn yêu cầu các bạn tiếp nhận chúng như những huấn thị phải tuân theo. Việc liên tục đọc và nhận biết các huấn thị cùng giáo huấn mà không đưa chúng thành hành động trên cõi bên ngoài chỉ tạo ra một cách trốn tránh thực tại.

a Master's instructions meet with an experimental response, they loosen the ashramic tie and eventually the disciple slips into an interlude (sometimes of great length and involving several lives) of drifting, of reading and thinking and not working, of the pleasure of attention without the pain of accomplishment. This has happened in the case of several who have been temporarily suspended from active work in my Ashram. See that it happens not to you.

Nếu các huấn thị của Chân sư không nhận được sự đáp ứng qua thực nghiệm, chúng sẽ làm lỏng mối liên kết ashram, và cuối cùng người đệ tử rơi vào một thời kỳ trôi dạt—đôi khi rất dài và kéo qua nhiều kiếp sống—chỉ đọc và suy nghĩ mà không làm việc, hưởng niềm vui được quan tâm mà không chịu nỗi nhọc nhằn của việc hoàn thành. Điều này đã xảy ra với một số người tạm thời bị đình chỉ công việc tích cực trong ashram của Tôi. Hãy bảo đảm điều ấy không xảy đến với các bạn.

191. This is an amazing paragraph carrying a strong warning.

191. Đây là một đoạn văn đáng kinh ngạc, mang một lời cảnh báo mạnh mẽ.

192. DK really wants His instructions to be carried out and, apparently, there are a number of His disciples who have not done so.

192. Chân sư DK thực sự muốn các đệ tử thực hiện những huấn thị của Ngài, và dường như một số đệ tử của Ngài đã không làm như vậy.

193. The occult teaching can become a "way of escape from reality". This we know and have frequently seen.

193. Giáo huấn huyền bí học có thể trở thành một "cách trốn tránh thực tại". Chúng ta biết điều này và đã thường xuyên chứng kiến.

194. The instructions are to meet with "experimental response". If not, the very instructions will "loosen the ashramic tie", and the disciple may slip into an interlude of several relatively ineffective live of *not working.*

194. Những huấn thị phải nhận được "sự đáp ứng qua thực nghiệm". Nếu không, chính những huấn thị ấy sẽ "làm lỏng mối liên kết ashram", và người đệ tử có thể rơi vào một thời kỳ kéo dài vài kiếp sống tương đối kém hiệu quả vì *không làm việc.*

195. DK has offered an arresting phrase to which we may well attend: He speaks of the "pleasure of attention without the pain of accomplishment". When higher principles are *applied* to and through the resistant world of outer form, there will be pain—at least on this planet.

195. Chân sư DK đã đưa ra một cụm từ gây chú ý mà chúng ta rất nên lưu tâm: Ngài nói đến "niềm vui được quan tâm mà không chịu nỗi nhọc nhằn của việc hoàn thành". Khi các nguyên khí cao hơn được *áp dụng* vào và thông qua thế giới hình tướng bên ngoài đầy sức kháng cự, sẽ có đau đớn—ít nhất là trên hành tinh này.

196. Let us attend to these words and take action.

196. Chúng ta hãy chú tâm đến những lời này và hành động.

197. DK hints that the reason for the suspension of several of the group members has been their inability or refusal to carry His instructions into action.

197. Chân sư DK hàm ý rằng một số thành viên trong nhóm đã bị đình chỉ vì họ không có khả năng hoặc từ chối đưa các huấn thị của Ngài vào hành động.

May I remind you that your brothers' instructions may be interesting to you and should be read by you in an endeavour to understand him and work with him, but that they may convey to him a meaning which is not open to you at all and that, therefore, your conclusions may prove entirely erroneous.

Xin nhắc các bạn rằng những huấn thị dành cho các huynh đệ của các bạn có thể khiến các bạn quan tâm và các bạn nên đọc chúng nhằm cố gắng thấu hiểu và làm việc với người huynh đệ ấy; nhưng chúng có thể truyền đạt cho bạn ấy một ý nghĩa mà các bạn hoàn toàn không thể tiếp cận, và do đó những kết luận của các bạn có thể hoàn toàn sai lầm.

198. The correct attitude towards a brother's instructions is stated. They should be read, with understanding and an attitude of intended helpfulness, but with the realization that the reader will not capture all that was intended for the brother to whom the instruction was addressed.

198. Thái độ đúng đắn đối với những huấn thị dành cho một huynh đệ đã được nêu rõ. Chúng ta nên đọc những huấn thị ấy với sự thấu hiểu và ý hướng giúp đỡ, nhưng đồng thời nhận biết rằng người đọc sẽ không nắm bắt được tất cả những gì dành cho người huynh đệ nhận huấn thị.

199. As this is occult work, there is ever an emphasis on the power of thought which may be helpful or an interference depending upon its quality and its light content.

199. Vì đây là công việc huyền bí, quyền năng của tư tưởng luôn được nhấn mạnh; tư tưởng có thể giúp ích hoặc gây cản trở tùy theo phẩm tính và lượng ánh sáng mà nó chứa đựng.

These personal instructions are, as you may realise, exoteric instructions within the field of esoteric relationships.

Như các bạn có thể nhận ra, những huấn thị riêng này là những huấn thị ngoại môn trong lĩnh vực các mối quan hệ nội môn.

200. This means that DK imparts much esoteric instruction (to be intuited by the receiver) by means of the words exoterically presented. Studying these instructions from that point of view is most illuminating. We gain a deeper appreciation for how a Master works, even though we cannot possibly fathom all He intended for the recipient.

200. Điều này có nghĩa là Chân sư DK truyền đạt nhiều huấn thị nội môn (để người tiếp nhận lĩnh hội bằng trực giác) qua những lời trình bày theo hình thức ngoại môn. Nghiên cứu những huấn thị này từ góc nhìn ấy đem lại rất nhiều sự soi sáng. Chúng ta hiểu sâu sắc hơn cách một Chân sư làm việc, dù không thể nào thấu suốt tất cả những điều Ngài muốn truyền đạt cho người tiếp nhận.

They can be read and studied by all of you.

Tất cả các bạn đều có thể đọc và nghiên cứu chúng.

201. We, who are far less concerned with the personnel of the original group, realize how much we gain from this study. We can always find ourselves in what is said to them.

201. Chúng ta, những người ít quan tâm hơn nhiều đến các cá nhân trong nhóm ban đầu, nhận ra mình thu nhận được biết bao điều từ việc nghiên cứu này. Chúng ta luôn có thể tìm thấy chính mình trong những lời dành cho họ.

However, I also deal with you in a purely esoteric and subjective manner, and this is a point upon which few of you, if any, ponder. Do you at any time register such teaching or recognise its source?

Tuy nhiên, Tôi cũng làm việc với các bạn theo một cách hoàn toàn nội môn và chủ quan, và đây là một điểm mà rất ít người trong các bạn, nếu có, từng suy ngẫm. Có bao giờ các bạn ghi nhận giáo huấn như thế hoặc nhận biết nguồn gốc của nó không?

202. DK is stating that His work with His chelas is not confined to the letters He writes them, but is also conveyed "in a purely esoteric and subjective manner". He asks them if they register His subjective influence. Do we?

202. Chân sư DK đang nói rằng công việc của Ngài với các đệ tử không chỉ giới hạn trong những lá thư Ngài viết cho họ, mà còn được truyền đạt "theo một cách hoàn toàn nội môn và chủ quan". Ngài hỏi họ có ghi nhận ảnh hưởng chủ quan của Ngài hay không. Chúng ta có ghi nhận không?

You need to learn to make careful distinction between:

Các bạn cần học cách phân biệt cẩn thận giữa:

203. Below are listed several kinds of teaching or instruction which it would be well for us to discriminate.

203. Dưới đây là một số loại giáo huấn hay huấn thị mà chúng ta nên phân biện.

204. 2. [40]

204. 2. [40]

1. Teaching which comes to you directly from your own soul, via your mind.

1. Giáo huấn đến trực tiếp từ chính linh hồn các bạn, qua thể trí.

205. To this type of teaching we all need to be attentive, noting especially that it comes via the mind, perhaps in the form of new bright ideas, the origin of which is definitely interior.

205. Tất cả chúng ta đều cần chú tâm đến loại giáo huấn này, đặc biệt lưu ý rằng nó đến qua thể trí, có lẽ dưới dạng những ý tưởng mới mẻ, sáng rõ, có nguồn gốc chắc chắn từ bên trong.

2. Instruction given by me to you in my inner Ashram, at which time you are also subjected to the stimulation of disciples senior to you.

2. Huấn thị Tôi trao cho các bạn trong ashram bên trong của Tôi, khi ấy các bạn cũng chịu sự kích thích từ những đệ tử thâm niên hơn mình.

206. When does such teaching occur? At all hours of the day or, perhaps, at night? How much of it is brought through into the brain consciousness?

206. Sự giảng dạy như vậy diễn ra khi nào? Vào mọi giờ trong ngày hay có lẽ vào ban đêm? Có bao nhiêu nội dung trong đó được chuyển vào tâm thức não bộ?

207. We note that not only does the Master teach and stimulate but so do senior disciples.

207. Chúng ta lưu ý rằng không chỉ Chân sư giảng dạy và kích thích, mà các đệ tử thâm niên cũng làm như vậy.

208. The members of the outer group are, in this case, part of the Ashram and receive teaching emanating therefrom, even if they do not realize it. The implications of what is here said is that DK's chelas (though they are in an outer group) have some access to this "inner Ashram".

208. Trong trường hợp này, các thành viên của nhóm bên ngoài là một phần của ashram và tiếp nhận giáo huấn phát ra từ đó, ngay cả khi họ không nhận ra điều ấy. Những điều nói ở đây hàm ý rằng các đệ tử của Chân sư DK (dù họ ở trong một nhóm bên ngoài) vẫn có thể tiếp cận phần nào với "ashram bên trong" này.

3. Impression which comes to you from the great aggregate of all Ashrams, the Hierarchy.

3. Ấn tượng đến với các bạn từ tập hợp vĩ đại của tất cả các ashram, tức Thánh đoàn.

209. These would, perhaps, be the most potent of the impressions. Our task is to discriminate between these teaching streams.

209. Có lẽ đây là những ấn tượng mạnh mẽ nhất. Nhiệm vụ của chúng ta là phân biện giữa các dòng giáo huấn này.

Later I will give you some training on this matter, but you are not yet ready for it.

Sau này, Tôi sẽ huấn luyện các bạn đôi chút về vấn đề này, nhưng các bạn chưa sẵn sàng.

210. This would be, presumably, teaching on the discrimination between these three types of instruction and the manner in which such instruction could be rightly used.

210. Có thể giả định rằng đây là sự giảng dạy về cách phân biện giữa ba loại huấn thị này và cách sử dụng đúng đắn những huấn thị ấy.

The final point, which concerns the externalising of the Ashrams, will be given to you when the Ashram of which you are a part is more real to you than it is at present.

Điểm cuối cùng, liên quan đến sự ngoại hiện của các ashram, sẽ được trao cho các bạn khi ashram mà các bạn là một bộ phận trở nên thực hơn đối với các bạn so với hiện tại.

211. The implication is that we must do all in our power to make the Ashram, its purposes and its projects, increasingly *real* to ourselves. The Ashram is to be on the "front burner" of our consciousness.

211. Điều này hàm ý rằng chúng ta phải làm hết sức mình để ashram, các mục đích và các dự án của ashram ngày càng trở nên *có thực* đối với chúng ta. Ashram phải là mối quan tâm hàng đầu trong tâm thức chúng ta.

212. DK is economical. He does not give that which cannot be used.

212. Chân sư DK rất tiết kiệm. Ngài không trao những gì không thể sử dụng.

I would have you remember that when the war ends two great conditions will emerge for which you must be prepared and for which you should now begin to prepare others. These are:

Tôi muốn các bạn nhớ rằng khi chiến tranh kết thúc, hai tình trạng lớn sẽ xuất hiện, và các bạn phải sẵn sàng đón nhận cũng như ngay từ bây giờ nên bắt đầu chuẩn bị cho những người khác. Đó là:

213. DK foresees the results of the end of the war. The chelas can share in the Master's prevision and prepare themselves for constructive involvement in the post-war era.

213. Chân sư DK thấy trước những kết quả của việc chiến tranh kết thúc. Các đệ tử có thể cùng thấy trước những điều Chân sư thấy và chuẩn bị để tham gia một cách xây dựng vào thời kỳ hậu chiến.

1. There will be a great settling back by mankind in an effort to find security, to obliterate the effects of war from their troubled minds, to forget that which has happened, to return to the familiar, and to re-establish the old ways of life. Human beings forget easily, and besides this ancient habit, humanity is very tired. Get ready to deal with this, for it must not happen if it can in any way be prevented.

1. Nhân loại sẽ có một sự quay về nếp cũ trên quy mô lớn nhằm tìm kiếm sự an toàn, xóa bỏ những tác động của chiến tranh khỏi thể trí bất an của mình, quên đi những gì đã xảy ra, trở về với những điều quen thuộc và tái lập những lối sống cũ. Con người dễ quên, và ngoài thói quen lâu đời này, nhân loại còn đang rất mệt mỏi. Hãy sẵn sàng xử lý điều này, vì không được để nó xảy ra nếu có bất kỳ cách nào ngăn chặn.

214. This is a warning, which, of course, proved to be true. The tamas aspect is strong in present humanity and the urge for comfort well established.

214. Đây là một lời cảnh báo mà dĩ nhiên thực tế đã chứng minh là đúng. Phương diện tamas còn mạnh trong nhân loại hiện nay, và sự thôi thúc tìm kiếm tiện nghi đã ăn sâu.

215. DK takes note of this ancient love of comfort and also recognizes the very real fatigue of the human family. Elsewhere He warned that the fatigue must not be allowed to become too deep.

215. Chân sư DK lưu ý đến lòng yêu thích tiện nghi lâu đời này và cũng nhận biết sự mệt mỏi rất thực của gia đình nhân loại. Ở một chỗ khác, Ngài đã cảnh báo rằng không được để sự mệt mỏi trở nên quá sâu sắc.

216. The Master is asking His chelas to work against this expected inertia. Certainly, the least they can do is to ensure that they themselves do not fall victim to it.

216. Chân sư đang yêu cầu các đệ tử của Ngài nỗ lực chống lại tính trì trệ đã được dự liệu này. Chắc chắn, điều tối thiểu họ có thể làm là bảo đảm chính mình không trở thành nạn nhân của nó.

2. There will also come the cessation of the "great sounds of the material aspects"—the sounds of war, the noise of explosion, and the cry of suffering humanity. This will create a curious false peace, but it will at the same time create a channel of approach for new spiritual forces and energies which—directed by the Hierarchy—will pour into the human family, causing spiritual stimulation, spiritual receptivity, spiritual aspiration and a great readiness for that which is new.

2. Đồng thời, "những âm thanh lớn của các phương diện vật chất"—âm thanh chiến tranh, tiếng nổ và tiếng kêu than của nhân loại đau khổ—cũng sẽ chấm dứt. Điều này sẽ tạo nên một sự bình an giả tạo kỳ lạ, nhưng đồng thời cũng mở ra một kênh tiếp cận cho những mãnh lực và năng lượng tinh thần mới, vốn—dưới sự chỉ đạo của Thánh đoàn—sẽ tuôn vào gia đình nhân loại, tạo ra sự kích thích tinh thần, khả năng tiếp nhận tinh thần, khát vọng tinh thần và một sự sẵn sàng lớn lao đón nhận cái mới. Vì vậy,

217. The prophecies are extremely occult in nature. When the "great sounds of the material aspects" cease, the seeming peace produced will be a "false peace' but still, in a way, useful to Hierarchy, for through the relative quite, "new spiritual forces and energies" can be directed by Hierarchy to humanity.

217. Những lời tiên tri này có bản chất vô cùng huyền bí. Khi "những âm thanh lớn của các phương diện vật chất" chấm dứt, sự bình an có vẻ xuất hiện sẽ là một "sự bình an giả tạo", nhưng theo một cách nào đó, vẫn hữu ích cho Thánh đoàn, vì qua sự yên tĩnh tương đối ấy, Thánh đoàn có thể hướng "những mãnh lực và năng lượng tinh thần mới" đến nhân loại.

218. That the supervening peace was "false" has certainly been proven by the events of the last half century.

218. Những sự kiện trong nửa thế kỷ qua chắc chắn đã chứng minh rằng nền hòa bình xuất hiện sau đó là "giả tạo".

You will therefore have two opposing conditions to consider, with which to deal, and you will need much wisdom.

các bạn sẽ phải xem xét và xử lý hai tình trạng đối lập, và sẽ cần rất nhiều minh triết.

219. The great settling back occurred in the 1950's. The tremendous spiritual stimulation from Hierarchy began in the 1960's and may have been coincident with the assumption by the Christ of the Buddha's "vestures" in 1966.

219. Sự quay trở lại nếp cũ trên quy mô lớn đã diễn ra trong thập niên 1950. Sự kích thích tinh thần mãnh liệt từ Thánh đoàn bắt đầu trong thập niên 1960 và có thể đã trùng với việc Đức Christ khoác lấy những "pháp y" của Đức Phật vào năm 1966.

You will have to assist in the task of preventing the relapse of a tired humanity into the state of mind of [41] which inertia, a reverting to the old, and a demand for the ancient ways are characteristic.

Các bạn sẽ phải hỗ trợ công việc ngăn nhân loại mệt mỏi rơi trở lại trạng thái trí tuệ [41] mà tính trì trệ, sự quay về cái cũ và đòi hỏi những nếp sống xưa là các đặc trưng.

220. DK is asking for vigorous work against an expected inertia. The planet Vulcan, so closely related to the NGWS and a planet of spiritual will, would have to be used, and still today it must be used, for the inertia among the spiritually minded is still much greater than it should be.

220. Chân sư DK đang yêu cầu nỗ lực mạnh mẽ để chống lại tính trì trệ đã được dự liệu. Cần vận dụng hành tinh Vulcan, vốn liên hệ mật thiết với Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và là một hành tinh của ý chí tinh thần; ngay cả ngày nay vẫn phải vận dụng hành tinh này, vì tính trì trệ nơi những người hướng về tinh thần vẫn còn lớn hơn nhiều so với mức đáng có.

You will also have to aid in the directing of the registered spiritual energies into avenues and channels of usefulness where they can accomplish the greatest good. Ponder on this.

Các bạn cũng sẽ phải giúp hướng những năng lượng tinh thần đã ghi nhận vào những con đường và kênh hữu ích, nơi chúng có thể đem lại điều thiện lớn nhất. Hãy suy ngẫm về điều này.

221. The second responsibility enjoined upon the group is that of *director*— and it, too, is related to the ajna center (a center connected with Taurus and the NGWS,

221. Trách nhiệm thứ hai giao cho nhóm là trách nhiệm của *người định hướng*— và trách nhiệm này cũng liên quan đến trung tâm ajna (một trung tâm liên hệ với Kim Ngưu và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, vốn

which is considered an ajna center within the energy demonstration of Sanat Kumara).

222. New energies may pour into humanity, but will they be properly used?

223. As we look back upon the last half of the twentieth century, we can see mixed results. Some of these new energies created a great revolution in consciousness among those of sufficient spiritual advancement to register them. For other human beings, the new energies caused only fear and retrenchment in the material aspect.

I have given you much in this instruction.

224. Part of our work is to appreciate just how much the Tibetan really does give!

I seek to make my Ashram useful at this time of crisis.

225. All of us are living through a time of crisis and we, too, must be useful—as a group!

We have had a great crisis of materialism and the powers of darkness have very nearly assumed control.

226. How very close they were to doing to, none of us can yet truly appreciate.

227. The use of the word “have” instead of “had” shows the critical situation which

được xem là một trung tâm ajna trong sự biểu hiện năng lượng của Sanat Kumara).

222. Những năng lượng mới có thể tuôn vào nhân loại, nhưng liệu nhân loại có sử dụng chúng đúng cách không?

223. Khi nhìn lại nửa sau thế kỷ hai mươi, chúng ta có thể thấy những kết quả trái chiều. Một số năng lượng mới này đã tạo nên một cuộc cách mạng lớn trong tâm thức của những người có mức tiến bộ tinh thần đủ để ghi nhận chúng. Đối với những người khác, những năng lượng mới chỉ gây ra nỗi sợ hãi và sự co cụm trong phương diện vật chất.

Tôi đã trao cho các bạn nhiều điều trong huấn thị này.

224. Một phần công việc của chúng ta là nhận thức đầy đủ rằng Chân sư Tây Tạng thực sự trao cho chúng ta nhiều đến mức nào!

Tôi tìm cách làm cho ashram của Tôi trở nên hữu ích trong thời kỳ khủng hoảng này.

225. Tất cả chúng ta đều đang sống qua một thời kỳ khủng hoảng, và chúng ta cũng phải trở nên hữu ích—với tư cách một nhóm!

Chúng ta đã trải qua một cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa duy vật, và các quyền lực bóng tối đã suýt nắm được quyền kiểm soát.

226. Chưa ai trong chúng ta có thể thực sự nhận biết chúng đã tiến gần đến việc đó đến mức nào.

227. Việc dùng từ “have” thay vì “had” cho thấy tình thế nguy cấp vẫn tồn tại ngay cả vào thời điểm huấn thị này được viết ra.

existed even at the time this instruction was written.

But we are seeing the slow domination of the good. Humanity has been the battleground for a major conflict between the two great Lodges—the great White Lodge and the Black Lodge. The former is now gradually gaining control.

228. DK tells us that the White Lodge is now (1943) gradually gaining control. Let us evaluate the present moment; do we think this is still the case? Why or why not?

229. We know that it is imperative that the White Lodge be in increasing control, and very definitely by the end of the 21st century. What are we willing to give in order that this may be the case?

The withdrawal (quite imminent in time, my brothers) of the evil group will leave humanity relieved but bewildered, beaten to the ground, but with enough strength to rise to greater heights than ever before. For this withdrawal I ask you to prepare—with intelligence, wise understanding and deep love.

230. Who is the "evil group"? Probably, the black leaders who directed the war; there were twelve of them, so it seems, six in the East and six in the West.

"The dark forces are ruled on the physical plane by a group of six oriental leaders and six occidental leaders; of these the oriental are the most powerful because they are the oldest racially and therefore the most experienced. (EP II 577-578)

Nhưng chúng ta đang chứng kiến điều thiện dần chiếm ưu thế. Nhân loại đã là chiến trường của một cuộc xung đột lớn giữa hai Đoàn vĩ đại—Thánh đoàn và Hắc đoàn. Đoàn thứ nhất hiện đang dần nắm quyền kiểm soát.

228. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Thánh đoàn hiện đang (năm 1943) dần nắm quyền kiểm soát. Chúng ta hãy đánh giá thời điểm hiện tại; chúng ta có nghĩ rằng tình hình vẫn như vậy không? Vì sao có hoặc vì sao không?

229. Chúng ta biết rằng Thánh đoàn nhất thiết phải ngày càng nắm quyền kiểm soát, và chắc chắn phải như vậy vào cuối thế kỷ 21. Chúng ta sẵn lòng cống hiến những gì để điều này có thể thành hiện thực?

Sự rút lui của nhóm ác—đã khá cận kề về thời gian, các huynh đệ của Tôi—sẽ khiến nhân loại nhẹ nhõm nhưng hoang mang, bị quật ngã nhưng vẫn còn đủ sức mạnh để vươn lên những tầm cao lớn hơn bao giờ hết. Tôi yêu cầu các bạn chuẩn bị cho sự rút lui này—bằng trí thông minh, sự thấu hiểu minh triết và tình thương sâu sắc.

230. "Nhóm ác" là ai? Có lẽ là những thủ lĩnh hắc đạo đã chỉ đạo cuộc chiến; dường như có mười hai tên, sáu ở phương Đông và sáu ở phương Tây.

"Trên cõi hồng trần, một nhóm gồm sáu thủ lĩnh phương Đông và sáu thủ lĩnh phương Tây cai quản các mãnh lực bóng tối; trong số này, các thủ lĩnh phương Đông hùng mạnh nhất vì xét về giống dân, chúng cổ xưa nhất

và do đó giàu kinh nghiệm nhất. (EP II 577-578)

231. The withdrawal of their representatives is only secondary. In other words, the fact that Hitler and his evil gang came to destruction is secondary to the withdrawal of those evil entities who worked through an outer group of servitors.

231. Sự rút lui của những kẻ đại diện cho chúng chỉ là thứ yếu. Nói cách khác, việc Hitler cùng bè lũ gian ác của hắn đi đến diệt vong là thứ yếu so với sự rút lui của những thực thể tà ác đã hoạt động thông qua một nhóm tay sai bên ngoài.

232. The prediction is that humanity, though beaten to the ground, will rise. It has risen, indeed, but new dangers now confront us because the "door where evil dwells" was not entirely sealed.

232. Lời tiên đoán là nhân loại, dù bị quật ngã, vẫn sẽ vươn lên. Quả thực, nhân loại đã vươn lên, nhưng giờ đây những hiểm nguy mới đang đối diện với chúng ta vì "cửa vào nẻo ác" chưa hoàn toàn được đóng kín.

233. All of this relates to the unexpiated karma lingering from the first solar system. That expiation must soon be accomplished.

233. Tất cả những điều này đều liên quan đến nghiệp quả chưa được thanh toán còn lưu lại từ hệ mặt trời thứ nhất. Việc thanh toán nghiệp quả ấy phải sớm hoàn tất.

The work to be done by the world disciples, the world aspirants, the New Group of World Servers and the men and women of goodwill can be a determining factor in the New Age and can tip the scales between a static and retrogressive activity and a steadily planned moving forward into light. You can play your part in this determination, if you so will.

Công việc mà các đệ tử thế giới, những người chí nguyện thế giới, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian cùng những người nam và nữ có thiện chí phải thực hiện có thể là một yếu tố quyết định trong Kỷ Nguyên Mới, và có thể làm nghiêng cán cân giữa hoạt động trì trệ, thoái bộ với sự tiến bước được hoạch định vững vàng vào ánh sáng. Các bạn có thể góp phần vào sự định đoạt này nếu các bạn muốn.

234. DK sees a vital decision lying immediately ahead—after the end of the war. Shall humanity fall victim to stasis and even to a retrogressive activity or shall there be a "steadily planned forward moving into the light".

234. Chân sư DK thấy một quyết định sống còn đang ở ngay trước mắt—sau khi chiến tranh kết thúc. Liệu nhân loại sẽ trở thành nạn nhân của sự đình trệ và thậm chí của hoạt động thoái bộ, hay sẽ có một "sự tiến bước được hoạch định vững vàng vào ánh sáng".

235. As we review developments in the latter part of the 20th century, we can see that both types of movement took place.

235. Khi nhìn lại những diễn biến trong nửa sau thế kỷ 20, chúng ta có thể thấy rằng cả hai kiểu vận động đều đã diễn ra. Một số

Some moved steadily into the light; the United Nations was formed and has attempted to carry forth its mission. Others not only retrogressed but seemed deliberately to entrench themselves in values which are antithetical to the values of the New Age. There is now an internal war between such retrogressive values and the newer values which simply *must* emerge if humanity is not to be defeated or destroyed. Fortunately, time is on the side of the Forces of Light, if certain critical phases can be passed without destruction.

người đã vững bước vào ánh sáng; Liên Hợp Quốc đã được thành lập và đã cố gắng thực hiện sứ mệnh của mình. Những người khác không chỉ thoái bộ mà dường như còn cố tình cố thủ trong những giá trị đối nghịch với các giá trị của Kỷ Nguyên Mới. Hiện đang có một cuộc chiến nội bộ giữa những giá trị thoái bộ ấy và những giá trị mới hơn vốn nhất thiết *phải* xuất hiện để nhân loại không bị đánh bại hoặc hủy diệt. May thay, thời gian đứng về phía các Mãnh Lực Ánh Sáng, nếu có thể vượt qua một số giai đoạn then chốt mà không xảy ra sự hủy diệt.

That you will do so, and that you will have the opened eye which will see the dawning light and the fading darkness is my earnest wish for you.

Điều Tôi tha thiết mong cho các bạn là các bạn sẽ làm như vậy, và có con mắt đã mở để nhìn thấy ánh sáng đang ló rạng cùng bóng tối đang tan dần.

236. DK is addressing His group members as if they were members of the New Group of World Servers, ruled by Taurus, and possessed of the gradually opening "Eye of Wisdom".

236. Chân sư DK đang nói với các thành viên trong nhóm của Ngài như thể họ là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, do Kim Ngưu cai quản, và sở hữu "Mắt Minh Triết" đang dần mở ra.

237. The issue is so simple, in a way. The dawning light of the Age of Aquarius is the great necessity. The darkness of ignorance and resultant materialism must fade.

237. Theo một phương diện, vấn đề thật đơn giản. Ánh sáng đang ló rạng của Kỷ Nguyên Bảo Bình là điều hết sức cần thiết. Bóng tối của vô minh và chủ nghĩa duy vật phát sinh từ đó phải tan dần.

238. This is still the present necessity. May the Tibetan's earnest wish be accomplished in us!

238. Đây vẫn là điều cần thiết trong hiện tại. Cầu mong ước nguyện tha thiết của Chân sư Tây Tạng thành tựu trong chúng ta!

Commentary 29

[42-50]

(Underlining, Highlighting and Bolding, MDR)—

November 1944

TO MY GROUP OF AFFILIATED DISCIPLES:

1. We note DK's manner of address. He writes "to my group of affiliated disciples". Earlier He said that this group was definitely a part of His Ashram. This form of address might seem to confirm it; on the other hand, it could indicate more affiliation with the Ashram rather than membership within it.

It is more than a year since you received your last set of instructions from me—a year of momentous happenings upon earth and ofsignificant changes in the hierarchical relation to humanity.

2. Already the outer ending of the war was in sight. The Russians were making irresistible advances on the eastern front and the Allies on the western after the Normandy Invasion six months earlier.

There is, as a result of the war, a much closer rapport and spiritual confidence apparent between those pledged disciples who have been faithful to their assignments [42] and Those of Us Who are seeking to use them in the service of world betterment;

3. There seems to be a question in the air: which of the disciples in His group had been "truly faithful to their assignments".

Tháng Mười Một năm 1944

GỬI NHÓM ĐỆ TỬ LIÊN KẾT CỦA TÔI:

1. Chúng ta lưu ý cách xưng hô của Chân sư DK. Ngài viết "gửi nhóm đệ tử liên kết của Tôi". Trước đó, Ngài nói rằng nhóm này chắc chắn là một phần trong Ashram của Ngài. Cách xưng hô này dường như xác nhận điều ấy; mặt khác, nó có thể cho thấy mối liên kết với Ashram hơn là tư cách thành viên trong đó.

Đã hơn một năm kể từ khi các bạn nhận loạt huấn thị gần nhất của Tôi—một năm với những biến cố trọng đại trên Trái Đất và những thay đổi đầy ý nghĩa trong mối quan hệ của Thánh đoàn với nhân loại.

2. Hồi kết của chiến tranh trên bình diện bên ngoài đã hiện rõ. Quân Nga đang tiến công với sức mạnh không gì ngăn cản nổi trên mặt trận phía đông, còn quân Đồng Minh cũng đang tiến công như vậy trên mặt trận phía tây sau cuộc đổ bộ Normandy sáu tháng trước đó.

Do chiến tranh, giờ đây có thể thấy sự gắn bó và tin cậy về tinh thần mật thiết hơn nhiều giữa những đệ tử đã cam kết và trung thành với nhiệm vụ được giao [42] với những Vị trong Chúng Tôi đang tìm cách sử dụng họ để phụng sự việc cải thiện thế giới;

3. Dường như có một câu hỏi đang lơ lửng: những đệ tử nào trong nhóm của Ngài đã

“thực sự trung thành với nhiệm vụ được giao”.

4. The war had cleared much on the inner planes as well as the outer, thus the possibility of closer rapport.

4. Chiến tranh đã dọn sạch nhiều điều trên các cõi bên trong cũng như bên ngoài, do đó mở ra khả năng gắn bó mật thiết hơn.

there is a more definite recognition of emerging spiritual values among aspirants everywhere and a greater readiness to relinquish hindrances to service;

những người chí nguyện khắp nơi nhận biết rõ ràng hơn các giá trị tinh thần đang xuất hiện và sẵn sàng hơn trong việc từ bỏ những chướng ngại đối với phụng sự;

5. This is as a result of the enthusiasm which comes with anticipated victory.

5. Đây là kết quả của lòng nhiệt thành nảy sinh khi người ta trông đợi chiến thắng.

the plans of the Christ for humanity’s release are more matured for these had to wait until such time that the trend of human aspiration became more clearly emphatic;

những kế hoạch của Đức Christ nhằm giải phóng nhân loại đã chín muồi hơn, vì chúng phải chờ cho đến khi chiều hướng khát vọng của nhân loại trở nên rõ rệt hơn;

6. It appears that the Christ had determined that He would reappear in physical form. Not long after the writing of this instruction, the third stanza of the Great Invocation was released placing the seal of certainty on the Christ’s physical reappearance.

6. Dường như Đức Christ đã quyết định rằng Ngài sẽ tái lâm trong hình tướng hồng trần. Không lâu sau khi huấn thị này được viết, khổ thứ ba của Đại Khấn Nguyện đã được công bố, xác nhận chắc chắn sự tái lâm của Đức Christ trong hình tướng hồng trần.

the new era, with its latent possibilities, can be seen upon the horizon, stripped of the veils of glamour and wishful thinking which obscured it ten years ago.

có thể thấy kỷ nguyên mới cùng những khả năng tiềm ẩn của nó ở chân trời, không còn những tấm màn ảo cảm và tư tưởng mơ ước từng che khuất nó mười năm trước.

7. Shamballa had spoken through the destructive processes of the war, though it, itself, was not directly involved in the war. Certain Shamballic beings called the “Lords of Liberation” were, however, involved, and it was due to their intercession that the Allies prevailed.

7. Shamballa đã lên tiếng qua các tiến trình hủy diệt của chiến tranh, dù bản thân Shamballa không trực tiếp tham gia chiến tranh. Tuy nhiên, một số Sinh Mệnh của Shamballa được gọi là “các Đấng Giải Thoát” đã tham gia, và chính nhờ sự can thiệp của Các Ngài mà quân Đồng Minh đã giành thắng lợi.

The significant spiritual effects of the war can now be clearly seen, and I can begin to consider with you (earlier than I had anticipated) some of the problems with which you—as potential servers of the race and pledged disciples—can now deal.

Giờ đây, có thể thấy rõ những tác động tinh thần đầy ý nghĩa của chiến tranh, và Tôi có thể bắt đầu cùng các bạn xem xét—sớm hơn Tôi đã dự tính—một số vấn đề mà hiện nay các bạn, với tư cách những người phụng sự tiềm năng của nhân loại và những đệ tử đã cam kết, có thể xử lý.

8. We remember that in the last instruction, the Tibetan said He would not enter into such considerations until after the war.

8. Chúng ta nhớ rằng trong huấn thị trước, Chân sư Tây Tạng nói Ngài sẽ chỉ đi vào xem xét những vấn đề như vậy sau chiến tranh.

9. Are His chelas true servers of the race or only "potential servers"? Obviously, the occasion to prove their mettle is immediately ahead.

9. Các đệ tử của Ngài là những người phụng sự nhân loại thực sự hay chỉ là những "người phụng sự tiềm năng"? Hiển nhiên, cơ hội để họ chứng tỏ bản lĩnh đang ở ngay trước mắt.

I could wish, as far as the immediate present is concerned, that you were all younger and had availed yourselves more definitely of the teaching I have sought to give you these past years.

Xét về hiện tại trước mắt, Tôi ước tất cả các bạn trẻ hơn và đã tận dụng rõ rệt hơn giáo huấn mà Tôi cố gắng trao cho các bạn trong những năm qua.

10. This is one of those unforgettable statements. There was not much the Tibetan could do about either of these wishes. The disciples were as old as they were and they had *not* availed themselves of the teaching as DK had hoped.

10. Đây là một trong những lời không thể nào quên. Chân sư Tây Tạng chẳng thể làm được bao nhiêu để thực hiện một trong hai ước muốn ấy. Các đệ tử đã ở độ tuổi như thế, và họ đã *không* tận dụng giáo huấn như Chân sư DK từng hy vọng.

11. Although we are not outwardly as directly connected with Him, let Him have no cause to say this of us!

11. Dù về mặt bên ngoài, chúng ta không gắn kết trực tiếp với Ngài bằng họ, chúng ta hãy đừng để Ngài có lý do nói điều này về mình!

Above everything else, I wish you were more courageous. Does that word surprise you, my brothers? In considering this year as a whole, I question not your devotion or your steadfastness; I have confidence in the depth of your aspiration and your desire for the will-to-good; I know that naught will

Trên hết mọi điều, Tôi ước các bạn can đảm hơn. Từ ấy có khiến các bạn ngạc nhiên không, các huynh đệ của Tôi? Khi xem xét toàn bộ năm nay, Tôi không nghi ngờ lòng sùng tín hay sự kiên định của các bạn; Tôi tin tưởng vào chiều sâu khát vọng và mong muốn Ý Chí-hướng Thiện của các bạn; Tôi biết không điều gì có thể khiến các bạn từ bỏ

turn you for any length of time from the pursuit of your goal.

việc theo đuổi mục tiêu của mình trong một thời gian dài.

12. This is another 'blockbuster' statement. Of many things concerning His disciples, DK is sure:

12. Đây là một lời "chấn động" nữa. Chân sư DK tin chắc nhiều điều về các đệ tử của Ngài:

a. Of their devotion

a. Về lòng sùng tín của họ

b. Of their steadfastness

b. Về sự kiên định của họ

c. Of the depth of their aspiration

c. Về chiều sâu khát vọng của họ

13. And of their desire for the will-to-good; note it is the *desire* for the will-to-good of which He is confident and not of the presence of that will in their lives.

13. Và về mong muốn Ý Chí-hướng Thiện của họ; hãy lưu ý rằng điều Ngài tin tưởng là *mong muốn* Ý Chí-hướng Thiện, chứ không phải sự hiện diện của ý chí ấy trong cuộc sống của họ.

14. He also appears to be confident of their steadfastness and their inability to be deterred for any length of time.

14. Dường như Ngài cũng tin tưởng vào sự kiên định của họ và tin rằng không điều gì có thể khiến họ chùn bước trong một thời gian dài.

I do, however, question your courage. It takes courage to make spiritual decisions and to abide by them; it takes courage to adjust your lives—daily and in all relations—to the need of the hour and to the service of mankind; it takes courage to demonstrate to those around you that the present world catastrophe is of more importance to you than the petty affairs of your individual lives and your humdrum contacts; it takes courage to discard the alibis which have prevented you from participating to date in the all-out effort which characterises today the activities of the Hierarchy; it takes courage to make sacrifices, to refuse time to nonessential activities and to deal with the physical body as if it were free from all impediments; it takes courage to ignore frailties which may be present, the tiredness

Tuy nhiên, Tôi nghi ngờ lòng can đảm của các bạn. Cần có can đảm để đưa ra những quyết định tinh thần và kiên trì theo đuổi chúng; cần có can đảm để điều chỉnh cuộc sống của các bạn—hằng ngày và trong mọi mối quan hệ—cho phù hợp với nhu cầu của thời cuộc và việc phụng sự nhân loại; cần có can đảm để chứng tỏ với những người xung quanh rằng đối với các bạn, thảm họa thế giới hiện nay quan trọng hơn những chuyện vụn vặt trong đời sống cá nhân và những mối giao tiếp tẻ nhạt của mình; cần có can đảm để loại bỏ những lý do bào chữa đã ngăn các bạn tham gia, cho đến nay, vào nỗ lực toàn diện vốn là đặc trưng của các hoạt động của Thánh đoàn ngày nay; cần có can đảm để hy sinh, không dành thời gian cho những hoạt động không thiết yếu và đối xử với thể xác như thể nó không có bất kỳ trở ngại nào;

incident to a long life, the physical tendencies which handicap and limit your [43] service, the sleeplessness which comes from world pressures or from a badly regulated life programme, and the nervousness and strain which are the common lot today; it takes courage to attack life on behalf of others, and to obliterate your own wishes in the emergency and need.

cần có can đảm để không chú tâm đến những yếu đuối có thể hiện hữu, sự mệt mỏi đi kèm một cuộc đời dài, những khuynh hướng hồng trần cản trở và giới hạn sự [43] phụng sự của các bạn, tình trạng mất ngủ do áp lực thế giới hoặc do một chương trình sinh hoạt thiếu điều độ, cùng sự bồn chồn và căng thẳng vốn là tình cảnh chung ngày nay; cần có can đảm để xông vào cuộc sống vì người khác và gạt bỏ những mong muốn riêng trước tình thế khẩn cấp và nhu cầu.

15. This is an extraordinary paragraph against which we can all measure ourselves in relation to the quality of courage.

15. Đây là một đoạn văn phi thường mà tất cả chúng ta đều có thể dùng làm thước đo để tự đánh giá về phẩm tính can đảm.

16. Let us tabulate the types of courage to which DK draws our attention:

16. Chúng ta hãy liệt kê các dạng can đảm mà Chân sư DK lưu ý chúng ta:

a. Courage to make spiritual decisions and abide by them

a. Can đảm đưa ra những quyết định tinh thần và kiên trì theo đuổi chúng

b. Courage to adjust the daily lives to the need of the hour and to the service of mankind

b. Can đảm điều chỉnh cuộc sống hằng ngày cho phù hợp với nhu cầu của thời cuộc và việc phụng sự nhân loại

c. Courage to demonstrate to all that the world catastrophe is of the greatest moment rather than the petty affairs of life

c. Can đảm chứng tỏ cho mọi người thấy rằng thảm họa thế giới mới là điều hệ trọng nhất, hơn những chuyện vụn vặt của đời sống

d. Courage to discard the alibis that have prevented one from participating in the all-out effort characteristic of the members of Hierarchy

d. Can đảm gạt bỏ những lý do bào chữa đã ngăn mình tham gia vào nỗ lực hết mình vốn là đặc trưng của các thành viên Thánh đoàn

e. Courage to sacrifice non-essentials

e. Can đảm hi sinh những điều không thiết yếu

f. Courage to deal with the physical body as if it were free from all impediments

f. Can đảm ứng xử với thể xác như thể nó không có bất kỳ trở ngại nào

g. Courage to ignore many frailties incident to a difficult life, obliterating personal wishes in the emergency and need.

g. Can đảm bỏ qua nhiều yếu đuối đi kèm với một cuộc sống khó khăn, xóa bỏ những mong muốn cá nhân trước tình thế khẩn cấp và nhu cầu.

17. Let us measure ourselves against these standards, for the times are still critically serious, and we stand on the brink of a possible war that could be more terrible than anything humanity has ever seen.

17. Chúng ta hãy tự đối chiếu với những tiêu chuẩn này, vì thời cuộc vẫn hết sức nghiêm trọng, và chúng ta đang đứng bên bờ một cuộc chiến có thể xảy ra, khủng khiếp hơn bất cứ điều gì nhân loại từng chứng kiến.

One of the points which disciples need to grasp more clearly is the well-recognised fact (and thus easily overlooked from very familiarity)that the assertion of one's determination to function as a server and as a disciple brings about a refocussing of all the forces of the personality and the soul (in unison);

Một trong những điểm mà các đệ tử cần nắm bắt rõ hơn là sự thật đã được thừa nhận rộng rãi—và do quá quen thuộc nên dễ bị bỏ qua—rằng việc khẳng định quyết tâm hoạt động như một người phụng sự và một đệ tử sẽ đem lại sự tái tập trung của tất cả các mãnh lực của phàm ngã và linh hồn trong sự đồng bộ;

18. A powerful refocussing is possible for all of us—if we care enough and take advantage of every opportunity.

18. Tất cả chúng ta đều có thể tái tập trung một cách mạnh mẽ—nếu chúng ta đủ quan tâm và tận dụng mọi cơ hội.

19. The propelling incentive is "one's determination to function as a server".

19. Động lực thúc đẩy là "quyết tâm của mỗi người muốn hoạt động như một người phụng sự".

it is, symbolically speaking, a recurrence of the ancient event of individualisation upon a higher turn of the spiral, this time entered into with full conscious cooperation.

nói theo biểu tượng, đó là sự tái diễn của biến cố biệt ngã hóa cổ xưa ở một vòng xoắn cao hơn, lần này được bước vào với sự hợp tác hoàn toàn hữu thức.

20. This is a potent analogy. We are to reenact upon a higher turn of the spiral the ancient event of individualization.

20. Đây là một phép tương đồng đầy sức mạnh. Chúng ta phải tái hiện biến cố biệt ngã hóa cổ xưa ở một vòng xoắn cao hơn.

21. This will mean a definite and focussed participation in the Kingdom of Souls according to the level of our unfoldment.

21. Điều này có nghĩa là chúng ta tham gia một cách rõ ràng và tập trung vào Giới Linh Hồn, tùy theo mức độ khai mở của mình.

This refocussing brings its own difficulties. It leads often to a distressing consciousness of one's own nature, one's aims, one's life theme, one's aspirations and one's handicaps, of one's equipment and experience, plus the various aspects and vehicles through which the soul has perforce to work.

Sự tái tập trung này đem theo những khó khăn riêng. Nó thường dẫn đến sự nhận biết gây khổ sở về bản chất của chính mình, những mục tiêu, chủ đề đời sống, những khát vọng và trở ngại của mình, về sự trang bị và kinh nghiệm của mình, cùng các phương diện và hiện thể khác nhau mà linh hồn tất yếu phải hoạt động thông qua.

22. To refocus in this manner is to refocus as a soul within the personality. The light of the soul will then break into the personality consciousness and much of a distressing nature will be revealed. In short, we will see our shortcomings, so many of which we may not have suspected.

22. Tái tập trung theo cách này là tái tập trung với tư cách linh hồn bên trong phàm ngã. Khi ấy, ánh sáng của linh hồn sẽ xuyên vào tâm thức phàm ngã và nhiều điều gây khổ sở sẽ lộ ra. Nói ngắn gọn, chúng ta sẽ thấy những thiếu sót của mình, trong đó có rất nhiều điều mà có lẽ chúng ta chưa từng ngờ tới.

All this produces an intensification ofttimes of self-interest and of concentration upon one's self, always with the best of intentions and aspiration. One's limitations, physical or otherwise, look unduly large; one's faults are exaggerated in one's consciousness, though not so oft in expression; the extent of the service needed and demanded by the soul appears so great that the disciple at times refuses cooperation for fear of failure or from undue consciousness of himself; excuses for non-service or for only partial service are easily found and appropriated;

Tất cả điều này thường làm gia tăng sự quan tâm đến bản thân và tập trung vào chính mình, luôn với những ý định và khát vọng tốt đẹp nhất. Những giới hạn của mình, dù thuộc hồng trần hay phương diện khác, có vẻ lớn quá mức; những khuyết điểm của mình bị phóng đại trong tâm thức, dù không thường xuyên như vậy trong biểu hiện; mức độ phụng sự mà linh hồn cần và đòi hỏi có vẻ lớn đến nỗi đôi khi người đệ tử từ chối hợp tác vì sợ thất bại hoặc vì quá chú tâm đến bản thân; những lý do bào chữa cho việc không phụng sự hoặc chỉ phụng sự một phần dễ dàng được tìm ra và nhận làm của mình;

23. The negative effects of refocusing as a soul within the personality are here detailed. It becomes difficult to take the eyes off the little self.

23. Ở đây, những tác động tiêu cực của việc tái tập trung với tư cách linh hồn bên trong phàm ngã được trình bày chi tiết. Việc rời mắt khỏi cái ngã nhỏ bé trở nên khó khăn.

24. The ill effects of a spiritual inferiority complex often arise and the disciple "refuses cooperation for fear of failure" or through undue self-consciousness.

24. Những tác hại của phức cảm tự ti về mặt tinh thần thường nảy sinh, và người đệ tử "từ chối hợp tác vì sợ thất bại" hoặc vì quá chú tâm đến bản thân.

25. It is clear that as a result of the disciple's determination to function as a server, the disciple looms overlarge in his own field of consciousness.

25. Rõ ràng là do quyết tâm hoạt động như một người phụng sự, người đệ tử trở nên quá lớn trong chính trường tâm thức của mình.

26. As a result the disciple's capacity for service is temporarily damaged or delayed.

26. Do đó, khả năng phụng sự của người đệ tử tạm thời bị tổn hại hoặc trì hoãn.

postponement of all-out help today, plus complete dedication to human need, is easily condoned on the basis of health, time, home limitations, fear of one kind or another, age, or a belief that this life is preparatory to full service in the next; alibis are easy to discover, some of them even taking the form of believing that the demands of the Master and the programme of the Ashram with which the disciple is affiliated are unreasonable or—as is the case with two of you in this group—that the Oriental does not understand the demands upon the Occidental disciple.

việc trì hoãn sự trợ giúp hết mình ngay hôm nay cùng sự tận hiến hoàn toàn cho nhu cầu nhân loại dễ dàng được dung thứ dựa trên lý do sức khỏe, thời gian, những hạn chế trong gia đình, nỗi sợ này hay nỗi sợ khác, tuổi tác, hoặc niềm tin rằng kiếp sống này là sự chuẩn bị cho việc phụng sự trọn vẹn trong kiếp tới; những lý do bào chữa rất dễ tìm ra, thậm chí một số còn mang hình thức tin rằng những đòi hỏi của Chân sư và chương trình của ashram mà người đệ tử liên kết là không hợp lý, hoặc—như trường hợp hai người trong nhóm này—rằng người phương Đông không thấu hiểu những đòi hỏi đặt lên người đệ tử phương Tây.

27. What an amazing catalogue of alibis and the reasons they are employed!

27. Thật là một danh mục đáng kinh ngạc về những lý do bào chữa và những nguyên do khiến người ta dùng đến chúng!

28. Let us catalogue the alibis. Alibis are adopted—

28. Chúng ta hãy liệt kê những lý do bào chữa ấy. Người ta viện đến chúng—

a. For reasons of health

a. Vì lý do sức khỏe

b. For reasons of insufficient time

b. Vì lý do không đủ thời gian

c. For reasons of home limitations

c. Vì những hạn chế trong gia đình

d. For reason of fear or one kind or another

d. Vì nỗi sợ này hay nỗi sợ khác

e. For reasons of age

e. Vì lý do tuổi tác

29. Because one believes that this life is simply preparatory to fuller service in the next—which surely takes the pressure off the disciple in *this* life!

29. Vì người ta tin rằng kiếp sống này chỉ là sự chuẩn bị cho việc phụng sự trọn vẹn hơn trong kiếp tới—điều chắc chắn giúp người đệ tử trút bỏ áp lực trong kiếp sống *này*!

30. Because one believes the demands of the Master are unreasonable, possibly because He is an Oriental who does not understand the Occidental disciple. This has to be the most ludicrous of all. I think we should be reminded that Master DK says He has had two significant incarnations in the West.

30. Vì người ta tin rằng những đòi hỏi của Chân sư là không hợp lý, có lẽ vì Ngài là người phương Đông, không thấu hiểu người đệ tử phương Tây. Đây hẳn là lý do lố bịch nhất trong tất cả. Tôi nghĩ chúng ta cần nhớ rằng Chân sư DK nói Ngài đã có hai kiếp lâm phàm quan trọng ở phương Tây.

31. I think that if we are truthful we can all find ourselves somewhere in the use of these various alibis. Our task would be to eliminate them.

31. Tôi nghĩ rằng nếu thành thật, tất cả chúng ta đều có thể nhận ra mình đã từng viện đến lý do nào đó trong số những lý do bào chữa này. Nhiệm vụ của chúng ta là loại bỏ chúng.

I have for years endeavoured to arouse all of you, and through you the thousands you can as a group reach, to the [44] urgency of the times, but hitherto with only partial or temporary results and as yet (for some of you, though not for all) the work to be done in response to the demands of the Ashram is secondary to your daily life pattern, to the requirements of your business or your home or to what you believe to be the physical limitations, the emotional liabilities and the mental handicaps of your equipment.

Trong nhiều năm, Tôi đã cố gắng thức tỉnh tất cả các bạn, và thông qua các bạn, hàng nghìn người mà các bạn có thể tiếp cận với tư cách một nhóm, trước [44] tính cấp bách của thời cuộc, nhưng cho đến nay chỉ đạt được những kết quả từng phần hoặc tạm thời; và hiện nay, đối với một số người trong các bạn, dù không phải tất cả, công việc cần thực hiện để đáp ứng những đòi hỏi của ashram vẫn đứng sau mô hình sinh hoạt hằng ngày, những yêu cầu của công việc kinh doanh hoặc gia đình, hay những gì các bạn cho là các giới hạn hồng trần, những điểm yếu cảm xúc và những trở ngại trí tuệ trong sự trang bị của mình.

32. DK speaks of His disappointment. He uses a word like “arouse” which alerts us to the prevailing tamasic nature of a number of His disciples.

32. Chân sư DK nói về sự thất vọng của Ngài. Ngài dùng một từ như “thức tỉnh”, khiến chúng ta lưu ý đến bản chất tamas đang chiếm ưu thế nơi một số đệ tử của Ngài.

33. His disciples have resisted the call to respond to the urgency of the times for the following reasons:

33. Các đệ tử của Ngài đã cưỡng lại lời kêu gọi đáp ứng tính cấp bách của thời cuộc vì những lý do sau:

a. The demands of the daily life pattern have been put before the demands of the Ashram

a. Họ đã đặt những đòi hỏi của nếp sống hằng ngày lên trước những đòi hỏi của ashram

b. The requirements of business have been put first

b. Họ đã đặt những yêu cầu của công việc kinh doanh lên hàng đầu

c. The requirements of the home been put first

c. Họ đã đặt những yêu cầu của gia đình lên hàng đầu

d. Attention to physical limitations have been put first

d. Họ đã đặt việc chú tâm đến những giới hạn thể chất lên hàng đầu

e. Attention to emotional liabilities have been put first

e. Họ đã đặt việc chú tâm đến những điểm yếu về cảm xúc lên hàng đầu

f. Attention to mental handicaps have been put first

f. Họ đã đặt việc chú tâm đến những trở ngại về trí tuệ lên hàng đầu

My brothers, let me repeat: **The disciple has to take himself as he is at any given time, with any given equipment, and under any given circumstances; then he proceeds to subordinate himself, his affairs and his time to the need of the hour, particularly during a phase of group, national or world crisis.**

Các huynh đệ của Tôi, xin nhắc lại: **Người đệ tử phải chấp nhận chính mình như mình đang là vào bất kỳ thời điểm nào, với bất kỳ sự trang bị nào và trong bất kỳ hoàn cảnh nào; rồi y tiến hành đặt bản thân, công việc riêng và thời gian của mình dưới nhu cầu của thời cuộc, đặc biệt trong một giai đoạn khủng hoảng của nhóm, quốc gia hay thế giới.**

34. Here is the demand and it is apparent that a number of His disciples needed its reassertion.

34. Đây là yêu cầu, và rõ ràng một số đệ tử của Ngài cần được nhắc lại yêu cầu ấy.

35. In short, the disciple makes the best of himself and his present circumstances in the attempt to meet the needs of the hour—especially during a time of larger crisis.

35. Tóm lại, người đệ tử tận dụng tối đa bản thân và hoàn cảnh hiện tại của mình để cố gắng đáp ứng những nhu cầu của thời cuộc

—đặc biệt trong một thời kỳ khủng hoảng có quy mô lớn hơn.

36. In short, there are simply no excuses to refuse to serve to one's utmost. No excuses! Let us ponder on this as surely it will have implications for our life of discipleship and the service we are offering or intending to offer.

36. Tóm lại, hoàn toàn không có lý do nào để biện hộ cho việc từ chối phụng sự hết sức mình. Không có lý do nào cả! Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này, vì chắc chắn nó sẽ có những hàm ý đối với đời sống đệ tử của chúng ta và sự phụng sự mà chúng ta đang thực hiện hoặc dự định thực hiện.

When he does this within his own consciousness, and is therefore thinking along lines of the true values, he will discover that his own private affairs are taken care of, his capacities are increased and his limitations are forgotten.

Khi y làm điều này trong chính tâm thức của mình, và do đó suy nghĩ theo những giá trị chân chính, y sẽ khám phá rằng những việc riêng của mình được chăm lo, năng lực của mình gia tăng và những giới hạn của mình bị lãng quên.

37. The compensations for the right mode of thought are stated. By putting first things first, the secondary things fall naturally into line and former problems are solved. Do we believe that this is the case? Have we attempted to act as DK advises?

37. Những phần thưởng cho lối suy nghĩ đúng đắn đã được nêu rõ. Khi chúng ta đặt những điều thiết yếu lên hàng đầu, những điều thứ yếu tự nhiên đi vào trật tự và những vấn đề trước đây được giải quyết. Chúng ta có tin rằng thực tế là như vậy không? Chúng ta đã thử hành động theo lời khuyên của Chân sư DK chưa?

38. Access to the greater energy augments and harmonizes lesser energies and forces. This is a principle for living the life of discipleship.

38. Việc tiếp cận năng lượng lớn hơn làm gia tăng và hài hòa những năng lượng và mãnh lực nhỏ hơn. Đây là một nguyên tắc để sống đời đệ tử.

Until this is your experience, a closer relation to my Ashram will not be possible because the heavy and lethargic quality of your group life would entail undue effort on the part of the other disciples in the Ashram (and particularly in the inner Ashram) in order to offset it.

Cho đến khi điều này trở thành kinh nghiệm của các bạn, một mối quan hệ mật thiết hơn với ashram của Tôi vẫn chưa thể có, vì phẩm tính nặng nề và uể oải trong đời sống nhóm của các bạn sẽ đòi hỏi các đệ tử khác trong ashram, đặc biệt là trong ashram bên trong, phải nỗ lực quá mức để hóa giải nó.

39. In saying these things, Master DK is trying, yet again, to arouse His rather lethargic disciples. According to the Law of

39. Khi nói những điều này, một lần nữa Chân sư DK đang cố gắng khơi dậy các đệ tử khá uể oải của Ngài. Theo Định luật Tiết

Economy He cannot bring them any deeper into the Ashram without weakening the Ashram.

Kiệm, Ngài không thể đưa họ tiến sâu hơn vào ashram mà không làm suy yếu ashram.

40. The main exertion of offsetting energy would have to be summoned from the "inner Ashram" and that source, we are told, cannot afford to expend such energy at a time of world emergency.

40. Phần nỗ lực chủ yếu nhằm huy động năng lượng hóa giải sẽ phải đến từ "Ashram nội tại", và chúng ta được cho biết rằng nguồn ấy không thể dành năng lượng như vậy trong thời điểm thế giới lâm vào tình trạng khẩn cấp.

I am putting this to you with frankness as we together face the end of the war, and a period of renewed and different opportunity opens before all world servers. It is for you to decide whether your contribution during the war period measured up to your opportunity; it is for you to decide what part you will play, as individuals and as a group, in the coming cycle—a cycle wherein the new ideas and ideals must be stressed, and for which a fight must be made, wherein the wider plans must be understood, endorsed and preached, the new and clearer vision for human living must be grasped and finally brought into being, and a cycle wherein the effort of all members of the New Group of World Servers (and surely you are that!) must be given to the lifting of humanity's heavy load.

Tôi nói thẳng điều này với các bạn khi chúng ta cùng đối diện với hồi kết của chiến tranh, và một thời kỳ cơ hội mới mẻ, khác biệt mở ra trước tất cả những người phụng sự thế gian. Chính các bạn phải quyết định liệu sự đóng góp của mình trong thời kỳ chiến tranh có tương xứng với cơ hội hay không; chính các bạn phải quyết định mình sẽ đóng vai trò nào, với tư cách cá nhân và một nhóm, trong chu kỳ sắp tới—một chu kỳ trong đó những ý tưởng và lý tưởng mới phải được nhấn mạnh và đấu tranh bảo vệ, những kế hoạch rộng lớn hơn phải được thấu hiểu, tán thành và truyền bá, tầm nhìn mới mẻ và sáng rõ hơn về đời sống nhân loại phải được lĩnh hội và cuối cùng hiện thực hóa, và một chu kỳ trong đó nỗ lực của tất cả các thành viên Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian—và chắc chắn các bạn là những thành viên ấy!—phải dành cho việc nâng đỡ gánh nặng của nhân loại.

41. The Master faces His chelas with frankness as they have an important decision to make and it had better be based upon a factual assessment.

41. Chân sư thẳng thắn với các đệ tử của Ngài, vì họ phải đưa ra một quyết định quan trọng, và tốt hơn hết quyết định ấy nên dựa trên sự đánh giá đúng thực tế.

42. He is calling upon them to assess their contribution during the war period and determine whether it has measured up to what might have been expected of them.

42. Ngài kêu gọi họ đánh giá sự đóng góp của mình trong thời kỳ chiến tranh và xác định xem sự đóng góp ấy có tương xứng với những gì người ta có thể kỳ vọng ở họ hay không.

43. The Master outlines the necessary work for the coming cycle. It is interesting that He even uses the word "preached", which suggests the utilization of sixth ray energy, presumably to reach those who can only be reached in that way.

43. Chân sư phác thảo công việc cần thiết cho chu kỳ sắp tới. Điều thú vị là Ngài thậm chí còn dùng từ "truyền giảng", gợi ý việc sử dụng năng lượng cung sáu, có lẽ để tiếp cận những người chỉ có thể tiếp cận bằng cách ấy.

44. DK is attempting to mobilize His group. He seems to suggest that the group as a whole and some of the members are doing even less for humanity than the members of the New Group of World Servers. Obviously, the members of any outer ashramic group are at least members of the NGWS.

44. Chân sư DK đang cố gắng huy động nhóm của Ngài. Dường như Ngài gợi ý rằng toàn nhóm và một số thành viên đang làm cho nhân loại còn ít hơn cả các thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Hiển nhiên, các thành viên của bất kỳ nhóm ashram bên ngoài nào ít nhất cũng là thành viên của NGWS.

No definite assignments were given in the last instruction, as I felt I would like to see whether the rhythm of the past—reporting on the meditation work and on the Full Moon Approach which has been carried on now for many years—was so strongly established that, for the sake of the [45] group, it would be carried on, even if not specifically demanded.

Trong huấn thị vừa qua, Tôi không giao những nhiệm vụ cụ thể, vì Tôi muốn xem liệu nhịp điệu trước đây—báo cáo về công việc tham thiền và về việc Tiếp Cận Trăng Tròn vốn đã được thực hiện nhiều năm nay—đã được thiết lập vững chắc đến mức, vì lợi ích của [45] nhóm, nó vẫn được duy trì ngay cả khi không có yêu cầu cụ thể hay chưa.

45. The Tibetan submitted His group to a test, and they did not succeed, it appears. Only a few carried out the past rhythm of reporting when it was specifically demanded.

45. Chân sư Tây Tạng đặt nhóm của Ngài trước một thử thách, và dường như họ đã không vượt qua. Chỉ một vài người tiếp tục nhịp điệu báo cáo trước đây khi có yêu cầu cụ thể.

46. A Master will test His groups from time to time and one never knows from whence the test will come. A test that is named as a test is no test.

46. Thỉnh thoảng, một Chân sư sẽ thử thách các nhóm của Ngài, và người ta không bao giờ biết thử thách sẽ đến từ đâu. Một thử thách được gọi rõ là thử thách thì không còn là thử thách nữa.

Only a few have kept the group meditation; the work of interpreting the Formula, as outlined earlier and not specifically discontinued by me, has received no attention, and the group is the loser thereby.

Chỉ một vài người duy trì việc tham thiền nhóm; công việc diễn giải Công Thức, như đã phác thảo trước đây và chưa từng được Tôi chỉ thị ngừng lại, đã không nhận được sự chú ý, và do đó nhóm chịu thiệt thòi.

47. DK makes comment upon the sorry result. Only a few have kept the group meditation and all have totally ignored the work on interpreting the Formulas. As a result there has been group loss.

47. Chân sư DK bình luận về kết quả đáng buồn này. Chỉ một vài người duy trì việc tham thiền nhóm, và tất cả đều hoàn toàn bỏ qua công việc diễn giải các Công Thức. Do đó, nhóm đã chịu tổn thất.

I point out these factors because I would have you realise that this is group work, and that it is the group which is the teacher of the group,under inspiration from me, when you—as individuals—reach me, and under the inspiration of your own souls and of the Spiritual Triad when these contacts are made and utilised.

Tôi nêu những yếu tố này vì muốn các bạn nhận ra rằng đây là công việc nhóm, và chính nhóm là huấn sư của nhóm, dưới cảm hứng từ Tôi khi các bạn—với tư cách cá nhân—tiếp xúc được với Tôi, và dưới cảm hứng từ chính linh hồn các bạn cùng Tam Nguyên Tinh Thần khi những tiếp xúc ấy được thiết lập và vận dụng.

48. An important and seldom realized point is made: the group is the teacher of the group.

48. Một điểm quan trọng nhưng hiếm khi được nhận ra đã được nêu lên: chính nhóm là huấn sư của nhóm.

49. The Master may inspire the group but the group is still the teacher. When the sources of inspiration are the souls of the group members and the spiritual triad, it is still the group that is the teacher of the group.

49. Chân sư có thể truyền cảm hứng cho nhóm, nhưng nhóm vẫn là huấn sư. Khi nguồn cảm hứng là linh hồn của các thành viên trong nhóm và Tam Nguyên Tinh Thần, chính nhóm vẫn là huấn sư của nhóm.

In my previous instruction **I stressed three points** to which I would like again to refer in the light of the emerging opportunity. My task is not to change you or to give you orders and commands.

Trong huấn thị trước, **Tôi đã nhấn mạnh ba điểm** mà giờ đây Tôi muốn đề cập lại dưới ánh sáng của cơ hội đang xuất hiện. Nhiệm vụ của Tôi không phải là thay đổi các bạn hay ban cho các bạn những mệnh lệnh và chỉ thị.

50. Here is a definite statement regarding the Master's method of instruction. He will not force change nor give orders and commands. This would compromise the will

50. Đây là một lời khẳng định rõ ràng về phương pháp huấn thị của Chân sư. Ngài sẽ không ép buộc sự thay đổi, cũng không ban mệnh lệnh và chỉ thị. Làm như vậy sẽ

of His chelas and in the long run lead to a weakening rather than a strengthening of their service and cooperation with the Plan.

phương hại đến ý chí của các đệ tử của Ngài và, về lâu dài, khiến việc phụng sự và hợp tác với Thiên Cơ của họ suy yếu thay vì được củng cố.

I have only one task, and that is to find and test out those who can serve the race under inspiration from the Ashrams of the Masters.

Tôi chỉ có một nhiệm vụ, đó là tìm kiếm và thử thách những người có thể phụng sự nhân loại dưới cảm hứng từ các ashram của các Chân sư.

51. DK is still testing His groups. The chelas are to realize that they are constantly under test, more for the future than for this present moment.

51. Chân sư DK vẫn đang thử thách các nhóm của Ngài. Các đệ tử cần nhận ra rằng họ luôn chịu thử thách, vì tương lai nhiều hơn là vì thời điểm hiện tại này.

(First Point): I referred at that time to the loneliness which is one of the first things that indicates to a disciple that he is being prepared for initiation. It will be apparent, therefore, that the loneliness to which I refer is not that which is incident to those weaknesses of character which repel one's fellowmen, to an aloof or disagreeable nature, or to any form of self-interest which is so emphasised that it antagonises other people. There is much loneliness in a disciple's life which is entirely his own fault and which is subject to cure if he employs the right measure of self-discipline. With these he must deal himself, for they concern the personality, and with your personalities I have no affair.

Khi ấy, Tôi đã đề cập đến sự cô đơn, một trong những điều đầu tiên cho người đệ tử biết rằng y đang được chuẩn bị để tiếp nhận điểm đạo. Vì vậy, rõ ràng sự cô đơn mà Tôi đề cập không phải là sự cô đơn bắt nguồn từ những yếu kém trong tính cách khiến đồng loại xa lánh, từ bản chất xa cách hay khó chịu, hoặc từ bất kỳ hình thức quan tâm đến bản thân nào quá mạnh đến mức gây ác cảm nơi người khác. Trong đời sống người đệ tử có nhiều sự cô đơn hoàn toàn do lỗi của chính y, và có thể khắc phục nếu y vận dụng sự tự kỷ luật đúng mức. Y phải tự mình xử lý những điều này, vì chúng liên quan đến phàm ngã, mà Tôi không có việc gì với các phàm ngã của các bạn.

52. The Master speaks of loneliness. There are two types of loneliness and one of them has nothing to do with preparation for initiation. It is the fault or responsibility of the disciple himself and is based, essentially, on the fact that something about him antagonizes or repels others. This type of loneliness can be cured through self-discipline.

52. Chân sư nói về sự cô đơn. Có hai loại cô đơn, và một trong hai loại ấy không liên quan gì đến việc chuẩn bị cho điểm đạo. Đó là lỗi hoặc trách nhiệm của chính người đệ tử và về căn bản bắt nguồn từ việc có điều gì đó nơi y khiến người khác ác cảm hoặc xa lánh. Có thể khắc phục loại cô đơn này bằng sự tự kỷ luật.

53. DK reasserts the point that with the personalities of His disciples he has no affair.

53. Chân sư DK tái khẳng định rằng Ngài không có việc gì với các phàm ngã của những đệ tử của Ngài.

I refer to the loneliness which comes when the accepting disciple becomes the pledged disciple and steps out of a life of physical plane concentration, and of identification with the forms of existence in the three worlds, and finds himself in the midway place, between the world of outer affairs and the inner world of meaning.

Tôi đề cập đến sự cô đơn xuất hiện khi người đệ tử đang chấp nhận trở thành người đệ tử đã cam kết, bước ra khỏi một đời sống tập trung vào cõi hồng trần và đồng hóa với những hình tướng hiện tồn trong ba cõi giới, rồi thấy mình ở nơi giữa thế giới công việc bên ngoài và Thế giới của ý nghĩa bên trong.

54. DK discusses the type of loneliness to which He is referring—that which is incident to preparation for initiation.

54. Chân sư DK bàn về loại cô đơn mà Ngài đang đề cập—loại cô đơn đi kèm với việc chuẩn bị cho điểm đạo.

55. What happens when an accepting disciple becomes a pledged disciple? It is a type of Libran decision which introduces the disciple into a kind of lonely midway point which, too, is characteristic of the Libran experience at a certain point on the Path.

55. Điều gì xảy ra khi một đệ tử đang chấp nhận trở thành một đệ tử đã cam kết? Đó là một loại quyết định mang tính Thiên Bình, đưa người đệ tử vào một điểm ở giữa có phần cô đơn; điểm này cũng là nét đặc trưng của trải nghiệm Thiên Bình tại một điểm nhất định trên Đường Đạo.

56. The disciple experiences loneliness because he is ceasing his identification with "a life of physical plane concentration" and with "the forms of existence in the three worlds"—including many *people.*

56. Người đệ tử trải nghiệm sự cô đơn vì y đang chấm dứt sự đồng hóa của mình với "một đời sống tập trung vào cõi hồng trần" và với "những hình tướng hiện tồn trong ba cõi giới"—bao gồm nhiều *người.*

57. Not so many occupy this midway place, and hence the loneliness.

57. Không có nhiều người ở nơi giữa này, và vì thế mà có sự cô đơn.

His first reaction then is that he is alone; he has broken with the past; he is hopeful but not sure of the future; the tangible world to which he is accustomed must, he knows, be superseded by the intangible world of values, involving a new sense of proportion, a new range of values and new responsibilities. This world he believes [46] exists, and he steps forward bravely and

Khi ấy, phản ứng đầu tiên của y là cảm thấy mình đơn độc; y đã đoạn tuyệt với quá khứ; y hy vọng nhưng không chắc chắn về tương lai; y biết rằng thế giới hữu hình quen thuộc phải nhường chỗ cho thế giới vô hình của các giá trị, bao hàm một ý thức mới về tỉ lệ, một phạm vi giá trị mới và những trách nhiệm mới. Y tin rằng thế giới này [46] hiện hữu, và can đảm bước tới trên phương diện

theoretically, but it remains for a while wholly intangible; he finds few who think and feel as he does and the mechanism of sure contact only exists within him in embryo.

lý thuyết, nhưng trong một thời gian, thế giới ấy vẫn hoàn toàn không thể nắm bắt; y tìm thấy rất ít người suy nghĩ và cảm nhận như mình, và bộ máy tiếp xúc chắc chắn mới chỉ tồn tại trong y ở dạng phôi thai.

58. DK describes the uncertain condition of the disciple who has stepped into the midway place. The new world ahead of him remains somewhat intangible, for all his belief that it exists. He has not within himself yet developed the mechanism of contact which will make him surer of the reality of the, to him, intangible spiritual world.

58. Chân sư DK mô tả tình trạng bất định của người đệ tử đã bước vào nơi giữa. Thế giới mới phía trước y vẫn phần nào không thể nắm bắt, dù y hết sức tin rằng nó hiện hữu. Y chưa phát triển được trong mình bộ máy tiếp xúc sẽ giúp y chắc chắn hơn về tính hiện thực của thế giới tinh thần mà đối với y vẫn chưa thể nắm bắt.

59. He is moving from Mars (outer life) towards Venus (the planet characterizing the world of the soul with its new values and necessary new sense of proportion).

59. Y đang chuyển từ Sao Hỏa (đời sống bên ngoài) hướng tới Sao Kim (hành tinh đặc trưng cho thế giới linh hồn với những giá trị mới và ý thức mới cần có về tỉ lệ).

60. One must of course step forward "bravely and theoretically" or the certainty of experience will never be achieved.

60. Dĩ nhiên, mỗi người phải bước tới "một cách can đảm và trên phương diện lý thuyết", nếu không sẽ chẳng bao giờ đạt được sự chắc chắn do trải nghiệm mang lại.

He is breaking loose from the mass consciousness with which he has been merged hitherto, but has not yet found his group, into which he will eventually be consciously absorbed. Therefore, he is lonely and feels deserted and bereft.

Y đang thoát khỏi tâm thức quần chúng mà cho đến nay y vẫn hòa lẫn vào, nhưng chưa tìm thấy nhóm của mình, nơi cuối cùng y sẽ được thu nhận một cách hữu thức. Vì vậy, y cô đơn và cảm thấy bị bỏ rơi, mất chỗ nương tựa.

61. The results of leaving the old behind will befall one and all who succeed in breaking loose from the habitual.

61. Những hệ quả của việc bỏ lại cái cũ sẽ đến với tất cả những ai thành công trong việc thoát khỏi những gì đã thành thói quen.

62. The one who does so is, initially, no longer a self-concentrated individual, but neither is he a convinced and inwardly affiliated group member.

62. Thoạt đầu, người làm như vậy không còn là một cá nhân tập trung vào bản thân, nhưng cũng chưa phải là một thành viên nhóm có niềm xác tín và gắn kết từ bên trong.

63. Again we see that Master DK may be hinting at the courage required of all those who break free in this manner. We remember that a few paragraphs ago He stated His wish for greater courage among His chelas.

63. Một lần nữa, chúng ta thấy rằng Chân sư DK có thể đang ám chỉ lòng can đảm cần có ở tất cả những ai tự giải thoát theo cách này. Chúng ta nhớ rằng cách đây vài đoạn, Ngài đã bày tỏ mong muốn các đệ tử của Ngài có lòng can đảm lớn hơn.

Some of you feel this loneliness; few of you have, for instance, reached the point where you feel yourselves to be a definite, integral part of the group; only two or three of you realise—briefly and fleetingly at times—the close link with the Ashram; your attitude is largely one of hope, coupled with the idea that it is your physical limitations which prevent your realising all that truly is, in connection with your inner affiliations.

Một số người trong các bạn cảm thấy sự cô đơn này; chẳng hạn, rất ít người trong các bạn đã đạt đến điểm cảm thấy mình là một bộ phận xác định, không thể tách rời của nhóm; chỉ hai hoặc ba người trong các bạn đôi lúc nhận ra—ngắn ngủi và thoáng qua—mối liên kết mật thiết với ashram; thái độ của các bạn phần lớn là hy vọng, đi kèm ý tưởng rằng chính những giới hạn hồng trần ngăn các bạn nhận ra tất cả những gì thực sự hiện hữu liên quan đến các mối liên kết bên trong của mình.

64. DK is dealing with a perception which afflicts a number in the group. They have broken free of matter and form—relatively—but do not yet feel themselves to be an integral part of the group. Their sense of the Ashram is relatively weak and fleeting.

64. Chân sư DK đang đề cập đến một cảm nhận khiến một số người trong nhóm khổ sở. Họ đã thoát khỏi vật chất và hình tướng—một cách tương đối—nhưng vẫn chưa cảm thấy mình là một bộ phận không thể tách rời của nhóm. Cảm nhận của họ về ashram còn tương đối yếu ớt và thoáng qua.

65. They tend to think that their physical limitations prevent a more vivid realization of their inner affiliations.

65. Họ có khuynh hướng nghĩ rằng những giới hạn hồng trần của mình ngăn họ nhận biết sống động hơn về các mối liên kết bên trong của mình.

But, my brothers, such a sense of loneliness is only another form of self-consciousness, of undue self-interest, and (as you make progress upon the Path) you will find it disappearing.

Nhưng, các huynh đệ của Tôi, cảm giác cô đơn như thế chỉ là một hình thức khác của ngã thức, của sự quan tâm quá mức đến bản thân, và khi tiến bộ trên Đường Đạo, các bạn sẽ thấy nó biến mất.

66. The Tibetan negates the value of the loneliness such chelas seem to experience, calling is but another form of self-consciousness and naming it a state caused

66. Chân sư Tây Tạng phủ nhận giá trị của sự cô đơn mà những đệ tử ấy dường như đang trải nghiệm, gọi đó chỉ là một hình thức khác của ngã thức và xác định đó là một

by undue self-interest. The one who is really progressing on the Path has not such loneliness.

trạng thái do sự quan tâm quá mức đến bản thân gây ra. Người thực sự tiến bộ trên Đường Đạo không có sự cô đơn như thế.

If you therefore feel lonely, you must learn to look upon it as a glamour or illusion and as a limitation which must be overcome. You must begin to act as if it were not. If only more disciples would learn the value of acting "as if." There is no time for any of you to be lonely these days, for there is no time for you to think about yourselves.

Vì vậy, nếu cảm thấy cô đơn, các bạn phải học cách xem đó là một ảo cảm hay ảo tưởng và là một giới hạn phải vượt qua. Các bạn phải bắt đầu hành động như thể nó không tồn tại. Ước gì có thêm nhiều đệ tử học được giá trị của việc hành động "như thể." Những ngày này, không ai trong các bạn có thời gian để cô đơn, vì các bạn không có thời gian để nghĩ về bản thân.

67. DK must have been noticing a state of consciousness shared by a significant number of His group or He would not have paused to discuss the problem.

67. Hẳn Chân sư DK đã nhận thấy một trạng thái tâm thức chung ở khá nhiều người trong nhóm của Ngài, nếu không thì Ngài đã không dừng lại để bàn về vấn đề này.

68. What we gather from the foregoing section is that we are to treat the sense of loneliness as a glamour or illusion which we should seek to overcome.

68. Điều chúng ta rút ra từ phần trên là chúng ta cần xem cảm giác cô đơn như một ảo cảm hay ảo tưởng mà chúng ta nên tìm cách vượt qua.

69. The tried and tested value of "acting as if" is again recommended—probably, simply, acting as if one were not lonely.

69. Một lần nữa, Ngài khuyến nghị giá trị đã qua thử thách và kiểm chứng của việc "hành động như thể"—có lẽ đơn giản là hành động như thể mình không cô đơn.

70. Elsewhere, DK likened depression to selfishness. Here He relates loneliness to self-preoccupation. Both of these states arise from a refusal or inability to take one's eyes off the separated self.

70. Ở nơi khác, Chân sư DK đã ví sự trầm cảm với tính ích kỷ. Ở đây, Ngài liên hệ sự cô đơn với việc mải bận tâm về bản thân. Cả hai trạng thái này đều phát sinh từ việc không chịu hoặc không thể rời mắt khỏi cái ngã chia rẽ.

The **second point** I made was the need for you to emphasise and develop the Will.

Điểm thứ hai Tôi đã nêu là các bạn cần nhấn mạnh và phát triển Ý Chí.

71. This has been a theme receiving emphasis during this and the last instruction.

71. Đây là một chủ đề được nhấn mạnh trong huấn thị này và huấn thị trước.

Presumably, you have all been working at the task of building the antahkarana, the channel of communication between the brain and the spiritual will, or the Monad, working through the medium of the Spiritual Triad.

Có lẽ tất cả các bạn đều đã làm công việc xây dựng antahkarana, kênh giao tiếp giữa bộ não và ý chí tinh thần, hay chân thần, hoạt động thông qua Tam Nguyên Tinh Thần.

72. Is DK saying that, for us, the ultimate source of spiritual will is the Monad? Spiritual will is often 'located' on the atmic plane, but, of course, a truer source of it is the Spirit aspect represented by the Monad.

72. Phải chăng Chân sư DK đang nói rằng, đối với chúng ta, nguồn tối hậu của ý chí tinh thần là chân thần? Ý chí tinh thần thường được 'định vị' trên cõi atma, nhưng dĩ nhiên, nguồn đích thực hơn của nó là phương diện Tinh thần mà chân thần đại diện.

If you have been successful, it will be beginning to dawn upon you that there is a great distinction between goodwill which the masses can and often do grasp, and the will-to-good which is the goal of the disciple.

Nếu đã thành công, các bạn sẽ bắt đầu nhận ra rằng có một sự khác biệt lớn giữa thiện chí, điều mà quần chúng có thể và thường nắm bắt được, với Ý Chí-hướng Thiện, vốn là mục tiêu của người đệ tử.

73. Master DK recommends to us a vital distinction—between goodwill and the will-to-good. An understanding of the will-to-good necessitates some idea of what the Good may be (in the Platonic sense), and this is clearly beyond recognition by the masses who do not employ the abstract mind.

73. Chân sư DK khuyên chúng ta lưu ý một sự phân biệt thiết yếu—giữa thiện chí và Ý Chí-hướng Thiện. Muốn thấu hiểu Ý Chí-hướng Thiện, cần có một ý niệm nào đó về điều mà Thiện có thể là (theo nghĩa của Plato), và điều này rõ ràng vượt ngoài khả năng nhận biết của quần chúng, những người không sử dụng trí trừu tượng.

Goodwill is relatively simple of expression and all of you know much about it and express much of it. For that, no commendation is required, for it is a human attribute lying very near the surface of expression in all men.

Thiện chí tương đối dễ biểu lộ, và tất cả các bạn đều biết nhiều về nó cũng như biểu lộ nó khá nhiều. Điều đó không cần được khen ngợi, vì đó là một thuộc tính của con người, rất gần với bề mặt biểu hiện nơi mọi người.

74. We are told that "goodwill is Love in action"—a fusion of the second and third aspects of divinity.

74. Chúng ta được cho biết rằng "thiện chí là Tình thương trong hành động"—một sự dung hợp giữa phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính.

But the will-to-good is far more difficult to express, for it involves the ability not only to use the spiritual will, but to know somewhat the nature of [47] the "good."

Nhưng Ý Chí-hướng Thiện khó biểu lộ hơn nhiều, vì nó đòi hỏi khả năng không chỉ sử dụng ý chí tinh thần mà còn biết phần nào bản chất của [47] "điều thiện".

75. As stated. One must become something a philosopher, or a "lover of wisdom" to appreciate what the Good may be.

75. Như đã nêu. Người ta phải phần nào trở thành một triết gia, hay một "người yêu minh triết", mới có thể nhận thức được điều mà Thiện có thể là.

76. It is interesting and important to realize that without some exercise of the "spiritual will", the will-to-good cannot be understood. With this we dealt in the last commentary.

76. Thật thú vị và quan trọng khi nhận ra rằng nếu không vận dụng "ý chí tinh thần" ở một mức độ nào đó, chúng ta không thể thấu hiểu Ý Chí-hướng Thiện. Chúng ta đã bàn về điều này trong bài bình giảng trước.

The will-to-good is the basic quality of divine purpose, involving planned activity and a definite goal to be achieved. It necessitates the ability to think in terms of the whole, an appreciation of the next step which humanity must take in the imminent Great Approach (for this must be a reciprocal Approach), an understanding of the lessons of the past and a vision, based—not on love or on soul-sight—but on a conviction as to the immediate purpose of Sanat Kumara, as He works it out through the Christ and the planetary Hierarchy.

Ý Chí-hướng Thiện là phẩm tính căn bản của Thiên Ý, bao hàm hoạt động có hoạch định và một mục tiêu xác định cần đạt tới. Nó đòi hỏi khả năng suy nghĩ trong tương quan với toàn thể, nhận thức được bước tiếp theo mà nhân loại phải thực hiện trong Cuộc Tiếp Cận Vĩ Đại sắp tới, vì đây phải là một Cuộc Tiếp Cận hai chiều, thấu hiểu những bài học quá khứ và có một tầm nhìn dựa trên—không phải tình thương hay linh thị của linh hồn—mà là niềm xác tín về mục đích trước mắt của Sanat Kumara, khi Ngài thực hiện mục đích ấy thông qua Đức Christ và Thánh đoàn hành tinh. Về phía Thánh đoàn,

77. Let us tabulate those factors involved in the understanding and expression of the will-to-good.

77. Chúng ta hãy lập bảng liệt kê những yếu tố liên quan đến việc thấu hiểu và biểu lộ Ý Chí-hướng Thiện.

a. It is the basic quality of divine purpose

a. Đó là phẩm tính căn bản của Thiên Ý

b. It involves planned activity

b. Nó bao hàm hoạt động có hoạch định

c. It involves a definite goal to be achieved

c. Nó bao hàm một mục tiêu xác định cần đạt tới

d. It involves the ability to think in terms of the whole

d. Nó bao hàm khả năng suy nghĩ trong tương quan với toàn thể

e. It involves an appreciation of the next step which humanity must take in the imminent Great Approach

e. Nó bao hàm việc nhận thức được bước tiếp theo mà nhân loại phải thực hiện trong Cuộc Tiếp Cận Vĩ Đại sắp tới

f. It involves an understanding of the lessons of the past

f. Nó bao hàm việc thấu hiểu những bài học quá khứ

g. It involves a vision based on a conviction as to the immediate purpose of Sanat Kumara, and is not based on love or on soul sight.

g. Nó bao hàm một tầm nhìn dựa trên niềm xác tín về mục đích trước mắt của Sanat Kumara, và không dựa trên tình thương hay linh thị của linh hồn.

78. Obviously, we have to ponder on these factors for a deeper understanding of that aspect of will which all disciples are obliged to cultivate or bring through.

78. Hiển nhiên, chúng ta phải suy ngẫm về những yếu tố này để thấu hiểu sâu sắc hơn phương diện ý chí mà mọi đệ tử đều có bổn phận vun bồi hoặc truyền dẫn qua mình.

79. We also note that the Great Approach of the future is to be a "reciprocal approach". Hierarchy and its disciples must approach each other.

79. Chúng ta cũng lưu ý rằng Cuộc Tiếp Cận Vĩ Đại trong tương lai sẽ là một "cuộc tiếp cận hai chiều". Thánh đoàn và các đệ tử của Thánh đoàn phải tiến lại gần nhau.

This conviction is based, as far as the Hierarchy is concerned, on pure reason; it is based, as far as humanity is concerned, through its disciples, on intuitive perception, implemented by love and expressed intelligently. Upon this I would ask you to ponder, and as you ponder, make the needed changes in your personal approach to the problem.

niềm xác tín này dựa trên lý trí thuần khiết; về phía nhân loại, thông qua các đệ tử của mình, niềm xác tín ấy dựa trên tri giác trực giác, được tình thương đưa vào thực hiện và được biểu lộ một cách thông minh. Tôi muốn yêu cầu các bạn suy ngẫm về điều này, và trong khi suy ngẫm, hãy thực hiện những thay đổi cần thiết trong cách tiếp cận cá nhân của mình đối với vấn đề.

80. DK discusses the conviction which all disciples must have as to the immediate purpose of Sanat Kumara.

80. Chân sư DK bàn về niềm xác tín mà mọi đệ tử phải có đối với mục đích trước mắt của Sanat Kumara.

81. When members of the Hierarchy assess the purpose of the Great Kumara their

81. Khi các thành viên của Thánh đoàn xem xét mục đích của Đức Kumara Vĩ Đại, sự

understanding is based on pure reason, a quality of the buddhic plane.

82. When human beings assess that purpose, their understanding is based on intuition which marks the beginning of the unfoldment of a dependable pure reason.

83. DK seems to be asking His chelas to understand pure reason more deeply and rely upon it in approaching a deeper sense of Sanat Kumara's purpose.

The **third point** grows out of the above. You are all pledged disciples, and as such your immediate personal problem (in which I may not and therefore cannot help you) is to overcome and destroy the hold which the Dweller on the Threshold may have upon you.

84. Master DK is making a really important point. Each disciple must destroy (for himself) the hold which his Dweller on the Threshold has upon him. The Master may not and, therefore, cannot help or interfere.

We are back, therefore, to our starting point, and a question now arises in your minds: "How can I overcome this Dweller and yet at the same time refuse to concentrate upon myself and my problems? This I am told by you not to do, and yet the Dweller is the sum total of all personality holds and defects, all potencies—emotional, mental and physical—which limit my expression as a soul. What can I therefore do?"

85. A paradoxical question is posed, for if one concentrates on overcoming the

thấu hiểu của Các Ngài dựa trên lý trí thuần khiết, một phẩm tính của cõi Bồ đề.

82. Khi con người xem xét mục đích ấy, sự thấu hiểu của họ dựa trên trực giác, vốn đánh dấu bước khởi đầu của sự khai mở một lý trí thuần khiết đáng tin cậy.

83. Dường như Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài thấu hiểu lý trí thuần khiết sâu sắc hơn và dựa vào đó để tiến đến cảm nhận sâu sắc hơn về mục đích của Sanat Kumara.

Điểm **thứ ba** phát sinh từ những điều trên. Tất cả các bạn đều là những đệ tử đã cam kết, và với tư cách ấy, vấn đề cá nhân trước mắt của các bạn—trong đó Tôi không được phép và do đó không thể giúp các bạn—là vượt qua và phá hủy sự khống chế mà Kẻ Chận Ngõ có thể đang nắm giữ đối với các bạn.

84. Chân sư DK đang nêu lên một điểm thật sự quan trọng. Mỗi đệ tử phải tự mình phá hủy sự khống chế mà Kẻ Chận Ngõ của mình đang nắm giữ đối với mình. Chân sư không được phép và do đó không thể giúp đỡ hay can thiệp.

Vì vậy, chúng ta trở lại điểm xuất phát, và giờ đây một câu hỏi nảy sinh trong thể trí các bạn: "Làm sao tôi có thể chiến thắng Kẻ Chận Ngõ này mà đồng thời vẫn không tập trung vào bản thân và những vấn đề của mình? Tôi được Ngài bảo đừng làm điều đó, nhưng Kẻ Chận Ngõ lại là tổng thể mọi sự ràng buộc và khuyết điểm của phàm ngã, mọi tiềm lực—cảm xúc, trí tuệ và hồng trần—giới hạn sự biểu lộ của tôi với tư cách một linh hồn. Vậy tôi có thể làm gì?"

85. Một câu hỏi nghịch lý được đặt ra, vì nếu một người tập trung vào việc chiến thắng Kẻ

Dweller, is not one concentrating upon himself, which he is also advised not to do?

Chận Ngõ, chẳng phải người ấy đang tập trung vào bản thân, điều mà người ấy cũng được khuyên là không nên làm hay sao?

My answer would be: You must first of all accept the fact of the Dweller, and then relegate that Dweller to its rightful place as part of the Great Illusion, the great phantasmagoria of existence and as an integral part of the life of the three worlds. You must then proceed upon your planned life service (What definite plan or plans have you, my brother?) and act as if the Dweller existed not, thus freeing yourself from all personality influence in due time and leaving your mind free for the task in hand.

Câu trả lời của Tôi sẽ là: Trước hết, các bạn phải chấp nhận sự hiện hữu của Kẻ Chận Ngõ, rồi đặt Kẻ Chận Ngõ ấy vào đúng vị trí của nó như một phần của Đại Ảo Tưởng, màn huyễn cảnh rộng lớn của sự hiện tồn, và như một phần không thể tách rời của sự sống trong ba cõi giới. Sau đó, các bạn phải tiếp tục đời sống phụng sự theo kế hoạch đã định (Huynh đệ của tôi, các bạn có kế hoạch hay những kế hoạch cụ thể nào?) và hành động như thể Kẻ Chận Ngõ không tồn tại, nhờ đó, đến đúng lúc, giải thoát mình khỏi mọi ảnh hưởng của phàm ngã và để thể trí tự do thực hiện nhiệm vụ trước mắt.

86. DK gives potent advice for overcoming the individual Dweller.

86. Chân sư DK đưa ra lời khuyên đầy uy lực để chiến thắng Kẻ Chận Ngõ của cá nhân.

87. The process is as follows:

87. Tiến trình như sau:

a. Accept the fact of the Dweller

a. Chấp nhận sự hiện hữu của Kẻ Chận Ngõ

b. Relegate the Dweller to its rightful place as part of the Great Illusion. It is naught but an aspect of the great phantasmagoria of existence.

b. Đặt Kẻ Chận Ngõ vào đúng vị trí của nó như một phần của Đại Ảo Tưởng. Nó chẳng qua chỉ là một phương diện của màn huyễn cảnh rộng lớn của sự hiện tồn.

c. Proceed upon a planned life of service

c. Tiến bước trong một đời sống phụng sự có kế hoạch

d. Act as if the Dweller existed not thus achieving a degree of freedom from all personality influence.

d. Hành động như thể Kẻ Chận Ngõ không tồn tại, qua đó đạt được một mức độ tự do khỏi mọi ảnh hưởng của phàm ngã.

88. DK interposes a question which we must answer: “What definite plan or plans have you, my brother?”

88. Chân sư DK xen vào một câu hỏi mà chúng ta phải trả lời: “Huynh đệ của tôi, các bạn có kế hoạch hay những kế hoạch cụ thể nào?”

I could perhaps word it another way. When your interest in hierarchical work and the programme of the Ashram with which you are [48] connected is adequately strong, it will then dominate all your actions, and all your thoughts (waking or sleeping); you will then find that the grip of the Dweller will be broken, that its life has been destroyed by the force of attrition and its form destroyed in the fires of sacrifice.Such, briefly, is the story; I waste no time with elaborations, for there is much I seek to give you in this instruction.

Có lẽ Tôi có thể diễn đạt theo cách khác. Khi sự quan tâm của các bạn đối với công việc của Thánh đoàn và chương trình của Ashram mà các bạn [48] có liên hệ đủ mạnh, sự quan tâm ấy sẽ chi phối mọi hành động và mọi tư tưởng của các bạn, dù thức hay ngủ; bấy giờ, các bạn sẽ thấy rằng sự kìm giữ của Kẻ Chận Ngõ đã bị phá vỡ, sự sống của nó đã bị mãnh lực tiêu hao hủy diệt, và hình tướng của nó đã bị hủy diệt trong những ngọn lửa hi sinh. Đó là câu chuyện được trình bày vắn tắt; Tôi không dành thời gian diễn giải dài dòng, vì còn nhiều điều Tôi muốn truyền đạt cho các bạn trong huấn thị này.

89. Another way of achieving the conquest of the Dweller is to become so interested in the "programme of the Ashram" that the hold of the Dweller will be broken. It will receive no energy from which to sustain itself.

89. Một cách khác để chinh phục Kẻ Chận Ngõ là quan tâm đến "chương trình của Ashram" mạnh mẽ đến mức phá vỡ sự kìm giữ của nó. Nó sẽ không nhận được năng lượng để duy trì sự tồn tại của mình.

90. This is a very practical method of procedure, is it not?

90. Đây là một phương pháp tiến hành rất thiết thực, phải vậy không?

91. When our mind and heart are full of the Plan, we shall be well in process of destroying the hold which the Dweller has upon us.

91. Khi thể trí và trái tim chúng ta tràn đầy Thiên Cơ, chúng ta sẽ tiến xa trong tiến trình phá hủy sự kìm giữ của Kẻ Chận Ngõ đối với chúng ta.

I desire to give you the help you need for the coming year which faces you. Above all, however, I am endeavouring to make clear to future generations certain basic principles and certain aspects of hierarchical truth which must in the New Age govern those who seek to tread the Path of Discipleship and who are willing to be prepared for initiation.

Tôi mong muốn mang đến cho các bạn sự trợ giúp cần thiết cho năm sắp tới. Tuy nhiên, trên hết, Tôi đang cố gắng làm sáng tỏ cho các thế hệ tương lai một số nguyên tắc căn bản và một số phương diện của chân lý Thánh đoàn, vốn phải chi phối những ai tìm cách bước trên Con Đường Đệ Tử trong Kỷ Nguyên Mới và sẵn lòng chuẩn bị cho điểm đạo.

92. DK declares His intention to offer instruction for future generations. Perhaps He had already seen the impossibility of

92. Chân sư DK tuyên bố ý định ban huấn thị cho các thế hệ tương lai. Có lẽ Ngài đã thấy rằng không thể tiếp tục với nhóm hiện tại

continuing with His present group; we cannot know. But less than two year later He discontinued the experiment with the New Seed Group, which had been in process for almost seven years by that time.

của Ngài; chúng ta không thể biết được. Nhưng chưa đầy hai năm sau, Ngài đã chấm dứt cuộc thử nghiệm với Nhóm Hạt Giống Mới, vốn đã diễn ra gần bảy năm tính đến thời điểm ấy.

Changes in curriculum and in techniques are being made by the Hierarchy; the adaptation of old methods to modern needs and to more highly developed men is under way. I write not for you in reality. You have already had more than you have used. I write for the coming disciples and initiates of the next two generations.

Thánh đoàn đang thay đổi chương trình huấn luyện và các kỹ thuật; việc điều chỉnh những phương pháp cũ cho phù hợp với nhu cầu hiện đại và với những người phát triển cao hơn đang được tiến hành. Thực ra, Tôi không viết cho các bạn. Các bạn đã nhận được nhiều hơn những gì các bạn đã vận dụng. Tôi viết cho các đệ tử và điểm đạo đồ tương lai thuộc hai thế hệ kế tiếp.

93. Here he is precisely explicit concerning His motives. DK anticipates the entry into incarnation of "more highly developed men" and, in truth, much of what He has written is for them.

93. Ở đây, Ngài nói hết sức cụ thể và rõ ràng về những động cơ của mình. Chân sư DK dự liệu việc "những người phát triển cao hơn" sẽ lâm phàm và quả thực, phần lớn những gì Ngài đã viết là dành cho họ.

94. He said of His group members at that time, "you have already had more than you have used". What would He say of us? Have we "used" all that we have been given? Certainly it is unlikely.

94. Khi ấy, Ngài nói về các thành viên trong nhóm của Ngài: "Các bạn đã nhận được nhiều hơn những gì các bạn đã vận dụng". Ngài sẽ nói gì về chúng ta? Chúng ta đã "vận dụng" tất cả những gì mình nhận được chưa? Chắc chắn điều đó khó có thể xảy ra.

It is essential that disciples in all Ashrams consider these days what humanity's problems are, what they mean and what their solution entails; they must know what the Masters of the Wisdom want done and then they must talk and write, act and live so that others too may understand.

Trong những ngày này, điều thiết yếu là các đệ tử trong mọi Ashram phải xem xét những vấn đề của nhân loại là gì, chúng hàm ý gì và việc giải quyết chúng đòi hỏi những gì; họ phải biết các Chân sư Minh Triết muốn thực hiện điều gì, rồi phải nói và viết, hành động và sống sao cho những người khác cũng có thể thấu hiểu.

95. I would like to insert a short selection on the present problems of humanity gathered from the spiritual internet groups. I think you will find this perspective illumining.

95. Tôi muốn đưa vào đây một đoạn tuyển trích ngắn về những vấn đề hiện nay của nhân loại, được tập hợp từ các nhóm tinh thần trên internet. Tôi nghĩ các bạn sẽ thấy góc nhìn này đem lại sự soi sáng.

In assessing the application of The Plan, as outlined by DK, to contemporary problems, how might today's top problems be identified? Of the problems facing humanity, which are most urgent?

Khi đánh giá việc áp dụng Thiên Cơ, như Chân sư DK đã phác thảo, vào những vấn đề đương thời, chúng ta có thể xác định những vấn đề hàng đầu hiện nay như thế nào? Trong số những vấn đề mà nhân loại đang đối mặt, vấn đề nào cấp bách nhất?

Enter the Copenhagen Consensus. (www.copenhagenconsensus.com). In the Copenhagen Consensus top economists from around the world gathered in 2004 in an attempt to come to a consensus on the ten major challenges of humanity. Next they evaluated and ranked projects which they believed had the best chance of making a difference.

Đây là lúc Đồng Thuận Copenhagen xuất hiện. (www.copenhagenconsensus.com). Trong khuôn khổ Đồng Thuận Copenhagen, các nhà kinh tế hàng đầu từ khắp thế giới đã tập hợp vào năm 2004 nhằm cố gắng đi đến đồng thuận về mười thách thức lớn của nhân loại. Tiếp đó, họ đánh giá và xếp hạng những dự án mà họ tin là có nhiều khả năng nhất để tạo ra chuyển biến.

They tried to identify the top-ten problems facing the world — everything from infectious diseases to financial instability, to subsidies and trade barriers, to hunger and malnutrition. They brought together the top economists in each of these fields, and they wrote special overview papers on all of these areas, looking at the cost-benefit analyses for solutions to these problems.

Họ cố gắng xác định mười vấn đề hàng đầu mà thế giới đang đối mặt — từ các bệnh truyền nhiễm đến bất ổn tài chính, từ trợ cấp và rào cản thương mại đến nạn đói và suy dinh dưỡng. Họ tập hợp những nhà kinh tế hàng đầu trong từng lĩnh vực này, và các chuyên gia ấy viết những báo cáo tổng quan chuyên biệt về tất cả các lĩnh vực đó, xem xét các phân tích chi phí–lợi ích của những giải pháp cho các vấn đề này.

And then they had nine of the world's top economists, including four Nobel Prize winners, meet for five days and hear all the evidence and go through the position papers in closed sessions on each of these ten issues. Then they put costs and benefits on each of these. And created ranked list of opportunities for the world. What follows is a summary of their conclusions. These are, of course, controversial. I would recommend reading the following interview with the organizer of the Copenhagen Consensus to get his perspective:

Sau đó, họ mời chín nhà kinh tế hàng đầu thế giới, trong đó có bốn người đoạt giải Nobel, họp trong năm ngày để nghe toàn bộ bằng chứng và xem xét các báo cáo trình bày quan điểm trong những phiên họp kín về từng vấn đề trong số mười vấn đề này. Tiếp đó, họ định lượng chi phí và lợi ích cho từng vấn đề, rồi lập một danh sách xếp hạng các cơ hội dành cho thế giới. Phần tiếp theo là bản tóm lược những kết luận của họ. Dĩ nhiên, những kết luận này gây tranh cãi. Tôi khuyên các bạn đọc cuộc phỏng vấn sau đây

http://www.crisismagazine.com/april2004/interview.htm

What follows are the conclusions of the Copenhagen Consensus. The rankings of projects on a scale of good to bad might is perhaps the most controversial. I for one am surprised that the Kyoto Protocol, for which George Bush has been so criticized for not signing, is considered a bad project in terms of cost-benefit analysis by the Copenhagen Consensus.

TOP TEN CHALLENGES

1. Climate change

2. Communicable diseases

3. Conflicts

4. Education

5. Financial instability

6. Governance and corruption

7. Malnutrition and hunger

8. Population migration

9. Sanitation and water

10. Subsidies and trade barriers

SOLUTIONS BASED ON COST-BENEFIT ANALYSIS

với người tổ chức Đồng thuận Copenhagen để hiểu quan điểm của ông:

http://www.crisismagazine.com/april2004/interview.htm

Sau đây là những kết luận của Đồng thuận Copenhagen. Việc xếp hạng các dự án theo thang từ tốt đến xấu có lẽ là điều gây tranh cãi nhiều nhất. Riêng tôi ngạc nhiên khi Đồng thuận Copenhagen xem Nghị định thư Kyoto, mà George Bush đã bị chỉ trích rất nhiều vì không ký, là một dự án kém xét về phân tích chi phí–lợi ích.

MƯỜI THÁCH THỨC HÀNG ĐẦU

1. Biến đổi khí hậu

2. Các bệnh truyền nhiễm

3. Xung đột

4. Giáo dục

5. Bất ổn tài chính

6. Quản trị và tham nhũng

7. Suy dinh dưỡng và nạn đói

8. Di cư dân số

9. Vệ sinh và nước

10. Trợ cấp và rào cản thương mại

CÁC GIẢI PHÁP DỰA TRÊN PHÂN TÍCH CHI PHÍ–LỢI ÍCH

Very good projects:

1. Diseases (control of HIV / AIDS

2. Malnutrition (providing micronutrients)

3. Subsidies and Trade Barriers (Trade liberalization)

4. Diseases (control of malaria)

Good projects:

5. Malnutrition (develop new agriculture technologies)

6. Water and Sanitation (small scale water technology)

7. Water and Sanitation (community-managed water supply & sanitation

8. Water and Sanitation (research on water productivity in food production)

9. Governance and Corruption (lowering of cost of starting a new business)

Fair Projects:

10. Migration (lowering barriers to migration for skilled workers)

11. Malnutrition (improving infant and child nutrition)

12. Malnutrition (reducing prevalence of low birth weight)

Các dự án rất tốt:

1. Bệnh tật (kiểm soát HIV / AIDS

2. Suy dinh dưỡng (cung cấp vi chất dinh dưỡng)

3. Trợ cấp và rào cản thương mại (tự do hóa thương mại)

4. Bệnh tật (kiểm soát bệnh sốt rét)

Các dự án tốt:

5. Suy dinh dưỡng (phát triển các công nghệ nông nghiệp mới)

6. Nước và vệ sinh (công nghệ nước quy mô nhỏ)

7. Nước và vệ sinh (cấp nước & vệ sinh do cộng đồng quản lý

8. Nước và vệ sinh (nghiên cứu hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất lương thực)

9. Quản trị và tham nhũng (giảm chi phí thành lập doanh nghiệp mới)

Các dự án khá:

10. Di cư (giảm rào cản di cư đối với lao động có tay nghề)

11. Suy dinh dưỡng (cải thiện dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh và trẻ em)

12. Suy dinh dưỡng (giảm tỷ lệ trẻ nhẹ cân khi sinh)

13. Diseases (scaled up basic health services

13. Bệnh tật (mở rộng quy mô các dịch vụ y tế cơ bản

Bad Projects

Các dự án kém hiệu quả

14. Migration (guest worker programs for unskilled)

14. Di cư (các chương trình lao động khách dành cho người lao động không có tay nghề)

15. Climate (optimal carbon tax)

15. Khí hậu (thuế carbon tối ưu)

16. Climate (Kyoto protocol)

16. Khí hậu (Nghị định thư Kyoto)

17. Climate (value-at-risk carbon tax)

17. Khí hậu (thuế carbon dựa trên giá trị chịu rủi ro)

Humanity has never really lived up to the teaching given to it. Spiritual impression, whether conveyed by the Christ, by Krishna or by Buddha (and passed on to the masses by Their disciples) has not yet been expressed as it was hoped. Men do not live up to what they already know; they fail to make practical their information; they short-circuit the light; they do not discipline themselves; greedy desire and unlawful ambition control and not the inner knowledge.

Nhân loại chưa bao giờ thực sự sống đúng với giáo huấn đã nhận được. Ấn tượng tinh thần, dù do Đức Christ, Đức Krishna hay Đức Phật truyền đạt, rồi được các đệ tử của Các Ngài truyền lại cho quần chúng, vẫn chưa biểu hiện như mong đợi. Con người không sống đúng với những gì mình đã biết; họ không đưa kiến thức của mình vào thực hành; họ làm đoản mạch ánh sáng; họ không tự rèn luyện kỷ luật; dục vọng tham lam và tham vọng bất chính nắm quyền chi phối, thay vì tri thức bên trong.

96. This is DK's analysis of humanity's response to the teaching given to it by great Teachers such as the Christ, Krishna and the Buddha.

96. Đây là phân tích của Chân sư DK về sự đáp ứng của nhân loại đối với giáo huấn mà các Huấn sư vĩ đại như Đức Christ, Đức Krishna và Đức Phật đã trao cho họ.

97. Apparently the Spiritual Hierarchy had certain hopes concerning humanity's response, but the response has simply not measured up to Hierarchy's hope. We have, in some ways, *all* been implicated in this failure, for all of us have been in incarnation numerous times during the past five thousand years since the time of Krishna.

97. Dường như Thánh đoàn đã có những hy vọng nhất định về sự đáp ứng của nhân loại, nhưng sự đáp ứng ấy đơn giản là chưa đạt được điều Thánh đoàn hy vọng. Theo một vài phương diện, *tất cả chúng ta* đều có phần trách nhiệm trong thất bại này, vì tất cả chúng ta đều đã lâm phàm nhiều lần trong năm nghìn năm qua, kể từ thời Đức Krishna.

98. We are given very strong advice here; hopefully it is not coming too late for the redemption of humanity:

98. Ở đây, chúng ta nhận được lời khuyên rất mạnh mẽ; hy vọng lời khuyên ấy chưa đến quá muộn đối với công cuộc cứu chuộc nhân loại:

a. Live up to what you already know

a. Hãy sống đúng với những gì các bạn đã biết

b. Make practical application of the spiritual information give to you

b. Hãy áp dụng vào thực tiễn những kiến thức tinh thần đã truyền cho các bạn

c. Do not short-circuit the light

c. Đừng làm đoản mạch ánh sáng

d. Discipline yourselves

d. Hãy tự rèn luyện kỷ luật

e. Let inner knowledge control and not unlawful ambition and greedy desire

e. Hãy để tri thức bên trong nắm quyền chi phối, thay vì tham vọng bất chính và dục vọng tham lam

99. DK's words amount to an indictment of humanity's response to a great gift of light. In the horrors of the history of the last several thousand years we can see the results of humanity's refusal to use and apply that which it has been given.

99. Những lời của Chân sư DK chẳng khác nào một bản cáo trạng về sự đáp ứng của nhân loại trước một món quà ánh sáng vĩ đại. Trong những điều kinh hoàng của lịch sử suốt mấy nghìn năm qua, chúng ta có thể thấy những hậu quả của việc nhân loại khước từ sử dụng và áp dụng những gì họ đã nhận được.

To put it scientifically and from the esoteric angle: Spiritual impression has been interrupted and there has been interference with the divine circulatory flow. It is the task of the disciples of the world to restore this flow and to stop this interference. This is the major problem facing the Ashrams at this time.

Nói một cách khoa học và từ góc độ nội môn: Ấn tượng tinh thần đã bị gián đoạn và dòng lưu chuyển thiêng liêng đã gặp sự cản trở. Nhiệm vụ của các đệ tử trên thế giới là khôi phục dòng lưu chuyển này và chấm dứt sự cản trở ấy. Đây là vấn đề chủ yếu mà các Ashram đang đối diện vào lúc này.

100. From an occult perspective we are given an insight into a major problem of humanity —the restoration of the Divine Circulatory Flow.

100. Từ góc nhìn huyền bí học, chúng ta có được sự thấu hiểu về một vấn đề chủ yếu của nhân loại—việc khôi phục Dòng Lưu Chuyển Thiêng Liêng.

101. We can recognize that this "flow" is related to the sign Aquarius (which rules all manner of circulation), and it will be the task of humanity (and especially of the disciples in humanity) aided by Hierarchy to restore this flow during the Aquarian Age.

101. Chúng ta có thể nhận ra rằng "dòng lưu chuyển" này liên quan đến dấu hiệu Bảo Bình (vốn cai quản mọi hình thức lưu chuyển), và trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, nhân loại (đặc biệt là các đệ tử trong nhân loại), với sự trợ giúp của Thánh đoàn, sẽ có nhiệm vụ khôi phục dòng lưu chuyển này.

102. We all realize that should the circulation in a human physical body be interrupted, many types of disease may result and the body, itself, may be in peril of its life. The same is true of humanity and today we are directly witnessing this jeopardy.

102. Tất cả chúng ta đều nhận ra rằng nếu sự tuần hoàn trong thể xác con người bị gián đoạn, nhiều loại bệnh có thể phát sinh và chính thể xác ấy có thể lâm nguy đến tính mạng. Điều này cũng đúng với nhân loại, và ngày nay chúng ta đang trực tiếp chứng kiến mối nguy ấy.

This year, I will make clear to you what work is asked of the group in relation to the planned group work, the group [49] meditation and the group thinking; the rules then laid down will hold good for all future years, though their fulfilment is necessarily optional, as you are free disciples, working under the new rules, and are adult aspirants.

Năm nay, Tôi sẽ làm rõ cho các bạn công việc mà nhóm được yêu cầu thực hiện liên quan đến công việc nhóm theo kế hoạch, việc tham thiền [49] nhóm và tư duy nhóm; những quy luật được đề ra khi ấy sẽ tiếp tục có hiệu lực trong mọi năm về sau, dù việc thực hiện chúng tất nhiên là tùy chọn, vì các bạn là những đệ tử tự do, làm việc theo các quy luật mới và là những người chí nguyện trưởng thành.

103. DK is planning now for the future. He will no longer supervise His group so closely. They are now "free disciples" and "adult aspirants"; He seems to be cutting the spiritual umbilical cord which is not the same as releasing the disciples from their ashramic affiliation.

103. Giờ đây, Chân sư DK đang hoạch định cho tương lai. Ngài sẽ không còn giám sát nhóm của Ngài sát sao như vậy nữa. Giờ đây, họ là những "đệ tử tự do" và những "người chí nguyện trưởng thành"; dường như Ngài đang cắt đứt sợi dây rốn tinh thần, nhưng điều này không đồng nghĩa với việc giải phóng các đệ tử khỏi mối liên kết của họ với ashram.

104. What may be the nature of these "new rules" under which the chelas are working? The new process certainly seems to involve more independence.

104. Những "quy luật mới" mà các đệ tử đang tuân theo khi làm việc có thể có bản chất như thế nào? Tiến trình mới chắc chắn dường như đòi hỏi tính độc lập cao hơn.

105. The Hierarchy knows it can trust a disciple when that disciple will perform in the same manner *without* supervision as he would *with* supervision.

105. Thánh đoàn biết rằng mình có thể tin cậy một đệ tử khi người đệ tử ấy sẽ hành động theo cùng một cách *khi không có* sự giám sát cũng như khi y hành động *dưới* sự giám sát.

Your full moon work remains unchanged and I will again send a phrase chosen out of the set of phrases already given. I will change my technique somewhat and in speaking the phrase each month at our full moon contact, I will do it the day before, on the day of the full moon, and on the following day, and will also lay the emphasis upon the leading word in the phrases. If this leading word is recorded by you, the effort can be regarded as successful.

Công việc vào kỳ trăng tròn của các bạn vẫn giữ nguyên, và Tôi sẽ lại gửi một câu được chọn từ tập hợp những câu đã trao trước đây. Tôi sẽ thay đổi kỹ thuật của mình đôi chút, và khi đọc câu ấy mỗi tháng vào dịp tiếp xúc giữa chúng ta trong kỳ trăng tròn, Tôi sẽ đọc vào ngày hôm trước, vào chính ngày trăng tròn và vào ngày hôm sau; đồng thời, Tôi cũng sẽ nhấn mạnh từ chủ đạo trong các câu ấy. Nếu các bạn ghi nhận được từ chủ đạo này, có thể xem nỗ lực ấy là thành công.

106. DK is modifying the telepathic experiment. The number or days on which the phrase is spoken will be increased from one to three, and there will be an emphasis upon a leading word in the phrase. This added emphasis my give the word more telepathic 'carrying power'.

106. Chân sư DK đang điều chỉnh cuộc thử nghiệm viễn cảm. Số ngày Ngài đọc câu ấy sẽ tăng từ một lên ba, và một từ chủ đạo trong câu sẽ được nhấn mạnh. Sự nhấn mạnh thêm này có thể giúp từ ấy có "sức truyền tải" viễn cảm lớn hơn.

107. We see DK resourcefully attempting to bring His chelas (esoterically) closer to Him.

107. Chúng ta thấy Chân sư DK đang khéo léo tìm cách đưa các đệ tử của Ngài đến gần Ngài hơn (về mặt huyền bí).

I suggest that you continue with the work, as hitherto given and undertaken, but I will give you a fuller picture of the full moon activity and purpose with some of the implications which may enable you to work with greater interest and understanding.

Tôi đề nghị các bạn tiếp tục công việc như đã được trao và thực hiện từ trước đến nay, nhưng Tôi sẽ mang đến cho các bạn một bức tranh đầy đủ hơn về hoạt động và mục đích của kỳ trăng tròn, cùng một số hàm ý có thể giúp các bạn làm việc với sự quan tâm và thấu hiểu sâu sắc hơn.

108. DK enlarges upon the Full Moon work, to deepen the interest and understanding of the chelas.

108. Chân sư DK trình bày chi tiết hơn về công việc vào kỳ Trăng Tròn, nhằm làm sâu sắc thêm sự quan tâm và thấu hiểu của các đệ tử.

The first time, my brothers, that I outlined for you the work I sought to have you do at the time of the full moon, I undertook to work with you along these lines for a preliminary period of three years, each year expanding the work somewhat until the full moon of May of the third year.

Các huynh đệ của Tôi, lần đầu tiên khi phác thảo cho các bạn công việc Tôi muốn các bạn thực hiện vào kỳ trăng tròn, Tôi đã cam kết làm việc cùng các bạn theo những đường hướng này trong một giai đoạn sơ bộ kéo dài ba năm, mỗi năm mở rộng công việc đôi chút cho đến kỳ trăng tròn tháng Năm của năm thứ ba.

109. The Full Moon work undertaken by Master DK had a definite, expansive structure. It is now time for evaluation.

109. Công việc vào kỳ Trăng Tròn mà Chân sư DK đảm nhận có một cấu trúc rõ ràng, với mức độ mở rộng dần. Giờ đây đã đến lúc đánh giá.

This period of time is now nearly completed, and today I ask you two questions:

Giai đoạn ấy nay gần hoàn tất, và hôm nay Tôi đặt cho các bạn hai câu hỏi:

1. What has this work meant to you?

1. Công việc này có ý nghĩa gì đối với các bạn?

2. Have you grasped the importance of the work to be done?

2. Các bạn đã nắm bắt được tầm quan trọng của công việc cần thực hiện chưa?

110. The questions are straightforward. In asking them, DK is hinting that His disciples have not yet fully grasped what He has attempted to do with this type of work.

110. Những câu hỏi này rất thẳng thắn. Khi đặt ra những câu hỏi ấy, Chân sư DK đang ngụ ý rằng các đệ tử của Ngài vẫn chưa nắm bắt đầy đủ điều Ngài đã cố gắng thực hiện qua loại công việc này.

There has been a purpose behind all this effort which I have made, and an experiment of importance has been carried forward in preparation for the coming New Age activity.

Đằng sau mọi nỗ lực này của Tôi đều có một mục đích, và một cuộc thử nghiệm quan trọng đã được tiến hành để chuẩn bị cho hoạt động trong Kỷ Nguyên Mới sắp đến.

111. This is as we might expect. One of the methods used by the Masters is to introduce an activity explaining it somewhat; ask that that activity be carried out by His chelas; later question the chelas on their understanding of what they have done; and

111. Điều này đúng như chúng ta có thể dự liệu. Một trong những phương pháp các Chân sư sử dụng là giới thiệu một hoạt động và giải thích phần nào về hoạt động ấy; yêu cầu các đệ tử của mình thực hiện hoạt động đó; sau này hỏi các đệ tử xem họ hiểu thế nào về những gì mình đã làm; rồi gợi ra rằng

then, suggest a deeper import to the activity than had been anticipated by any of them.

hoạt động ấy có một ý nghĩa sâu xa hơn điều mà bất kỳ ai trong số họ đã dự liệu.

In some of the earlier instructions* I indicated that the coming world religion would be based upon a new Science of Approach and that this would, in time, supersede the present world religious formulas and ceremonials.

Trong một số huấn thị trước đây [iii]*, Tôi đã chỉ ra rằng tôn giáo thế giới tương lai sẽ dựa trên một Khoa học Tiếp Cận mới, và theo thời gian, khoa học này sẽ thay thế những công thức và nghi lễ tôn giáo hiện nay trên thế giới.

112. When thinking of the New World Religion and its contrast from old forms of religious procedure, a new Science of Approach is the distinguishing factor. It will be a *scientific* Approach and we shall see science and religion joining forces to strengthen humanity's spirituality.

112. Khi suy xét về Tôn Giáo Thế Giới Mới và sự khác biệt của tôn giáo ấy so với những hình thức thực hành tôn giáo cũ, một Khoa học Tiếp Cận mới chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt. Đó sẽ là một sự Tiếp Cận mang tính *khoa học* và chúng ta sẽ thấy khoa học cùng tôn giáo hợp lực để củng cố đời sống tinh thần của nhân loại.

Hence the importance of the efforts now being made by disciples in these new seed groups. They are in reality occupied with the [50] process of anchoring upon earth a new religious idea or concept, a seed thought or germ of a new activity which (at some later date) will bear fruit and inaugurate a new method of drawing nearer to God.

Vì vậy, những nỗ lực mà các đệ tử trong các nhóm hạt giống mới này đang thực hiện có tầm quan trọng lớn lao. Thực ra, họ đang tham gia vào [50] tiến trình neo giữ trên Trái Đất một ý tưởng hay quan niệm tôn giáo mới, một tư tưởng hạt giống hay mầm sống của một hoạt động mới, mà về sau sẽ đơm hoa kết quả và mở ra một phương pháp mới để đến gần Thượng đế hơn.

113. DK links the Seed Group efforts with "a new religious idea or concept". All such processes will help humanity draw closer to God.

113. Chân sư DK liên kết những nỗ lực của Nhóm Hạt Giống với "một ý tưởng hay quan niệm tôn giáo mới". Mọi tiến trình như vậy sẽ giúp nhân loại đến gần Thượng đế hơn.

114. These words seem to place the *religious* dimension of the Seed Group Initiative in a high place.

114. Những lời này dường như đề cao phương diện *tôn giáo* của Sáng Kiến Nhóm Hạt Giống.

115. We know that there exists a triangle between humanity, Hierarchy and Shamballa, but that this triangle is incomplete and not equilibrised. We can think of the completion of this triangle as

115. Chúng ta biết rằng có một tam giác giữa nhân loại, Thánh đoàn và Shamballa, nhưng tam giác này chưa hoàn chỉnh và chưa cân bằng. Chúng ta có thể xem việc hoàn thiện tam giác này là sự hợp nhất của Thượng đế

the union of God with man and man with God. We can also think of it in terms of establishing the planetary prototype of the Divine Circulatory Flow.

với con người và của con người với Thượng đế. Chúng ta cũng có thể suy xét điều ấy theo nghĩa thiết lập nguyên mẫu hành tinh của Dòng Lưu Chuyển Tuần Hoàn Thiêng Liêng.

It might be of value to all disciples if I here analysed the three years' work intended to be done during the full moon periods as outlined to you by me. Each year saw an addition to or expansion of the work and an enlargement of the concept. I seek now to make it all clearer to you, thus laying the foundation for the work to be done during the coming years, if you desire to continue with the work.

Có lẽ sẽ hữu ích cho mọi đệ tử nếu tại đây Tôi phân tích công việc dự định thực hiện trong ba năm vào các kỳ trăng tròn, như Tôi đã phác thảo cho các bạn. Mỗi năm đều có sự bổ sung hoặc mở rộng công việc và mở rộng quan niệm. Giờ đây, Tôi muốn làm sáng tỏ tất cả những điều ấy cho các bạn, qua đó đặt nền móng cho công việc cần thực hiện trong những năm sắp tới, nếu các bạn mong muốn tiếp tục công việc này. Để được rõ ràng, chúng ta hãy sắp xếp các huấn thị này thành từng mục.

116. We note how much responsibility DK is placing upon the shoulders of His chelas. He is saying that it is up to them if they wish to continue the work. Clearly, it is His hope that they will do so.

116. Chúng ta nhận thấy Chân sư DK đang đặt lên vai các đệ tử của Ngài trách nhiệm lớn đến mức nào. Ngài đang nói rằng việc họ có muốn tiếp tục công việc hay không là tùy ở họ. Rõ ràng, Ngài hy vọng họ sẽ tiếp tục.

117. We note as well the procedure of clearly analyzing the past so that it will provide a proper foundation for new initiatives.

117. Chúng ta cũng ghi nhận phương pháp phân tích rõ ràng những gì đã qua để tạo nền tảng thích hợp cho những sáng kiến mới.

118. We break the commentary here, and will resume the discussion of the three year's work when we undertake the preparation of Commentary #30.

118. Chúng ta tạm dừng phần bình giảng tại đây và sẽ tiếp tục thảo luận về công việc trong ba năm khi bắt tay vào soạn Bài Bình Giảng #30.

119. Our next section will continue an analysis of the meditation work which accompanies the New Seed Group Work

119. Phần tiếp theo của chúng ta sẽ tiếp tục phân tích công việc tham thiền đi kèm với Công Việc của Nhóm Hạt Giống Mới

Commentary 30

[51-59]

(Underlining, Highlighting and Bolding, MDR)

(Read this Material Carefully as it holds the key to really understanding the Full Moon Work)

1. We now continue from Commentary #29: DK is reviewing the structure of the Full Moon work intended to be done in the three years ending in November of 1944, thus taking us back to 1941.

1. Giờ đây, chúng ta tiếp tục từ Bài Bình Giảng #29: Chân sư DK đang xem xét lại cấu trúc công việc Trăng Tròn dự kiến thực hiện trong ba năm kết thúc vào tháng Mười Một năm 1944, qua đó đưa chúng ta trở lại năm 1941.

2. Please refer back to Commentary #29 to pick up the threads of the discussion.

2. Xin xem lại Bài Bình Giảng #29 để nối lại mạch thảo luận.

3. The following is a repeat of the paragraph which introduced this section:

3. Sau đây là phần nhắc lại đoạn văn mở đầu phần này:

4. It might be of value to all disciples if I here analysed the three years' work intended to be done during the full moon periods as outlined to you by me. Each year saw an addition to or expansion of the work and an enlargement of the concept. I seek now to make it all clearer to you, thus laying the foundation for the work to be done during the coming years, if you desire to continue with the work.

4. Có lẽ sẽ hữu ích cho tất cả các đệ tử nếu ở đây Tôi phân tích công việc của ba năm dự kiến thực hiện trong các kỳ trăng tròn như Tôi đã phác thảo cho các bạn. Mỗi năm, công việc lại có thêm một phần bổ sung hoặc mở rộng, và quan niệm cũng được mở rộng hơn. Giờ đây, Tôi tìm cách làm cho tất cả những điều này trở nên rõ ràng hơn với các bạn, qua đó đặt nền tảng cho công việc sẽ thực hiện trong những năm tới, nếu các bạn mong muốn tiếp tục công việc này.

Let us get these instructions into tabular form for the sake of clarity.

Chúng ta hãy trình bày những huấn thị này dưới dạng bảng cho rõ ràng.

1. The first thing which I emphasised to you was that this was a group endeavour, and that **its success depended upon the group fusion, the group love and the group understanding.**

1. Điều đầu tiên Tôi nhấn mạnh với các bạn là đây là một nỗ lực nhóm, và **thành công của nó tùy thuộc vào sự dung hợp nhóm, tình thương nhóm và sự thấu hiểu của nhóm.**

5. Always and ever in these instructions the group idea is inescapable. The energies of

5. Trong những huấn thị này, lúc nào và bao giờ cũng không thể tách rời ý tưởng nhóm.

group fusion, group love and group understanding are indispensable. We should remember this as we seek for the methods of success in our own group work.

Các năng lượng của sự dung hợp nhóm, tình thương nhóm và sự thấu hiểu của nhóm đều không thể thiếu. Chúng ta nên nhớ điều này khi tìm kiếm những phương pháp để thành công trong công việc nhóm của chính mình.

The success of the desired inner contact was based upon a realised group relation. It was intended to be an endeavour which would be the outgrowth of a love, stabilised in and accentuated by all the group members.

Thành công của sự tiếp xúc nội tâm mong muốn dựa trên một mối quan hệ nhóm đã được nhận biết. Nỗ lực ấy phải là kết quả tự nhiên của một tình thương mà mọi thành viên trong nhóm đều củng cố và làm sâu sắc thêm. Vì vậy,

6. We remind ourselves that this "love" is necessarily *group* love.

6. Chúng ta tự nhắc mình rằng "tình thương" này nhất thiết phải là tình thương *nhóm*.

Hence my constant reiteration of the need of love between the group members. Towards the establishing of this loving relationship, I have been working for years with all of you.

Tôi luôn nhắc lại sự cần thiết của tình thương giữa các thành viên trong nhóm. Suốt nhiều năm, Tôi đã làm việc với tất cả các bạn để thiết lập mối quan hệ thương yêu này.

7. For all his amazing knowledge, Master DK is a Master on the second ray of Love-Wisdom. It is the *love* energy which lies at the root of all He is attempting.

7. Dù có tri thức đáng kinh ngạc đến đâu, Chân sư DK vẫn là một Chân sư thuộc cung hai Bác Ái – Minh Triết. Chính năng lượng *bác ái* là nền tảng của mọi điều Ngài đang nỗ lực thực hiện.

You may perhaps have believed that I did so in order that your group work in relation to your individual endeavour might be successful. That was not the major intent.

Có lẽ các bạn đã tin rằng Tôi làm như vậy để công việc nhóm của các bạn, trong mối liên hệ với nỗ lực cá nhân, có thể thành công. Đó không phải là ý định chủ yếu.

8. The disciples were ever ready to interpret the Master's instructions in terms of their potential individual progress. Is this how we interpret?

8. Các đệ tử luôn sẵn sàng diễn giải những huấn thị của Chân sư theo sự tiến bộ cá nhân mà họ có thể đạt được. Chúng ta có diễn giải theo cách này không?

The forming of units for special service in organising the life forces, processes and forms for the new technique of Approach to God or to the Hierarchy (which is the

Việc hình thành các đơn vị phụng sự chuyên biệt nhằm tổ chức các mãnh lực sự sống, các tiến trình và hình tướng cho kỹ thuật mới để Tiếp Cận Thượng đế hay Thánh đoàn, vốn là

intermediary between spiritual reality and human life) was and is the major objective.

trung gian giữa thực tại tinh thần và đời sống con người, đã và vẫn là mục tiêu chủ yếu.

9. Master DK discriminates between major and minor objectives. Individual objectives are always secondary.

9. Chân sư DK phân biệt các mục tiêu chính và phụ. Các mục tiêu cá nhân luôn là thứ yếu.

10. We note the meaning of "spiritual reality" and that it is (interestingly) *not* found on the plane on which Hierarchy functions. "Spiritual reality" *often* pertains to the spiritual triad (on which plane the Hierarchy *does* function) but (in this instance) it pertains more specifically to the Monad and to Shamballa (implicating the first two subplanes of the cosmic physical plane—planes on which Hierarchy is not focussed).

10. Chúng ta lưu ý ý nghĩa của "thực tại tinh thần" và điều thú vị là thực tại ấy *không* hiện diện trên cõi mà Thánh đoàn hoạt động. "Thực tại tinh thần" *thường* liên quan đến Tam Nguyên Tinh Thần (trên cõi ấy, Thánh đoàn *quả có* hoạt động), nhưng (trong trường hợp này) thực tại ấy liên quan cụ thể hơn đến Chân thần và Shamballa (hàm ý hai cõi phụ đầu tiên của cõi hồng trần vũ trụ—những cõi mà Thánh đoàn không tập trung hoạt động).

Upon this statement I would ask you to ponder with renewed interest. Your interpretations are so often motivated by an unrealised spiritual selfishness and an undue emphasis upon your specific group importance.

Tôi đề nghị các bạn suy ngẫm về lời khẳng định này với sự quan tâm mới mẻ. Những cách diễn giải của các bạn rất thường xuất phát từ một sự ích kỷ tinh thần mà các bạn chưa nhận ra, cùng với việc nhấn mạnh quá mức tầm quan trọng của nhóm riêng mình.

11. Spiritual selfishness would not be so great a threat to our work together if it were *realized.* The Master sees much more in us than we see of ourselves. We tend to think that our problems are not so deep or that we are more aware of them than we really are; He knows otherwise. When the true sources of our motivation are revealed to us (either by the Master or by an increasing depth of self-understanding) we are often shocked.

11. Sự ích kỷ tinh thần sẽ không đe dọa lớn đến thế đối với công việc chung của chúng ta nếu chúng ta *nhận ra nó.* Chân sư thấy ở chúng ta nhiều điều hơn hẳn những gì chúng ta tự thấy ở mình. Chúng ta có xu hướng nghĩ rằng những vấn đề của mình không sâu xa đến thế, hoặc rằng mình nhận biết chúng rõ hơn mức thực sự nhận biết; Ngài biết sự thật khác hẳn. Khi chúng ta thấy rõ những nguồn gốc thực sự của động cơ thúc đẩy mình (nhờ Chân sư chỉ ra hoặc nhờ sự thấu hiểu bản thân ngày càng sâu sắc), chúng ta thường sửng sốt.

12. It is the *group* that is of importance; it is not *we* who are of importance in relation to the group. The subduing of the ego is a

12. Chính *nhóm* mới quan trọng; trong mối quan hệ với nhóm, điều quan trọng không phải là *chúng ta.* Việc chế ngự cái tôi là một

tremendous process; metaphorically (and in the language of the *Labours of Hercules*) the "Lion" is ever escaping from the second entrance of the 'cave of confrontation'. Our own egoism so often escapes detection.

tiến trình vô cùng lớn lao; theo nghĩa ẩn dụ (và theo ngôn ngữ của *Các Kỳ Công của Hercules*), "Sư Tử" luôn thoát ra qua lối vào thứ hai của 'hang động đối diện'. Chúng ta rất thường không phát hiện được tính vị kỷ của chính mình.

The groups are simply the field for hierarchical expression, and **we**are not yet convinced that the expenditure of force on our part is warranted by the results achieved.

Các nhóm chỉ đơn giản là lĩnh vực để Thánh đoàn biểu hiện, và **chúng tôi** vẫn chưa tin chắc rằng những kết quả đạt được xứng đáng với mãnh lực mà chúng tôi đã bỏ ra.

13. The word "we", as used here, means the Masters who are supervising this project. Among them would be, certainly, Masters KH and M.

13. Từ "chúng tôi" dùng ở đây chỉ các Chân sư đang giám sát dự án này. Chắc chắn trong số đó có Chân sư KH và Chân sư M.

The group members have been primarily [51] occupied with the registering of the more phenomenal results and with what they, as individuals, sensed, and have neglected to pay due attention to the inner group relation which is the only thing of major importance.

Các thành viên trong nhóm chủ yếu [51] bận tâm ghi nhận những kết quả mang tính hiện tượng nổi bật hơn và những gì họ cảm nhận với tư cách cá nhân, mà đã lơ là việc chú ý đúng mức đến mối quan hệ nội tâm của nhóm, vốn là điều duy nhất có tầm quan trọng chủ yếu.

14. The advice here given by the Master applies directly to our own approach. Students tend to emphasize the phenomenal and not the essential or noumenal.

14. Lời khuyên Chân sư đưa ra ở đây áp dụng trực tiếp cho cách tiếp cận của chính chúng ta. Các đạo sinh có xu hướng nhấn mạnh khía cạnh hiện tượng mà không chú trọng khía cạnh cốt yếu hay bản thể.

15. Over and again the importance of the theme of "group relation" is emphasized.

15. Tầm quan trọng của chủ đề "mối quan hệ nhóm" được nhấn mạnh hết lần này đến lần khác.

It is the only thing which will release the stored up energy on the subjective side.

Đó là điều duy nhất sẽ giải phóng năng lượng tích trữ ở phương diện chủ quan.

16. This is an interesting sentence. Apparently there is considerable energy which can be released if right group relation is cultivated. This is an Aquarian idea; the

16. Đây là một câu thú vị. Dường như có một lượng năng lượng đáng kể có thể được giải phóng nếu vun bồi mối quan hệ nhóm đúng đắn. Đây là một ý tưởng mang tính Bảo Bình;

wholeness of the rightly functioning group can release an energy far greater than that released by the sum of its parts.

tính toàn vẹn của một nhóm hoạt động đúng đắn có thể giải phóng một năng lượng lớn hơn nhiều so với năng lượng do tổng các thành phần của nhóm giải phóng.

2. **The second factor** of importance is **deep recognition of the subjective reality of the spiritual world.** I, in myself, as you thought of me, am only the symbol of that world, as are other Masters, focussed—as channels of contact and service—in the Hierarchy.

2. **Yếu tố** quan trọng thứ hai là **sự nhận biết sâu sắc về thực tại chủ quan của thế giới tinh thần.** Bản thân Tôi, theo cách các bạn hình dung về Tôi, chỉ là biểu tượng của thế giới ấy, cũng như các Chân sư khác, quy tụ trong Thánh đoàn với vai trò những kênh tiếp xúc và phụng sự.

17. We have a most interesting point of view concerning the nature of a Master—the Master as a *symbol* of the spiritual world. This is far from consideration of the Master as an object of devotion or as an end in Himself.

17. Chúng ta có một quan điểm hết sức thú vị về bản chất của một Chân sư—Chân sư như một *biểu tượng* của thế giới tinh thần. Quan điểm này khác xa với việc xem Chân sư là đối tượng của lòng sùng tín hay xem chính Ngài là mục đích tối hậu.

You, as a group, unitedly and together, were asked to approach me and to contact me just as, in the coming New Age, the **churches of the future will** (at the full moon period) make a definite approach to the Hierarchy in order to

Với tư cách một nhóm, các bạn đã được yêu cầu hợp nhất và cùng nhau tiếp cận Tôi, tiếp xúc với Tôi, cũng như trong Kỷ Nguyên Mới sắp tới, các **giáo hội tương lai sẽ** thực hiện một sự tiếp cận rõ rệt với Thánh đoàn vào kỳ trăng tròn, nhằm

18. We see the manner in which the requirements placed before the group by Master DK prefigured an aspect of the New World Religion—the correct approach of the churches to the Hierarchy.

18. Chúng ta thấy những yêu cầu Chân sư DK đặt ra cho nhóm đã báo trước một phương diện của Tôn Giáo Thế Giới Mới như thế nào—sự tiếp cận đúng đắn của các giáo hội với Thánh đoàn.

a. **Intensify their spiritual life** by the bringing in of spiritual force, with deliberation and consciously.

a. **Tăng cường đời sống tinh thần** bằng cách đưa mãnh lực tinh thần vào một cách có chủ đích và có ý thức.

19. One great advantage of correctly approaching the Hierarchy is given. This is so for both groups of disciples and, later, for the churches of the future.

19. Một lợi ích lớn của việc tiếp cận Thánh đoàn đúng đắn đã được nêu ra. Điều này đúng với cả các nhóm đệ tử lẫn các giáo hội tương lai về sau.

20. In case anyone had wondered whether there would actually be churches in the future, the question seems answered.

20. Nếu có ai từng tự hỏi liệu trong tương lai có thực sự còn các giáo hội hay không, thì dường như câu hỏi ấy đã có lời giải đáp.

21. We note that the churches will definitely be active at the time of the Full Moon. Most church members today would find this a fanciful idea—at best.

21. Chúng ta lưu ý rằng các giáo hội chắc chắn sẽ hoạt động vào thời điểm Trăng Tròn. Ngày nay, phần lớn tín đồ các giáo hội có lẽ sẽ cho rằng ý tưởng này, cùng lắm, cũng chỉ là chuyện viển vông.

22. We also note that the approach of the churches to the Hierarchy will be deliberate (definitely willed) and conscious.

22. Chúng ta cũng lưu ý rằng các giáo hội sẽ tiếp cận Thánh đoàn một cách có chủ đích (bằng ý chí rõ rệt) và hữu thức.

b. **Achieve spiritual illumination** through contact with the powerhouse of light, the Hierarchy.

b. **Đạt được sự soi sáng tinh thần** qua việc tiếp xúc với nguồn phát ánh sáng đầy uy lực là Thánh đoàn.

23. The membership of the many churches does not usually think, today, in terms of access to light. This spiritual illumination will descend from soul, triad and Hierarchy.

23. Ngày nay, tín đồ của nhiều giáo hội thường không nghĩ đến việc tiếp cận ánh sáng. Sự soi sáng tinh thần này sẽ giáng xuống từ linh hồn, Tam Nguyên Tinh Thần và Thánh đoàn.

24. It would seem that the churches will pay much more attention to the mental dimension than is presently the case.

24. Dường như các giáo hội sẽ chú trọng đến chiều kích trí tuệ nhiều hơn hẳn hiện nay.

25. We should remember that Hierarchy is also a great source of power. This is not only true for Shamballa. Hierarchy is a "powerhouse of light". This is a great idea.

25. Chúng ta nên nhớ rằng Thánh đoàn cũng là một nguồn quyền năng lớn lao. Điều này không chỉ đúng với Shamballa. Thánh đoàn là một "nguồn phát ánh sáng đầy uy lực". Đây là một ý tưởng lớn lao.

c. **Store up strength** for increased dynamic activity for an ensuing period of service.

c. **Tích trữ sức mạnh** để gia tăng hoạt động năng động cho một giai đoạn phụng sự tiếp theo.

26. The first ray aspects of Hierarchy are being emphasized. Hierarchy is not only a source of light and love but of great *strength.*

26. Những phương diện cung một của Thánh đoàn đang được nhấn mạnh. Thánh đoàn không chỉ là nguồn ánh sáng và tình thương mà còn là nguồn *sức mạnh* lớn lao.

27. We should perhaps remember that our empowerment descends from above.

27. Có lẽ chúng ta nên nhớ rằng quyền năng mà chúng ta nhận được tuôn xuống từ bên trên.

d. **Bring about a fusion** between the objective and subjective life of humanity.

d. **Tạo nên sự dung hợp** giữa đời sống khách quan và chủ quan của nhân loại.

28. Hierarchy holds the secret of fusion. The objective and subjective life of humanity are presently quite split. To use the common illustration, many people go to church on Sunday, and then live the rest of the week as if they had not been there at all.

28. Thánh đoàn nắm giữ bí quyết dung hợp. Hiện nay, đời sống khách quan và chủ quan của nhân loại khá tách biệt. Lấy một ví dụ quen thuộc, nhiều người đến nhà thờ vào Chủ nhật, rồi sống những ngày còn lại trong tuần như thể họ chưa hề đến đó.

29. Hierarchy seeks to promote a *factual fusion* of 'inner' and 'outer' in the lives of its disciples and, eventually, in the churches (by which so many people are conditioned).

29. Thánh đoàn tìm cách thúc đẩy một sự *dung hợp thực sự* giữa 'bên trong' và 'bên ngoài' trong đời sống các đệ tử của mình, và cuối cùng, trong các giáo hội (vốn có ảnh hưởng định hình rất nhiều người).

30. The question of a successful fusion of 'inner' and 'outer' is a question of *integrity.*

30. Vấn đề dung hợp thành công 'bên trong' và 'bên ngoài' là vấn đề về *tính toàn vẹn.*

3. This leads to a Technique of Approach, based upon the realisation of the above objectives, to an effort to see me (as I symbolise for you the spiritual vision), and to the establishing of a pathway of Approach, symbolised in the ritual I gave you as a golden band of light.

3. Điều này dẫn đến một Kỹ thuật Tiếp Cận, dựa trên sự nhận biết những mục tiêu nêu trên, đến một nỗ lực nhìn thấy Tôi, vì đối với các bạn, Tôi tượng trưng cho tầm nhìn tinh thần, và đến việc thiết lập một con đường Tiếp Cận, được biểu thị trong nghi thức Tôi đã trao cho các bạn bằng một dải ánh sáng vàng kim.

31. Hierarchy is interested in teaching its disciples to approach it correctly. On a slightly lower turn of the spiral, the Master is interested in teaching His disciples to approach Him and His Ashram correctly.

31. Thánh đoàn quan tâm đến việc dạy các đệ tử của mình tiếp cận Thánh đoàn đúng cách. Trên một vòng xoắn ốc thấp hơn đôi chút, Chân sư quan tâm đến việc dạy các đệ

tử của Ngài tiếp cận Ngài và Ashram của Ngài đúng cách.

32. The Ashram and the outer groups of disciples are to be fused and blended. To simply *speak* of the Ashram without merging with it proves that the Ashram is not a *real* factor in the life of the one speaking.

32. Ashram và các nhóm đệ tử bên ngoài phải dung hợp và hòa quyện với nhau. Chỉ đơn thuần *nói* về ashram mà không hòa nhập với ashram chứng tỏ rằng ashram không phải là một yếu tố *thực sự* trong đời sống của người đang nói.

This you were to visualise as extending between yourselves, as a group, to your Tibetan brother.

Các bạn phải hình dung dải ánh sáng này trải dài từ chính các bạn, với tư cách một nhóm, đến người huynh đệ Tây Tạng của các bạn.

33. We notice the word, "brother". DK keeps before His students the notion that He is to them both a Master and a brother.

33. Chúng ta chú ý đến từ "huynh đệ". Chân sư DK luôn nhắc các môn sinh của Ngài nhớ rằng đối với họ, Ngài vừa là một Chân sư vừa là một huynh đệ.

This pathway of Approach is the Path which it is planned should constitute a more familiar symbol than has hitherto been the case in the religious life of the race.

Con đường Tiếp Cận này là Đường Đạo mà theo dự định sẽ trở thành một biểu tượng quen thuộc hơn trước đây trong đời sống tôn giáo của nhân loại.

34. We can see that Master DK is proposing for His discipleship groups the use of certain symbols which will later gain a far broader utility.

34. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang đề xuất cho các nhóm đệ tử của Ngài việc sử dụng một số biểu tượng mà sau này sẽ có phạm vi ứng dụng rộng lớn hơn nhiều.

35. We are given hints, therefore, concerning the method of work pursued by a Master. Experimentation on a small scale will proceed the full-blown offering of a technique to greater numbers of people.

35. Do đó, chúng ta nhận được những gợi ý về phương pháp làm việc của một Chân sư. Việc thử nghiệm trên quy mô nhỏ sẽ đi trước việc giới thiệu một kỹ thuật hoàn chỉnh đến đông đảo mọi người hơn.

4. This pathway of light leads to the heart of a dark blue disk at the very centre of which you were told I could be contacted.

4. Con đường ánh sáng này dẫn đến tâm điểm của một đĩa màu lam sẫm, và các bạn đã được cho biết rằng ngay tại trung tâm của đĩa ấy, các bạn có thể tiếp xúc với Tôi.

36. Whether or not dark blue (or indigo) is to be considered an "exoteric" color with

36. Dù màu lam sẫm (hay màu chàm) có được xem là một màu "ngoại môn" đối với

respect to the second ray, at least as it is used here, it has a very *esoteric* significance.

cung hai hay không, thì ít nhất theo cách sử dụng ở đây, màu ấy mang một thâm nghĩa rất *nội môn*.

Those of you who are in any way adept at meditation work know well that the light in the head—when seen and [52] recognised—passes usually through three stages of intensification:

Những ai trong các bạn có phần thành thạo công việc tham thiền đều biết rõ rằng ánh sáng trong đầu, khi được nhìn thấy và [52] nhận biết, thường trải qua ba giai đoạn tăng cường:

37. DK now relates the blue disk to the growth of the phenomenon of the light in the head.

37. Giờ đây, Chân sư DK liên hệ đĩa màu lam với sự phát triển của hiện tượng ánh sáng trong đầu.

38. Is the Master suggesting that those who are in any way "adept" at meditation will definitely experience this light? Are we "adept" at meditation?

38. Có phải Chân sư đang gợi ý rằng những ai có phần "thành thạo" tham thiền chắc chắn sẽ trải nghiệm ánh sáng này? Chúng ta có "thành thạo" tham thiền không?

a. It is, first of all, a diffused light, surrounding the head, discovered later within the head and producing an inner radiance, which is the rudimentary halo.

a. Trước hết, đó là một ánh sáng khuếch tán bao quanh đầu, về sau được phát hiện bên trong đầu và tạo nên một sự tỏa sáng bên trong, vốn là hào quang sơ khai.

39. A nebular state precedes a more concentrated demonstration.

39. Một trạng thái dạng tinh vân xuất hiện trước một sự biểu hiện tập trung hơn.

40. We are here given the rudiments of the "halo" by which, in the popular mind, the saints are distinguished.

40. Ở đây, chúng ta được cho biết những nét sơ khai của "hào quang" mà trong quan niệm phổ biến, người ta dùng để nhận biết các vị thánh.

41. It becomes clear that whatever light demonstration may appear in a diffused manner surrounding the head originates *within* the head.

41. Điều này cho thấy rõ rằng bất kỳ biểu hiện ánh sáng nào xuất hiện theo cách khuếch tán quanh đầu đều bắt nguồn từ *bên trong* đầu.

b. This diffused light then consolidates and becomes an inner radiant sun.

b. Sau đó, ánh sáng khuếch tán này tập trung lại và trở thành một mặt trời rạng rỡ bên trong.

42. The process is very similar to the development of a sun or planet from a preliminary nebular state.

42. Tiến trình này rất giống với sự phát triển của một mặt trời hay hành tinh từ trạng thái tinh vân sơ khởi.

c. **Finally, at the centre of that sun, a point of dark blue, or a small indigo disk, appears. This is, in reality, the exit in the head through which the soul passes out of the world of phenomenal existence,** and it is the symbol of the path or the door into the kingdom of God. This is the symbolical interpretation of the phenomena.

c. **Cuối cùng, tại trung tâm mặt trời ấy xuất hiện một điểm màu lam sẫm, hay một đĩa nhỏ màu chàm. Thực ra, đây là lối thoát trong đầu mà qua đó linh hồn rời khỏi thế giới hiện tồn mang tính hiện tượng,** và đó là biểu tượng của con đường hay cánh cửa vào Thiên Giới. Đây là cách diễn giải mang tính biểu tượng về các hiện tượng ấy.

43. An important piece of occultism is here given.

43. Ở đây, một nội dung huyền bí học quan trọng được trình bày.

44. The two colors, yellow and dark blue, both pertain to the buddhic energy. Buddhi (ruled in part by Neptune) is an energy through which exit or escape can be effected.

44. Hai màu vàng và lam sẫm đều liên quan đến năng lượng Bồ đề. Bồ đề (do Sao Hải Vương cai quản một phần) là một năng lượng mà qua đó có thể thực hiện việc thoát ra hay giải thoát.

45. We are reminded that the "kingdom of God" does not exist in the world of phenomenal existence and that, to enter it, one must escape from this lower world.

45. Điều này nhắc chúng ta nhớ rằng "Thiên Giới" không tồn tại trong thế giới hiện tồn mang tính hiện tượng và muốn bước vào đó, người ta phải thoát khỏi thế giới thấp này.

46. By telling us that there is a "symbolical interpretation of the phenomena", DK also suggests that there is a literal, factual interpretation.

46. Khi cho chúng ta biết rằng có một "cách diễn giải mang tính biểu tượng về các hiện tượng", Chân sư DK cũng gợi ý rằng có một cách diễn giải theo nghĩa đen, dựa trên sự thực.

47. A deep search for revelation within the "indigo disk" would probably repay most meditators with increasing insight.

47. Việc tìm kiếm sâu xa sự mặc khải bên trong "đĩa màu chàm" có lẽ sẽ đem lại cho phần lớn những người hành thiền sự thấu suốt ngày càng sâu sắc.

As the group approaches nearer and nearer to reality, the pathway or the band of light shortens (symbolically) and in time, when you are expert in this work and when your

Khi nhóm ngày càng tiến gần thực tại, con đường hay dải ánh sáng sẽ ngắn lại theo nghĩa biểu tượng; và theo thời gian, khi các bạn thành thạo công việc này và bản chất

spiritual nature is truly intensified, you will enter almost immediately into, or through, the disk of blue and become aware of the higher consciousness, or divinity.

tinh thần của các bạn thực sự được tăng cường, các bạn sẽ gần như lập tức đi vào hoặc xuyên qua đĩa màu lam ấy và nhận biết tâm thức cao hơn, hay thiên tính.

48. The path or band of golden light may be considered symbolic of the antahkarana. It is, astrologically, Mercury leading to the Sun. There naturally comes a time when Mercury and the Sun are one, and the path of approach is no longer needed.

48. Có thể xem con đường hay dải ánh sáng vàng kim là biểu tượng của antahkarana. Về mặt chiêm tinh, đó là Sao Thủy dẫn đến Mặt Trời. Đương nhiên sẽ đến lúc Sao Thủy và Mặt Trời là một, và con đường tiếp cận không còn cần thiết nữa.

49. DK is telling us something interesting about the 'shortening' of the antahkarana. It occurs as access to the soul/triad is becoming more immediate. Meditative techniques naturally take longer when first instituted.

49. Chân sư DK đang cho chúng ta biết một điều thú vị về sự 'rút ngắn' của antahkarana. Điều này xảy ra khi việc tiếp cận linh hồn/ Tam Nguyên Tinh Thần ngày càng trở nên trực tiếp hơn. Đương nhiên, các kỹ thuật tham thiền đòi hỏi nhiều thời gian hơn khi mới bắt đầu áp dụng.

50. We note that, regardless of the soul ray, the colors gold and blue are to be visualized. There is something about the use of these colors which is fundamental to human development.

50. Chúng ta lưu ý rằng, bất kể cung linh hồn là cung nào, các màu vàng kim và lam đều cần được hình dung. Việc sử dụng những màu này có điều gì đó mang tính nền tảng đối với sự phát triển của con người.

51. Through the disk of blue both higher consciousness and divinity may be contacted. Divinity may be considered related to the spiritual triad and, even moreso, to the Spirit itself.

51. Qua đĩa màu lam, có thể tiếp xúc với cả tâm thức cao hơn lẫn thiên tính. Có thể xem thiên tính có liên hệ với Tam Nguyên Tinh Thần và, còn hơn thế nữa, với chính Tinh thần.

5. Three things are, at this stage, essential to success:

5. Ở giai đoạn này, có ba điều thiết yếu để thành công:

a. The mind must be "held steady in the light," and for this receptive experience all the previous work in meditation has been essential. Its positive, attentive activity has been an essential factor in producing the desired mind control.

a. Thể trí phải được "giữ vững trong ánh sáng", và đối với trải nghiệm tiếp nhận này, mọi công việc tham thiền trước đó đều thiết yếu. Hoạt động tích cực và chú tâm của thể trí đã là một yếu tố thiết yếu để tạo nên sự kiểm soát thể trí như mong muốn.

52. We learn that there is no way to enter the worlds of higher consciousness and divinity unless the mind can be "held steady in the light". The flitting mind blocks the doorway with its own unregulated activity.

52. Chúng ta học được rằng không có cách nào bước vào các thế giới của tâm thức cao hơn và thiên tính trừ khi thể trí có thể được "giữ vững trong ánh sáng". Thể trí dao động liên tục chặn kín cánh cửa bằng chính hoạt động thiếu điều tiết của nó.

b. The creative imagination, involving as it does the power to visualise, has also to be developed and consciously used in obedience to instruction in the early stages. This obedience has to be rendered voluntarily, even though blindly, before the true objectives can be grasped.

b. Sự tưởng tượng sáng tạo, vốn bao hàm quyền năng hình dung, cũng phải được phát triển và sử dụng có ý thức theo đúng huấn thị trong những giai đoạn đầu. Sự tuân phục này phải là tự nguyện, dù còn mù quáng, trước khi có thể nắm bắt các mục tiêu đích thực.

53. A steady mind and a well-controlled creative imagination are both necessary to the task. The imagination is to be used to visualize only certain images—not whatever the imagination might produce on its own.

53. Một thể trí vững vàng và sự tưởng tượng sáng tạo được kiểm soát tốt đều cần thiết cho nhiệm vụ này. Chỉ nên dùng sự tưởng tượng để hình dung những hình ảnh nhất định—không phải bất cứ điều gì mà sự tưởng tượng có thể tự tạo ra.

54. We note the Tibetan's use of the word "obedience". One wonders whether His instructions have been followed obediently.

54. Chúng ta lưu ý việc Chân sư Tây Tạng dùng từ "vâng lời". Chúng ta tự hỏi liệu những huấn thị của Ngài đã được tuân theo một cách vâng lời hay chưa.

55. The Master knows that His chelas cannot know the entirety of the why and wherefore of His instructions. He simply asks for their voluntary acquiescence in the performance of the meditation. Since the exercise is potent, the results will take care of themselves.

55. Chân sư biết rằng các đệ tử của Ngài không thể biết trọn vẹn mọi lý do và căn nguyên đằng sau những huấn thị của Ngài. Ngài chỉ yêu cầu họ tự nguyện chấp thuận thực hành bài thiền. Vì bài tập này có hiệu lực mạnh mẽ, kết quả sẽ tự đến.

56. The Master does not *demand* that we do what He suggests, but *expects* that we will.

56. Chân sư không *đòi hỏi* chúng ta làm điều Ngài gợi ý, nhưng Ngài *kỳ vọng* rằng chúng ta sẽ làm.

c. Results must be expected and an inner sensitivity developed which will eventually

c. Phải mong đợi kết quả và phát triển một sự nhạy cảm nội tâm, để cuối cùng không

obviate surprise and lead to a conscious recognition of achievement.

còn ngạc nhiên và tiến đến sự nhận biết có ý thức về thành tựu.

57. We note that in the performance of this exercise, "results must be expected". The attitude, then, is to be both positive and expectant. One is acting *as if* the exercise used has potency and will deliver.

57. Chúng ta lưu ý rằng khi thực hành bài tập này, "phải mong đợi kết quả". Vì vậy, thái độ phải vừa tích cực vừa mong đợi. Chúng ta hành động *như thể* bài tập đang sử dụng có hiệu lực và sẽ đem lại kết quả.

58. The approach suggested is to become a *natural* approach, and the results encountered are to become, eventually, no longer the cause of surprise (which can be disruptive of the process).

58. Cách tiếp cận được gợi ý phải trở thành một cách tiếp cận *tự nhiên*, và cuối cùng, những kết quả đạt được sẽ không còn gây ngạc nhiên nữa (vì sự ngạc nhiên có thể làm gián đoạn tiến trình).

59. DK wants His students to achieve and to *know* that they have achieved and can achieve at will. They are being led towards occult proficiency in the Technique of Approach.

59. Chân sư DK muốn các môn sinh của Ngài đạt được thành tựu và *biết* rằng họ đã đạt được thành tựu và có thể đạt được thành tựu theo ý muốn. Ngài đang dẫn dắt họ đến sự thành thạo về mặt huyền bí trong Kỹ Thuật Tiếp Cận.

This sensitivity may differ according to ray and [53] type, but **the general indications will be in the field of similarity** and of group value.

Sự nhạy cảm này có thể khác nhau tùy theo cung và [53] loại người, nhưng **những dấu hiệu chung sẽ có tính tương đồng** và mang giá trị nhóm.

60. DK is telling His chelas that though the results of a growing sensitivity may differ according to ray type, the results will have enough in common to be of "group value". There will be a commonalty of resultant recognitions. The factual presence of the Master should be one such recognition in common.

60. Chân sư DK đang nói với các đệ tử của Ngài rằng dù kết quả của sự nhạy cảm ngày càng tăng có thể khác nhau tùy theo loại cung, những kết quả ấy vẫn sẽ có đủ điểm chung để mang "giá trị nhóm". Những nhận biết đạt được sẽ có tính chung. Sự hiện diện thực sự của Chân sư hẳn là một trong những điều được cùng nhận biết như thế.

All this was the objective of the work I outlined. Much remained to be done, and each year I have expanded the concept and laid the foundation for future work to be carried forward with steadfastness over a long period of time. A beginning has been made.

Tất cả những điều này là mục tiêu của công việc Tôi đã phác thảo. Vẫn còn nhiều việc phải làm, và mỗi năm Tôi đều mở rộng quan niệm, đặt nền móng cho công việc tương lai sẽ được tiến hành kiên định trong một thời gian dài. Một sự khởi đầu đã được thực hiện.

61. Master DK has reviewed the objective of the initial phases of the Full Moon work.

61. Chân sư DK đã xem xét lại mục tiêu của những giai đoạn đầu trong công việc Trăng Tròn.

62. That "foundation for the future", again, relates to the use of these approaches in the churches of the future. Foundations are being laid for the establishment of the New World Religion.

62. Một lần nữa, "nền móng cho tương lai" ấy liên quan đến việc sử dụng những cách tiếp cận này trong các giáo hội tương lai. Những nền móng đang được đặt ra cho việc thiết lập Tôn Giáo Thế Giới Mới.

63. We note that that which the Master has established admits of expansion and elaboration.

63. Chúng ta lưu ý rằng những gì Chân sư đã thiết lập đều có thể được mở rộng và phát triển thêm.

64. We do notice how very carefully Master DK allows for the factor of *assimilation.* In this meditation work he gives only that which can be assimilated. He does not overload His chelas.

64. Chúng ta quả thực nhận thấy Chân sư DK cân nhắc rất cẩn thận yếu tố *đồng hóa.* Trong công việc tham thiền này, Ngài chỉ trao những gì có thể được đồng hóa. Ngài không khiến các đệ tử của Ngài quá tải.

II

II

In the second stage of the work outlined by me when you had worked for a year at this full moon activity, I began to widen the teaching and I added to the earlier technique. **In the religion of the future, three years will always be given to training the youth of the period (from the ages of fifteen to eighteen) in a preparatory technique of Approach.**

Trong giai đoạn thứ hai của công việc Tôi đã phác thảo, khi các bạn đã thực hiện hoạt động vào kỳ trăng tròn này được một năm, Tôi bắt đầu mở rộng giáo huấn và bổ sung cho kỹ thuật trước đó. **Trong tôn giáo tương lai, người ta sẽ luôn dành ba năm để huấn luyện thanh thiếu niên của thời đại ấy, từ mười lăm đến mười tám tuổi, về một kỹ thuật Tiếp Cận dự bị.**

65. The New Seed Group was an experimental group is a number of respects. New techniques were tried out through this group.

65. Nhóm Hạt Giống Mới là một nhóm thực nghiệm trên một số phương diện. Những kỹ thuật mới đã được thử nghiệm thông qua nhóm này.

66. DK seems to be offering the embryo of the three year process which will be utilized in the training of youth within the New World Religion of the future.

66. Dường như Chân sư DK đang đưa ra phôi thai của tiến trình ba năm sẽ được sử dụng để huấn luyện thanh thiếu niên trong Tôn Giáo Thế Giới Mới của tương lai.

67. The fact that the three years of techniques will relate do the training of *youth* might tell the disciples under training something about their stage of development.

67. Việc ba năm thực hành các kỹ thuật sẽ liên quan đến việc huấn luyện *thanh thiếu niên* có thể cho các đệ tử đang được huấn luyện biết đôi điều về giai đoạn phát triển của họ.

The stages in the second year's activity were as follows:

Các giai đoạn trong hoạt động của năm thứ hai như sau:

1. The recognition by the group members of the necessity for a closer group relation within the circle of the group and with me. This is symbolic of the recognition of the world need of love, as exemplified by an attitude of goodwill and understanding, and a closer approach by humanity to the Hierarchy.

1. Các thành viên trong nhóm nhận biết sự cần thiết của một mối quan hệ nhóm mật thiết hơn trong vòng tròn của nhóm và với Tôi. Điều này tượng trưng cho sự nhận biết nhu cầu tình thương của thế giới, thể hiện qua thái độ thiện chí và thấu hiểu, cùng sự tiếp cận gần gũi hơn của nhân loại với Thánh đoàn.

68. Whereas the first year's activity emphasized the creative imagination through the visualization of *lighted* forms of different colors, the second year's activity focuses more on *love.*

68. Trong khi hoạt động của năm thứ nhất nhấn mạnh sự tưởng tượng sáng tạo thông qua việc hình dung các hình tướng có màu sắc khác nhau được *chiếu sáng,* hoạt động của năm thứ hai tập trung nhiều hơn vào *tình thương.*

69. A simple idea is put forward. The world stands in need of *love.* This must always be remembered.

69. Một ý tưởng đơn giản được đưa ra. Thế giới đang cần *tình thương.* Phải luôn ghi nhớ điều này.

In the past, the religious emphasis upon the esoteric side of instruction has been the approach of the individual man to the God within, to his own higher self, the soul, the first Master. In the future, the emphasis will be upon the united approach of humanity (as represented by an increasing number of groups of aspirants and disciples) to the Hierarchy.

Trong quá khứ, về mặt nội môn của giáo huấn, tôn giáo nhấn mạnh sự tiếp cận của cá nhân với Thượng đế bên trong, với chân ngã của chính mình, tức linh hồn, vị Chân sư đầu tiên. Trong tương lai, trọng tâm sẽ là sự tiếp cận hợp nhất của nhân loại với Thánh đoàn, được đại diện bằng số lượng ngày càng tăng các nhóm người chí nguyện và đệ tử.

70. Before the approach of humanity to the Hierarchy can be well established, those who represented humanity (namely "an

70. Trước khi sự tiếp cận của nhân loại với Thánh đoàn có thể được thiết lập vững chắc, những người đại diện cho nhân loại (cụ thể là "số lượng ngày càng tăng các nhóm người

increasing number of groups of aspirants and disciples") must be tried out.

chí nguyện và đệ tử") phải trải qua thử nghiệm.

71. This entire section deals with *group* approach. Group approach is something far broader and more beautiful than *individual* approach. Group approach is also something fundamentally foreign to the thinking and attitude of many, thus, it is easily discussed but put into practice only with difficulty.

71. Toàn bộ phần này bàn về sự tiếp cận của *nhóm.* Sự tiếp cận của nhóm rộng lớn và đẹp đẽ hơn nhiều so với sự tiếp cận của *cá nhân.* Sự tiếp cận của nhóm cũng là điều về cơ bản còn xa lạ với lối suy nghĩ và thái độ của nhiều người; do đó, bàn luận thì dễ nhưng đưa vào thực hành lại khó.

According to the status of the groups and their awareness and condition of illumination, so will be the grade of hierarchical Worker with Whom they will be in touch.

Tùy theo trình độ của các nhóm, sự nhận biết và mức độ soi sáng của họ mà cấp bậc của Vị Hoạt Động trong Thánh đoàn mà họ tiếp xúc sẽ tương ứng.

72. The greater the awareness and illumination of the approaching groups, the greater will be the grade of hierarchical worker they can touch. Desire and aspiration alone will not ensure this contact. It is group achievement in the field of consciousness which determines the nature of the higher contact possible.

72. Sự nhận biết và soi sáng của các nhóm đang tiếp cận càng lớn thì cấp bậc của vị hoạt động trong Thánh đoàn mà họ có thể tiếp xúc càng cao. Chỉ riêng dục vọng và khát vọng sẽ không bảo đảm sự tiếp xúc này. Chính thành tựu của nhóm trong lĩnh vực tâm thức quyết định bản chất của sự tiếp xúc cao hơn mà nhóm có thể đạt tới.

2. The recognition that in this work, **true occult obedience** or **the intelligent response to the urge of the group soul and to the "pull" of the Hierarchy,** is the next major requirement. This will produce the right carrying out of the required assigned technique and a complete refraining from [54] any interest in phenomenal results or an analysis (at this stage) of any reactions experienced. **Individual analysis hinders group recognition and true realisation. This is a point to be considered and remembered.**

2. Nhận biết rằng trong công việc này, yêu cầu chủ yếu tiếp theo là **sự tuân phục huyền môn đích thực,** hay **sự đáp ứng thông minh đối với thôi thúc của hồn nhóm và "sức hút" của Thánh đoàn.** Điều này sẽ dẫn đến việc thực hiện đúng kỹ thuật cần thiết đã được giao, đồng thời hoàn toàn tránh [54] mọi sự quan tâm đến kết quả hiện tượng hoặc việc phân tích, ở giai đoạn này, bất kỳ phản ứng nào đã trải nghiệm. **Sự phân tích cá nhân cản trở sự nhận biết của nhóm và sự chứng nghiệm đích thực. Đây là một điểm cần xem xét và ghi nhớ.**

73. "True occult obedience" is defined: "intelligent response to the urge of the group soul and to the 'pull' of the Hierarchy."

73. "Sự tuân phục huyền môn đích thực" được định nghĩa là: "sự đáp ứng thông minh

đối với thôi thúc của hồn nhóm và 'sức hút' của Thánh đoàn."

74. It seems clear that phenomena will occur when pursuing the suggested techniques, but that any focal concern with these phenomena is detrimental to the group process.

74. Dường như rõ ràng là các hiện tượng sẽ xảy ra khi thực hành những kỹ thuật được đề nghị, nhưng bất kỳ sự tập trung chú ý nào vào những hiện tượng này đều gây bất lợi cho tiến trình của nhóm.

3. The next step which I indicated to you was that in which I pointed out that these Full Moon Approaches required one entire week of inner activity, divided as follows:

3. Bước tiếp theo Tôi đã chỉ cho các bạn là việc Tôi nêu rõ rằng những kỳ Tiếp Cận Trăng Tròn này đòi hỏi trọn một tuần hoạt động nội tâm, được phân chia như sau:

75. As disciples advance in their development, the amount of time to be given to the Full Moon process increases.

75. Khi các đệ tử tiến bộ trong sự phát triển của mình, thời gian cần dành cho tiến trình Trăng Tròn cũng tăng lên.

a. The three days prior to the full moon were to be dedicated to preparation. This preparation involved **confidence**, which swept the brain (the focus of the physical plane expression) into the right condition; **aspiration,** which held the astral body in the right attitude; and **dedication**, which was the intelligent process, motivated by free will and involving mental concentration, which enabled the confident aspirant to "hold the mind steady in the light."

a. Ba ngày trước kỳ trăng tròn phải dành cho sự chuẩn bị. Sự chuẩn bị này bao gồm **niềm tin vững chắc**, đưa bộ não, tiêu điểm biểu hiện trên cõi hồng trần, vào trạng thái thích hợp; **khát vọng,** giữ thể cảm dục trong thái độ đúng đắn; và **sự hiến dâng**, vốn là tiến trình thông minh, được thúc đẩy bởi ý chí tự do và bao hàm sự tập trung trí tuệ, giúp người chí nguyện đầy tin tưởng có thể "giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng".

76. Three words are given as important when considering the phase of preparation for the Full Moon Work:

76. Ba từ được nêu là quan trọng khi xem xét giai đoạn chuẩn bị cho Công Việc Trăng Tròn:

a. Confidence—driving out doubt and any inhibition of right reception

a. Niềm tin vững chắc—xua tan nghi ngờ và mọi trở ngại đối với sự tiếp nhận đúng đắn

b. Aspiration—reorienting the astral body. The normal use of the astral body as an organ of lower desire and lower sensitivity will not serve in the treading of this Path of Approach.

b. Khát vọng—tái định hướng thể cảm dục. Việc sử dụng thể cảm dục theo cách thông thường như một cơ quan của dục vọng thấp kém và tính nhạy cảm thấp kém sẽ không đáp ứng được việc tiến bước trên Con Đường Tiếp Cận này.

c. Dedication. We note a rather elaborate description of "dedication". It is, first of all, an intelligent process, not strictly an emotional one. It involves both will and mind.

c. Sự hiến dâng. Chúng ta lưu ý rằng "sự hiến dâng" được mô tả khá tỉ mỉ. Trước hết, đó là một tiến trình thông minh , không thuần túy là một tiến trình cảm xúc. Nó bao hàm cả ý chí lẫn thể trí.

77. These three requirements represent three correct orientations within the personality—one for each of the personality vehicles.

77. Ba yêu cầu này biểu thị ba sự định hướng đúng đắn trong phàm ngã—mỗi sự định hướng dành cho một vận cụ của phàm ngã.

b. Then, there were the twelve hours on the day of the full moon, wherein **a consciously achieved contact** (dependent upon the success of the previous three days' work by the group) **became a definitely proven possibility.**

b. Tiếp đến là mười hai giờ trong ngày trăng tròn, khi **một sự tiếp xúc đạt được có ý thức**, tùy thuộc vào thành công của công việc ba ngày trước đó do nhóm thực hiện, **trở thành một khả năng đã được chứng minh rõ ràng.**

78. We note that contact is to be expected on the fourth day—the actual day of the Full Moon.

78. Chúng ta lưu ý rằng có thể trông đợi sự tiếp xúc vào ngày thứ tư—chính là ngày Trăng Tròn.

79. We note as well that if there is to be true contact with the Master, the Ashram and, in general, with divinity, three days of correct preparation are indispensable.

79. Chúng ta cũng lưu ý rằng để có sự tiếp xúc thực sự với Chân sư, với Ashram và, nói chung, với thiên tính, thì ba ngày chuẩn bị đúng đắn là điều không thể thiếu.

80. Master DK wants to move His chelas from faith and belief into proven knowledge. The Age of Aquarius is to be the 'Age of the Knower'.

80. Chân sư DK muốn đưa các đệ tử của Ngài từ đức tin và niềm tin đến tri thức đã được kiểm chứng. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ là 'Kỷ Nguyên của Thức Giả'.

81. We note also that it is the *group* which must work during the three days of preparation. Work strictly as an individual

81. Chúng ta cũng lưu ý rằng chính *nhóm* phải làm việc trong ba ngày chuẩn bị. Chỉ làm việc với tư cách cá nhân sẽ không bảo

will not ensure group success in this process.

đảm thành công của nhóm trong tiến trình này.

By training you in these early stages in the attempt to contact me, I was laying the ground for two eventualities: your future contact with your Master, prior to initiation, and a contact with the Hierarchy. This was intended to be symbolic of humanity's future contact.

Qua việc huấn luyện các bạn trong những giai đoạn đầu này để cố gắng tiếp xúc với Tôi, Tôi đang đặt nền móng cho hai khả năng về sau: sự tiếp xúc tương lai của các bạn với Chân sư của mình trước điểm đạo, và sự tiếp xúc với Thánh đoàn. Điều này nhằm tượng trưng cho sự tiếp xúc tương lai của nhân loại.

82. It is characteristic of Master DK's methods of training that He asks His chelas to perform certain processes without telling them the full reason for these processes. Later, He tells them.

82. Một nét đặc trưng trong các phương pháp huấn luyện của Chân sư DK là Ngài yêu cầu các đệ tử của Ngài thực hiện một số tiến trình mà không cho họ biết đầy đủ lý do của những tiến trình ấy. Về sau, Ngài mới cho họ biết.

83. By not telling them initially, He gives them the opportunity to come to their own direct realization of the purposes of the processes. He also tests their faith and occult obedience.

83. Bằng cách không cho họ biết ngay từ đầu, Ngài tạo cơ hội để họ tự mình trực tiếp nhận ra mục đích của các tiến trình ấy. Ngài cũng thử thách đức tin và sự tuân phục huyền môn của họ.

84. We note that prior to initiation, the Master must be contacted. We also recognize that contact with the Master precedes contact with the Hierarchy as a center of force.

84. Chúng ta lưu ý rằng trước khi điểm đạo, cần tiếp xúc với Chân sư. Chúng ta cũng nhận ra rằng sự tiếp xúc với Chân sư đi trước sự tiếp xúc với Thánh đoàn như một trung tâm mãnh lực.

85. Again, we see that the group is performing that which humanity will later perform.

85. Một lần nữa, chúng ta thấy rằng nhóm đang thực hiện điều mà sau này nhân loại sẽ thực hiện.

c. The three days succeeding the full moon period then were considered. In these days, it was pointed out, the personality could become conscious of the success of the previous work done and the subsequent contact.

c. Sau đó là việc xem xét ba ngày tiếp theo kỳ trăng tròn. Tôi đã chỉ ra rằng trong những ngày này, phàm ngã có thể nhận biết thành công của công việc đã thực hiện trước đó và sự tiếp xúc tiếp theo.

86. The work of the first three days must be performed with confidence, acting "as if" there will be success. Only later, during the last three days of distribution may the success of the earlier three days of approach be made evident.

86. Công việc trong ba ngày đầu phải được thực hiện với lòng tin tưởng, hành động "như thể" sẽ thành công. Chỉ về sau, trong ba ngày phân phối cuối cùng, thành công của ba ngày tiếp cận trước đó mới có thể trở nên rõ ràng.

87. Such coherent reviews of occult processes are of great value in promoting a coherent *understanding* of the processes.

87. Những sự ôn xét mạch lạc như thế về các tiến trình huyền bí có giá trị lớn trong việc thúc đẩy sự *thấu hiểu* mạch lạc về các tiến trình ấy.

That realisation would be facilitated by an inner attitude of registration (by the mind) of that which the soul has sought to impress upon it at the moment of attempted or achieved contact;

Sự nhận biết ấy sẽ thuận lợi hơn nhờ một thái độ nội tâm ghi nhận, do thể trí thực hiện, những gì linh hồn đã tìm cách ghi ấn lên thể trí vào thời điểm cố gắng tiếp xúc hoặc đã đạt được tiếp xúc;

88. Here we see that the soul and the Master are one. The period of impression occurs during the twelve hours preceding the Full Moon.

88. Ở đây, chúng ta thấy rằng linh hồn và Chân sư là một. Thời kỳ ghi ấn diễn ra trong mười hai giờ trước thời điểm Trăng Tròn.

89. We come to understand that impression may be occurring and yet brain registration of that impression be wanting.

89. Chúng ta dần thấu hiểu rằng sự ghi ấn có thể đang diễn ra, nhưng bộ não vẫn chưa ghi nhận được ấn tượng ấy.

90. The desired contact occurs, we find, on a level higher than the mind—at least higher than the concrete mind. Later, the concrete mind is impressed by that which has been registered and then formulates its version of the registration.

90. Chúng ta nhận thấy rằng sự tiếp xúc mong muốn diễn ra ở một cấp độ cao hơn thể trí—ít nhất là cao hơn trí cụ thể. Về sau, những gì đã được ghi nhận sẽ ghi ấn lên trí cụ thể, rồi trí cụ thể diễn đạt sự ghi nhận ấy theo cách riêng của nó.

by the sense of expectancy which the emotional nature would be trained to express and experience; and by the acknowledged attitude of the physical brain as it held [55] to the belief of true success, when the requirements had been duly met.

nhờ cảm thức mong đợi mà bản chất cảm xúc sẽ được huấn luyện để biểu lộ và trải nghiệm; và nhờ thái độ chấp nhận của bộ não hồng trần khi nó giữ vững [55] niềm tin vào thành công đích thực, một khi các yêu cầu đã được đáp ứng đúng mức.

91. There are three orientations by the mind, emotional nature and body which facilitate an outer realization of the inner impression:

91. Có ba định hướng của thể trí, bản chất cảm xúc và thân thể giúp cho việc nhận biết ở bên ngoài về ấn tượng bên trong trở nên thuận lợi:

a. The mind maintains an inner attitude of registration.

a. Thể trí duy trì một thái độ nội tâm ghi nhận.

b. The emotional nature is characterized by a sense of expectancy, to be experienced and expressed.

b. Bản chất cảm xúc mang đặc trưng là một cảm thức mong đợi, cần được trải nghiệm và biểu lộ.

c. The brain is to be *held to* "the belief of true success"; this is its correct attitude.

c. Bộ não cần *giữ vững* "niềm tin vào thành công đích thực"; đây là thái độ đúng đắn của nó.

92. An understanding of these requirements necessitates much slow pondering. Each of us should define in his own words what each of these three orientations may mean.

92. Việc thấu hiểu những yêu cầu này đòi hỏi nhiều suy ngẫm chậm rãi. Mỗi người chúng ta nên dùng lời của chính mình để xác định mỗi định hướng trong ba định hướng này có thể hàm ý điều gì.

It will be apparent to you, if you have followed the above in the right spirit, that from the very start I have been working towards objectives unrealised by you.

Nếu các bạn đã theo dõi những điều trên với tinh thần đúng đắn, các bạn sẽ thấy rõ rằng ngay từ đầu Tôi đã làm việc hướng đến những mục tiêu mà các bạn chưa nhận ra.

93. The distant vision of the Master is made apparent. It is clear how much an attitude of faith and trust is required of the chela and group of chelas.

93. Tầm nhìn xa của Chân sư trở nên rõ ràng. Rõ ràng là người đệ tử và nhóm đệ tử cần có thái độ đầy đức tin và tín nhiệm đến mức nào.

I am trusting that the importance of this full moon work will become increasingly clear to you and make you more eager to work as requested by me.

Tôi tin tưởng rằng tầm quan trọng của công việc vào kỳ trăng tròn này sẽ ngày càng rõ ràng hơn đối với các bạn và khiến các bạn tha thiết hơn với việc làm theo yêu cầu của Tôi.

94. This rather detailed explanation of the methods and procedures of the Full Moon work is meant to provide an incentive to an increasing eagerness for right performance

94. Phần giải thích khá chi tiết này về các phương pháp và quy trình của công việc Trăng Tròn nhằm khích lệ các đệ tử ngày

amongst chelas—chelas and disciples such as we are.

III

The third stage, outlined by me during the past year's work, brought in a far more complicated activity than heretofore. I explained to you, if you will remember, that at **the time of the full moon it was as if a door was opened between the Sun and Moon, making certain events of a spiritual nature possible.**

95. DK continues to refresh the memory of His chelas. If we analyze the quality of our own memory, we will realize why this refreshing is necessary.

96. The Full Moon periods must not be taken for granted. They are, indeed, moments of great opportunity, unrepeatable at other moments in the month.

97. What is the symbolism of the "Sun and Moon" as here presented? Shall we say that the Sun represents the Hierarchy, the Master and the soul, whereas the Moon represents the personality of the disciple and its vehicles?

The band of golden light, extending between the Sun and the Moon, completely "irradiated the lunar surface" (to use the ancient formula) and made possible certain revelations. To students such as you, the symbolism should be apparent and can be seen as inviting a dual interpretation:

98. The "lunar surface" suggests that which may be learned about the personality and its nature.

càng tha thiết thực hiện đúng đắn hơn—những đệ tử như chúng ta.

III

Giai đoạn thứ ba, được Tôi phác thảo trong công việc của năm vừa qua, đã đưa vào một hoạt động phức tạp hơn nhiều so với trước đây. Nếu các bạn còn nhớ, Tôi đã giải thích rằng vào **thời điểm trăng tròn, dường như có một cánh cửa mở ra giữa Mặt Trời và Mặt Trăng, khiến một số sự kiện mang bản chất tinh thần có thể xảy ra.**

95. Chân sư DK tiếp tục nhắc lại để các đệ tử của Ngài nhớ. Nếu phân tích phẩm chất trí nhớ của chính mình, chúng ta sẽ nhận ra vì sao việc nhắc lại này là cần thiết.

96. Không được xem các kỳ Trăng Tròn là điều hiển nhiên. Quả thật, đó là những thời điểm có cơ hội lớn lao, không thể lặp lại vào những thời điểm khác trong tháng.

97. "Mặt Trời và Mặt Trăng" được trình bày ở đây mang ý nghĩa biểu tượng gì? Liệu chúng ta có thể nói rằng Mặt Trời tượng trưng cho Thánh đoàn, Chân sư và linh hồn, còn Mặt Trăng tượng trưng cho phàm ngã của người đệ tử và các hiện thể của nó?

Dải ánh sáng vàng kim trải dài giữa Mặt Trời và Mặt Trăng đã hoàn toàn "chiếu sáng bề mặt Mặt Trăng", theo cách diễn đạt cổ xưa, và khiến một số sự mặc khải trở nên khả hữu. Đối với những đạo sinh như các bạn, ý nghĩa biểu tượng hẳn phải rõ ràng và có thể được nhìn nhận là gợi ra hai cách diễn giải:

98. "Bề mặt Mặt Trăng" gợi đến những điều có thể học biết về phàm ngã và bản chất của nó.

99. The revelation may also concern that which may be accomplished more broadly within the world of form on behalf of humanity.

99. Sự mặc khải cũng có thể liên quan đến những điều có thể thực hiện trên phạm vi rộng lớn hơn trong thế giới hình tướng vì lợi ích của nhân loại.

100. One wonders whether the *depths* of the lunar nature might not also be irradiated by the process?

100. Chúng ta tự hỏi liệu *những chiều sâu* của bản chất thái âm cũng có thể được chiếu sáng qua tiến trình này hay không?

1. It concerns the relation of the Solar Angel to the lunar forces, of the Sun and the Moon and their work in synthesis.

1. Nó liên quan đến mối quan hệ của Thái dương Thiên Thần với các mãnh lực thái âm, của Mặt Trời với Mặt Trăng và công việc tổng hợp của cả hai.

101. DK becomes technical about the meaning of the ancient formula. The Sun is given as representing the Solar Angel, and the Moon, the lunar forces.

101. Chân sư DK đi vào chi tiết chuyên môn về ý nghĩa của công thức cổ xưa. Mặt Trời được nêu là tượng trưng cho Thái dương Thiên Thần, còn Mặt Trăng tượng trưng cho các mãnh lực thái âm.

102. We know they must work together, and the band of golden light may reveal how they are to work.

102. Chúng ta biết cả hai phải cùng làm việc, và dải ánh sáng vàng kim có thể tiết lộ cách cả hai phải làm việc.

2. It concerns the relation of the Hierarchy to humanity and consequently, of the subjective world to the objective worlds, of the realm of causes to the realm of effects. Ponder on this.

2. Nó liên quan đến mối quan hệ của Thánh đoàn với nhân loại, và do đó, của thế giới chủ quan với các thế giới khách quan, của lĩnh vực nguyên nhân với lĩnh vực kết quả. Hãy suy ngẫm về điều này.

103. This is the broader interpretation, the first being more microcosmic. Here is a triple analogy: the Solar Angel/lunar forces = Hierarchy/humanity = subjective world/ objective worlds.

103. Đây là cách diễn giải rộng hơn, còn cách thứ nhất mang tính tiểu thiên địa hơn. Đây là một phép tương đồng tam phân: Thái dương Thiên Thần/các mãnh lực thái âm = Thánh đoàn/nhân loại = thế giới chủ quan/ các thế giới khách quan.

104. The world of the Sun is a “causal” world; the world of the Moon a realm of effects.

104. Thế giới của Mặt Trời là một thế giới “nguyên nhân”; thế giới của Mặt Trăng là một cõi của các hệ quả.

105. It is clear that the Full Moon opportunity allows us to free ourselves somewhat from the world of effects.

105. Rõ ràng, cơ hội vào kỳ Trăng Tròn cho phép chúng ta phần nào thoát khỏi thế giới của các hệ quả.

Individual approach must be merged into group approach, and the approach of groups will some day be superseded by the organised approach of humanity as a whole.

Sự tiếp cận cá nhân phải hòa vào sự tiếp cận nhóm, và một ngày kia, sự tiếp cận của các nhóm sẽ nhường chỗ cho sự tiếp cận có tổ chức của toàn thể nhân loại.

106. A three stage process is suggested:

106. Một tiến trình ba giai đoạn được gợi ra:

a. Individual approach

a. Sự tiếp cận cá nhân

b. Group approach

b. Sự tiếp cận nhóm

c. Organised approach of humanity as a whole

c. Sự tiếp cận có tổ chức của toàn thể nhân loại

This third stage can (like the two previous ones) be divided into the following activities, which require to be mentally grasped by the group:

Giai đoạn thứ ba này, cũng như hai giai đoạn trước, có thể chia thành những hoạt động sau đây mà nhóm cần nắm bắt bằng trí tuệ:

107. We are outlining the processes to be followed during the third of three years.

107. Chúng ta đang phác thảo những tiến trình cần tuân theo trong năm thứ ba của chu kỳ ba năm.

108. We note that the activities are to be "mentally grasped by the group"— *mentally,* and by the *group,* not just by the individuals in the group.

108. Chúng ta lưu ý rằng các hoạt động cần được "nhóm nắm bắt bằng trí tuệ"—*bằng trí tuệ,* và do *nhóm,* chứ không chỉ do những cá nhân trong nhóm.

1. That certain realisations become possible. These are two in number:

1. Một số sự chứng nghiệm trở nên khả hữu. Có hai sự chứng nghiệm như vậy:

[56]

[56]

a. **Realisation one:** That entrance upon the Path of Approach is possible for individuals, for groups, and for humanity as a whole, as a unit.

a. **Chứng nghiệm thứ nhất:** Các cá nhân, các nhóm và toàn thể nhân loại như một đơn vị đều có thể bước vào Con Đường Tiếp Cận.

109. There are three type of entrance possible: individual approach, group approach and approach for humanity as a whole.

109. Có ba hình thức bước vào khả hữu: sự tiếp cận cá nhân, sự tiếp cận nhóm và sự tiếp cận của toàn thể nhân loại.

110. The encompassing utility of the Full Moon Approach is thus revealed.

110. Như vậy, công dụng bao quát của Sự Tiếp Cận vào kỳ Trăng Tròn được hé lộ.

b. **Realisation two:** That energies, not usually or normally contacted, can be touched, grasped and utilised at the time of these Approaches, **provided that they are contacted in group formation.**Thus the individual, the group and humanity are enriched and vitalised.

b. **Chứng nghiệm thứ hai:** Vào thời điểm của những kỳ Tiếp Cận này, có thể chạm đến, nắm bắt và sử dụng những năng lượng vốn ít khi hoặc thông thường không được tiếp xúc, **với điều kiện việc tiếp xúc với chúng được thực hiện trong đội hình nhóm.** Nhờ vậy, cá nhân, nhóm và nhân loại được làm phong phú và tiếp sinh lực.

111. The uniqueness of the opportunity is accentuated.

111. Tính độc nhất của cơ hội này được nhấn mạnh.

112. The necessity of contact in group formation is also stressed. Group approach provides the necessary intensification. Even if the meditator is working apparently alone, he must approach *as a group* (i.e., as if *he were* the *group*). Is this possible to understand?

112. Sự cần thiết phải tiếp xúc trong đội hình nhóm cũng được nhấn mạnh. Sự tiếp cận theo nhóm tạo ra mức tăng cường cần thiết. Ngay cả khi người hành thiền có vẻ đang làm việc một mình, y vẫn phải tiếp cận *với tư cách một nhóm* (nghĩa là, như thể *y là* chính *nhóm ấy*). Chúng ta có thể thấu hiểu điều này chăng?

2. That the spiritual Hierarchy can, at these times, be approached, verified and known, thus leading to active conscious cooperation with the Plan which the Hierarchy serves.

2. Vào những thời điểm này, có thể tiếp cận, xác chứng và nhận biết Thánh đoàn, qua đó dẫn đến sự hợp tác tích cực, có ý thức với Thiên Cơ mà Thánh đoàn phụng sự.

113. We are dealing with the possibility of *verifying* the reality of the Spiritual Hierarchy. The following three words are to be pondered as indicating the type of opportunity available to individuals, groups and to humanity as a whole:

113. Chúng ta đang bàn đến khả năng *xác chứng* thực tại của Thánh đoàn. Cần suy ngẫm ba từ sau đây vì chúng chỉ ra loại cơ hội dành cho các cá nhân, các nhóm và toàn thể nhân loại:

a. Approach

a. Tiếp cận

b. Verification

c. Knowledge

It must be remembered that, on the side of the Hierarchy, a Technique of Approach to humanity will also be employed, and thus we have an essential dual activity.

114. A vital consideration is brought forward. Hierarchy, on its side, *is also approaching* the individual, groups and humanity. This is sometimes forgotten, it is not?

The first stage of this dual activity took place millions of years ago at the time of Individualisation, and produced the emergence of the fourth kingdom in nature, the human family.

115. At the time of individualization there was on the part of animal man an unconscious, inchoate up-reaching or aspiration towards participation in a new kingdom of nature, accompanied by a response from the fifth Creative Hierarchy of nature—that of the Solar Angels.

The second stage is being rapidly worked out today, and will produce the emergence of Initiation.

116. The approach by animal man to Hierarchy (in this case the Hierarchy of Solar Angels) produced a new kingdom in nature, the fourth or human kingdom.

117. Today's approach to Hierarchy by conscious humanity is also producing (where man is concerned) a new kingdom—

b. Xác chứng

c. Tri thức

Cần nhớ rằng về phía Thánh đoàn, một Kỹ thuật Tiếp Cận nhân loại cũng sẽ được sử dụng, và như vậy chúng ta có một hoạt động kép thiết yếu.

114. Một điều cần cân nhắc có tầm quan trọng thiết yếu được nêu ra. Về phía mình, Thánh đoàn *cũng đang tiếp cận* cá nhân, các nhóm và nhân loại. Đôi khi chúng ta quên điều này, phải không?

Giai đoạn đầu tiên của hoạt động kép này đã diễn ra cách đây hàng triệu năm vào thời kỳ Biệt ngã hóa, và tạo nên sự xuất hiện của giới thứ tư trong thiên nhiên, gia đình nhân loại.

115. Vào thời kỳ biệt ngã hóa, nơi người thú đã có một sự vươn lên hay khát vọng còn phôi thai, vô thức, hướng tới việc tham gia vào một giới mới trong thiên nhiên, đi kèm với sự đáp ứng từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm trong thiên nhiên—Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần.

Giai đoạn thứ hai hiện đang nhanh chóng được triển khai và sẽ tạo nên sự xuất hiện của Điểm đạo.

116. Việc người thú tiếp cận Huyền Giai (trong trường hợp này là Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần) đã tạo nên một giới mới trong thiên nhiên, giới thứ tư hay giới nhân loại.

117. Ngày nay, việc nhân loại có ý thức tiếp cận Thánh đoàn cũng đang tạo nên (xét về con người) một giới mới—Giới các Linh Hồn

the Kingdom of Souls or fifth kingdom. Of course the Kingdom of Souls already exists; it is, for one thing, formed of those human beings who have 'graduated' from the human kingdom. The Kingdom of Souls, however, is (with respect to our humanity) very small compared to what it will one day be.

hay giới thứ năm. Dĩ nhiên, Giới các Linh Hồn đã tồn tại; một trong những thành phần của giới này là những con người đã 'tốt nghiệp' giới nhân loại. Tuy nhiên, Giới các Linh Hồn (xét trong phạm vi nhân loại chúng ta) hiện còn rất nhỏ bé so với tầm vóc mà một ngày kia giới này sẽ đạt tới.

The intermediate stage is that of Integration.

Giai đoạn trung gian là giai đoạn Tích hợp.

118. We learn that Integration is considered to lie midway between Individualization and Initiation. We might compare Individualization, Integration and Initiation, to Isolated Individuality, Isolated Identity and Isolated Unity respectively.

118. Chúng ta biết rằng sự Tích Hợp được xem là nằm ở giữa sự Biệt Ngã Hóa và sự Điểm Đạo. Chúng ta có thể lần lượt so sánh sự Biệt Ngã Hóa, sự Tích Hợp và sự Điểm Đạo với Cá Thể Cô Lập, Bản Sắc Cô Lập và Hợp Nhất Cô Lập.

119. Integration is a capacity emerging in relation to the Aryan rootrace; it arises through the influence of Venus and the fifth ray.

119. Tích hợp là một năng lực xuất hiện trong mối liên hệ với giống dân gốc Arya; năng lực này phát sinh qua ảnh hưởng của Sao Kim và cung năm.

We have therefore the germ of a new scientific religion, called (as I have earlier pointed out) the Science of Approach.

Vì vậy, chúng ta có mầm mống của một tôn giáo khoa học mới, được gọi, như Tôi đã chỉ ra trước đây, là Khoa học Tiếp Cận.

120. The point to be grasped is that the new religion prepared through the Science of Approach is a *scientific* religion. Contact with the higher energies and even with what has been called "God" will occur consciously, predictably and under law.

120. Điểm cần nắm bắt là tôn giáo mới được chuẩn bị thông qua Khoa học Tiếp Cận là một tôn giáo mang tính *khoa học*. Sự tiếp xúc với các năng lượng cao hơn và ngay cả với điều từng được gọi là "Thượng đế" sẽ diễn ra một cách có ý thức, có thể dự đoán và tuân theo định luật.

It is one in which humanity can now consciously share, for their stage in evolution warrants it. Men can today grasp the objective, share in the united aspiration, and carry out the needed requirements.

Đây là một khoa học mà giờ đây nhân loại có thể tham gia một cách có ý thức, vì giai đoạn tiến hoá của họ cho phép điều đó. Ngày nay, con người có thể nắm bắt mục tiêu, cùng chia sẻ khát vọng hợp nhất và thực hiện những yêu cầu cần thiết.

121. It is apparent that humanity is now sufficiently mature to approach Deity through the mind as well as through emotion and aspiration.

121. Hiển nhiên, giờ đây nhân loại đã đủ trưởng thành để tiếp cận Thượng Đế qua thể trí cũng như qua cảm xúc và khát vọng.

122. Because human development has now reached this relative maturity, the emergence of a New World Religion is not only desirable but necessary. The Spirit will not long tolerate the continuance of outmoded and limiting practices in any field of human development.

122. Vì sự phát triển của nhân loại giờ đây đã đạt đến mức trưởng thành tương đối này, sự xuất hiện của một Tôn Giáo Thế Giới Mới không chỉ đáng mong muốn mà còn cần thiết. Tinh Thần sẽ không dung thứ lâu dài cho việc tiếp tục những phương thức thực hành lỗi thời và hạn chế trong bất kỳ lĩnh vực phát triển nào của nhân loại.

3. The time to be given, at this stage of the training, to the Full Moon Approach was shortened, but tremendously intensified, and the objective was to produce a far more dynamic activity.

3. Ở giai đoạn huấn luyện này, thời gian dành cho kỳ Tiếp Cận Trăng Tròn được rút ngắn, nhưng cường độ tăng lên rất mạnh, và mục tiêu là tạo nên một hoạt động năng động hơn nhiều.

123. Given a sufficient point of tension, far more may be accomplished than prolonged work at a lower point of tension.

123. Khi đạt một điểm tập trung nhất tâm đủ cao, chúng ta có thể hoàn thành nhiều hơn hẳn so với việc làm việc kéo dài ở một điểm tập trung nhất tâm thấp hơn.

124. We are living in times when "time is running out". The way to accomplish that which remains to be done before the advent of Hierarchy (and that amount is relatively great) is through intensified tension.

124. Chúng ta đang sống trong thời kỳ mà "thời gian đang cạn dần". Cách hoàn thành những gì còn phải làm trước khi Thánh đoàn xuất hiện (và khối lượng công việc ấy tương đối lớn) là tăng cường sự tập trung nhất tâm.

A state of tension had to be achieved, which would eventually release dynamic energy from—if possible—levels higher than that of the soul. Hence the need for group integration and work. This period was divided as follows:

Phải đạt đến một trạng thái tập trung nhất tâm, để cuối cùng giải phóng năng lượng năng động từ những cấp độ, nếu có thể, cao hơn cấp độ linh hồn. Vì vậy, cần có sự tích hợp nhóm và công việc nhóm. Giai đoạn này được phân chia như sau:

125. We see that a state of heightened tension is a requirement—we might almost say a *planetary* requirement, given the condition of the times.

125. Chúng ta thấy rằng một trạng thái tập trung nhất tâm cao độ là một yêu cầu—xét tình hình thời đại, chúng ta gần như có thể nói đó là một yêu cầu mang tính *hành tinh*.

126. Again, it is not only *desirable* that energy from levels higher than that of the soul be accessed, but a *necessity*.

126. Một lần nữa, việc tiếp cận năng lượng từ những cấp độ cao hơn cấp độ linh hồn không chỉ là điều *đáng mong muốn*, mà còn là một *điều cần thiết*.

127. If triadal energies are to be accessed, a truly achieved group integration is required.

127. Muốn tiếp cận các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần, nhóm phải thực sự đạt được sự tích hợp.

a. There were two days of intensive preparation.

a. Có hai ngày chuẩn bị chuyên sâu.

128. The period has been shortened from three days of preparation to two. The two days of preparation are, however, to be *intensive*.

128. Thời gian chuẩn bị đã được rút ngắn từ ba ngày xuống còn hai ngày. Tuy nhiên, hai ngày chuẩn bị này phải mang tính *chuyên sâu*.

This involved the achieving of a right attitude of a dual kind:

Điều này bao hàm việc đạt được một thái độ đúng đắn mang tính kép:

129. The duality required is both fusion and constant recollection.

129. Tính nhị nguyên cần có là cả sự dung hợp lẫn sự hồi tưởng liên tục.

The group member fused his outer activity and [57] his inner orientation into one blended concentrated spiritual activity.

Thành viên nhóm dung hợp hoạt động bên ngoài và [57] định hướng nội tâm của mình thành một hoạt động tinh thần hòa quyện và tập trung.

130. The outer activity is included in what is called “concentrated spiritual activity”.

130. Hoạt động bên ngoài nằm trong điều được gọi là “hoạt động tinh thần tập trung”.

He proceeded with his usual avocations, but at no time—whilst so occupied—was he to lose sight of the inner orientation and specific recollection.

Y tiếp tục những công việc thường ngày, nhưng trong khi bận rộn như vậy, không lúc nào được quên định hướng nội tâm và sự hồi tưởng cụ thể.

131. There is an interesting suggestion in this sentence—that that which usually preoccupies the disciple (in terms of outer activity) is really an *avocation* rather than a *vocation*.

131. Câu này gợi ra một điều thú vị—rằng điều thường khiến người đệ tử bận tâm (về mặt hoạt động bên ngoài) thực ra là một *công việc phụ* hơn là một *thiên chức*.

132. It is as if the disciple's true *vocation* is the inner work required at such a time of intensified availability of energy.

132. Dường như *thiên chức* đích thực của người đệ tử là công việc nội tâm cần thực hiện vào thời điểm năng lượng sẵn có ở mức gia tăng như vậy.

133. The requirement of a sustained dual activity seems simple enough to understand; can we sustain it, however?

133. Yêu cầu duy trì một hoạt động kép dường như khá dễ hiểu; tuy nhiên, chúng ta có thể duy trì hoạt động ấy không?

All the time he was outwardly busy, he was simultaneously occupied with a constant realisation of a retreat inward, a heightening of his vibration, and a raising of his consciousness.

Suốt thời gian bận rộn bên ngoài, y đồng thời luôn nhận biết việc lui vào nội tâm, nâng cao rung động và nâng cao tâm thức của mình.

134. Let us tabulate the requirements for sustaining the necessary dual activity:

134. Chúng ta hãy liệt kê các yêu cầu để duy trì hoạt động kép cần thiết:

a. A constant realization of a retreat inward

a. Liên tục nhận biết việc lui vào nội tâm

b. A heightening of the vibration

b. Nâng cao rung động

c. The raising of consciousness

c. Nâng cao tâm thức

135. The members of Hierarchy are ever capable of dual consciousness (in fact, of multiple consciousness). The periods of the Full Moon make it possible for us to rehearse the dual consciousness of which we must, eventually, become masters.

135. Các thành viên của Thánh đoàn luôn có khả năng duy trì tâm thức kép (thực ra là tâm thức đa diện). Các kỳ Trăng Tròn tạo điều kiện để chúng ta tập luyện tâm thức kép mà cuối cùng chúng ta phải làm chủ.

b. On the day of the full moon, you were asked to go through a symbolic performance in the realm of the creative imagination, and through the medium of its agent, visualisation. This performance involved the following steps:

b. Vào ngày trăng tròn, các bạn được yêu cầu thực hiện một nghi thức mang tính biểu tượng trong lĩnh vực của sự tưởng tượng sáng tạo, thông qua tác nhân của nó là sự hình dung. Nghi thức này bao gồm các bước sau:

136. An interesting thought emerges here: that visualisation is the *agent* of the creative imagination.

136. Ở đây xuất hiện một ý tưởng thú vị: sự hình dung là *tác nhân* của sự tưởng tượng sáng tạo.

1. The recognition that in the blue disk, at the end of the golden pathway, was an ivory door which was slowly opening into a room with three windows.

137. The symbolism of blue and gold has been suggested. Ivory suggests the elephant who is the head of the second ray line of animals. The elephant is a symbol of wisdom (and of strength).

138. Ivory suggests white, yet it is more closely related to life in form than is pure white. There is some tincture of yellow in ivory. Yellow is mental and buddhic, depending on one's point of view. This must be pondered.

139. The *slow* opening of the door suggests the gradual entry into the Master's Ashram.

140. The three windows suggest the three aspects of the spiritual triad and, in general, all aspects of the trinity.

2. The recognition that the group, as a unit, was advancing into that room and there, united in an act of solemn dedication, stands ready for revelation.

141. Those who enter the room do not enter as individuals. They enter as a group, a unit, ready to dedicate themselves *unitedly* to the purposes of the Master, and *together* to stand ready for revelation.

3. The recognition, by the group, of me, your teacher and Tibetan brother, and the saying by all of us together of the Great Invocation. This produces fusion and releases

1. Nhận biết rằng trong đĩa màu lam ở cuối con đường vàng kim có một cánh cửa bằng ngà đang từ từ mở vào một căn phòng có ba cửa sổ.

137. Ý nghĩa biểu tượng của màu lam và màu vàng kim đã được gợi ra. Ngà gợi đến con voi, loài đứng đầu dòng cung hai trong giới động vật. Voi là biểu tượng của minh triết (và của sức mạnh).

138. Ngà gợi đến màu trắng, nhưng có liên hệ mật thiết với sự sống trong hình tướng hơn màu trắng tinh khiết. Trong màu ngà có một chút sắc vàng. Màu vàng thuộc về trí tuệ và Bồ đề, tùy theo góc nhìn của mỗi người. Cần suy ngẫm về điều này.

139. Việc cánh cửa mở *chậm rãi* gợi đến sự gia nhập dần dần vào Ashram của Chân sư.

140. Ba cửa sổ gợi đến ba phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần và, nói chung, mọi phương diện của Ba Ngôi.

2. Nhận biết rằng nhóm, như một đơn vị, đang tiến vào căn phòng ấy và tại đó, hợp nhất trong một hành vi hiến dâng trang nghiêm, đứng sẵn sàng đón nhận sự mặc khải.

141. Những người bước vào căn phòng không bước vào với tư cách cá nhân. Họ bước vào như một nhóm, một đơn vị, sẵn sàng hiến dâng bản thân *trong sự hợp nhất* cho các mục đích của Chân sư, và *cùng nhau* đứng sẵn sàng đón nhận sự mặc khải.

3. Nhóm nhận biết Tôi, huấn sư và người huynh đệ Tây Tạng của các bạn, rồi tất cả chúng ta cùng đọc Đại Khấn Nguyện. Điều này tạo nên sự dung hợp và giải phóng một

something from "that which lies above to that which lies below," speaking in the words of symbolism.

142. The imaginative pronouncing of the Great Invocation with the Tibetan may seem simply an inner exercise, but apparently it is specifically and occultly effective to release an energy from "that which lies above to that which lies below". What may be the occult modus operandi of this release we do not know, but those who have attempted this exercise realize that there is something remarkable about it.

It will be obvious to you that in this symbolic ritual there is typified, first of all the Path, the goal, the kingdom of God, distinguished by spiritual mind, spiritual love and spiritual will (the three windows, atma-buddhi-manas, or the three aspects of the soul). Secondly, the focussing of the consciousness in that of the soul, followed by a group dedication; and, finally, that humanity (symbolised by the group) and the Hierarchy (symbolised by me) and the subsequent voicing by me of certain Words of Power were all intended to produce the fusion of the objective and subjective worlds, and the consequent emergence of the fifth kingdom in nature. **Thus the skeleton structure of the new religious ceremonial** [58] **can be dimly seen and inadequately sensed.**

143. In this paragraph the Tibetan has given a complete summary of the purpose of the symbolic ritual/visualization assigned to His chelas.

144. The ritual contains at least two distinct levels of significance. It is interesting that the much larger groups, humanity and Hierarchy, are represented in this relatively

điều gì đó từ "cái ở trên xuống cái ở dưới", nếu nói bằng ngôn ngữ biểu tượng.

142. Việc dùng sự tưởng tượng để cùng Chân sư Tây Tạng đọc Đại Khấn Nguyện có vẻ chỉ là một bài tập nội tâm, nhưng dường như việc này có hiệu lực cụ thể về mặt huyền bí trong việc giải phóng một năng lượng từ "cái ở trên xuống cái ở dưới". Chúng ta không biết cơ chế vận hành huyền bí của sự giải phóng này có thể là gì, nhưng những ai đã thử thực hành bài tập này đều nhận ra rằng nó có điều gì đó đáng chú ý.

Các bạn hẳn sẽ thấy rõ rằng trong nghi thức biểu tượng này, trước hết là sự biểu thị Đường Đạo, mục tiêu, Thiên Giới, được đặc trưng bởi trí tuệ tinh thần, bác ái tinh thần và ý chí tinh thần, tức ba cửa sổ, atma-Bồ đề-manas, hay ba phương diện của linh hồn. Thứ hai là sự tập trung tâm thức vào tâm thức linh hồn, tiếp theo là sự hiến dâng của nhóm; và cuối cùng, nhân loại, được nhóm tượng trưng, cùng Thánh đoàn, do Tôi tượng trưng, và việc sau đó Tôi xướng lên một số Quyền năng từ, tất cả đều nhằm tạo nên sự dung hợp giữa các thế giới khách quan và chủ quan, cùng sự xuất hiện tiếp theo của giới thứ năm trong thiên nhiên. **Như vậy, có thể nhìn thấy lờ mờ và cảm nhận chưa đầy đủ bộ khung của nghi lễ tôn giáo mới** [58]. **Tiếp theo giai đoạn này là:**

143. Trong đoạn này, Chân sư Tây Tạng đã tóm lược đầy đủ mục đích của nghi thức biểu tượng/bài hình dung mà Ngài giao cho các đệ tử của Ngài.

144. Nghi thức chứa đựng ít nhất hai cấp độ thâm nghĩa riêng biệt. Điều thú vị là các nhóm lớn hơn rất nhiều, tức nhân loại và Thánh đoàn, lại có đại diện trong bài hình

simple visualization—humanity by the group and Hierarchy by the Tibetan.

dung tương đối đơn giản này—nhóm đại diện cho nhân loại và Chân sư Tây Tạng đại diện cho Thánh đoàn.

145. Something really extraordinary is being said—that the "skeleton structure of the new religious ceremonial can be dimly seen and inadequately sensed".

145. Một điều thật sự phi thường đang được nêu ra—rằng "có thể nhìn thấy lờ mờ và cảm nhận chưa đầy đủ bộ khung của nghi lễ tôn giáo mới".

146. Those who are interested in the form which religious ceremonial will take in coming centuries have been presented an essential seed which may be developed.

146. Những ai quan tâm đến hình thức mà nghi lễ tôn giáo sẽ mang lấy trong những thế kỷ sắp tới đã được trao một hạt giống thiết yếu có thể phát triển.

4. Two days of intensive recollection by the group in their brain consciousness. This involves:

4. Hai ngày nhóm tập trung hồi tưởng trong tâm thức bộ não của mình. Điều này bao gồm:

147. We note that the final two days of the five involve the full use of the brain consciousness. This is not the case with the first two days.

147. Chúng ta lưu ý rằng hai ngày cuối trong năm ngày đòi hỏi vận dụng đầy đủ tâm thức bộ não. Hai ngày đầu thì không như vậy.

a. The development of the power to recall the Words of Power which had been spoken by me, and later, the listening for a Word of Power.**This recognition of the Words will be one of the major objectives of the new world religion,** and hence our effort (not particularly successful hitherto) to do something symbolically analogous in our group activity.

a. Phát triển khả năng nhớ lại những Quyền năng từ mà Tôi đã xướng lên, và về sau là lắng nghe một Quyền năng từ. **Việc nhận biết các Linh từ này sẽ là một trong những mục tiêu chủ yếu của tôn giáo thế giới mới;** vì vậy, chúng ta cố gắng thực hiện trong hoạt động nhóm một điều tương tự về mặt biểu tượng, dù cho đến nay chưa đặc biệt thành công.

148. The Tibetan arranged a telepathic experiment with His chelas. The period of the Full Moon was that period during which He spoke a particular Word of Power for the month. The chelas were to attempt to receive this Word telepathically. The ability so to receive was, it turns out, not very highly developed amongst the majority.

148. Chân sư Tây Tạng đã tổ chức một cuộc thử nghiệm viễn cảm với các đệ tử của Ngài. Thời kỳ Trăng Tròn là khoảng thời gian Ngài xướng một Quyền năng từ cụ thể cho tháng đó. Các đệ tử phải cố gắng tiếp nhận Linh từ này bằng viễn cảm. Hóa ra, ở đa số các đệ tử, khả năng tiếp nhận theo cách ấy chưa phát triển cao.

149. We see a focus on the capacity for recollection. The exact moment of the Tibetan's speaking of a Word of Power may not have been registered by any or all, but He asked the group to attempt to *recall,* during the *last* two days of the five, the nature of the Word of Power.

149. Chúng ta thấy khả năng hồi tưởng được chú trọng. Có thể một số người hoặc tất cả đều không ghi nhận được chính xác thời điểm Chân sư Tây Tạng xướng một Quyền năng từ, nhưng Ngài yêu cầu nhóm cố gắng *nhớ lại* bản chất của Quyền năng từ trong hai ngày *cuối cùng* của năm ngày ấy.

150. It is fascinating and thought-provoking to think that the "recognition of the Words will be one of the major objectives of the new world religion". By such Words of Power the Divine Plan is progressed.

150. Thật hấp dẫn và gợi nhiều suy ngẫm khi nghĩ rằng "việc nhận biết các Linh từ sẽ là một trong những mục tiêu chủ yếu của tôn giáo thế giới mới". Những Quyền năng từ như thế thúc đẩy việc thực hiện Thiên Cơ.

b. A subsequent definite **intensification of the life processes**, and **a spiritual demonstration upon the physical plane** as a result.

b. Sau đó, **các tiến trình sự sống được tăng cường rõ rệt**, và kết quả là có **sự biểu hiện tinh thần trên cõi hồng trần.**

151. The energy system of the chelas involved in the Full Moon process is to be greatly stimulated as a result of their participation. Their capacity to more demonstrably live a spiritual life is to be heightened.

151. Việc tham gia tiến trình Trăng Tròn sẽ kích thích mạnh mẽ hệ thống năng lượng của các đệ tử tham dự. Khả năng sống một đời sống tinh thần với những biểu hiện rõ rệt hơn của họ sẽ được nâng cao.

The above elucidation should give you a new and more intelligent grasp of the symbolic significances of the work we are now attempting.

Phần giải thích trên hẳn sẽ giúp các bạn nắm bắt một cách mới mẻ và sáng suốt hơn những thâm nghĩa biểu tượng của công việc mà hiện nay chúng ta đang cố gắng thực hiện.

152. Much is condensed into a few short pages. Anyone truly interested in participating fully and intelligently in the Full Moon process should ponder the foregoing pages with care.

152. Rất nhiều nội dung được cô đọng trong vài trang ngắn. Bất cứ ai thực sự quan tâm đến việc tham gia đầy đủ và sáng suốt vào tiến trình Trăng Tròn đều nên suy ngẫm kỹ những trang trên.

I am going to ask you to go over the whole process in these first three major stages, studying with care my interpretation.

Tôi sẽ yêu cầu các bạn xem lại toàn bộ tiến trình trong ba giai đoạn chính đầu tiên này, nghiên cứu kỹ cách diễn giải của Tôi.

1. During the months of January and February, please study what I have said, reading and rereading it until it is clear and fixed in your minds.

1. Trong tháng Một và tháng Hai, xin hãy nghiên cứu những gì Tôi đã nói, đọc đi đọc lại cho đến khi những điều ấy trở nên rõ ràng và in sâu trong thể trí các bạn.

2. During March take the first stage and work faithfully at it.

2. Trong tháng Ba, hãy thực hiện giai đoạn thứ nhất và chuyên tâm làm việc với giai đoạn ấy.

3. During April take the second stage.

3. Trong tháng Tư, hãy thực hiện giai đoạn thứ hai.

4. During May, take the third stage. Then for the remainder of the time, until October, work at this third stage. In October, if you have faithfully fulfilled requirement, I will outline the work next to be done.**May I ask for your real interest, service and cooperation?**

4. Trong tháng Năm, hãy thực hiện giai đoạn thứ ba. Sau đó, trong thời gian còn lại cho đến tháng Mười, hãy làm việc với giai đoạn thứ ba này. Vào tháng Mười, nếu các bạn đã chuyên tâm đáp ứng yêu cầu, Tôi sẽ phác thảo công việc tiếp theo cần thực hiện. **Tôi có thể mong đợi ở các bạn sự quan tâm thực sự, sự phụng sự và hợp tác chăng?**

153. The Tibetan has described the Full Moon process in detail. His objective has been to spark a renewed and more intelligent interest in the purpose and objective of the Full Moon work. Has a refreshed and more eager interest arisen in us as a result of the Tibetan's instruction?

153. Chân sư Tây Tạng đã mô tả chi tiết tiến trình Trăng Tròn. Mục tiêu của Ngài là khơi dậy sự quan tâm mới mẻ và sáng suốt hơn đối với mục đích và mục tiêu của công việc Trăng Tròn. Nhờ huấn thị của Chân sư Tây Tạng, trong chúng ta đã nảy sinh sự quan tâm mới mẻ và thiết tha hơn chưa?

Your personal instructions I have placed at the end to indicate to you its relative importance and so impress upon you the necessity for your individual teaching taking a secondary [59] place; it is of less importance than the group development and the service of humanity.

Tôi đã đặt những huấn thị cá nhân của các bạn ở cuối để chỉ cho các bạn thấy tầm quan trọng tương đối của chúng, và qua đó khắc sâu nơi các bạn sự cần thiết phải dành vị trí thứ yếu [59] cho giáo huấn cá nhân; giáo huấn ấy ít quan trọng hơn sự phát triển của nhóm và việc phụng sự nhân loại.

154. It seems the Tibetan must always work to impress upon the consciousness of His chelas that their individual work is secondary to the group work. After so many years of group collaboration it would seem

154. Dường như Chân sư Tây Tạng luôn phải nỗ lực khắc sâu vào tâm thức các đệ tử của Ngài rằng công việc cá nhân của họ đứng ở vị trí thứ yếu so với công việc nhóm. Sau ngần ấy năm cộng tác trong nhóm, việc này dường như không còn cần thiết, nhưng

unnecessary, but the personal ego is stubborn and persistently demanding.

phàm ngã vẫn ngoan cố và không ngừng đòi hỏi.

You will all awaken some day to the realisation that the Science of Service is of greater importance than the Science of Meditation, because it is the effort and the strenuous activity of the serving disciple which evokes the soul powers, makes meditation an essential requirement, and is the mode—ahead of all others—which invokes the Spiritual Triad, brings about the intensification of the spiritual life, forces the building of the antahkarana, and leads in a graded series of renunciations to the Great Renunciation, which sets the disciple free for all eternity.

Một ngày nào đó, tất cả các bạn sẽ tỉnh thức để nhận ra rằng Khoa học Phụng Sự có tầm quan trọng lớn hơn Khoa học Tham Thiền, vì chính nỗ lực và hoạt động bền bỉ, mạnh mẽ của người đệ tử phụng sự gợi lên các quyền năng linh hồn, khiến tham thiền trở thành một yêu cầu thiết yếu, và là phương thức vượt trên mọi phương thức khác để khẩn cầu Tam Nguyên Tinh Thần, tăng cường đời sống tinh thần, thúc đẩy việc xây dựng antahkarana, và dẫn qua một chuỗi từ bỏ theo từng cấp độ đến Sự Từ Bỏ Vĩ Đại, giải thoát người đệ tử mãi mãi.

155. There is little that need be said of this extraordinary summation. A brief tabulation may suffice:

155. Không cần nói nhiều về phần tổng kết phi thường này. Một bảng liệt kê ngắn gọn có lẽ là đủ:

a. Effort and strenuous activity evoke soul powers

a. Nỗ lực và hoạt động bền bỉ, mạnh mẽ gợi lên các quyền năng linh hồn.

b. In the rendering of service, meditation is an essential requirement. Without meditation there will be no true service.

b. Trong việc phụng sự, tham thiền là một yêu cầu thiết yếu. Không có tham thiền thì sẽ không có phụng sự đích thực.

c. Service invokes the Spiritual Triad, moreso than even meditation.

c. Phụng sự khẩn cầu Tam Nguyên Tinh Thần, thậm chí còn mạnh mẽ hơn cả tham thiền.

d. Service brings about an intensification of the spiritual life.

d. Phụng sự tăng cường đời sống tinh thần.

e. Service *forces* the building of the antahkarana. Note the word “forces” and its implications.

e. Phụng sự *thúc đẩy* việc xây dựng antahkarana. Hãy lưu ý từ “thúc đẩy” và những hàm ý của nó.

f. Service leads to a graded series of renunciations.

f. Phụng sự dẫn đến một chuỗi từ bỏ theo từng cấp độ.

g. These renunciations necessitated by service lead eventually to the Great Renunciation.

g. Những sự từ bỏ mà phụng sự đòi hỏi này cuối cùng dẫn đến Sự Từ Bỏ Vĩ Đại.

h. The Great Renunciation sets the disciple free for all eternity.

h. Sự Từ Bỏ Vĩ Đại giải thoát người đệ tử mãi mãi.

156. Surely we should ponder on this summation as it holds the key to successful spiritual living.

156. Chắc chắn chúng ta nên suy ngẫm về phần tổng kết này, vì nó chứa đựng chìa khóa để sống đời sống tinh thần một cách thành công.

I am giving you here certain needed hints and much upon which to ponder. I give you of my time and of my love, of my interest and my understanding. **Let us together serve.**

Ở đây, Tôi trao cho các bạn một số gợi ý cần thiết và nhiều điều để suy ngẫm. Tôi dành cho các bạn thời gian và tình thương của Tôi, sự quan tâm và thấu hiểu của Tôi. **Chúng ta hãy cùng nhau phụng sự.**

157. Simply reading through the summation should have alerted us to its great import. The Tibetan, nevertheless, declares its importance.

157. Chỉ cần đọc qua phần tổng kết cũng đủ để chúng ta nhận thấy tầm quan trọng lớn lao của nó. Tuy nhiên, Chân sư Tây Tạng vẫn khẳng định tầm quan trọng ấy.

158. He ends with a great reassurance of His gifts to us—of His time, His love, His interest and His understanding.

158. Ngài kết thúc bằng lời bảo đảm đầy sức khích lệ về những gì Ngài trao cho chúng ta —thời gian, tình thương, sự quan tâm và sự thấu hiểu của Ngài.

159. Just as He asked that His chelas recite the Great Invocation *with* Him in the visualized, symbolic Full Moon ritual, here He asks that they and He may *serve together*. The implication is that His group of chelas has a golden opportunity to act in concert with their Master. How many of us, when we serve, realize that we are serving *with* our inner group and even *with* our Master? The depth and effectiveness of our service would be magnified significantly could we but realize this.

159. Cũng như Ngài đã yêu cầu các đệ tử của Ngài đọc Đại Khấn Nguyện *cùng* Ngài trong nghi lễ Trăng Tròn mang tính biểu tượng được hình dung, ở đây Ngài yêu cầu họ và Ngài có thể *cùng nhau phụng sự*. Hàm ý là nhóm đệ tử của Ngài có một cơ hội vàng để hành động phối hợp với Chân sư của họ. Có bao nhiêu người trong chúng ta, khi phụng sự, nhận ra rằng chúng ta đang phụng sự *cùng* nhóm bên trong của mình và thậm chí *cùng* Chân sư của mình? Chiều sâu và hiệu quả phụng sự của chúng ta sẽ gia tăng đáng kể nếu chúng ta có thể nhận ra điều này.

Commentary 31

[60-73]

(Underlining, Highlighting and Bolding, MDR)

January 1946

TO MY GROUP OF AFFILIATED DISCIPLES:

1. The group was a group of *accepted* disciples. They are also *affiliated* with the Ashram of Master DK. Does the form of address, "Affiliated Disciples", represent in some way, a lowering of status. Near the end of the year 1946, Master DK disbanded the New Seed Group for a number of reasons—insufficient responsiveness being one.

Since I last communicated with you the outer aspects of the world war, the carnage and the slaughter are over, except in a few sporadic instances. The struggle now being waged is to reach **a point of stabilisation in human thinking** and understanding from which a **true and reliable** peace can emerge.

2. We know how much Libra has to do with balance and detached observation upon the mental plane. Interestingly, Libra is also, particularly, the sign of peace. Libran poise and balance ("stabilization in human thinking") is intimately related to Libran peace.

3. The Tibetan is not speaking only of a temporary peace, but of a "true and reliable" peace. This requires some degree of maturity in human thinking.

Tháng Một năm 1946

GỬI NHÓM ĐỆ TỬ CÓ LIÊN KẾT VỚI TÔI:

1. Nhóm này là một nhóm đệ tử *được chấp nhận*. Họ cũng *có liên kết* với Ashram của Chân sư DK. Liệu cách xưng gọi "Các Đệ Tử Có Liên Kết" có biểu thị một sự hạ thấp địa vị theo cách nào đó không? Gần cuối năm 1946, Chân sư DK đã giải thể Nhóm Hạt Giống Mới vì một số lý do—một trong số đó là sự đáp ứng chưa đầy đủ.

Kể từ lần cuối Tôi liên lạc với các bạn, những phương diện bên ngoài của cuộc chiến tranh thế giới, cảnh đổ máu và tàn sát, đã chấm dứt, ngoại trừ một vài trường hợp lẻ tẻ. Cuộc đấu tranh hiện đang diễn ra là để đạt đến **một điểm ổn định trong tư duy** và sự thấu hiểu của con người, từ đó một nền hòa bình **đích thực và đáng tin cậy** có thể xuất hiện.

2. Chúng ta biết Thiên Bình liên quan mật thiết đến mức nào với sự cân bằng và việc quan sát không dính mắc trên cõi trí. Điều thú vị là Thiên Bình cũng đặc biệt là dấu hiệu của hòa bình. Sự điềm tĩnh và cân bằng của Thiên Bình ("sự ổn định trong tư duy của con người") có liên hệ mật thiết với hòa bình của Thiên Bình.

3. Chân sư Tây Tạng không chỉ nói đến một nền hòa bình tạm thời, mà là một nền hòa bình "đích thực và đáng tin cậy". Điều này đòi hỏi tư duy của con người phải có một mức độ trưởng thành nhất định.

On the emotional plane, there is as yet no peace. On the mental plane, a great and deep-seated cleavage is going on and the occult significance of certain words, enunciated by the Christ when in Palestine, is being worked out. He gave them as the keynote for the particular subjective happening which is taking place at this time. He said: **"He that is not with Me is against Me."**

Trên cõi cảm xúc, vẫn chưa có hòa bình. Trên cõi trí, một sự chia rẽ sâu sắc và rộng lớn đang diễn ra, và thâm nghĩa huyền môn của một số lời Đức Christ đã nói khi ở Palestine đang được thể hiện. Ngài đã đưa ra những lời ấy như chủ âm cho diễn biến chủ quan đặc biệt đang xảy ra vào lúc này. Ngài nói: **"Ai không cùng Ta là chống lại Ta."**

4. This cleavage is still evident. In today's world, as well, there is no peace upon the emotional plane. Violent idealisms clash with little hope of immediate reconciliation. On the mental plane, the forces which are *for* the Christ and the new civilization are sharply divided from those which seek to perpetuate the old ways of enslavement on many levels.

4. Sự chia rẽ này vẫn còn rõ rệt. Trong thế giới ngày nay cũng vậy, trên cõi cảm xúc vẫn chưa có hòa bình. Những chủ nghĩa lý tưởng bạo liệt xung đột với nhau, với rất ít hy vọng hòa giải ngay trước mắt. Trên cõi trí, những mãnh lực *ủng hộ* Đức Christ và nền văn minh mới phân chia rõ rệt với những mãnh lực tìm cách duy trì các phương thức nô dịch cũ trên nhiều cấp độ.

This refers to the after-effects of the conflict between the Forces of Light and the Forces of Evil.

Điều này đề cập đến những hậu quả của cuộc xung đột giữa các Mãnh Lực Ánh Sáng và các Mãnh Lực Tà Ác.

5. It is interesting that the Christ's statement refers to the "after-effects" of the great conflict. When this letter was written the war had been won by the Allies and it was, so we see, necessary for each thinking human being to make a choice (again Libra) concerning their orientation towards the Forces of Light or the Forces of Evil.

5. Điều thú vị là lời tuyên bố của Đức Christ đề cập đến những "hậu quả" của cuộc xung đột lớn lao. Khi bức thư này được viết, phe Đồng Minh đã giành chiến thắng trong cuộc chiến và, như chúng ta thấy, mỗi con người biết suy nghĩ đều cần đưa ra một lựa chọn (lại là Thiên Bình) về việc mình hướng về các Mãnh Lực Ánh Sáng hay các Mãnh Lực Tà Ác.

Great decisions have to be made all over the world, as to **whether humanity moves forward into a New Age of cooperation and of right human relations or whether the materialistic groups will reassert their control and succeed in winning the day.** This great cleavage is now in process of settlement.

Trên khắp thế giới, cần đưa ra những quyết định lớn lao về việc **liệu nhân loại sẽ tiến vào một Kỷ Nguyên Mới của sự hợp tác và những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, hay các nhóm duy vật sẽ tái lập quyền kiểm soát và giành thắng lợi.** Sự chia rẽ lớn lao này hiện đang trong tiến trình giải quyết.

6. This statement was written almost sixty years ago and the issue is far from decided. That settlement is becoming a crucial issue in today's world. The materialistic forces are far stronger today than then need have been had humanity acted correctly and selflessly following the war.

6. Lời tuyên bố này được viết cách đây gần sáu mươi năm mà vấn đề vẫn còn lâu mới được định đoạt. Việc giải quyết sự chia rẽ ấy đang trở thành một vấn đề then chốt trong thế giới ngày nay. Ngày nay, các mãnh lực duy vật mạnh hơn rất nhiều so với mức lẽ ra chúng có thể đạt tới nếu nhân loại đã hành động đúng đắn và vị tha sau cuộc chiến.

7. Are we not in the position of the man who swept his house clean of "devils" only to find his situation even worse than it had been?

7. Chẳng phải chúng ta đang ở trong hoàn cảnh của người đã quét sạch "ma quỷ" khỏi nhà mình, để rồi nhận ra tình cảnh của mình còn tồi tệ hơn trước hay sao?

On the other hand, a deeply spiritual division is also taking place. In a peculiar sense, and speaking largely symbolically, [60] **the first phase of the Great Judgment is asserting itself**.

Mặt khác, một sự phân chia mang tính tinh thần sâu sắc cũng đang diễn ra. Theo một ý nghĩa đặc biệt nào đó, và phần lớn là nói theo nghĩa biểu tượng, [60] **giai đoạn đầu tiên của Cuộc Phán Xét Vĩ Đại đang thể hiện rõ**.

8. The true Great Judgment is millions of years ahead, but there are already trends towards that which will one day be.

8. Cuộc Phán Xét Vĩ Đại đích thực còn ở phía trước hàng triệu năm, nhưng đã có những xu hướng hướng tới điều một ngày kia sẽ thành hiện thực.

The sheep and the goats are forming into two distinct groups. The judgment being given is not the generally assumed one of assigning penalties or rewards; it is not the negation of all effort as the result of decisive moves, nor will it result in the emergence of major dividing lines. Such interpretations are man-made and are not true interpretations of the parable or word picture which Christ gave to His disciples nearly two thousand years ago.

Chiên và dê đang hình thành hai nhóm riêng biệt. Sự phán xét đang được đưa ra không phải là việc định hình phạt hay ban phần thưởng như người ta thường nghĩ; đó không phải là sự phủ nhận mọi nỗ lực do những bước đi mang tính quyết định, cũng sẽ không dẫn đến sự xuất hiện của những ranh giới phân chia lớn. Những cách diễn giải như vậy là do con người tạo ra và không phải là những cách diễn giải đúng về dụ ngôn hay bức tranh bằng lời mà Đức Christ đã trao cho các đệ tử của Ngài gần hai nghìn năm trước.

9. DK describes the true meaning of the Judgment Day

9. Chân sư DK mô tả ý nghĩa đích thực của Ngày Phán Xét

10. It is not, as the man-made interpretations would have it:

10. Ngày ấy không phải là những điều mà các cách diễn giải do con người tạo ra gán cho nó:

a. The assigning of penalties or rewards

a. Việc ấn định hình phạt hay phần thưởng

b. The negation of all effort as the result of decisive moves

b. Việc phủ nhận mọi nỗ lực do những bước đi mang tính quyết định

c. The emergence of major dividing lines

c. Sự xuất hiện của những ranh giới phân chia lớn

11. When thinking of the Judgment Day let us not forget the relationship between Capricorn and Aries, between those that follow the way of Venus (the hierarchical ruler of Capricorn) and those, more primitive, who follow the way of Mars.

11. Khi nghĩ về Ngày Phán Xét, chúng ta đừng quên mối quan hệ giữa Ma Kết và Bạch Dương, giữa những người đi theo con đường của Sao Kim (chủ tinh huyền giai của Ma Kết) và những người nguyên sơ hơn đi theo con đường của Sao Hỏa.

The judgment referred to has relation to a mysterious process which is going on in the thinking (if one dare use such a word for such a comprehensive process) of the planetary Logos. He is deciding at this time the mode by which a momentous event or happening within the Hierarchy shall take shape; **He is timing the process of its externalisation;** He is deciding which Ashrams shall be externalised and Who, within those Ashrams, should and must proceed with the purely inner and subjective work, and Who should be chosen to work—consciously and openly—in **the outer world of men, thus duplicating in Their numbers what Christ experienced when He "descended into Hell."** Many things have to be considered; the objectives in view of the Masters concerned, the rays in manifestation, and many astrological relationships.

Sự phán xét được đề cập có liên quan đến một tiến trình huyền nhiệm đang diễn ra trong tư duy của Hành Tinh Thượng đế, nếu người ta dám dùng một từ như vậy cho một tiến trình bao quát đến thế. Vào lúc này, Ngài đang quyết định cách thức một sự kiện hay biến cố trọng đại trong Thánh đoàn sẽ thành hình; **Ngài đang định thời điểm cho tiến trình ngoại hiện của nó;** Ngài đang quyết định những Ashram nào sẽ ngoại hiện, và những Vị nào trong các Ashram ấy nên và phải tiếp tục công việc hoàn toàn nội tâm và chủ quan, cùng những Vị nào nên được chọn để làm việc một cách có ý thức và công khai trong **thế giới bên ngoài của con người, qua đó tái hiện trong hàng ngũ Các Ngài điều Đức Christ đã trải nghiệm khi Ngài "xuống Địa Ngục".** Có nhiều điều cần xem xét: các mục tiêu mà những Chân sư hữu quan đang hướng tới, những cung đang biểu hiện và nhiều mối quan hệ chiêm tinh.

12. Quite a different interpretation of the Great Judgment is being offered. As here

12. Một cách diễn giải hoàn toàn khác về Cuộc Đại Phán Xét đang được đưa ra. Theo

presented, it is not even the usual dividing of the “Sheep” and the “Goats” which will take place in the fifth round.

cách trình bày ở đây, đó thậm chí cũng không phải là sự phân chia thông thường giữa “Cừu” và “Dê” sẽ diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

13. We learn that the “thinking” of the Planetary Logos is so comprehensive a process that DK hesitates to call it “thinking”.

13. Chúng ta biết rằng “tư duy” của Hành Tinh Thượng đế là một tiến trình bao quát đến mức Chân sư DK ngần ngại gọi đó là “tư duy”.

14. The Great Judgment refers to intra-hierarchical matters.

14. Cuộc Đại Phán Xét liên quan đến những vấn đề nội bộ của Thánh đoàn.

15. What is the Planetary Logos deciding?

15. Hành Tinh Thượng đế đang quyết định điều gì?

a. He is timing the process of externalization

a. Ngài đang định thời điểm cho tiến trình ngoại hiện

b. He is deciding which Ashrams shall be externalized

b. Ngài đang quyết định những Ashram nào sẽ ngoại hiện

c. He is deciding who within those Ashrams will work subjectively and who objectively.

c. Ngài đang quyết định những ai trong các Ashram ấy sẽ làm việc về mặt chủ quan và những ai sẽ làm việc về mặt khách quan.

16. It becomes clear that the physical plane (and even the lower three worlds) is, from the hierarchical perspective, “Hell”.

16. Điều trở nên rõ ràng là, từ góc nhìn của Thánh đoàn, cõi hồng trần (và thậm chí cả ba cõi thấp) là “Địa Ngục”.

17. What has the Planetary Logos to consider in arriving at the result of His Great Judgment?

17. Hành Tinh Thượng đế phải cân nhắc những gì để đi đến kết quả của Cuộc Đại Phán Xét của Ngài?

a. The objectives in view of the Masters who may be concerned with either the subjective or objective work

a. Những mục tiêu mà các Chân sư có thể đảm trách công việc chủ quan hoặc khách quan đang hướng tới

b. The rays in manifestation at this time

b. Các cung đang biểu hiện vào thời điểm này

c. Many astrological relationship

18. We are reminded of Libra's relationship to the third ray and of how many factors—planetary, systemic and even cosmic—must be taken into 'con-sider-ation' by the Planetary Logos.

19. We are also reminded that the Planetary Logos is passing through a period in which the constellation Libra is becoming very powerful in the planetary horoscope.

In this deciding judgment Sanat Kumara is being aided by certain Members of the Great Council at Shamballa, by the Christ and by the seven Masters Who are responsible for the seven groups of Ashrams. He is also reaching certain conclusions as to the groups of disciples who have hitherto been under training during the final stages of the Path of Discipleship. This decision has to take under advisement the rapidity with which the entrance of men and women into the Ashrams can take place; it is also dependent upon the members of the Ashram moving forward according to their degree, and upon the power of the Ashrams to absorb and assimilate the much larger numbers, without upsetting ashramic stability. He has also to consider **the ability of the neophyte under training to take and hold the far greater tension necessarily incident to true ashramic life in the New Age.**

20. Notice how in one breath DK was talking about the Planetary Logos, and in the next, of Sanat Kumara, as if They were the same being. Often, He does this.

21. Are the Members of the Great Council at Shamballa Who assist Sanat Kumara the

c. Nhiều mối quan hệ chiêm tinh

18. Chúng ta được nhắc nhớ về mối quan hệ của Thiên Bình với cung ba và về biết bao yếu tố—thuộc hành tinh, hệ mặt trời và thậm chí vũ trụ—mà Hành Tinh Thượng đế phải đưa vào sự 'cân-nhắc'.

19. Chúng ta cũng được nhắc nhớ rằng Hành Tinh Thượng đế đang trải qua một thời kỳ trong đó chòm sao Thiên Bình đang trở nên rất mạnh trong lá số chiêm tinh hành tinh.

Trong sự phán xét mang tính quyết định này, một số Thành Viên của Hội Đồng Vĩ Đại tại Shamballa, Đức Christ và bảy Chân sư chịu trách nhiệm về bảy nhóm Ashram đang trợ giúp Sanat Kumara. Ngài cũng đang đi đến một số kết luận về các nhóm đệ tử từ trước đến nay được huấn luyện trong những giai đoạn cuối của Con Đường Đệ Tử. Quyết định này phải cân nhắc tốc độ mà những người nam và nữ có thể gia nhập các Ashram; quyết định ấy cũng tùy thuộc vào việc các thành viên Ashram tiến bước theo cấp độ của mình, và vào khả năng các Ashram thu nhận, đồng hóa số lượng đông hơn nhiều mà không làm xáo trộn sự ổn định của ashram. Ngài cũng phải xem xét **khả năng của người sơ cơ đang được huấn luyện trong việc tiếp nhận và duy trì mức tập trung nhất tâm cao hơn nhiều, vốn tất yếu đi kèm đời sống ashram đích thực trong Kỷ Nguyên Mới.**

20. Hãy lưu ý cách Chân sư DK vừa nói về Hành Tinh Thượng đế, rồi ngay sau đó lại nói về Sanat Kumara, như thể Các Ngài là cùng một Đấng. Ngài thường làm như vậy.

21. Phải chăng các Thành Viên của Hội Đồng Vĩ Đại tại Shamballa trợ giúp Sanat Kumara

three Buddhas of Activity? This would seem reasonable. As well, there are the seven Chohans directing the seven groups of Ashrams, i.e., the Chohans Who direct the major Ashrams.

là ba vị Phật Hoạt Động? Điều này có vẻ hợp lý. Ngoài ra, còn có bảy vị Chohan chỉ đạo bảy nhóm Ashram, tức là các vị Chohan chỉ đạo những Ashram chính.

22. The Planetary Logos is also, it seems, extending an unusual opportunity in including certain advanced disciples in His deliberations. There are many things to consider in this regard:

22. Dường như Hành Tinh Thượng đế cũng đang ban một cơ hội khác thường khi đưa một số đệ tử tiến hóa cao vào những cuộc nghị bàn của Ngài. Có nhiều điều cần cân nhắc về phương diện này:

a. How rapidly men and women can actually enter the Ashrams.

a. Những người nam và nữ thực sự có thể gia nhập các Ashram nhanh đến mức nào.

b. How rapidly those who are already members of the Ashrams can move forward.

b. Những người đã là thành viên của các Ashram có thể tiến bước nhanh đến mức nào.

c. How well the Ashrams can absorb the greater numbers of those entering. Ashramic stability must be preserved during this absorption.

c. Các Ashram có thể thu nhận số lượng người gia nhập đông hơn tốt đến mức nào. Phải gìn giữ sự ổn định của ashram trong quá trình thu nhận này.

d. The extent to which the neophyte (the new member of the Ashram) can take and hold a much greater tension (incident to ashramic life in the New Age).

d. Người sơ cơ (thành viên mới của Ashram) có thể tiếp nhận và duy trì mức tập trung nhất tâm cao hơn nhiều đến mức nào (mức tập trung đi kèm đời sống ashram trong Kỷ Nguyên Mới).

23. The implication presented is that few neophytes know the demands of “true” ashramic life.

23. Điều được hàm ý ở đây là ít người sơ cơ biết những đòi hỏi của đời sống ashram “đích thực”.

[61]

[61]

These points are all being most carefully considered, because **a major expansion of the Hierarchy as a whole, and the consequent reaction upon humanity, again as a whole, is not a thing lightly to be undertaken.**

Tất cả những điểm này đều đang được cân nhắc hết sức cẩn thận, vì **sự mở rộng lớn lao của toàn thể Thánh đoàn, cùng tác động tiếp theo lên toàn thể nhân loại, không phải là điều có thể tiến hành một cách khinh suất. Nếu muốn tiến hành an toàn,**

24. We have here a really important statement. Hierarchy is undergoing a major expansion due to the admission of so many neophytes.

24. Ở đây chúng ta có một phát biểu thật sự quan trọng. Thánh đoàn đang trải qua một đợt mở rộng lớn do tiếp nhận rất nhiều người sơ cơ.

25. Great consideration, deliberation and correct judgment must be given to the manifold variables involved in this process. The fate of the planet, of humanity and of the many kingdoms of nature is at stake.

25. Cần xem xét kỹ lưỡng, cân nhắc thận trọng và phán đoán đúng đắn về vô số biến số liên quan đến tiến trình này. Vận mệnh của hành tinh, của nhân loại và của nhiều giới trong thiên nhiên đang bị đặt vào thế được mất.

Expansion—if it is to be safely undertaken—must proceed hand in hand with consolidation.

sự mở rộng phải đi đôi với việc củng cố.

26. Do we see how, in speaking of Hierarchy's development, DK suggests the functions of the planetary pair, Jupiter (expansion) and Saturn (consolidation)?

26. Chúng ta có thấy rằng, khi nói về sự phát triển của Thánh đoàn, Chân sư DK gợi đến các chức năng của cặp hành tinh Sao Mộc (mở rộng) và Sao Thổ (củng cố) như thế nào không?

The expansion now contemplated in the highest quarters will greatly alter the potency of the relation of the Hierarchy to Humanity, and therefore of the second divine aspect to the third.

Sự mở rộng hiện đang được cân nhắc ở những cấp cao nhất sẽ làm thay đổi mạnh mẽ uy lực trong mối quan hệ của Thánh đoàn với Nhân loại, và do đó, của phương diện thiêng liêng thứ hai với phương diện thứ ba.

27. This is what we are anticipating—the increase in potency of the second divine aspect in relation to the third.

27. Đây là điều chúng ta đang mong đợi—sự gia tăng uy lực của phương diện thiêng liêng thứ hai trong mối quan hệ với phương diện thứ ba.

28. The third aspect within humanity is often doing what it can to resist the growing impact of the second.

28. Phương diện thứ ba trong nhân loại thường làm mọi điều có thể để chống lại tác động ngày càng tăng của phương diện thứ hai.

Can Humanity take this increased potency correctly and safely?

Liệu Nhân loại có thể tiếp nhận uy lực gia tăng này một cách đúng đắn và an toàn không?

29. This is a real question even though the second divine aspect is that of Love-Wisdom.

29. Đây là một câu hỏi thực sự, dù phương diện thiêng liêng thứ hai là phương diện Bác Ái – Minh Triết.

Will the aspirants of the world—if given opportunity to pass off the Probationary Path on to the Path of Discipleship—be stable enough to stand steady under the impact of hitherto undiscerned spiritual energy?

Nếu có cơ hội rời Con Đường Dự Bị để bước lên Con Đường Đệ Tử, liệu những người chí nguyện trên thế giới có đủ ổn định để đứng vững trước tác động của năng lượng tinh thần mà cho đến nay họ chưa phân biện được không?

30. The spiritual energy is "undiscerned" because it is new to the aspirants—not new to those who are the members of Hierarchy.

30. Năng lượng tinh thần ấy "chưa được phân biện" vì nó còn mới mẻ đối với những người chí nguyện—chứ không mới mẻ đối với các thành viên của Thánh đoàn.

Can the Masters, under the pressure of Their enormous task of world reconstruction, find the needed time to increase Their training of Their disciples?

Dưới áp lực của nhiệm vụ tái thiết thế giới vô cùng lớn lao, liệu các Chân sư có thể tìm được thời gian cần thiết để tăng cường huấn luyện các đệ tử của Các Ngài không?

31. We rarely realize how extraordinarily busy a Master is! We think our schedules are demanding! We remember that DK is not given to exaggeration. He uses the word "enormous".

31. Chúng ta hiếm khi nhận ra một Chân sư bận rộn đến mức phi thường như thế nào! Chúng ta cứ nghĩ lịch trình của mình thật khắt khe! Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK không có thói quen phóng đại. Ngài dùng từ "vô cùng lớn lao".

32. The statement above tells us why some of us who have been in the Teaching for some time, may be positioned to assist the Masters in the training of those who are just getting involved in the Teaching.

32. Phát biểu trên cho chúng ta biết vì sao một số người trong chúng ta đã theo học Giáo Huấn một thời gian có thể ở vào vị thế hỗ trợ các Chân sư huấn luyện những người mới bắt đầu tiếp cận Giáo Huấn.

For They are still governed by the time equation where Their disciples are concerned.

Vì trong những việc liên quan đến các đệ tử, Các Ngài vẫn chịu sự chi phối của yếu tố thời gian.

33. Perhaps not, however, in relation to the higher planes. Even the Planetary Logos is governed by the time equation with respect to humanity and the physical planet.

33. Tuy nhiên, có lẽ điều này không đúng trong mối liên hệ với các cõi cao. Ngay cả Hành Tinh Thượng đế cũng chịu sự chi phối

của yếu tố thời gian trong những việc liên quan đến nhân loại và hành tinh hồng trần.

34. Note in the words “time equation” how both Saturn (time) and Libra (equation) are involved.

34. Hãy lưu ý trong cụm từ “phương trình thời gian”, cả Sao Thổ (thời gian) lẫn Thiên Bình (phương trình) đều có liên quan như thế nào.

Can the senior members in any Ashram relieve to some extent the pressures upon the Masters as well as upon the incoming and junior, and therefore inexperienced, disciples?

Liệu các thành viên cao niên trong mỗi Ashram có thể phần nào giảm bớt áp lực cho các Chân sư cũng như cho những đệ tử mới gia nhập và còn ở bậc thấp, do đó còn thiếu kinh nghiệm, hay không?

35. This is the question, and it calls for sacrifice and an appreciation of the enormous task of the Masters. An adjusted sense of right proportion (i.e., humility) is required to appreciate the need.

35. Đây là câu hỏi đặt ra, và nó đòi hỏi sự hi sinh cùng sự thấu hiểu nhiệm vụ vô cùng to lớn của các Chân sư. Cần điều chỉnh ý thức về tỉ lệ cho đúng đắn (tức là đức khiêm nhường) để nhận thức được nhu cầu này.

If, however, the relation between the Hierarchy and Humanity is thus strengthened and there is freer access in both directions, there will clearly emerge the invocational pull or the magnetic potency of these blending centres: the pull will be upon Shamballa, which is the highest centre of all.

Tuy nhiên, nếu mối quan hệ giữa Thánh đoàn và Nhân loại nhờ vậy được củng cố, và sự tiếp cận theo cả hai chiều trở nên thông thoáng hơn, thì sức hút khẩn cầu hay uy lực từ tính của những trung tâm đang hòa quyện này sẽ xuất hiện rõ rệt: sức hút ấy sẽ hướng đến Shamballa, trung tâm cao nhất trong tất cả các trung tâm.

36. We are speaking here of how to generate the desired three-way flow between “The Higher Three”—namely Humanity, Hierarchy and Shamballa.

36. Ở đây, chúng ta đang nói về cách tạo ra dòng lưu chuyển ba chiều như mong muốn giữa “Bộ Ba Cao”—cụ thể là Nhân loại, Thánh đoàn và Shamballa.

37. And it is the same for human beings. If they succeed in creating freer access between soul and personality, the magnetic potency of these blending centers will be invocative of the Spirit within them—the Spirit/Monad as the representative of Shamballa.

37. Con người cũng vậy. Nếu họ thành công trong việc tạo ra sự tiếp cận thông thoáng hơn giữa linh hồn và phàm ngã, uy lực từ tính của những trung tâm đang hòa quyện này sẽ khẩn cầu Tinh thần bên trong họ—Tinh thần/Chân thần với tư cách là đại diện của Shamballa.

Is the **etheric web of the planet sufficiently stable and balanced** so that it can adequately respond to the new and potent forces which could and will pour through it into objective expression?

Liệu **mạng lưới dĩ thái của hành tinh có đủ ổn định và quân bình** để đáp ứng thích đáng với những mãnh lực mới đầy uy lực, vốn có thể và sẽ tuôn qua đó để biểu hiện khách quan không?

38. This is perhaps an unsuspected question. We naturally assume that the etheric web can take any sort of impact, but it is not necessarily the case. The reason for the Triangles Work is seen from yet another perspective.

38. Có lẽ đây là một câu hỏi mà chúng ta chưa ngờ tới. Chúng ta tự nhiên cho rằng mạng lưới dĩ thái có thể chịu được mọi loại tác động, nhưng không nhất thiết là như vậy. Lý do thực hiện Công tác Tam Giác lại được nhìn từ một góc độ khác nữa.

I would remind you that the release of atomic energy has had a far more potent effect in the etheric web than in the dense physical vehicle of the planet.

Tôi xin nhắc các bạn rằng việc giải phóng năng lượng nguyên tử đã tác động lên mạng lưới dĩ thái mạnh hơn nhiều so với lên hiện thể hồng trần đậm đặc của hành tinh.

39. This is something we could not normally appreciate unless advised.

39. Đây là điều mà thông thường chúng ta không thể nhận thức được nếu không có lời chỉ dẫn.

Three times the atomic bomb was used, and that fact is itself significant. It was used twice in Japan, thereby disrupting the etheric web in what you erroneously call the Far East; it was used once in what is also universally called the Far West, and **each time a great area of disruption was formed** which will have future potent, and at present unsuspected, results.

Bom nguyên tử đã được sử dụng ba lần, và chính sự kiện ấy mang thâm nghĩa. Nó được sử dụng hai lần tại Nhật Bản, qua đó gây đứt gãy mạng lưới dĩ thái ở nơi mà các bạn gọi một cách sai lầm là Viễn Đông; nó được sử dụng một lần tại nơi cũng thường được gọi là Viễn Tây, và **mỗi lần đều hình thành một vùng đứt gãy rộng lớn**, sẽ gây ra những hệ quả mạnh mẽ trong tương lai mà hiện nay chưa ai ngờ tới.

40. We are given something in the nature of prophecy. The use in the Far West was probably the test in Alamogordo, New Mexico. Tremendous etheric disruption was the result of each use.

40. Chúng ta được cho biết một điều mang tính tiên tri. Lần sử dụng ở Viễn Tây có lẽ là vụ thử tại Alamogordo, New Mexico. Mỗi lần sử dụng đều gây ra sự đứt gãy dĩ thái khủng khiếp.

41. If this was the case, what of the incredible disruption which continued through tests of atomic and hydrogen bombs in the 1950's and 1960's—in the

41. Nếu quả là như vậy, thì còn sự đứt gãy kinh hoàng tiếp diễn qua các vụ thử bom nguyên tử và bom khinh khí trong những năm 1950 và 1960—trong khí quyển, trước

atmosphere, before underground testing became the norm? With respect to the underground testing, the opportunity for disruption is equally great, in its own way, and in some ways, perhaps greater.

khi việc thử nghiệm dưới lòng đất trở thành thông lệ—thì sao? Đối với việc thử nghiệm dưới lòng đất, khả năng gây đứt gãy, theo cách riêng của nó, cũng lớn không kém, và về một số phương diện, có lẽ còn lớn hơn.

42. It would seem that we have done great violence to our etheric environment.

42. Dường như chúng ta đã gây tổn hại nghiêm trọng cho môi trường dĩ thái của mình.

The formation of the Triangles of Light and of Goodwill [62] —**essentially the manipulation of energy into a desired thought pattern**—has a definite relation to this area of disruption.

Việc hình thành các Tam Giác Ánh Sáng và Thiện Chí [62] —**về bản chất là điều khiển năng lượng thành một mô hình tư tưởng mong muốn**—có mối liên hệ rõ rệt với vùng đứt gãy này.

43. Here, perhaps, we are speaking of the disruption as it appeared in Japan.

43. Ở đây, có lẽ chúng ta đang nói về sự đứt gãy đã xuất hiện tại Nhật Bản.

It will in due time be found that the Japanese people, with their peculiar knowledge of thought power (used along wrong lines in the war period), will respond more intelligently to this type of work than many of the Western peoples.

Đến đúng lúc, người ta sẽ nhận thấy rằng người Nhật, với tri thức đặc biệt của họ về quyền năng tư tưởng, vốn đã được sử dụng sai đường hướng trong thời chiến, sẽ đáp ứng với loại công việc này một cách thông minh hơn nhiều dân tộc phương Tây. Vì vậy,

44. It is interesting that the Japanese have a peculiar knowledge of thought power. Perhaps, it is the ajna center unusually developed, as reflected in the great penchant for photography. Capricorn with its hierarchical ruler Venus is one of the ruling constellations of Japan.

44. Điều thú vị là người Nhật có tri thức đặc biệt về quyền năng tư tưởng. Có lẽ đó là do trung tâm ajna phát triển khác thường, thể hiện qua niềm say mê nhiếp ảnh lớn lao của họ. Ma Kết, với chủ tinh huyền giai là Sao Kim, là một trong những chòm sao cai quản Nhật Bản.

An effort should therefore be made to reach the Japanese along the lines of the Triangle work.

cần nỗ lực tiếp cận người Nhật theo đường hướng của công việc Tam Giác.

45. We put together a few ideas which are interestingly related:

45. Chúng ta tập hợp một vài ý tưởng có mối liên hệ thú vị với nhau:

a. The two atomic bomb blasts in Japan

a. Hai vụ nổ bom nguyên tử ở Nhật Bản

b. The great resultant areas of disruption

c. The intelligent thought power of the Japanese

d. The probability that they will respond to the Triangles Work intelligently

46. In the coalescence of these events and capacities we may get a glimpse of how karma works.

I would like to point out that **the distinction between the "sheep and the goats" is mainly hierarchical.** The term "goats" is esoterically applied to initiated disciples and to those who have climbed the mountain of initiation. The term "sheep" is applied to those who are following blindly the inner urge of their souls and who are groping their way (in relatively large numbers) toward the Hierarchy.

47. Probably there are several meanings to the term "sheep and the goats". That the phrase is mainly hierarchical is interesting.

48. A "goat" is an initiated disciple, probably of the third degree, though not necessarily exclusively.

49. A "sheep" is an aspirant, who does not yet *see,* but is groping blindly towards the Hierarchy.

50. The first type is guided more by sight, the second type by feeling.

51. We see, as well, the distinction in mental polarization and emotional polarization.

b. Những vùng tàn phá rộng lớn do đó gây ra

c. Quyền năng tư tưởng thông minh của người Nhật

d. Khả năng họ sẽ đáp ứng một cách thông minh với Công Việc Tam Giác

46. Qua sự hội tụ của những sự kiện và năng lực này, chúng ta có thể thoáng thấy cách nghiệp quả vận hành.

Tôi muốn chỉ ra rằng **sự phân biệt giữa "chiên và dê" chủ yếu thuộc về Thánh đoàn.** Theo nghĩa nội môn, thuật ngữ "dê" được dùng cho những đệ tử đã được điểm đạo và những ai đã leo lên ngọn núi điểm đạo. Thuật ngữ "chiên" được dùng cho những ai đang mù quáng đi theo sự thôi thúc nội tâm của linh hồn mình và đang dò dẫm tìm đường đến Thánh đoàn với số lượng tương đối đông đảo.

47. Có lẽ thuật ngữ "chiên và dê" mang nhiều ý nghĩa. Điều thú vị là cụm từ này chủ yếu thuộc về Thánh đoàn.

48. Một "con dê" là một đệ tử đã được điểm đạo, có lẽ ở bậc ba, dù không nhất thiết chỉ giới hạn ở bậc này.

49. Một "con chiên" là một người chí nguyện chưa *thấy,* mà đang mù quáng dò dẫm tiến về phía Thánh đoàn.

50. Loại thứ nhất được dẫn dắt nhiều hơn bằng cái thấy, loại thứ hai bằng cảm nhận.

51. Chúng ta cũng thấy sự phân biệt giữa sự phân cực trí tuệ và sự phân cực cảm xúc.

52. DK seems to hint that the urge towards the spiritual life is affecting relatively large numbers of human beings. In this there is much cause for hope.

52. Chân sư DK dường như gợi ý rằng sự thôi thúc hướng tới đời sống tinh thần đang tác động đến một số lượng người tương đối đông đảo. Chính trong điều này có nhiều cơ sở để hy vọng.

For them still has to come the great revelation that the "kingdom of God is within you."

Đối với họ, sự mặc khải lớn lao rằng "Thiên Giới ở trong các ngươi" vẫn còn ở phía trước.

53. The "sheep" under Mars and Aries are largely affected by the sixth ray and look for God without—either "God Transcendent" or God in the form of some divine incarnation which can be adored.

53. Những "con cừu" dưới ảnh hưởng của Sao Hỏa và Bạch Dương chịu tác động phần lớn của cung sáu và tìm kiếm Thượng đế ở bên ngoài—hoặc là "Thượng đế Siêu Việt", hoặc là Thượng đế dưới hình tướng của một hiện thân thiêng liêng nào đó mà họ có thể tôn thờ.

54. Their psychological naiveté is such that they cannot yet recognize "God Immanent".

54. Sự ngây thơ về tâm lý của họ khiến họ chưa thể nhận ra "Thượng đế Nội Tại".

Such is the word for them at this stage in humanity's history.

Đó là lời dành cho họ ở giai đoạn này trong lịch sử nhân loại.

55. This means that they are constantly to be told that "the kingdom of God is within you".

55. Điều này có nghĩa là họ cần liên tục được nhắc rằng "Thiên Giới ở trong các ngươi".

Once they have realised that, they are already being absorbed into the Hierarchy.

Một khi đã nhận ra điều ấy, họ đã bắt đầu được thu nhận vào Thánh đoàn. Từ đó,

56. This is interesting. It means that the realization of "God Immanent" is tantamount to absorption into the Hierarchy.

56. Điều này thật thú vị. Nó có nghĩa là việc nhận ra "Thượng đế Nội Tại" tương đương với việc được thu nhận vào Thánh đoàn.

57. Those who are groping forward, therefore, are not yet initiates of the first degree, for such initiates are included within the great circle of Hierarchy (cf. Chart, TCF 1238)

57. Vì vậy, những người đang dò dẫm tiến tới vẫn chưa phải là điểm đạo đồ bậc một, vì những điểm đạo đồ ấy đã thuộc về vòng tròn rộng lớn của Thánh đoàn (xem Biểu đồ, TCF 1238)

58. We might say that the realization of "God Immanent" and the first initiation are contemporaneous. This realization also signals a transference from sixth ray to second ray emphasis.

58. Chúng ta có thể nói rằng việc nhận ra "Thượng đế Nội Tại" và lần điểm đạo thứ nhất diễn ra đồng thời. Sự nhận biết này cũng báo hiệu sự chuyển dịch trọng tâm từ cung sáu sang cung hai.

Life will now for them simplify.

cuộc sống đối với họ sẽ trở nên đơn giản hơn.

59. The first initiation is, in one way, a simplification.

59. Theo một phương diện, lần điểm đạo thứ nhất là một sự đơn giản hóa.

For the "goats" must come the impelling call from the highest aspect of the Spiritual Triad,

Đối với những "con dê", phải có tiếng gọi thôi thúc từ phương diện cao nhất của Tam Nguyên Tinh Thần:

60. The atmic aspect pointing towards the monadic plane…

60. Phương diện atma hướng về cõi chân thần…

"Seek the way of Ascension"—ascension out of even triadal life into that of pure Being and of monadic existence.

"Hãy tìm con đường Thăng Thiên"—thăng vượt lên ngay cả sự sống tam nguyên để đi vào sự sống của Bản Thể thuần khiết và sự hiện tồn chân thần.

61. These are amazing thoughts and a most occult elaboration on the familiar phrase, "the sheep and the goats".

61. Đây là những tư tưởng đáng kinh ngạc và là một sự khai triển hết sức huyền bí về cụm từ quen thuộc "những con cừu và những con dê".

In this Great Judgment all decision lies in the **conclusive thinking** of Sanat Kumara.

Trong Cuộc Phán Xét Vĩ Đại này, mọi quyết định đều nằm trong **tư duy mang tính kết luận** của Sanat Kumara.

62. This Judgment is in relation to the Libran aspect of the King. We remember that Shamballa (the true center of *peace* upon our planet) is Libran in many ways.

62. Sự Phán Xét này liên quan đến phương diện Thiên Bình của Đức Vua. Chúng ta nhớ rằng Shamballa (trung tâm đích thực của *hòa bình* trên hành tinh chúng ta) mang tính chất Thiên Bình trên nhiều phương diện.

63. The Path of Earth Service (ruled powerfully by Libra) is related to the Libran

63. Con Đường Phụng Sự Trái Đất (chịu sự cai quản mạnh mẽ của Thiên Bình) liên quan

Nature of Shamballa, and should be studied as such.

64. We note in the words "conclusive thinking" the decisive nature of Sanat Kumara's thought process.

It is His judgment; neither the sheep nor the goats, nor the great mass of men from among whom they have emerged, can affect that decision in the slightest degree.

65. This statement puts things in proportion. We are reminded of the"Unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara" (R&I 241)

66. Note the pattern of emergence of the sheep and the goats. Neither of them belongs any longer to the masses.

Any moment or climax of decision on the part of the Lord of the World institutes new law and brings into play new energies.

67. This process leading to a determining conclusion must be related to the onset of the Aquarian Age (in both its smaller and larger versions—2,500 years and 25,000 years, approximately).

Laws are only the unalterable conditions brought about by the activity, the orientation and the emanated decisive thoughts of the One in Whom we live and move and have our being, just as the activities, the orientation and the thinking of a human being carry the cells and the atoms of his body along the line of his wishes.

đến Bản Chất Thiên Bình của Shamballa, và cần được nghiên cứu theo mối liên hệ ấy.

64. Qua những từ "tư duy đi đến kết luận dứt khoát", chúng ta nhận thấy tính quyết đoán trong tiến trình tư tưởng của Sanat Kumara.

Đó là sự phán xét của Ngài; cả chiên lẫn dê, cũng như quảng đại quần chúng mà từ đó họ đã xuất hiện, đều không thể ảnh hưởng đến quyết định ấy dù chỉ chút nào.

65. Phát biểu này đặt mọi sự vào đúng tỉ lệ. Chúng ta được nhắc nhớ về "thiên ý chưa được biết đến, chưa được thấy và chưa được nghe của Sanat Kumara" (R&I 241)

66. Hãy lưu ý mô hình xuất hiện của chiên và dê. Cả hai đều không còn thuộc về quần chúng nữa.

Bất kỳ thời điểm hay cao điểm quyết định nào của Đức Chúa Tể Thế Giới đều thiết lập định luật mới và đưa những năng lượng mới vào hoạt động.

67. Tiến trình dẫn đến một kết luận có tính định đoạt này hẳn phải liên quan đến sự khởi đầu của Kỷ Nguyên Bảo Bình (ở cả quy mô nhỏ lẫn quy mô lớn—tương ứng khoảng 2.500 năm và 25.000 năm).

Các định luật chỉ là những điều kiện bất biến do hoạt động, định hướng và những tư tưởng quyết định được phát xạ của Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn tạo nên, cũng như các hoạt động, định hướng và tư duy của một con người đưa những tế bào và nguyên tử trong thân thể y đi theo đường hướng những mong muốn của y.

68. The relative altitude of the origin of Law (relative to humanity, that is) is given.

68. Ở đây, chúng ta được cho biết độ cao tương đối của nguồn gốc Định Luật (nghĩa là so với nhân loại).

69. Just as the cells of our physical body have nothing to say over determinations which we may be making upon the plane of mind, so has the man nothing to say about the determinations and conclusions that Sanat Kumara may be making upon the plane of cosmic mind.

69. Cũng như các tế bào trong thể xác chúng ta không có tiếng nói gì đối với những quyết định mà chúng ta có thể đang đưa ra trên cõi trí, con người cũng không có tiếng nói gì đối với những quyết định và kết luận mà Sanat Kumara có thể đang đưa ra trên cõi trí vũ trụ.

Energies are but the rhythm of His breathing and the results of the systolic and the diastolic action of His heart.

Các năng lượng chỉ là nhịp điệu hơi thở của Ngài và kết quả của hoạt động co bóp, giãn nở nơi trái tim Ngài.

70. We are invited into some rather extraordinary proportional thinking. Well could this magnificent sentence be pondered! The origin of energies—primarily of life and love—are here given.

70. Chúng ta được mời suy ngẫm về những tương quan tỉ lệ khá phi thường. Câu văn tráng lệ này thật đáng để suy ngẫm! Ở đây, chúng ta được cho biết nguồn gốc của các năng lượng—chủ yếu là năng lượng sự sống và tình thương.

71. SK's breath breathes us; His heart beat is the beating of our hearts.

71. Hơi thở của Sanat Kumara làm cho chúng ta thở; nhịp tim của Ngài chính là nhịp đập của trái tim chúng ta.

From these energies we cannot escape, but—in a mysterious and peculiar [63] manner—the planetary Logos directs them or withholds them to suit the recognised planetary needs of the period.

Chúng ta không thể thoát khỏi những năng lượng này, nhưng theo một cách thức huyền nhiệm và đặc biệt [63], Hành Tinh Thượng đế điều hướng hoặc giữ chúng lại để phù hợp với những nhu cầu của hành tinh trong thời kỳ ấy mà Ngài đã nhận biết.

72. It may be that Sanat Kumara (as a solar system Yogi) knows how to "hold his breath" and "stop his heart" according to the needs of his vehicle of manifestation.

72. Có thể Sanat Kumara (với tư cách một hành giả yoga cấp hệ mặt trời) biết cách "nín thở" và "ngừng tim" tùy theo nhu cầu của vận cụ biểu hiện của Ngài.

At this time the "eye of His direction" is turned towards a needy and waiting world, and particularly towards the large number

Vào lúc này, "con mắt chỉ đạo của Ngài" đang hướng về một thế giới đầy thiếu thốn và chờ đợi, đặc biệt hướng về đông đảo những

of waiting people who hold within themselves the potencies of discipleship.

73. One extraordinary sentence after another. Those who hold within themselves "the potencies of discipleship" are receiving at this time the attention of Sanat Kumara.

74. The phrase "eye of His direction" is not straightforward. It is an occult formulation. In this formulation the first and second rays are inseparable. When the King turns His eye upon a group or aggregation of entities, that turning is equivalent to directing those upon whom the eye is turned.

They are the hope of the world.

75. Those in whom the potencies of discipleship exist are the "hope of the world". Usually, we think that Hierarchy is the "hope of the world".

This outpouring of **directed energy** means a great stimulation of all sensitive and responsive aspirants; the result is not an easy one for them.

76. It is quite an amazing thought that the great stimulation which aspirants and disciples may be experiencing is the result of the fact that Sanat Kumara has turned "the eye of His direction" upon them. This source of stimulation is as occult as it can be—in relation to our planet at least.

Everything in them is raised to the surface of consciousness, and whilst they are faced with a vital and beneficent opportunity, they are also faced with the problem of absorbing more "punishment" (is not that

người đang chờ đợi, những người mang trong mình các tiềm năng của địa vị đệ tử.

73. Hết câu phi thường này đến câu phi thường khác. Vào lúc này, Sanat Kumara đang chú ý đến những người mang trong mình "các tiềm năng của địa vị đệ tử".

74. Cụm từ "con mắt chỉ đạo của Ngài" không có nghĩa hiển nhiên. Đây là một cách diễn đạt huyền bí. Trong cách diễn đạt này, cung một và cung hai không thể tách rời. Khi Đức Vua hướng mắt về một nhóm hay một tập hợp các thực thể, việc hướng mắt ấy tương đương với việc chỉ đạo những đối tượng mà ánh mắt Ngài hướng tới.

Họ là niềm hi vọng của thế giới.

75. Những người mang trong mình các tiềm năng của địa vị đệ tử là "niềm hi vọng của thế giới". Thông thường, chúng ta nghĩ rằng Thánh đoàn là "niềm hi vọng của thế giới".

Lần tuôn đổ **năng lượng có định hướng** này mang đến sự kích thích lớn lao cho mọi người chí nguyện nhạy cảm và biết đáp ứng; kết quả ấy không dễ dàng đối với họ.

76. Quả là một ý nghĩ đáng kinh ngạc: sự kích thích lớn lao mà những người chí nguyện và các đệ tử có thể đang trải nghiệm là kết quả của việc Sanat Kumara hướng "con mắt chỉ đạo của Ngài" về họ. Nguồn kích thích này mang tính huyền bí đến tột độ—ít nhất là đối với hành tinh chúng ta.

Mọi điều trong họ đều được đưa lên bề mặt tâm thức, và trong khi đứng trước một cơ hội thiết yếu, tốt lành, họ cũng đối diện với vấn đề phải chịu đựng nhiều "đòn đau" hơn mức thông thường—huynh đệ của tôi, chẳng phải đó là từ Tôi muốn dùng sao?

the word I want, my brother?) than they would normally take.

77. If we wonder why the Dweller is exposed to the consciousness of the advancing disciple, we have here the reason.

78. The "eye" of Sanat Kumara presents opportunity—the opportunity (under Saturn, the "god of opportunity") to absorb more than the customary amount of "punishment". How many would welcome this as an opportunity?

Will they break under the impact of self-discovery and the opportunity to eliminate personality? Or will they rise triumphant from the ashes of their dead selves into living power and beauty?

79. The question could not be clearer, for, indeed, it is possible to break under the stress of self-revelation.

80. The personality must die; it must become the dead self, from which may emerge living power and beauty.

Though Sanat Kumara is naturally unaware of the individual disciple or aspirant, He is not unaware of their massed effect, quality or status.

81. It is revealed how we are seen by the 'eye of the King'. Together we count somewhat; individually, we do not.

82. Sanat Kumara is taking the gauge of the mass.

77. Nếu chúng ta tự hỏi vì sao Kẻ Chận Ngõ lại phơi bày trước tâm thức của người đệ tử đang tiến bước, thì đây chính là lý do.

78. "Con mắt" của Sanat Kumara mang đến cơ hội—cơ hội (dưới ảnh hưởng của Sao Thổ, "vị thần của cơ hội") để chịu đựng nhiều "đòn đau" hơn mức thông thường. Có bao nhiêu người sẽ đón nhận điều này như một cơ hội?

Liệu họ sẽ gục ngã dưới tác động của việc khám phá chính mình và cơ hội loại bỏ phàm ngã? Hay họ sẽ vươn lên chiến thắng từ tro tàn của những bản ngã đã chết, bước vào quyền năng và vẻ đẹp sống động?

79. Câu hỏi không thể rõ ràng hơn, vì quả thực, người ta có thể gục ngã dưới sức ép của việc chính mình được phơi bày.

80. Phàm ngã phải chết; nó phải trở thành bản ngã đã chết, từ đó quyền năng và vẻ đẹp sống động có thể xuất hiện.

Dù Sanat Kumara tất nhiên không nhận biết từng đệ tử hay người chí nguyện riêng lẻ, Ngài vẫn nhận biết tác động, phẩm tính hay trình độ tổng hợp của họ.

81. Điều này cho thấy "con mắt của Đức Vua" nhìn chúng ta như thế nào. Khi hợp lại, chúng ta có phần đáng kể; khi riêng lẻ, chúng ta không đáng kể.

82. Sanat Kumara đang thẩm định toàn thể tập hợp ấy.

Contact and relationship are based upon vibratory reaction, and **the potency of the united vibration of the disciples and aspirants of the world is today—for the first time in human history—strong enough to reach Shamballa.** This is a new and very interesting fact.

Sự tiếp xúc và mối quan hệ dựa trên phản ứng rung động, và **ngày nay, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, uy lực của rung động hợp nhất từ các đệ tử và người chí nguyện trên thế giới đủ mạnh để vươn tới Shamballa.** Đây là một sự kiện mới mẻ và rất đáng quan tâm.

83. There must be something to which Sanat Kumara may respond, if He is to respond.

83. Phải có điều gì đó để Sanat Kumara có thể đáp ứng, nếu Ngài muốn đáp ứng.

84. We are told that a new condition now exists in humanity. The united vibration of the disciples and aspirants of the world is sufficiently strong to reach Shamballa. This is a monumental development in the history of the human race upon this planet.

84. Chúng ta được cho biết rằng hiện nay trong nhân loại có một tình trạng mới. Rung động hợp nhất của các đệ tử và người chí nguyện trên thế giới đủ mạnh để vươn tới Shamballa. Đây là một bước phát triển trọng đại trong lịch sử nhân loại trên hành tinh này.

The Hierarchy therefore is:

Vì vậy, Thánh đoàn đang:

1. In a position of extreme tension.

1. Ở trong một trạng thái tập trung nhất tâm cực độ.

85. They are oriented simultaneously towards Shamballa and towards humanity.

85. Các Ngài đồng thời hướng về Shamballa và nhân loại.

86. Shamballa is putting Hierarchy under extreme pressure, far more so than its effect upon humanity.

86. Shamballa đang đặt Thánh đoàn dưới áp lực cực độ, lớn hơn nhiều so với tác động của Shamballa lên nhân loại.

2. In a condition of quiescent waiting. It awaits:

2. Ở trong trạng thái tĩnh tại chờ đợi. Thánh đoàn chờ đợi:

87. It awaits the precipitation of the Purpose as Plan.

87. Thánh đoàn chờ đợi sự ngưng tụ của Thiên Ý thành Thiên Cơ.

a. The decision which is on the verge of emanating from the judgment seat of Sanat Kumara.

a. Quyết định sắp phát ra từ ngai phán xét của Sanat Kumara.

88. The term “judgment seat” is definitely significant in the context of this discussion on the Great Judgment.

88. Thuật ngữ “ngai phán xét” rõ ràng mang thâm nghĩa trong bối cảnh cuộc thảo luận này về cuộc Đại Phán Xét.

89. We are using Biblical terminology here, but its occult nature is easily seen.

89. Ở đây, chúng ta đang sử dụng thuật ngữ Kinh Thánh, nhưng có thể dễ dàng nhận thấy bản chất huyền bí của thuật ngữ ấy.

b. Notification as to the period and mode of the coming externalisation.

b. Thông báo về thời kỳ và phương thức của sự ngoại hiện sắp tới.

90. The entire Externalization process is controlled from ‘above’. Hierarchy is not self-determining in this regard.

90. Toàn bộ tiến trình Ngoại Hiện chịu sự kiểm soát từ ‘bên trên’. Về phương diện này, Thánh đoàn không tự quyết định.

91. The Externalization has a duration and a method. It does not last forever and must occur in a specific way.

91. Sự Ngoại Hiện có một khoảng thời gian và một phương pháp. Tiến trình này không kéo dài mãi mãi và phải diễn ra theo một cách thức cụ thể.

c. The proposed influx into its ranks of disciples and aspirants.

c. Làn sóng đệ tử và người chí nguyện dự kiến sẽ gia nhập hàng ngũ của Thánh đoàn.

92. It is Sanat Kumara’s will that aspirants and disciples enter the Hierarchy. For this influx Hierarchy must be prepared as previously stated; it will not be a simple or easy process.

92. Ý chí của Sanat Kumara là để những người chí nguyện và đệ tử gia nhập Thánh đoàn. Như đã nêu trước đây, Thánh đoàn phải chuẩn bị để đón nhận dòng người gia nhập này; đó sẽ không phải là một tiến trình đơn giản hay dễ dàng.

d. The reaction, later to be sensed by Them, of the massed use of the Great Invocation.

d. Đáp ứng đối với việc sử dụng Đại Khấn Nguyện trên quy mô tập thể, mà sau này Các Ngài sẽ cảm nhận được.

93. The Great Invocation is sounding daily and Hierarchy is obliged to respond. But the response must be correct and in line with the will of Sanat Kumara.

93. Đại Khấn Nguyện đang vang lên hằng ngày và Thánh đoàn có bổn phận đáp ứng. Nhưng sự đáp ứng phải đúng đắn và phù hợp với ý chí của Sanat Kumara.

e. The clear sounding of the invocative, though inchoate, [64] cry of the masses of

e. Tiếng kêu khẩn cầu vang lên rõ ràng, dù còn phôi thai, [64] của đông đảo những

those who are not yet even upon the Probationary Path.

94. Hierarchy must also be attentive to the inchoate invocation of those who are not yet on the Probationary Path.

3. Passing through a process of reorganisation. This involves the following:

95. Thus, it must be subjected to Uranian and Aquarian influences.

96. We are speaking of how to recognize that Hierarchy is passing through a period of reorganization.

a. **Senior disciples in the major Ashrams are now beginning to form subsidiary Ashrams, as I began to do in the year 1925.**

97. The meaning of some terminology is clarified. A Master can be considered a "senior disciple". DK became a Master in 1875 and waited fifty years to form an Ashram subsidiary to the great second ray Ashram of Master KH.

98. We note that 1925 was the year of the great Hierarchical Conclave, and presumably the year after which the move of Hierarchy to the buddhic plane took place, with Master R. becoming Mahachohan.

b. Owing to the war and the intensive efforts of the world disciples, more people along many and varied lines are being reached.

người thậm chí còn chưa bước lên Con Đường Dự Bị.

94. Thánh đoàn cũng phải chú tâm đến lời khẩn cầu còn phôi thai của những người chưa bước lên Con Đường Dự Bị.

3. Trải qua một tiến trình tái tổ chức. Tiến trình này bao gồm những điều sau:

95. Do đó, Thánh đoàn phải chịu tác động của các ảnh hưởng từ Sao Thiên Vương và Bảo Bình.

96. Chúng ta đang bàn về cách nhận biết rằng Thánh đoàn đang trải qua một thời kỳ tái tổ chức.

a. **Hiện nay, các đệ tử cao cấp trong những ashram chính đang bắt đầu thành lập các ashram trực thuộc, như Tôi đã bắt đầu làm vào năm 1925.**

97. Ý nghĩa của một số thuật ngữ được làm sáng tỏ. Có thể xem một Chân sư là một "đệ tử cao cấp". Chân sư DK trở thành Chân sư vào năm 1875 và đã chờ năm mươi năm để thành lập một ashram trực thuộc ashram cung hai vĩ đại của Chân sư KH.

98. Chúng ta lưu ý rằng năm 1925 là năm diễn ra Đại Mật Nghị của Thánh đoàn, và có lẽ là năm mà sau đó Thánh đoàn chuyển lên cõi Bồ đề, với việc Chân sư R. trở thành Đức Mahachohan.

b. Do chiến tranh và những nỗ lực mạnh mẽ của các đệ tử trên thế giới, ngày càng có nhiều người thuộc nhiều đường hướng khác nhau được tiếp cận.

99. “World disciples” are initiates of the third degree and they are responsible for reaching many individuals.

99. Các “đệ tử thế giới” là những điểm đạo đồ bậc ba và Các Ngài có trách nhiệm tiếp cận nhiều cá nhân.

100. Hierarchy is casting the net wide so that many different types of people can be reached. Salvation is for *all* humanity, not just the esotericists of the world.

100. Thánh đoàn đang giăng lưới rộng để có thể tiếp cận nhiều loại người khác nhau. Sự cứu rỗi dành cho *toàn thể* nhân loại, chứ không chỉ dành cho các nhà bí truyền học trên thế giới.

c. The mode, methods and techniques of training (as I have earlier told you) are being remodeled and rearranged in order to suit the modern mind and needs.

c. Cách thức, phương pháp và kỹ thuật huấn luyện (như Tôi đã nói với các bạn trước đây) đang được đổi mới và sắp xếp lại để phù hợp với trí tuệ và nhu cầu hiện đại.

101. There is a great revamping of procedures within Hierarchy. Master DK has presented some of the newer methods of discipleship training.

101. Các quy trình trong Thánh đoàn đang trải qua một cuộc cải tổ lớn. Chân sư DK đã trình bày một số phương pháp mới hơn trong việc huấn luyện đệ tử.

d. Senior disciples are undergoing a forcing process to enable them more rapidly to take the initiation immediately ahead of them. **This necessarily brings added strains and risks, sometimes even to the point of death, but also greater spiritual light and life.**

d. Các đệ tử cao cấp đang trải qua một tiến trình thúc đẩy mạnh mẽ để có thể nhanh chóng hơn tiếp nhận cuộc điểm đạo ngay trước mắt. **Điều này tất nhiên đem lại thêm những căng thẳng và rủi ro, đôi khi thậm chí đến mức tử vong, nhưng cũng đem lại ánh sáng và sự sống tinh thần lớn lao hơn.**

102. Here the definition of “senior disciples” is ambiguous. It may not mean one who has achieved the rank of Master.

102. Ở đây, định nghĩa về “các đệ tử cao cấp” chưa rõ ràng. Cụm từ này có thể không chỉ người đã đạt cấp bậc Chân sư.

103. In case we think that the “forcing process” is without strain and risk, our estimation is corrected. Straining forward to take the next initiation may even involve death. It is the consciousness which is of moment and not the fate of the form.

103. Nếu chúng ta cho rằng “tiến trình thúc đẩy mạnh mẽ” không có căng thẳng và rủi ro, thì nhận định ấy của chúng ta được sửa lại. Việc nỗ lực vươn tới để tiếp nhận cuộc điểm đạo kế tiếp thậm chí có thể dẫn đến cái chết. Chính tâm thức mới là điều quan trọng, chứ không phải số phận của hình tướng.

104. Đây là một phát biểu hết sức mạnh mẽ và cần được cân nhắc kỹ lưỡng.

104. This is a very powerful statement and one that must be carefully taken into consideration.

4. At the entrance to the Way of the Higher Evolution, which is now more easily to be found, owing to the rapid construction of the antahkarana by **enlightened souls functioning upon the physical plane and working desperately to aid humanity. Their spiritual desperation is what is needed to provide the required "point of tension" from whence the antahkarana can be built. There is a basic distinction between desperation and pessimism. Desperation is related to the time element and to a correct and discriminative perception of the need. Pessimism is related more to an unjust appraisement of the quality of humanity.**

4. Đứng trước lối vào Con đường Tiến Hóa Cao Siêu, mà hiện nay đã dễ tìm thấy hơn, nhờ **các linh hồn giác ngộ đang nhanh chóng xây dựng antahkarana trong khi hoạt động trên cõi hồng trần và dốc hết sức mình để trợ giúp nhân loại. Chính sự khẩn thiết tinh thần của họ là điều cần thiết để tạo ra "điểm tập trung nhất tâm" cần có, từ đó antahkarana có thể được xây dựng. Có một sự khác biệt căn bản giữa sự khẩn thiết và sự bi quan. Sự khẩn thiết liên quan đến yếu tố thời gian và sự nhận thức đúng đắn, có phân biện về nhu cầu. Sự bi quan liên quan nhiều hơn đến việc đánh giá không công bằng về phẩm tính của nhân loại.**

105. The members of Hierarchy are more easily finding the "entrance of the Way of the Higher Evolution". The rapid construction of the antahkarana and the desperation to serve are two reasons why the entrance is more easily found.

105. Các thành viên của Thánh đoàn đang dễ dàng tìm thấy "lối vào Con đường Tiến Hóa Cao Siêu" hơn. Việc nhanh chóng xây dựng antahkarana và sự khẩn thiết phụng sự là hai lý do khiến lối vào dễ được tìm thấy hơn.

106. The value of "spiritual desperation" is greatly emphasized. Does this come as a surprise?

106. Giá trị của "sự khẩn thiết tinh thần" được nhấn mạnh rất nhiều. Điều này có gây ngạc nhiên không?

107. It is as if I never have read these statements before—perhaps I have not. Have you?

107. Dường như tôi chưa từng đọc những phát biểu này trước đây—có lẽ tôi chưa từng đọc thật. Còn các bạn thì sao?

108. We are to be characterized by "spiritual desperation" and not by "pessimism". The pessimist, it seems, does not know the true value of humanity.

108. Đặc điểm của chúng ta phải là "sự khẩn thiết tinh thần", chứ không phải "sự bi quan". Dường như người bi quan không biết giá trị đích thực của nhân loại.

All these things are at this time characteristic of the Hierarchy.

Vào lúc này, tất cả những điều ấy đều là đặc điểm của Thánh đoàn.

109. "Spiritual desperation" characteristic of the Hierarchy—an amazing thought! They must know that time is short and the dangers exceedingly great.

109. "Sự khẩn thiết tinh thần" là đặc điểm của Thánh đoàn—một ý nghĩ đáng kinh ngạc! Hẳn Các Ngài biết rằng thời gian còn ít và những hiểm nguy thì vô cùng lớn.

I would remind you that when you think of the Hierarchy you think in terms of the Masters (as most people do) or of the higher initiates. This is not correct. Every accepted disciple is within the periphery of the Hierarchy and of its influence, and—as I have frequently pointed out—**all have in some past life taken the first initiation**. **Every disciple has** [65] **been to Bethlehem and has seen the Star in the East—that star which shines forth in fuller splendour each time another initiation is taken.**

Tôi muốn nhắc các bạn rằng khi nghĩ đến Thánh đoàn, các bạn nghĩ đến các Chân sư (như phần đông mọi người vẫn nghĩ) hoặc các điểm đạo đồ cao cấp. Điều này không đúng. Mọi đệ tử được chấp nhận đều ở trong phạm vi của Thánh đoàn và ảnh hưởng của Thánh đoàn, và—như Tôi thường xuyên chỉ ra—**tất cả đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất trong một kiếp sống quá khứ nào đó**. **Mọi đệ tử đều đã** [65] **đến Bethlehem và đã thấy Ngôi Sao ở phương Đông—ngôi sao tỏa sáng huy hoàng hơn mỗi khi một cuộc điểm đạo nữa diễn ra.**

110. We have here an expanded view of the nature of Hierarchy. It included accepted disciples. Further, all accepted disciples have taken the first initiation (except in the rarest instances).

110. Ở đây, chúng ta có một cái nhìn mở rộng về bản chất của Thánh đoàn. Thánh đoàn bao gồm cả các đệ tử được chấp nhận. Hơn nữa, mọi đệ tử được chấp nhận đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất (trừ những trường hợp cực kỳ hiếm hoi).

111. All true disciples are initiates of the first degree. Elsewhere, we are told that every true aspirant has taken the first degree. The conclusion is that every true aspirant is, in fact, as disciple, and has taken the first degree.

111. Mọi đệ tử chân chính đều là điểm đạo đồ bậc một. Ở nơi khác, chúng ta được cho biết rằng mọi người chí nguyện chân chính đều đã trải qua bậc điểm đạo thứ nhất. Kết luận là mọi người chí nguyện chân chính thực ra đều là đệ tử và đã trải qua bậc điểm đạo thứ nhất.

112. The star of initiation shines forth not only at the third degree but at the first two initiations of the threshold as well.

112. Ngôi sao điểm đạo tỏa sáng không chỉ ở bậc ba mà còn ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên nơi ngưỡng cửa.

The difference between such disciples as you and the more advanced initiates is that your

Sự khác biệt giữa những đệ tử như các bạn và các điểm đạo đồ tiến bộ hơn nằm ở chỗ

basic orientation is different to that of the Masters. They are oriented to Shamballa; They are relatively unaffected by affairs and happenings in the three worlds, even though that is the sphere wherein Their work lies; there is nothing within Them to react to these phases of planetary livingness.

định hướng căn bản của các bạn khác với định hướng của các Chân sư. Các Ngài hướng về Shamballa; Các Ngài tương đối không chịu tác động của những sự việc và biến cố trong ba cõi giới, dù đó là phạm vi công việc của Các Ngài; trong Các Ngài không có gì phản ứng với những giai đoạn này của sự sống hành tinh.

113. The higher initiates (advanced initiates) are oriented to Shamballa, quite unaffected by affairs in the three worlds. They want nothing from those three worlds. They wish only to help. They are beyond reactivity to these lower worlds, and obviously, this is not true of us.

113. Các điểm đạo đồ cao cấp (các điểm đạo đồ tiến xa) hướng về Shamballa, hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của những sự việc trong ba cõi giới. Các Ngài không muốn điều gì từ ba cõi giới ấy. Các Ngài chỉ mong giúp đỡ. Các Ngài đã vượt khỏi sự phản ứng đối với những cõi thấp này, và hiển nhiên, chúng ta chưa được như vậy.

Disciples and all initiates below the third initiation are oriented to the Hierarchy. Not the Council Chamber at Shamballa or the Way to the Higher Evolution engrosses their attention, but the life of the Ashram with which they are affiliated and the Way of Initiation.

Các đệ tử và mọi điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ ba đều hướng về Thánh đoàn. Điều thu hút sự chú ý của họ là đời sống của ashram mà họ liên kết và Con Đường Điểm Đạo,

114. DK is describing the orientation of most of us—to the Hierarchy, to the Ashram, and this is as it should be.

114. Chân sư DK đang mô tả định hướng của phần lớn chúng ta—hướng về Thánh đoàn, về ashram, và đó là điều đúng đắn.

115. Here He uses the phrase, the “Way of Initiation”—not so commonly appearing.

115. Ở đây, Ngài dùng cụm từ “Con Đường Điểm Đạo”—một cụm từ không thường xuất hiện.

116. Still, we do learn that initiates below the third initiation, can indeed be engrossed in the affairs of the Ashram.

116. Tuy nhiên, chúng ta biết được rằng các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ ba quả thực có thể mải mê với những công việc của ashram.

This is a useful point to bear in mind. There is much in them which can and will react to qualities and events within the three worlds, and—from the angle of the human

chứ không phải Phòng Hội Đồng tại Shamballa hay Con đường Tiến Hóa Cao Siêu. Đây là một điểm hữu ích cần ghi nhớ. Trong họ còn nhiều điều có thể và sẽ phản

consciousness—life for them is very difficult because **the dualism of existence is apt to produce violent strain.**

ứng với các phẩm tính và biến cố trong ba cõi giới, và—xét từ góc độ tâm thức nhân loại—đời sống của họ rất khó khăn, vì **tính nhị nguyên của sự tồn tại dễ gây ra căng thẳng dữ dội.**

117. Strain comes from division and irresolution between the divided parts. Those who read DK's books are, for the most part, reacting to qualities and events within the three worlds. They are in period of unavoidable transitional strain.

117. Căng thẳng phát sinh từ sự chia rẽ và tình trạng chưa thể giải quyết những bất đồng giữa các phần bị chia rẽ. Phần lớn những người đọc sách của Chân sư DK đang phản ứng với các phẩm tính và biến cố trong ba cõi giới. Họ đang ở trong một giai đoạn chuyển tiếp với những căng thẳng không thể tránh khỏi.

The extreme psychical tension affecting the Hierarchy puts an undue strain upon the emotions and the mental mechanism of the disciple because **he is, as yet, unable to achieve that "quiescent waiting" which distinguishes the higher initiates.**

Sự căng thẳng thông linh cực độ đang tác động đến Thánh đoàn tạo ra sức ép quá mức lên cảm xúc và bộ máy trí tuệ của đệ tử, vì **y chưa thể đạt đến trạng thái "chờ đợi tĩnh lặng" vốn là đặc điểm của các điểm đạo đồ cao cấp.**

118. Here we are given a reason for the strain we so often experience. That Hierarchy may be subject to "extreme psychical tension" may seem a new idea to many. That this strain will have an effect upon disciples may also be seen as new.

118. Ở đây, chúng ta được cho biết một lý do dẫn đến sự căng thẳng mà chúng ta thường trải qua. Việc Thánh đoàn có thể chịu "sự căng thẳng thông linh cực độ" có lẽ là một ý tưởng mới đối với nhiều người. Việc sự căng thẳng này sẽ ảnh hưởng đến các đệ tử cũng có thể được xem là điều mới mẻ.

119. What enables the higher initiate to achieve "quiescent waiting"? May we say that it is an aspect of the spiritual will which has, in the higher initiate, reached a high degree of development?

119. Điều gì giúp điểm đạo đồ cao cấp đạt đến trạng thái "chờ đợi tĩnh lặng"? Liệu chúng ta có thể nói rằng đó là một phương diện của ý chí tinh thần, vốn đã đạt đến mức phát triển cao nơi điểm đạo đồ cao cấp?

120. Patience is a quality greatly associated with the will. Such an initiate is attuning with Plan and Purpose and has proved to himself that it is utterly futile to do otherwise. Action that is not impulsed from Shamballa leads nowhere.

120. Kiên nhẫn là một phẩm tính gắn bó mật thiết với ý chí. Một điểm đạo đồ như vậy đang hòa nhịp với Thiên Cơ và Thiên Ý, và đã tự chứng minh cho mình rằng làm khác đi là hoàn toàn vô ích. Hành động không xuất phát từ xung lực của Shamballa sẽ chẳng đi đến đâu.

The Will of God is not yet adequately factual in his consciousness; he is preoccupied with the attempt to make his personal will synchronise with the spiritual will of the soul—a very different matter.

121. DK continues to contrast the orientation of the higher initiate with that of the disciple. As stated, the higher initiate has developed the Will of God within His nature. The task of synchronization with the will of the soul pertains to the disciple. It is a preliminary phase filled with the rebellion of the personal will.

The reorganisation being planned at this time by the Hierarchy and by the ashramic groups affects the personal lives of disciples and their efforts at accepting training; with the proposed changes and with the results of the outer ashramic work they must fall in line and they must accept the changing curriculum.

122. DK speaks of a changing curriculum in discipleship training.

123. The pressure upon disciples arising from within the Hierarchy is considerable. All is undergoing reorganization. Do we sense ourselves to be part of that reorganization? Do we realize factually what is happening?

Forget not that disciples in this particular period have to make adjustments which are not easy. They have been taught in terms of the old tradition, perpetuated and summarised by the Theosophical, Rosicrucian and other occult groups;

Ý Chí của Thượng Đế chưa trở thành một thực tại đầy đủ trong tâm thức y; y đang bận tâm với nỗ lực làm cho ý chí cá nhân của mình đồng bộ với ý chí tinh thần của linh hồn—một việc rất khác.

121. Chân sư DK tiếp tục đối chiếu định hướng của điểm đạo đồ cao cấp với định hướng của đệ tử. Như đã nói, điểm đạo đồ cao cấp đã phát triển Ý Chí của Thượng Đế trong bản chất của Ngài. Nhiệm vụ đồng bộ với ý chí của linh hồn thuộc về đệ tử. Đó là một giai đoạn sơ khởi đầy sự nổi loạn của ý chí cá nhân.

Việc tái tổ chức mà Thánh đoàn và các nhóm ashram đang hoạch định lúc này tác động đến đời sống cá nhân của các đệ tử và những nỗ lực tiếp nhận sự huấn luyện của họ; họ phải hòa nhịp với những thay đổi được đề xuất và những kết quả của công việc ashram bên ngoài, và họ phải chấp nhận chương trình huấn luyện đang thay đổi.

122. Chân sư DK nói đến một chương trình đang thay đổi trong việc huấn luyện đệ tử.

123. Áp lực tác động lên các đệ tử từ bên trong Thánh đoàn là đáng kể. Tất cả đều đang được tái tổ chức. Chúng ta có cảm nhận mình là một phần của việc tái tổ chức ấy không? Chúng ta có thực sự nhận biết điều gì đang diễn ra không?

Đừng quên rằng trong thời kỳ đặc biệt này, các đệ tử phải thực hiện những điều chỉnh không dễ dàng. Họ đã được dạy theo truyền thống cũ, mà các nhóm Thông Thiên Học, Hoa Hồng Thập Tự và những nhóm huyền bí khác đã duy trì và tổng kết;

124. DK speaks of past conditioning, naming some of the groups that are responsible (for better or for worse) for perpetuating that conditioning.

124. Chân sư DK nói về ảnh hưởng định hình từ quá khứ, nêu tên một số nhóm chịu trách nhiệm duy trì ảnh hưởng ấy (dù tốt hay xấu).

they have had, since 1900, to accept and work with the newer modes of training and the changing forms of teaching applied by the Masters Who take pupils.

từ năm 1900, họ đã phải chấp nhận và làm việc theo những cách thức huấn luyện mới hơn cùng các hình thức giảng dạy đang thay đổi mà các Chân sư thu nhận môn sinh áp dụng.

125. Not all Masters take pupils, but those who do have been changing their methods of offering training.

125. Không phải mọi Chân sư đều thu nhận môn sinh, nhưng những Ngài có thu nhận môn sinh vẫn đang thay đổi phương pháp huấn luyện của mình.

126. It is interesting that 1900 is quoted as the origin of a time of change. We might say that every turn of a century offers new opportunity from a first ray perspective.

126. Điều thú vị là năm 1900 được nêu làm mốc khởi đầu một thời kỳ thay đổi. Chúng ta có thể nói rằng, xét từ góc độ cung một, mỗi thời điểm chuyển sang thế kỷ mới đều mang đến cơ hội mới.

This has created temporary [66] difficulties which will not be present when the newer modes and methods are more generally established.

Điều này đã tạo ra những [66] khó khăn tạm thời, vốn sẽ không còn khi những cách thức và phương pháp mới hơn được thiết lập rộng rãi hơn. Vì vậy,

127. With regard to discipleship training, we are in the midst of difficult times. As always, transitional periods are more difficult than periods in which the transition is past and the newer methods solidly instituted.

127. Về việc huấn luyện đệ tử, chúng ta đang ở giữa những thời điểm khó khăn. Như thường lệ, các thời kỳ chuyển tiếp khó khăn hơn những thời kỳ mà sự chuyển tiếp đã qua và các phương pháp mới hơn đã được thiết lập vững chắc.

128. There are still more than one hundred years before the Age of Aquarius is fully with us (according to the ayanamsa offered by Master DK). We are still, therefore, very much in a period of overlap with Aquarian and Piscean energies contending.

128. Vẫn còn hơn một trăm năm nữa Kỷ Nguyên Bảo Bình mới hoàn toàn hiện diện với chúng ta (theo ayanamsa mà Chân sư DK đưa ra). Vì vậy, chúng ta vẫn đang ở sâu trong một thời kỳ giao thoa, với các năng lượng Bảo Bình và Song Ngư tranh chấp nhau.

The problem, therefore, of the modern disciple is peculiarly hard, and the Masters bear this ever in mind.

vấn đề của đệ tử hiện đại đặc biệt khó khăn, và các Chân sư luôn ghi nhớ điều này.

129. They do not, therefore, in the words of Master Morya, attempt to place the load of a camel on a donkey.

129. Vì vậy, theo cách nói của Chân sư Morya, Các Ngài không cố đặt gánh nặng của một con lạc đà lên lưng một con lừa.

Also the strain of the world cataclysm has increased these difficulties, and that strain is far more wide-reaching than is generally believed.

Sức ép của cơn đại biến trên thế giới cũng làm gia tăng những khó khăn ấy, và sức ép đó lan rộng hơn rất nhiều so với điều người ta thường nghĩ.

130. We are spared knowing the full disruption of the time we are passing through. DK's words about the disruption in the etheric web, however, should give us some idea of the occult disruption which lies behind the more evident external disruptions.

130. Chúng ta không phải biết hết mọi xáo trộn của thời kỳ mình đang trải qua. Tuy nhiên, những lời của Chân sư DK về sự đứt gãy trong mạng lưới dĩ thái hẳn giúp chúng ta phần nào hình dung được sự xáo trộn huyền bí nằm sau những xáo trộn bên ngoài dễ thấy hơn.

Do you realise wherein the strain consists, apart from the physical disasters and chaos, with its agony, despair, anxiety, and its demand for a poised and efficient exterior to be presented to the world? **Do you appreciate the keen ability of the trained disciple to react to the harrowing conditions of human suffering and to penetrate the controlled response which has to be given?**

Các bạn có nhận ra sức ép ấy nằm ở đâu, ngoài những thảm họa và hỗn loạn hồng trần, cùng nỗi thống khổ, tuyệt vọng, lo âu và đòi hỏi phải thể hiện trước thế giới một vẻ ngoài điềm tĩnh, có năng lực? **Các bạn có thấu hiểu khả năng nhạy bén của đệ tử đã qua huấn luyện trong việc phản ứng với những hoàn cảnh đau thương của nỗi khổ nhân loại và thấu suốt sự đáp ứng có kiểm soát mà y phải thể hiện?**

131. DK is calling for something very difficult—a full appreciation of horror, followed by a poised, efficient and controlled response. No one respects anyone who, in the face of difficulty loses composure.

131. Chân sư DK đang kêu gọi một điều rất khó: thấu hiểu trọn vẹn nỗi kinh hoàng, rồi đáp ứng một cách điềm tĩnh, hiệu quả và có kiểm soát. Không ai kính trọng một người mất bình tĩnh khi đối diện với khó khăn.

132. This demands the 'containment' of severely contrasting energies and subjects disciples to great tests.

132. Điều này đòi hỏi phải 'dung chứa' những năng lượng tương phản gay gắt và đặt các đệ tử trước những thử thách lớn.

133. DK seems to be telling His chelas that they have not yet mastered the necessary response.

133. Dường như Chân sư DK đang nói với các đệ tử của Ngài rằng họ vẫn chưa làm chủ được cách đáp ứng cần thiết.

There are also other **factors of a more subjective nature to which the disciple is sensitive,** and among them are the following:

Cũng có những **yếu tố khác mang bản chất chủ quan hơn mà đệ tử nhạy cảm với chúng,** trong đó có những yếu tố sau:

134. DK lists some of the subjective factors which make the modern disciple's life so difficult.

134. Chân sư DK liệt kê một số yếu tố chủ quan khiến đời sống của đệ tử hiện đại trở nên khó khăn đến vậy.

1. The astral or emotional vortex which humanity has inevitably set up as a result of registered pain and through which the observing disciple must move.

1. Vòng xoáy cảm dục hay cảm xúc mà nhân loại tất yếu đã tạo ra do nỗi đau được ghi nhận, và đệ tử quan sát phải đi qua vòng xoáy ấy.

135. The problem lies not only in outer events but in the astral reactions which easily engulf the "swimmer". It is hard to fight against being swept off one's feet by powerful astral currents.

135. Vấn đề không chỉ nằm ở những sự kiện bên ngoài mà còn ở những phản ứng cảm dục dễ dàng nhấn chìm "người bơi". Thật khó chống chọi để giữ vững chỗ đứng trước những dòng cảm dục mạnh mẽ đang cuốn mình đi.

2. The glamour induced upon the astral plane as the result of three intermingling and inflowing streams of energy:

2. Ảo cảm phát sinh trên cõi cảm dục do ba dòng năng lượng đang tuôn vào và hòa lẫn với nhau:

136. The emotional vortex is one thing; the addition of intense glamor a further complication.

136. Vòng xoáy cảm xúc là một chuyện; ảo cảm mãnh liệt thêm vào lại khiến tình hình phức tạp hơn nữa.

a. The energies set in motion by the uprising cry of humanity itself, which inevitably shapes and moulds astral substance.

a. Những năng lượng được khơi động do tiếng kêu dâng lên của chính nhân loại, tất yếu định hình và nhào nặn chất liệu cảm dục.

137. Astral substance is in a distressed condition.

137. Chất liệu cảm dục đang ở trong tình trạng thống khổ.

b. The new inflowing spiritual energies which the planetary Logos is steadily bringing to bear upon human life and upon all forms of physical existence. **These must traverse or cut across the astral realm in reaching the physical plane.**

b. Những năng lượng tinh thần mới đang tuôn vào, mà Hành Tinh Thượng đế đều đặn đưa vào tác động lên đời sống con người và mọi hình thức tồn tại hồng trần. **Những năng lượng này phải đi qua hoặc cắt ngang cõi cảm dục để đến cõi hồng trần.**

138. It is interesting to see the relationship of the higher energies to the lower—they must "cut across the astral realm". They must not be engulfed and swept aside.

138. Thật thú vị khi thấy mối liên hệ giữa những năng lượng cao với những năng lượng thấp—chúng phải "cắt ngang cõi cảm dục". Chúng không được để mình bị nhấn chìm và cuốn lệch sang bên.

c. The retreating forces of evil which are endeavouring to make a last desperate stand upon the astral plane.

c. Những mãnh lực tà ác đang rút lui và cố gắng thực hiện một cuộc kháng cự tuyệt vọng cuối cùng trên cõi cảm dục.

139. Well, the war was over when this was written. DK knew that the forces of evil, beaten (at least temporarily) had not given up the fight. We can see that even today, they have not given up the fight.

139. Quả vậy, chiến tranh đã kết thúc khi đoạn này được viết. Chân sư DK biết rằng các mãnh lực tà ác, dù đã thất bại (ít nhất là tạm thời), vẫn chưa từ bỏ cuộc chiến. Chúng ta có thể thấy rằng ngay cả ngày nay, chúng vẫn chưa từ bỏ cuộc chiến.

140. These three currents—one high and one low contending for the soul of man, when mixing with the cry of humanity must produce tremendous confusion on the astral plane.

140. Ba dòng năng lượng này—một dòng cao và một dòng thấp đang tranh giành linh hồn con người—khi hòa lẫn với tiếng kêu của nhân loại, tất phải tạo ra sự hỗn loạn ghê gớm trên cõi cảm dục.

These three types of force (when brought into relation with each other) are producing an unparalleled vortex of energy of which all disciples are necessarily aware, particularly those (**and they are a large number) who are preparing for the second initiation.**

Ba loại mãnh lực này (khi được đưa vào mối liên hệ với nhau) đang tạo ra một vòng xoáy năng lượng chưa từng có, mà mọi đệ tử tất nhiên đều nhận biết, đặc biệt là những người **đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai (và số người này rất đông).**

141. The particular astral difficulties of the candidate for the second initiation are highlighted. A true disciple is already an initiate of the first degree, so naturally, there would be, among disciples, a very large

141. Những khó khăn cảm dục đặc thù của ứng viên cho lần điểm đạo thứ hai được nhấn mạnh. Một đệ tử chân chính đã là một điểm đạo đồ bậc một, nên đương nhiên,

number applying for the next degree—the second.

142. Disciples who are applicants for the third degree are more mentally focussed and thus less aware of the astral conditions because not primarily focussed on that level.

All disciples, working among their fellowmen, [67] are brought into contact with this astral whirlpool. (I would call the attention of D.E.I. to this fact because it accounts for his reaction during the past two years and has led him to relinquish his position in my outer work and to retire into a phase of living which will provide him with no true scope for his pledged experience and his years of training;

143. Whether or not his initiatory orientation leads him to focus on the astral plane, a disciple's work with his fellow human beings will necessarily bring him into contact with the astral whirlpool.

144. DK points out one of the apparent casualties of contact with the astral whirlpool. A trusted disciple (DEI) has relinquished his position (probably at Lucis Trust Headquarters) for some position in life which offers no true opportunity for growth of disciplic expression. DK is especially regretful when abdications of this nature occur. The disciple is, quite unknown to himself, removing himself from the possibility of effectiveness.

this present phase is in the nature of a cul-de-sac.

145. DK foresees that there will be no exit for DEI, no way out or through.

trong số các đệ tử, sẽ có rất nhiều người xin tiến lên bậc kế tiếp—bậc hai.

142. Những đệ tử đang xin tiến lên bậc ba tập trung nhiều hơn vào trí tuệ, nên ít nhận biết những tình trạng cảm dục hơn, vì họ không tập trung chủ yếu ở cấp độ ấy.

Mọi đệ tử đang làm việc giữa đồng loại [67] đều tiếp xúc với vòng xoáy cảm dục này. (Tôi muốn D.E.I. chú ý đến sự kiện này, vì nó giải thích phản ứng của y trong hai năm qua và đã khiến y từ bỏ vị trí của mình trong công việc bên ngoài của Tôi, lui vào một giai đoạn sống không đem lại cho y phạm vi hoạt động thực sự nào để vận dụng kinh nghiệm gắn với lời cam kết và những năm tháng huấn luyện của mình;

143. Dù định hướng điểm đạo có dẫn đệ tử đến chỗ tập trung trên cõi cảm dục hay không, công việc của y với đồng loại tất yếu sẽ đưa y tiếp xúc với vòng xoáy cảm dục.

144. Chân sư DK chỉ ra một trong những trường hợp dường như đã chịu tổn thất do tiếp xúc với vòng xoáy cảm dục. Một đệ tử được tín nhiệm (DEI) đã từ bỏ vị trí của mình (có lẽ tại Trụ sở Lucis Trust) để nhận một vị trí nào đó trong cuộc sống không đem lại cơ hội thực sự nào để phát triển sự biểu lộ của người đệ tử. Chân sư DK đặc biệt lấy làm tiếc khi xảy ra những sự từ bỏ trách nhiệm như thế. Hoàn toàn không hay biết, người đệ tử đang tự tách mình khỏi khả năng hoạt động hữu hiệu.

giai đoạn hiện tại này mang tính chất của một ngõ cụt.

145. Chân sư DK thấy trước rằng DEI sẽ không có lối thoát, không có cách nào ra khỏi hay vượt qua tình trạng này.

Eventually he will have to retrace his steps and admit the reality of the time lost—**lost in the moment of humanity's greatest need.** Yet he will retrace his steps. I mention this as it is a typical instance of the effects of this glamour.)

Cuối cùng, y sẽ phải quay lại con đường đã đi và thừa nhận thực tế về thời gian đã mất—**mất ngay vào lúc nhân loại cần đến nhất.** Tuy vậy, y sẽ quay lại. Tôi đề cập điều này vì đó là một trường hợp điển hình về những tác động của ảo cảm này.)

146. DK seems to be suggesting that DEI is one of those preparing for the second initiation, but who has not passed it. I am recalling that the rays of DEI were 21-213. The ray one astral body may have given an especially intense response to the glamor.

146. Dường như Chân sư DK đang gợi ý rằng DEI là một trong những người đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai nhưng chưa vượt qua lần điểm đạo ấy. Tôi nhớ rằng các cung của DEI là 21-213. Thể cảm dục cung một có thể đã đáp ứng đặc biệt mãnh liệt với ảo cảm này.

147. One can see that DK feels the loss which His disciple must and will experience. To the Master it must seem such an unnecessary shame for a disciple to give up well-prepared opportunities. The problem of the loss is compounded because the moment is at the hour of humanity's greatest need.

147. Có thể thấy rằng Chân sư DK cảm nhận được sự mất mát mà đệ tử của Ngài phải và sẽ trải qua. Đối với Chân sư, hẳn thật đáng tiếc và không cần thiết khi một đệ tử từ bỏ những cơ hội đã được chuẩn bị chu đáo. Sự mất mát ấy càng nghiêm trọng hơn vì nó xảy ra đúng vào lúc nhân loại cần đến nhất.

148. No disciple should consider himself safe from unpredictable repudiation of prepared opportunities. There is something about the Dweller which is capricious.

148. Không đệ tử nào nên cho rằng mình không có nguy cơ bất ngờ khước từ những cơ hội đã được chuẩn bị. Kẻ Chận Ngõ có điều gì đó thất thường.

3. The stimulation to which the lower vehicles of a disciple are unavoidably subjected. This evokes a full expression of all his inherent qualities, both good and bad. Everything in his nature is intensified, and **the more mental he may be, the more he is consciously aware of these revelations.** If his orientation is towards his life expression in the three worlds, a phase of depression, of self-accusation and frequently of doubt may

3. Sự kích thích mà các hiện thể thấp của đệ tử tất yếu phải chịu. Điều này khơi dậy sự biểu lộ đầy đủ mọi phẩm tính vốn có của y, cả tốt lẫn xấu. Mọi điều trong bản chất y đều được tăng cường, và **y càng thiên về trí tuệ thì càng nhận biết một cách có ý thức những điều được phơi bày này.** Nếu y hướng về sự biểu lộ đời sống của mình trong ba cõi giới, y có thể phải chịu đựng một giai đoạn trầm uất, tự trách và thường là hoài nghi, do đó cản trở khả năng hữu ích nói chung của y.

have to be endured, thus handicapping his general usefulness.

149. Excessive stimulation will lead to a full revelation of inherent quality—both good and bad.

149. Sự kích thích quá mức sẽ dẫn đến sự bộc lộ đầy đủ những phẩm tính vốn có—cả tốt lẫn xấu.

150. What will a disciple do in face of such revelations? Awareness of them may bring about a handicapping psychological reaction:

150. Đệ tử sẽ làm gì khi đối diện với những điều được phơi bày như thế? Việc nhận biết chúng có thể gây ra một phản ứng tâm lý làm hạn chế khả năng hoạt động:

a. Depression

a. Trầm uất

b. Self-accusation

b. Tự trách

c. Doubt

c. Hoài nghi

151. All disciples must endure this revelation. The merit or demerit comes with the response to what is seen.

151. Mọi đệ tử đều phải chịu đựng sự phơi bày này. Công hay lỗi nằm ở cách đáp ứng với những gì được nhìn thấy.

4. **The evocation of a strong sense of the soul within the personality.** An emphasis upon the attitude of the soul to the personality life may also be induced and may prove very misleading. It would appear from the (apparently) voiced expression of soul comment, criticism, encouragement and planning that the main interest of the soul is with the dedicated personality. Such is not the case. **The soul is very little aware of the personality nature, its disposition and ideas.**

4. **Sự khơi dậy một cảm nhận mạnh mẽ về linh hồn bên trong phàm ngã.** Sự chú trọng vào thái độ của linh hồn đối với đời sống phàm ngã cũng có thể phát sinh và có thể gây lầm lạc lớn. Từ những lời bình luận, phê phán, khích lệ và hoạch định của linh hồn dường như được cất thành tiếng, người ta có thể tưởng rằng mối quan tâm chính của linh hồn là phàm ngã đã tận hiến. Sự thật không phải như vậy. **Linh hồn rất ít nhận biết bản chất phàm ngã, khuynh hướng và các ý tưởng của nó.**

152. DK corrects a misapprehension. When people imagine that the soul is making constant comment, offering encouragement or criticism and plans, such people are in illusion. The soul does not work this way nor is it interested in the affairs, per se, of the life of its personality. It is the voice of the

152. Chân sư DK sửa lại một nhận thức sai lầm. Khi người ta tưởng rằng linh hồn liên tục bình luận, đưa ra lời khích lệ hay phê phán và các kế hoạch, thì họ đang ở trong ảo tưởng. Linh hồn không hoạt động theo cách này, cũng không quan tâm đến chính những sự việc trong đời sống phàm ngã của mình. Tiếng nói mà họ nghe thấy là tiếng nói của

personality that is being heard, often masquerading as that of the soul.

phàm ngã, thường giả dạng tiếng nói của linh hồn.

The soul can be conscious of the limitations within the personality and of the barriers opposed to the inflow of soul energy, but **the details are of no interest to the soul. The soul is occupied with recognising hierarchical planning, with registering world need, and with responding (faintly, very faintly at first) to the developing monadic inflow.**

Linh hồn có thể nhận biết những giới hạn trong phàm ngã và những rào cản ngăn dòng năng lượng linh hồn tuôn vào, nhưng **các chi tiết không khiến linh hồn quan tâm. Linh hồn bận tâm với việc nhận biết sự hoạch định của Thánh đoàn, ghi nhận nhu cầu thế giới, và đáp ứng (lúc đầu rất yếu ớt, vô cùng yếu ớt) với dòng năng lượng chân thần đang phát triển và tuôn vào.**

153. We have a very important section here, describing the soul's real interests and not those imagined by the personality. The soul is not interested in personality details.

153. Ở đây, chúng ta có một đoạn rất quan trọng, mô tả những mối quan tâm thực sự của linh hồn, thay vì những mối quan tâm do phàm ngã tưởng tượng ra. Linh hồn không quan tâm đến các chi tiết của phàm ngã.

154. The soul *is* interested in:

154. Linh hồn *thực sự* quan tâm đến:

a. Recognizing hierarchical planning

a. Nhận biết sự hoạch định của Thánh đoàn

b. Registering world need

b. Ghi nhận nhu cầu thế giới

c. Responding faintly to monadic inflow

c. Đáp ứng yếu ớt với dòng năng lượng chân thần tuôn vào

155. When speaking of the "soul" in this context, we do not necessarily mean the Solar Angel. We mean that part of the Solar Angel which has blended with human consciousness on the higher mental plane.

155. Khi nói đến "linh hồn" trong ngữ cảnh này, chúng ta không nhất thiết muốn nói đến Thái dương Thiên Thần. Chúng ta muốn nói đến phần của Thái dương Thiên Thần đã hòa quyện với tâm thức con người trên cõi thượng trí.

These attitudes and reactions of the soul (upon its own plane of being) affect profoundly and fundamentally the personality life and produce those basic changes which evoke the **vocation** of the disciple.

Những thái độ và phản ứng này của linh hồn (trên cõi hiện tồn riêng của linh hồn) tác động sâu sắc và căn bản đến đời sống phàm ngã, tạo ra những thay đổi nền tảng khơi dậy **thiên chức** của đệ tử.

156. The important point to grasp is that soul attitudes deeply affect personality life.

156. Điểm quan trọng cần nắm bắt là những thái độ của linh hồn tác động sâu sắc đến đời sống phàm ngã.

157. The vocation of the personality is evoked from above. The recognition of vocation is a response to recognized soul activity.

157. Thiên chức của phàm ngã được khơi dậy từ trên cao. Việc nhận biết thiên chức là một đáp ứng với hoạt động của linh hồn mà người ta đã nhận biết.

The disciple is occupied with vocation and not so much with evocation. (I would call this to the attention of [68] D.H.B. This type of evoked response is in the nature of illusion. He will know to what I am referring.)

Đệ tử bận tâm với thiên chức hơn là với sự gợi lên. (Tôi muốn [68] D.H.B. chú ý đến điều này. Kiểu đáp ứng được gợi lên này mang bản chất của ảo tưởng. Y sẽ biết Tôi đang đề cập đến điều gì.)

158. DHB was preparing for the third initiation, and so Master DK uses the word "illusion" to describe the psychological condition into which DHB had fallen. It was one which involved ambition and the visualizing of a certain role for himself in the work as AAB's replacement (at least in relation to one type of activity).

158. DHB đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ ba, vì vậy Chân sư DK dùng từ "ảo tưởng" để mô tả tình trạng tâm lý mà DHB đã rơi vào. Tình trạng ấy bao hàm tham vọng và việc ông hình dung mình đảm nhận một vai trò nhất định trong công việc với tư cách người thay thế Bà AAB (ít nhất là đối với một loại hoạt động).

159. In vocation lies the 'high calling' which every disciple must follow. One must not seek to evoke from the soul that which seems to be soul advice.

159. Chính trong thiên chức có 'tiếng gọi cao cả' mà mọi đệ tử phải noi theo. Người đệ tử không được tìm cách gợi lên từ linh hồn điều có vẻ là lời khuyên của linh hồn.

160. Master DK continues below the catalogue of subjective factors to which the disciple is sensitive.

160. Dưới đây, Chân sư DK tiếp tục liệt kê những yếu tố chủ quan mà người đệ tử nhạy cảm với chúng.

5. The danger of "Imperil," as the Master Morya has called it. This is somewhat erroneously interpreted as irritation by the neophyte, but it is not in fact irritation in the ordinary connotation of the word.

5. Nguy cơ của "Hiểm độc", như Chân sư Morya đã gọi. Người sơ cơ hiểu điều này có phần sai lệch là sự bực bội, nhưng thực ra đó không phải là sự bực bội theo nghĩa thông thường của từ này.

161. DK clarifies the true meaning of "Imperil"—a much needed clarification.

161. Chân sư DK làm sáng tỏ ý nghĩa thực sự của "Hiểm độc"—một sự làm sáng tỏ rất cần thiết.

162. Imperil is, of course, a subjective factor and a very destructive impediment to the discipleship life as it should be lived.

162. Dĩ nhiên, hiểm độc là một yếu tố chủ quan và là một chướng ngại có sức tàn phá rất lớn đối với đời sống đệ tử như lẽ ra phải sống.

The surface ripples of **ordinary irritation and the evanescent angers to which all disciples are prone are relatively of small importance.**

Những gợn sóng trên bề mặt của **sự bực bội thông thường và những cơn giận thoáng qua mà mọi đệ tử đều dễ mắc phải tương đối ít quan trọng.**

163. DK puts things in proportion. Ordinary irritations and evanescent angers are of little importance.

163. Chân sư DK đặt mọi việc vào đúng tầm mức. Những sự bực bội thông thường và những cơn giận thoáng qua ít quan trọng.

They pass and, in the sum total of the soul's attitudes to the personality, evoke no response or registration whatsoever.

Chúng qua đi và, xét trong toàn bộ thái độ của linh hồn đối với phàm ngã, hoàn toàn không gợi lên bất cứ đáp ứng hay sự ghi nhận nào.

164. The soul on its own plane does not even notice such passing phenomena.

164. Linh hồn trên cõi riêng của mình thậm chí không để ý đến những hiện tượng thoáng qua như thế.

What is referred to is the reaction of the disciple to world evil. This produces uncertainty as to the future, annoyance at what is being done throughout the planet by non-disciples, criticism of national and international planning and a general atmosphere of unhappiness, plus a sense of superior knowledge. All this is expressed in a negative, unconstructive manner.

Điều được nói đến là phản ứng của đệ tử trước cái ác trên thế giới. Điều này tạo ra sự bất định về tương lai, nỗi bực dọc trước những việc mà những người không phải đệ tử đang làm khắp hành tinh, sự chỉ trích việc hoạch định ở cấp quốc gia và quốc tế, cùng một bầu không khí bất mãn nói chung, cộng thêm cảm giác mình hiểu biết hơn người. Tất cả những điều này đều biểu lộ theo cách tiêu cực, thiếu tính xây dựng. Ngày nay,

165. Let us tabulate what Master DK means by imperil so that we may fix it in our minds:

165. Chúng ta hãy liệt kê những gì Chân sư DK muốn nói qua từ hiểm độc để có thể ghi nhớ rõ trong trí:

a. Uncertainty as to the future

b. Annoyance at what is being done throughout the world by non-disciples

c. Criticism of national and international planning

d. A general atmosphere of unhappiness

e. An attitude of superior knowledge.

f. Unconstructive, negative expression

166. Perhaps some can recognize themselves in this description.

To this many disciples are today prone; they need to realise that world affairs are not and cannot be moulded or determined by any hierarchical knowledge in the possession of the disciple.

167. The disciple is 'irritated' at the incompetence of the non-disciples who often seem to be in charge of how the world is run.

World affairs and conditions have necessarily to be based upon the demand and **the point in evolution of the mass of humanity**, working through their representatives, chosen or imposed, in every country.

168. In a way, Imperil is an unrealistic attitude, a fretful wishing that conditions were other than as they are, mixed with

a. Sự bất định về tương lai

b. Nỗi bực dọc trước những việc mà những người không phải đệ tử đang làm khắp thế giới

c. Sự chỉ trích việc hoạch định ở cấp quốc gia và quốc tế

d. Một bầu không khí bất mãn nói chung

e. Thái độ cho rằng mình hiểu biết hơn người.

f. Sự biểu lộ thiếu tính xây dựng, tiêu cực

166. Có lẽ một số người có thể nhận ra chính mình trong sự mô tả này.

nhiều đệ tử dễ rơi vào tình trạng này; họ cần nhận ra rằng những sự việc trên thế giới không do và cũng không thể do bất kỳ hiểu biết nào về Thánh đoàn mà đệ tử có được nhào nặn hay quyết định.

167. Đệ tử 'bực bội' trước sự kém cỏi của những người không phải là đệ tử, những người thường dường như đang nắm quyền điều hành thế giới.

Những sự việc và hoàn cảnh trên thế giới tất yếu phải dựa trên đòi hỏi và **điểm tiến hoá của đại khối nhân loại**, hoạt động thông qua những người đại diện do họ lựa chọn hoặc bị áp đặt lên họ tại mỗi quốc gia.

168. Theo một nghĩa nào đó, Imperil là một thái độ thiếu thực tế, một mong muốn đầy bực dọc rằng hoàn cảnh phải khác với thực trạng, xen lẫn với việc không ngừng chỉ trích

constant criticism of those who apparently have created such conditions.

những người dường như đã tạo ra hoàn cảnh ấy.

This demand can be and is affected, modified and spiritualised by the attitude and the teaching of disciples everywhere who are vocal and of humanitarian instinct.

Thái độ và lời dạy của các đệ tử ở khắp nơi, những người lên tiếng và có bản năng nhân đạo,

169. It is the demand of humanity (as its own stage of evolution) which evokes those who become its representatives and who, therefore, condition the trends of human living.

169. Chính đòi hỏi của nhân loại (ở giai đoạn tiến hoá của chính mình) gợi lên những người trở thành đại diện của nhân loại và do đó định hình các xu hướng trong đời sống con người.

170. DK tells us that this demand can be conditioned by disciples and their teaching, and this we should remember. We can assist in the elevation of the demand.

170. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các đệ tử và lời dạy của họ có thể định hình đòi hỏi này, và chúng ta nên ghi nhớ điều đó. Chúng ta có thể góp phần nâng cao đòi hỏi ấy.

If, however, the will and knowledge of disciples in all nations were to condition world affairs and control entirely the political, economic and social life of the people, **it would produce a far more serious cleavage than now exists, for instance between the rich and the poor, or between the classes and the castes.**

có thể và thực sự đang tác động, điều chỉnh và tinh thần hóa đòi hỏi này. Tuy nhiên, nếu ý chí và hiểu biết của các đệ tử ở mọi quốc gia định hình những sự việc trên thế giới và hoàn toàn kiểm soát đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của người dân, **điều đó sẽ tạo ra một sự chia rẽ nghiêm trọng hơn rất nhiều so với hiện nay, chẳng hạn giữa người giàu và người nghèo, hoặc giữa các giai cấp và các đẳng cấp.**

171. DK foresees what most disciples cannot: were disciples in power in all nations, and should the disciple's sense of values condition human living, a very great cleavage would arise

171. Chân sư DK thấy trước điều mà phần lớn các đệ tử không thể thấy: nếu các đệ tử nắm quyền ở mọi quốc gia, và nếu ý thức về các giá trị của đệ tử định hình đời sống con người, một sự chia rẽ rất lớn sẽ nảy sinh

It would produce a pronounced line of demarcation between the Kingdom of God and the kingdom of men.

Điều đó sẽ tạo ra một đường phân cách rõ rệt giữa Thiên Giới và giới loài người.

172. The Masters find it better to blur the distinction. We are not yet at the Judgment

172. Các Chân sư nhận thấy tốt hơn là làm mờ sự phân biệt ấy. Chúng ta chưa đến Ngày

Day and it is premature to draw the line between the Kingdom of Souls and humanity too precisely.

Phán Xét, và việc vạch ranh giới quá chính xác giữa Giới Linh Hồn và nhân loại là quá sớm.

This would run counter to hierarchical intention, which is rapidly healing the existent breach, and **thus offset the work which Christ set out to do on Earth.**

Điều này sẽ đi ngược lại chủ đích của Thánh đoàn, vốn đang nhanh chóng hàn gắn sự chia rẽ hiện hữu, và **do đó hóa giải công việc mà Đức Christ đã khởi sự thực hiện trên Trái Đất.**

173. Hierarchy is rapidly creating a bridge between these two kingdoms or sets of values. Avoidance of defining too clearly the line of demarcation is one method of healing.

173. Thánh đoàn đang nhanh chóng tạo dựng một cây cầu giữa hai giới hay hai hệ giá trị này. Tránh xác định đường phân cách quá rõ ràng là một phương pháp hàn gắn.

174. DK is telling us that well-meaning disciples would find themselves undoing the work which the Christ set out to do. If the people in general are not ready for discipleship, they cannot be *forced* into it.

174. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các đệ tử có thiện ý sẽ thấy mình đang phá hỏng công việc mà Đức Christ đã khởi sự thực hiện. Nếu mọi người nói chung chưa sẵn sàng bước vào địa vị đệ tử, thì không thể *ép buộc* họ bước vào địa vị ấy.

This point is often overlooked by well-intentioned disciples. **It is humanity which determines its own destiny.** Disciples point the way, indicate the vision, set a needed example and emphasise the ancient landmarks.

Các đệ tử có thiện ý thường bỏ qua điểm này. **Chính nhân loại quyết định vận mệnh của mình.** Các đệ tử chỉ đường, nêu lên tầm nhìn, làm gương theo nhu cầu và nhấn mạnh những cột mốc từ ngàn xưa.

175. The Masters, from their own level, could 'step-in' and reorganize society, forcing their values and agenda upon humanity, but nothing of a lasting nature would be achieved, because the transmutation process would be stopped by imposition.

175. Từ cấp độ của mình, các Chân sư có thể 'can thiệp' và tổ chức lại xã hội, áp đặt các giá trị và chương trình hành động của Các Ngài lên nhân loại, nhưng sẽ không đạt được điều gì có tính lâu bền, vì sự áp đặt sẽ chặn đứng tiến trình chuyển hoá.

[69]

[69]

A realisation of these few points which I have chosen to enumerate out of many, will indicate to you **the difficulties with which**

Việc nhận ra một vài điểm mà Tôi đã chọn để liệt kê trong số rất nhiều điểm sẽ cho các bạn thấy **những khó khăn mà các đệ tử đang đối**

disciples are today confronted—each of you among the many who are also struggling to meet human need in a modern world.

176. DK is telling us of the difficulties confronting disciples, and especially the subjective difficulties.

177. A review of the causes of these subjective difficulties might be useful:

a. The astral vortex created through the reaction to pain.

b. The mingling of three currents upon the astral plane: from hierarchy, from humanity and from the black lodge.

c. The overstimulation of the three lower vehicles

d. The evocation of a strong sense of soul in relation to the personality

e. The presence of Imperil in the psychological life of the disciple

As a group of **ashramic affiliates**, you (together with disciples everywhere) are all reacting to this inflow of energies, and with consequent conflict;

178. DK calls the members of the New Seed Group a "group of ashramic affiliates". He does not speak of them as if they were full members of the Ashram.

with some of you it has produced a definite crisis and one that you have not yet resolved;

diện ngày nay—mỗi người trong các bạn đều ở trong số đông những người cũng đang nỗ lực đáp ứng nhu cầu nhân loại trong một thế giới hiện đại.

176. Chân sư DK đang nói với chúng ta về những khó khăn mà các đệ tử phải đối diện, đặc biệt là những khó khăn nội tại.

177. Việc xem lại các nguyên nhân của những khó khăn nội tại này có thể hữu ích:

a. Vòng xoáy cảm dục hình thành qua phản ứng với đau khổ.

b. Sự hòa lẫn của ba dòng trên cõi cảm dục: từ Thánh đoàn, từ nhân loại và từ Hắc đoàn.

c. Sự kích thích quá mức ba hiện thể thấp

d. Sự khơi dậy cảm nhận mạnh mẽ về linh hồn trong mối quan hệ với phàm ngã

e. Sự hiện diện của Imperil trong đời sống tâm lý của đệ tử

Là một nhóm **những người liên kết với ashram**, tất cả các bạn (cùng với các đệ tử ở khắp nơi) đều đang phản ứng với dòng năng lượng tuôn vào này, và do đó trải qua xung đột;

178. Chân sư DK gọi các thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới là một "nhóm những người liên kết với ashram". Ngài không nói về họ như thể họ là những thành viên chính thức của Ashram.

với một số người trong các bạn, nó đã tạo ra một cuộc khủng hoảng rõ rệt mà các bạn vẫn

with one or two of you in this group, it has led to a seething inner turmoil accompanied by an overemphasised introspection.

chưa giải quyết được; với một hai người trong nhóm này, nó đã dẫn đến sự xáo động nội tâm sôi sục, đi kèm với việc tự xem xét quá mức.

179. DK talks of some difficult results arising within a number of His chelas. These results have arisen precisely because of the subjective conditions He has just described.

179. Chân sư DK nói về một số hệ quả gây khó khăn nảy sinh bên trong một số đệ tử của Ngài. Những hệ quả này nảy sinh chính vì các tình trạng nội tại mà Ngài vừa mô tả.

This will be apt (if too protracted) to hinder your exoteric service.

Nếu kéo dài quá lâu, điều này dễ cản trở công việc phụng sự ngoại môn của các bạn.

180. Seething inner turmoil and over-emphasized introspection will, together, hinder exoteric service.

180. Sự xáo động nội tâm sôi sục cùng với việc tự xem xét quá mức sẽ cản trở công việc phụng sự ngoại môn.

It is needless to remark that all of you need to become so sensitive to the quality of my Ashram, and so preoccupied with the opportunity to serve which confronts every disciple these days, that your own personal development, your unique problem (so regarded by you) and your reactions should be forgotten. **You need to remember that you are not as interesting to your soul as you may think.**

Không cần phải nói rằng tất cả các bạn cần trở nên nhạy cảm với phẩm tính của ashram Tôi, và chuyên tâm vào cơ hội phụng sự đang đặt ra trước mọi đệ tử ngày nay, đến mức quên đi sự phát triển cá nhân, vấn đề riêng biệt của mình (theo cách các bạn nhìn nhận) và những phản ứng của mình. **Các bạn cần nhớ rằng các bạn không thu hút sự quan tâm của linh hồn mình nhiều như các bạn có thể nghĩ.**

181. DK is calling for the members of the New Seed Group to become lost in service rather than in preoccupation with themselves.

181. Chân sư DK đang kêu gọi các thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới quên mình trong phụng sự thay vì mải bận tâm về bản thân.

182. What are the disciples to forget:

182. Các đệ tử cần quên những gì:

a. Their own personal development

a. Sự phát triển cá nhân của chính họ

b. Their unique problem (as they regard it)

b. Vấn đề độc nhất của họ (theo cách họ nhìn nhận)

c. Their reactions

From the angle of the Master, it is the ability of the soul to control its instrument, the personality, and to work through it, that is of interest; it is for these types of ability that He looks, and not at the reaction of the personality. **This is hard, if not humiliating, for the disciple to remember.**

183. What is the Master really interested in? The ability of the soul to control the personality.

184. The Path of Discipleship is full of humbling, and even *humiliating,* experiences. DK is reminding His chelas of a few that they cannot avoid facing.

The more engrossed he is with his personal responsiveness and capacities, the more impenetrable the barriers he is setting up between himself (upon the physical plane) and his soul; as a result of this, barriers are then being set up between the disciple and the life of the Ashram of which he is intended to form a part.

185. DK is telling His chelas what prevents them from really being full members of an Ashram. It is a type of wrong engrossment. Chelas are engrossed in their own personality—its responsiveness and capacities.

186. If there is a barrier between the personality and the soul on its own plane,

c. Những phản ứng của họ

Từ góc độ của Chân sư, điều đáng quan tâm là khả năng của linh hồn trong việc kiểm soát công cụ của nó là phàm ngã, và làm việc thông qua công cụ ấy; Ngài tìm kiếm những khả năng này, chứ không nhìn vào phản ứng của phàm ngã. **Đệ tử khó ghi nhớ điều này, nếu không muốn nói là cảm thấy bị hạ mình.**

183. Chân sư thực sự quan tâm đến điều gì? Khả năng của linh hồn trong việc kiểm soát phàm ngã.

184. Con Đường Đệ Tử đầy những trải nghiệm khiến người ta phải khiêm nhường, và thậm chí *cảm thấy bị hạ mình.* Chân sư DK đang nhắc nhở các đệ tử của Ngài về một vài trải nghiệm mà họ không thể tránh đối diện.

Y càng mải mê với khả năng đáp ứng và những năng lực cá nhân của mình, thì những rào cản y dựng lên giữa bản thân (trên cõi hồng trần) và linh hồn càng khó xuyên qua; hệ quả là những rào cản cũng hình thành giữa đệ tử và đời sống của ashram mà y dự định sẽ trở thành một thành phần.

185. Chân sư DK đang cho các đệ tử của Ngài biết điều gì ngăn họ thực sự trở thành thành viên trọn vẹn của một ashram. Đó là một kiểu mải mê sai lầm. Các đệ tử mải mê với chính phàm ngã của mình—khả năng đáp ứng và những năng lực của nó.

186. Nếu có một rào cản giữa phàm ngã và linh hồn trên cõi riêng của linh hồn, thì

then that same barrier will exist between the disciple and the Ashram.

chính rào cản ấy cũng sẽ hiện hữu giữa đệ tử và ashram.

Have this in mind and be, therefore, **so occupied with the life of the soul that you have no time for personality introspection.**

Hãy ghi nhớ điều này và vì vậy hãy **chuyên tâm vào đời sống linh hồn đến mức các bạn không còn thời gian tự xem xét phàm ngã.**

187. DK is warning His probably very introspective group away from preoccupation with personality introspection. Occupation with the life of the soul is something quite other than personality introspection. It is a different focus.

187. Chân sư DK đang cảnh báo nhóm của Ngài, có lẽ vốn rất hay tự xem xét nội tâm, tránh mải bận tâm với việc tự xem xét phàm ngã. Chuyên tâm vào đời sống linh hồn là điều hoàn toàn khác với việc tự xem xét phàm ngã. Đó là một trọng tâm khác.

The pure life of the soul will galvanise the centres above the diaphragm into activity, and your lives will become simple and uncomplicated expressions of the second aspect of divinity—of which all Ashrams are focal points.

Đời sống thanh khiết của linh hồn sẽ kích hoạt các trung tâm phía trên cơ hoành, và đời sống các bạn sẽ trở thành những biểu lộ đơn giản, không phức tạp của phương diện thứ hai của thiên tính—mà mọi ashram đều là những tiêu điểm.

188. This is said so simply. The centers above the diaphragm are to be galvanized into activity and love-wisdom is to emerge in expression in an uncomplicated manner.

188. Điều này được nói thật giản dị. Các trung tâm phía trên cơ hoành cần được kích hoạt, và bác ái–minh triết cần biểu lộ một cách không phức tạp.

189. DK tells us that *all* Ashrams are focal points of love-wisdom. The Hierarchy, after all, is the Hierarchy of Love.

189. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng *mọi* ashram đều là những tiêu điểm của bác ái–minh triết. Xét cho cùng, Thánh đoàn là Thánh đoàn của Tình thương.

As you know, it is not my intention to give you any more personal instructions; you no longer need them during the rest of this life, because if you carry out those already given [70] **there will be nothing to hinder your taking the initiation which is for you the next step forward.**

Như các bạn biết, Tôi không có ý định ban thêm huấn thị cá nhân nào cho các bạn; các bạn không còn cần chúng trong phần đời còn lại của kiếp sống này, vì nếu các bạn thực hiện những huấn thị đã được ban [70] **thì sẽ không có gì cản trở các bạn tiếp nhận cuộc điểm đạo vốn là bước tiến tiếp theo của mình.**

190. DK has done all He could for His chelas. He has given them the necessary knowledge.

190. Chân sư DK đã làm tất cả những gì Ngài có thể làm cho các đệ tử của Ngài. Ngài đã

Theirs is the task to apply it, and if they do so, they will find that they have enough to take them through that particular initiation which is for them the objective.

trao cho họ tri thức cần thiết. Nhiệm vụ của họ là áp dụng tri thức ấy, và nếu làm như vậy, họ sẽ thấy rằng mình có đủ những gì cần thiết để vượt qua cuộc điểm đạo cụ thể vốn là mục tiêu của họ.

Do you realise the import of what I am saying?

Các bạn có nhận ra tầm quan trọng của điều Tôi đang nói không?

191. DK is saying something of great importance. He has given all that is necessary—personally. Now He leaves it to His chelas to apply that which has been given.

191. Chân sư DK đang nói một điều hết sức quan trọng. Ngài đã trao tất cả những gì cần thiết—về phương diện cá nhân. Giờ đây, Ngài để các đệ tử của Ngài tự áp dụng những gì đã được trao.

This initiation which confronts you can be taken either during the remaining years which are left to you; this, in the majority of cases is not probable, though a small minority—a very small minority—may achieve the goal.

Cuộc điểm đạo đang ở trước mắt các bạn này có thể diễn ra trong những năm còn lại của đời các bạn; trong đa số trường hợp, điều này ít có khả năng xảy ra, dù một thiểu số nhỏ—một thiểu số rất nhỏ—có thể đạt mục tiêu.

192. DK has done much to prepare His chelas to take the initiation which confronts them. He is, of course, a realist and knows that that particular initiation is not likely to be taken in the remainder of the particular incarnated life at hand.

192. Chân sư DK đã làm nhiều điều để chuẩn bị cho các đệ tử của Ngài tiếp nhận cuộc điểm đạo đang ở trước mắt họ. Dĩ nhiên, Ngài là người thực tế và biết rằng họ khó có thể tiếp nhận cuộc điểm đạo cụ thể ấy trong phần còn lại của kiếp sống đang nhập thể này.

Or initiation may be taken in the interim period between incarnations, or else immediately upon return to physical plane life. This latter is the most probable for those who are not taking initiations higher than the third; and, **at present, for that initiation I am not preparing disciples.**

Hoặc cuộc điểm đạo có thể diễn ra trong thời kỳ giữa hai lần nhập thể, hay ngay khi trở lại đời sống trên cõi hồng trần. Khả năng sau cùng này là khả năng lớn nhất đối với những người không tiếp nhận các cuộc điểm đạo cao hơn lần thứ ba; và **hiện nay, Tôi không chuẩn bị các đệ tử cho cuộc điểm đạo thứ ba ấy.**

193. DK says something He seems elsewhere to flatly contradict. Usually, it is said, a physical brain (and thus incarnation) is necessary to take initiation.

193. Chân sư DK nói một điều mà ở nơi khác dường như chính Ngài lại phủ nhận hoàn toàn. Thông thường, người ta nói rằng cần

có một bộ não hồng trần (và do đó cần nhập thể) để tiếp nhận điểm đạo.

194. Here he states that initiation can be taken *between* incarnations, though He does not seem to state that it is a probability.

194. Ở đây, Ngài khẳng định rằng có thể tiếp nhận điểm đạo vào khoảng thời gian *giữa* các lần nhập thể, dù dường như Ngài không khẳng định rằng điều đó có nhiều khả năng xảy ra.

195. The more likely prospect is to take *in the next incarnation* the initiation for which the disciple is being prepared.

195. Triển vọng có nhiều khả năng xảy ra hơn là tiếp nhận, *trong kiếp nhập thể kế tiếp,* cuộc điểm đạo mà đệ tử đang được chuẩn bị để tiếp nhận.

196. DK tells us here that He is not preparing disciples to take the third degree. Elsewhere, He seems to suggest that He *is* preparing candidates for the third degree. In one case, that of DHB, it is flatly given that this disciple is preparing for the third degree, and obviously DK is giving Him the training that He needs.

196. Ở đây, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Ngài không chuẩn bị cho các đệ tử tiếp nhận bậc điểm đạo thứ ba. Ở nơi khác, dường như Ngài lại gợi ý rằng Ngài *có* chuẩn bị các ứng viên cho bậc điểm đạo thứ ba. Trong một trường hợp, trường hợp của DHB, có lời khẳng định rõ ràng rằng đệ tử này đang chuẩn bị cho bậc điểm đạo thứ ba, và hiển nhiên Chân sư DK đang huấn luyện ông theo những gì ông cần.

197. Initiations four and five could, it seems, be more easily taken between incarnations.

197. Dường như các lần điểm đạo thứ tư và thứ năm có thể được tiếp nhận dễ dàng hơn trong khoảng thời gian giữa các lần nhập thể.

It is usually regarded as essential that disciples who are taking the second or third initiations should register them in their brain consciousness.

Người ta thường xem việc các đệ tử tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai hoặc thứ ba phải ghi nhận chúng trong tâm thức bộ não là điều thiết yếu.

198. Now DK states the requirement He has mentioned elsewhere—the need for a brain if one is to take initiation (especially the second or the third).

198. Giờ đây, Chân sư DK nêu ra yêu cầu mà Ngài đã đề cập ở nơi khác—cần có bộ não nếu muốn tiếp nhận điểm đạo (đặc biệt là lần thứ hai hoặc thứ ba).

As I have often told you, the initiate consciousness is not the factor which requires to be thus recorded; it is seldom

Như Tôi đã thường nói với các bạn, tâm thức điểm đạo đồ không phải là yếu tố cần được ghi nhận theo cách đó; điều ấy hiếm

so. Recognition of it comes when the candidate is participating in the "esoteric installation" of a candidate into the ranks of the Great White Lodge.

khi xảy ra. Sự nhận biết tâm thức ấy đến khi ứng viên tham dự "lễ tiếp nhận nội môn" của một ứng viên vào hàng ngũ Thánh đoàn.

199. It seems that confirmed recognition of initiate consciousness comes on the inner planes during "esoteric installation".

199. Dường như sự nhận biết chắc chắn về tâm thức điểm đạo đồ đến trên các cõi bên trong trong "lễ tiếp nhận nội môn".

200. The establishment of "initiate consciousness" precedes the factor of "esoteric installation" because a candidate is always initiate before he is initiated. The fact precedes the ceremony.

200. Việc thiết lập "tâm thức điểm đạo đồ" đi trước yếu tố "tấn phong nội môn", vì một ứng viên luôn là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo. Sự kiện đi trước nghi lễ.

What the disciple **undergoing initiation** (and I choose the word "undergoing" with deliberation) must and eventually does record are the crises which brought about his fitness to take initiation, as it is erroneously called in theosophical circles.

Điều mà đệ tử **đang trải qua điểm đạo** (và Tôi có chủ ý khi chọn từ "trải qua") phải ghi nhận và cuối cùng thực sự ghi nhận là những cuộc khủng hoảng đã khiến y hội đủ điều kiện để tiếp nhận điểm đạo, như người ta thường gọi một cách sai lầm trong giới Thông Thiên Học.

201. One does not really "take" initiation; he "undergoes" it.

201. Người ta không thực sự "tiếp nhận" điểm đạo; người ta "trải qua" điểm đạo.

202. What is remembered? The crises which brought about fitness to take initiation. In other words, we seem to remember the crises of the burning ground.

202. Điều gì được ghi nhớ? Những cuộc khủng hoảng đã khiến người ta hội đủ điều kiện để tiếp nhận điểm đạo. Nói cách khác, dường như chúng ta nhớ những cuộc khủng hoảng của vùng đất cháy.

203. The word "undergoing" suggests a process of greater or lesser length, and not simply a confirmatory event.

203. Từ "trải qua" gợi lên một tiến trình dài ngắn khác nhau, chứ không đơn thuần là một sự kiện xác nhận.

These, correctly handled and surmounted, will result in his being an initiate—a very different interpretation to the current theosophical one.

Khi được xử lý và vượt qua đúng đắn, những cuộc khủng hoảng này sẽ khiến y trở thành một điểm đạo đồ—một cách diễn giải rất khác với cách diễn giải hiện hành của Thông Thiên Học.

204. Master DK is correcting some erroneous conceptions. Crises correctly handled and surmounted lead to initiation—not so much the ceremony (which is inevitable at length) but to the condition of "being an initiate".

204. Chân sư DK đang sửa lại một số quan niệm sai lầm. Những cuộc khủng hoảng được xử lý và vượt qua đúng đắn dẫn đến điểm đạo—không hẳn là nghi lễ (điều cuối cùng tất yếu sẽ diễn ra), mà là trạng thái "là một điểm đạo đồ".

As I often told you, a man is an initiate, prior to any initiation ceremony. The ceremony concerns hierarchical recognition of the disciple and does not concern the candidate's fitness. I find it needful to reiterate this fact.

Như Tôi đã thường nói với các bạn, một người đã là điểm đạo đồ trước bất kỳ nghi lễ điểm đạo nào. Nghi lễ liên quan đến sự công nhận của Thánh đoàn đối với đệ tử, chứ không liên quan đến việc ứng viên có hội đủ điều kiện hay không. Tôi thấy cần nhắc lại sự kiện này.

205. Two issues are before us. One is the fitness to be an initiate; the other is the hierarchical ceremony which recognizes that fitness. The emphasis should obviously be placed on the former.

205. Có hai vấn đề đặt ra trước chúng ta. Một là việc hội đủ điều kiện để trở thành điểm đạo đồ; hai là nghi lễ của Thánh đoàn công nhận việc hội đủ điều kiện ấy. Hiển nhiên cần nhấn mạnh vấn đề thứ nhất.

The planetary crises through which the planetary Logos is at this time passing **should result in the emergence of many initiates;** no true disciple is exempt from the effects of this planetary situation.

Những cuộc khủng hoảng hành tinh mà Hành Tinh Thượng đế đang trải qua lúc này **hẳn sẽ dẫn đến sự xuất hiện của nhiều điểm đạo đồ;** không một đệ tử chân chính nào tránh khỏi những tác động của tình hình hành tinh này.

206. The fact that so many disciples are passing through initiation is the result of the initiatory process through which the Planetary Logos is passing, and He, probably because of the initiatory process through which the Solar Logos is passing, and so forth.

206. Việc có rất nhiều đệ tử đang trải qua điểm đạo là kết quả của tiến trình điểm đạo mà Hành Tinh Thượng đế đang trải qua; và có lẽ Ngài trải qua tiến trình ấy là do tiến trình điểm đạo mà Thái dương Thượng đế đang trải qua, và cứ thế tiếp nối.

207. Many initiates are to emerge; the space time schedule of the Planetary Logos demands this.

207. Nhiều điểm đạo đồ sẽ xuất hiện; lịch trình trong không gian và thời gian của Hành Tinh Thượng đế đòi hỏi điều này.

Inevitably, changes are wrought by the soul in the personal life. When these changes are focussed through the lower centres and the

Linh hồn tất yếu tạo ra những thay đổi trong đời sống cá nhân. Khi những thay đổi này tập trung qua các trung tâm thấp và các thể

lower bodies, the general result is purification and character building. The aspirant is then still upon the Probationary Path.

thấp, kết quả chung là sự thanh luyện và lập hạnh. Khi ấy, người chí nguyện vẫn còn ở trên Con Đường Dự Bị.

208. We are offered an important discrimination between those on the Probationary path and those on the Path of Discipleship.

208. Chúng ta được chỉ ra một sự phân biệt quan trọng giữa những người trên Con Đường Dự Bị và những người trên Con Đường Đệ Tử.

209. For the probationer, the changes in the personal life wrought by the soul are focussed in the lower centers and the lower bodies.

209. Đối với người dự bị, những thay đổi trong đời sống cá nhân do linh hồn tạo ra tập trung ở các trung tâm thấp và các thể thấp.

210. The result is purification and character building.

210. Kết quả là sự thanh luyện và lập hạnh.

When the disciple is in the position where he can pass through the first three initiations, then the inflowing energies work through the heart, [71] **the throat and the ajna centres;**

Khi đệ tử ở vào vị thế có thể trải qua ba lần điểm đạo đầu tiên, các năng lượng tuôn vào sẽ hoạt động qua trung tâm tim, [71] **trung tâm cổ họng và trung tâm ajna;**

211. The discrimination between the various stages of the Path is related to the activation of various centers.

211. Sự phân biện giữa các giai đoạn khác nhau của Đường Đạo có liên quan đến sự kích hoạt các trung tâm khác nhau.

212. The first three initiations focus energy, it seems, through the heart, the throat and ajna center respectively. The throat is suitable for the second initiation because at that time there is a strong emphasis upon spiritual intelligence and mental focus.

212. Dường như ba lần điểm đạo đầu tiên lần lượt tập trung năng lượng qua trung tâm tim, trung tâm cổ họng và trung tâm ajna. Trung tâm cổ họng thích hợp với lần điểm đạo thứ hai vì vào lúc ấy, trí tuệ tinh thần và sự tập trung trí tuệ được đặc biệt nhấn mạnh.

213. There is a relationship between the first initiation and the fourth through the heart center.

213. Có một mối liên hệ giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ tư thông qua trung tâm tim.

when the highest head centre and the lowest spinal centre are simultaneously involved,

khi trung tâm đầu cao nhất và trung tâm thấp nhất ở cột sống đồng thời tham gia, đệ

the disciple is then able to take the higher major initiations.

214. The phrase used is “higher major initiations”. The fourth initiation may be included, but the initiation which truly and finally relates crown to base is the fifth (cf. R&I 340)

215. We note that there are a number of head centers, but here DK is talking about the “highest” of them. This is the thousand petalled lotus.

Much of this has been given you in the earlier teaching you have received, but I repeat these statements, so that with clarity you may proceed.

One of you asked a question concerning divine intervention as a result of prayer, and I would point out that there is a distinction between Divine Intervention and Answered Prayer.

216. DK often asked His students to ask Him questions. They did, and quite a few of the responses have found their way into the Blue Books as text.

217. The distinction between Divine Intervention and Answered Prayer is clear; with Divine Intervention may occur without the supplication of man.

One admits of reciprocal energies, the other predicates action from above only. The measure of success in either case is dependent upon humanity as a whole. Classically the body is not equipped to receive the fire, until consciousness is importuned to racial need.

tử có thể tiếp nhận các cuộc điểm đạo chính yếu cao hơn.

214. Cụm từ được dùng là “các cuộc điểm đạo chính yếu cao hơn”. Lần điểm đạo thứ tư có thể nằm trong số đó, nhưng cuộc điểm đạo thực sự và rốt ráo liên kết trung tâm đỉnh đầu với trung tâm đáy cột sống là lần thứ năm (xem R&I 340)

215. Chúng ta lưu ý rằng có một số trung tâm đầu, nhưng ở đây Chân sư DK đang nói đến trung tâm “cao nhất” trong số đó. Đây là hoa sen nghìn cánh.

Phần lớn những điều này đã có trong giáo huấn trước đây mà các bạn nhận được, nhưng Tôi nhắc lại những phát biểu này để các bạn có thể tiến bước một cách sáng tỏ.

Một người trong các bạn đã hỏi về sự can thiệp thiêng liêng do cầu nguyện, và Tôi muốn chỉ ra rằng có sự khác biệt giữa Sự Can Thiệp Thiêng Liêng và Lời Cầu Nguyện Được Đáp Ứng.

216. Chân sư DK thường yêu cầu các môn sinh đặt câu hỏi với Ngài. Họ đã làm như vậy, và khá nhiều câu trả lời đã trở thành nội dung trong các quyển sách xanh.

217. Sự khác biệt giữa Sự Can Thiệp Thiêng Liêng và Lời Cầu Nguyện Được Đáp Ứng là rõ ràng; Sự Can Thiệp Thiêng Liêng có thể xảy ra mà không cần lời khẩn cầu của con người.

Một bên cho phép các năng lượng tác động qua lại, bên kia chỉ giả định hành động từ trên xuống. Mức độ thành công trong cả hai trường hợp đều tùy thuộc vào toàn thể nhân loại. Theo cách trình bày cổ điển, thân thể chưa có đủ khả năng tiếp nhận lửa cho đến

khi tâm thức được thôi thúc hướng đến nhu cầu của nhân loại.

218. DK speaks of the possibility of receiving the fire. When consciousness importunes according to racial need, then the fire may be received with safety. If consciousness importunes for itself alone, there is no safety. The higher energies demand group consciousness or awareness for their safe release.

218. Chân sư DK nói về khả năng tiếp nhận lửa. Khi tâm thức khẩn cầu theo nhu cầu của nhân loại, bấy giờ có thể tiếp nhận lửa một cách an toàn. Nếu tâm thức chỉ khẩn cầu cho riêng mình thì không có sự an toàn. Các năng lượng cao đòi hỏi tâm thức nhóm hay sự nhận biết về nhóm để có thể giải phóng một cách an toàn.

This is secondary to Divine Intervention which isolates the few and uses their organism to fuse and free the energies of dispersion. **This is sudden death to the physical vehicle if unprepared. Think upon this and know the consequences of emotional fanaticism.**

Điều này là thứ yếu so với Sự Can Thiệp Thiêng Liêng, vốn tách riêng một số ít người và sử dụng cơ thể họ để dung hợp và giải phóng các năng lượng phân tán. **Điều này gây ra cái chết đột ngột cho hiện thể hồng trần nếu chưa được chuẩn bị. Hãy suy ngẫm về điều này và biết những hậu quả của sự cuồng tín cảm xúc.**

219. “Do not be righteous overmuch; why should’st thou die?”

219. “Đừng quá công chính; cớ sao ngươi phải chết?”

220. Divine Intervention suggests selection from ‘above’.

220. Sự Can Thiệp Thiêng Liêng hàm ý có sự lựa chọn từ ‘trên’.

221. But the fire will kill the lower vehicle if that vehicle is unprepared.

221. Nhưng lửa sẽ hủy diệt hiện thể thấp nếu hiện thể ấy chưa sẵn sàng.

222. The emotional fanatic importunes the descending energy so ardently that response may occur, but has the vehicle been prepared through true group concern, true importunity on behalf of the group?

222. Người cuồng tín về cảm xúc khẩn cầu năng lượng giáng xuống một cách tha thiết đến mức sự đáp ứng có thể xảy ra, nhưng liệu hiện thể đã được chuẩn bị qua sự quan tâm thực sự đến nhóm, qua sự khẩn cầu thực sự vì nhóm hay chưa?

223. It would seem that Divine Intervention is an altogether more potent descent of the fire than Response to Prayer.

223. Dường như Sự Can Thiệp Thiêng Liêng là sự giáng xuống của lửa mạnh mẽ hơn hẳn so với Sự Đáp Ứng Lời Cầu Nguyện.

Có ba cách để sự khởi phát có thể xảy đến:

There are three ways whereby the inception may come:

224. DK may here be talking about Divine Intervention.

1. Disciples aware of their charge, relinquish all personal ambition and are willing to meet the test and be used. For, be not surprised my brother, a disciple can meet the test if he will. Accepted discipleship is in itself a guarantee of a certain amount of preparedness administered through right devotion, pure purpose and rigid discipline.

225. A selfless readiness to be used may invoke Divine Intervention. Clearly, personal ambition is a deterrent. It prevents right distribution, appropriating for the lower ego that which should belong to the group.

226. If one is an accepted disciple, he has already passed through much:

a. Right devotion

b. Pure purpose

c. Rigid discipline

227. It must be the case that all those in DK's group of accepted disciples had passed through such requirements in earlier times

2. The focussed intent of the hard pressed peoples of the world clamouring for peace, forms a nucleus of unregenerate energy which can and will be used. It is less potent

224. Ở đây, Chân sư DK có thể đang nói về Sự Can Thiệp Thiêng Liêng.

1. Các đệ tử nhận biết trọng trách của mình, từ bỏ mọi tham vọng cá nhân và sẵn lòng đối diện thử thách, sẵn lòng để được sử dụng. Bởi vì, huynh đệ của tôi, đừng ngạc nhiên, một đệ tử có thể vượt qua thử thách nếu y quyết chí. Chính địa vị đệ tử được chấp nhận là sự bảo đảm cho một mức độ sẵn sàng nhất định, được vun bồi qua lòng sùng kính đúng đắn, mục đích thanh khiết và kỷ luật nghiêm ngặt.

225. Sự sẵn lòng vô ngã để được sử dụng có thể khẩn cầu Sự Can Thiệp Thiêng Liêng. Rõ ràng, tham vọng cá nhân là một trở ngại. Nó ngăn cản sự phân phối đúng đắn, chiếm đoạt cho phàm ngã những gì lẽ ra phải thuộc về nhóm.

226. Nếu một người là đệ tử được chấp nhận, y đã trải qua nhiều điều:

a. Lòng sùng kính đúng đắn

b. Mục đích thanh khiết

c. Kỷ luật nghiêm ngặt

227. Hẳn là tất cả những người trong nhóm đệ tử được chấp nhận của Chân sư DK đều đã đáp ứng những yêu cầu như thế trong những thời kỳ trước

2. Ý hướng tập trung của các dân tộc trên thế giới đang chịu áp lực nặng nề và lớn tiếng đòi hỏi hòa bình tạo thành một hạt nhân năng lượng chưa được tái sinh, có thể và sẽ

in effect, but in these days of crisis everything must be used.

228. The powers divine will use anything that can be used. The many who clamor for peace can also be used as a channel for descending energy.

3. Every kingdom on earth is encumbered with shock—animal, vegetable, mineral, as well as human. This disturbance is a phase of promotion. **There are crashed areas of released energy,** causing forces to be freed which again can and will be used in the reconstruction.

229. Disturbed energies in relation to the various kingdoms also present opportunities for Divine Intervention. Where crashes have occurred energies are released and these energies can be used for the purposes of reconstruction.

230. One wonders of the significance of crashes of many kinds in the life of man, and the subsequent release of energies for reconstructive purposes.

[72]

The responsibility of this group is purpose. It is **will** fused and blended and dispersed. I charge you to waste no time in idle speculation, but to carry your responsibility as it should be carried, remembering that **your only value is group determined. Placement determines effort** (I suggest that you analyse this statement). Consequences are hierarchical. There is lowered vitality in the world today due to a fear psychosis.

được sử dụng. Hiệu lực của nó kém mạnh mẽ hơn, nhưng trong những ngày khủng hoảng này, mọi thứ đều phải được sử dụng.

228. Các quyền năng thiêng liêng sẽ sử dụng bất cứ điều gì có thể sử dụng. Đông đảo những người lớn tiếng đòi hỏi hòa bình cũng có thể được sử dụng làm kênh dẫn cho năng lượng giáng xuống.

3. Mọi giới trên Trái Đất đều chịu gánh nặng của chấn động—động vật, thực vật, kim thạch, cũng như nhân loại. Sự xáo trộn này là một giai đoạn tiến lên. **Có những vùng tan vỡ giải phóng năng lượng,** khiến các mãnh lực được phóng thích, và những mãnh lực ấy cũng có thể và sẽ được sử dụng trong công cuộc tái thiết.

229. Những năng lượng bị xáo trộn liên quan đến các giới khác nhau cũng tạo cơ hội cho Sự Can Thiệp Thiêng Liêng. Nơi nào xảy ra những đổ vỡ, năng lượng được giải phóng, và những năng lượng này có thể được sử dụng cho các mục đích tái thiết.

230. Chúng ta tự hỏi về thâm nghĩa của những sự đổ vỡ thuộc nhiều loại trong đời sống con người, và sự giải phóng năng lượng sau đó nhằm những mục đích tái thiết.

[72]

Trách nhiệm của nhóm này là mục đích. Đó là **ý chí** được dung hợp, hòa quyện và phân tán. Tôi giao cho các bạn nhiệm vụ đừng lãng phí thời gian vào những suy đoán vô ích, mà hãy gánh vác trách nhiệm của mình cho đúng, nhớ rằng **giá trị duy nhất của các bạn do nhóm quyết định. Vị trí quyết định nỗ lực** (Tôi đề nghị các bạn phân tích phát biểu này). Những hệ quả thuộc về Thánh

đoàn. Ngày nay, sinh lực trên thế giới suy giảm do trạng thái rối loạn tâm lý vì sợ hãi.

231. A number of interesting ideas (not necessarily easy of interpretation) are put together here.

231. Ở đây, một số ý tưởng thú vị (không nhất thiết dễ diễn giải) được tập hợp lại.

232. The group has the responsibility of maintaining correct purpose.

232. Nhóm có trách nhiệm duy trì mục đích đúng đắn.

233. There is an interesting definition of purpose here given: "it is *will* fused and blended and dispersed". This will require much pondering.

233. Ở đây có một định nghĩa thú vị về mục đích: "đó là *ý chí* được dung hợp, hòa quyện và phân tán". Điều này đòi hỏi nhiều suy ngẫm.

234. There is a need for a blended group will, formed under a specifically ashramic pattern.

234. Cần có một ý chí nhóm hòa quyện, hình thành theo một mô hình đặc thù của ashram.

235. DK calls for practical action. One could speculate about much, but the duties to be carried out by both individuals and the group are clear.

235. Chân sư DK kêu gọi hành động thực tiễn. Chúng ta có thể suy đoán về nhiều điều, nhưng những bổn phận mà cả các cá nhân lẫn nhóm phải thực hiện đều rõ ràng.

236. A humbling statement is given: "your only value is group determined". This means that, relatively, the chela has not individual value—at least to the Master and at least at *this* time.

236. Có một phát biểu khiến chúng ta phải khiêm nhường: "giá trị duy nhất của các bạn do nhóm quyết định". Điều này có nghĩa là, một cách tương đối, người đệ tử không có giá trị cá nhân—ít nhất là đối với Chân sư và ít nhất là vào *thời điểm* này.

237. "Placement determines effort". Well, perhaps, "noblesse oblige". The more highly placed within the Ashram, the more is expected. The consequences of all individual/group action are hierarchical.

237. "Vị trí quyết định nỗ lực". Có lẽ, "địa vị cao quý đi đôi với bổn phận". Địa vị trong Ashram càng cao thì kỳ vọng càng lớn. Những hệ quả của mọi hành động cá nhân/nhóm đều thuộc về Thánh đoàn.

238. Amazing that so many seed thoughts should be put together in a short segment!

238. Thật đáng kinh ngạc khi có nhiều tư tưởng hạt giống đến thế được tập hợp trong một đoạn ngắn!

239. Why, now, speak of a fear psychosis? DK seems to be saying that much malfunction of the psyche is due to a pervasive fear—fear becoming a disease, really.

239. Vì sao lúc này lại nói đến trạng thái rối loạn tâm lý vì sợ hãi? Dường như Chân sư DK đang nói rằng nhiều rối loạn chức năng của tâm lý bắt nguồn từ một nỗi sợ hãi lan tràn —thực sự là nỗi sợ hãi trở thành một căn bệnh.

Command your forces, stand in the Light, and the suspended mental link will recharge the magnetic field for which you, as a group, are responsible. The fusion exists in a small degree now, but Purpose is the magnetised line along which the fire may travel.

Hãy điều khiển các mãnh lực của mình, đứng trong Ánh sáng, và mối liên kết trí tuệ đang lơ lửng sẽ nạp lại năng lượng cho từ trường mà các bạn, với tư cách một nhóm, chịu trách nhiệm. Hiện nay sự dung hợp đã tồn tại ở một mức độ nhỏ, nhưng Mục đích là đường dẫn đã được từ hóa mà lửa có thể đi dọc theo.

240. This word goes forth to all DK's disciples.

240. Lời này được gửi đến tất cả các đệ tử của Chân sư DK.

241. DK is asking for a willful marshalling of forces under will and purpose.

241. Chân sư DK yêu cầu chủ động dùng ý chí để tập hợp và tổ chức các mãnh lực dưới sự chỉ đạo của ý chí và mục đích.

242. The "suspended mental link" seems another interesting name for the antahkarana, and one of the functions of this bridge is *recharging* of the magnetic, auric field.

242. "Mối liên kết trí tuệ đang lơ lửng" dường như là một tên gọi thú vị khác của antahkarana, và một trong những chức năng của cây cầu này là *nạp lại năng lượng* cho trường hào quang có từ tính.

243. It is a responsibility for the group to recharge its field.

243. Nhóm có trách nhiệm nạp lại năng lượng cho trường của mình.

244. The 'suspension' could well occur from the mental permanent atom rather than being an extension of the mental unit.

244. Sự 'treo lơ lửng' rất có thể xuất phát từ nguyên tử trường tồn thể trí thay vì là phần mở rộng của đơn vị hạ trí.

245. The fusion is not yet adequate, but given shared Purpose, the fire which can recharge the magnetic field can travel along that line of Purpose and perform its task.

245. Sự dung hợp vẫn chưa đầy đủ, nhưng khi có chung Thiên Ý, ngọn lửa có khả năng nạp lại năng lượng cho trường từ tính có thể truyền dọc theo tuyến Thiên Ý ấy và thực hiện nhiệm vụ của nó.

You have preserved your interest and effort for many years now. Can you continue with this enterprise? It is for you a task of perseverance and of faith. You may not in your various lifetimes see the world results. That I frankly tell you. **You can undoubtedly realise and reap the benefit of the group results, for your fusion into one close bond of brotherhood and devotion, into one united band treading the Path together is adequate reward.** It will offset the usual loneliness of the disciple's way and enable him to realise that he travels not alone.

Các bạn đã duy trì mối quan tâm và nỗ lực của mình suốt nhiều năm qua. Các bạn có thể tiếp tục công cuộc này không? Đối với các bạn, đây là một nhiệm vụ đòi hỏi sự kiên trì và đức tin. Trong các kiếp sống khác nhau của mình, các bạn có thể không nhìn thấy những kết quả trên thế giới. Tôi thẳng thắn nói với các bạn điều đó. **Chắc chắn các bạn có thể nhận biết và gặt hái lợi ích từ những kết quả của nhóm, vì sự dung hợp của các bạn thành một mối dây huynh đệ và tận hiến gắn bó, thành một đoàn thể hợp nhất cùng nhau bước trên Đường Đạo, đã là phần thưởng xứng đáng.** Điều ấy sẽ hóa giải sự cô đơn thường có trên con đường của đệ tử và giúp y nhận ra rằng mình không đi một mình.

246. Master DK exhorts. He intends to incite to perseverance and faith.

246. Chân sư DK khuyến giục. Ngài muốn khơi dậy lòng kiên trì và đức tin.

247. He offers the incentive of "fusion into one close bond of brotherhood and devotion…one united band treading the Path together…" This He says is adequate reward for all faith-filled persevering effort.

247. Ngài đưa ra động lực là "sự dung hợp thành một mối dây huynh đệ và tận hiến gắn bó…một đoàn thể hợp nhất cùng nhau bước trên Đường Đạo…" Ngài nói rằng đây là phần thưởng xứng đáng cho mọi nỗ lực kiên trì đầy đức tin.

248. Loneliness is an illusion; the keen sense of brotherhood offsets it.

248. Sự cô đơn là một ảo tưởng; cảm nhận sâu sắc về tình huynh đệ hóa giải nó.

Above and beyond your personal compensation (which some of you know already to be your group relation and its persistence)

Vượt trên phần đền đáp cá nhân của các bạn (mà một số người trong các bạn đã biết chính là mối quan hệ nhóm và sự bền vững của nó) sẽ là việc xây dựng một phương diện của bộ máy tiếp xúc và tiếp cận mà Chúng Tôi có thể biết và nhìn thấy từ phía bên kia của sự sống,

249. What is the nature of our personal compensation? Here we are told that it is "group relation and its persistence". Let us

249. Bản chất của phần đền đáp cá nhân dành cho chúng ta là gì? Ở đây, chúng ta được cho biết rằng đó là "mối quan hệ nhóm và sự bền vững của nó". Chúng ta hãy suy

ponder on this. Do we consider these adequate compensation for our efforts?

ngẫm về điều này. Chúng ta có xem những điều ấy là phần đền đáp xứng đáng cho các nỗ lực của mình không?

will be the building of an aspect of the mechanism of contact and of approach which can be known and seen by Us from the other side of life, but which has to be largely taken on faith by you.

nhưng phần lớn các bạn phải dựa vào đức tin để chấp nhận.

250. This is the antahkarana—shall we call it the 'projected mental link'?.

250. Đây là antahkarana—liệu chúng ta có nên gọi đó là 'mối liên kết trí tuệ được phóng chiếu' không?

251. The results of this building cannot be *seen* by the average disciple, however much it is seen from the "other side" by the Masters and high initiates.

251. Người đệ tử bình thường không thể *nhìn thấy* những kết quả của việc xây dựng này, dù các Chân sư và các điểm đạo đồ cao cấp nhìn thấy chúng rõ đến đâu từ "phía bên kia".

252. Faith is required with regard to its existence. Of course, it can always be detected in operation, in which instance faith will give place to knowledge if not sight.

252. Cần có đức tin vào sự tồn tại của nó. Dĩ nhiên, chúng ta luôn có thể nhận biết nó qua hoạt động; khi ấy, đức tin sẽ nhường chỗ cho tri thức, dù chưa hẳn là sự thấy biết trực tiếp.

It might be regarded as the mechanism of inspiration, for—in the last analysis—it is individual and world inspiration which is the goal of all our work.

Có thể xem đó là bộ máy cảm hứng, vì—xét đến cùng—cảm hứng cho cá nhân và thế giới chính là mục tiêu của mọi công việc chúng ta làm.

253. Inspiration is considered as the goal to this type of work. Both kinds of inspiration are accepted—individual and world inspiration, and supposedly group inspiration in a mediating position.

253. Cảm hứng được xem là mục tiêu của loại công việc này. Cả hai loại cảm hứng đều được chấp nhận—cảm hứng cá nhân và cảm hứng thế giới, và có lẽ cảm hứng nhóm giữ vị trí trung gian.

This mechanism is a subjective fact, and is slowly built as disciples aspire and serve and obey. It is an individual mechanism, and a group mechanism, and will eventually form part of the mechanism of humanity,

Bộ máy này là một thực tại chủ quan, và dần dần được xây dựng khi các đệ tử khát vọng, phụng sự và tuân phục. Đó là một bộ máy cá nhân, đồng thời là một bộ máy nhóm, và cuối cùng sẽ trở thành một phần của bộ máy

viewing it as a whole and as the fourth kingdom in nature.

254. DK is speaking of the progressive building of the antahkarana. Really, there is but one planetary antahkarana, and all individual and group antahkaranas are a part of it.

This kingdom is destined to act as a transmitter of force, of energy and life and of inspiration to the three subhuman kingdoms. It is this mechanism which [73] will constitute the bridge between the fourth and fifth kingdoms. It is the individual and the group antahkarana.

255. DK speaks of the goal of all antahkarana-building. The human kingdom is to have its antahkarana, whereby it may receive from the higher kingdoms and transmit to the lower.

I am going to change your full moon work a little. Proceed as heretofore, but as you stand with me before the "open window"' and prior to the attempt to hear me speak the words which I may have for you, imagine yourselves as bathed in **a vivid butter-coloured living light which is pouring through the open window and enveloping the group.**

256. This description of color surely suggests the buddhic quality. How much red is in the yellow? Perhaps this is up to the imagination to discover.

Note, as this happens, which centre responds or registers the vibration and stimulation or any phenomena of any kind, and then record this upon your monthly reports.

nhân loại, khi xem nhân loại như một tổng thể và là giới thứ tư trong thiên nhiên.

254. Chân sư DK đang nói về việc từng bước xây dựng antahkarana. Thật ra, chỉ có một antahkarana hành tinh, và mọi antahkarana cá nhân cũng như antahkarana nhóm đều là một phần của nó.

Giới này có định mệnh hoạt động như một tác nhân truyền mãnh lực, năng lượng, sự sống và cảm hứng đến ba giới dưới nhân loại. Chính bộ máy này [73] sẽ tạo thành cây cầu giữa giới thứ tư và giới thứ năm. Đó là antahkarana cá nhân và antahkarana nhóm.

255. Chân sư DK nói về mục tiêu của mọi công việc xây dựng antahkarana. Giới nhân loại phải có antahkarana của mình, nhờ đó có thể tiếp nhận từ các giới cao hơn và truyền đến các giới thấp hơn.

Tôi sẽ thay đổi đôi chút công việc trăng tròn của các bạn. Hãy tiếp tục như trước đây, nhưng khi các bạn đứng cùng Tôi trước "cửa sổ mở"' và trước khi cố gắng nghe Tôi nói những lời có thể dành cho các bạn, hãy hình dung mình đang tắm trong **một ánh sáng sống động, rực rỡ, có màu vàng bơ, đang tuôn qua cửa sổ mở và bao bọc cả nhóm.**

256. Cách mô tả màu sắc này chắc chắn gợi đến phẩm tính Bồ đề. Có bao nhiêu sắc đỏ trong sắc vàng ấy? Có lẽ điều này tùy vào sự tưởng tượng khám phá ra.

Khi điều này diễn ra, hãy lưu ý trung tâm nào đáp ứng hoặc ghi nhận rung động và sự kích thích hay bất kỳ hiện tượng nào, rồi ghi điều này vào báo cáo hằng tháng của các bạn.

257. Within the occult diary all impacts upon centers are of great importance. In this way we become spiritual scientists, somewhat clinically noting our process.

257. Trong nhật ký huyền bí, mọi tác động lên các trung tâm đều có tầm quan trọng lớn. Bằng cách này, chúng ta trở thành những nhà khoa học tinh thần, ghi nhận tiến trình của mình với phần nào tính khách quan của việc quan sát lâm sàng.

I am also going to change the words spoken and am choosing phrases which will convey **a pictorial connotation** to your minds;

Tôi cũng sẽ thay đổi những lời được nói ra và đang chọn những cụm từ có thể **gợi lên hình ảnh** trong thể trí các bạn;

258. DK is trying to reach His disciples is various ways. If the butter-colored living light suggests increasing access to buddhi, the pictorial connotation suggests the link between buddhi and the astral plane.

258. Chân sư DK đang cố gắng tiếp cận các đệ tử của Ngài bằng nhiều cách khác nhau. Nếu ánh sáng sống động màu vàng bơ gợi đến khả năng tiếp cận Bồ đề ngày càng tăng, thì hàm ý bằng hình ảnh gợi đến mối liên kết giữa Bồ đề và cõi cảm dục.

in this way the power of visualisation will be evoked and aid you in registering what I say.

bằng cách này, quyền năng hình dung sẽ được khơi dậy và giúp các bạn ghi nhận điều Tôi nói.

259. It is the power of visualization which DK seeks to evoke through this change.

259. Chính quyền năng hình dung là điều Chân sư DK tìm cách khơi dậy qua sự thay đổi này.

Here are the phrases among which I shall choose one for each full moon contact.

Dưới đây là những cụm từ mà Tôi sẽ chọn một cụm cho mỗi lần tiếp xúc vào kỳ trăng tròn.

1. The golden lotus of the heart. 7. The triangle of fire.

1. Hoa sen vàng của trái tim. 7. Tam giác lửa.

2. The burning ground of fiery red. 8. The golden way to God.

2. Vùng đất cháy đỏ rực. 8. Con đường vàng dẫn đến Thượng đế.

3. The mountain top, bathed in the morning sunrise. 9. The ocean and the rocky shore.

3. Đỉnh núi, tắm trong ánh bình minh. 9. Đại dương và bờ đá.

4. The uplifted hand. 10. The silver torch.

4. Bàn tay giơ cao. 10. Ngọn đuốc bạc

5. The equal four-armed cross. 11. The iridescent cube.

5. Thập giá có bốn nhánh bằng nhau. 11. Khối lập phương óng ánh ngũ sắc.

6. The open door. 12. The burning bush.

6. Cánh cửa rộng mở. 12. Bụi cây bốc cháy.

260. Each of these word formulas is extremely evocative. The images suggested are vivid and are related to other vivid images. As well, the ideas conveyed in relation to each phrase admit of extensive elaboration.

260. Mỗi công thức ngôn từ này đều có sức khơi gợi hết sức mạnh mẽ. Những hình ảnh mà chúng gợi lên đều sống động và có liên hệ với những hình ảnh sống động khác. Đồng thời, những ý tưởng mà mỗi cụm từ truyền tải đều có thể được khai triển sâu rộng.

261. It would not serve to begin listing all that might be said in relation to each pictorial phrase. That is best left to each of us individually.

261. Bắt đầu liệt kê tất cả những gì có thể nói về mỗi cụm từ giàu hình ảnh sẽ chẳng ích gì. Tốt nhất nên để mỗi người trong chúng ta tự làm điều đó.

262. Each of these phrases is something of a formula for the enhancement of consciousness. The image contains a certain quality of energy which brings the one visualizing into increasing rapport with a significant occult fact or pattern.

262. Mỗi cụm từ này có thể xem là một công thức để nâng cao tâm thức. Hình ảnh chứa đựng một phẩm tính năng lượng nhất định, đưa người hình dung ngày càng hòa hợp với một sự kiện hay mô hình huyền bí có ý nghĩa quan trọng.

263. It would probably be best to work with these symbols for at least a week each, or even a month and see what doors they may open.

263. Có lẽ tốt nhất nên làm việc với mỗi biểu tượng này trong ít nhất một tuần, hoặc thậm chí một tháng, và xem chúng có thể mở ra những cánh cửa nào.

I shall picture these to you and name them in your hearing. Note whether you can both see and hear.

Tôi sẽ trình hiện những hình ảnh này cho các bạn và nói tên chúng để các bạn nghe. Hãy lưu ý xem các bạn có thể vừa thấy vừa nghe hay không.

264. DK is combining two senses as he offers these images—hearing and sight. They are both named and “pictured”. Perhaps in combination the telepathic impact would be increased.

264. Chân sư DK đang kết hợp hai giác quan khi Ngài đưa ra những hình ảnh này—thính giác và thị giác. Chúng vừa được gọi tên vừa được “trình hiện bằng hình ảnh”. Có lẽ sự kết hợp này sẽ gia tăng tác động viễn cảm.

My blessing rests upon you and together we go forward into the future.

Phúc lành của Tôi ở cùng các bạn, và chúng ta cùng tiến vào tương lai.

265. The sense of companionship with the Master is very strong. There is no essential difference between Master and chela; this Master DK has many times conveyed with resultant inspiration.

265. Cảm nhận về tình đồng hành với Chân sư rất mạnh mẽ. Về bản chất, không có sự khác biệt nào giữa Chân sư và đệ tử; Chân sư DK đã nhiều lần truyền đạt điều này, qua đó khơi nguồn cảm hứng.

Commentary 32

[74-81]

(Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

June 1946

MY BROTHERS:

The papers which I am at this time sending out to you are perhaps the most important which you have ever received. [74] This is so —not from the teaching angle—but from the angle of the Ashram with which you are affiliated.

1. The paper being sent is not a 'teaching' paper, but is will inevitably convey its quite difficult lesson.

2. In this letter the Tibetan is informing His chelas in the New Seed Group of its dissolution.

3. Those receiving this letter are all affiliated with the Tibetan's Ashram regardless of the major Ashram with which they are already affiliated or will one day be so.

I would like to start by emphasising the fact of your affiliation, because it is a subjective relation with which nothing can permanently interfere.

4. This is a note of reassurance in the face of distressing information to be imparted.

There may come these interludes (where neophytes are concerned) when the relationship seems severed, and others wherein the disciple appears to be making

Tháng Sáu năm 1946

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Những tài liệu mà lúc này Tôi đang gửi đến các bạn có lẽ là những tài liệu quan trọng nhất mà các bạn từng nhận được. [74] Sở dĩ như vậy—không phải xét từ góc độ giáo huấn—mà từ góc độ của ashram mà các bạn liên kết.

1. Tài liệu đang được gửi đi không phải là một tài liệu 'giáo huấn', nhưng chắc chắn nó sẽ truyền đạt bài học khá khó khăn của mình.

2. Trong bức thư này, Chân sư Tây Tạng thông báo cho các đệ tử của Ngài trong Nhóm Hạt Giống Mới về việc giải thể nhóm.

3. Tất cả những người nhận bức thư này đều có mối liên kết với ashram của Chân sư Tây Tạng, bất kể ashram chính mà họ đã liên kết hoặc một ngày kia sẽ liên kết.

Tôi muốn bắt đầu bằng cách nhấn mạnh sự thật về mối liên kết của các bạn, vì đây là một mối quan hệ chủ quan mà không gì có thể vĩnh viễn cản trở.

4. Đây là lời trấn an trước thông tin gây đau buồn sắp được truyền đạt.

Có thể có những khoảng gián đoạn (đối với người sơ cơ) khi mối quan hệ dường như bị cắt đứt, và những khoảng khác khi đệ tử dường như hoàn toàn không tiến bộ và

no progress at all and has nothing to contribute to the life of the Ashram.

chẳng có gì để đóng góp cho đời sống ashram.

5. The Tibetan is informing His group of students that they are essentially "neophytes".

5. Chân sư Tây Tạng đang cho nhóm đạo sinh của Ngài biết rằng về cơ bản họ là những "người sơ cơ".

6. Three types of distressing possibilities in the life of the neophytes are here mentioned:

6. Ở đây có đề cập đến ba loại khả năng gây đau buồn trong đời sống của những người sơ cơ:

a. A period during which ashramic affiliation *seems* severed

a. Một giai đoạn mà mối liên kết với ashram *dường như* bị cắt đứt

b. A period in which the disciple appears to be making no progress

b. Một giai đoạn mà đệ tử dường như không có tiến bộ nào

c. A period in which the disciple appears to have nothing to contribute to the life of the Ashram

c. Một giai đoạn mà đệ tử dường như chẳng có gì để đóng góp cho đời sống ashram

7. It seems clear that all of the disciples who received this letter would find themselves in one or all of the three categories.

7. Dường như rõ ràng là tất cả các đệ tử nhận bức thư này đều sẽ thấy mình rơi vào một hoặc cả ba trường hợp ấy.

But—in the turning of the wheel of life—lessons are learnt, and usefulness returns.

Nhưng—trong vòng quay của bánh xe sự sống—những bài học vẫn được học, và khả năng hữu ích trở lại.

8. The note of hope is conferred. It will take time before the necessary lessons are learnt and usefulness (for this particular group of disciples— *as a group*) returns.

8. Âm điệu hy vọng được ban trao. Cần có thời gian để học những bài học cần thiết và để tính hữu dụng (của nhóm đệ tử cụ thể này— *với tư cách một nhóm*) trở lại.

I would like to ask you to read this with care, with detachment, with undimmed aspiration, and with the realisation that this present life is but a minute in the life of the soul.

Tôi muốn đề nghị các bạn đọc những điều này một cách cẩn trọng, với sự tách rời, với khát vọng không suy giảm, và với nhận thức rằng kiếp sống hiện tại này chỉ là một phút trong đời sống của linh hồn.

9. Master DK lists the attitudes with which His disciples are to read the information He

9. Chân sư DK liệt kê những thái độ mà các đệ tử của Ngài cần có khi đọc thông tin Ngài

has to impart. It is clear that such attitudes would stand us all in good stead in a number of situations in which difficult and unavoidable circumstances arise.

sắp truyền đạt. Rõ ràng, những thái độ như thế sẽ giúp ích nhiều cho tất cả chúng ta trong một số tình huống nảy sinh những hoàn cảnh khó khăn và không thể tránh khỏi.

10. The communication is to be read:

10. Cần đọc thông điệp này:

a. With care

a. Một cách cẩn trọng

b. With detachment

b. Với sự tách rời

c. With undimmed aspiration

c. Với khát vọng không suy giảm

d. With the realization that the present life is but a minute in the life of the soul

d. Với nhận thức rằng kiếp sống hiện tại chỉ là một phút trong đời sống của linh hồn

11. The time scale is of interest and probably purely symbolic. The present life is but a *minute* in the life of the soul. Should the soul endure for millions of years (as indeed seems the case) the scale proposed would be appropriate to a degree. We do not yet know the usual number of millions of years allotted to the process which 'created' and sustained what we call the "soul" on the higher mental plane, beginning with individualization and ending with the fourth initiation.

11. Thang thời gian này thật đáng quan tâm và có lẽ hoàn toàn mang tính biểu tượng. Kiếp sống hiện tại chỉ là một *phút* trong đời sống của linh hồn. Nếu linh hồn tồn tại hàng triệu năm (như thực tế dường như là vậy), thì thang thời gian được đề xuất sẽ thích hợp ở một mức độ nào đó. Chúng ta chưa biết thông thường có bao nhiêu triệu năm dành cho tiến trình đã 'tạo ra' và duy trì điều chúng ta gọi là "linh hồn" trên cõi thượng trí, bắt đầu từ sự biệt ngã hóa và kết thúc ở lần điểm đạo thứ tư.

This life is, however, **of major importance in the life of some of you; it is of focussing importance in the life of a few; it is of testing importance for some.**

Tuy nhiên, kiếp sống này **có tầm quan trọng lớn lao trong đời sống của một số người trong các bạn; với một số ít, tầm quan trọng của nó nằm ở sự tập trung; với một số người khác, tầm quan trọng của nó nằm ở sự thử thách.**

12. DK lists three ways in which the present life may of importance to His chelas

12. Chân sư DK liệt kê ba phương diện mà theo đó kiếp sống hiện tại có thể có tầm quan trọng đối với các đệ tử của Ngài

a. Major importance—probably a life in which an initiation of one kind or another either is to be taken or can be taken

a. Tầm quan trọng lớn lao—có lẽ là một kiếp sống trong đó đệ tử hoặc sẽ trải qua hoặc có thể trải qua một cuộc điểm đạo thuộc loại này hay loại khác

b. Focusing importance—probably a life in which there is a consolidation of forces preparatory to movement toward a new objective

b. Tầm quan trọng về sự tập trung—có lẽ là một kiếp sống trong đó có sự củng cố các mãnh lực để chuẩn bị tiến tới một mục tiêu mới

c. Testing importance—probably a life in which the progress *actually* made is put to the text. After such a process, the candidate will know with greater exactitude where he or she stands.

c. Tầm quan trọng về sự thử thách—có lẽ là một kiếp sống trong đó sự tiến bộ *thực sự* đạt được phải chịu thử thách. Sau một tiến trình như thế, ứng viên sẽ biết chính xác hơn mình đang đứng ở đâu.

13. Perhaps we should pause to question the nature of the incarnation we are presently living—is it of *major, focusing* or *testing* importance, or none of these?

13. Có lẽ chúng ta nên dừng lại để tự hỏi về bản chất của kiếp lâm phàm chúng ta hiện đang sống—kiếp sống ấy có tầm quan trọng *lớn lao, về sự tập trung* hay *về sự thử thách*, hay không thuộc loại nào trong số này?

I have now definitely decided to disband the New Seed Group.

Giờ đây Tôi đã quyết định dứt khoát giải tán Nhóm Hạt Giống Mới.

14. The sentence suggests that DK had been pondering this weighty decision—for how long, we do not know. Over the years He had given a number of hints which might suggest to those who pondered carefully, that the decision now reached was, indeed, a possibility.

14. Câu này gợi ý rằng Chân sư DK đã suy ngẫm về quyết định hệ trọng này—trong bao lâu thì chúng ta không biết. Qua nhiều năm, Ngài đã đưa ra một số gợi ý có thể khiến những ai suy ngẫm kỹ nhận thấy rằng quyết định nay đã được đưa ra quả thực là một khả năng.

My experiment in reorganising the earlier groups into one large group has not succeeded.

Thử nghiệm của Tôi trong việc tái tổ chức các nhóm trước đây thành một nhóm lớn đã không thành công.

15. This is a clear and definite statement. We cannot know how Master DK 'felt' about the outcome of His efforts. We must not impute to a Master psychological states similar to our own but, judging from our own

15. Đây là một lời khẳng định rõ ràng và dứt khoát. Chúng ta không thể biết Chân sư DK đã 'cảm thấy' thế nào về kết quả những nỗ lực của Ngài. Chúng ta không được gán cho một Chân sư những trạng thái tâm lý tương

perspective, it would seem that some sort of disappointment was unavoidable.

tự như của chính mình, nhưng xét từ góc nhìn của chúng ta, dường như khó tránh khỏi một sự thất vọng nào đó.

I have told you frequently that the Hierarchy itself does not know what decisions humanity will make in world affairs, or if mankind will profit from proffered opportunity.

Tôi đã thường xuyên nói với các bạn rằng chính Thánh đoàn cũng không biết nhân loại sẽ đưa ra những quyết định nào trong các sự việc thế giới, hay liệu nhân loại có tận dụng cơ hội được trao hay không.

16. These are important words to ponder given the present uncertain and dangerous state of world affairs.

16. Trước tình hình thế giới bất định và nguy hiểm hiện nay, đây là những lời quan trọng cần suy ngẫm.

17. Great spiritual opportunities have been offered to humanity; has it really benefited from them? Perhaps the next few years will reveal the answer.

17. Nhân loại đã được trao những cơ hội tinh thần lớn lao; liệu nhân loại có thực sự hưởng lợi từ những cơ hội ấy không? Có lẽ vài năm tới sẽ hé lộ câu trả lời.

Equally so, the Master of an Ashram does not know what "disciples on the periphery" of an Ashram will do, because their training and testing is only in process.

Tương tự, Chân sư của một ashram cũng không biết các "đệ tử ở ngoại vi" của ashram sẽ làm gì, vì việc huấn luyện và thử thách họ vẫn đang diễn ra.

18. The status of the chelas under training is clearly given—they are "disciples on the periphery" of the Ashram. If the members of the group had not known where they stood, they surely realized it when reading this letter.

18. Vị thế của các đệ tử đang được huấn luyện đã được nêu rõ—họ là những "đệ tử ở ngoại vi" của ashram. Nếu các thành viên trong nhóm trước đó chưa biết mình đang ở đâu, thì chắc chắn khi đọc bức thư này, họ đã nhận ra điều đó.

19. Disciples on the periphery are considered unstable. Their training and testing is not really far advanced; it is "only in process" and, therefore, they, individually, and certainly as a group, are not of confirmed reliability.

19. Các đệ tử ở ngoại vi được xem là chưa ổn định. Việc huấn luyện và thử thách họ thực sự chưa tiến xa; việc ấy "chỉ đang trong tiến trình", và do đó, mức độ đáng tin cậy của họ, xét riêng từng người và chắc chắn cả với tư cách một nhóm, vẫn chưa được xác nhận.

20. When disciples truly realize that their short-term future is not assured and that, as far seeing as They are, even the Masters cannot foretell whether success will follow upon specific proffered opportunities, it is

20. Khi các đệ tử thực sự nhận ra rằng tương lai trước mắt của họ chưa được bảo đảm và rằng, dù có tầm nhìn xa đến đâu, ngay cả các Chân sư cũng không thể tiên đoán liệu những cơ hội cụ thể được trao có dẫn đến

likely to cause serious moments of reflection.

thành công hay không, điều đó có thể khiến họ có những phút suy ngẫm nghiêm túc.

He does know what the accepted disciple, admitted freely into ashramic intimacy, will do in any given circumstance, because he has been tested and tried and the Master knows that there are certain things which he will not do.

Ngài biết đệ tử được chấp nhận, đã được tự do bước vào mối quan hệ mật thiết với ashram, sẽ làm gì trong bất kỳ hoàn cảnh nhất định nào, vì đệ tử ấy đã được thử thách và kiểm nghiệm, và Chân sư biết có những điều nhất định mà y sẽ không làm.

21. This is a most interesting sentence. It informs us that a disciple is admitted into a state of "ashramic intimacy" (we may call the initial stages of this phase, "accepted discipleship") more because of what a Master knows the disciple will *not* do than because of what the Master knows the disciple *will* do.

21. Đây là một câu hết sức thú vị. Câu này cho chúng ta biết rằng một đệ tử được đón nhận vào trạng thái "mật thiết với ashram" (chúng ta có thể gọi những giai đoạn đầu của giai đoạn này là "địa vị đệ tử được chấp nhận") chủ yếu vì những điều mà một Chân sư biết đệ tử ấy sẽ *không* làm, hơn là vì những điều mà Chân sư biết đệ tử ấy *sẽ* làm.

22. We should ponder the words "admitted freely". These words suggest the importance of the admitted chela's free will and the lack of external constraints placed upon the chela.

22. Chúng ta nên suy ngẫm về những từ "được tự do bước vào". Những từ này gợi lên tầm quan trọng của ý chí tự do nơi đệ tử được đón nhận và việc không có những ràng buộc bên ngoài áp đặt lên đệ tử ấy.

This experiment with the New Seed Group has lasted five years.

Thử nghiệm với Nhóm Hạt Giống Mới này đã kéo dài năm năm.

23. The beginning of this experiment was undertaken, secretly, in late 1939 when the Groups of Nine were disbanded.

23. Thử nghiệm này đã được bí mật khởi đầu vào cuối năm 1939, khi các Nhóm Chín Người giải thể.

The earlier experiment with the groups lasted ten years.

Thử nghiệm trước đó với các nhóm kéo dài mười năm.

24. From approximately November of 1931 until, approximately, the beginning of 1940. Master DK is probably counting some preliminary phases of the process—occurring (perhaps in 1930 and early 1931) before His first letters were written in late 1931.

24. Từ khoảng tháng Mười Một năm 1931 cho đến khoảng đầu năm 1940. Có lẽ Chân sư DK đang tính cả một số giai đoạn sơ bộ của tiến trình—diễn ra (có lẽ vào năm 1930 và đầu năm 1931) trước khi Ngài viết những bức thư đầu tiên vào cuối năm 1931.

These experiments were undertaken in the most difficult period of the world's history and during a particular time of stress and strain. Of this I am not unmindful.

Những thử nghiệm này được tiến hành trong thời kỳ khó khăn nhất của lịch sử thế giới và trong một giai đoạn đặc biệt đầy áp lực và căng thẳng. Tôi không hề quên điều đó.

25. Nor should *we* be unmindful. Some of us might wonder how such a group of disciples could fail to take full advantage of the opportunity proffered. We might suppose that we, individually, and the spiritual colleagues of whom we may be aware, would surely have done better. Careful consideration of the facts of the case might indicate otherwise. Very few of us, as modern disciples, have lived through the Second World War as adults. That War represented a major attach of the Black Lodge against humanity.

25. Cũng không nên quên điều đó, *chúng ta* cũng vậy. Một số người trong chúng ta có thể tự hỏi làm sao một nhóm đệ tử như thế lại không tận dụng trọn vẹn cơ hội đã trao cho họ. Chúng ta có thể cho rằng từng người chúng ta, cùng những đồng sự tinh thần mà chúng ta biết, chắc chắn đã có thể làm tốt hơn. Việc cân nhắc kỹ các sự kiện của trường hợp này có thể cho thấy điều ngược lại. Trong số chúng ta, những đệ tử thời hiện đại, rất ít người đã trải qua Thế Chiến thứ Hai khi đã trưởng thành. Cuộc chiến ấy là một cuộc tấn công lớn của Hắc đoàn chống lại nhân loại.

26. Master DK is not really offering His disciples an excuse for their failure, but He is assuring them that He knows how difficult it has been to pursue this type of discipleship training during such an arduous period.

26. Chân sư DK không thực sự đưa ra một lý do để các đệ tử của Ngài biện hộ cho thất bại của họ, nhưng Ngài đang bảo đảm với họ rằng Ngài biết việc theo đuổi hình thức huấn luyện đệ tử này trong một giai đoạn gian nan như thế đã khó khăn đến mức nào.

I am disbanding this group exoterically on four counts:

Tôi giải tán nhóm này về mặt ngoại môn vì bốn lý do:

27. Here we see the Tibetan's frankness at work. He has often stated that He would state the truth to His disciples without mincing words. Sometimes, it has seemed that He has done so with relative tenderness, buffering the effect of the straight truth. In the following cases, the truth seems most straightly delivered.

27. Ở đây, chúng ta thấy sự thẳng thắn của Chân sư Tây Tạng thể hiện rõ. Ngài thường nói rằng Ngài sẽ nói sự thật với các đệ tử mà không úp mở. Đôi khi, dường như Ngài đã làm điều đó tương đối nhẹ nhàng, làm dịu tác động của sự thật thẳng thừng. Trong những trường hợp sau đây, dường như Ngài trình bày sự thật hết sức trực tiếp.

1. (Deleted by A.A.B.)

1. (A.A.B. đã lược bỏ.)

28. For some reason A.A.B. decided that this first reason or "count" should not be included in a book meant for popular consumption. Perhaps in time, when the maturity of the readers is assured, the first "count" will be revealed.

28. Vì một lý do nào đó, Bà A.A.B. quyết định rằng lý do hay "điểm cáo buộc" đầu tiên này không nên xuất hiện trong một cuốn sách dành cho công chúng. Có lẽ theo thời gian, khi độc giả đã đủ trưởng thành, "điểm cáo buộc" đầu tiên sẽ được tiết lộ.

29. The word "count" is interesting for its legal implications; when a possible wrongdoer or criminal is indicted, he is indicted on various "counts", each of which is to be carefully examined by a judge and/or jury.

29. Từ "điểm cáo buộc" đáng chú ý vì hàm ý pháp lý của nó; khi một người có thể đã làm điều sai trái hoặc một tội phạm bị truy tố, người ấy bị truy tố theo nhiều "điểm cáo buộc", mỗi điểm đều cần thẩm phán và/hoặc bồi thẩm đoàn xem xét cẩn thận.

2. In spite of many years of work with me, **the group is not yet integrated and has produced no particular spiritual** [75] **enterprise.**

2. Dù đã làm việc với Tôi nhiều năm, **nhóm vẫn chưa tích hợp và chưa tạo ra một công cuộc tinh thần** [75] **đặc biệt nào.**

30. A group rightly affiliated with an Ashram must be an *integrated* group. Just as the individual disciple must demonstrate personality integration and then the integration of the personality with the soul, so must an affiliated ashramic group. It would seem that after so many years, such integration might have been achieved, but then, integration of the kind expected is, in no small measure, dependent upon the choosing and following of a group spiritual enterprise.

30. Một nhóm liên kết đúng đắn với một ashram phải là một nhóm *tích hợp.* Cũng như người đệ tử phải thể hiện sự tích hợp phàm ngã rồi đến sự tích hợp phàm ngã với linh hồn, một nhóm liên kết với ashram cũng phải làm như vậy. Dường như sau ngần ấy năm, nhóm lẽ ra đã có thể đạt được sự tích hợp như thế, nhưng sự tích hợp theo mức kỳ vọng lại phụ thuộc không ít vào việc lựa chọn và theo đuổi một công cuộc tinh thần của nhóm.

31. Every group that hopes to cooperate with a Master and to be correctly affiliated with an Ashram *must* have its own spiritual enterprise or project.

31. Mọi nhóm hy vọng hợp tác với một Chân sư và liên kết đúng đắn với một ashram đều *phải* có công cuộc hay dự án tinh thần riêng của mình.

I have indicated many spiritual enterprises which called for your full measure of enthusiasm, time, money and interest. Many of you in this group are doing less for the Triangle work, the Goodwill work and the distribution of the Invocation than the

Tôi đã chỉ ra nhiều công cuộc tinh thần đòi hỏi các bạn phải dốc trọn nhiệt tình, thời gian, tiền bạc và sự quan tâm. Nhiều người trong nhóm này đang làm ít hơn một đạo sinh bình thường của Trường trong công việc Tam Giác, công việc Thiện Chí và việc

average School student, and it is you to whom I should look for aid in what I am attempting to do.

phổ biến Đại Khấn Nguyện, trong khi chính các bạn là những người mà Tôi lẽ ra phải có thể trông cậy để trợ giúp điều Tôi đang cố gắng thực hiện.

32. We wee that the Tibetan did not leave His chelas wanting for suggestions. He wanted them to be involved fully in the projects which He initiated—such as the Triangles work or Goodwill work.

32. Chúng ta thấy rằng Chân sư Tây Tạng không để các đệ tử của Ngài thiếu những gợi ý. Ngài muốn họ tham gia trọn vẹn vào những dự án do Ngài khởi xướng—như công việc Tam Giác hay công việc Thiện Chí.

33. It is quite a significant indictment that the members of His group of chelas under training were, in some cases, doing less to promote it that the average Arcane School student!

33. Quả là một lời cáo buộc hết sức nặng nề khi trong một số trường hợp, các thành viên trong nhóm đệ tử đang được Ngài huấn luyện lại làm ít hơn một đạo sinh bình thường của Trường Arcane để thúc đẩy công việc ấy!

34. The members of an Ashram must serve the Will of the Master—a will fully in the service of the Divine Plan. If they do not, they prove themselves unfit for full ashramic membership.

34. Các thành viên của một ashram phải phụng sự Ý Chí của Chân sư—một ý chí hoàn toàn phụng sự Thiên Cơ. Nếu không làm như vậy, họ chứng tỏ mình không đủ tư cách trở thành thành viên trọn vẹn của ashram.

Why not aid me where I have asked for aid? Why search for something unique and special and different from that of the rest of the students?

Tại sao không trợ giúp Tôi ở những nơi Tôi đã yêu cầu trợ giúp? Tại sao lại tìm kiếm một điều độc đáo, đặc biệt và khác với công việc của các đạo sinh còn lại?

35. The answer to the questions is given in the manner in which they are posed.

35. Câu trả lời cho các câu hỏi nằm ngay trong cách đặt câu hỏi.

36. The fault rests with the lower ego that searches for something unique and special and different from the service being offered by the rest of the students.

36. Lỗi nằm ở phàm ngã đang tìm kiếm một điều độc đáo, đặc biệt và khác với công việc phụng sự mà các đạo sinh còn lại đang thực hiện.

37. We are dealing with a clear question of “occult obedience”. True obedience to the soul would be obedience to the Master—aiding Him as He asks to be aided.

37. Chúng ta đang đối diện với một vấn đề rõ ràng về “sự tuân phục huyền môn”. Thực sự tuân phục linh hồn chính là tuân phục Chân sư—trợ giúp Ngài theo cách Ngài yêu cầu.

38. Every time this group of chelas is questioned (or reprimanded) we are given an opportunity to examine our own service (individually and in group formation) with real honesty.

38. Mỗi khi nhóm đệ tử này bị chất vấn (hoặc khiển trách), chúng ta có cơ hội xem xét công việc phụng sự của chính mình (với tư cách cá nhân và trong đội hình nhóm) một cách thực sự trung thực.

The spiritual enterprise **into which I hoped to see you all throw yourselves** was the work I have outlined, the distribution of the Problems of Humanity, the spread of the Invocation, the Triangles and the Goodwill work.

Công cuộc tinh thần **mà Tôi hy vọng thấy tất cả các bạn dốc mình vào** chính là công việc Tôi đã phác thảo: phổ biến Những Vấn Đề của Nhân Loại, truyền bá Đại Khấn Nguyện, công việc Tam Giác và công việc Thiện Chí.

39. The word used is "throw"; clearly the Tibetan expected to see a great deal of group energy expended in such directions.

39. Từ được dùng là "dốc mình"; rõ ràng Chân sư Tây Tạng kỳ vọng thấy nhóm dành rất nhiều năng lượng cho những đường hướng ấy.

40. Each of these types of labors had specific occult purposes and was needed for the uplift of humanity.

40. Mỗi loại công việc này đều có những mục đích huyền bí cụ thể và đều cần thiết để nâng cao nhân loại.

41. As the Problems of Humanity, the Christ only took notice of the Arcane School when its students began studying such problems. A paraphrase of His question is the following: "what is this group which is interesting itself in *our* work?"

41. Về Những Vấn Đề của Nhân Loại, Đức Christ chỉ chú ý đến Trường Arcane khi các đạo sinh của trường bắt đầu nghiên cứu những vấn đề ấy. Có thể diễn ý câu hỏi của Ngài như sau: "nhóm nào đây mà đang quan tâm đến công việc của *chúng ta*?"

I am not interested in some particularly occult work which you will evolve in meditation or in discussion.

Tôi không quan tâm đến một công việc huyền bí đặc biệt nào đó mà các bạn sẽ phát triển trong tham thiền hay thảo luận.

42. Another bold and definite statement. The Tibetan had stated His major service interests in the work He proposed to see accomplished. Students of occultism often lose their practicality and become precious in their approach to occult studies.

42. Lại một lời khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát. Chân sư Tây Tạng đã nêu rõ những mối quan tâm phụng sự chính của Ngài trong công việc mà Ngài mong thấy được hoàn thành. Các đạo sinh huyền bí học thường đánh mất tính thực tiễn và trở nên cầu kỳ trong cách tiếp cận việc nghiên cứu huyền bí học.

F.C.D. is **entering upon his life work** along the lines of my enterprises; it will be a hard one, growing out of the Problems, presented by me to you.

F.C.D. đang **bước vào công việc đời mình** theo đường hướng những công cuộc của Tôi; đó sẽ là một công việc khó khăn, phát triển từ Những Vấn Đề mà Tôi đã trình bày với các bạn.

43. FCD is the psychiatrist/psychologist Roberto Assagioli

43. FCD là bác sĩ tâm thần/nhà tâm lý học Roberto Assagioli

44. We note that when FCD undertakes to work along the lines of DK's enterprises, it will be his "life work", and not merely an avocation.

44. Chúng ta lưu ý rằng khi FCD đảm nhận công việc theo đường hướng những công cuộc của Chân sư DK, đó sẽ là "công việc đời mình" của ông, chứ không chỉ là một hoạt động ngoài nghề.

45. We may recall (from former commentaries) that FCD was to undertake work in relation to the re-education and rehabilitation of the Jews. As well, His work in relation to spiritual psychology must certainly have been considered "growing out of the Problems".

45. Chúng ta có thể nhớ lại (từ các bài bình giảng trước) rằng FCD sẽ đảm nhận công việc liên quan đến việc tái giáo dục và phục hồi cho người Do Thái. Đồng thời, chắc chắn công việc của ông liên quan đến tâm lý học tinh thần cũng được xem là "phát triển từ Những Vấn Đề".

Forget not that these Problems were part of your instructions released for the general public.

Đừng quên rằng Những Vấn Đề này là một phần trong các huấn thị dành cho các bạn đã được công bố cho công chúng.

46. Master DK is reminding His chelas of the importance of the Problems of Humanity work. Some chelas may have forgotten their value simply because they were discussed in a practical mode rather than in the usual language of occultism.

46. Chân sư DK đang nhắc nhở các đệ tử của Ngài về tầm quan trọng của công việc Các Vấn Đề của Nhân Loại. Một số đệ tử có thể đã quên giá trị của những vấn đề này chỉ vì chúng được thảo luận theo hướng thực tiễn thay vì bằng ngôn ngữ huyền bí học thông thường.

I have no criticism of F.C.D., who has come through deep waters to heights from which he can do most effective work. I am happy to be associated with him and have asked the Master K.H. to leave him a little longer in my group.

Tôi không có lời phê bình nào đối với F.C.D., người đã vượt qua những gian nan sâu sắc để lên đến những đỉnh cao, từ đó có thể làm việc hiệu quả nhất. Tôi vui mừng được cộng tác với y và đã đề nghị Chân sư KH để y ở lại trong nhóm Tôi lâu hơn một chút.

47. The “deep waters” may refer to the astral plane. FCD had all the water signs in his chart tenanted by important planets or angles. We cannot, however, assume that DK refers only to FCD’s personal astral condition as FCD was closely concerned with the astral condition of his patients and clients and with the astral condition of humanity as a whole.

47. “Những vùng nước sâu” có thể ám chỉ cõi cảm dục. Trong lá số của FCD, tất cả các dấu hiệu hành thủy đều có các hành tinh quan trọng hoặc các góc chính tọa thủ. Tuy nhiên, chúng ta không thể cho rằng Chân sư DK chỉ nói đến tình trạng cảm dục cá nhân của FCD, vì FCD quan tâm sâu sát đến tình trạng cảm dục của các bệnh nhân và thân chủ của ông, cũng như tình trạng cảm dục của toàn thể nhân loại.

48. When DK speaks of the “heights” which FCD has attained, He may be speaking of initiation. Elsewhere, the Tibetan has referred to FCD as an “initiate-disciple”.

48. Khi Chân sư DK nói về những “đỉnh cao” mà FCD đã đạt tới, có thể Ngài đang nói về điểm đạo. Ở nơi khác, Chân sư Tây Tạng đã gọi FCD là một “đệ tử-điểm đạo đồ”.

“I have said enough here to enable you again to resume your active position as a pledged initiate-disciple (a position which your co-disciples have ever recognised as yours),...” (DINA II 465)

“Ở đây, Tôi đã nói đủ để em có thể một lần nữa trở lại vị trí hoạt động tích cực của mình với tư cách một đệ tử-điểm đạo đồ đã cam kết (một vị trí mà các đệ tử đồng môn của em vẫn luôn công nhận là của em),...” (DINA II 465)

49. Something of FCD’s spiritual status is hinted by the Tibetan as He discusses His happiness to be associated with him. There is the sense that DK is somewhat more “on the level” with FCD than He is with others of His disciples.

49. Chân sư Tây Tạng hé lộ phần nào địa vị tinh thần của FCD khi Ngài nói về niềm vui được cộng tác với ông. Có cảm tưởng rằng Chân sư DK phần nào “ngang hàng” với FCD hơn so với các đệ tử khác của Ngài.

50. This letter was written in 1946. Perhaps that “little longer” would extend until the death of AAB. It will be necessary to check the final letters to FCD to determine whether he returned to KH’s Ashram before December of 1949. There was a general return of several of the more advanced disciples in 1948.

50. Bức thư này được viết vào năm 1946. Có lẽ khoảng thời gian “lâu hơn một chút” ấy kéo dài cho đến khi bà AAB qua đời. Cần kiểm tra những bức thư cuối cùng gửi FCD để xác định liệu ông đã trở lại Ashram của Chân sư KH trước tháng Mười Hai năm 1949 hay chưa. Năm 1948, một số đệ tử tiến bộ hơn đã cùng trở về.

I have no criticism of J.W.K-P., who has handled a profoundly difficult task for me with beauty, understanding, judgment and courtesy.

Tôi không có lời phê bình nào đối với J.W.K-P., người đã đảm đương cho Tôi một nhiệm vụ vô cùng khó khăn với sự tốt đẹp, thấu

hiểu, khả năng phán đoán và thái độ lịch thiệp.

51. The suggestion is that Master DK is offering a critique of His group of chelas and of certain chelas in particular. It should be most interesting for us to learn how He handled the necessity of imparting criticism —I think we shall see that it was always constructive and educative.

51. Điều này gợi ý rằng Chân sư DK đang đưa ra lời phê bình đối với nhóm đệ tử của Ngài và riêng một số đệ tử. Việc tìm hiểu cách Ngài xử lý sự cần thiết phải đưa ra lời phê bình hẳn sẽ rất thú vị đối với chúng ta—tôi nghĩ chúng ta sẽ thấy rằng lời phê bình ấy luôn mang tính xây dựng và giáo dục.

52. JWK-P is the disciple Foster Bailey—husband of Alice Bailey, and in charge of the World Goodwill work and numerous other responsibilities for the Lucis Trust.

52. JWK-P là đệ tử Foster Bailey—chồng của bà Alice Bailey, phụ trách công việc Thiện Chí Thế Giới và đảm nhận nhiều trách nhiệm khác cho Lucis Trust.

53. To promote the spread of goodwill throughout humanity is and was a "profoundly difficult task" demanding as much first ray as second.

53. Thúc đẩy thiện chí lan rộng khắp nhân loại hiện nay cũng như trước kia đều là một "nhiệm vụ vô cùng khó khăn", đòi hỏi cung một cũng nhiều như cung hai.

54. When we examine the words Master DK uses to describe JWK-P's handling of the task, we note qualities associated with the second, fourth and seventh rays. It is clear that the Tibetan values each of these qualities, and a little reflection will show us why.

54. Khi xem xét những từ Chân sư DK dùng để mô tả cách JWK-P đảm đương nhiệm vụ, chúng ta nhận thấy những phẩm tính gắn với các cung hai, bốn và bảy. Rõ ràng Chân sư Tây Tạng coi trọng từng phẩm tính này, và chỉ cần suy ngẫm đôi chút, chúng ta sẽ thấy vì sao.

55. As with a number of the DK's first ray chelas (first ray in their soul nature), it is probable that the monadic ray of JWK-P is the second. The monadic quality would, therefore, be the underlying and emerging quality of an advanced disciple such as JWK-P, and the tone substanding the four qualities mentioned by DK (beauty, understanding, judgment and courtesy) suggest this ray—certainly not the unmodified first ray.

55. Cũng như một số đệ tử cung một của Chân sư DK (cung một trong bản chất linh hồn của họ), có lẽ cung chân thần của JWK-P là cung hai. Do đó, phẩm tính chân thần sẽ là phẩm tính nền tảng và đang nổi lên ở một đệ tử tiến bộ như JWK-P; sắc thái làm nền cho bốn phẩm tính mà Chân sư DK đề cập (sự tốt đẹp, thấu hiểu, khả năng phán đoán và thái độ lịch thiệp) gợi đến cung này—chắc chắn không phải cung một chưa qua điều chỉnh.

56. We also know that it was JWK-P's task to assist AAB in every way possible. Thus, her

56. Chúng ta cũng biết rằng nhiệm vụ của JWK-P là trợ giúp bà AAB bằng mọi cách có

immense responsibilities and difficulties became, in a way, his own.

thể. Vì vậy, theo một cách nào đó, những trách nhiệm và khó khăn vô cùng lớn lao của bà đã trở thành của chính ông.

3. My next reason for disbanding the group is **the failure in occult obedience** of many of you.

3. Lý do tiếp theo khiến Tôi giải tán nhóm là **sự thiếu tuân phục huyền bí** của nhiều người trong các bạn.

57. DK directly states in this third "count" that which was implied in the second "count".

57. Trong "điểm phê bình" thứ ba này, Chân sư DK trực tiếp nêu rõ điều đã được hàm ý trong "điểm phê bình" thứ hai.

Voluntarily and willingly you joined the groups for training, discipline and expansion. This involved the following of certain suggestions, meditations and instructions. For years, **quite a number of you have done absolutely nothing about your personal instructions.**

Các bạn đã tự nguyện và sẵn lòng gia nhập các nhóm để được huấn luyện, rèn luyện kỷ luật và mở rộng. Điều này bao hàm việc làm theo một số gợi ý, bài thiền và huấn thị. Suốt nhiều năm, **khá nhiều người trong các bạn hoàn toàn không làm gì với những huấn thị cá nhân của mình.** Ở đây,

58. DK reminds His chelas that they joined the groups "voluntarily". The purpose of the groups (among other things) was training, discipline and expansion. Suggestions, meditations and instructions were offered to facilitate this training, discipline and expansion. It is hardly to be expected that desirable individual and group effects would occur if the disciples' personal instructions were ignored.

58. Chân sư DK nhắc các đệ tử của Ngài rằng họ đã "tự nguyện" gia nhập các nhóm. Mục đích của các nhóm (bên cạnh những mục đích khác) là huấn luyện, rèn luyện kỷ luật và mở rộng. Những gợi ý, bài thiền và huấn thị đã được đưa ra để hỗ trợ việc huấn luyện, rèn luyện kỷ luật và mở rộng này. Khó có thể mong đợi những kết quả mong muốn cho cá nhân và nhóm nếu các đệ tử phớt lờ những huấn thị cá nhân của mình.

59. Is DK suggesting that His disciples did, in fact, do something about their *group* instructions? If, however, their personal instructions were ignored it is unlikely that their group instructions were closely followed.

59. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng các đệ tử của Ngài quả thực đã làm điều gì đó với những huấn thị dành cho *nhóm* của họ? Tuy nhiên, nếu họ phớt lờ những huấn thị cá nhân thì khó có khả năng họ đã tuân thủ sát sao những huấn thị dành cho nhóm.

60. It is clear that one of the demonstrations of occult obedience is simply to follow the Master's suggestions, realizing that such suggestions are equivalent to soul-suggestions.

60. Rõ ràng, một trong những biểu hiện của sự tuân phục huyền bí đơn giản là làm theo những gợi ý của Chân sư, nhận ra rằng những gợi ý ấy tương đương với những gợi ý từ linh hồn.

I refer here not only to exoteric exactitude but (above all else) to esoteric understanding.

Tôi không chỉ nói đến sự chính xác về mặt ngoại môn mà còn (trên hết) đến sự thấu hiểu nội môn.

61. Some, it seems, may have followed the instructions/suggestions with a degree of "exoteric exactitude" but without real *esoteric* understanding. It is not the form which is important (such as the form of a meditation) but the esoteric understanding of the purpose and method of the form.

61. Dường như một số người có thể đã làm theo các huấn thị/gợi ý với một mức độ "chính xác về mặt ngoại môn" nhưng thiếu sự thấu hiểu thực sự về mặt *nội môn*. Điều quan trọng là sự thấu hiểu nội môn về mục đích và phương pháp của hình thức, chứ không phải bản thân hình thức ấy (chẳng hạn như hình thức của một bài thiền).

62. It would seem that a number of DK's students failed to grasp the wider and deeper picture of their individual and group labors.

62. Dường như một số đạo sinh của Chân sư DK đã không nắm bắt được bức tranh rộng hơn và sâu hơn về những nỗ lực của họ với tư cách cá nhân và nhóm.

When, my brothers, I assign meditation work and make suggestion over the years, I have a definite purpose in view and a plan worked out [76] which is adapted to the particular student.

Các huynh đệ của tôi, khi Tôi giao công việc tham thiền và đưa ra những gợi ý qua nhiều năm, Tôi có một mục đích rõ ràng và một kế hoạch đã được triển khai [76] phù hợp với từng đạo sinh cụ thể.

63. DK suggests the care He has given to planning a program of meditation and potential spiritual advancement for each student. He has studied His students carefully and knows exactly what they need to take their next spiritual step forward.

63. Chân sư DK cho thấy Ngài đã cẩn trọng đến mức nào khi hoạch định cho từng đạo sinh một chương trình tham thiền và khả năng tiến bộ tinh thần. Ngài đã nghiên cứu kỹ các đạo sinh của mình và biết chính xác họ cần gì để tiến thêm bước kế tiếp về mặt tinh thần.

64. We (disciples of the present era) have not been assigned particular meditations by the Master, and yet our own program of individual meditation is, nevertheless, of great significance. Have we devised our own meditation program which we follow with care even as we attempt to fulfill the requirements of group meditations in which we may participate?

64. Chúng ta (những đệ tử của thời đại hiện nay) chưa được Chân sư giao những bài thiền cụ thể, tuy nhiên, chương trình tham thiền cá nhân của chính chúng ta vẫn có thâm nghĩa lớn lao. Chúng ta đã thiết lập một chương trình tham thiền riêng để cẩn thận tuân theo, đồng thời cố gắng đáp ứng những yêu cầu của các bài thiền nhóm mà chúng ta có thể tham gia hay chưa?

65. After a number of years, each student of occultism will begin to see himself/herself—albeit, not with the eye of a Master, but sufficiently to know the need. Meditations attending to that need can be either devised or found (and perhaps adapted) within the meditations offered in the DINA books.

65. Sau một số năm, mỗi đạo sinh huyền bí học sẽ bắt đầu nhìn rõ chính mình—dẫu không bằng con mắt của một Chân sư, nhưng cũng đủ để biết nhu cầu của mình. Có thể tự soạn những bài thiền đáp ứng nhu cầu ấy, hoặc tìm chúng (và có lẽ điều chỉnh cho phù hợp) trong số các bài thiền được trình bày trong các sách DINA.

66. Each disciple has a quality under cultivation which answers to a specific need. Do we know what our most needed quality may be? We are, after all, still building the causal body and there is much of quality yet to be 'stored' in that "treasury".

66. Mỗi đệ tử đều đang trau dồi một phẩm tính để đáp ứng một nhu cầu cụ thể. Chúng ta có biết phẩm tính mình cần nhất có thể là gì không? Xét cho cùng, chúng ta vẫn đang xây dựng thể nguyên nhân và còn nhiều phẩm tính cần được 'tích trữ' trong "kho báu" ấy.

When the work is not done, I—owing to the freewill of the disciple—am helpless.

Khi công việc không được thực hiện, Tôi—do ý chí tự do của đệ tử—đành bất lực.

67. This is a sad commentary. We see how the unwilling chela handicaps himself/herself and the Master as well. So much given; so little used; so much consciously or unconsciously rejected.

67. Đây là một lời nhận xét đáng buồn. Chúng ta thấy người đệ tử không sẵn lòng đã cản trở chính mình và cả Chân sư như thế nào. Được ban cho biết bao nhiêu; sử dụng chẳng bao nhiêu; khước từ biết bao nhiêu, một cách hữu thức hoặc vô thức.

4. Another reason upon which I must very briefly touch, and which is a factor in my decision, is A.A.B.'s integrity in the work.

4. Một lý do khác mà Tôi phải đề cập rất ngắn gọn, và cũng là một yếu tố trong quyết định của Tôi, là tính chính trực của A.A.B. trong công việc.

68. The implication is that AAB's integrity is of the highest standard.

68. Điều này hàm ý rằng tính chính trực của Bà AAB đạt tiêu chuẩn cao nhất.

Among some of you, if what I write is agreeable to you, expresses your own ideas and is in line with your group thinking, then it is I who write it. **When what I dictate runs counter to the ideas of the disciples, or places a finger on a weakness, or makes a statement which runs counter to the**

Với một số người trong các bạn, nếu điều Tôi viết làm các bạn hài lòng, diễn đạt những ý tưởng của chính các bạn và phù hợp với tư tưởng nhóm của các bạn, thì đó là do Tôi viết. **Khi điều Tôi đọc cho chép trái với ý tưởng của các đệ tử, hoặc chỉ ra một nhược điểm, hoặc đưa ra một phát biểu trái với hạ**

lower mind, then it is written by A.A.B. This situation has existed for some time.

69. This is an understandable failing and is found among present students of the Teaching as well. When they agree with something written in the Blue Books, then it is the Tibetan that has written that with which they agree. If they find something that offends them or runs counter to their prevailing ideas, they often say that AAB has done the writing. It is quite amazing to see how often this occurs.

70. Perhaps it is difficult to realize that had AAB not at times modified his frankness, Master DK often would have appeared far more direct. It is all very simple: the personality does not like to have its weaknesses pointed out.

71. In considering the Tibetan's words we must realize how often the lower mind is the seat of illusion. Many of our well-formulated thoughts may run quite contrary to occult truth as the Tibetan presents it. Let us remember that He works from a focus within the spiritual triad. His task is to quite alter our usual perspective upon reality.

For these main reasons, and because I seek no further to burden A.A.B. with your personal instructions, I am closing this aspect of my work.

72. Once DK called His work through AAB a "labour of love". With regard to AAB, He called the same work a "labour"! There is no question that AAB was a heavily burdened

trí, thì đó lại là do A.A.B. viết. Tình trạng này đã tồn tại một thời gian.

69. Đây là một khuyết điểm có thể hiểu được và cũng hiện diện nơi những đạo sinh đang nghiên cứu Giáo Huấn ngày nay. Khi họ đồng ý với điều gì viết trong các bộ sách xanh, thì Chân sư Tây Tạng là người đã viết điều mà họ đồng ý ấy. Nếu họ thấy điều gì khiến họ phật lòng hoặc trái với những ý tưởng đang chi phối họ, họ thường nói rằng Bà AAB đã viết điều đó. Thật đáng kinh ngạc khi thấy điều này xảy ra thường xuyên đến thế.

70. Có lẽ khó nhận ra rằng nếu đôi lúc Bà AAB không tiết giảm sự thẳng thắn của Ngài, thì Chân sư DK hẳn thường tỏ ra trực tiếp hơn rất nhiều. Mọi chuyện rất đơn giản: phàm ngã không thích người khác chỉ ra những nhược điểm của mình.

71. Khi suy xét những lời của Chân sư Tây Tạng, chúng ta phải nhận ra rằng hạ trí thường là nơi trú ngụ của ảo tưởng đến mức nào. Nhiều tư tưởng được chúng ta xây dựng chặt chẽ có thể hoàn toàn trái với chân lý huyền bí như Chân sư Tây Tạng trình bày. Chúng ta hãy nhớ rằng Ngài hoạt động từ một tiêu điểm trong Tam Nguyên Tinh Thần. Nhiệm vụ của Ngài là thay đổi hoàn toàn cách nhìn thông thường của chúng ta về thực tại.

Vì những lý do chính này, và vì Tôi không muốn tiếp tục đặt gánh nặng những huấn thị cá nhân của các bạn lên A.A.B., Tôi chấm dứt phương diện này trong công việc của Tôi.

72. Có lần Chân sư DK gọi công việc Ngài thực hiện qua Bà AAB là một "công việc lao nhọc vì tình thương". Còn đối với Bà AAB, Ngài gọi chính công việc ấy là một "công việc

disciple. There are many burdens to carry as one is preparing for or, perhaps, moving very rapidly towards the fourth initiation.

lao nhọc"! Không còn nghi ngờ gì nữa, Bà AAB là một đệ tử mang gánh nặng rất lớn. Có nhiều gánh nặng phải mang khi một người đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ tư hoặc có lẽ đang tiến rất nhanh đến lần điểm đạo ấy.

73. We can understand that the criticism leveled against AAB for ostensibly misrepresenting the Tibetan or inserting her own thoughts could only have added to her burden.

73. Chúng ta có thể hiểu rằng những lời chỉ trích nhắm vào Bà AAB vì cho rằng Bà trình bày sai lời Chân sư Tây Tạng hoặc xen những tư tưởng riêng của mình vào chỉ có thể làm tăng thêm gánh nặng của Bà.

74. DK subtly reminds His chelas what a service AAB has done for them personally. Yes—the personal instructions (so important to the chela, yet so oft ignored) have been upon her a real burden.

74. Chân sư DK khéo léo nhắc các đệ tử của Ngài nhớ rằng Bà AAB đã phụng sự cho từng người trong họ nhiều đến thế nào. Quả vậy—những huấn thị cá nhân (rất quan trọng đối với người đệ tử, nhưng lại thường xuyên bị phớt lờ) đã thực sự là một gánh nặng đối với Bà.

75. The Tibetan is careful to let His chelas know that His work with them is only "one aspect" of His work—probably a relatively unimportant aspect when seen from a global perspective.

75. Chân sư Tây Tạng cẩn thận cho các đệ tử của Ngài biết rằng công việc Ngài thực hiện với họ chỉ là "một phương diện" trong công việc của Ngài—có lẽ là một phương diện tương đối ít quan trọng khi nhìn từ góc độ toàn cầu.

A.A.B. has much to do for me in finishing the Instructions as outlined.

A.A.B. còn nhiều việc phải làm cho Tôi để hoàn tất các Huấn Thị như đã phác thảo.

76. Here the larger work is put into perspective. DK was writing for thousands and even, eventually, for large numbers of human beings, and not just for a few disciples on the periphery of His Ashram.

76. Ở đây, công việc lớn hơn được đặt vào đúng tầm vóc của nó. Chân sư DK viết cho hàng nghìn người và rồi cuối cùng thậm chí cho đông đảo nhân loại, chứ không chỉ cho vài đệ tử ở ngoại vi Ashram của Ngài.

77. His work was well planned and certain writings, of great value for the future, simply had to be completed.

77. Công việc của Ngài đã được hoạch định kỹ lưỡng, và một số tác phẩm có giá trị lớn đối với tương lai nhất thiết phải được hoàn tất.

Her own Master (and mine) also requests that she no longer do this work, and with Him I am in full agreement.

Chân sư của chính Bà (và cũng là của Tôi) cũng yêu cầu Bà không làm công việc này nữa, và Tôi hoàn toàn đồng ý với Ngài.

78. It is clear that AAB's Master, Master KH, had concern for her and saw this smaller aspect of the work (handing the personal and group instructions of a relatively unresponsive group) as detrimental to her task.

78. Rõ ràng Chân sư của Bà AAB, Chân sư KH, quan tâm đến Bà và thấy rằng phương diện nhỏ hơn này của công việc (xử lý các huấn thị cá nhân và huấn thị nhóm dành cho một nhóm tương đối ít đáp ứng) gây bất lợi cho nhiệm vụ của Bà.

A.A.B. has also to conclude the Ashram papers* and finish the papers on Healing.** Then her task for me will be accomplished.

A.A.B. cũng phải hoàn tất các tài liệu về Ashram [iv]* và các tài liệu về Trị Liệu. [v]** Khi ấy, nhiệm vụ của Bà đối với Tôi sẽ hoàn thành.

79. We see here that certain of the later books had not been completed, and, perhaps, might not have been if AAB's energies had continued to be taxed by attending to the personal and group instructions of the New Seed Group.

79. Ở đây, chúng ta thấy rằng một số cuốn sách thuộc giai đoạn sau vẫn chưa hoàn tất, và có lẽ đã không thể hoàn tất nếu Bà AAB tiếp tục hao tổn năng lượng vì phải lo liệu các huấn thị cá nhân và huấn thị nhóm dành cho Nhóm Hạt Giống Mới.

D.E.I. is no longer in this group, and for this life and probably the next, he will be learning the lessons of adaptability, of impersonality and renunciation. He made one serious and irretrievable move prior to the outbreak of the war, and he did this against the advice of senior disciples and of his own inner monitor.

D.E.I. không còn ở trong nhóm này, và trong kiếp sống này, có lẽ cả kiếp sau, y sẽ học những bài học về khả năng thích nghi, tính vô ngã và sự từ bỏ. Trước khi chiến tranh bùng nổ, y đã thực hiện một bước đi nghiêm trọng, không thể cứu vãn, và y đã làm điều này trái với lời khuyên của các đệ tử cao cấp và người chỉ dẫn nội tâm của chính mình.

80. The ray structure of DEI was 21-213. He was a highly trusted co-worker and apparently did something which (though temporarily) jeopardized his usefulness to the Ashram.

80. Cấu trúc cung của DEI là 21-213. Ông là một cộng sự rất được tín nhiệm và dường như đã làm điều gì đó khiến khả năng đóng góp hữu ích của ông cho ashram bị đe dọa (dù chỉ tạm thời).

81. While no mistake has unredeemable results, it is clear that DEI's was serious—"irretrievable"—at least for the present life.

81. Dù không có sai lầm nào gây ra những hậu quả không thể khắc phục, rõ ràng sai lầm của DEI là nghiêm trọng—"không thể cứu vãn"—ít nhất là trong kiếp sống hiện tại.

82. It is characteristic of DK that He does not specify the personal details of important turning points in any disciple's life. Such details are the concern of the disciple and of no one else. Even the Master does not usually concern himself with them unless the potential impact on the group is significant—as it appears to have been in this case.

82. Một nét đặc trưng của Chân sư DK là Ngài không nêu cụ thể những chi tiết riêng tư về các bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của bất kỳ đệ tử nào. Những chi tiết ấy là chuyện của người đệ tử, không phải của ai khác. Ngay cả Chân sư cũng thường không quan tâm đến chúng, trừ khi tác động tiềm tàng đối với nhóm là đáng kể—như dường như đã xảy ra trong trường hợp này.

83. It is startling to realize how we may jeopardize our usefulness to the Ashram, Hierarchy and humanity. Naively or ignorantly, we may do much harm to our own process, progress and general usefulness.

83. Thật đáng giật mình khi nhận ra chúng ta có thể gây nguy hại đến khả năng đóng góp hữu ích của mình cho ashram, Thánh đoàn và nhân loại như thế nào. Do ngây thơ hoặc thiếu hiểu biết, chúng ta có thể gây nhiều tổn hại cho tiến trình, sự tiến bộ và khả năng đóng góp hữu ích nói chung của chính mình.

84. It is not that DEI was not warned. Disciples senior to him warned him; such disciples may have been AAB or perhaps, FCD.

84. DEI đã từng nhận được lời cảnh báo. Những đệ tử cao cấp hơn ông đã cảnh báo ông; những đệ tử ấy có thể là Bà AAB hoặc có lẽ là FCD.

85. It is also significant that DEI was warned by his "inner monitor", which we can consider the voice of conscience. It is dangerous to make moves counter to such indications.

85. Việc "người chỉ dẫn nội tâm" đã cảnh báo DEI cũng có ý nghĩa quan trọng; chúng ta có thể xem đó là tiếng nói của lương tâm. Hành động trái với những chỉ dẫn như thế là điều nguy hiểm.

86. The lessons to be learned were those of adaptability, impersonality and renunciation. It is clear that the personality wanted something (which is so often the case). Apparently the personality desires involved were not renounced.

86. Những bài học cần học là khả năng thích nghi, tính vô ngã và sự từ bỏ. Rõ ràng phàm ngã đã muốn một điều gì đó (điều rất thường xảy ra). Dường như ông đã không từ bỏ những ham muốn phàm ngã liên quan đến việc ấy.

87. In another section of the book, DK informs us that DEI had chosen a line of activity which would given him no true scope for his discipleship potential.

87. Trong một phần khác của cuốn sách, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng DEI đã chọn một hướng hoạt động không thực sự tạo cho ông cơ hội phát huy tiềm năng đệ tử của mình.

"All disciples, working among their fellowmen, [67] are brought into contact with this astral whirlpool. (I would call the attention of D.E.I. to this fact because it accounts for his reaction during the past two years and has led him to relinquish his position in my outer work and to retire into a phase of living which will provide him with no true scope for his pledged experience and his years of training; this present phase is in the nature of a cul-de-sac." (DINA II 66-67)

"Tất cả các đệ tử, khi làm việc giữa đồng loại, [67] đều tiếp xúc với xoáy cảm dục này. (Tôi muốn lưu ý D.E.I. về sự thật này vì nó lý giải phản ứng của bạn ấy trong hai năm qua và đã khiến bạn ấy từ bỏ vị trí của mình trong công việc bên ngoài của Tôi, lui về một giai đoạn sống sẽ không thực sự tạo cho bạn ấy cơ hội vận dụng kinh nghiệm đã tích lũy khi cam kết phụng sự cùng những năm tháng được huấn luyện; giai đoạn hiện nay này mang bản chất của một ngõ cụt." (DINA II 66-67)

88. We see that DEI, unlike FCD or JWK-P, was one of the disciples who warranted admonishment.

88. Chúng ta thấy rằng, khác với FCD hay JWK-P, DEI là một trong những đệ tử đáng nhận lời khiển trách.

I would here again remind you that the inner link remains unbroken. You are still members—each and all of you—on the periphery of my Ashram.

Ở đây, Tôi muốn nhắc lại với các bạn rằng mối liên kết bên trong vẫn không hề đứt đoạn. Các bạn vẫn là những thành viên—từng người và tất cả các bạn—ở ngoại vi ashram của Tôi.

89. DK reassures His disciples. They still hold their place on the periphery of His Ashram—at least *individually*. Does the group of chelas (as a group) still stand there? This is not given.

89. Chân sư DK trấn an các đệ tử của Ngài. Họ vẫn giữ vị trí của mình ở ngoại vi ashram của Ngài—ít nhất là xét *từng cá nhân*. Nhóm đệ tử (với tư cách một nhóm) có còn đứng ở đó không? Điều này không được cho biết.

Nothing can alter this.

Không gì có thể thay đổi điều này.

90. This is a most encouraging statement. Once the disciple has been accepted, human mistakes and errors will not alter the acceptance, though contact may be temporarily interrupted and advancement towards the center temporarily halted.

90. Đây là một lời khẳng định hết sức khích lệ. Một khi đệ tử đã được chấp nhận, những sai lầm và lầm lạc của con người sẽ không làm thay đổi sự chấp nhận ấy, dù sự tiếp xúc có thể tạm thời gián đoạn và việc tiến về trung tâm có thể tạm thời dừng lại.

Some of you warrant no criticism from me and are not responsible for what has happened.

Một số người trong các bạn không đáng nhận bất kỳ lời phê bình nào từ Tôi và không chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra.

91. At this point, DK does not review the part which each of His disciples had to play in the failure of the group. In later letters to the remaining group members (for such letters did continue), He becomes a little more specific.

91. Ở điểm này, Chân sư DK không xem xét lại phần trách nhiệm của từng đệ tử của Ngài trong sự thất bại của nhóm. Trong những bức thư sau đó gửi các thành viên còn lại của nhóm (vì những bức thư như thế quả thực vẫn tiếp tục), Ngài nói cụ thể hơn một chút.

Let me reiterate: **The ashramic link remains unbroken, but the outer relation is ended for this incarnation.**

Để Tôi nhắc lại: **Mối liên kết ashram vẫn không hề đứt đoạn, nhưng mối quan hệ bên ngoài đã chấm dứt trong kiếp nhập thể này.**

92. We are learning that what is broken is the "outer relation" with the group and its membership. DK seems to be saying that there will be no more outer letters, nevertheless, He chose to continue writing them, probably for the spiritual sustaining of those few chelas who remained truly and actively loyal to His purposes.

92. Chúng ta đang hiểu ra rằng điều bị cắt đứt là "mối quan hệ bên ngoài" với nhóm và các thành viên của nhóm. Dường như Chân sư DK muốn nói rằng sẽ không còn những bức thư bên ngoài nữa; tuy nhiên, Ngài đã chọn tiếp tục viết những bức thư ấy, có lẽ để nâng đỡ về mặt tinh thần cho số ít đệ tử vẫn thực sự và tích cực trung thành với các mục đích của Ngài.

You can still reach me individually, if you fulfil the requirements and seek to serve the Plan outlined to you by me.

Các bạn vẫn có thể tiếp xúc với Tôi với tư cách cá nhân, nếu đáp ứng các yêu cầu và tìm cách phụng sự Thiên Cơ mà Tôi đã phác thảo cho các bạn.

93. An inner link is still possible to those who fulfill the requirements. There are certain disciples who know the methods of inwardly reaching the Master, but the most important requirement seems to be the continued service of the Plan as outlined by the Master. If a disciple is not fully serving the Divine Plan, of what use would be contact with a Master? It might simply feed personal elements found in the disciple.

93. Những ai đáp ứng các yêu cầu vẫn có thể có một mối liên kết bên trong. Có những đệ tử biết các phương pháp tiếp xúc với Chân sư từ bên trong, nhưng yêu cầu quan trọng nhất dường như là tiếp tục phụng sự Thiên Cơ theo những gì Chân sư đã phác thảo. Nếu một đệ tử không hết lòng phụng sự Thiên Cơ, thì việc tiếp xúc với một Chân sư sẽ có ích gì? Điều đó có thể chỉ nuôi dưỡng những yếu tố cá nhân nơi đệ tử ấy.

With this general letter I am sending very full personal [77] instructions—the last you will receive from me this life on the outer plane.

Cùng với bức thư chung này, Tôi gửi những huấn thị cá nhân [77] rất đầy đủ—những huấn thị cuối cùng mà các bạn sẽ nhận từ Tôi trong kiếp sống này trên cõi bên ngoài.

94. As stated, DK did continue to write personal letters to a few of the remaining chelas. One group of letters was written as late as November of 1948.

94. Như đã nói, Chân sư DK quả thực vẫn tiếp tục viết thư riêng cho một vài đệ tử còn lại. Một loạt thư được viết mãi đến tháng Mười Một năm 1948.

95. There were other chelas, however, to whom no more letters were written. They, in a way, were not part of the inmost group surrounding AAB.

95. Tuy nhiên, có những đệ tử khác không còn nhận được thư nữa. Theo một nghĩa nào đó, họ không thuộc nhóm thân cận nhất quanh Bà AAB.

I would ask you to read with extreme care what I have to say and suggest, because of the effect it may have on your outer life of service. I use not words lightly.

Tôi đề nghị các bạn đọc hết sức cẩn trọng những điều Tôi nói và gợi ý, vì tác động mà chúng có thể tạo ra đối với đời sống phụng sự bên ngoài của các bạn. Tôi không dùng từ ngữ một cách khinh suất.

96. DK is cautious in His use of words and will not use words like “extreme care” unless He means precisely what is stated.

96. Chân sư DK thận trọng trong cách dùng từ ngữ, và Ngài sẽ không dùng những từ như “hết sức cẩn trọng” trừ khi Ngài muốn nói chính xác điều đã nêu.

97. We can understand that Master DK would seek to impart all possible in this last of His official personal instructions.

97. Chúng ta có thể hiểu rằng Chân sư DK hẳn muốn truyền đạt tất cả những gì có thể trong những huấn thị cá nhân chính thức cuối cùng này của Ngài.

98. In the last analysis, the Tibetan seeks to make of each of His chelas a better server of humanity and Hierarchy.

98. Xét cho cùng, Chân sư Tây Tạng tìm cách giúp mỗi đệ tử của Ngài trở thành một người phụng sự nhân loại và Thánh đoàn tốt hơn.

A.A.B. has taken me down with accuracy during these many years, including the past nine years of illness.

A.A.B. đã ghi chép chính xác lời Tôi trong suốt nhiều năm qua, kể cả chín năm đau bệnh vừa rồi.

99. Again Master DK affirms AAB’s accuracy and integrity. AAB would not have dared to alter without permission anything dictated by the Tibetan.

99. Một lần nữa, Chân sư DK khẳng định tính chính xác và sự chính trực của Bà AAB. Bà AAB hẳn không dám tự ý thay đổi bất cứ điều gì do Chân sư Tây Tạng đọc cho Bà ghi lại khi chưa được phép.

100. We come to understand that AAB had been sick since 1937. In-person

100. Chúng ta hiểu ra rằng Bà AAB đã đau bệnh từ năm 1937. Những cuộc trò chuyện

conversations with RSW (one of the DINA disciples and a close friend of AAB) indicate that the disease was a blood condition—probably, in later days, a form of leukemia.

trực tiếp với RSW (một trong các đệ tử trong DINA và là bạn thân của Bà AAB) cho biết đó là một căn bệnh về máu—có lẽ, vào thời gian sau, là một dạng bệnh bạch cầu.

She has never been too ill to take my dictation and send it out to you and to the world exactly as I gave it.

Bà chưa bao giờ đau bệnh đến mức không thể ghi lại lời Tôi đọc và gửi đến các bạn cùng thế giới đúng như Tôi đã ban truyền.

101. Something of the sacrifice through which AAB passed is made known. For her, apparently, there were never any alibis. Few disciples can honestly affirm the same.

101. Một phần sự hi sinh mà Bà AAB đã trải qua được tiết lộ. Dường như Bà chưa bao giờ viện bất kỳ lý do nào để thoái thác. Ít đệ tử có thể thành thật khẳng định điều tương tự.

Please read not only your own instructions but those given to the other members of the group, and you will then understand more clearly the reasons for the disbanding of this group.

Xin hãy đọc không chỉ những huấn thị dành cho riêng mình mà cả những huấn thị dành cho các thành viên khác của nhóm, rồi các bạn sẽ thấu hiểu rõ hơn những lý do giải tán nhóm này.

102. It appears that DK has scattered some of the reasons for disbanding the group. Some fundamental reasons are stated clearly in the three "counts" given above. More details appear in or can be inferred from the instructions.

102. Dường như Chân sư DK đã nêu rải rác một số lý do giải tán nhóm. Một số lý do căn bản được trình bày rõ trong ba "điểm quy trách" nêu trên. Những chi tiết khác xuất hiện trong các huấn thị hoặc có thể được suy ra từ đó.

The personal instructions will be full and concise and will give you enough work, coupled with all your previous instructions over the years, to occupy your attention for the remainder of your lives and lead you into a closer association with the Ashram.

Những huấn thị cá nhân sẽ đầy đủ và súc tích, và cùng với tất cả những huấn thị trước đây qua nhiều năm, chúng sẽ đem lại cho các bạn đủ công việc để chuyên tâm trong phần đời còn lại và dẫn các bạn vào mối liên hệ gần gũi hơn với ashram.

103. Master DK gives all that He can. Although necessity demanded a disbanding of the outer group, He does all He can to endow His students with what they may need (and more) to bring them closer to the Ashram in the years remaining to them in that particular incarnation. For, indeed, there would be no reason why the move

103. Chân sư DK trao ban tất cả những gì Ngài có thể. Mặc dù tình thế đòi hỏi phải giải tán nhóm bên ngoài, Ngài làm mọi điều có thể để trang bị cho các môn sinh những gì họ có thể cần (và còn hơn thế nữa), nhằm đưa họ đến gần ashram hơn trong những năm còn lại của kiếp sống cụ thể ấy. Bởi quả thực, không có lý do gì khiến việc tiến về ashram phải dừng lại chỉ vì nhóm giải tán.

towards the Ashram must stop simply because of the disbanding.

104. DK knew well what might be the reaction of His sensitive disciples (discouragement was certainly one possibility) and, therefore, did everything He could to equip them to take important remaining steps.

104. Chân sư DK biết rõ các đệ tử nhạy cảm của Ngài có thể phản ứng ra sao (chắc chắn sự nản lòng là một khả năng), và vì vậy, Ngài đã làm mọi điều có thể để trang bị cho họ thực hiện những bước quan trọng còn lại.

You have the instructions, covering many years and given to each of you, preserved for you in Discipleship in the New Age (Vol. I).

Các bạn có những huấn thị trải qua nhiều năm, dành cho từng người trong các bạn, được lưu giữ cho các bạn trong Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới (Tập I).

105. Former instructions still apply.

105. Những huấn thị trước đây vẫn còn áp dụng.

You have much intensified and concentrated individual teaching, much indication of opportunity and of the work which you are individually asked to do, a great deal of help in dealing with personality limitations, and much inspiration.

Các bạn có nhiều giáo huấn cá nhân được tăng cường và cô đọng, nhiều chỉ dẫn về cơ hội và công việc mà từng người được yêu cầu thực hiện, rất nhiều trợ giúp trong việc xử lý những giới hạn của phàm ngã, cùng nhiều cảm hứng.

106. DK reminds the group members of the wealth teaching and suggestion they have already received:

106. Chân sư DK nhắc các thành viên trong nhóm nhớ đến kho giáo huấn và gợi ý phong phú mà họ đã nhận được:

a. Much intensified and concentrated individual teaching

a. Nhiều giáo huấn cá nhân được tăng cường và cô đọng

b. Much indication of opportunity

b. Nhiều chỉ dẫn về cơ hội

c. Much indication of the work to be done individually

c. Nhiều chỉ dẫn về công việc mà từng cá nhân cần thực hiện

d. Much help in dealing with personality limitations

d. Nhiều trợ giúp trong việc xử lý những giới hạn của phàm ngã

e. Much inspiration

e. Nhiều cảm hứng

107. Certainly, they are not left bereft.

107. Chắc chắn, họ không bị bỏ lại trong cảnh thiếu thốn.

Read now my personal instructions to you in the light of **our long personal relations.**

Giờ đây, hãy đọc những huấn thị cá nhân Tôi dành cho các bạn trong ánh sáng của **mối quan hệ cá nhân lâu dài giữa chúng ta.**

108. DK indicates that, not only have the disciples' relations with each other had a personal dimension, but that His relations with them have also had such a dimension. No aspect of the divine life can be discounted as entirely insignificant.

108. Chân sư DK cho biết rằng không chỉ các mối quan hệ giữa những đệ tử với nhau có chiều kích cá nhân, mà các mối quan hệ của Ngài với họ cũng có chiều kích như thế. Không thể xem nhẹ bất kỳ phương diện nào của sự sống thiêng liêng như thể nó hoàn toàn không có ý nghĩa.

We have worked together for many years and I know you all well. I have told you that in the light of the Ashram there is naught concealed.

Chúng ta đã làm việc cùng nhau nhiều năm và Tôi biết rõ tất cả các bạn. Tôi đã nói với các bạn rằng trong ánh sáng của ashram, không có gì che giấu được.

109. To be well-known by a Master can act as a strengthening. Within the Ashram all is undertaken in a spirit of truth.

109. Việc một Chân sư biết rõ mình có thể giúp chúng ta thêm vững mạnh. Trong ashram, mọi việc đều được thực hiện trong tinh thần chân thật.

110. Because each disciple is so well known to the Master, that which the Master confers or imparts is based upon the clearest perception of the disciples' needs and is therefore of great value. This is another reassurance in the midst of distress.

110. Vì Chân sư biết rõ từng đệ tử đến thế, những gì Ngài ban cho hoặc truyền đạt đều dựa trên sự nhận biết rõ ràng nhất về nhu cầu của các đệ tử, và do đó có giá trị lớn lao. Đây là một sự trấn an nữa giữa lúc đau buồn.

These instructions are bridging instructions which will suffice until the day comes when you will step into a closer relation and will have overcome the personality to such an extent that there will be no fear of your making any serious mistakes;

Những huấn thị này mang tính bắc cầu và sẽ đủ dùng cho đến ngày các bạn bước vào một mối quan hệ gần gũi hơn, vượt thắng phàm ngã đến mức không còn lo ngại rằng các bạn có thể phạm những sai lầm nghiêm trọng;

111. DK is suggesting that there is, still, a concern that these disciples may make serious mistakes. They have not overcome

111. Chân sư DK hàm ý rằng vẫn còn mối lo ngại các đệ tử này có thể phạm những sai

personality to a sufficient degree to militate against this possibility.

lầm nghiêm trọng. Họ chưa vượt thắng phàm ngã đủ để ngăn ngừa khả năng này.

112. DK suggests that that which they have received (of teaching, meditations, suggestions and inspiration) will last them until that day of achievement arrives.

112. Chân sư DK hàm ý rằng những gì họ đã nhận được (về giáo huấn, các bài thiền, những gợi ý và cảm hứng) sẽ đủ dùng cho họ cho đến ngày đạt được thành tựu ấy.

113. Though the blow of the disbanding must have been great, He is, as it were, "letting them down lightly".

113. Dù việc giải thể hẳn đã là một cú sốc lớn, có thể nói Ngài đang "giúp họ đón nhận điều đó nhẹ nhàng hơn".

you can then be depended upon, as are all true accepted serving disciples.

khi ấy có thể tin cậy các bạn, như tin cậy mọi đệ tử được chấp nhận chân chính đang phụng sự.

114. DK is saying, between the lines, the His disciples (at least a number or them) have not been really spiritually dependable. Although they were "accepted disciples", they apparently were not all "true accepted serving disciples". Much remained yet to be fulfilled.

114. Qua những điều hàm ẩn, Chân sư DK đang nói rằng các đệ tử của Ngài (ít nhất là một số người trong họ) chưa thật sự đáng tin cậy về mặt tinh thần. Mặc dù họ là những "đệ tử được chấp nhận", rõ ràng không phải tất cả đều là những "đệ tử được chấp nhận chân chính đang phụng sự". Vẫn còn nhiều điều cần phải hoàn thành.

The teaching—along special lines—of the New Age presentation of esoteric truth, necessary in preparation for initiation, will continue;

Giáo huấn—theo những đường hướng đặc biệt—về cách trình bày chân lý nội môn của Kỷ Nguyên Mới, cần thiết để chuẩn bị cho điểm đạo, sẽ tiếp tục;

115. The book *The Rays and the Initiations* contains a great deal of this teaching.

115. Quyển sách *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo* chứa đựng rất nhiều giáo huấn này.

it is essential that the second volume of Discipleship in the New Age should reach the public.

điều thiết yếu là tập thứ hai của Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới phải đến được với công chúng.

116. This finally happened in the later 1950's.

116. Cuối cùng, điều này đã xảy ra vào cuối những năm 1950.

This new teaching (or rather this new sequence of teaching) in its timed

Như các bạn đã biết, giáo huấn mới này (hay đúng hơn là chuỗi giáo huấn mới này), khi

presentation consists, as you already know, of six themes or subjects:

[78]

Instruction on Meditation.

Teaching on Initiation.

Training in Telepathy.

Teaching anent the Etheric Body.

The Problems of Humanity.

The Externalisation of the Ashrams.

117. We see that the more advanced teaching appeared in a number of the books. Four books relating to this list are *The Rays and the Initiations, Telepathy and the Etheric Vehicle, The Problems of Humanity and The Externalization of the Hierarchy.*

You will continue to receive these papers, **not as an affiliated member of my Ashram,** but only as an intelligent, trained aspirant who is privileged to be used in building up the needed thoughtforms anent the correct aspects of the teaching so that the seed or germ may be truly implanted in the human consciousness and thus truly grow and influence the coming age. Forget this not.

118. The ashramic connection remains but is temporarily in abeyance. DK deals clearly with the members of His disbanded outer group.

được trình bày theo thời điểm đã định, gồm sáu chủ đề hay đề tài:

[78]

Huấn Thị về Tham Thiền.

Giáo Huấn về Điểm Đạo.

Huấn Luyện về Viễn Cảm.

Giáo Huấn về Thể Dĩ Thái.

Những Vấn Đề của Nhân Loại.

Sự Ngoại Hiện của các Ashram.

117. Chúng ta thấy rằng giáo huấn cao cấp hơn đã xuất hiện trong một số cuốn sách. Bốn cuốn sách liên quan đến danh sách này là *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo, Viễn Cảm và Thể Dĩ Thái, Những Vấn Đề của Nhân Loại và Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn.*

Các bạn sẽ tiếp tục nhận những tài liệu này, **không phải với tư cách một thành viên liên kết với ashram của Tôi,** mà chỉ như một người chí nguyện thông minh, đã qua huấn luyện, có đặc ân được sử dụng trong việc xây dựng những hình tư tưởng cần thiết về các phương diện đúng đắn của giáo huấn, để hạt giống hay mầm sống có thể thực sự được gieo vào tâm thức nhân loại, nhờ đó thực sự phát triển và tác động đến kỷ nguyên sắp tới. Đừng quên điều này.

118. Mối liên kết với ashram vẫn còn nhưng tạm thời đình lại. Chân sư DK nói rõ ràng với các thành viên trong nhóm bên ngoài đã giải thể của Ngài.

119. We see that one of the very important tasks with which we, too, may cooperate is the "building up [of] the needed thoughtforms anent the correct aspects of the teaching".

120. We see that Master DK considered His chelas as still privileged, regardless of the disbanding. They were still being used for a significant purpose and that use was to be regarded by them as a privilege.

121. Much, much remains to be done for the true implantation in human consciousness of the needed thoughtforms anent the correct aspects of the teaching. Perhaps we do not realize how very much, indeed, remains to be done.

March 1947

MY BROTHERS:

You will by now have recovered from the shock of the cessation of our outer communication.

122. This letter is written some nine months after the previous letter of June 1946. In a sense, it demonstrates that the outer connection still exists to a degree.

123. We can only imagine the nature of the "shock" followed by the weighty sense of spiritual failure.

As you may well realise (or do you?), my inner relation to you remains**an entirely private and individual matter, known only to the aspiring disciple and myself.** Such it must remain for this immediate life cycle.

119. Chúng ta thấy rằng một trong những nhiệm vụ rất quan trọng mà chúng ta cũng có thể góp sức thực hiện là việc "xây dựng những hình tư tưởng cần thiết về các phương diện đúng đắn của giáo huấn".

120. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK cho rằng các đệ tử của Ngài vẫn có đặc ân, bất kể việc giải thể. Ngài vẫn sử dụng họ cho một mục đích đầy thâm nghĩa, và họ phải xem việc được sử dụng như thế là một đặc ân.

121. Còn rất, rất nhiều việc phải làm để thực sự gieo vào tâm thức nhân loại những hình tư tưởng cần thiết về các phương diện đúng đắn của giáo huấn. Có lẽ chúng ta chưa nhận ra rằng quả thực còn rất nhiều việc phải làm đến mức nào.

Tháng 3 năm 1947

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Đến nay, hẳn các bạn đã vượt qua cú sốc do sự chấm dứt liên lạc bên ngoài giữa chúng ta.

122. Bức thư này được viết khoảng chín tháng sau bức thư trước đó vào tháng Sáu năm 1946. Theo một ý nghĩa nào đó, nó cho thấy mối liên hệ bên ngoài vẫn còn tồn tại ở một mức độ nhất định.

123. Chúng ta chỉ có thể hình dung bản chất của "cú sốc" ấy, tiếp theo là cảm giác nặng nề về sự thất bại tinh thần.

Như các bạn có thể đã nhận ra rõ ràng (hay các bạn đã nhận ra chưa?), mối quan hệ bên trong của Tôi với các bạn vẫn là **một vấn đề hoàn toàn riêng tư và cá nhân, chỉ người đệ tử đang khát vọng và chính Tôi biết.** Trong

chu kỳ sống trước mắt này, mối quan hệ ấy phải giữ nguyên như vậy.

124. DK suggests that some of the disciples do realize that He may, indeed, be inwardly contacted. He is also suggesting that some do not.

124. Chân sư DK gợi ý rằng một số đệ tử quả thực nhận ra rằng họ có thể tiếp xúc với Ngài ở bên trong. Ngài cũng gợi ý rằng một số người chưa nhận ra điều đó.

125. Contact with a Master is "an entirely private and individual matter", and so it must remain for the present. Some seek to make their so-called inner contact a public matter, thus calling attention to themselves and, at the same time, indicating to those who are perceptive that their 'inner contact' is not the genuine article but an astral reflection—a very common occurrence.

125. Việc tiếp xúc với một Chân sư là "một vấn đề hoàn toàn riêng tư và cá nhân", và hiện nay điều đó phải được giữ nguyên như vậy. Một số người tìm cách công khai sự tiếp xúc bên trong mà họ tự nhận là có, qua đó thu hút sự chú ý về mình, đồng thời cho những người có khả năng nhận xét tinh tường thấy rằng sự 'tiếp xúc bên trong' của họ không phải là thật mà chỉ là một phản ảnh cảm dục—một hiện tượng rất phổ biến.

126. DK gives an important hint about how inner contact may be achieved. The disciple is certainly in need of aspiration. Aspiration in itself goes far towards creating a line of rapport between the disciple and the Master, but, in itself, it is not sufficient to guarantee contact. We must remember that the plane of mind is considered the plane on which the Masters *can* be found.

126. Chân sư DK đưa ra một gợi ý quan trọng về cách đạt được sự tiếp xúc bên trong. Người đệ tử chắc chắn cần có khát vọng. Tự nó, khát vọng góp phần rất lớn vào việc tạo nên một đường dây giao cảm giữa đệ tử và Chân sư, nhưng chỉ riêng khát vọng thì chưa đủ để bảo đảm sự tiếp xúc. Chúng ta phải nhớ rằng cõi trí được xem là cõi mà chúng ta *có thể* tìm thấy các Chân sư.

"If the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters can be found) then they will have served their purpose." (From Extract From a Statement by the Tibetan)

"Nếu thông tin được cung cấp nâng khát vọng và Ý Chí-Phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà chúng ta có thể tìm thấy các Chân sư), thì những thông tin ấy đã hoàn thành mục đích của chúng." (Trích từ Trích Đoạn Một Tuyên Bố của Chân sư Tây Tạng)

127. There is also a hint that, in the future, the contact achieved may not remain a strictly private and individual matter—perhaps the entirety of the ashramic group may be in some way involved.

127. Cũng có một gợi ý rằng, trong tương lai, sự tiếp xúc đã đạt được có thể không còn là một vấn đề hoàn toàn riêng tư và cá nhân—có lẽ toàn thể nhóm ashram có thể cùng tham gia theo một cách nào đó.

128. We see that Master DK is taking special care to assure His chelas of long standing that they have not been abandoned.

128. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đặc biệt quan tâm đến việc bảo đảm với các đệ tử lâu năm của Ngài rằng họ không bị bỏ rơi.

The strength of your radiance, your potential as a light bearer, and your ability to serve your fellowmen will demonstrate to your co-disciples in my Ashram or on its periphery the fact of that relationship;

Sức mạnh tỏa chiếu của các bạn, tiềm năng mang ánh sáng của các bạn, và khả năng phụng sự đồng loại của các bạn sẽ chứng tỏ với các đệ tử đồng môn trong ashram Tôi hoặc ở ngoại vi của nó sự thật về mối quan hệ ấy;

129. We understand that a disciple himself is not to proclaim the inner relationship. “By their fruits ye shall know them”.

129. Chúng ta hiểu rằng chính người đệ tử không được tuyên bố về mối quan hệ bên trong ấy. “Các bạn sẽ nhận biết họ qua những thành quả của họ”.

130. The evidence of inner contact will be seen by:

130. Bằng chứng về sự tiếp xúc bên trong sẽ thể hiện qua:

a. Strength of radiance

a. Sức mạnh tỏa chiếu

b. Potential as a light-bearer

b. Tiềm năng mang ánh sáng

c. Ability to serve one’s fellowmen

c. Khả năng phụng sự đồng loại

131. This is such an important principle. We are to recognize each other by the life we lead and not by claims we may make. How often this is forgotten. We must assume that those who forget this principle are simply hungry for recognition from their co-disciples.

131. Đây là một nguyên tắc hết sức quan trọng. Chúng ta phải nhận biết nhau qua cách sống, chứ không qua những lời tự nhận mà chúng ta có thể đưa ra. Điều này thường xuyên bị lãng quên biết bao. Chúng ta phải cho rằng những người quên nguyên tắc này chỉ đơn giản là đang khao khát sự công nhận từ các đệ tử đồng môn.

it will prove that you, the personality, the soul, and the Master of the Ashram, are in contact. The supreme Master, the Christ, said when last on Earth: **”By their fruits ye shall know them.” In so saying, He indicated a definite line of guidance for all of us.**

điều đó sẽ chứng tỏ rằng các bạn, phàm ngã, linh hồn và Chân sư của ashram đang tiếp xúc với nhau. Vị Chân sư tối cao, Đức Christ, đã nói trong lần cuối Ngài ở trên Trái Đất: **“Nhờ những quả của họ, các bạn sẽ biết họ.” Khi nói như vậy, Ngài đã chỉ ra một đường hướng chỉ dẫn rõ ràng cho tất cả chúng ta.**

132. What is here said is so utterly clear. DK is warning us away from the trap into which quite a number of well-meaning disciples fall.

132. Điều nói ở đây hoàn toàn rõ ràng. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta tránh xa cái bẫy mà khá nhiều đệ tử có thiện ý rơi vào.

133. We note that manner in which the Christ is referenced: "the supreme Master". This should give us pause for reflection.

133. Chúng ta lưu ý cách Đức Christ được nhắc đến: "Vị Chân sư tối cao". Điều này hẳn khiến chúng ta dừng lại để suy ngẫm.

A Master has to know and gauge the disciple by the work which he does in the furthering of the Plan, and not by the disciple's reaction to his aspiration.

Một Chân sư phải biết và đánh giá đệ tử qua công việc y làm để thúc đẩy Thiên Cơ, chứ không qua phản ứng của đệ tử đối với khát vọng của mình.

134. There is a glamor which affects those who stand relatively progressed upon the Path: the glamor of aspiration.

134. Có một ảo cảm ảnh hưởng đến những người đã tiến tương đối xa trên Đường Đạo: ảo cảm về khát vọng.

135. To desire high things and to yearn for their fulfillment is an important step; to actually take steady and consistent steps towards accomplishment are a further step, and a step for which the Master looks.

135. Mong muốn những điều cao cả và khao khát chúng thành hiện thực là một bước quan trọng; thực sự tiến những bước vững vàng và nhất quán hướng tới thành tựu là một bước xa hơn, và là bước mà Chân sư trông đợi.

The attentive world has also to gauge the existent phase of divine expression in the disciple's daily life. By what else can the onlooker gauge it?

Thế giới đang dõi theo cũng phải đánh giá giai đoạn biểu lộ thiêng liêng hiện có trong đời sống hằng ngày của đệ tử. Người quan sát có thể dựa vào điều gì khác để đánh giá điều đó? Vì vậy,

136. The disciple's life must be an example of "divine expression"—at least relatively so. As disciples are always busy setting an example and are always under scrutiny. There is no way to avoid this.

136. Đời sống của đệ tử phải là một tấm gương về "sự biểu lộ thiêng liêng"—ít nhất ở mức độ tương đối. Với tư cách đệ tử, chúng ta luôn phải nêu gương và luôn chịu sự xem xét kỹ lưỡng. Không có cách nào tránh được điều này.

The disciple is therefore under constant dual investigation;

đệ tử luôn chịu sự xem xét từ hai phía;

137. The dual investigation suggests observation by both the Master and by the attentive world. The perspectives will be different, but observation of the degree of service (though differently assessed) will be common to both.

137. Sự xem xét từ hai phía hàm ý sự quan sát của cả Chân sư lẫn thế giới đang dõi theo. Các góc nhìn sẽ khác nhau, nhưng việc quan sát mức độ phụng sự (dù được đánh giá khác nhau) sẽ là điểm chung của cả hai.

to this test, he must perforce himself add a third: his own position as the Observer. He is thus exposed to criticism and [79] judgment from three angles, and upon this fact I would ask you carefully to ponder.

bên cạnh thử thách này, y buộc phải tự thêm một phía thứ ba: vị thế của chính mình với tư cách Người Quan Sát. Như vậy, y chịu sự phê bình và [79] phán xét từ ba góc độ, và Tôi đề nghị các bạn suy ngẫm cẩn thận về sự kiện này.

138. We are being given very practical information. The disciple will be subject to three angles of observation, not the least of which is "his own position as the Observer".

138. Chúng ta đang được cung cấp thông tin rất thiết thực. Đệ tử sẽ chịu sự quan sát từ ba góc độ, trong đó "vị thế của chính mình với tư cách Người Quan Sát" có tầm quan trọng không hề nhỏ.

139. Master DK speaks openly of criticism, meaning evaluation in the light.

139. Chân sư DK nói thẳng về sự phê bình, với hàm ý là đánh giá trong ánh sáng.

140. If one thinks closely about the triple critique, one's own critique, as the Observer, is probably the most important. Some disciples try to present a good aspect to the on-looking world or, perhaps, even to the Master. But for the sincere disciple, there is no way He can fool himself.

140. Nếu suy xét kỹ về sự phê bình từ ba phía, thì sự phê bình của chính mình, với tư cách Người Quan Sát, có lẽ là quan trọng nhất. Một số đệ tử cố gắng thể hiện một mặt tốt đẹp trước thế giới đang dõi theo hoặc, có lẽ, ngay cả trước Chân sư. Nhưng đối với đệ tử chân thành, không có cách nào y có thể tự lừa dối mình.

A review at night along these three lines would be of value to all disciples, **using the imagination as far as possible as an instrument of spiritual perception;**

Việc ôn lại vào buổi tối theo ba đường hướng này sẽ có giá trị đối với mọi đệ tử, **sử dụng sự tưởng tượng hết mức có thể như một công cụ nhận thức tinh thần;**

141. A most useful evening review is suggested. We might question our usefulness—to the Master, to the "attentive world" and to ourselves as a soul on its own plane.

141. Một cách ôn lại vào buổi tối hết sức hữu ích được gợi ý ở đây. Chúng ta có thể tự hỏi mình hữu ích đến đâu—đối với Chân sư, đối với "thế giới đang dõi theo" và đối với chính

mình với tư cách một linh hồn trên cõi riêng của linh hồn.

142. An important hint is given concerning the use of the imagination. We might call this use of the imagination "spiritual imagination" rather than "creative imagination". Perhaps through the right use of imagination we can actually *see* that which the Master, the public and the soul see. It is worth the effort to attempt this triple review.

142. Một gợi ý quan trọng được đưa ra về việc sử dụng sự tưởng tượng. Chúng ta có thể gọi cách sử dụng sự tưởng tượng này là "sự tưởng tượng tinh thần" thay vì "sự tưởng tượng sáng tạo". Có lẽ qua việc sử dụng sự tưởng tượng đúng đắn, chúng ta thực sự có thể *thấy* điều mà Chân sư, công chúng và linh hồn thấy. Việc cố gắng thực hiện sự duyệt xét tam phân này rất đáng công.

learn to "imagine," as far as you can, how a Master would view your day's endeavour, how your watching environment would have reacted to your life and words, and how you yourself regard the day's accomplishments.

hãy học cách "hình dung", trong khả năng của mình, một Chân sư sẽ nhìn nhận nỗ lực trong ngày của các bạn như thế nào, môi trường xung quanh đang dõi theo các bạn đã phản ứng ra sao với đời sống và lời nói của các bạn, và chính các bạn nhìn nhận những thành tựu trong ngày ra sao.

143. Here the method is clearly stated. The results will be illuminating—and sobering.

143. Ở đây, phương pháp được trình bày rõ ràng. Các kết quả sẽ mang lại sự soi sáng—và khiến chúng ta tỉnh táo nhìn lại.

I would recommend this to all disciples and all of you in training for my Ashram; and what I have here suggested might well be used also by the Arcane School for the senior students.

Tôi đề nghị điều này với mọi đệ tử và tất cả các bạn đang được huấn luyện cho ashram của Tôi; Trường Arcane cũng rất có thể sử dụng điều Tôi vừa gợi ý cho các đạo sinh cao cấp.

144. We note that Master DK speaks of those "in training *for* my Ashram" and not of those "in training *in* my Ashram". Apparently that which is to be gained through this exercise will go a long way towards fitting the disciple for participation in Master DK's Ashram.

144. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói đến những người "đang được huấn luyện *để gia nhập* ashram của Tôi", chứ không phải những người "đang được huấn luyện *trong* ashram của Tôi". Hiển nhiên, những gì đệ tử thu nhận được qua bài tập này sẽ góp phần rất lớn vào việc giúp họ hội đủ điều kiện để tham gia ashram của Chân sư DK.

March 1948

Tháng Ba năm 1948

MY BROTHERS:

Another year has gone by and it is again time for me to extend the teaching already given still a little further.

145. The reassuring word continues. The form of address, however, is not "My Affiliated Brothers".

You are still functioning as a group with closely interrelated links with the Ashram, with me and with each other.

146. The group functioning continues. There are links with the Ashram but no word of standing on the periphery.

The situation is not, however, the same as it was last year, and there are certain differences and distinctions.

147. We understand that there is nothing static about the Spiritual Hierarchy of our Planet. It is known for its adaptivity.

148. We may only imagine the changes which have occurred within Hierarchy during the last fifty or so years. Probably Master DK, when once again He begins to write publicly, will inform us of these changes.

These are due to the **reorganisation which has gone on within the Hierarchy itself, necessitated by the imminent reappearance of the Christ.** This has produced certain basic changes.

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Một năm nữa đã trôi qua và lại đến lúc Tôi mở rộng thêm đôi chút giáo huấn đã ban.

145. Lời trấn an vẫn tiếp tục. Tuy nhiên, cách xưng hô không phải là "Các Huynh Đệ Có Liên Kết Với Tôi".

Các bạn vẫn hoạt động như một nhóm có những mối liên kết chặt chẽ với ashram, với Tôi và với nhau.

146. Nhóm vẫn tiếp tục hoạt động. Có những mối liên kết với ashram, nhưng không có lời nào nói đến việc đứng ở ngoại vi.

Tuy nhiên, tình hình không còn giống năm ngoái, và có những khác biệt cùng những nét phân biệt nhất định.

147. Chúng ta hiểu rằng Thánh đoàn của Hành Tinh chúng ta không có gì là tĩnh tại. Thánh đoàn nổi tiếng về khả năng thích ứng.

148. Chúng ta chỉ có thể hình dung những thay đổi đã diễn ra trong Thánh đoàn suốt khoảng năm mươi năm qua. Có lẽ khi một lần nữa bắt đầu viết cho công chúng, Chân sư DK sẽ cho chúng ta biết về những thay đổi này.

Những điều này là do việc **tái tổ chức đã diễn ra trong chính Thánh đoàn, vốn trở nên cần thiết vì sự tái lâm sắp tới của Đức Christ.** Điều này đã tạo ra những thay đổi căn bản nhất định.

149. The Reappearance places a tremendous pressure not only upon humanity but upon Hierarchy, itself. It is the foremost spiritual event occurring upon our planet, and all spiritual processes are influenced by it.

149. Sự Tái Lâm đặt một áp lực vô cùng lớn lên không chỉ nhân loại mà cả chính Thánh đoàn. Đây là sự kiện tinh thần quan trọng nhất đang diễn ra trên hành tinh chúng ta, và sự kiện này ảnh hưởng đến mọi tiến trình tinh thần.

As you know, I have for years (with the assistance of A.A.B.) been endeavouring to help and aid many disciples who belong to other Ashrams than the second ray Ashram of K.H. or my own.

Như các bạn biết, trong nhiều năm qua, với sự trợ giúp của A.A.B., Tôi đã nỗ lực hỗ trợ nhiều đệ tử thuộc các ashram khác với ashram cung hai của Chân sư KH hoặc ashram của Tôi.

150. This has been evidenced through the fact that first, third, sixth and seventh ray souls have been among the students in Master DK's specialized groups.

150. Bằng chứng cho điều này là trong số các môn sinh thuộc những nhóm chuyên biệt của Chân sư DK có các linh hồn cung một, cung ba, cung sáu và cung bảy.

I have given to them the basic teaching which they would have received from their own Masters and—because my Ashram is a second ray Ashram—**they have had an imperative stimulus given to their love nature, and their sense of universality has been developed**, in order to fit them for the work of the coming cycle.

Tôi đã truyền cho họ giáo huấn căn bản mà lẽ ra họ sẽ nhận từ các Chân sư của mình, và—vì ashram của Tôi là một ashram cung hai—**bản chất bác ái của họ đã nhận được một sự kích thích mạnh mẽ, thôi thúc họ phát triển, đồng thời ý thức về tính phổ quát của họ cũng được phát triển**, nhằm chuẩn bị cho họ đảm nhận công việc của chu kỳ sắp tới.

151. The benefit to be received from Master DK as a hierarchical teacher is listed.

151. Những lợi ích nhận được từ Chân sư DK trong vai trò một huấn sư của Thánh đoàn được liệt kê dưới đây.

a. He has given disciples on loan to His Ashram the preliminaries they would have received from their own Master. All members of an Ashram must be equipped with a basic teaching.

a. Ngài đã truyền cho những đệ tử được biệt phái đến ashram của Ngài những giáo huấn sơ bộ mà lẽ ra họ sẽ nhận từ Chân sư của mình. Mọi thành viên của một ashram đều phải được trang bị giáo huấn căn bản.

b. Because He is a second ray Master, He has stimulated their love nature and sense of universality. This is of great benefit considering the group-consciousness to be cultivated in the coming cycle. The sense of

b. Vì là một Chân sư cung hai, Ngài đã kích thích bản chất bác ái và ý thức về tính phổ quát của họ. Điều này mang lại lợi ích lớn lao khi xét đến tâm thức nhóm cần được vun bồi trong chu kỳ sắp tới. Tình thương và ý thức

love and universality are great gifts from the second ray.

về tính phổ quát là những tặng phẩm lớn lao của cung hai.

In the cycle now so near at hand, the Lord of Love will seek to organise the new era along the new or Aquarian lines.

Trong chu kỳ hiện đã rất gần kề, Chúa Tể Bác Ái sẽ tìm cách tổ chức kỷ nguyên mới theo những đường hướng mới,

152. The Aquarian Age has not yet begun, but the training for the imminent cycle *has* begun. As of 2006, we still have about 111 years before Aquarian Age actually begins.

152. Kỷ Nguyên Bảo Bình vẫn chưa bắt đầu, nhưng việc huấn luyện để chuẩn bị cho chu kỳ sắp tới *đã* bắt đầu. Tính từ năm 2006, chúng ta vẫn còn khoảng 111 năm nữa trước khi Kỷ Nguyên Bảo Bình thực sự bắt đầu.

In the series of papers on the externalisation of the Ashrams or of the Hierarchy,* we are in reality considering the goal or supreme expression of [80] the teaching given to many disciples anent that great event—teaching intended to evoke their intelligent cooperation.

tức đường hướng Bảo Bình. Trong loạt bài về sự ngoại hiện của các ashram hay của Thánh đoàn, [vi]* thực ra chúng ta đang xem xét mục tiêu hay biểu hiện cao nhất của [80] giáo huấn đã truyền cho nhiều đệ tử về sự kiện vĩ đại ấy—giáo huấn nhằm khơi dậy sự hợp tác sáng suốt của họ.

153. All the occult teaching thus far given is meant to facilitate the "goal or supreme expression" here mentioned. All teaching is to be used to facilitate a practical spiritual result.

153. Toàn bộ giáo huấn huyền bí đã được truyền dạy cho đến nay đều nhằm tạo thuận lợi cho việc đạt đến "mục tiêu hay biểu hiện cao nhất" được đề cập ở đây. Mọi giáo huấn đều phải được vận dụng để giúp đạt được một kết quả tinh thần thiết thực.

154. The "great event" will be the Externalization of the Hierarchy and the Reappearance of the Christ.

154. "Sự kiện vĩ đại" sẽ là Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn và Sự Tái Lâm của Đức Christ.

In your preceding series of instructions I dealt specifically with the**Return of the Christ**, and that message was sent out on a large scale to the general public.

Trong loạt huấn thị trước dành cho các bạn, Tôi đã đề cập cụ thể đến **Sự Trở Lại của Đức Christ**, và thông điệp ấy đã được phổ biến rộng rãi đến công chúng.

155. We note that the phrase, the "Return of the Christ" is used as well as the more frequently seen phrase, the "Reappearance of the Christ". Perhaps the word "return", though in some ways partially inaccurate,

155. Chúng ta lưu ý rằng cụm từ "Sự Trở Lại của Đức Christ" cũng được sử dụng bên cạnh cụm từ thường gặp hơn là "Sự Tái Lâm của Đức Christ". Có lẽ từ "trở lại", dù phần nào chưa chính xác xét trên một vài phương

may have appeal to some for whom the word "reappearance" is too complicated to grasp.

diện, vẫn có thể thu hút một số người cảm thấy từ "tái lâm" quá phức tạp để hiểu.

Since then I have written two other papers, entitled: The Work of the Christ and The Teaching of the Christ. These have been added to the original instruction anent Christ's reappearance, so as to reach a larger public than just this handful of disciples. These instructions are now available to all of you in book form, entitled The Reappearance of the Christ.

Từ đó đến nay, Tôi đã viết thêm hai bài, mang tên: Công Việc của Đức Christ và Giáo Huấn của Đức Christ. Hai bài này đã được bổ sung vào huấn thị ban đầu về sự tái lâm của Đức Christ, nhằm tiếp cận một công chúng rộng lớn hơn, vượt ra ngoài nhóm đệ tử ít ỏi này. Hiện nay, tất cả các bạn đều có thể đọc những huấn thị ấy dưới dạng sách, mang tên Sự Tái Lâm của Đức Christ.

156. The most important information to be conveyed to the general public is a sane and reasonable presentation of the subject of Christ's Reappearance, and His return to widely visible outer physical plane expression.

156. Thông tin quan trọng nhất cần truyền đạt đến công chúng là một cách trình bày tỉnh táo và hợp lý về chủ đề Sự Tái Lâm của Đức Christ, và việc Ngài trở lại biểu hiện ra bên ngoài trên cõi hồng trần để đông đảo mọi người có thể nhìn thấy.

The point which I am seeking to make is that this book is primarily your contribution to the effort which the Hierarchy is making to reach and arouse men everywhere to the imminence and the inevitability of Christ's emergence;

Điều Tôi muốn làm rõ là cuốn sách này trước hết chính là sự đóng góp của các bạn vào nỗ lực mà Thánh đoàn đang thực hiện để tiếp cận và thức tỉnh con người ở khắp nơi trước sự xuất hiện đã gần kề và tất yếu của Đức Christ;

157. Here the term "emergence" is added to "return" and "reappearance".

157. Ở đây, thuật ngữ "xuất hiện" được thêm vào bên cạnh "trở lại" và "tái lâm".

158. We note that the His emergence is both imminent and inevitable. The date must not be too far into the future.

158. Chúng ta lưu ý rằng sự xuất hiện của Ngài vừa sắp xảy ra vừa tất yếu. Thời điểm ấy hẳn không còn quá xa trong tương lai.

159. Perhaps because the Christ is the World Savior for *both* the Piscean and Aquarian Age, it will be necessary for Him to reappear during the approximately one hundred year transition period which yet remains before the technical beginning of the Age of Aquarius.

159. Có lẽ vì Đức Christ là Đấng Cứu Thế cho *cả hai* Kỷ Nguyên Song Ngư và Bảo Bình, nên Ngài cần tái lâm trong giai đoạn chuyển tiếp khoảng một trăm năm vẫn còn lại trước khi Kỷ Nguyên Bảo Bình chính thức bắt đầu theo cách xác định chuyên môn.

it is in the nature of a seal set upon your faithfulness and steadfast faith over the years in which we have worked together.

cuốn sách mang ý nghĩa như một dấu ấn xác nhận lòng trung thành và đức tin kiên định của các bạn trong những năm chúng ta cùng làm việc.

160. The remaining disciples are being urged to put their energy into the dissemination of the book *The Reappearance of the Christ.* As well, an intelligent and appealing explanation and interpretation of the contents of this book would be required. It is still required, imperatively, today.

160. Các đệ tử còn lại đang được thúc giục dồn năng lượng vào việc phổ biến cuốn sách *Sự Tái Lâm của Đức Christ.* Đồng thời, cũng cần giải thích và diễn giải nội dung cuốn sách này một cách sáng suốt và có sức thu hút. Ngày nay, điều đó vẫn là một yêu cầu cấp thiết.

More important still, **you have (as a group) provided the pool of thought that could be stirred into activity**, and thus **make possible the giving out of this terrific proclamation**—for that is what it is. Thus you have served and helped at this critical time—critical not only among men and in connection with world affairs but critical also in the Hierarchy itself.

Điều còn quan trọng hơn nữa là, **với tư cách một nhóm, các bạn đã tạo nên một nguồn tư tưởng có thể được khơi dậy để hoạt động**, nhờ đó **tạo điều kiện cho lời công bố có sức chấn động này được truyền ra**—vì quả thực đó chính là một lời công bố như thế. Như vậy, các bạn đã phụng sự và trợ giúp vào thời điểm hệ trọng này—hệ trọng không chỉ giữa nhân loại và trong các vấn đề thế giới, mà còn ngay trong chính Thánh đoàn.

161. DK is pointing out the manner in which His group of chelas has served the great and coming planetary event—the Externalization and the Reappearance.

161. Chân sư DK đang chỉ ra cách nhóm đệ tử của Ngài đã phụng sự sự kiện hành tinh trọng đại sắp tới—Sự Hiển Lộ và Sự Tái Lâm.

162. DK speaks of "this terrific proclamation", informing His disciples that their work, as a group, over the years, has made its giving out a possibility.

162. Chân sư DK nói về "lời công bố có sức chấn động này", cho các đệ tử của Ngài biết rằng công việc của họ với tư cách một nhóm trong suốt những năm qua đã tạo điều kiện để truyền ra lời công bố ấy.

163. Perhaps the nature of this service was somewhat unrealized by them.

163. Có lẽ họ phần nào chưa nhận ra bản chất của sự phụng sự này.

164. The disciples, despite their evident group failure, are now notified of a great

164. Mặc dù nhóm đệ tử đã thất bại rõ rệt, giờ đây họ được cho biết về một thành công

group success—their contribution to the great planetary event.

165. We are also informed that not only has the time been critical for humanity but for Hierarchy as well. Indeed, the DINA disciples lived through times of extraordinary importance and pressure. Those times, however, are far from over. If anything, the point of tension is on the increase.

In your thinking, reflection and activities carried on henceforth, **this major, presented hierarchical intention must constitute the very groundwork of your life pattern.** As members of an Ashram, you are part and parcel of the present crisis within the Hierarchy, and you cannot avoid it.

166. DK is calling for a re-alignment on the part of His remaining DINA disciples. They are to "have no other life intention" than the carrying forward of the "presented hierarchical intention". It is to be the basis or "very groundwork of [their] life pattern". It is to be absolutely fundamental to their life in the three worlds.

167. The Master is asking them for an even deeper participation in that process which the Hierarchy, too, considers a great crisis; He is asking this of them because they are members of the Ashram.

168. Thus, we see a new surge of inspiration directed towards them. It is never too late to cooperate more fully with the Inspirers.

lớn của nhóm—sự đóng góp của họ vào sự kiện hành tinh trọng đại ấy.

165. Chúng ta cũng được cho biết rằng thời điểm ấy không chỉ hệ trọng đối với nhân loại mà còn đối với cả Thánh đoàn. Quả thực, các đệ tử DINA đã sống qua những thời kỳ có tầm quan trọng và áp lực phi thường. Tuy nhiên, những thời kỳ ấy vẫn còn lâu mới kết thúc. Nếu có thay đổi gì, thì điểm tập trung nhất tâm đang ngày càng gia tăng.

Từ nay trở đi, trong tư duy, suy ngẫm và các hoạt động của các bạn, **ý định trọng đại này của Thánh đoàn, như đã được trình bày, phải trở thành nền tảng căn bản cho mô hình đời sống của các bạn.** Là thành viên của một ashram, các bạn là một bộ phận không thể tách rời của cuộc khủng hoảng hiện nay trong Thánh đoàn, và các bạn không thể tránh né nó.

166. Chân sư DK đang kêu gọi các đệ tử DINA còn lại của Ngài tái chỉnh hợp. Họ phải "không có ý định nào khác trong đời sống" ngoài việc thúc đẩy thực hiện "ý định của Thánh đoàn như đã được trình bày". Ý định ấy phải là cơ sở hay "nền tảng căn bản cho mô hình đời sống [của họ]". Ý định ấy phải là nền tảng tuyệt đối cho đời sống của họ trong ba cõi giới.

167. Chân sư đang yêu cầu họ tham gia sâu hơn nữa vào tiến trình mà chính Thánh đoàn cũng xem là một cuộc khủng hoảng lớn; Ngài yêu cầu họ như vậy vì họ là thành viên của ashram.

168. Như vậy, chúng ta thấy một làn sóng cảm hứng mới hướng đến họ. Không bao giờ là quá muộn để hợp tác trọn vẹn hơn với các Đấng Truyền Cảm Hứng.

One of the effects of the reorientation is that **four or five of you will be working more actively**, and eventually more consciously, in the Ashram of your own Master and less actively in mine;

Một trong những tác động của sự tái định hướng là **bốn hoặc năm người trong các bạn sẽ hoạt động tích cực hơn**, và cuối cùng có ý thức hơn, trong ashram của Chân sư mình, đồng thời ít hoạt động hơn trong ashram của Tôi; tuy nhiên,

169. We must remember that the Ashram of Master KH is deeply responsible for promoting preparation for the Reappearance of the Christ.

169. Chúng ta phải nhớ rằng ashram của Chân sư KH có trách nhiệm sâu sắc trong việc thúc đẩy công tác chuẩn bị cho sự Tái Lâm của Đức Christ.

170. The remaining disciples 'belonged' either to Master KH or Master M, rather than distinctly to Master DK Who had them under training.

170. Các đệ tử còn lại 'thuộc về' Chân sư KH hoặc Chân sư M, chứ không thuộc riêng về Chân sư DK, Đấng đang huấn luyện họ.

171. I am remembering DK questioning RSU, asking her whether she realized that she was again working in the Ashram of her own Master, Master KH. The connection between that question and the statement given by DK above is now clearer.

171. Tôi nhớ lại việc Chân sư DK hỏi RSU rằng liệu bà có nhận ra mình lại đang làm việc trong ashram của chính Chân sư của mình, Chân sư KH, hay không. Giờ đây, mối liên hệ giữa câu hỏi ấy và phát biểu của Chân sư DK ở trên đã rõ ràng hơn.

you must remember, however, that the link is by no means severed.

các bạn phải nhớ rằng mối liên kết hoàn toàn không bị cắt đứt.

172. The sense of separation as human beings experience it does not exist within Hierarchy. It is imperative that disciples overcome in their thinking process the tendency to be separative.

172. Cảm giác chia cách như con người trải nghiệm không tồn tại trong Thánh đoàn. Điều thiết yếu là các đệ tử phải khắc phục khuynh hướng chia rẽ trong tiến trình tư duy của mình.

Another effect is that **several disciples from other Ashrams will be working in my group**, and one of the Master K.H.'s disciples is now to function as senior disciple in my Ashram, because A.A.B. is no longer available in that capacity as she has been since 1932; **she resumed her own activities in the Ashram of the Master K.H. over three** [81] **years ago.** The completion of my

Một tác động khác là **một số đệ tử từ các ashram khác sẽ làm việc trong nhóm của Tôi**, và hiện nay một đệ tử của Chân sư KH sẽ đảm nhiệm vai trò đệ tử cao niên trong ashram của Tôi, vì A.A.B. không còn có thể đảm nhiệm vai trò ấy như bà đã làm từ năm 1932; **bà đã trở lại với những hoạt động riêng của mình trong ashram của Chân sư KH cách đây hơn ba** [81] **năm.** Việc hoàn tất

books is practically all that she is now doing for me.

173. It would seem that sometime in 1945, AAB resumed her own activities in the Ashram of Master KH.

174. Which of KH's disciples was to function as the senior disciple in the Ashram of Master DK is not given, nor is it stated that such functioning might be temporary or experimental.

175. We can see that AAB functioned for twenty-three years as the senior disciple in Master DK's Ashram.

176. We can realize that, though AAB was again in the Ashram of Master KH, the completion of the books for Master DK was no small matter.

177. It is also interesting to realize that disciples from other Ashrams would be more actively working in Master DK's group. Presumably this statement hints at the variety of ray types newly to be found in DK's Ashram.

This reorientation and this "outward movement" of the Hierarchy requires the assuming of a certain attitude on the part of all of us, and the development of certain mental habits, which I will proceed to discuss with you as part of the usual first theme in all these instructions, that of meditation.

178. The emphasis is upon the "outward movement" of the Hierarchy. We are to learn the necessary "attitude" and of "certain

các cuốn sách của Tôi gần như là tất cả những gì bà hiện đang làm cho Tôi.

173. Dường như vào một thời điểm nào đó trong năm 1945, AAB đã trở lại với những hoạt động riêng của mình trong ashram của Chân sư KH.

174. Không có thông tin cho biết đệ tử nào của Chân sư KH sẽ đảm nhiệm vai trò đệ tử cao niên trong ashram của Chân sư DK, cũng không có lời nào nói rằng việc đảm nhiệm vai trò ấy có thể chỉ mang tính tạm thời hoặc thử nghiệm.

175. Chúng ta có thể thấy rằng AAB đã đảm nhiệm vai trò đệ tử cao niên trong ashram của Chân sư DK suốt hai mươi ba năm.

176. Chúng ta có thể nhận ra rằng, dù AAB đã trở lại ashram của Chân sư KH, việc hoàn tất các cuốn sách cho Chân sư DK vẫn là một việc không hề nhỏ.

177. Cũng thật thú vị khi nhận ra rằng các đệ tử từ những ashram khác sẽ làm việc tích cực hơn trong nhóm của Chân sư DK. Có lẽ phát biểu này hàm ý về sự đa dạng của các loại cung sẽ mới xuất hiện trong ashram của Chân sư DK.

Sự tái định hướng và sự "chuyển động ra bên ngoài" này của Thánh đoàn đòi hỏi tất cả chúng ta phải có một thái độ nhất định và phát triển một số thói quen trí tuệ; Tôi sẽ tiếp tục bàn với các bạn về những điều ấy như một phần của chủ đề đầu tiên thường có trong tất cả những huấn thị này, tức chủ đề tham thiền.

178. Trọng tâm nhấn mạnh là "chuyển động ra bên ngoài" của Thánh đoàn. Chúng ta cần học cách có "thái độ" cần thiết và "một số

mental habits" which will make it possible for us to cooperate more fully with the Externalization.

thói quen trí tuệ" để có thể hợp tác trọn vẹn hơn với Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn.

179. We are left with the definite statement that "meditation" is the first theme in all these instructions. We gather that a correct meditative approach to all these vital matters is indispensable.

179. Chúng ta có được lời khẳng định dứt khoát rằng "tham thiền" là chủ đề đầu tiên trong tất cả những huấn thị này. Chúng ta hiểu rằng một cách tiếp cận đúng đắn qua tham thiền đối với tất cả những vấn đề thiết yếu này là điều không thể thiếu.

Commentary 33

[82-89]

MY BROTHERS:

This new year of 1949 is a peculiarly momentous one from the angle of spiritual values.

1. In 1942, the seven year cycle of the New Group of World Servers coincided with the nine year cycle of Hierarchy. As the three year cycles of the NGWS are contained within the nine, 1942 was also the beginning of one such cycle.

2. Thus, we find that 1949 was a year in which the Festival Week of the New Group of World Servers would be celebrated—albeit in December, and this letter was written in January.

3. We note that AAB died during the month of December, 1949, though in the sign Sagittarius and not Capricorn.

Last year was one of decision—as public affairs have demonstrated—decisions which were not always sound and which infringed the principle of right human relations.

4. It may be that Master DK is referring to the creation of the State of Israel, which had its birth on May 15, 1948. It is clear from the writings of DK that, despite His great understanding for and valuing of the Jewish People, He saw the assimilation of the Jew into the substance of humanity as a far

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Xét từ góc độ các giá trị tinh thần, năm mới 1949 này là một năm đặc biệt trọng đại.

1. Năm 1942, chu kỳ bảy năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian trùng với chu kỳ chín năm của Thánh đoàn. Vì các chu kỳ ba năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian nằm trong chu kỳ chín năm ấy, năm 1942 cũng là khởi đầu của một chu kỳ ba năm như thế.

2. Như vậy, chúng ta thấy rằng 1949 là năm sẽ diễn ra Tuần Lễ Hội của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian—dù vào tháng Mười Hai, còn bức thư này được viết vào tháng Một.

3. Chúng ta lưu ý rằng Bà AAB qua đời vào tháng Mười Hai năm 1949, tuy trong dấu hiệu Nhân Mã chứ không phải Ma Kết.

Năm vừa qua là một năm quyết định—như những diễn biến trong các vấn đề công cộng đã cho thấy—những quyết định không phải lúc nào cũng đúng đắn và đã vi phạm nguyên khí về các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người.

4. Có thể Chân sư DK đang đề cập đến việc thành lập Nhà nước Israel, ra đời ngày 15 tháng Năm năm 1948. Qua các tác phẩm của Chân sư DK, có thể thấy rõ rằng, dù Ngài rất thấu hiểu và quý trọng dân tộc Do Thái, Ngài vẫn xem việc người Do Thái hòa nhập vào chất liệu của nhân loại là một giải pháp tốt

better solution than the creation of a separate Jewish state.

hơn nhiều so với việc thành lập một nhà nước Do Thái riêng biệt.

5. Other decisions within the newly formed United Nations may also have been the target of the Tibetan's critique.

5. Những quyết định khác trong Liên Hợp Quốc vừa mới thành lập cũng có thể là đối tượng phê bình của Chân sư Tây Tạng.

"The United Nations has already made a major mistake by their original admittance of Russia—a totalitarian power, as was Germany—to their councils." (R&I 636)

"Liên Hợp Quốc đã phạm một sai lầm lớn ngay từ đầu khi chấp nhận Nga—một cường quốc toàn trị, cũng như Đức trước đó—vào các hội đồng của mình." (R&I 636)

6. In the three year cycles of the NGWS, 1948 was a year of Crisis and also, by another terminological method, of Consolidation. 1949 would be a year of Tension and of Expansion.

6. Trong các chu kỳ ba năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, 1948 là năm Khủng Hoảng và cũng là năm Củng Cố, theo một cách dùng thuật ngữ khác. Năm 1949 sẽ là năm Tập Trung Nhất Tâm và Mở Rộng.

It was a year of decision for the Hierarchy as well as for many world leaders, both secular and spiritual.

Đó là một năm quyết định đối với Thánh đoàn cũng như đối với nhiều nhà lãnh đạo thế giới, cả thế tục lẫn tinh thần.

7. Interestingly, 1952 would be the year of the Great Decision, just as was 1903 and 2001.

7. Điều thú vị là năm 1952 sẽ là năm của Quyết Định Vĩ Đại, cũng như các năm 1903 và 2001.

8. During that immediate post-war period, humanity was determining its fate for many years to come. The Tibetan confirmed the analysis of one astute disciple—that as a result of various decisions, the "door where evil dwells" was left ajar.

8. Trong giai đoạn ngay sau chiến tranh ấy, nhân loại đang định đoạt số phận của mình trong nhiều năm sắp tới. Chân sư Tây Tạng đã xác nhận phân tích của một đệ tử sắc sảo—rằng do nhiều quyết định khác nhau, "cửa vào nẻo ác" vẫn còn hé mở.

The disciples of the world were under great and peculiar strain, many of them working off and handling severe personal karma,

Các đệ tử trên thế giới đã chịu sức ép lớn lao và khác thường; nhiều người đang thanh toán và xử lý nghiệp quả cá nhân nặng nề,

9. This is most interesting. It is as if there was so much concentration upon planetary karma during the war that confrontation with much personal karma was reserved for the post-war years.

9. Điều này hết sức thú vị. Dường như trong chiến tranh, người ta đã tập trung quá nhiều vào nghiệp quả hành tinh đến mức việc đối diện với phần lớn nghiệp quả cá nhân được dành lại cho những năm hậu chiến.

and some of them descending into the **very depths of realisation—depths where world iniquity and world sorrow confronted them and world issues were made very clear to them.**

10. Indeed, much sorrow and iniquity remained after the war. The Second World War was a great "broom", but it did not clean all; the paroxysms continued—in India and China to name but two areas of grave social unrest.

11. The descent to the "depths of realisation" here referenced can be understood as a "dark night of the soul".

It was therefore a year of peculiar testing and trial, and the more advanced the disciple the greater has been his problem, involving as it has done both personal and world problems. The load upon them has been heavy.

12. No doubt other cycles were involved in making 1948 so arduous. For much of that year Pluto and Saturn (two first ray planets) were conjoined in the first ray sign Leo, but this was also the case in 1947, and therefore cannot account for the entirety of the difficulty.

To this condition the members of the New Seed Group and those affiliated with them and with my Ashram have been no exception. This new year holds in it great potentialities for expansion and growth and for the progress of all movements, particularly those oriented to the work of the spiritual Hierarchy of our planet.

và một số người đã đi xuống **tận những chiều sâu của sự nhận biết—những chiều sâu nơi họ đối diện với sự bất chính và nỗi đau khổ của thế giới, và các vấn đề thế giới trở nên hết sức rõ ràng đối với họ.**

10. Quả thật, nhiều đau khổ và bất công vẫn còn lại sau chiến tranh. Chiến tranh Thế giới thứ Hai là một "cây chổi" lớn, nhưng nó không quét sạch tất cả; những cơn biến động dữ dội vẫn tiếp diễn—ở Ấn Độ và Trung Quốc, chỉ kể hai khu vực có tình trạng bất ổn xã hội nghiêm trọng.

11. Việc đi xuống "những chiều sâu của sự chứng nghiệm" được nhắc đến ở đây có thể hiểu là một "đêm tối của linh hồn".

Vì vậy, đó là một năm thử thách và khảo nghiệm đặc biệt, và đệ tử càng tiến bộ thì vấn đề của y càng lớn, vì nó bao hàm cả những vấn đề cá nhân lẫn những vấn đề thế giới. Gánh nặng đặt lên họ đã rất lớn.

12. Chắc chắn còn có những chu kỳ khác góp phần khiến năm 1948 trở nên gian nan đến vậy. Trong phần lớn năm ấy, Sao Diêm Vương và Sao Thổ (hai hành tinh cung một) đồng vị trong dấu hiệu Sư Tử thuộc cung một, nhưng tình trạng này cũng đã diễn ra vào năm 1947, nên không thể giải thích toàn bộ khó khăn.

Các thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới cùng những người liên kết với họ và với ashram của Tôi cũng không nằm ngoài tình trạng này. Năm mới này chứa đựng những tiềm năng lớn lao cho sự mở rộng, tăng trưởng và tiến bộ của mọi phong trào, đặc biệt là những phong trào hướng đến công việc của Thánh đoàn hành tinh chúng ta.

13. We note how DK emphasizes the keynote of "expansion and growth" which correlates perfectly with the three year cycle of the NGWS beginning in 1948.

13. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK nhấn mạnh chủ âm "mở rộng và tăng trưởng", điều hoàn toàn tương ứng với chu kỳ ba năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian bắt đầu vào năm 1948.

The inflowing force is beneficently potent and the destructive forces which have prevailed during the last few years are not so dynamic.

Mãnh lực đang tuôn vào có sức mạnh mang lại lợi ích, còn những mãnh lực hủy diệt từng chiếm ưu thế trong vài năm qua đã bớt mãnh liệt.

14. We see that even though the war ended in 1945, the destructive forces continued potent and prevailed. The following sentences may relate the destructive forces to the planet Mar and the sign Scorpio. Perhaps these influences began at last to wane from the physical plane as well as the astral:

14. Chúng ta thấy rằng mặc dù chiến tranh đã kết thúc vào năm 1945, các mãnh lực hủy diệt vẫn tiếp tục mạnh mẽ và chiếm ưu thế. Những câu sau đây có thể liên hệ các mãnh lực hủy diệt với Sao Hỏa và dấu hiệu Hổ Cáp. Có lẽ cuối cùng những ảnh hưởng này đã bắt đầu suy giảm trên cõi hồng trần cũng như trên cõi cảm dục:

These subtler senses will supersede the physical senses over which Mars has so long had a successful control, and hence again the growth in the world today of the psychic senses and the appearance on every hand of the subtler and more esoteric powers of clair-voyance and clair-audience. This development is inevitable as the influence of Scorpio and of Mars begins to lessen, as is the case today. The year 1945 saw this influence almost completely vanish, particularly from the astral plane. Astrologers would do well to remember that the influence of the constellations, signs and planets, work out upon three levels of awareness—three descending levels—and are felt first of all upon the mental plane, then upon the astral plane and finally upon the physical plane. (EA 216)

Những giác quan tinh tế hơn này sẽ thay thế các giác quan thể xác mà Sao Hỏa đã kiểm soát hữu hiệu từ rất lâu; do đó, một lần nữa, chúng ta thấy các giác quan thông linh đang phát triển trong thế giới ngày nay và các quyền năng thông nhãn, thông nhĩ tinh tế hơn, mang tính nội môn hơn đang xuất hiện khắp nơi. Sự phát triển này là tất yếu khi ảnh hưởng của Hổ Cáp và Sao Hỏa bắt đầu giảm bớt, như tình hình hiện nay. Vào năm 1945, ảnh hưởng này đã gần như hoàn toàn biến mất, đặc biệt trên cõi cảm dục. Các nhà chiêm tinh nên ghi nhớ rằng ảnh hưởng của các chòm sao, các dấu hiệu và các hành tinh thể hiện trên ba cấp độ nhận biết—ba cấp độ theo chiều đi xuống—và trước hết có thể cảm nhận trên cõi trí, sau đó trên cõi cảm dục và cuối cùng trên cõi hồng trần. (EA 216)

This should be a year of moving forward and of expansion (implemented and directed by the Hierarchy).

Đây phải là một năm tiến lên và mở rộng, dưới sự thực hiện và chỉ đạo của Thánh đoàn.

15. Hierarchy works ever with cycles and, accordingly, can foresee potentials.

The spiritual vortex of force which is moving nearer to manifestation will [82] make possible certain moves and will clear away some (though not all) of those forces which have held back the proposed expansion and which have limited the work that disciples all over the world have sought to do. Every disciple has been tested;**unsuspected weaknesses have emerged** and characteristics which should be straightened out have come to the surface; a few—a very few—have fallen by the way, but a large majority have passed the test.

16. This is an optimistic assessment.

17. Within DK's group and among the remaining disciples, the testing was evident. See for instance, the later instructions of RSU. Those few who remained after the 1946 closure of the New Seed Group had passed many tests.

18. It is quite important to realize that we all have "unsuspected weaknesses" of which the Master is well aware.

Weaknesses of motivation, of purpose, of technique and of personality faults have been exposed and recognised by truly earnest disciples; this has been necessary, for the incoming energies will render excessive the weaknesses (if they are recognised for what they are) and will enhance the contribution to world service of those disciples who can stand the strain and face themselves with truth and sincerity.

15. Thánh đoàn luôn làm việc với các chu kỳ và do đó có thể thấy trước những tiềm năng.

Xoáy mãnh lực tinh thần đang tiến gần hơn đến sự biểu hiện sẽ [82] tạo điều kiện cho một số bước tiến và quét sạch một phần, dù không phải tất cả, những mãnh lực đã kìm hãm sự mở rộng dự kiến và hạn chế công việc mà các đệ tử trên khắp thế giới đã cố gắng thực hiện. Mọi đệ tử đều đã trải qua thử thách; **những nhược điểm không ngờ tới đã bộc lộ**, và những đặc điểm cần chấn chỉnh đã nổi lên; một số ít—rất ít—đã bỏ cuộc giữa đường, nhưng đại đa số đã vượt qua thử thách.

16. Đây là một sự đánh giá lạc quan.

17. Trong nhóm của Chân sư DK và trong số các đệ tử còn lại, sự thử thách thể hiện rõ rệt. Chẳng hạn, hãy xem những huấn thị về sau dành cho RSU. Số ít người còn lại sau khi Nhóm Hạt Giống Mới chấm dứt hoạt động vào năm 1946 đã vượt qua nhiều thử thách.

18. Điều khá quan trọng là nhận ra rằng tất cả chúng ta đều có "những nhược điểm không ngờ tới" mà Chân sư biết rất rõ.

Những đệ tử thực sự thành tâm đã nhận ra những nhược điểm về động cơ, mục đích, kỹ thuật và những khuyết điểm của phàm ngã khi chúng bộc lộ; điều này là cần thiết, vì những năng lượng đang đi vào sẽ làm các nhược điểm trở nên quá mức, nếu chúng được nhận diện đúng bản chất, đồng thời sẽ nâng cao sự đóng góp vào công cuộc phụng sự thế gian của những đệ tử có thể chịu đựng sức ép và đối diện với chính mình một cách chân thực, thành khẩn.

19. Let us tabulate that which has been exposed by the incoming energies:

19. Chúng ta hãy lập bảng liệt kê những gì các năng lượng đang đi vào đã phơi bày:

1. Weaknesses of motivation

1. Những điểm yếu về động cơ

2. Weaknesses of purpose

2. Những điểm yếu về mục đích

3. Weaknesses of technique

3. Những điểm yếu về kỹ thuật

4. Weaknesses based on personality faults

4. Những điểm yếu bắt nguồn từ các khuyết điểm của phàm ngã

20. It is clear that weaknesses may emerge and yet *not* be recognized for what they are.

20. Rõ ràng, những điểm yếu có thể bộc lộ mà chúng ta vẫn *không* nhận ra đúng bản chất của chúng.

21. We are told what we must do under the impact of demanding energies: we must

21. Chúng ta được cho biết phải làm gì dưới tác động của những năng lượng đặt ra các đòi hỏi khắt khe: chúng ta phải

1. Stand the strain

1. Chịu đựng sức căng

2. Face ourselves with truth and sincerity

2. Đối diện với chính mình một cách trung thực và chân thành

22. This is always a most difficult task—humbling, even humiliating, and utterly necessary. This facing is one of the necessary psychological mortifications on the Path of Renunciation.

22. Đây luôn là một nhiệm vụ hết sức khó khăn—khiến chúng ta phải khiêm hạ, thậm chí cảm thấy tủi hổ, và hoàn toàn cần thiết. Việc đối diện này là một trong những sự khổ luyện tâm lý cần thiết trên Con Đường Từ Bỏ.

The call is going out from every Ashram to all workers to close their ranks and to stand together in the closest comradeship of loyalty and understanding;

Từ mọi ashram, lời kêu gọi đang truyền đến tất cả những người hoạt động, thúc giục họ củng cố hàng ngũ và sát cánh bên nhau trong tình đồng môn gắn bó nhất, với lòng trung thành và sự thấu hiểu;

23. In these times when criticism between individuals and groups is so rampant, the Tibetan's advice is immediately applicable.

23. Trong thời buổi sự chỉ trích giữa các cá nhân và các nhóm lan tràn đến thế, lời

khuyên của Chân sư Tây Tạng có thể áp dụng ngay.

the challenge is for them to subject themselves (and by that I mean their personalities) to a drastically applied self-discipline, to a purifying process, and to effect those reforms within their own natures which will make them more effective instruments in service.

thách thức đặt ra là họ phải tự đặt mình—và ở đây Tôi muốn nói đến phàm ngã của họ—dưới một kỷ luật tự giác được áp dụng nghiêm ngặt, trải qua một tiến trình thanh lọc, và thực hiện những cải cách trong chính bản chất mình để trở thành những công cụ phụng sự hữu hiệu hơn.

24. The call is *still* of imperative importance.

24. Lời kêu gọi ấy *vẫn* có tầm quan trọng cấp thiết.

25. We note that DK is careful to discriminate between the *Self* and the personality.

25. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK cẩn thận phân biệt giữa *Chân ngã* và phàm ngã.

26. DK is speaking to His disciples even though they have been deep students of the Teaching. Nevertheless, they need a drastically applied self-discipline, a purifying process and a number of reforms within their nature. Shall we take the hint?

26. Chân sư DK đang nói với các đệ tử của Ngài, dù họ đã là những người nghiên cứu sâu Giáo Huấn. Tuy nhiên, họ vẫn cần một kỷ luật tự giác được áp dụng nghiêm ngặt, một tiến trình thanh lọc và một số cải cách trong bản chất mình. Liệu chúng ta có tiếp nhận lời gợi ý này không?

I am impressing the minds of those members of my Ashram of whom you have never heard with these same ideas in connection with the work that they may be doing for the Hierarchy.

Tôi đang ghi sâu những ý tưởng tương tự vào thể trí của các thành viên trong ashram của Tôi mà các bạn chưa từng nghe đến, liên quan đến công việc họ có thể đang thực hiện cho Thánh đoàn.

27. We see that Master DK is moving forward in a powerful and assertive manner —impressing the minds of all members of His Ashram. One can feel Him using the *expansive* energy of the second phase of the three year cycle.

27. Chúng ta thấy Chân sư DK đang tiến bước một cách mạnh mẽ và quyết đoán—ghi sâu các ý tưởng vào thể trí của tất cả thành viên trong ashram của Ngài. Có thể cảm nhận Ngài đang sử dụng năng lượng *mở rộng* của giai đoạn thứ hai trong chu kỳ ba năm.

It was the **knowledge of this coming inflow and opportunity for increased usefulness** which prompted A.A.B. to put through the reorganisation of the Arcane School, **to close**

Chính **sự hiểu biết về dòng năng lượng sắp tuôn vào này và cơ hội gia tăng khả năng đóng góp hữu ích** đã thúc đẩy A.A.B. thực hiện việc tái tổ chức Trường Arcane, **củng cố**

its ranks and to deepen the proposed trend of the teaching and thus to take those steps which will make the work more effective and potent. She has also taken and will in the near future take the needed steps for the effective functioning of the Arcane School after she passes to the inner side of service.

hàng ngũ và làm sâu sắc thêm đường hướng giáo huấn đã dự kiến, qua đó thực hiện những bước giúp công việc trở nên hữu hiệu và mạnh mẽ hơn. Bà cũng đã thực hiện, và trong tương lai gần sẽ tiếp tục thực hiện, những bước cần thiết để Trường Arcane hoạt động hữu hiệu sau khi bà chuyển sang phụng sự ở phía bên trong.

28. Preparations for AAB's passing are under way. The Tibetan can foresee the time, and perhaps AAB, herself, also knows. She has about a year remaining at the time of the writing of this letter.

28. Những công việc chuẩn bị cho sự ra đi của AAB đang được tiến hành. Chân sư Tây Tạng có thể thấy trước thời điểm ấy, và có lẽ chính Bà AAB cũng biết. Vào thời điểm bức thư này được viết, Bà còn khoảng một năm nữa.

29. Even though the outer work of AAB is drawing to a close, both she and the Tibetan are asking for mobilization. In fact we see that the motivation to continue the work impelled by Master DK and AAB has continued for many years with keen aspiration and determined purpose on the part of thousands.

29. Dù công việc bên ngoài của Bà AAB đang đi đến hồi kết, cả Bà lẫn Chân sư Tây Tạng đều kêu gọi huy động lực lượng. Thật vậy, chúng ta thấy động lực tiếp tục công việc do Chân sư DK và Bà AAB thúc đẩy đã được duy trì suốt nhiều năm, với khát vọng mãnh liệt và mục đích kiên định của hàng nghìn người.

30. The Masters work with the great advantage that they are aware of the cycles of inflow and outflow of spiritual energy. We have access to the timing of only a few cycles; they are cognizant of many.

30. Các Chân sư làm việc với lợi thế lớn là Các Ngài biết rõ những chu kỳ tuôn vào và tuôn ra của năng lượng tinh thần. Chúng ta chỉ có thể biết thời điểm của một vài chu kỳ; Các Ngài biết rõ nhiều chu kỳ.

31. The principle is clear, however: when there is an inflow, disciples and groups of disciples must work with it. When difficult energies and forces are present, they must learn to hold stead under the inevitable adversity.

31. Tuy nhiên, nguyên tắc rất rõ ràng: khi có một dòng năng lượng tuôn vào, các đệ tử và các nhóm đệ tử phải làm việc với dòng năng lượng ấy. Khi hiện diện những năng lượng và mãnh lực gây khó khăn, họ phải học cách đứng vững trước nghịch cảnh không thể tránh khỏi.

The organising and work of the Arcane School is the spiritual project of A.A.B. **and with it I have nothing whatsoever to do,**

Việc tổ chức và công việc của Trường Arcane là dự án tinh thần của A.A.B., **và Tôi hoàn toàn không liên quan đến dự án ấy; trong tương lai, Tôi cũng sẽ không bao giờ hướng**

nor shall I ever in the future guide or take any part in the affairs of the Arcane School.

dẫn hay tham gia vào các công việc của Trường Arcane.

32. This is clearly a protective statement. With the rash of psychic channeling that the Tibetan could well foresee, it might only be a matter of time before claims arose (following AAB's death) stating that the Tibetan was guiding the Arcane School.

32. Đây rõ ràng là một lời tuyên bố nhằm bảo vệ. Với sự bùng phát của hoạt động truyền thông qua đồng tử mà Chân sư Tây Tạng hoàn toàn có thể thấy trước, có lẽ chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi xuất hiện những lời tuyên bố (sau khi Bà AAB qua đời) rằng Chân sư Tây Tạng đang hướng dẫn Trường Arcane.

33. Fortunately those who followed AAB's footsteps as leaders of the Lucis Trust and Arcane School had the highest integrity and, thus, no hint of the Tibetan's possible guidance emerged.

33. May thay, những người tiếp bước Bà AAB trong vai trò lãnh đạo Lucis Trust và Trường Arcane đều có sự chính trực cao nhất, nên không hề xuất hiện lời ám chỉ nào về khả năng Chân sư Tây Tạng hướng dẫn công việc.

That is the task of those whom A.A.B. will choose to carry on.

Đó là nhiệm vụ của những người mà A.A.B. sẽ chọn để tiếp nối.

34. We note that the one who started the School was at liberty to choose her successors. Given the nature of hierarchical work, this is as it should be.

34. Chúng ta lưu ý rằng người sáng lập Trường có quyền tự do chọn những người kế nhiệm mình. Xét bản chất công việc của Thánh đoàn, điều này là đúng đắn.

35. We note that the Tibetan was not speaking of only one individual for He uses the word "those".

35. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không chỉ nói đến một cá nhân, vì Ngài dùng từ "những người".

It is a living organism [83] which will g**row of its own inherent potentialities** and **under the spiritual inspiration of the energy coming from the Ashram of the Master K.H.** in which A.A.B. is a worker and disciple.

Trường là một cơ thể sống [83] sẽ **tăng trưởng nhờ những tiềm năng vốn có** và **dưới cảm hứng tinh thần của năng lượng đến từ ashram của Chân sư KH,** nơi A.A.B. là một người hoạt động và một đệ tử.

36. It was certainly anticipated that the Arcane School would continue to grow even after AAB's passing. This was indeed the case.

36. Chắc chắn đã có sự dự liệu rằng Trường Arcane sẽ tiếp tục phát triển ngay cả sau khi Bà AAB qua đời. Quả thực, điều đó đã xảy ra.

37. The Arcane School would grow "of its own inherent potentialities"—i.e., by means of the utilization of its own spiritual resources. We see that Master DK predicted that it would be supported by energy from the Ashram of Master KH. AAB is a member of that Ashram. May it be that some of the supporting energy might come from her after her passing?

37. Trường Arcane sẽ tăng trưởng "nhờ những tiềm năng vốn có"—nghĩa là nhờ sử dụng những nguồn lực tinh thần của chính mình. Chúng ta thấy Chân sư DK đã tiên đoán rằng năng lượng từ ashram của Chân sư KH sẽ hỗ trợ Trường. Bà AAB là thành viên của ashram ấy. Liệu có thể một phần năng lượng hỗ trợ ấy đến từ Bà sau khi Bà qua đời chăng?

38. The blessing of the Master and of His Ashram is sure to descend upon useful instruments, of which the Arcane School is and was certainly one. Having grown out of the Ashram of Master KH, it was sure to evoke His continued blessing if it held true to its original intention.

38. Ân phước của Chân sư và ashram của Ngài chắc chắn sẽ tuôn xuống những công cụ hữu ích, mà Trường Arcane chắc chắn đã và đang là một trong số đó. Vì phát triển từ ashram của Chân sư KH, Trường chắc chắn sẽ gợi lên ân phước liên tục của Ngài nếu giữ vững ý định ban đầu của mình.

I seek now to make a few comments anent the work for which A.A.B. has been responsible and for which F.B. will be responsible when she passes over.

Giờ đây, Tôi muốn đưa ra một vài nhận xét về công việc mà A.A.B. đã chịu trách nhiệm và F.B. sẽ chịu trách nhiệm khi bà qua đời.

39. The mantle of authority is passing, we see, to F.B (Foster Bailey)—JWK-P, as he is known in the DINA books.

39. Chúng ta thấy rằng trọng trách lãnh đạo đang được chuyển giao cho F.B (Foster Bailey)—người được biết đến trong các sách DINA với tên JWK-P.

During the years in which I have been in touch with all of you, much world work has been started, and the influence of the group of workers whom A.A.B. and F.B. have gathered around them has spread all over the world. I refer here to what they stand for internationally and—as a result of the spread of the teaching for which I am responsible—**to the change which has been wrought in the general consciousness. That is far greater than you know.**

Trong những năm Tôi giữ liên hệ với tất cả các bạn, nhiều công việc phụng sự thế gian đã được khởi xướng, và ảnh hưởng của nhóm người hoạt động mà A.A.B. cùng F.B. đã quy tụ quanh mình đã lan rộng khắp thế giới. Ở đây, Tôi muốn nói đến những điều họ đại diện trên bình diện quốc tế và **sự thay đổi đã diễn ra trong tâm thức chung nhờ việc phổ biến giáo huấn mà Tôi chịu trách nhiệm. Sự thay đổi ấy lớn lao hơn các bạn biết rất nhiều.**

40. It is clear from this description that AAB and FB are to be considered world disciples;

40. Qua mô tả này, rõ ràng chúng ta cần xem AAB và FB là những đệ tử thế giới; công việc

the influence of their work has a world impact.

của họ có ảnh hưởng và tác động trên toàn thế giới.

41. It is both interesting and heartening to realize that due to the work of AAB, FB and their band of workers, there has been a change (presumably for the better) "in the general consciousness".

41. Thật vừa thú vị vừa phấn khởi khi nhận ra rằng nhờ công việc của AAB, FB và nhóm người hoạt động của họ, đã có một sự thay đổi (có lẽ theo chiều hướng tốt đẹp hơn) "trong tâm thức chung".

42. The Master is always in a much better position to assess the value of esoteric work; human beings are, by comparison, short-sighted.

42. Chân sư luôn có khả năng đánh giá giá trị của công việc huyền bí tốt hơn nhiều; so với Ngài, con người có tầm nhìn hạn hẹp.

The world-wide spiritual ferment which has been consequently set up has been due to two main causes:

Sự chuyển động tinh thần trên toàn thế giới nảy sinh từ đó bắt nguồn từ hai nguyên nhân chính:

43. DK seems to be equating the change in the general consciousness with the world-wide spiritual ferment. Is it surprising to us that the work of the Lucis Trust, the Arcane School and the Tibetan's work has had such an effect?

43. Dường như Chân sư DK đang xem sự thay đổi trong tâm thức chung là tương đương với sự chuyển động tinh thần trên toàn thế giới. Chúng ta có ngạc nhiên khi công việc của Lucis Trust, Trường Arcane và Chân sư Tây Tạng đã tạo ra một tác động như vậy không?

1. The Arcane School as members have adhered to it in every land and have each in turn become distributors of light.

1. Trường Arcane, khi các thành viên ở mọi quốc gia gắn bó với Trường và mỗi người lần lượt trở thành một người phân phối ánh sáng.

44. The work of the Arcane School is one of the causes of the "world-wide spiritual ferment". The implication is that adherence to the program of the school of is importance if the student is to become a distributor of light.

44. Công việc của Trường Arcane là một trong những nguyên nhân của "sự chuyển động tinh thần trên toàn thế giới". Điều này hàm ý rằng việc tuân theo chương trình của Trường là quan trọng để đạo sinh trở thành một người phân phối ánh sáng.

2. The publication and distribution of my books everywhere; **they are far more widely read than you have any idea.**

2. Việc xuất bản và phân phối các cuốn sách của Tôi ở khắp nơi; **số người đọc chúng đông hơn rất nhiều so với những gì các bạn hình dung.**

45. This is a potent and heartening sentence. There is so little we know about the actual spread of the teaching. DK, however, can follow the distribution and the reading of His books.

45. Đây là một câu đầy sức mạnh và mang lại niềm phấn khởi. Chúng ta biết rất ít về mức độ phổ biến thực tế của giáo huấn. Tuy nhiên, Chân sư DK có thể theo dõi việc phân phối và việc đọc các cuốn sách của Ngài.

Out of the apprehension of truth by many thousands in many lands and the need for it to be put to practical use in these days of dire world need, two other modes of work were initiated: the Triangles and the Goodwill work. There is here no need for me to go into details anent these two spiritual enterprises. **You know them well, though only a few of you have been truly interested or thrown yourselves, heart and soul, into assisting.**

Từ sự lĩnh hội chân lý của hàng ngàn người ở nhiều quốc gia và nhu cầu đưa chân lý ấy vào ứng dụng thực tiễn trong những ngày thế giới đang hết sức thiếu thốn này, hai phương thức hoạt động khác đã được khởi xướng: công việc Tam Giác và công việc Thiện Chí. Ở đây, Tôi không cần đi vào chi tiết về hai hoạt động tinh thần ấy. **Các bạn biết rõ chúng, dù chỉ một số ít người trong các bạn thực sự quan tâm hoặc hết lòng hết sức góp phần trợ giúp.**

46. The reasons for the arising of the Triangles and Goodwill work is given:

46. Những lý do dẫn đến sự ra đời của công việc Tam Giác và Thiện Chí được nêu ra:

1. The apprehension of truth by many thousands in many lands

1. Sự lĩnh hội chân lý của hàng ngàn người ở nhiều quốc gia

2. The need to put that truth into practical use

2. Nhu cầu đưa chân lý ấy vào ứng dụng thực tiễn

47. As on a few other occasions, the Tibetan comments on His chela's relative lack of interest in the Triangles and Goodwill work. We see what He really hoped for—that they would throw themselves heart and soul into assisting.

47. Như trong một vài dịp khác, Chân sư Tây Tạng nhận xét rằng các đệ tử của Ngài tương đối ít quan tâm đến công việc Tam Giác và Thiện Chí. Chúng ta thấy điều Ngài thực sự mong mỏi—rằng họ sẽ dốc hết tâm sức để hỗ trợ.

48. Thanks to the Internet, today the Triangles of Light are beaming from millions of websites.

48. Nhờ Internet, ngày nay các Tam Giác Ánh Sáng đang tỏa chiếu từ hàng triệu trang web.

The Arcane School is not one of my activities or enterprises, and has never been.

Trường Arcane không phải là một trong những hoạt động hay công trình của Tôi, và chưa bao giờ là như vậy.

49. DK repeats this assertion. It is probably as important that the AS never has been one of His enterprises as that it never will be. The lines are kept clear.

49. Chân sư DK lặp lại lời khẳng định này. Việc Trường Arcane chưa bao giờ là một trong những công trình của Ngài có lẽ cũng quan trọng như việc Trường sẽ không bao giờ là một công trình như thế. Các ranh giới luôn được giữ rõ ràng.

In view of the condition of esoteric schools (so called) in the world, when A.A.B. organised the Arcane School she deliberately refused to let me have anything to do with it, **and I fully concurred in her decision**.

Xét tình trạng của những trường được gọi là trường nội môn trên thế giới, khi tổ chức Trường Arcane, A.A.B. đã chủ ý không để Tôi có bất kỳ sự can dự nào, **và Tôi hoàn toàn tán thành quyết định của bà**.

50. We see that AAB's sole management of the AS was a dual decision, mutually arrived at by AAB and DK.

50. Chúng ta thấy rằng việc một mình Bà AAB quản lý Trường Arcane là quyết định chung mà Bà AAB và Chân sư DK cùng đi đến.

51. The suggestion is that the condition of esoteric schools at the time of the founding of the AS was dismal. In fact, DK is suggesting that such esoteric schools were not esoteric schools at all.

51. Điều được hàm ý ở đây là tình trạng các trường nội môn vào thời điểm thành lập Trường Arcane rất đáng buồn. Thực ra, Chân sư DK đang hàm ý rằng những trường nội môn ấy hoàn toàn không phải là trường nội môn.

52. We understand that AAB had a strong will which served her high integrity.

52. Chúng ta hiểu rằng Bà AAB có một ý chí mạnh mẽ, giúp bà giữ vững sự chính trực cao độ của mình.

The extent of my connection with the School lies in the fact [84] **that I outlined for her the degrees of the School,** and once or twice —in my instructions used in the Disciples Degree—I appealed to the students for cooperation in some matter. Forget not that these instructions were not School instructions, but were the early form of my books and went out unchanged to the general public. Also, **it has only been within the last five years that any correspondence course for the School has been arranged around one or other of my books.**

Mối liên hệ của Tôi với Trường chỉ giới hạn ở việc [84] **Tôi phác thảo cho bà các cấp học của Trường,** và một đôi lần—trong những huấn thị của Tôi dùng ở Cấp Đệ Tử—Tôi đã kêu gọi các đạo sinh hợp tác trong một việc nào đó. Đừng quên rằng những huấn thị này không phải là huấn thị của Trường, mà là hình thức ban đầu của các cuốn sách của Tôi, và đã được phổ biến nguyên vẹn đến công chúng. Hơn nữa, **chỉ trong năm năm vừa qua mới có những khóa học qua thư của Trường được xây dựng dựa trên một cuốn sách này hay một cuốn sách khác của Tôi.**

53. The extent of Master DK's minimal connection with the AS is given:

53. Phạm vi mối liên hệ rất hạn chế của Chân sư DK với Trường Arcane được nêu như sau:

1. The outlining of the degrees of the School (and thus we see a very deep wisdom lay behind the outline)

1. Phác thảo các cấp học của Trường (và do đó chúng ta thấy rằng đằng sau bản phác thảo ấy là một minh triết rất sâu sắc)

2. Occasional words of appeal for cooperation

2. Đôi lời kêu gọi hợp tác vào một vài dịp

54. This letter is written in the beginning of 1949, and so we see that only since 1944 has any of the correspondence courses of the Arcane School been focussed on one of Master DK's books. This may come as a surprise.

54. Bức thư này được viết vào đầu năm 1949, nên chúng ta thấy rằng chỉ từ năm 1944 mới có khóa học qua thư của Trường Arcane tập trung vào một trong những cuốn sách của Chân sư DK. Điều này có thể khiến chúng ta ngạc nhiên.

55. DK takes care to distinguish between instructions which were really an early form of His books, and true Arcane School instructions.

55. Chân sư DK cẩn thận phân biệt những huấn thị vốn thực sự là hình thức ban đầu của các cuốn sách của Ngài với những huấn thị đích thực của Trường Arcane.

The policy of the School, its principles, curriculum and techniques, have been entirely those of A.A.B., working in conjunction with F.B. and after consultation with one or two senior students living in or around New York or in Europe.

Đường lối của Trường, các nguyên khí, chương trình học và kỹ thuật của Trường hoàn toàn là của A.A.B., do bà xây dựng cùng F.B. sau khi tham khảo ý kiến một hoặc hai đạo sinh cao niên sống tại hoặc quanh New York hay ở châu Âu.

56. A disciple is solely responsible for his or her service project, however much its motive might derive from hierarchical inspiration.

56. Một đệ tử hoàn toàn chịu trách nhiệm về dự án phụng sự của mình, cho dù động cơ của dự án ấy bắt nguồn từ cảm hứng của Thánh đoàn đến mức nào.

57. The Masters do not wish to cultivate a state of dependency in their disciples. Disciples are to be independent, enterprising people, fully capable of inaugurating, guiding and sustaining their own service projects.

57. Các Chân sư không muốn nuôi dưỡng trạng thái lệ thuộc nơi các đệ tử của Các Ngài. Đệ tử phải là những người độc lập, có tinh thần chủ động, hoàn toàn đủ khả năng khởi xướng, dẫn dắt và duy trì các dự án phụng sự của chính mình.

There has necessarily been questioning among senior students and in this group as to what will happen when A.A.B. passes on.

Tất nhiên, trong số các đạo sinh cao niên và trong nhóm này đã có những câu hỏi về điều gì sẽ xảy ra khi A.A.B. qua đời.

58. One must examine such questioning carefully, as it can arise from a hotbed of ambition.

58. Chúng ta phải xem xét kỹ những câu hỏi như thế, vì chúng có thể nảy sinh từ một ổ tham vọng.

The past record of this group in effective and steady work would not incite A.A.B. to have much confidence in your leadership. **You have shown no organised group ability to take a piece of work embodying some one or other of my suggested spiritual enterprises and effectively work together for its furtherance.**

Thành tích trước đây của nhóm này về công việc hữu hiệu và bền bỉ hẳn không khiến A.A.B. đặt nhiều tin tưởng vào khả năng lãnh đạo của các bạn. **Các bạn chưa thể hiện khả năng tổ chức của một nhóm trong việc đảm nhận một phần công việc thuộc một trong những hoạt động tinh thần mà Tôi đề xuất, rồi cùng nhau làm việc hữu hiệu để thúc đẩy công việc ấy. Với tư cách một nhóm,**

59. We have more *very* straight talk from the Master to His chelas.

59. Chúng ta lại có thêm những lời *rất* thẳng thắn mà Chân sư nói với các đệ tử của Ngài.

60. One wonders to whom this letter was distributed—perhaps to a wider group than the few chelas remaining focussed on DK's work in 1949. And yet, the Tibetan speaks of "leadership", presumably because the remaining chelas are precisely those from whom leadership in the coming years could be expected.

60. Chúng ta tự hỏi bức thư này đã được gửi đến những ai—có lẽ đến một nhóm rộng hơn số ít đệ tử vẫn tập trung vào công việc của Chân sư DK vào năm 1949. Tuy nhiên, Chân sư Tây Tạng nói đến "khả năng lãnh đạo", có lẽ vì các đệ tử còn lại chính là những người mà người ta có thể trông đợi sẽ đảm nhận vai trò lãnh đạo trong những năm sắp tới.

61. AAB's lack of confidence proved prophetic as the major schisms within the group in the early and mid 1950's demonstrated.

61. Sự thiếu tin tưởng của AAB đã tỏ ra có tính tiên tri, như những cuộc chia rẽ lớn trong nhóm vào đầu và giữa thập niên 1950 đã cho thấy.

What have you done as a group to aid the Triangle work or the Goodwill work, or to throw yourselves successfully behind the work of the School? There are many outside the New Seed Group who have done a more consecrated and selfless task than have you,

các bạn đã làm gì để trợ giúp công việc Tam Giác hay công việc Thiện Chí, hoặc để dốc sức hỗ trợ thành công cho công việc của Trường? Có nhiều người ngoài Nhóm Hạt Giống Mới đã thực hiện công việc với tinh thần thánh hiến và vô ngã hơn các bạn, dù cũng có một vài ngoại lệ. **Nhưng, các huynh**

though there are a few exceptions. **But, my brothers, out of fifty-one, how few!!**

62. DK has wanted His chelas to focus principally in one or more of three areas—the Triangle work, the Goodwill work or the work of the Arcane School. Few, apparently, did so, or did so successfully.

63. We note the words "as a group". Some of His chelas, apparently, did consecrated and selfless work in these areas of service, but *not* the group as a whole.

64. It is a sad judgment that many outside the NSG did a better job of assisting the Tibetan's enterprises than the members of his own group.

When A.A.B. passes on she will leave the Arcane School and, with my full approval, all the other activities in the hands of F.B. She will leave also, in the departments, **dedicated men** who will continue to assume, as far as in them lies, the direction of the work, in consultation with F.B.

65. The first statement is again, one of protection. One can only imagine the fights that could arise concerning the best successor to AAB. The major responsibility goes to Foster Bailey.

66. We have also to question the Tibetan's use of the word "men". Does He mean males and not females? The following quotation from DINA II, 85-86 is of interest in this regard:

đệ của Tôi, trong số năm mươi mốt người, con số ấy ít ỏi biết bao!!

62. Chân sư DK đã muốn các đệ tử của Ngài tập trung chủ yếu vào một hay nhiều lĩnh vực trong ba lĩnh vực—công việc Tam Giác, công việc Thiện Chí hoặc công việc của Trường Arcane. Dường như ít người đã làm như vậy, hoặc làm như vậy một cách thành công.

63. Chúng ta lưu ý những từ "với tư cách một nhóm". Dường như một số đệ tử của Ngài đã làm việc với tinh thần thánh hiến và vô ngã trong những lĩnh vực phụng sự này, nhưng *không phải* toàn thể nhóm.

64. Đó là một nhận định đáng buồn: nhiều người ngoài NSG đã trợ giúp các hoạt động của Chân sư Tây Tạng tốt hơn các thành viên trong chính nhóm của Ngài.

Khi qua đời, A.A.B. sẽ giao Trường Arcane và, với sự hoàn toàn tán thành của Tôi, tất cả những hoạt động khác vào tay F.B. Bà cũng sẽ để lại tại các bộ phận **những người tận tụy**, những người sẽ tiếp tục đảm nhận việc điều hành công việc trong khả năng của mình, sau khi tham khảo ý kiến F.B.

65. Một lần nữa, lời khẳng định đầu tiên mang tính bảo vệ. Chúng ta chỉ có thể hình dung những cuộc tranh chấp có thể nảy sinh về người kế nhiệm AAB thích hợp nhất. Trách nhiệm chính thuộc về Foster Bailey.

66. Chúng ta cũng phải đặt câu hỏi về việc Chân sư Tây Tạng dùng từ "men". Có phải Ngài muốn nói đến nam giới chứ không phải nữ giới? Đoạn trích sau đây từ DINA II, 85-86 đáng chú ý về phương diện này:

"Keep the personnel of the work as far as possible masculine and put no sixth ray people in positions of influence; they know not how to cooperate and are frequently points of dissension and dislike."

"Hãy giữ cho nhân sự của công việc là nam giới trong chừng mực có thể và đừng đặt người cung sáu vào những vị trí có ảnh hưởng; họ không biết cách hợp tác và thường là những điểm phát sinh bất hòa và ác cảm."

67. Have times changed since the Tibetan wrote this? Would He write it again or has there been an important equalization of genders? Varying points of view exist in regard to these questions.

67. Thời thế có thay đổi kể từ khi Chân sư Tây Tạng viết điều này không? Liệu Ngài có viết lại điều ấy hay giữa hai giới đã có sự bình đẳng đáng kể? Có nhiều quan điểm khác nhau về những câu hỏi này.

There will be no need whatsoever for any reorganisation. Why should there be? A.A.B. has been interested in and has initiated, with F.B., all departments. **She has never been a worker in any of them, which may be a new idea to you.** When she finishes her job there is no gap in any department. So why reorganisation?

Sẽ hoàn toàn không cần bất kỳ sự tái tổ chức nào. Tại sao lại cần? A.A.B. đã quan tâm đến và cùng F.B. khởi xướng tất cả các bộ phận. **Bà chưa từng là người trực tiếp làm việc trong bất kỳ bộ phận nào, điều này có thể là một ý tưởng mới đối với các bạn.** Khi bà hoàn tất phần việc của mình, không bộ phận nào có chỗ trống. Vậy tại sao phải tái tổ chức?

68. These are also protective statements. Upon the death of a presiding figure, co-workers inevitably seek to put their own long suppressed ideas into effect. This can be beneficial, but in this case would disrupt and retard well-established work.

68. Đây cũng là những lời nhằm bảo vệ công việc. Khi người chủ trì qua đời, những người cộng sự tất yếu sẽ tìm cách thực hiện những ý tưởng riêng mà họ đã kìm nén từ lâu. Điều này có thể mang lại lợi ích, nhưng trong trường hợp này sẽ gây xáo trộn và làm chậm trễ công việc đã có nền tảng vững chắc.

69. All departments have already been organized and AAB has never been a worker in any of them. Her impending death, therefore, does not threaten any continuity.

69. Tất cả các bộ phận đều đã được tổ chức và AAB chưa từng là người trực tiếp làm việc trong bất kỳ bộ phận nào. Vì vậy, việc bà sắp qua đời không đe dọa tính liên tục của bất kỳ công việc nào.

The work will go on with the same workers, and new ones will be added as need arises.

Công việc sẽ tiếp tục với những người hoạt động hiện có, và những người mới sẽ được bổ sung khi có nhu cầu.

70. The Tibetan clearly desires the smoothest possible transition.

70. Rõ ràng Chân sư Tây Tạng mong muốn sự chuyển tiếp diễn ra êm thuận nhất có thể.

Young workers must be chosen who may not see things as all of [85] you see them, and in that lies the hope of the work's persistence, for most of you are too old for the work of reconstruction and too crystallised;

Phải chọn những người hoạt động trẻ tuổi, những người có thể nhìn sự việc khác với tất cả [85] các bạn; chính trong đó có niềm hy vọng cho sự tiếp nối lâu dài của công việc, vì đa số các bạn đã quá lớn tuổi để đảm nhận công việc tái thiết và đã quá kết tinh;

71. DK is asking His chelas to be flexible and to recognize potential co-workers even when they do not see things in the same way.

71. Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài linh hoạt và nhận ra những người cộng sự tiềm năng ngay cả khi họ không nhìn sự việc theo cùng một cách.

72. The work will not persist if left solely in the hands of crystallized people. DK is offering a very frank assessment.

72. Công việc sẽ không thể tiếp nối lâu dài nếu chỉ giao vào tay những người đã kết tinh. Chân sư DK đưa ra một nhận định rất thẳng thắn.

you can, however, form a strong foundation and give courage to the young ones. Most of you are too anxious to see the old methods and modes of work perpetuated. I and A.A.B. are more interested in seeing that **the need of the youth of the world is met.** T**he principles of the Ageless Wisdom must be preserved, but all outworn forms must go.**

tuy nhiên, các bạn có thể tạo thành một nền tảng vững chắc và tiếp thêm can đảm cho những người trẻ. Đa số các bạn quá nóng lòng muốn thấy các phương pháp và cách thức làm việc cũ được duy trì mãi. Tôi và A.A.B. quan tâm hơn đến việc bảo đảm **đáp ứng nhu cầu của giới trẻ trên thế giới.** P**hải gìn giữ các nguyên khí của Minh Triết Ngàn Đời, nhưng mọi hình thức lỗi thời đều phải ra đi.**

73. DK alerts His chelas to the fact that He is more interested in substance than in form.

73. Chân sư DK lưu ý các đệ tử của Ngài rằng Ngài quan tâm đến chất liệu hơn là hình tướng.

74. He states clearly how the older chelas can help and how they must avoid getting in the way of change.

74. Ngài nêu rõ những đệ tử lớn tuổi có thể giúp đỡ như thế nào và họ phải làm gì để tránh cản trở sự thay đổi.

75. The last statement is critical and must be applied now as then: "The principles of the

75. Lời khẳng định cuối cùng có tầm quan trọng then chốt và phải được áp dụng lúc này cũng như khi ấy: "Phải gìn giữ các

Ageless Wisdom must be preserved, but all outworn forms must go."

nguyên khí của Minh Triết Ngàn Đời, nhưng mọi hình thức lỗi thời đều phải ra đi."

The success and growth of the work will depend upon the smooth transition which can be made between the past and the coming new world; it will be dependent upon the determination of the workers to continue with what they are doing, to renew their dedication and above all, their vision; to eliminate all desire for prominence in the work and all ambition, and with a will to meet the need in the new ways, with the expanded truths and with no dogmatism.

Sự thành công và tăng trưởng của công việc sẽ tùy thuộc vào khả năng thực hiện một sự chuyển tiếp êm thuận giữa quá khứ và thế giới mới sắp đến; nó sẽ tùy thuộc vào quyết tâm của những người hoạt động tiếp tục công việc đang làm, đổi mới sự tận hiến và trên hết là tầm nhìn của mình; loại bỏ mọi ham muốn được nổi bật trong công việc và mọi tham vọng, đồng thời có ý chí đáp ứng nhu cầu bằng những cách thức mới, với những chân lý được mở rộng và không có tính giáo điều.

76. Let us tabulate DK's description of the meaning of a smooth transition between the past and the coming new world:

76. Chúng ta hãy liệt kê những điều Chân sư DK mô tả về ý nghĩa của một sự chuyển tiếp êm thuận giữa quá khứ và thế giới mới sắp đến:

a. Workers must be determined to continue with what they are doing

a. Những người hoạt động phải quyết tâm tiếp tục công việc họ đang làm

b. Workers must renew their dedication

b. Những người hoạt động phải đổi mới sự tận hiến của mình

c. Workers must, above all, renew their vision

c. Trên hết, những người hoạt động phải đổi mới tầm nhìn của mình

d. Workers must eliminate all desire for prominence in the work

d. Những người hoạt động phải loại bỏ mọi ham muốn được nổi bật trong công việc

e. Workers must eliminate all ambition

e. Những người hoạt động phải loại bỏ mọi tham vọng

f. Workers must cultivate the will to meet the need in the new ways

f. Những người hoạt động phải vun bồi ý chí đáp ứng nhu cầu bằng những cách thức mới

g. Workers must continue to cultivate expanded truths and avoid dogmatism

g. Những người hoạt động phải tiếp tục vun bồi những chân lý được mở rộng và tránh chủ nghĩa giáo điều

I am looking for no new "stenographers" to take the place of A.A.B. and shall dictate to none of you.

77. Here is a most potent and important sentence, stated emphatically. There is a rash of those who are, today, supposedly channeling or taking dictation from Master DK. If those chelas who were specifically trained by Him were not to be used as "stenographers", how much less would those with little training be suitable! Yet the delusion persists and many people with confidence take down the words of the astral thoughtform of the Master.

You have masses of undigested material with which to work, and enough teaching to express and make available to the public for twenty-five years to come.

78. Might this be an underestimation? When considering books like *A Treatise on Cosmic Fire,* and *Esoteric Astrology* a span of one hundred years might be more suitable.

You have enough information from me to enable you to make your individual contact with me if you follow the rules and live the outer life of a disciple.

79. Direct contact with the Master is possible, despite the danger of astralism. Within the teaching, the method is given. Fulfilling the requirements indicate the difference between success and failure:

1. One must follow the rules

2. One must life the outer life of a disciple

Tôi không tìm kiếm những "người tốc ký" mới để thay thế A.A.B., và sẽ không đọc cho bất kỳ ai trong các bạn ghi lại.

77. Đây là một câu hết sức mạnh mẽ và quan trọng, được phát biểu dứt khoát. Ngày nay, xuất hiện tràn lan những người được cho là đang làm kênh truyền hoặc ghi lại lời đọc của Chân sư DK. Nếu ngay cả những đệ tử do chính Ngài đặc biệt huấn luyện cũng không được dùng làm "người tốc ký", thì những người ít được huấn luyện còn kém thích hợp hơn biết bao! Thế nhưng, ảo tưởng ấy vẫn dai dẳng, và nhiều người tự tin ghi lại những lời của hình tư tưởng về Chân sư trên cõi cảm dục.

Các bạn có một khối lượng lớn tài liệu chưa được thấm nhuần để làm việc, cùng đủ giáo huấn để diễn đạt và phổ biến đến công chúng trong hai mươi lăm năm tới.

78. Liệu đây có phải là một sự đánh giá quá thấp không? Khi xét đến những cuốn sách như *Luận về Lửa Vũ Trụ,* và *Chiêm Tinh Học Nội Môn* thì khoảng thời gian một trăm năm có lẽ thích hợp hơn.

Các bạn đã nhận đủ thông tin từ Tôi để có thể tự mình thiết lập mối tiếp xúc riêng với Tôi, nếu các bạn tuân theo các quy luật và sống đời sống bên ngoài của một đệ tử.

79. Có thể tiếp xúc trực tiếp với Chân sư, bất chấp nguy cơ sa vào các hiện tượng cảm dục. Giáo huấn đã nêu phương pháp. Việc đáp ứng các yêu cầu quyết định sự khác biệt giữa thành công và thất bại:

1. Phải tuân theo các quy luật

2. Phải sống đời sống bên ngoài của một đệ tử

80. If we would have such direct contact, let us ponder the requirements.

80. Nếu muốn có sự tiếp xúc trực tiếp như vậy, chúng ta hãy suy ngẫm về các yêu cầu ấy.

It is the books which bring people into the various phases of the work; you can aid in keeping them in constant circulation, and **you can also hold together subjectively so that the relation of the group to the Ashram is still preserved and externalisation later can still be possible.**

Chính các cuốn sách đưa con người đến với những phương diện khác nhau của công việc; các bạn có thể góp phần giữ cho chúng được lưu hành liên tục, và **cũng có thể duy trì sự gắn kết ở bên trong để mối quan hệ của nhóm với ashram vẫn được gìn giữ và sự ngoại hiện về sau vẫn có thể diễn ra.**

81. The value of the books as a magnet is emphasized. These books, even today, must be kept in constant circulation. This would mean the promotion of the AAB CD ROM as well—a great synthetic tool.

81. Giá trị của các cuốn sách như một nam châm được nhấn mạnh. Ngay cả ngày nay, những cuốn sách này vẫn phải được lưu hành liên tục. Điều này cũng có nghĩa là quảng bá đĩa CD ROM AAB—một công cụ tổng hợp tuyệt vời.

82. Although DK has disbanded the outer group, He is asking the remaining group members to perverse their subjective cohesion. He appears to be looking to the future possibility of externalizing His Ashram. This will only be possible if the "relation of the group to the Ashram is still preserved".

82. Mặc dù Chân sư DK đã giải tán nhóm bên ngoài, Ngài vẫn yêu cầu những thành viên còn lại của nhóm duy trì sự gắn kết chủ quan của họ. Dường như Ngài đang hướng tới khả năng ngoại hiện Ashram của Ngài trong tương lai. Điều này chỉ có thể thực hiện nếu "mối liên hệ của nhóm với Ashram vẫn được duy trì".

83. We may wonder: "How much later is *later*?" It is important to remember that certain of the Masters must be (with their outer groups) well established and well recognized before it will be possible for the Christ to return.

83. Chúng ta có thể tự hỏi: "*Sau này* là bao lâu nữa?" Cần nhớ rằng một số Chân sư, cùng với các nhóm bên ngoài của Các Ngài, phải có chỗ đứng vững chắc và được biết đến rộng rãi trước khi Đức Christ có thể trở lại.

Those are the two major undertakings with which I present you;

Đó là hai nhiệm vụ chính mà Tôi đặt trước các bạn;

84. Distributing the books and maintaining the subjective cohesion of the outer remaining group.

84. Phân phối các cuốn sách và duy trì sự gắn kết chủ quan của nhóm bên ngoài còn lại.

and these with your intensified individual approach and the work of the Triangles and Goodwill, will provide you with much to do.

cùng với việc tăng cường sự tiếp cận của từng cá nhân và công việc Tam Giác cùng Thiện Chí, những nhiệm vụ ấy sẽ cho các bạn nhiều việc để làm.

85. DK is also asking for an intensified individual approach. The need for individual striving must never be overlooked. The DINA disciples had been given so much of individual as well as group import. So little had been applied, not only to the group process but individually.

85. Chân sư DK cũng yêu cầu mỗi cá nhân tăng cường sự tiếp cận. Không bao giờ được xem nhẹ sự cần thiết của nỗ lực cá nhân. Các đệ tử DINA đã nhận được rất nhiều điều có ý nghĩa đối với cả cá nhân lẫn nhóm. Rất ít điều đã được áp dụng, không chỉ vào tiến trình nhóm mà cả ở từng cá nhân.

Throw yourselves behind those who have made themselves responsible—under F.B.—for the Triangles and Goodwill work. Make their work possible and avoid interference; **they will make mistakes, and these you will be prompt to note; your sole duty is to stand by. Mistakes do not matter if clarity of vision, spiritual persistence and love accompany them.**

Hãy dốc sức hỗ trợ những người đã đảm nhận trách nhiệm—dưới sự chỉ đạo của F.B.—đối với công việc Tam Giác và Thiện Chí. Hãy tạo điều kiện cho họ làm việc và tránh can thiệp; **họ sẽ mắc sai lầm, và các bạn sẽ nhanh chóng nhận ra những sai lầm ấy; bổn phận duy nhất của các bạn là sát cánh hỗ trợ. Sai lầm không đáng ngại nếu đi cùng với tầm nhìn sáng rõ, sự kiên trì tinh thần và tình thương. Trong chừng mực có thể,**

86. DK is becoming almost directive. He is urging His chelas to take up certain lines of work and to follow the guidance of FB. He knows their spirit of criticism and tries to warn them against it.

86. Chân sư DK gần như đang đưa ra chỉ thị. Ngài thúc giục các đệ tử của Ngài đảm nhận một số hướng công việc và làm theo sự hướng dẫn của FB. Ngài biết tinh thần chỉ trích của họ và cố gắng cảnh báo họ tránh điều đó.

87. If we take this advice to heart we will realize that when we notice mistakes in our co-workers, our immediate task is *not* to criticize and interfere, but to "stand by". "Lo, I am with you, even unto the end of the Age."

87. Nếu khắc ghi lời khuyên này, chúng ta sẽ nhận ra rằng khi nhận thấy sai lầm ở những người cộng sự, nhiệm vụ trước mắt của chúng ta *không phải* là chỉ trích và can thiệp, mà là "sát cánh hỗ trợ". "Này, Ta ở cùng các con, cho đến tận cùng Kỷ Nguyên."

88. Let us see if we are possessed of clarity of vision, spiritual persistence and love. If so, our mistakes, too, will not matter. We have but to persist spiritually, lovingly and with clarity of vision. This is a remedy against discouragement.

88. Chúng ta hãy xem mình có tầm nhìn sáng rõ, sự kiên trì tinh thần và tình thương hay không. Nếu có, những sai lầm của chúng ta cũng sẽ không đáng ngại. Chúng ta chỉ cần kiên trì về mặt tinh thần, với tình thương và tầm nhìn sáng rõ. Đây là phương thuốc chống lại sự nản lòng.

Keep the personnel of the work as far as possible masculine [86] **and put no sixth ray people in positions of influence**; they know not how to cooperate and are frequently points of dissension and dislike.

hãy duy trì thành phần nhân sự của công việc chủ yếu là nam giới [86] **và đừng đặt người cung sáu vào những vị trí có ảnh hưởng**; họ không biết cách hợp tác và thường là những điểm gây bất hòa và ác cảm.

89. In today's world this is a controversial statement. Later we will know whether the statement was conditioned by the social circumstances of the times or whether there was some deeper occult import.

89. Trong thế giới ngày nay, đây là một phát biểu gây tranh cãi. Sau này, chúng ta sẽ biết liệu phát biểu ấy chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội thời đó hay mang một ý nghĩa huyền bí sâu xa hơn.

90. The divisiveness towards which those upon the sixth ray tend is referenced. In general, one ray is as good as another, and true disciples and initiates are obviously found upon all the rays, but there are certain sixth ray tendencies which, apparently, did not accord well with the kind of work DK was seeking to see done.

90. Ở đây đề cập đến khuynh hướng gây chia rẽ của những người thuộc cung sáu. Nhìn chung, cung nào cũng tốt như nhau, và hiển nhiên trên mọi cung đều có các đệ tử và điểm đạo đồ chân chính, nhưng dường như có một số khuynh hướng của cung sáu không phù hợp lắm với loại công việc mà Chân sư DK mong muốn thấy được thực hiện.

91. In today's world we easily see the violence and dissension arising from the blatant misuse of sixth ray energy. It is a ray which can incline those it influences to be most resistant to reason.

91. Trong thế giới ngày nay, chúng ta dễ dàng thấy bạo lực và bất hòa phát sinh từ việc lạm dụng trắng trợn năng lượng cung sáu. Đây là một cung có thể khiến những người chịu ảnh hưởng của nó có khuynh hướng hết sức khước từ lý lẽ.

You see, my brothers, I am making no startling plans for handling the work in the event of the death of A.A.B. I suggest no changes. I would like to see the work left in the hands of those who are already doing it;

Các huynh đệ của Tôi, các bạn thấy đấy, Tôi không đưa ra những kế hoạch gây sửng sốt nào để điều hành công việc trong trường hợp A.A.B. qua đời. Tôi không đề nghị thay đổi gì. Tôi muốn thấy công việc tiếp tục nằm

trong tay những người hiện đang thực hiện nó;

92. DK repeats Himself, as is so often necessary if there is to be perfect clarity. It is a shame that despite the care He took to create a smooth transition, group unity and cohesion broke down within a relatively short time after AAB's death.

92. Chân sư DK nhắc lại lời Ngài, như vẫn thường cần làm để mọi điều được hoàn toàn rõ ràng. Thật đáng tiếc rằng, dù Ngài đã cẩn thận tạo dựng một sự chuyển tiếp suôn sẻ, sự hợp nhất và gắn kết của nhóm đã tan vỡ trong một thời gian tương đối ngắn sau khi Bà AAB qua đời.

I suggest the addition of young people to the group of workers as need arises and place occurs. I suggest that the work be kept fluid, as A.A.B. has always kept it.

Tôi đề nghị bổ sung những người trẻ vào nhóm người hoạt động khi có nhu cầu và có chỗ. Tôi đề nghị giữ cho công việc linh động, như A.A.B. vẫn luôn làm.

93. DK is summarizing His points:

93. Chân sư DK đang tóm lược những điểm Ngài đã nêu:

a. No changes

a. Không thay đổi gì

b. The work is to be left in the hands of those who are already doing it

b. Công việc cần tiếp tục nằm trong tay những người đang thực hiện nó

c. Young people are to be added to the work

c. Cần bổ sung những người trẻ vào công việc

d. The work is to be kept fluid, as AAB kept it.

d. Cần giữ cho công việc linh động, như Bà AAB đã làm.

94. With regard to fluidity, we must remember that AAB was a Gemini—a sign known for its intelligent fluidity.

94. Về tính linh động, chúng ta phải nhớ rằng Bà AAB thuộc dấu hiệu Song Tử—một dấu hiệu nổi tiếng về tính linh động thông minh.

Above all else, remember that the work of the Triangles, the Goodwill work and the Arcane School is that of **an organism and not an organisation, and it will grow through its own inherent life and not through planning.**

Trên hết, hãy nhớ rằng công việc Tam Giác, công việc Thiện Chí và Trường Arcane là công việc của **một cơ thể sống, chứ không phải của một tổ chức, và nó sẽ tăng trưởng nhờ sự sống vốn có của chính mình, chứ không nhờ việc hoạch định.**

95. As students of occultism we often speak of the contrast between an "organization" and an "organism".

95. Là những đạo sinh huyền bí học, chúng ta thường nói về sự tương phản giữa một "tổ chức" và một "cơ thể sống".

96. Two distinct approaches are noted with respect to the factor of growth:

96. Có hai cách tiếp cận khác biệt đối với yếu tố tăng trưởng:

1. An organism grows through its own inherent life

1. Một cơ thể sống tăng trưởng nhờ sự sống vốn có của chính mình

2. An organization grows through planning

2. Một tổ chức tăng trưởng nhờ việc hoạch định

97. The first method suggests the use of the second ray and the second method, the use of the third.

97. Phương pháp thứ nhất gợi ý việc sử dụng cung hai, còn phương pháp thứ hai gợi ý việc sử dụng cung ba.

98. DK did not want to see His work subject to manipulation—an external method. He sought to preserve the subjective attitude.

98. Chân sư DK không muốn thấy công việc của Ngài chịu sự thao túng—một phương pháp từ bên ngoài. Ngài tìm cách gìn giữ thái độ chủ quan.

99. Of course, it is difficult to prevent an *organism* from becoming an *organization*. The organizational approach is the line of least resistance for concrete-minded man.

99. Dĩ nhiên, khó ngăn một *cơ thể sống* trở thành một *tổ chức*. Cách tiếp cận theo lối tổ chức là con đường ít trở ngại nhất đối với người có lối tư duy cụ thể.

If this is borne in mind, you will see where some of you have been in error, both in criticism and in planning the future of the various aspects of the work.

Nếu ghi nhớ điều này, các bạn sẽ thấy một số người trong các bạn đã sai ở đâu, cả trong việc phê bình lẫn việc hoạch định tương lai cho những phương diện khác nhau của công việc.

100. Sensing that AAB was moving towards her transition, some of the DINA disciples, apparently had been both criticizing the present set up and 'planning' for a better one. DK notes their error in approach and corrects it.

100. Cảm nhận rằng Bà AAB đang tiến gần đến lúc chuyển tiếp, một số đệ tử DINA dường như đã vừa phê bình cơ cấu hiện tại vừa 'hoạch định' một cơ cấu tốt hơn. Chân sư DK chỉ ra sai lầm trong cách tiếp cận của họ và chỉnh đốn điều đó.

101. One can only imagine the objectivity of AAB as she took down dictation on these points.

101. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự khách quan của Bà AAB khi Bà ghi lại lời đọc về những điểm này.

The work will go on in the strength of its own inherent life; it will be damaged by planning, interference and organisation. Let the work alone, giving it assiduous attention and meeting its needs as they arise.

Công việc sẽ tiếp tục nhờ sức mạnh của sự sống vốn có; việc hoạch định, can thiệp và tổ chức sẽ làm tổn hại nó. Hãy để công việc tự vận hành, đồng thời quan tâm chăm chút và đáp ứng các nhu cầu khi chúng nảy sinh.

102. DK repeats the value of the "inherent life" of the work. He also definitely states that planning, interference and organization will damage it. Planning belongs especially to the third ray, interference to the sixth and organization to the seventh.

102. Chân sư DK nhắc lại giá trị của "sự sống vốn có" của công việc. Ngài cũng khẳng định dứt khoát rằng việc hoạch định, can thiệp và tổ chức sẽ làm tổn hại công việc. Việc hoạch định đặc biệt thuộc về cung ba, sự can thiệp thuộc về cung sáu và việc tổ chức thuộc về cung bảy.

The Triangle work and the Goodwill work are in the hands of young people who must be strengthened, trusted and encouraged. The Invocation work, tied in with the Goodwill work, the Triangles and the School, is moving steadily forward and is the responsibility of all three. If rightly handled, **its distribution will be automatic, mechanical and momentous.**

Công việc Tam Giác và công việc Thiện Chí đang nằm trong tay những người trẻ cần được tiếp sức, tin cậy và khích lệ. Công việc Khẩn Cầu, gắn liền với công việc Thiện Chí, các Tam Giác và Trường, đang đều đặn tiến lên và là trách nhiệm của cả ba. Nếu được điều hành đúng đắn, **việc phổ biến lời Khẩn Cầu sẽ diễn ra tự động, theo guồng vận hành và tạo ảnh hưởng lớn lao.**

103. Several kinds of work are discussed, but the task of distributing the Great Invocation is shared by all three—Triangles, World Goodwill and the Arcane School.

103. Đoạn này bàn đến một số loại công việc, nhưng cả ba—Tam Giác, Thiện Chí Thế Giới và Trường Arcane—cùng chia sẻ nhiệm vụ phổ biến Đại Khấn Nguyện.

104. DK uses arresting words to discuss the right handling of the Invocation work: the distribution of the Great Invocation will be "automatic, mechanical and momentous". The Great Invocation has a stupendous magnetism, and the disciples are not to interfere with the natural working of that magnetism.

104. Chân sư DK dùng những từ ngữ gây chú ý để bàn về việc điều hành đúng đắn công việc Khẩn Cầu: việc phổ biến Đại Khấn Nguyện sẽ diễn ra "tự động, theo guồng vận hành và tạo ảnh hưởng lớn lao". Đại Khấn Nguyện có một sức hút từ tính phi thường, và các đệ tử không được can thiệp vào sự vận hành tự nhiên của sức hút từ tính ấy.

105. Elsewhere DK tells us that the Great Invocation is our greatest means to prepare men's minds and hearts for the Reappearance.

105. Ở một nơi khác, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Đại Khấn Nguyện là phương tiện lớn lao nhất của chúng ta để chuẩn bị trí và tâm của con người cho sự Tái Lâm.

The various phases of the work will proceed as desired if all talk of executive heads, of assumed responsibility, and of the need for the New Seed Group is ended.

Những phương diện khác nhau của công việc sẽ tiến triển như mong muốn nếu chấm dứt mọi bàn luận về những người đứng đầu điều hành, về trách nhiệm tự nhận và về sự cần thiết của Nhóm Hạt Giống Mới.

106. DK knows well what is in the minds of His chelas—thoughts which relate to organization rather than to organism. One can detect in some an ambitious response to AAB's inevitable transition.

106. Chân sư DK biết rõ những gì đang ở trong thể trí các đệ tử của Ngài—những tư tưởng liên quan đến tổ chức hơn là đến một cơ thể sống. Chúng ta có thể nhận thấy ở một số người phản ứng đầy tham vọng trước sự chuyển tiếp tất yếu của Bà AAB.

The thought of reorganisation must be dropped; it would immediately disrupt the present smoothly working organism. A transition carried forward without any change or difficulty will greatly reassure all groups.

Phải từ bỏ ý nghĩ tái tổ chức; nó sẽ lập tức phá vỡ cơ thể sống hiện đang vận hành êm thuận. Một sự chuyển tiếp diễn ra mà không có thay đổi hay khó khăn nào sẽ giúp tất cả các nhóm hết sức an tâm.

107. It is very interesting how often DK repeats certain points—in this case the need for a smooth transition.

107. Thật thú vị khi thấy Chân sư DK thường xuyên nhắc lại một số điểm đến thế—trong trường hợp này là sự cần thiết của một cuộc chuyển tiếp êm thuận.

Young people should be found and trained—trained in the principles. **There should be no doctrinal teaching given. If it is, inevitably the School will die.** The new truths are being fast recognised, but it is youth which is recognising them.

Cần tìm kiếm và huấn luyện những người trẻ —huấn luyện về các nguyên khí. **Không nên truyền dạy theo lối giáo điều. Nếu làm vậy, Trường tất yếu sẽ chết.** Những chân lý mới đang nhanh chóng được nhận biết, nhưng chính giới trẻ đang nhận biết chúng.

108. The Tibetan gives advice concerning the continuance of the work. It will not continue without young people properly trained.

108. Chân sư Tây Tạng đưa ra lời khuyên về việc tiếp tục công việc. Công việc sẽ không thể tiếp tục nếu thiếu những người trẻ được huấn luyện đúng đắn.

109. Training in principles rather than in doctrine and dogma is essential. He offers a very flat statement—the School will die if the teaching becomes doctrinal. The young people of that day would not stand it; neither will the young people of our own era.

109. Điều thiết yếu là huấn luyện về các nguyên khí thay vì về giáo lý và giáo điều. Ngài đưa ra một khẳng định hết sức dứt khoát—Trường sẽ chết nếu việc giảng dạy trở nên giáo điều. Những người trẻ thời ấy sẽ không chấp nhận điều đó; những người trẻ trong thời đại chúng ta cũng vậy.

110. Can we say that in our present time, it is the youth which is recognizing the new truths? How much are we (often older students of the work) caught in doctrine and dogma?

110. Chúng ta có thể nói rằng trong thời đại hiện nay, chính giới trẻ đang nhận ra những chân lý mới chăng? Chúng ta (thường là những môn sinh lớn tuổi hơn theo học giáo huấn này) bị mắc kẹt trong học thuyết và giáo điều đến mức nào?

Those who have for twenty years absorbed a system of thought are apt to be so absorbed by it [87] that it is hard for them to recognise the new and vital incoming truth, and the **sad part is that they are often sure they do.** The new truths are overshadowing us today; if the Invocation means anything, it is what must be expected.

Những người đã tiếp thu một hệ thống tư tưởng suốt hai mươi năm dễ bị hệ thống ấy cuốn hút đến mức [87] khó nhận ra chân lý mới mẻ và đầy sinh lực đang đi vào; **điều đáng buồn là họ thường tin chắc mình đã nhận ra.** Ngày nay, những chân lý mới đang phủ bóng chúng ta; nếu lời Khẩn Cầu có ý nghĩa gì, thì đó chính là điều phải được mong đợi.

111. Master DK warns of a danger—that long-term students of the work will fail to recognize the newer truths overshadowing humanity at this time.

111. Chân sư DK cảnh báo về một nguy cơ—những môn sinh đã theo học giáo huấn này lâu năm sẽ không nhận ra những chân lý mới hơn đang phủ bóng nhân loại vào lúc này.

112. The use of the Great Invocation will, of course, invoke the descent of that which is new.

112. Dĩ nhiên, việc sử dụng Đại Khẩn Nguyện sẽ khẩn cầu sự giáng xuống của những điều mới mẻ.

113. How to break through the delusion that one is not deluded!? Everything said to His students some sixty years ago, applies directly to ourselves today.

113. Làm sao phá tan được sự mê lầm rằng mình không mê lầm!? Tất cả những gì Ngài nói với các môn sinh của Ngài khoảng sáu mươi năm trước đều áp dụng trực tiếp cho chính chúng ta ngày nay.

The principles to be emphasised are:

Những nguyên khí cần nhấn mạnh là:

1. The Arcane School trains disciples. Its curriculum is therefore eliminative. Its standard cannot be lowered. It is not a school for probationers. **It will consequently always remain relatively small.**

1. Trường Arcane huấn luyện đệ tử. Vì vậy, chương trình học của Trường có tính sàng lọc. Không thể hạ thấp tiêu chuẩn của Trường. Đây không phải là trường dành cho những người dự bị. **Do đó, Trường sẽ luôn duy trì quy mô tương đối nhỏ.**

114. There are those who seek ever to expand the esoteric offering to the public. This can be a sound approach as long as it is realized that truly deep training will never be appreciated (at least at this point in history) by really large numbers of students.

114. Có những người luôn tìm cách mở rộng việc cung cấp giáo huấn nội môn cho công chúng. Đây có thể là một cách tiếp cận đúng đắn, miễn là họ nhận ra rằng sự huấn luyện thực sự sâu sắc sẽ không bao giờ được đông đảo môn sinh trân trọng (ít nhất là vào thời điểm này trong lịch sử).

115. One of the key distinctions which AAB made between the Arcane School and the normal Theosophical approach was that the School was for disciples and the TS was in the process of training, for the most part, probationary disciples.

115. Một trong những khác biệt then chốt mà Bà AAB nêu ra giữa Trường Arcane và cách tiếp cận thông thường của Thông Thiên Học là Trường dành cho các đệ tử, còn Hội Thông Thiên Học (TS) phần lớn đang huấn luyện các đệ tử dự bị.

116. Those of us who are involved in promoting esoteric teaching in a relatively pure form must remember what is here said of the membership of the AS.

116. Những ai trong chúng ta đang tham gia phổ biến giáo huấn nội môn dưới một hình thức tương đối thuần khiết phải nhớ những điều nói ở đây về thành phần học viên của Trường Arcane (AS).

117. This list of points concerning the Arcane School is precisely that which appeared in the pamphlet describing the School.

117. Danh sách những điểm liên quan đến Trường Arcane này chính là danh sách đã xuất hiện trong tập sách mỏng giới thiệu về Trường.

2. It is a school for adults wherein occult obedience is developed. This is not obedience to man-made rules or school obediences, but involves **soul obedience.**

2. Đây là một trường dành cho người trưởng thành, nơi sự tuân phục huyền bí được phát triển. Đó không phải là sự tuân phục những quy định do con người đặt ra hay những yêu cầu tuân phục của trường học, mà là **sự tuân phục linh hồn.**

118. The second principle emphasizes obedience to the *soul* and not to persons. The

118. Nguyên khí thứ hai nhấn mạnh sự tuân phục *linh hồn* chứ không phải sự tuân phục các cá nhân. Người sùng tín thông thường có

average devotee may find such an approach impersonal.

3. This is a school wherein belief in the Hierarchy is scientifically taught, not as a doctrine but as an existent and provable natural kingdom; the rules of the Ashram and the dual life of the disciple are emphasised.

119. In the Arcane School the Hierarchy is presented as "an existent and provable natural kingdom"—the Kingdom of Souls. One need not only *believe* in it; one may establish for oneself whether or not it is existent.

120. If we are sincere disciples two factors will be at the forefront of consciousness:

1. The rules of the Ashram

2. The dual life of the disciple

4. This is a school wherein the student is taught that "the souls of men are one."

121. All trace of separativeness is eliminated in the training offered by the Arcane School. Further, as we find in Rule V for Disciples and Initiates—there is no "my soul and thine".

5. **No claim for place or power is made, and the claim of being an initiate is never heard.** The Headquarters Group and the workers in the School are there because of spiritual inclination.

122. It must be established in our consciousness that claims of initiate status

thể thấy cách tiếp cận như vậy mang tính vô ngã.

3. Đây là một trường mà niềm tin vào Thánh đoàn được giảng dạy một cách khoa học, như một giới trong tự nhiên thực sự hiện hữu và có thể chứng minh, chứ không như một giáo điều; các quy luật của ashram và đời sống kép của đệ tử được nhấn mạnh.

119. Tại Trường Arcane, Thánh đoàn được trình bày như "một giới trong tự nhiên thực sự hiện hữu và có thể chứng minh"—Giới Linh Hồn. Người ta không chỉ cần *tin* vào giới ấy; mỗi người có thể tự xác minh xem giới ấy có thực sự hiện hữu hay không.

120. Nếu chúng ta là những đệ tử chân thành, hai yếu tố sẽ giữ vị trí hàng đầu trong tâm thức:

1. Các quy luật của Ashram

2. Đời sống kép của người đệ tử

4. Đây là một trường học dạy cho đạo sinh rằng "linh hồn của mọi người là một."

121. Sự huấn luyện của Trường Arcane loại bỏ mọi dấu vết của tính chia rẽ. Hơn nữa, như chúng ta thấy trong Quy luật V dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ—không có "linh hồn tôi và linh hồn bạn".

5. **Không ai đưa ra lời tuyên bố về địa vị hay quyền lực, và không bao giờ nghe thấy lời tự nhận mình là điểm đạo đồ.** Nhóm Trụ Sở và những người hoạt động trong Trường có mặt ở đó vì khuynh hướng tinh thần.

122. Chúng ta phải xác lập trong tâm thức rằng những lời tự nhận địa vị điểm đạo đồ

guarantee that one is not what one claims. This is one of the preliminary tests involving the subjugation of the lower ego.

bảo đảm rằng người tự nhận không phải là điều họ tuyên bố. Đây là một trong những thử thách sơ bộ liên quan đến việc chế ngự phàm ngã.

123. Hierarchy is a meritocracy and no hierarchy of persons in the conventional sense. One's fruits alone will proclaim one's hierarchical status.

123. Thánh đoàn là một tổ chức trọng thực tài, không phải một hệ thống thứ bậc giữa các cá nhân theo nghĩa thông thường. Chỉ những thành quả của mỗi người mới nói lên địa vị của họ trong Thánh đoàn.

6. The Arcane School is non-sectarian, non-political and international in its thinking. **Service is its keynote.** Its members can work in any sect and in any political party, provided they remember that all paths lead to God and that "the One Humanity" governs all their thinking.

6. Trường Arcane không thuộc giáo phái nào, không tham gia chính trị và có tư duy quốc tế. **Phụng sự là chủ âm của Trường.** Các thành viên có thể hoạt động trong bất kỳ giáo phái hay chính đảng nào, miễn là họ nhớ rằng mọi con đường đều dẫn đến Thượng đế và rằng "Nhân Loại Duy Nhất" chi phối toàn bộ tư duy của họ.

124. An indispensable note of inclusiveness is sounded. The Arcane School avoids all partisanship and thinks in terms of the "the One Humanity"

124. Một âm điệu không thể thiếu của tính bao gồm được xướng lên. Trường Arcane tránh mọi sự thiên vị phe phái và tư duy trên cơ sở "Nhân Loại Duy Nhất"

7. The fundamental doctrines of the Ageless Wisdom, recognised all over the world and as expounded in my books, constitute the foundational teaching of the Arcane School. This is so, not because they are my books but because they are part of the continuity of the Ageless Wisdom and **constitute the latest emanation of the Ageless Wisdom issued by the Hierarchy.**

7. Những giáo lý căn bản của Minh Triết Ngàn Đời, được thừa nhận trên khắp thế giới và được trình bày trong các cuốn sách của Tôi, tạo thành giáo huấn nền tảng của Trường Arcane. Điều này đúng như vậy vì chúng là một phần trong dòng tiếp nối của Minh Triết Ngàn Đời và **tạo thành sự phát xạ mới nhất của Minh Triết Ngàn Đời do Thánh đoàn truyền ra, chứ không phải vì đó là những cuốn sách của Tôi.**

125. There are many teachings which claim to issue from the Hierarchy. All such claims must be carefully evaluated. As the Blue Books began to be written, the Tibetan was an anonymous author and did not claim any hierarchical status. Word that He was

125. Có nhiều giáo huấn tự nhận là xuất phát từ Thánh đoàn. Cần đánh giá cẩn thận tất cả những lời tự nhận như vậy. Khi các sách Xanh bắt đầu được viết, Chân sư Tây Tạng là một tác giả ẩn danh và không tự nhận bất kỳ địa vị nào trong Thánh đoàn. Về sau, trong quá trình viết sách, thông tin rằng

Master Djwhal Khul emerged later in the process and by accident.

Ngài là Chân sư Djwhal Khul mới tình cờ được tiết lộ.

126. In this letter, Master DK is speaking to His accepted chelas and not to the general public, though it is certain that He realized that His words would reach the public.

126. Trong bức thư này, Chân sư DK đang nói với các đệ tử được chấp nhận của Ngài, dù chắc chắn Ngài nhận biết rằng những lời của Ngài sẽ đến với công chúng.

127. The teaching presented by Master DK is trustworthy and foundational. It is a teaching too big for possession by the lower ego. Facing this teaching, the initial sincere response will be humility.

127. Giáo huấn do Chân sư DK trình bày đáng tin cậy và có tính nền tảng. Đây là một giáo huấn quá lớn lao để phàm ngã có thể chiếm hữu. Đứng trước giáo huấn này, đáp ứng chân thành ban đầu sẽ là sự khiêm nhường.

128. There is an implication in what DK says: namely, that emanations of the Ageless Wisdom issued by the Hierarchy are not frequent—nowhere near as frequent as today's thousands of channelers would have us believe.

128. Những lời Chân sư DK nói hàm ý rằng: các sự phát xạ của Minh Triết Ngàn Đời do Thánh đoàn truyền ra không diễn ra thường xuyên—tần suất ấy thấp hơn rất nhiều so với điều mà hàng nghìn người truyền thông điệp qua trung gian ngày nay muốn chúng ta tin.

They must not be permitted to become a Bible of a sect, as has been the case with The Secret Doctrine and the [88] Theosophical Society.

Không được để chúng trở thành một bộ Kinh Thánh của một giáo phái, như điều đã xảy ra với Giáo Lý Bí Nhiệm và [88] Hội Thông Thiên Học.

129. DK seeks to avoid for the second installment of His teaching (with AAB) the fate that befell the *Secret Doctrine.* Once the concrete mind fastens upon a teaching and attempts to make it its own, the true spirit of understanding disappears and crystallization sets in.

129. Chân sư DK tìm cách giúp phần thứ hai trong giáo huấn của Ngài (cùng với Bà AAB) tránh khỏi số phận đã xảy đến với *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Một khi trí cụ thể bám chặt vào một giáo huấn và cố biến giáo huấn ấy thành sở hữu của mình, tinh thần thấu hiểu đích thực biến mất và sự kết tinh bắt đầu.

130. What is stated here is that the *Secret Doctrine* has become a 'Bible' and the Theosophical Society a sect. May a word to the wise be sufficient!

130. Điều được nêu ở đây là *Giáo Lý Bí Nhiệm* đã trở thành một bộ 'Kinh Thánh' và Hội Thông Thiên Học đã trở thành một giáo phái. Mong rằng một lời nhắc cũng đủ cho người sáng suốt!

131. Of course, one of the ways of overcoming incipient 'bible consciousness' with respect to the Blue Books, is to attempt to choose all that is best from classical Theosophy and merge it with what has been given through AAB.

131. Dĩ nhiên, một trong những cách khắc phục 'tâm thức sùng bái kinh thánh' mới manh nha đối với các Sách Xanh là cố gắng chọn lọc tất cả những gì tinh túy nhất từ Thông Thiên Học cổ điển và dung hợp chúng với những gì đã được truyền đạt qua AAB.

132. Close students of the second installment of DK's teaching will find that it opens doors to all manner of intellectual disciplines usually appreciated as valuable by humanity. His teaching does not draw a hard, cold line between esoteric knowledge and the knowledge of the world as may sometimes be the case in early Theosophy. But we must remember that HPB's task was often necessarily a destructive one and she had much materialism to overcome.

132. Những đạo sinh nghiên cứu kỹ phần thứ hai trong giáo huấn của Chân sư DK sẽ nhận thấy giáo huấn ấy mở cửa đến mọi ngành học thuật mà nhân loại thường đánh giá là có giá trị. Giáo huấn của Ngài không vạch một ranh giới cứng nhắc, lạnh lùng giữa tri thức nội môn và tri thức thế gian, như đôi khi có thể thấy trong Thông Thiên Học thời kỳ đầu. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng nhiệm vụ của Bà HPB thường nhất thiết phải mang tính phá hủy, và Bà phải vượt qua rất nhiều ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật.

This incidentally has been a profound disappointment to the Hierarchy. A.A.B. must not be turned into an occult authority. **Those connected with the Great White Lodge favour no Bibles or authorities—only the freedom of the human soul. The teaching matters, not the source or the form.**

Nhân đây, điều ấy đã khiến Thánh đoàn hết sức thất vọng. Không được biến A.A.B. thành một thẩm quyền huyền bí học. **Những vị liên kết với Thánh đoàn không tán thành bất kỳ bộ Kinh Thánh hay thẩm quyền nào—chỉ tán thành tự do của linh hồn con người. Điều quan trọng là giáo huấn, chứ không phải nguồn gốc hay hình thức.**

133. The Masters of the Wisdom can, indeed, experience disappointment. So much was possible and so little achieved. The ancient habits of humanity ever resist that which is new and better.

133. Quả thật, các Chân sư Minh Triết có thể trải nghiệm sự thất vọng. Biết bao điều đã có thể thực hiện, nhưng thành quả đạt được lại quá ít ỏi. Những thói quen lâu đời của nhân loại luôn chống lại những gì mới mẻ và tốt đẹp hơn.

134. Important fundamental principles are reiterated. We are moving out of the sixth ray Age of Pisces—an age of Bibles and authorities. The Age of Aquarius is an Age in which the human soul and its freedom are emphasized. But people seek to "escape from

134. Những nguyên lý nền tảng quan trọng được nhắc lại. Chúng ta đang rời khỏi Kỷ Nguyên Song Ngư thuộc cung sáu—một kỷ nguyên của các bộ Kinh Thánh và các thẩm quyền. Kỷ Nguyên Bảo Bình là một Kỷ Nguyên nhấn mạnh linh hồn con người và

freedom"; they are still in an adolescent state.

sự tự do của linh hồn. Nhưng con người lại tìm cách "trốn chạy tự do"; họ vẫn còn ở trạng thái vị thành niên.

Let me reiterate for the sake of clarity:

Để làm rõ, Tôi xin nhắc lại:

135. Because of the importance of the transition, DK is certainly driving the point home!

135. Vì tầm quan trọng của sự chuyển tiếp này, Chân sư DK quả đang nhấn mạnh cho thật thấm thía điều ấy!

None of you has any responsibility for the Arcane School or for the service activities though you can work helpfully, with humbleness and pure motive in any or all of them, under the direction of A.A.B. or of those into whose hands she has put responsibility....

Không ai trong các bạn có trách nhiệm đối với Trường Arcane hay các hoạt động phụng sự, dù các bạn có thể làm việc hữu ích, với lòng khiêm nhường và động cơ thanh khiết, trong bất kỳ hoặc tất cả các hoạt động ấy, dưới sự chỉ đạo của A.A.B. hay những người mà bà đã giao phó trách nhiệm....

136. DK is asking for humility and pure motive. He does not want His chelas (simply because they have been His chelas) to think they are therefore entitled to interfere with the workings of the Arcane School. He is trying to help them understand their true place.

136. Chân sư DK đang yêu cầu lòng khiêm nhường và động cơ thanh khiết. Ngài không muốn các đệ tử của Ngài nghĩ rằng họ có quyền can thiệp vào hoạt động của Trường Arcane chỉ vì họ từng là đệ tử của Ngài. Ngài đang cố gắng giúp họ thấu hiểu vị trí đích thực của mình.

It is in these relationships that you will develop the humility and pure motives which are the outstanding hallmarks of the disciple.

Chính trong những mối quan hệ này, các bạn sẽ phát triển lòng khiêm nhường và những động cơ thanh khiết, vốn là các dấu hiệu nổi bật của người đệ tử.

137. Again an assessment. His disciples do not yet entirely possess humility and pure motives—the hallmarks of the disciple. Certainly this letter from DK must have had a humbling effect upon its readers.

137. Lại một lời đánh giá nữa. Các đệ tử của Ngài vẫn chưa có đầy đủ lòng khiêm nhường và những động cơ thanh khiết—những dấu hiệu đặc trưng của người đệ tử. Chắc chắn bức thư này của Chân sư DK hẳn đã khiến những người đọc nó trở nên khiêm nhường hơn.

One thing I would however like you clearly to grasp and that is the pattern which

Tuy nhiên, có một điều Tôi muốn các bạn nắm thật rõ, đó là mô hình làm nền tảng cho

underlies the various aspects of the work now in process of expansion.

138. Expansion—the second of the three phases in a NGWS three year cycle. However, expansion, in this case, must mean much more than a phase in such a cycle. DK foresaw a necessary expansion of the Work for decades to come.

A brief diagram should make the relationship clear, and these relationships are factual today:

139. Master DK seeks to offer an enlightening perspective so that His chelas can better understand where they fit in the scheme of things.

THE SPIRITUAL HIERARCHY OF THE PLANET

working through

/

THE NEW GROUP OF WORLD SERVERS

using many agencies, among them

/

THE ARCANE SCHOOL

working through

/

những phương diện khác nhau của công việc hiện đang mở rộng.

138. Mở rộng—giai đoạn thứ hai trong ba giai đoạn của một chu kỳ ba năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Tuy nhiên, trong trường hợp này, sự mở rộng hẳn phải mang ý nghĩa lớn hơn nhiều so với một giai đoạn trong chu kỳ như vậy. Chân sư DK đã thấy trước sự mở rộng cần thiết của Công Việc trong nhiều thập niên tiếp theo.

Một sơ đồ ngắn gọn hẳn sẽ làm rõ mối quan hệ ấy, và những mối quan hệ này hiện nay là sự thật:

139. Chân sư DK tìm cách đưa ra một góc nhìn soi sáng để các đệ tử của Ngài có thể hiểu rõ hơn vị trí của họ trong toàn thể sự việc.

THÁNH ĐOÀN CỦA HÀNH TINH

hoạt động thông qua

/

ĐOÀN NGƯỜI MỚI PHỤNG SỰ THẾ GIAN

sử dụng nhiều phương tiện hoạt động, trong đó có

/

TRƯỜNG ARCANE

hoạt động thông qua

/

THE SERVICE ACTIVITIES

the Triangles, the Goodwill work, the Invocation work

allied with

/

THE LUCIS PUBLISHING COMPANY

CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤNG SỰ

các Tam Giác, công việc Thiện Chí, công việc Khẩn Cầu

liên kết với

/

CÔNG TY XUẤT BẢN LUCIS

140. The descent is clear. It should be noted that NGWS is of greater importance than the Arcane School and that it supersedes the Service Activities. The arrangement is hierarchical.

140. Trình tự từ trên xuống rất rõ ràng. Cần lưu ý rằng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có tầm quan trọng lớn hơn Trường Arcane và giữ vị trí cao hơn Các Hoạt Động Phụng Sự. Cách sắp xếp này theo thứ bậc.

The energy of the **New Group of World Servers could be likened to the antahkarana which connects humanity with the Hierarchy**and provides a channel of contact with the Ashrams of the Masters.

Năng lượng của **Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có thể ví như antahkarana nối liền nhân loại với Thánh đoàn** và tạo một kênh tiếp xúc với các ashram của các Chân sư.

141. We can see that the NGWS is no insignificant group of worldly servers. It has a deeply occult meaning and includes within its ranks initiates perhaps even of the fourth degree. As the ajna center of Sanat Kumara it lies midway between His throat center, humanity and His heart center, Hierarchy.

141. Chúng ta có thể thấy rằng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian không phải là một nhóm phụng sự thế gian tầm thường. Đoàn có một ý nghĩa huyền bí sâu xa và trong hàng ngũ của mình có những điểm đạo đồ có lẽ đạt đến cả cấp độ thứ tư. Là trung tâm ajna của Sanat Kumara, Đoàn nằm ở giữa trung tâm cổ họng của Ngài là nhân loại và trung tâm tim của Ngài là Thánh đoàn.

The Arcane School can be considered [89] as one of the results of the activity of the New Group of World Servers. There are many others scattered all over the world. The same holds true of the Service Activities.

Có thể xem Trường Arcane [89] là một trong những kết quả từ hoạt động của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Còn nhiều kết quả khác rải rác khắp thế giới. Điều tương tự cũng đúng với các Hoạt Động Phụng Sự.

142. Both the Arcane School and the Service Activities grow out of the New Group of

142. Cả Trường Arcane lẫn các Hoạt Động Phụng Sự đều phát sinh từ Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Đoàn Người Mới Phụng

World Servers. The NGWS is the beacon light for humanity from within humanity.

Sự Thế Gian là ngọn hải đăng soi sáng cho nhân loại từ bên trong chính nhân loại.

No esoteric group is soundly handled and correctly motivated unless the spiritual energies which are available to it and the knowledge and the wisdom unfolded find expression in definite service. The service activities are, therefore, an expression of the livingness of the Arcane School and that relationship must be valued and preserved.

Không nhóm nội môn nào được điều hành vững vàng và có động cơ đúng đắn nếu những năng lượng tinh thần sẵn có cho nhóm, cùng tri thức và minh triết đã khai mở, không biểu hiện thành sự phụng sự cụ thể. Vì vậy, các hoạt động phụng sự là biểu hiện của sức sống của Trường Arcane, và mối quan hệ ấy phải được trân trọng, gìn giữ.

143. The preeminence of service is emphasized. All spiritual energy accessible to individuals and groups is to work out in definite service. The "livingness" of any spiritual group is dependent upon its service.

143. Ở đây nhấn mạnh vị trí tối trọng của phụng sự. Mọi năng lượng tinh thần mà các cá nhân và các nhóm có thể tiếp cận đều phải biểu hiện thành sự phụng sự cụ thể. "Sức sống" của bất kỳ nhóm tinh thần nào cũng tùy thuộc vào sự phụng sự của nhóm ấy.

As disciples, your place is in the senior ranks of the New Group of World Servers and your responsibility, as a group, is to aid a phase of the work to be done which is strictly the project of the Hierarchy as a whole.

Là đệ tử, vị trí của các bạn nằm trong hàng ngũ cao niên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, và trách nhiệm của các bạn, với tư cách một nhóm, là trợ giúp một phương diện công việc cần thực hiện, vốn hoàn toàn là dự án của toàn thể Thánh đoàn.

144. The place of the disciple within the NGWS is clearly stated— "in the senior ranks".

144. Vị trí của đệ tử trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian được nêu rõ—"trong hàng ngũ cao niên".

145. The responsibility of disciples (as a group) is to aid a phase of the work sponsored by Hierarchy. If the work aided is not that which Hierarchy is "strictly" sponsoring, then a group of disciples should change its emphasis.

145. Trách nhiệm của các đệ tử (với tư cách một nhóm) là trợ giúp một phương diện công việc do Thánh đoàn bảo trợ. Nếu công việc mà nhóm trợ giúp không phải là công việc do "chính" Thánh đoàn bảo trợ, thì nhóm đệ tử ấy nên thay đổi trọng tâm của mình.

I ask you to throw your efforts into the work of preparation for the reappearance of the Christ, to further in all possible ways the distribution both of the pamphlet so

Tôi yêu cầu các bạn dồn nỗ lực vào công việc chuẩn bị cho sự tái lâm của Đức Christ, thúc đẩy bằng mọi cách có thể việc phân phối cả tập sách mỏng mang tên ấy lẫn

entitled and the book which deals with His reappearance. The world must be flooded with the information and through the hope and expectancy thus engendered may move forward into greater light, better human relations and a newer happiness.

146. DK submits a very direct request. His remaining group of chelas is to do everything possible to assist in the preparation for the Reappearance of the Christ. Word of His impending Reappearance is the hope of the world and will serve as a great stimulus "forward into greater light, better human relations and a newer happiness". The Tibetan could hardly be more direct in His request.

The results of your activities along this line should enhance the usefulness of the service activities of the Arcane School and swell the ranks of those who are working on mental levels in the Triangles and for right human relations through the medium of the Goodwill work.

147. The effect of such work for the Reappearance will assist the Triangles and the Goodwill work. DK is surely helping His disciples prioritize.

Begin, my brothers, to do your own work, leaving others to shoulder their assigned responsibilities and waste no time in interfering in any phase of work which does not call for your attention. You are in my Ashram. The Arcane School is not a project of my Ashram and is, therefore, no responsibility of yours. It has been the

cuốn sách bàn về sự tái lâm của Ngài. Thông tin này phải tràn ngập thế giới, và nhờ niềm hy vọng cùng sự mong đợi nảy sinh từ đó, thế giới có thể tiến vào ánh sáng lớn lao hơn, những mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa người với người và một niềm hạnh phúc mới mẻ hơn.

146. Chân sư DK đưa ra một yêu cầu hết sức trực tiếp. Nhóm đệ tử còn lại của Ngài phải làm mọi điều có thể để trợ giúp công việc chuẩn bị cho sự Tái Lâm của Đức Christ. Tin về sự Tái Lâm sắp đến của Ngài là niềm hy vọng của thế giới và sẽ là một động lực lớn thúc đẩy thế giới "tiến vào ánh sáng lớn lao hơn, những mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa người với người và một niềm hạnh phúc mới mẻ hơn". Chân sư Tây Tạng khó có thể đưa ra yêu cầu trực tiếp hơn nữa.

Kết quả từ các hoạt động của các bạn theo hướng này phải làm tăng tính hữu ích của các hoạt động phụng sự thuộc Trường Arcane và bổ sung hàng ngũ những người đang hoạt động trên các cấp độ trí tuệ trong các Tam Giác, cũng như những người hoạt động vì các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người thông qua công việc Thiện Chí.

147. Tác động của công việc như thế nhằm chuẩn bị cho sự Tái Lâm sẽ trợ giúp các Tam Giác và công việc Thiện Chí. Chắc chắn Chân sư DK đang giúp các đệ tử của Ngài xác định thứ tự ưu tiên.

Các huynh đệ của Tôi, hãy bắt đầu làm phần việc của chính mình, để những người khác gánh vác trách nhiệm đã được giao và đừng lãng phí thời gian can thiệp vào bất kỳ phương diện công việc nào không cần đến sự quan tâm của các bạn. Các bạn ở trong ashram của Tôi. Trường Arcane không phải là dự án của ashram của Tôi, và vì vậy không

means of giving you a greatly needed esoteric training and will continue to do so if you so desire, **but the work of the Christ (to which all Ashrams are pledged) calls for your cooperation; it is this responsibility which I lay upon your shoulders.**

thuộc trách nhiệm của các bạn. Trường đã là phương tiện mang lại cho các bạn sự huấn luyện nội môn hết sức cần thiết và sẽ tiếp tục như vậy nếu các bạn mong muốn, **nhưng công việc của Đức Christ, mà tất cả các ashram đều cam kết thực hiện, đang kêu gọi sự hợp tác của các bạn; chính trách nhiệm ấy là điều Tôi đặt lên vai các bạn.**

148. One of the major messages of this letter has been one of non-interference. The Tibetan has wanted His chelas to discriminate between the work of the Arcane School and the work related to His own Ashram. Now, in addition, he calls for an enlargement of their point of view so that they can more directly serve the Christ.

148. Một trong những thông điệp chính của bức thư này là không can thiệp. Chân sư Tây Tạng muốn các đệ tử của Ngài phân biện giữa công việc của Trường Arcane và công việc liên quan đến ashram của chính Ngài. Giờ đây, Ngài còn kêu gọi họ mở rộng quan điểm để có thể phụng sự Đức Christ trực tiếp hơn.

149. It is as if the Tibetan is transferring the attention of His chelas from a focus within His own Ashram to the greater Ashram—the Ashram of which the Christ is the heart and head.

149. Dường như Chân sư Tây Tạng đang chuyển sự chú tâm của các đệ tử của Ngài từ trọng tâm bên trong ashram của chính Ngài sang ashram lớn hơn—ashram mà Đức Christ là trái tim và là người đứng đầu.

150. Disciples can be pledged; Ashrams can be pledged as well (an interesting point). DK is calling upon His chelas to honor the pledge of His Ashram to the Christ.

150. Các đệ tử có thể lập lời cam kết; các ashram cũng có thể lập lời cam kết (một điểm thú vị). Chân sư DK đang kêu gọi các đệ tử của Ngài thực hiện trọn vẹn lời cam kết của ashram của Ngài với Đức Christ.

That the years may see developed in all of you a firmer dedication, a self-sacrificing service and a deepened humility, is the hope and prayer of your friend, collaborator and Master.

Mong rằng theo năm tháng, tất cả các bạn sẽ phát triển sự tận hiến vững chắc hơn, tinh thần phụng sự quên mình và lòng khiêm nhường sâu sắc hơn; đó là niềm hy vọng và lời nguyện cầu của người bạn, người cộng tác và Chân sư của các bạn.

151. Here is a final benediction.

151. Đây là lời ban phúc cuối cùng.

152. DK asks of His chelas the following:

152. Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài những điều sau:

a. A firmer dedication

b. A self-sacrificing service

c. A deepened humility

153. Let us review His request in terms of our own life.

154. Master DK also hopes and prays, indicating His uplifting aspect of His love nature.

155. We leave a consideration of this letter with the realization that a Master is both a “friend” and a “collaborator”. It is important to understand this so that we may form a truer image of the nature of a Master.

a. Sự tận hiến vững chắc hơn

b. Tinh thần phụng sự quên mình

c. Lòng khiêm nhường sâu sắc hơn

153. Chúng ta hãy xem xét lại yêu cầu của Ngài trong mối liên hệ với cuộc sống của chính mình.

154. Chân sư DK cũng hy vọng và nguyện cầu, qua đó cho thấy phương diện nâng đỡ trong bản chất yêu thương của Ngài.

155. Chúng ta kết thúc việc suy xét bức thư này với nhận thức rằng một Chân sư vừa là một “người bạn” vừa là một “người cộng tác”. Thấu hiểu điều này là điều quan trọng để chúng ta có thể hình thành một hình ảnh chân thực hơn về bản chất của một Chân sư.

Commentary 34

[91-100]

[90]

MY BROTHERS:

I have no group instructions for you now. Nor shall I have again.

1. These are the final letters written in the final year of AAB's last incarnation.

When the instructions on the designated themes are completed, I will write an instruction upon group work which will close all that I have to say on the subject in the two volumes of the book *Discipleship in the New Age*. The major intention of this book is to **awaken the aspirational public to the opportunity for training which is theirs if they so choose;**

2. We must not overlook the motivating power of aspiration. Opportunity exists, but one must choose to take it.

it should make them think with greater clarity of the Hierarchy and its functions;

3. This type of clarity, sadly, is still lacking in many. It is not that the necessary information has not been presented. It is simply that such information has not been assimilated.

[90]

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Hiện giờ, Tôi không có huấn thị nhóm nào dành cho các bạn. Và sau này cũng sẽ không có nữa.

1. Đây là những bức thư cuối cùng, được viết trong năm cuối cùng của kiếp lâm phàm sau cùng của AAB.

Khi hoàn tất những huấn thị về các chủ đề đã định, Tôi sẽ viết một huấn thị về công việc nhóm để khép lại tất cả những gì Tôi muốn nói về đề tài này trong hai tập sách *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới*. Ý định chủ yếu của cuốn sách là **thức tỉnh những người chí nguyện trong công chúng trước cơ hội huấn luyện dành cho họ nếu họ lựa chọn;**

2. Chúng ta không được bỏ qua sức thúc đẩy của khát vọng. Cơ hội luôn có, nhưng mỗi người phải lựa chọn nắm lấy cơ hội ấy.

cuốn sách phải giúp họ suy nghĩ rõ ràng hơn về Thánh đoàn và các chức năng của Thánh đoàn;

3. Đáng buồn thay, nhiều người vẫn thiếu sự rõ ràng này. Không phải những thông tin cần thiết chưa được trình bày. Chỉ đơn giản là họ chưa đồng hóa những thông tin ấy.

việc phổ biến những giáo huấn trong đó có thể mang lại nhiều điều tốt đẹp và mở ra

much good may come of sending forth its teachings and a new era in the field of spiritual instructions may result.

một kỷ nguyên mới trong lĩnh vực huấn thị tinh thần.

4. Who would give such instructions? Presumably, qualified disciples, and DK is probably not speaking of the instruction to be given after 2025—some seventy-five years head.

4. Ai sẽ đưa ra những huấn thị như vậy? Có lẽ là những đệ tử đủ năng lực, và có lẽ Chân sư DK không nói đến huấn thị sẽ được ban sau năm 2025—tức khoảng bảy mươi lăm năm về sau.

My present objective is now to help A.A.B. conclude **the important teaching** which I have—with her aid—been giving to the group over a long period of years;

Mục tiêu hiện nay của Tôi là giúp A.A.B. hoàn tất **giáo huấn quan trọng** mà Tôi đã truyền cho nhóm, với sự trợ giúp của bà,

5. DK calls the teaching He has been giving over many years "important teaching". This is how it is regarded by Hierarchy. Do we regard it as important? More importantly, if we regard it as important, *why* do we do so?

5. Chân sư DK gọi giáo huấn mà Ngài đã truyền dạy trong nhiều năm là "giáo huấn quan trọng". Đó là cách Thánh đoàn nhìn nhận giáo huấn ấy. Chúng ta có xem giáo huấn ấy là quan trọng không? Quan trọng hơn, nếu chúng ta xem giáo huấn ấy là quan trọng, thì *tại sao* chúng ta lại nghĩ như vậy?

it will then be available to the general public, after certain specific deletions, about which she knows and which are similar to those in the first volume.

trong suốt nhiều năm qua; sau đó, giáo huấn này sẽ được phổ biến đến công chúng, sau khi lược bỏ một số phần cụ thể mà bà đã biết, tương tự những phần đã lược bỏ trong tập thứ nhất.

6. We see that the deletions we frequently encounter are impulsed by DK and are not the sole prerogative of the editors.

6. Chúng ta thấy rằng những phần lược bỏ mà chúng ta thường gặp là do Chân sư DK chỉ đạo, và không hoàn toàn thuộc đặc quyền của các biên tập viên.

You have had more, much more, than you can assimilate;

Các bạn đã nhận được nhiều hơn, nhiều hơn rất nhiều so với khả năng đồng hóa của mình;

7. This is true of us today, even though our powers of assimilation (given the manner in which we are assisted electronically) should be much greater.

7. Điều này cũng đúng với chúng ta ngày nay, dù khả năng đồng hóa của chúng ta (xét đến cách các phương tiện điện tử hỗ trợ chúng ta) lẽ ra phải lớn hơn nhiều.

of the original group of students only a few are left; **of the more than fifty original members who have been affiliated with my Ashram, only sixteen remain, and of these only eight are truly active; and of these eight, two are causing me some questioning.**

trong nhóm đạo sinh ban đầu chỉ còn lại một số ít; **trong hơn năm mươi thành viên ban đầu từng liên kết với ashram của Tôi, chỉ còn lại mười sáu người, và trong số đó chỉ tám người thực sự hoạt động; trong tám người này, hai người đang khiến Tôi có phần băn khoăn.**

8. If we study carefully what is here said, we see that about thirty-four members have either dropped out, died or have been discontinued. Only half of the sixteen remaining members are active, and only six cause the Master no questioning.

8. Nếu nghiên cứu kỹ những điều nói ở đây, chúng ta thấy rằng khoảng ba mươi bốn thành viên đã rút lui, qua đời hoặc không còn được tiếp tục tham gia. Chỉ một nửa trong số mười sáu thành viên còn lại đang hoạt động, và chỉ sáu người không khiến Chân sư băn khoăn.

9. The remaining workers who are truly trustworthy account for some 12% of the original number of chelas.

9. Những người hoạt động còn lại thực sự đáng tin cậy chiếm khoảng 12% số đệ tử ban đầu.

You might at this point appropriately ask the following questions:**Wherein lies the fault, and was there error in the choices I made? Where does the blame lie for what—on the surface—appears to be such an outstanding failure?** It may perhaps interest you to have some of the reasons presented to you:

Đến đây, các bạn có thể đặt những câu hỏi thích hợp sau: **Sai sót nằm ở đâu, và Tôi có sai lầm trong những lựa chọn của mình không? Ai chịu trách nhiệm về điều mà, nhìn bề ngoài, dường như là một thất bại rõ rệt đến thế?** Có lẽ các bạn sẽ quan tâm khi được trình bày một số lý do:

10. Many students have asked exactly the same question that DK is asking.

10. Nhiều đạo sinh đã đặt đúng câu hỏi mà Chân sư DK đang nêu ra.

11. It may be, however, that 'nothing succeeds like failure' and that, in future years, the lessons of failure will have been learnt and a pronouncedly successful demonstration of externalizing ashramic work will be demonstrated (probably by the very disciples who apparently failed and by their successors).

11. Tuy nhiên, có lẽ 'không gì đem lại thành công bằng thất bại', và trong những năm tới, các bài học từ thất bại sẽ được lĩnh hội, và công việc ashram sẽ được ngoại hiện một cách thành công rõ rệt (có lẽ do chính những đệ tử dường như đã thất bại cùng những người kế tục họ thực hiện).

1. Khi lựa chọn thành viên cho ashram của mình, **chính một Chân sư cũng chịu sự chi**

1. A Master, in choosing the personnel of His Ashram, **is Himself governed by certain unavoidable factors**:

12. We notice that even a Master is not completely free, being governed by certain factors which are unavoidable.

a. The fact that the aspiration and the development of a disciple (usually stimulated by some senior disciple) has enabled him in thought and consciousness to reach the periphery of the Ashram;

13. We note the importance of the senior stimulating disciple. Can we, in our own life, identify such a disciple? Or, perhaps, the disciple who has probably stimulated us may be found upon the inner planes?

14. In my own life, I can identify one encounter which made all the difference. It was a moment of juncture between a fourth ray personality and a second ray soul. Perhaps you can find the moments of decision which directed you to the periphery of the Ashram. It would be worth the search.

sometimes **the spiritual forcing process brings him to that** [91] **point prematurely.**

15. When there is what we might call a 'premature arrival' at the periphery, the disciple may carry with him many evident liabilities as well as the pronounced aspiration which allowed him to make rapid progress.

The disciple is, however, there; the next move is (as you say) up to the Master; He

phối của một số yếu tố không thể tránh khỏi:

12. Chúng ta nhận thấy rằng ngay cả một Chân sư cũng không hoàn toàn tự do, vì Ngài chịu sự chi phối của một số yếu tố không thể tránh khỏi.

a. Việc khát vọng và sự phát triển của một đệ tử, thường do một đệ tử cao niên nào đó kích thích, đã giúp y vươn tới chu vi của ashram trong tư tưởng và tâm thức;

13. Chúng ta lưu ý tầm quan trọng của người đệ tử cao niên có tác động kích thích ấy. Trong cuộc đời mình, chúng ta có thể nhận diện một đệ tử như vậy không? Hay có lẽ, người đệ tử có khả năng đã kích thích chúng ta lại ở trên các cõi bên trong?

14. Trong cuộc đời mình, tôi có thể xác định một cuộc gặp gỡ đã tạo nên bước ngoặt quyết định. Đó là một thời điểm giao hội giữa một phàm ngã cung bốn và một linh hồn cung hai. Có lẽ các bạn có thể tìm ra những thời điểm quyết định đã hướng các bạn đến chu vi của ashram. Việc tìm kiếm ấy rất đáng công.

đôi khi **tiến trình thúc ép tinh thần đưa y đến** [91] **điểm ấy quá sớm.**

15. Khi xảy ra điều mà chúng ta có thể gọi là 'đến quá sớm' tại chu vi, người đệ tử có thể mang theo nhiều nhược điểm rõ rệt cùng với khát vọng mạnh mẽ đã giúp y tiến bộ nhanh chóng.

Tuy nhiên, đệ tử đã ở đó; bước tiếp theo, như các bạn nói, tùy thuộc vào Chân sư; khi ấy

must then give the disciple the opportunity to move closer, if the capacity for such a step lies in him.

Ngài phải cho đệ tử cơ hội tiến lại gần hơn, nếu y có khả năng thực hiện bước ấy.

16. We see that the Master is bound by a certain law: if the disciple has arrived, the Master must offer the opportunity for the next step. The Master knows not, however, whether the aspirant, having forged his was to the periphery, will really have the capacity to continue. The aspirant, usually somewhat deficient in self-knowledge, also does not know.

16. Chúng ta thấy rằng Chân sư chịu sự ràng buộc của một định luật nhất định: nếu đệ tử đã đến, Chân sư phải trao cơ hội để thực hiện bước tiếp theo. Tuy nhiên, Chân sư không biết liệu người chí nguyện, sau khi đã nỗ lực mở đường đến chu vi, có thực sự đủ khả năng tiếp tục hay không. Người chí nguyện, vốn thường còn phần nào thiếu sự hiểu biết về bản thân, cũng không biết.

b. The fact of karmic relationship. Many of those who have been given the opportunity to work with me have had some relationship with me over past lives and—**because of certain activities**—have warranted the opportunity to work in a still closer relationship.

b. Sự hiện hữu của mối quan hệ nghiệp quả. Nhiều người từng được trao cơ hội làm việc với Tôi đã có mối quan hệ nào đó với Tôi trong những kiếp trước, và **nhờ một số hoạt động nhất định**, họ đã xứng đáng với cơ hội làm việc trong một mối quan hệ còn gần gũi hơn.

17. Do we find it surprising that karma plays such a big role in offering opportunity to associate closely with the Master? Relationships that are, at first personal, evolve into something more spiritual as the evolutionary process continues.

17. Chúng ta có thấy ngạc nhiên khi nghiệp quả đóng vai trò lớn đến vậy trong việc mang lại cơ hội cộng tác mật thiết với Chân sư không? Những mối quan hệ ban đầu mang tính cá nhân sẽ tiến triển thành điều gì đó mang tính tinh thần hơn khi tiến trình tiến hoá tiếp diễn.

18. Have we looked around ourselves? It is very likely that there are those to whom we are presently related who will be with us again on a higher turn of the spiral. Some such people will be of future spiritual assistance to us; others will be spiritually assisted by us. And then, there are our peers with whom we shall advance steadily and easily as comrades between whom spiritual equality exists.

18. Chúng ta đã nhìn quanh mình chưa? Rất có thể trong số những người hiện có quan hệ với chúng ta, có những người sẽ lại đồng hành với chúng ta ở một vòng xoắn ốc cao hơn. Trong tương lai, một số người như vậy sẽ trợ giúp chúng ta về mặt tinh thần; những người khác sẽ nhận sự trợ giúp tinh thần từ chúng ta. Và còn có những người đồng đẳng với chúng ta, những người mà chúng ta sẽ cùng tiến bước đều đặn và dễ dàng như những bạn đồng hành bình đẳng về mặt tinh thần.

19. What are these "certain activities" which have warranted them the opportunity to work more closely with the Tibetan? While we cannot know, we may presume that the element of sacrifice was not missing.

19. Những "hoạt động nhất định" nào đã giúp họ có được cơ hội làm việc mật thiết hơn với Chân sư Tây Tạng? Tuy không thể biết, chúng ta có thể cho rằng yếu tố hi sinh đã không vắng mặt.

This they prove by working off karma. Such were H.S.D. and S.S.P., neither of whom has completely failed.

Họ chứng tỏ điều này bằng việc thanh toán nghiệp quả. H.S.D. và S.S.P. là những trường hợp như vậy; cả hai đều chưa hoàn toàn thất bại.

20. Those who work actively at the working off of karma demonstrate their fitness for further instruction.

20. Những người tích cực thanh toán nghiệp quả chứng tỏ mình đủ khả năng tiếp nhận sự huấn thị sâu hơn.

21. At the time of this writing neither HSD nor SSP were among the remaining disciples.

21. Vào thời điểm viết những dòng này, cả HSD lẫn SSP đều không còn ở trong số các đệ tử còn lại.

22. HSD's rays were 6/2 1—167. She was transferring from the sixth ray soul to the second. She was part of the New Seed Group. Her Sun-sign was Libra—interesting in light of the need to achieve balance during the soul ray transfer.

22. Các cung của HSD là 6/2 1—167. Bà đang chuyển từ linh hồn cung sáu sang cung hai. Bà là thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới. Dấu hiệu Mặt Trời của bà là Thiên Bình—một điều thú vị khi xét đến nhu cầu đạt sự cân bằng trong quá trình chuyển đổi cung linh hồn.

23. SSP's rays were 25-463. He had not been invited into the New Seed Group. He was among some who had reached, for this particular incarnation, their high water mark

23. Các cung của SSP là 25-463. Ông đã không được mời vào Nhóm Hạt Giống Mới. Ông thuộc số những người đã đạt đến đỉnh cao của mình trong kiếp lâm phàm cụ thể này

c. **The fact of the need—existent in the world today—for workers.**The Masters are perforce driven to use people to carry out certain phases of the exoteric work of service for which they may be fitted but for which they, from other angles, are not ready. Such a one was W.D.B.

c. **Nhu cầu về những người hoạt động đang hiện hữu trên thế giới ngày nay.** Các Chân sư buộc phải sử dụng những người có thể thích hợp để thực hiện một số phương diện của công việc phụng sự ngoại môn, dù xét từ những góc độ khác, họ chưa sẵn sàng cho công việc ấy. W.D.B. là một trường hợp như vậy.

24. We see that the Master does not always have, ready-to-hand, thenecessary material to carry out His intentions. *We* are the material.

24. Chúng ta thấy rằng không phải lúc nào Chân sư cũng có sẵn chất liệu cần thiết để thực hiện những ý định của Ngài. *Chúng ta* chính là chất liệu ấy.

25. He is faced with disciples who in some ways are fit and ready and in other ways are not. Choosing such a disciple for work will be a gamble, but a risk which the Master is apparently willing to take, given the extent of world need. The gamble *may* pay off and the chosen disciple may make the grade.

25. Ngài phải đối diện với những đệ tử thích hợp và sẵn sàng ở một số phương diện, nhưng ở những phương diện khác thì chưa. Chọn một đệ tử như vậy để làm việc sẽ là một sự đánh cược, nhưng xét đến mức độ nhu cầu của thế giới, dường như Chân sư sẵn lòng chấp nhận rủi ro ấy. Sự đánh cược ấy *có thể* mang lại kết quả, và người đệ tử được chọn có thể đạt yêu cầu.

26. The rays of WDB were 2 and 4 and her Sun-sign was Gemini. She did not remain with the group long enough to receive her mental, emotional and physical ray. The revelation of these rays came later in the process, *after* the disciple had become used to the idea of his/her soul and personality ray and had worked with them.

26. Các cung của WDB là 2 và 4, và dấu hiệu Mặt Trời của bà là Song Tử. Bà đã không ở lại với nhóm đủ lâu để được cho biết các cung thể trí, cảm xúc và thể xác của mình. Việc tiết lộ những cung này diễn ra muộn hơn trong tiến trình, *sau khi* người đệ tử đã quen với ý tưởng về cung linh hồn và cung phàm ngã của mình, đồng thời đã làm việc với các cung ấy.

27. WDB withdrew when certain of her weaknesses were revealed in the group process.

27. WDB rút lui khi một số nhược điểm của bà bộc lộ trong tiến trình sinh hoạt nhóm.

"You have been so personal, my brother. You have insulated yourself behind a wall of silence, and cannot be reached. The karmic opportunity was offered you, but you recognised it not. My definition of the type of glamour from which you suffer with facility drove you behind this wall in hurt pride and resentment that your brothers should know your weaknesses. My brother, this should not be. It is all a part of the environing illusion. What matters it if each knows the weaknesses of his brother on the Path, and if all are aware of an individual's frailty? Are you yet so imperfect and are you

"Huynh đệ của tôi, em đã quá nặng tính cá nhân. Em đã tự cô lập sau một bức tường im lặng, khiến không ai có thể tiếp cận em. Cơ hội do nghiệp quả mang đến đã được trao cho em, nhưng em không nhận ra. Định nghĩa của Tôi về loại ảo cảm mà em dễ mắc phải đã đẩy em vào sau bức tường này, với lòng tự ái bị tổn thương và sự oán giận vì các huynh đệ biết những nhược điểm của em. Huynh đệ của tôi, điều này không nên như vậy. Tất cả đều là một phần của ảo tưởng bao quanh. Việc mỗi người biết những nhược điểm của huynh đệ mình trên Đường Đạo, và tất cả đều biết sự yếu đuối của một cá nhân,

yet so unloving that knowledge need evoke criticism and resentment, instead of love and understanding? This you could not face and hence your retreat. Thus, you work out your problems in solitude away from your esoteric group which you will again find at a later date, though probably—not inevitably—in another life. Who can set a pace to a soul's destiny?" (DINA I 300-301)

thì có gì quan trọng? Các em vẫn còn bất toàn đến thế, vẫn còn thiếu tình thương đến thế sao, mà sự hiểu biết ấy lại phải khơi dậy sự chỉ trích và oán giận, thay vì tình thương và sự thấu hiểu? Em đã không thể đối diện với điều này, và vì thế em rút lui. Do đó, em giải quyết những vấn đề của mình trong cô độc, xa nhóm nội môn của em, nhóm mà sau này em sẽ tìm lại, dù có lẽ—nhưng không nhất thiết—trong một kiếp sống khác. Ai có thể định nhịp bước cho vận mệnh của một linh hồn?" (DINA I 300-301)

All these factors necessarily governed my choice, for I too (even though I may be a Master) am **controlled by esoteric Law and must proffer opportunity.**

Tất cả những yếu tố này tất nhiên đã chi phối sự lựa chọn của Tôi, vì ngay cả Tôi, dù có thể là một Chân sư, cũng **chịu sự chi phối của Định luật huyền bí và phải trao cơ hội.**

28. The factors were attainment, karma and world need.

28. Những yếu tố ấy là thành tựu, nghiệp quả và nhu cầu của thế giới.

29. DK mentions the limitations under which He works. We see what governed the choice of His 'material'.

29. Chân sư DK đề cập đến những giới hạn mà Ngài phải làm việc trong đó. Chúng ta thấy điều gì đã chi phối việc lựa chọn 'chất liệu' của Ngài.

30. We also note that He *must* proffer opportunity under the conditions presented. This means He is not free to deny opportunity to those who have been presented to him because of their attainment and karma. He is also obliged to consider world need as a factor warranting the taking of risk in the selection of co-workers.

30. Chúng ta cũng lưu ý rằng Ngài *phải* trao cơ hội trong những điều kiện hiện có. Điều này có nghĩa là Ngài không được tự do từ chối cơ hội cho những người đã được đưa đến với Ngài do thành tựu và nghiệp quả của họ. Ngài cũng buộc phải xem xét nhu cầu của thế giới như một yếu tố biện minh cho việc chấp nhận rủi ro khi lựa chọn những người cộng tác.

Among those chosen there has been much failure, but **because consecration and devotion to either the Hierarchy or Humanity are still to be found in them, the affiliation with my Ashram still persists,** even though in so few cases can permission to move closer be granted;

Trong số những người được chọn đã có nhiều thất bại, nhưng **vì nơi họ vẫn còn sự thánh hiến và lòng tận tụy đối với Thánh đoàn hoặc Nhân loại, nên mối liên kết với ashram của Tôi vẫn tồn tại,** dù chỉ trong rất ít trường hợp mới có thể cho phép tiến lại gần hơn;

31. There has been failure but we are also informed that failure has been powerless to sever the affiliation with Master DK's Ashram. Consecration and devotion to either the Hierarchy or Humanity (as some disciples obviously did not have *both*) have warranted their continued affiliation.

31. Đã có thất bại, nhưng chúng ta cũng được biết rằng thất bại không đủ sức cắt đứt mối liên kết với ashram của Chân sư DK. Sự thánh hiến và lòng tận tụy đối với Thánh đoàn hoặc Nhân loại (vì rõ ràng một số đệ tử không có *cả hai*) đã bảo đảm cho họ tiếp tục duy trì mối liên kết ấy.

32. Continued affiliation, however, is not equivalent to the permission to move deeper into the Ashram and closer to the Master. The Ashram must be protected from the unready, and the unready protected from the Ashram.

32. Tuy nhiên, việc tiếp tục duy trì mối liên kết không đồng nghĩa với việc được phép tiến sâu hơn vào ashram và đến gần Chân sư hơn. Cần bảo vệ ashram khỏi những người chưa sẵn sàng, và bảo vệ những người chưa sẵn sàng khỏi ashram.

33. We might pause to reflect: what is the nature of *our* consecration and devotion to either Hierarchy or Humanity? We note the value of *devotion.* As we attempt to establish mental polarization, we may come to despise the word, but the Masters know its value. See for instance the case of BSD—36-563.

33. Chúng ta có thể dừng lại để suy ngẫm: sự thánh hiến và lòng tận tụy của *chúng ta* đối với Thánh đoàn hoặc Nhân loại có bản chất như thế nào? Chúng ta lưu ý giá trị của *lòng tận tụy.* Khi cố gắng thiết lập sự phân cực trí tuệ, chúng ta có thể dần xem thường từ này, nhưng các Chân sư biết giá trị của nó. Chẳng hạn, hãy xem trường hợp của BSD—36-563.

they are not yet ready to reach a "**more enlightened ashramic position**," as it is called.

họ vẫn chưa sẵn sàng đạt tới điều được gọi là một "**vị trí được soi sáng hơn trong ashram**".

34. A technical phrase is offered for our consideration—a "more enlightened ashramic position". We are obviously dealing with the intensity of light to be found within the aspirant/disciple. According to that intensity, so will be the opportunity accorded to move forward into a position of more intensified ashramic light.

34. Một cụm từ chuyên môn được đưa ra để chúng ta xem xét—một "vị trí được soi sáng hơn trong ashram". Rõ ràng chúng ta đang bàn đến cường độ ánh sáng hiện diện trong người chí nguyện/đệ tử. Tùy theo cường độ ấy, họ sẽ có cơ hội tiến vào một vị trí có ánh sáng ashram mãnh liệt hơn.

35. We remind ourselves that in this section we are dealing with the reasons for the apparent "failure" of the group. One reason has been given and it had three parts. This first reason dealt with the constraints under which the Master must, per force, labor

35. Chúng ta tự nhắc mình rằng trong phần này, chúng ta đang bàn đến những lý do dẫn đến "thất bại" bề ngoài của nhóm. Một lý do đã được nêu ra và lý do ấy có ba phần. Lý do thứ nhất này đề cập đến những ràng buộc mà Chân sư tất yếu phải làm việc trong đó

which faced with His choice of external collaborators.

khi đứng trước việc lựa chọn những cộng tác viên bên ngoài của Ngài.

2. **Affiliation with an Ashram subjects the aspirant to intensified stimulation**; in many cases it proved impossible for some chelas to handle it.

2. **Sự liên kết với một ashram khiến người chí nguyện chịu sự kích thích tăng cường**; trong nhiều trường hợp, một số đệ tử đã chứng tỏ không thể xử lý sự kích thích ấy.

36. This is another reason for the failure of some of the disciples—overstimulation.

36. Đây là một lý do khác dẫn đến thất bại của một số đệ tử—sự kích thích quá mức.

Spiritual energy pouring into the personality, via the aspirant's own soul, fostered the emergence of that which was good **but also of that which could not be taken closer into the Ashram itself.** The undesirable qualities had to be eliminated.

Năng lượng tinh thần tuôn vào phàm ngã, qua chính linh hồn của người chí nguyện, đã thúc đẩy sự bộc lộ của những gì tốt đẹp, **đồng thời cả những gì không thể được mang vào gần hơn trong chính ashram.** Những phẩm tính không đáng mong muốn phải được loại bỏ. S.C.P. và L.U.T. là những trường hợp như vậy.

37. Exposure to Ashramic stimulation had a Plutonic effect on some, dragging to the surface that which was hidden in the subconscious.

37. Việc tiếp xúc với sự kích thích của ashram đã tạo ra tác động mang tính Sao Diêm Vương đối với một số người, kéo lên bề mặt những gì ẩn giấu trong tiềm thức.

(Such were S.C.P. and L.U.T.)

(S.C.P. và L.U.T. là những trường hợp như vậy.)

38. The rays of SCP were 16-261—an unusual ray combination. The proposed horoscope of SCP accompanied by an analysis of her instructions can be found on www.makara.us

38. Các cung của SCP là 16-261—một tổ hợp cung khác thường. Có thể tìm thấy lá số chiêm tinh được đề xuất cho SCP cùng với phần phân tích những huấn thị dành cho bà tại www.makara.us

39. The rays of LUT were 21-463. LUT was advised to clean up his thought life."Clean up your thought life. I shall not be more explicit. Again I say: You know whereof I speak." (DINA I 472). He was also advised to seek his companions among men rather than women. There was much of Taurus and Libra in his chart, the emphasis of these

39. Các cung của LUT là 21-463. LUT được khuyên hãy thanh lọc đời sống tư tưởng của mình. "Hãy thanh lọc đời sống tư tưởng của em. Tôi sẽ không nói rõ hơn. Một lần nữa Tôi nói: Em biết Tôi đang nói về điều gì." (DINA I 472). Ông cũng được khuyên nên tìm bạn đồng hành trong giới nam thay vì giới nữ. Kim Ngưu và Thiên Bình hiện diện nổi bật trong lá số của ông; trọng tâm của những

signs being often (at a certain stage of evolution) on sex.

dấu hiệu này thường là tính dục (ở một giai đoạn tiến hoá nhất định).

This stimulation cannot be avoided and is one of the tests of an accepted disciple's fitness for "ashramic sharing."

Không thể tránh được sự kích thích này, và đó là một trong những thử thách về mức độ thích hợp của một đệ tử được chấp nhận đối với việc "chia sẻ trong ashram".

40. The Ashram is stimulation itself. What is *within* a disciple is distributed amongst the members of an Ashram. Therefore, what is within must be *fit* for distribution.

40. Ashram chính là sự kích thích. Những gì ở *bên trong* một đệ tử đều được phân phối đến các thành viên của một Ashram. Do đó, những gì ở bên trong phải *thích hợp* để phân phối.

Perfection [92] is not looked for or expected, but certain personality faults of pride, temper and an undisciplined nature must at least be controlled.

Không đòi hỏi hay mong đợi sự hoàn hảo [92], nhưng ít nhất phải kiểm soát được một số khuyết điểm của phàm ngã như lòng kiêu hãnh, tính nóng nảy và bản chất thiếu kỷ luật.

41. In naming these faults, DK is being explicit about the liabilities of both of these disciples. From a reading of his instructions, it would seem that LUT had all three of these faults. The matter is not so clear with SCP.

41. Khi nêu đích danh những khuyết điểm này, Chân sư DK đang nói rõ về những nhược điểm của cả hai đệ tử này. Qua việc đọc những huấn thị Ngài dành cho ông, dường như LUT có cả ba khuyết điểm ấy. Với SCP, vấn đề không rõ ràng như vậy.

42. Thus far, we have two reasons for certain failures: the constraints under which the Master must work when choosing ashramic personnel and overstimulation.

42. Đến đây, chúng ta có hai nguyên nhân dẫn đến một số thất bại: những hạn chế mà Chân sư phải chịu khi lựa chọn nhân sự cho ashram và sự kích thích quá mức.

3. **A dislike of criticism eliminated others from the group.**

3. **Sự không thích bị phê bình đã khiến những người khác bị loại khỏi nhóm.**

43. This fault relates to solar-plexus sensitivity— *not* the kind of sensitivity that the Master seeks to see cultivated in the disciple.

43. Khuyết điểm này liên quan đến tính nhạy cảm của tùng thái dương—*không phải* loại nhạy cảm mà Chân sư mong thấy đệ tử vun bồi.

They could not stand the exposure of their faults, either to themselves or to the group.

Họ không chịu nổi việc những khuyết điểm của mình bị phơi bày, dù trước chính mình hay trước nhóm. Họ biết một số khuynh

They knew certain tendencies existed**but not how serious they were**;

hướng tồn tại, **nhưng không biết chúng nghiêm trọng đến mức nào**;

44. Do we stand in a similar position? Perhaps, few of us know how deep run our somewhat recognized flaws. We may think we are ready for training only to learn otherwise in the heat of the process.

44. Chúng ta có ở trong tình thế tương tự không? Có lẽ ít người trong chúng ta biết những khuyết điểm mà mình đã phần nào nhận ra lại ăn sâu đến mức nào. Chúng ta có thể nghĩ mình đã sẵn sàng để được huấn luyện, rồi chỉ khi trải qua những thử thách gay gắt của tiến trình ấy mới biết sự thật không phải vậy.

when I attempted to help them along these lines, resentment only was evoked.

khi Tôi cố gắng giúp họ về những phương diện ấy,

45. Resentment is a very personal, self-protective reaction. No one knows whether he or she would react similarly unless tested. And we will be tested, inevitably, under somewhat similar circumstances in a life to come.

45. Oán giận là một phản ứng rất cá nhân, nhằm tự bảo vệ. Không ai biết mình có phản ứng tương tự hay không nếu chưa trải qua thử thách. Và chắc chắn chúng ta sẽ trải qua thử thách trong những hoàn cảnh ít nhiều tương tự ở một kiếp sống tương lai.

In many cases (as I have elsewhere told you) the position was taken that praise, commendation and interesting personal instructions were written by me, but should any criticism be involved—then A.A.B. was responsible. **This was never once the case.** In fact, several times I have modified my criticism (or analysis, as I prefer to call it), **and once or twice eliminated it altogether at the request of A.A.B.**, who knows the Western mind better perhaps than I do. (Such members were I.S.G-L. and D.E.I.)

điều duy nhất được khơi dậy là sự oán giận. Trong nhiều trường hợp, như Tôi đã nói với các bạn ở nơi khác, họ cho rằng những lời khen ngợi, tán dương và những huấn thị cá nhân thú vị là do Tôi viết, nhưng hễ có bất kỳ lời phê bình nào thì A.A.B. phải chịu trách nhiệm. **Chưa một lần nào điều đó là đúng.** Thực ra, nhiều lần Tôi đã điều chỉnh lời phê bình của mình, hay sự phân tích như Tôi thích gọi hơn, **và một đôi lần đã hoàn toàn bỏ đi theo đề nghị của A.A.B.**, người có lẽ hiểu thể trí phương Tây rõ hơn Tôi. I.S.G-L. và D.E.I. là những thành viên như vậy.

46. This is both sad and amusing. Probably many of us have noticed how much AAB was blamed for aspects of the Teaching with which exception was taken. Master DK is very hard on certain forms of behavior—for instance homosexuality. Many think it was a Victorian, prudish AAB who wrote against

46. Điều này vừa đáng buồn vừa buồn cười. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã nhận thấy Bà AAB phải chịu bao nhiêu lời quy trách vì những phương diện của Giáo Huấn mà người ta phản đối. Chân sư DK rất nghiêm khắc với một số dạng hành vi—chẳng hạn như đồng tính luyến ái. Nhiều người nghĩ chính Bà AAB, với quan niệm

such practices. We can draw our own conclusions.

thời Victoria và tính câu nệ đạo đức, đã viết những lời phản đối các hành vi ấy. Chúng ta có thể tự rút ra kết luận.

47. We note that Master DK distinguishes between criticism and analysis. They may seem similar, but the motivation of the latter is entirely constructive, which is often not the case with the former.

47. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK phân biệt giữa phê bình và phân tích. Hai việc này có thể có vẻ tương tự, nhưng động cơ của việc phân tích hoàn toàn mang tính xây dựng, trong khi việc phê bình thường không như vậy.

48. The rays of ISG-L were 6/2 1-161—a powerful and difficult combination. He was on the verge of taking the second initiation which, apparently, he did not do, due to his personal sensitivity to criticism (or, more specifically, humiliation), for DK had to tell him that he was not taking the fourth initiation but the second. This, it seems, proved too much for him to bear.

48. Các cung của ISG-L là 6/2 1-161—một tổ hợp mạnh mẽ và khó khăn. Ông sắp trải qua lần điểm đạo thứ hai, nhưng dường như đã không thực hiện được, do sự nhạy cảm cá nhân trước lời phê bình (hay cụ thể hơn là sự bẽ mặt), vì Chân sư DK đã phải nói với ông rằng ông đang trải qua lần điểm đạo thứ hai chứ không phải lần thứ tư. Dường như điều này đã vượt quá sức chịu đựng của ông.

49. DEI—21-213, was a highly placed disciple, important in DK's work. He made, however, an unspecified mistaken decision which was extremely costly in terms of his discipleship effectiveness. DK told him so, and this may have caused his withdrawal.

49. DEI—21-213, là một đệ tử có địa vị cao, giữ vai trò quan trọng trong công việc của Chân sư DK. Tuy nhiên, ông đã đưa ra một quyết định sai lầm không được nêu cụ thể, gây tổn thất hết sức lớn đối với hiệu quả hoạt động của ông trong vai trò đệ tử. Chân sư DK đã nói rõ điều đó với ông, và điều này có thể đã khiến ông rút lui.

"All disciples, working among their fellowmen, are brought into contact with this astral whirlpool. (I would call the attention of D.E.I. to this fact because it accounts for his reaction during the past two years and has led him to relinquish his position in my outer work and to retire into a phase of living which will provide him with no true scope for his pledged experience and his years of training; this present phase is in the nature of a cul-de-sac. Eventually he will have to retrace his steps and admit the reality of the time lost—lost in the moment of humanity's greatest need.

"Tất cả các đệ tử đang làm việc giữa đồng loại đều tiếp xúc với xoáy nước cảm dục này. (Tôi muốn lưu ý D.E.I. về sự kiện này vì nó lý giải phản ứng của bạn ấy trong hai năm qua và đã khiến bạn ấy từ bỏ vị trí của mình trong công việc bên ngoài của Tôi, lui về một giai đoạn sống không tạo cho bạn ấy cơ hội thực sự nào để vận dụng kinh nghiệm đã tích lũy trong sự cam kết và những năm tháng được huấn luyện; giai đoạn hiện tại này mang tính chất của một ngõ cụt. Cuối cùng, bạn ấy sẽ phải quay lại con đường đã đi và thừa nhận thực tế về thời gian đã mất—mất đi vào lúc nhân loại cần đến nhất. Tuy

Yet he will retrace his steps. I mention this as it is a typical instance of the effects of this glamour." (DINA II 66-67)

vậy, bạn ấy sẽ quay lại con đường đã đi. Tôi đề cập đến điều này vì đây là một trường hợp điển hình về những tác động của ảo cảm này." (DINA II 66-67)

50. In the case of both ISG-L and DEI, we have an example of highly trained disciples, very capable, who had, apparently, an astral condition which militated against impersonality.

50. Trong trường hợp của cả ISG-L lẫn DEI, chúng ta có một ví dụ về những đệ tử được huấn luyện kỹ lưỡng, rất có năng lực, nhưng dường như có một tình trạng cảm dục cản trở tính vô ngã.

4. Several of the students did not spiritually appreciate the opportunity with which they were faced. It was in reality a case of non-recognition, of which they were practically unconscious; they remain in this condition, awaiting another incarnation.

4. Một số đạo sinh không nhận thức được giá trị tinh thần của cơ hội đang ở trước mắt mình. Thực ra, đó là tình trạng không nhận biết mà bản thân họ hầu như không hay biết; họ vẫn ở trong tình trạng ấy, chờ một kiếp nhập thể khác.

51. It may be hard for us to believe that such an opportunity could remain unappreciated. We must remember that at the outset of His instructions, DK did not sign Himself as a Master, but suggested that he was simply an elder brother.

51. Có lẽ chúng ta khó tin rằng một cơ hội như thế lại có thể không được trân trọng. Chúng ta phải nhớ rằng khi bắt đầu ban huấn thị, Chân sư DK không ký tên với tư cách một Chân sư, mà gợi ý rằng Ngài chỉ là một huynh trưởng.

52. Really, we have a case of insensitivity, perhaps caused by preoccupation with certain intransigent approaches to living.

52. Thực ra, đây là một trường hợp thiếu nhạy cảm, có lẽ do quá bận tâm với một số cách tiếp cận cuộc sống cứng nhắc.

(L.D.N-C. was a striking instance of this attitude;

L.D.N-C. là một trường hợp nổi bật của thái độ này;

53. It is interesting that only one letter of instruction was written to LDN-C, whose rays were 1 and 6. DK valued this disciple highly, however, calling her "that expert worker for Hierarchy". This is seemingly a strange contradiction.

53. Điều thú vị là chỉ có một bức thư huấn thị được viết cho LDN-C, người có các cung là 1 và 6. Tuy nhiên, Chân sư DK đánh giá cao người đệ tử này, gọi bà là "người phụng sự thành thạo ấy của Thánh đoàn". Điều này có vẻ là một mâu thuẫn kỳ lạ.

another was J.A.C. though he would greatly like to be reinstated.

một trường hợp khác là J.A.C., dù người đệ tử ấy rất muốn được thu nhận trở lại.

54. JAC was another first ray worker whose rays were 12-413. She, too, received only one instruction.

54. JAC là một người hoạt động cung một khác, có các cung là 12-413. Bà cũng chỉ nhận được một huấn thị.

55. May we gather that the first ray in these disciples militated against recognizing the opportunity presented by the Tibetan?

55. Liệu chúng ta có thể suy ra rằng cung một nơi những đệ tử này đã cản trở họ nhận biết cơ hội mà Chân sư Tây Tạng trao cho?

This is not possible; however, had the tenure of life by A.A.B. been better, it might have been accomplished.

Điều này không thể thực hiện; tuy nhiên, nếu A.A.B. có thể duy trì sự sống lâu hơn, có lẽ việc ấy đã có thể hoàn thành.

56. Later JAC wished to be reinstated—realizing her error. We see how much is required of AAB to hold the disciples in the Tibetan's group or groups. AAB's ill health made the reinstatement impossible.

56. Về sau, JAC mong muốn được thu nhận trở lại—sau khi nhận ra sai lầm của mình. Chúng ta thấy Bà AAB phải gánh vác nhiều đến mức nào để giữ các đệ tử trong nhóm hoặc các nhóm của Chân sư Tây Tạng. Sức khỏe kém của Bà AAB khiến việc thu nhận trở lại không thể thực hiện.

Another of these types was B.S.D.)

Một người khác thuộc kiểu này là B.S.D.

57. BSD was one of the disciples who had reached his "high water mark". Yet he had much devotion, and one would think that he might have been offered the opportunity to continue if his devotion had persisted with sufficient intensity.

57. BSD là một trong những đệ tử đã đạt đến "đỉnh cao" của mình. Tuy vậy, ông có lòng sùng tín sâu sắc, và người ta có thể nghĩ rằng ông hẳn đã có cơ hội tiếp tục nếu lòng sùng tín ấy duy trì được cường độ đủ mạnh.

5. Certain other students regarded "occult obedience" as an infringement of their freewill, as did D.A.O.

5. Một số đạo sinh khác xem "sự tuân phục huyền bí" là sự xâm phạm ý chí tự do của mình, như trường hợp D.A.O.

58. DAO was a seventh ray disciple with a first ray personality. We never learned her other rays, but probably ray four was included as she was an artist and a mystic—suggesting, as well, ray six.

58. DAO là một đệ tử cung bảy với phàm ngã cung một. Chúng ta chưa bao giờ biết các cung khác của bà, nhưng có lẽ trong đó có cung bốn vì bà là một nghệ sĩ và một nhà thần bí—điều này cũng gợi ý đến cung sáu.

59. The ray one personality will often demand its prerogatives and may be far less obedient that the ray one soul.

59. Phàm ngã cung một thường đòi hỏi những đặc quyền của mình và có thể kém

tuân phục hơn nhiều so với linh hồn cung một.

Quite a number of you simply suffered from inertia, **and though pleased and excited over the material received from me, in the group or personal instructions, were too lazy to avail yourselves to the full of that which was given,** and consistently failed to comply with my requests.

Khá nhiều người trong các bạn chỉ đơn thuần chịu ảnh hưởng của tính trì trệ; **tuy vui mừng và phấn khích trước tài liệu nhận từ Tôi, trong những huấn thị nhóm hay cá nhân, họ lại quá lười biếng để tận dụng đầy đủ những gì đã được trao** và liên tục không đáp ứng các yêu cầu của Tôi.

60. The last of the reasons given is inertia or laziness. This inertia is related to the lack of occult obedience, for the lazy ones failed to comply with the Master's requests.

60. Lý do cuối cùng được nêu là tính trì trệ hay sự lười biếng. Tính trì trệ này liên quan đến việc thiếu sự tuân phục huyền môn, vì những người lười biếng đã không làm theo các yêu cầu của Chân sư.

It is valuable to note a most significant point of interest: **All those who passed through the gates of death passed to a** [93] **definitely closer relationship**;

Có một điểm đáng chú ý mang thâm nghĩa rất lớn cần ghi nhận: **Tất cả những người đã đi qua cánh cửa tử đều tiến vào một** [93] **mối quan hệ rõ ràng gần gũi hơn**;

61. This is heartening statement and causes us to realize that the physical body is more an obstacle to ashramic intimacy than an asset.

61. Đây là một lời khẳng định đáng khích lệ và khiến chúng ta nhận ra rằng thể xác là chướng ngại hơn là lợi thế đối với sự gần gũi trong ashram.

they had earned this reward and have availed themselves of that which I had taught them.

họ đã xứng đáng với phần thưởng này và đã tận dụng những gì Tôi dạy.

62. It is, however, not necessarily a foregone conclusion that to die is to be closer to the Master and the Ashram. The chelas here listed had "earned this reward" by actually availing themselves of that which DK had taught them.

62. Tuy nhiên, không nhất thiết có thể mặc nhiên kết luận rằng chết đi là đến gần Chân sư và ashram hơn. Những đệ tử được liệt kê ở đây đã "xứng đáng với phần thưởng này" nhờ thực sự tận dụng những gì Chân sư DK đã dạy họ.

They are, as you know, C.D.P., K.E.S., D.P.R.

Như các bạn biết, đó là C.D.P., K.E.S., D.P.R.

63. The rays of CDP were 26-566. The soul ray of KES was the second ray. The personality ray was not given (why?),

63. Các cung của CDP là 26-566. Cung linh hồn của KES là cung hai. Cung phàm ngã không được cho biết (tại sao?), dù các cung

though the other rays were 4, 6 and 7. From the hint that KES had spend long years in the spiritualistic movement, we may infer that the personality may be have been on the seventh ray. KES did good service in the disembodied state during WWII.

còn lại là 4, 6 và 7. Từ gợi ý rằng KES đã trải qua nhiều năm trong phong trào thần linh học, chúng ta có thể suy ra rằng phàm ngã có thể đã thuộc cung bảy. KES đã phụng sự tốt trong trạng thái không còn thể xác trong Thế chiến II.

"K.E.S., who died prior to the reorganisation of the New Seed Group, is now subjectively affiliated with the group [34] and must be regarded by you as a fellow worker. His work is very largely with those who pass over to the inner side from the British and American Armed Forces; for this he is eminently well equipped, being English by birth but having spent long years in the United States; he has also worked for many years in the spiritualistic movement." (DINA II 33-34)

"K.E.S., người qua đời trước khi Nhóm Hạt Giống Mới được tái tổ chức, hiện gắn kết với nhóm về mặt chủ quan [34] và các bạn phải xem ông là một người đồng sự. Công việc của ông phần lớn là với những người từ Lực lượng Vũ trang Anh và Mỹ qua đời để sang phía bên trong; ông có sự chuẩn bị hết sức thích hợp cho công việc này, vì ông là người Anh từ khi sinh ra nhưng đã sống nhiều năm tại Hoa Kỳ; ông cũng đã hoạt động nhiều năm trong phong trào thần linh học." (DINA II 33-34)

64. We can see that the conditioning of the personality is of value in relation to ashramic work in the post-mortem state.

64. Chúng ta có thể thấy rằng những ảnh hưởng định hình phàm ngã có giá trị đối với công việc ashram trong trạng thái sau khi chết.

65. The rays of DPR were 15-423—another unusual combination.

65. Các cung của DPR là 15-423—một sự kết hợp khác thường nữa.

66. DK testified to the loving nature of both CDP and DPR (even though she was on the first ray). It may be inferred that her monadic ray was the second.

66. Chân sư DK đã xác nhận bản chất giàu tình thương của cả CDP lẫn DPR (mặc dù bà thuộc cung một). Có thể suy ra rằng cung chân thần của bà là cung hai.

Two others are today rapidly fitting themselves to follow these three disciples into the Ashram. They are: B.S.W., who was temporarily side-tracked for a few years prior to his death, and G.S.S., whose personality vehicles could not carry the stimulation which reached her via the group.

Hiện nay, hai người khác cũng đang nhanh chóng chuẩn bị để theo ba đệ tử này vào ashram. Đó là B.S.W., người đã tạm thời đi chệch hướng trong vài năm trước khi qua đời, và G.S.S., người có các hiện thể phàm ngã không thể chịu đựng sự kích thích đến với mình qua nhóm.

67. We may remember that BSW was much involved with astral phantasms which he took for genuine. His rays were 17-467. He was magically inclined and was dropped from the group for functioning, essentially, as an astral magician.

67. Chúng ta có thể nhớ rằng BSW đã dính líu sâu vào những ảo ảnh cảm dục mà ông cho là có thật. Các cung của ông là 17-467. Ông có thiên hướng huyền thuật và đã bị loại khỏi nhóm vì về cơ bản, ông hoạt động như một nhà huyền thuật cảm dục.

68. It is heartening to see that he was able to reorient himself following his physical death.

68. Thật đáng khích lệ khi thấy rằng ông đã có thể tự tái định hướng sau khi thể xác qua đời.

69. The rays of GSS were 76-163. It is interesting that a seventh ray disciple would not be able to stand the stimulation. In EP II DK hints at the tremendous stimulation which a seventh ray disciple may invoke (cf. EP II 377). DK asked her to follow meditation with a "planned lack of intensity"—something obviously difficult for someone with two sixth rays.

69. Các cung của GSS là 76-163. Thật thú vị khi một đệ tử cung bảy lại không thể chịu nổi sự kích thích. Trong EP II, Chân sư DK gợi ý về sự kích thích mãnh liệt mà một đệ tử cung bảy có thể khơi gợi (xem EP II 377). Chân sư DK yêu cầu bà sau khi tham thiền hãy duy trì một trạng thái "không căng thẳng có chủ định"—điều hiển nhiên khó khăn đối với một người có hai cung sáu.

This sensitivity to undue stimulation is a matter easily rectified now; it does not constitute a fault, but only a karmic liability.

Sự nhạy cảm trước kích thích quá mức này hiện nay là vấn đề dễ điều chỉnh; nó không phải là một khuyết điểm, mà chỉ là một gánh nặng nghiệp quả.

70. We note the distinction between a "fault" and a "karmic liability". A karmic liability is simply a condition, which may not be incorrect in itself, but which is not goal-fit for a certain task—a task such as the one DK offered his chelas.

70. Chúng ta lưu ý sự phân biệt giữa một "khuyết điểm" và một "gánh nặng nghiệp quả". Một gánh nặng nghiệp quả chỉ đơn giản là một tình trạng, vốn có thể không có gì sai, nhưng lại không phù hợp với mục tiêu của một nhiệm vụ nhất định—một nhiệm vụ như nhiệm vụ mà Chân sư DK đã giao cho các đệ tử của Ngài.

71. It is interesting, is it not, that what constituted a karmic liability during the incarnated state could be rectified following physical death. It was obviously a condition which involved the physical-etheric body.

71. Thật thú vị, phải không, khi điều từng là một gánh nặng nghiệp quả trong trạng thái lâm phàm lại có thể được điều chỉnh sau cái chết của thể xác. Hiển nhiên, đó là một tình trạng có liên quan đến thể xác-dĩ thái.

I have taken the time to say these things so as to make clear to you certain reasons for

Tôi đã dành thời gian nói những điều này để làm rõ cho các bạn một số lý do đằng sau

what may look to you as failure. **I am greatly pleased with the work being done by some of the eight members who remain truly active.**

72. Earlier, however, DK stated that two of the eight members were causing him some concern.

73. It is clear that DK felt that the "failure" had to be explained, not only for the sake of His present chelas but for students in the future—such as ourselves.

Two of you have fought through great tests and are today very much better servers. They are D.H.B. and R.S.U.

74. DHB (26-117) suffered from a form of ambition (activated, it appears, after he was told that he could become a "friend of the Christ").

75. RSU (23-117) suffered from a persecution complex through her identification with the Jewish race.

76. There is good reason to believe that both of these disciples were candidates for the third initiation. In the case of DHB, DK actually says so. We note that their rays are identical except for the personality ray, and that the rays of the personality vehicles are, in fact, identical. It is interesting that DHB's former personality ray was the third, identical to RSU's present personality ray.

One of you, R.S.W., is in danger of side-tracking her activities but will, I believe, come through the test; it will take her two

điều mà các bạn có thể xem là thất bại. **Tôi rất hài lòng với công việc mà một số người trong tám thành viên vẫn thực sự hoạt động đang thực hiện.**

72. Tuy nhiên, trước đó, Chân sư DK đã nói rằng hai người trong tám thành viên đang khiến Ngài phần nào quan ngại.

73. Rõ ràng, Chân sư DK cảm thấy cần phải giải thích sự "thất bại" này, không chỉ vì các đệ tử hiện tại của Ngài mà còn vì các đạo sinh trong tương lai—như chúng ta.

Hai người trong các bạn đã chiến đấu vượt qua những thử thách lớn lao và ngày nay là những người phụng sự tốt hơn rất nhiều. Đó là D.H.B. và R.S.U.

74. DHB (26-117) chịu khổ vì một dạng tham vọng (dường như nó đã được kích hoạt sau khi ông được cho biết rằng mình có thể trở thành một "người bạn của Đức Christ").

75. RSU (23-117) chịu khổ vì một phức cảm bị bức hại do bà đồng hoá với dân tộc Do Thái.

76. Có cơ sở vững chắc để tin rằng cả hai đệ tử này đều là ứng viên cho lần điểm đạo thứ ba. Trong trường hợp của DHB, Chân sư DK thực sự nói rõ như vậy. Chúng ta lưu ý rằng các cung của họ giống hệt nhau, ngoại trừ cung phàm ngã, và thực ra các cung của những vận cụ phàm ngã đều giống hệt nhau. Thật thú vị khi cung phàm ngã trước đây của DHB là cung ba, giống hệt cung phàm ngã hiện tại của RSU.

Một người trong các bạn, R.S.W., đang có nguy cơ để các hoạt động của mình đi chệch hướng, nhưng Tôi tin rằng người đệ tử ấy sẽ

more years to fight through to clarity of vision.

vượt qua thử thách; sẽ cần thêm hai năm chiến đấu để đạt tới tầm nhìn sáng rõ.

77. RSW was the youngest of the disciples. DK is predicting that she would have to wait until 1951 to fight through to clarity.

77. RSW là người trẻ nhất trong số các đệ tử. Chân sư DK đang dự đoán rằng bà sẽ phải đợi đến năm 1951 mới có thể chiến đấu để đạt tới sự sáng rõ.

78. It is interesting that RSW had at one time been planning to participate in conventional education in the field of psychology. DK said He rather feared this line of approach for her. Could this be that to which He is referring?

78. Thật thú vị khi RSW từng có dự định theo học tâm lý học trong hệ thống giáo dục thông thường. Chân sư DK nói rằng Ngài khá lo ngại về hướng tiếp cận này đối với bà. Liệu đây có phải là điều Ngài đang đề cập đến không?

"You are naturally a good psychologist and have an intuitive understanding of people. Please bear this in mind without over-estimating yourself, remembering that the academic intellectual approach to humanity which is called modern psychology, should not blunt the edge of that serene understanding, that automatic, unreasoning comprehension which is yours today. Bear this in mind always, because I somewhat fear the academic teaching for you." (DINA I 643)

"Em vốn là một nhà tâm lý học giỏi và có sự thấu hiểu trực giác về con người. Hãy ghi nhớ điều này mà không đánh giá bản thân quá cao, đồng thời nhớ rằng cách tiếp cận con người bằng trí tuệ mang tính hàn lâm mà người ta gọi là tâm lý học hiện đại không nên làm cùn đi sự thấu hiểu tĩnh lặng ấy, sự lĩnh hội tự nhiên, không qua suy luận mà em hiện có. Hãy luôn ghi nhớ điều này, vì Tôi phần nào lo ngại về việc giảng dạy hàn lâm đối với em." (DINA I 643)

79. It was, at about that time, that RSW started an occult group known as Applicants at the Portal. It was perhaps aimed at those who stood at the portal of initiation.

79. Chính vào khoảng thời gian đó, RSW đã thành lập một nhóm huyền bí có tên là Những Người Xin Nhập Môn Trước Cổng. Có lẽ nhóm này hướng đến những người đang đứng trước cổng điểm đạo.

To the other eight remaining of the original group I have no comment to make but that of encouragement. They are holding steady, but have enough teaching whereon to work and can take no more stimulation.

Đối với tám người còn lại của nhóm ban đầu, Tôi không có nhận xét nào ngoài lời khích lệ. Họ đang giữ vững, nhưng đã có đủ giáo huấn để thực hành và không thể tiếp nhận thêm sự kích thích.

80. The Master is obliged to realize when additional stimulation would be destructive rather than constructive.

80. Chân sư buộc phải nhận biết khi nào sự kích thích bổ sung sẽ mang tính phá hoại thay vì xây dựng.

81. DK has given them all they can possibly absorb. More would be a detriment.

81. Chân sư DK đã trao cho họ tất cả những gì họ có thể tiếp thu. Thêm nữa sẽ gây bất lợi.

82. It is ever the Master's task to inspire and promote progress through encouragement.

82. Khơi nguồn cảm hứng và thúc đẩy sự tiến bộ qua lời khích lệ luôn là nhiệm vụ của Chân sư.

The majority of them will not be kept waiting for admission to a definitely more positive penetrating in the Ashram when they pass through the gates of death.

Đa số họ sẽ không phải chờ đợi để được chấp nhận tiến sâu hơn vào ashram một cách rõ rệt và chủ động hơn khi đi qua cánh cửa tử.

83. DK has spoken of several who died and who then came into closer affiliation with the Ashram.

83. Chân sư DK đã nói đến một số người đã qua đời và sau đó gắn bó mật thiết hơn với ashram.

84. He is promising the same to the majority of the remaining disciples. Some, however, may not gain closer affiliation after death.

84. Ngài đang hứa điều tương tự với đa số các đệ tử còn lại. Tuy nhiên, một số người có thể không đạt được sự gắn bó mật thiết hơn sau khi qua đời.

85. In the following, DK seems to give certain hints to some of the remaining disciples—perhaps, hints, which if followed, would allow closer affiliation after death.

85. Trong phần tiếp theo, dường như Chân sư DK đưa ra một số gợi ý cho một số đệ tử còn lại—có lẽ là những gợi ý mà nếu làm theo, họ sẽ có thể gắn bó mật thiết hơn sau khi qua đời.

H.S.D. for the remainder of her life should work at the attainment of a quiet spirit, and she should also stand by A.A.B. as long as A.A.B. needs her.

Trong quãng đời còn lại, H.S.D. nên nỗ lực đạt tới một tinh thần bình lặng, đồng thời sát cánh hỗ trợ A.A.B. chừng nào A.A.B. còn cần.

86. HSD seems to have suffered from hyper-activity. She had much of the first and sixth rays.

86. Dường như HSD đã khổ sở vì hoạt động quá mức. Bà chịu ảnh hưởng mạnh của cung một và cung sáu.

L.D.O. must attain to a broader point of view in place of her limited approach to humanity's problems; she must give up her assurance that the palliatives and solutions which she suggests are completely right.

L.D.O. phải đạt tới một quan điểm rộng lớn hơn thay cho cách tiếp cận hạn hẹp đối với các vấn đề của nhân loại; người đệ tử ấy phải từ bỏ sự tin chắc rằng những biện pháp giảm nhẹ và những giải pháp mình đề xuất là hoàn toàn đúng.

87. LDO was the well known author (well-known in occult circles), Vera Stanly Alder. Her rays were 24-427.

87. LDO là tác giả nổi tiếng (nổi tiếng trong giới huyền bí học), Vera Stanly Alder. Các cung của bà là 24-427.

F.C.D. is doing well, but he is an old and trained disciple, and about him no anxiety has been needed. The same is true of J.W.K-P.

F.C.D. đang làm tốt, nhưng đây là một đệ tử lâu năm đã qua huấn luyện, và không cần phải lo lắng về người đệ tử ấy. Điều tương tự cũng đúng với J.W.K-P.

88. FCD was an initiate-disciple.

88. FCD là một đệ tử đã được điểm đạo.

"I have said enough here to enable you again to resume your active position as a pledged initiate-disciple (a position which your co-disciples have ever recognised as yours...) (DINA II 465)

"Ở đây, Tôi đã nói đủ để em có thể một lần nữa trở lại vị trí hoạt động tích cực của mình với tư cách một đệ tử đã được điểm đạo và đã lập nguyện (một vị trí mà các đệ tử đồng môn của em luôn công nhận là của em...) (DINA II 465)

89. This may also be the case for JWK-P. In other words, both of these disciples may have passed the third degree. This seems almost certainly the case for FCD—the psychologist Roberto Assagioli.

89. Điều này cũng có thể đúng với JWK-P. Nói cách khác, cả hai đệ tử này có thể đã trải qua lần điểm đạo thứ ba. Điều này dường như gần như chắc chắn đúng với FCD—nhà tâm lý học Roberto Assagioli.

I have not, as you will note, covered the whole ground. **I have, however, indicated enough to show my reasons why there is so poor an exoteric showing of a truly esoteric, inner movement**—an inner movement which remains intact even though the outer form does not hold together, owing to the weaknesses of its members and the pressure of daily life upon [94] the outer group.

Như các bạn sẽ nhận thấy, Tôi chưa đề cập toàn bộ vấn đề. **Tuy nhiên, Tôi đã chỉ ra đủ để cho thấy những lý do của Tôi về việc tại sao một sự vận động thực sự nội môn ở bên trong lại có biểu hiện ngoại môn nghèo nàn đến vậy**—một sự vận động bên trong vẫn nguyên vẹn, dù hình thức bên ngoài không còn gắn kết do những nhược điểm của các thành viên và sức ép của đời sống hằng ngày lên [94] nhóm bên ngoài.

90. The Tibetan admits to a "poor…exoteric showing". He reminds us that not all is as it *seems.*

90. Chân sư Tây Tạng thừa nhận một "biểu hiện…ngoại môn nghèo nàn". Ngài nhắc chúng ta rằng không phải mọi sự đều như *vẻ ngoài của chúng.*

91. We are reminded, for our encouragement (and because it is the truth) that the inner movement remained intact. We may infer that the reincarnated aspects of the participating disciples will resume future work with a much greater ability to resist various weaknesses and pressures.

91. Để khích lệ chúng ta (và vì đó là sự thật), Ngài nhắc chúng ta rằng sự vận động bên trong vẫn nguyên vẹn. Chúng ta có thể suy ra rằng các phương diện tái sinh của những đệ tử tham gia sẽ tiếp tục công việc trong tương lai với khả năng chống chọi những nhược điểm và sức ép khác nhau cao hơn nhiều.

All of you—from the first admitted to the last who joined the group—are still within my aura or within the aura of the greater Ashram of the Master K.H., and will, I am confident, remain so.

Tất cả các bạn—từ người đầu tiên được thu nhận đến người cuối cùng gia nhập nhóm—vẫn ở trong hào quang của Tôi hoặc trong hào quang của ashram lớn hơn của Chân sư KH, và Tôi tin chắc các bạn sẽ tiếp tục như vậy.

92. DK is an inclusive, second ray Master, and, if at all possible, *holds* all those whom He has chosen for affiliation.

92. Chân sư DK là một Chân sư cung hai có tính bao gồm, và nếu có thể, Ngài *giữ lại* tất cả những người mà Ngài đã chọn để kết nối với mình.

93. We do see, however, that whether or not the chelas remain within His Aura or the aura of the greater Ashram, is not entirely at the Master's discretion. The behavior of the chela will determine much.

93. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng việc các đệ tử có tiếp tục ở trong hào quang của Ngài hay hào quang của ashram lớn hơn hay không không hoàn toàn do Chân sư quyết định. Hành vi của người đệ tử sẽ quyết định rất nhiều.

I would remind you also that there are many members of my Ashram of whom you know nothing and who came into my Ashram without the help of A.A.B.

Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng có nhiều thành viên trong ashram của Tôi mà các bạn hoàn toàn không biết, những người đã vào ashram của Tôi không qua sự trợ giúp của A.A.B.

94. One is reminded of the statement of the Christ: "Other sheep have I that are not of this fold". It is impossible for the chela to

94. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến lời của Đức Christ: "Ta còn có những con chiên khác không thuộc đàn này". Người đệ tử không

understand the full scope of the Master's work.

thể thấu hiểu toàn bộ phạm vi công việc của Chân sư.

You are not the group of major importance.

Các bạn không phải là nhóm có tầm quan trọng chủ yếu.

95. This statement induces humility. One wonders if there was a specific group that *was* of major importance.

95. Lời này khơi dậy lòng khiêm nhường. Chúng ta tự hỏi liệu có một nhóm cụ thể nào *thực sự* có tầm quan trọng chủ yếu hay không.

Forget not these other co-disciples. **Some day, when you have established continuity of consciousness, you will know them, for you will consciously meet with them within the ring-pass-not of my Ashram.**

Đừng quên những đệ tử đồng môn khác này. **Một ngày nào đó, khi đã thiết lập được sự liên tục của tâm thức, các bạn sẽ biết họ, vì các bạn sẽ gặp họ một cách có ý thức trong vòng-giới-hạn của ashram của Tôi.**

96. We are given the hint that when penetration is made more fully into the Master's Ashram, the personnel of that Ashram will be fully known.

96. Chúng ta nhận được lời gợi ý rằng khi thâm nhập trọn vẹn hơn vào ashram của Chân sư, chúng ta sẽ biết đầy đủ các thành viên của ashram ấy.

97. It is clear that continuity of consciousness is an inevitable development, however long delayed.

97. Rõ ràng, sự liên tục của tâm thức là một bước phát triển tất yếu, dù có trì hoãn lâu đến đâu.

You will know also and discover the reasons for the experiment with these outer groups which is now being tried by the Hierarchy, if you will read with care the teaching upon the externalisation of the Ashram of Sanat Kumara, the Hierarchy.

Các bạn cũng sẽ biết và khám phá những lý do của cuộc thử nghiệm với các nhóm bên ngoài này mà Thánh đoàn hiện đang tiến hành, nếu các bạn đọc kỹ giáo huấn về sự ngoại hiện của ashram của Sanat Kumara, tức Thánh đoàn.

98. DK seems to be suggesting that further penetration into His Ashram will further reveal the reasons for the experiment with outer groups. As well, the true reasons can be found by a penetration into the literature which DK has made available.

98. Dường như Chân sư DK đang gợi ý rằng việc thâm nhập sâu hơn vào ashram của Ngài sẽ hé lộ thêm những lý do của cuộc thử nghiệm với các nhóm bên ngoài. Đồng thời, chúng ta có thể tìm thấy những lý do thực sự bằng cách đi sâu vào các trước tác mà Chân sư DK đã cung cấp.

99. DK's whole approach induces patience and humility. We realize how much we do

99. Toàn bộ cách tiếp cận của Chân sư DK khơi dậy lòng kiên nhẫn và khiêm nhường.

not yet know and how much time it may require before the true workings of His Ashram are fully revealed.

Chúng ta nhận ra mình còn chưa biết nhiều đến mức nào, và có thể cần bao nhiêu thời gian trước khi cách vận hành thực sự của ashram của Ngài hiển lộ đầy đủ.

August-September, 1949

Tháng Tám–Tháng Chín năm 1949

BROTHERS, AS OF OLD:

CÁC HUYNH ĐỆ, NHƯ THUỞ XƯA:

100. This is an unusual form of address, and seems to suggest that the relationships which existed in olden days persist, undiminished to this day.

100. Đây là một cách xưng hô khác thường, và dường như gợi ý rằng những mối quan hệ từng tồn tại thuở xưa vẫn bền vững, không hề suy giảm cho đến ngày nay.

101. DK's usual form of address is "Brother(s) of Old".

101. Cách xưng hô thông thường của Chân sư DK là "Huynh Đệ của Ngày Xưa" hoặc "Các Huynh Đệ của Ngày Xưa".

The thought constantly enters my mind as to what I can say **in order to make the group work, group relationships, group identification and group initiation a sound, active and factual reality in your minds and in the minds of other aspirants and disciples.**

Tôi luôn suy nghĩ mình có thể nói gì **để công việc nhóm, những mối quan hệ nhóm, sự đồng hóa với nhóm và điểm đạo nhóm trở thành một thực tại vững chắc, năng động và có thật trong thể trí của các bạn cũng như của những người chí nguyện và đệ tử khác. Với sự thành tâm sâu sắc,**

102. The possibilities of outer instruction are fast coming to an end.

102. Những khả năng huấn thị bên ngoài đang nhanh chóng đi đến hồi kết.

103. Master DK is still pressing forward with His hopes for the group and its members.

103. Chân sư DK vẫn tiếp tục nỗ lực với những niềm hy vọng Ngài dành cho nhóm và các thành viên của nhóm.

104. We see that He is writing not only of the remaining members of His group but for those who will follow them.

104. Chúng ta thấy rằng Ngài đang viết không chỉ về những thành viên còn lại trong nhóm của Ngài mà còn cho những người sẽ tiếp bước họ.

105. His subjects are the following:

105. Những chủ đề của Ngài là:

a. Group work

a. Công việc nhóm

b. Group relations

c. Group identification

d. Group initiation

106. He would have these four subjects be sound, active and factual realities in the minds of His disciples. Obviously, He thinks they are not—yet.

I seek with profound earnestness to make this theme or subject true and vital, because it is an essentially new esoteric concept and a germ thought which the many aspirants of the world must grasp.

107. It would seem that DK is referring specifically to "group initiation" as a new esoteric concept. Of course, group initiation is based upon group work, group relations and group identification.

At the same time the aspirant must realise that the ideas are of **no real importance to him as an individual**—to you, therefore, as an individual and pledged disciple.

108. DK seeks to emphasize, as always, the *group* idea. He is ambitious for the group, but not for the individuals comprising it.

As long as your state of awareness lays emphasis upon the fact of your individuality, the group idea cannot take form as a group ideal.**The sense of**

b. Các mối quan hệ nhóm

c. Sự đồng hóa với nhóm

d. Điểm đạo nhóm

106. Ngài muốn bốn chủ đề này trở thành những thực tại vững chắc, năng động và có thật trong thể trí của các đệ tử Ngài. Hiển nhiên, Ngài cho rằng chúng vẫn chưa là như vậy.

Tôi tìm cách làm cho chủ đề hay đề tài này trở nên chân thực và sống động, vì về căn bản đây là một khái niệm nội môn mới và một tư tưởng mầm mống mà đông đảo những người chí nguyện trên thế giới phải nắm bắt.

107. Dường như Chân sư DK đang đặc biệt nói đến "điểm đạo nhóm" như một khái niệm nội môn mới. Dĩ nhiên, điểm đạo nhóm dựa trên công việc nhóm, các mối quan hệ nhóm và sự đồng hóa với nhóm.

Đồng thời, người chí nguyện phải nhận ra rằng những ý tưởng ấy **không có tầm quan trọng thực sự đối với y với tư cách một cá nhân**—do đó, cũng không có tầm quan trọng thực sự đối với mỗi người trong các bạn với tư cách một cá nhân và một đệ tử đã cam kết.

108. Như mọi khi, Chân sư DK tìm cách nhấn mạnh ý tưởng *nhóm*. Ngài có hoài bão cho nhóm, nhưng không cho những cá nhân hợp thành nhóm.

Chừng nào trạng thái nhận biết của các bạn còn nhấn mạnh sự hiện hữu cá nhân của mình, thì ý tưởng nhóm chưa thể thành hình như một lý tưởng nhóm. **Ý thức chia rẽ**

separativeness is still present. It is a sense which has been laboriously developed—under evolutionary law—from the moment when your soul decided to experiment, to experience, and to express divinity.

vẫn còn hiện diện. Đó là một ý thức đã được phát triển nhọc nhằn—dưới định luật tiến hoá—từ thời điểm linh hồn các bạn quyết định thử nghiệm, trải nghiệm và biểu lộ thiên tính.

109. DK notes the persistent state of individuality in the group members. This state militates against the embodiment of the group idea as the group ideal.

109. Chân sư DK lưu ý đến trạng thái cá nhân riêng biệt vẫn dai dẳng tồn tại trong các thành viên của nhóm. Trạng thái này cản trở việc hiện thực hoá ý tưởng nhóm thành lý tưởng nhóm.

110. DK knows He is dealing with a persistent "sense", necessarily developed since the days of individualization.

110. Chân sư DK biết Ngài đang đối diện với một "ý thức" dai dẳng, vốn tất yếu đã phát triển từ thời biệt ngã hóa.

111. We, too, must realize the nature of the individualism which is built into us. It is of great antiquity and thoroughly ingrained.

111. Chúng ta cũng phải nhận ra bản chất của chủ nghĩa cá nhân đã ăn sâu trong mình. Nó có từ thời rất xa xưa và đã thâm căn cố đế.

Separative effort, separative emotional reactions and separative materialistic endeavour have been (if I may so unfortunately express it) the spiritual essentials which must perforce precede group effort and conscious group relations.

Nỗ lực chia rẽ, những phản ứng cảm xúc chia rẽ và sự cố gắng duy vật mang tính chia rẽ đã là, nếu Tôi có thể diễn đạt một cách đáng tiếc như vậy, những điều thiết yếu về tinh thần buộc phải có trước nỗ lực nhóm và những mối quan hệ nhóm có ý thức. [95] Vì vậy,

112. This is another way of saying that that which we call selfishness is an evolutionary necessity. In other words, selfishness is a spiritual essential, as strange as that may seem.

112. Đây là một cách nói khác rằng điều chúng ta gọi là tính ích kỷ là một điều tất yếu của tiến hoá. Nói cách khác, tính ích kỷ là một điều thiết yếu về tinh thần, dù điều đó có vẻ kỳ lạ đến đâu.

113. Nevertheless, no matter how deeply ingrained, it must be overcome.

113. Tuy nhiên, dù đã ăn sâu đến đâu, tính ích kỷ vẫn phải được khắc phục.

[95] The factor entailed, therefore, is a definite "break with the past," and the entering into a new state of awareness—an awareness which is fundamentally inclusive and not exclusive.

yếu tố cần có là một sự "đoạn tuyệt với quá khứ" dứt khoát và việc bước vào một trạng thái nhận biết mới—một sự nhận biết về căn bản có tính bao gồm, không có tính loại trừ.

114. Master DK is calling for a first ray activity—a definite "break with the past". His second ray disciples are, perhaps, not so used to radical breaks. Such breaks go against the nature of their predominant ray.

114. Chân sư DK đang kêu gọi một hoạt động của cung một—một sự "đoạn tuyệt với quá khứ" dứt khoát. Có lẽ các đệ tử cung hai của Ngài chưa quen lắm với những sự đoạn tuyệt triệt để. Những sự đoạn tuyệt như thế đi ngược lại bản chất của cung chủ đạo nơi họ.

115. DK seems to be emphasizing the spiritual essentials. When little time remains, it is necessary to return to the essentials so that they may be impressively in the mind of those who are to continue—*without* the outer aid of the Master.

115. Dường như Chân sư DK đang nhấn mạnh những điều thiết yếu về tinh thần. Khi thời gian còn lại chẳng bao nhiêu, cần trở về với những điều thiết yếu để chúng có thể in sâu trong thể trí của những người sẽ tiếp tục —*không có* sự trợ giúp bên ngoài của Chân sư.

This is a primary platitude of which you are well aware. **In most of you this platitude remains a mental proposition.**

Đây là một chân lý căn bản quen thuộc mà các bạn đều biết rõ. **Với phần lớn các bạn, chân lý quen thuộc này vẫn chỉ là một mệnh đề trí tuệ.**

116. Platitudes are great truths, but must not be allowed to remain trapped on the level of mind.

116. Những chân lý quen thuộc là những chân lý lớn lao, nhưng không được để chúng mãi mắc kẹt ở cấp độ thể trí.

You hope some day to arrive at this basic sense of inclusiveness which is characteristic of the Hierarchy. **At present you do not feel fused, blended and incorporated into the mental, astral and etheric auras of those who form the group of which you know yourself to be a part.** I would ask you to study what I have just said with care.

Các bạn hy vọng một ngày nào đó sẽ đạt đến ý thức căn bản về tính bao gồm vốn là đặc trưng của Thánh đoàn. **Hiện nay, các bạn chưa cảm thấy mình dung hợp, hòa quyện và hòa nhập vào các hào quang trí tuệ, cảm dục và dĩ thái của những người hợp thành nhóm mà các bạn biết mình là một thành viên.** Tôi muốn các bạn nghiên cứu kỹ điều Tôi vừa nói. Chẳng hạn,

117. DK is offering us a clear idea of what it means to be *inclusive.* It is to be fused and blended and incorporated into the mental, astral and etheric auras of those who form the group of which one knows himself to be a part.

117. Chân sư DK đang cho chúng ta một ý niệm rõ ràng về ý nghĩa của việc *có tính bao gồm.* Đó là dung hợp, hòa quyện và hòa nhập vào các hào quang trí tuệ, cảm dục và dĩ thái của những người hợp thành nhóm mà mỗi người biết mình là một thành viên.

118. Nếu dừng lại suy nghĩ, chúng ta có thể thấy việc trở nên *bao gồm* theo ý nghĩa của

118. If we stop to think, we can see how really demanding it is to become *inclusive* in the hierarchical sense.

Thánh đoàn thực sự đòi hỏi nhiều đến mức nào.

Do you like, for instance, to penetrate into the mental atmosphere of a fellow member, or do you care to have him penetrate into yours and thus find out what is the content of your thought? A major test is here involved, and it is one which you will have some day to face.

các bạn có thích thâm nhập vào bầu không khí trí tuệ của một thành viên đồng nhóm không, hay các bạn có muốn người ấy thâm nhập vào bầu không khí trí tuệ của mình và qua đó biết được nội dung tư tưởng của mình không? Ở đây có một thử thách lớn, và một ngày nào đó các bạn sẽ phải đối diện với nó. Một lần nữa,

119. Given that which has not yet been purified, this can be a harrowing experience.

119. Xét đến những gì chưa được thanh lọc, đây có thể là một trải nghiệm đầy khổ sở.

120. AAB has referred to the fact that the thought life of a number of disciples will not bear examination.

120. Bà AAB đã đề cập đến sự thật rằng đời sống tư tưởng của một số đệ tử không chịu nổi sự xem xét.

Do you, again, like to share your emotional reactions with a co-disciple? Are you interested in his? If so, why? Some day this responding interest must prove itself effective, and this must necessarily connote self-sacrifice in both directions.

các bạn có thích chia sẻ những phản ứng cảm xúc của mình với một đệ tử đồng môn không? Các bạn có quan tâm đến những phản ứng cảm xúc của người ấy không? Nếu có, thì tại sao? Một ngày nào đó, sự quan tâm mang tính đáp ứng này phải chứng tỏ được hiệu quả, và điều đó tất yếu hàm chứa sự tự hy sinh từ cả hai phía.

121. Let's think about what DK says here. Why, "self-sacrifice in both directions"? May we say that in such examinations, the desire nature will necessarily be sacrificed? There will also be shared disturbances which will prove, temporarily, disquieting.

121. Chúng ta hãy suy nghĩ về điều Chân sư DK nói ở đây. Tại sao lại là "sự tự hy sinh từ cả hai phía"? Liệu chúng ta có thể nói rằng trong những lần xem xét như thế, bản chất dục vọng tất yếu sẽ phải hy sinh không? Cũng sẽ có những xáo trộn mà cả hai cùng chia sẻ, tạm thời gây bất an.

122. Many disciples shut out awareness of the emotional states of their co-disciples through an enforced, though artificial, impersonality. Impersonality is not achieved through denial but through transcendence

122. Nhiều đệ tử ngăn mình nhận biết những trạng thái cảm xúc của các đệ tử đồng môn bằng một thái độ vô ngã gượng ép, dù giả tạo. Không phải phủ nhận mà là siêu vượt mới đạt được tính vô ngã—nghĩa là đi

—i.e., by passing through and beyond, rather than going around.

123. Here we may not be talking of the illusory nature of astral content, but of using the astral body as an instrument for service.

Do you want or deem it appropriate to have a fellow-worker come under the influence of your etheric body and, therefore, of the energies which flow through it? And do you want his energies to flow through you?

124. These are very pointed question. Some disciples there are who do not want to be 'contaminated' by the energies of others. This is a selfish, puristic attitude and a definite limitation.

125. DK is pointing to the *fact* that we are really *all one being.* There is no avoiding this fundamental fact, as unpleasant as it may seem to some.

These are some of the implications of group work, and for these you must be prepared.

126. We are to gather that our degree of inclusiveness and of true group association is quite incomplete.

The realisation of the inevitability of these necessities will lead you eventually to a careful scrutiny of your thinking, of your emotional reactions and of the energies to which you give entrance all the time because (for the first time in your soul's history) you feel the need to guard your

xuyên qua rồi vượt lên trên, thay vì đi vòng tránh.

123. Ở đây, có lẽ chúng ta không nói về bản chất hư ảo của nội dung cảm dục, mà về việc sử dụng thể cảm dục như một công cụ phụng sự.

Các bạn có muốn hoặc cho là thích hợp khi một người đồng sự chịu ảnh hưởng của thể dĩ thái của mình, và do đó, của những năng lượng tuôn chảy qua thể ấy không? Và các bạn có muốn những năng lượng của người ấy tuôn chảy qua mình không?

124. Đây là những câu hỏi rất sắc bén. Có những đệ tử không muốn năng lượng của người khác làm mình 'ô nhiễm'. Đây là một thái độ ích kỷ, khăng khăng giữ sự thuần khiết và là một giới hạn rõ rệt.

125. Chân sư DK đang chỉ ra *sự thật* rằng thực sự *tất cả chúng ta là một sinh mệnh duy nhất.* Không thể né tránh sự thật căn bản này, dù một số người có thể cảm thấy khó chịu đến đâu.

Đó là một số điều mà công việc nhóm hàm chứa, và các bạn phải chuẩn bị cho những điều ấy.

126. Chúng ta cần hiểu rằng mức độ bao gồm và sự gắn kết nhóm đích thực của chúng ta còn rất thiếu sót.

Việc nhận ra tính tất yếu của những yêu cầu này cuối cùng sẽ dẫn các bạn đến chỗ xem xét kỹ lưỡng tư duy, những phản ứng cảm xúc và những năng lượng mà các bạn luôn cho phép đi vào bởi vì (lần đầu tiên trong lịch sử linh hồn mình) các bạn cảm thấy cần phải bảo vệ huynh đệ mình khỏi

brother from the results of your personality reactions;

127. A new motive for self-purification is given. It is an altruistic motive. It is as if one carrying a disease had to assure himself that others would not get the disease through contact with him.

128. DK seems to be pointing to the fact that such an altruistic motive is not yet in the possession of many of His chelas—that the time when such a motive would be actual still lies in the future.

129. The conclusion is that we do not belong to ourselves exclusively, but are each other to an extent which would prove very disquieting to the consciousness of the average disciple.

consequently, scientific service supersedes your hitherto thoughtless and undisciplined activity.

130. DK is calling the activity of His disciples "thoughtless" and "undisciplined".

131. We can see the high standard set for ashramic affiliation.

I would here point out that **at no time do you ever attempt to guard yourself from the personality reactions of a co-disciple; you welcome them and absorb them** and—whilst dealing with them—you aid the cause of liberation in his life as well as in your own.

132. DK is suggesting a definitely second ray approach—shielding love applied to others,

những hậu quả do các phản ứng phàm ngã của mình gây ra;

127. Một động cơ mới cho việc tự thanh lọc được đưa ra. Đó là một động cơ vị tha. Điều này giống như một người mang bệnh phải tự bảo đảm rằng những người khác sẽ không mắc bệnh khi tiếp xúc với mình.

128. Dường như Chân sư DK đang chỉ ra sự thật rằng nhiều đệ tử của Ngài chưa có động cơ vị tha như thế—rằng thời điểm một động cơ như thế trở thành hiện thực vẫn còn ở phía trước.

129. Kết luận là chúng ta không chỉ thuộc về riêng mình, mà còn là nhau đến một mức độ có thể khiến tâm thức của người đệ tử bình thường hết sức bất an.

do đó, việc phụng sự có tính khoa học thay thế cho hoạt động thiếu suy xét và thiếu kỷ luật từ trước đến nay của các bạn. Ở đây,

130. Chân sư DK đang gọi hoạt động của các đệ tử Ngài là "thiếu suy xét" và "thiếu kỷ luật".

131. Chúng ta có thể thấy tiêu chuẩn cao đặt ra cho việc gia nhập ashram.

Tôi muốn chỉ rõ rằng **các bạn tuyệt đối không bao giờ tìm cách bảo vệ mình khỏi những phản ứng phàm ngã của một đệ tử đồng môn; các bạn đón nhận và hấp thu chúng**, và—trong khi xử lý chúng—các bạn góp phần vào công cuộc giải thoát trong đời sống của người ấy cũng như trong đời sống của chính mình.

132. Chân sư DK đang đề xuất một cách tiếp cận rõ rệt thuộc cung hai—dùng tình thương

with the accompanying refusal to shield oneself from them.

133. He is encouraging absorption and transmutation.

134. How many of us are so sacrificially oriented? Does this advice come as a surprise? Is it disquieting?

135. It is obvious that if these procedures are to be followed, the solar plexus must be transcended and the heart well developed.

The entire subject of group interplay is far deeper and [96] **more significant than you suspect or appreciate; it can be summed up in the words of St. Paul: "No man liveth unto himself."**

136. The instruction being given is truly related to the Way of the Christ. We understand that the Christ was the greatest Master in the art of absorption and transmutation. DK is asking His disciples to consume 'poison' for the sake of the world. We realize that every great World Saviour has done this.

137. The Master is pointing towards a future time when His disciples will be far more sensitive than they are now.

Feeling, thinking and absorbing the many actuating and incentive energies constitute a vast process of many interrelations and this, most aspirants are apt to forget.

che chở người khác, đồng thời nhất quyết không che chắn bản thân khỏi họ.

133. Ngài đang khuyến khích sự hấp thu và chuyển hoá.

134. Có bao nhiêu người trong chúng ta hướng đến sự hi sinh như vậy? Lời khuyên này có khiến chúng ta ngạc nhiên không? Có khiến chúng ta bất an không?

135. Hiển nhiên, để thực hiện những phương thức này, chúng ta phải vượt lên trên tùng thái dương và phát triển trung tâm tim một cách đầy đủ.

Toàn bộ chủ đề về sự tương tác nhóm sâu sắc hơn nhiều và [96] **có thâm nghĩa lớn hơn nhiều so với điều các bạn hình dung hoặc nhận thức được; có thể tóm lược chủ đề ấy bằng lời của Thánh Paul: "Không ai sống chỉ cho riêng mình."**

136. Huấn thị đang được đưa ra thực sự liên quan đến Con Đường của Đức Christ. Chúng ta hiểu rằng Đức Christ là Chân sư vĩ đại nhất về nghệ thuật hấp thu và chuyển hoá. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử Ngài hấp thu 'chất độc' vì lợi ích của thế gian. Chúng ta nhận ra rằng mọi Đấng Cứu Thế vĩ đại đều đã làm điều này.

137. Chân sư đang hướng đến một thời điểm trong tương lai khi các đệ tử Ngài sẽ nhạy cảm hơn nhiều so với hiện nay.

Cảm nhận, suy nghĩ và hấp thu nhiều năng lượng thúc đẩy và khơi động tạo thành một tiến trình rộng lớn với nhiều mối tương quan, và đây là điều mà phần lớn người chí nguyện dễ quên.

138. In this advice, DK is contributing the breaking down of barriers between the aspirant and other aspirants, and, in general, between the aspirant and his entire environment.

138. Qua lời khuyên này, Chân sư DK đang góp phần phá bỏ những rào cản giữa người chí nguyện với những người chí nguyện khác, và nói chung, giữa người chí nguyện với toàn bộ môi trường của mình.

I suggest that during the coming year you go over your individual instructions and then —during the course of the year—answer six questions which I will dictate. The purpose of this task (shall I call it this?) is to clarify your minds as to your problems and opportunity and latent knowledge, gained as the result of years of work under my tuition;

Tôi đề nghị trong năm tới, các bạn xem lại những huấn thị cá nhân của mình, rồi—trong suốt năm ấy—trả lời sáu câu hỏi mà Tôi sẽ đọc cho các bạn ghi lại. Mục đích của nhiệm vụ này (Tôi có nên gọi như vậy không?) là giúp thể trí các bạn sáng tỏ về những vấn đề, cơ hội và tri thức tiềm ẩn của mình, vốn có được nhờ nhiều năm làm việc dưới sự chỉ dạy của Tôi;

139. We can see that Master DK is definitely propelling His disciples into a state of summarization. He is hoping to 'leave' them in the clearest possible state of mind.

139. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang dứt khoát thúc đẩy các đệ tử Ngài bước vào trạng thái tổng kết. Ngài hi vọng sẽ 'để' họ lại với thể trí sáng tỏ nhất có thể.

140. They are to understand as clearly as possible:

140. Họ cần thấu hiểu càng rõ càng tốt:

a. Their problems

a. Những vấn đề của họ

b. Their opportunity

b. Cơ hội của họ

c. Their latent knowledge

c. Tri thức tiềm ẩn của họ

141. DK hints at the idea that His disciples are in possession of much knowledge that they do not *know* they possess. It is latent, and has been gained through their years of work with Him.

141. Chân sư DK gợi ý rằng các đệ tử của Ngài sở hữu nhiều tri thức mà họ không *biết* mình sở hữu. Tri thức ấy còn tiềm ẩn, và họ đã thu nhận qua những năm làm việc với Ngài.

142. All this reminds one of a great stock-taking.

142. Tất cả điều này gợi cho chúng ta nghĩ đến một cuộc kiểm kê lớn.

the replies will give to your group brothers a sense of relationship with you, a feeling of shared responsibility, a recognition of group

những câu trả lời sẽ đem lại cho các huynh đệ đồng nhóm một ý thức về mối quan hệ với các bạn, một cảm nhận về trách nhiệm

assets and group richness (again using a peculiar word) and a realisation of possibility which may greatly strengthen each and all of you.

chung, sự nhận biết những ưu thế của nhóm và sự phong phú của nhóm (một lần nữa dùng một từ đặc biệt), cùng sự nhận ra khả năng có thể củng cố mạnh mẽ từng người và tất cả các bạn.

143. We can see that the answering of the six questions have far more than an individual purpose. They are to enrich the group.

143. Chúng ta có thể thấy rằng việc trả lời sáu câu hỏi có mục đích vượt xa phạm vi cá nhân. Những câu trả lời ấy nhằm làm phong phú thêm cho nhóm.

144. As a result of answering and sharing the answers, the group members will have:

144. Qua việc trả lời và chia sẻ những câu trả lời, các thành viên trong nhóm sẽ có:

a. A sense of relationship with each disciple in the group

a. Ý thức về mối quan hệ với từng đệ tử trong nhóm

b. A feeling of shared responsibility

b. Cảm nhận về trách nhiệm chung

c. A recognition of group assets

c. Sự nhận biết những ưu thế của nhóm

d. A recognition of group richness

d. Sự nhận biết sự phong phú của nhóm

e. A realization of group possibility.

e. Sự nhận ra những khả năng của nhóm.

145. It is clear that Master DK hopes His group will continue to work together under the guidance of FB (JWK-P), and He is preparing them for this future cooperation.

145. Rõ ràng Chân sư DK hy vọng nhóm của Ngài sẽ tiếp tục làm việc cùng nhau dưới sự hướng dẫn của FB (JWK-P), và Ngài đang chuẩn bị cho họ bước vào sự hợp tác này trong tương lai.

This will close our cycle of instruction. If you avail yourselves of the opportunity for this personal research work, coincident with the post-war period, **you may find a sudden spiritual deepening and strengthening** of your life, your spiritual contacts and your group relation;

Điều này sẽ khép lại chu kỳ huấn thị của chúng ta. Nếu các bạn tận dụng cơ hội thực hiện công việc tự khảo sát này, trùng với thời kỳ hậu chiến, **các bạn có thể thấy** đời sống, những tiếp xúc tinh thần và mối quan hệ nhóm của mình đột ngột trở nên sâu sắc và vững mạnh hơn về mặt tinh thần;

146. The advantages of the personal research work are given. Let us tabulate for

146. Những lợi ích của công việc nghiên cứu cá nhân đã được nêu ra. Chúng ta hãy liệt kê cho rõ: Công việc nghiên cứu sẽ giúp:

clarity: The research work will make possible:

a. Spiritual deepening

b. Strengthening of the life

c. Strengthening of spiritual contacts

d. Strengthening of group the group relation

147. We cannot help but note the use of the word “sudden”. DK seems to be referencing the unexpected spiritual insight which may arise from this exercise.

you may also find yourselves in closer rapport with the Ashram, its programme and potency, and you may likewise discover yourselves being presented with the opportunity to learn in a new and subjective manner, **of which I may not speak, until you have registered it yourselves.**

148. Further advantages to answering the questions are listed:

a. Coming into closer rapport with the Ashram

b. Coming in closer rapport with the Ashram’s programme

c. Coming into closer rapport with the Ashram’s potency

d. Being presented with the opportunity to learn in a new and subjective manner

149. We note that the Master does not explicitly tell how new subjective methods of learning may be accessed. It is the law

a. Đào sâu đời sống tinh thần

b. Củng cố sự sống

c. Củng cố các tiếp xúc tinh thần

d. Củng cố mối quan hệ nhóm

147. Chúng ta không thể không lưu ý việc sử dụng từ “đột ngột”. Dường như Chân sư DK đang đề cập đến sự thấu suốt tinh thần bất ngờ có thể nảy sinh từ bài tập này.

các bạn cũng có thể thấy mình hòa hợp mật thiết hơn với ashram, chương trình và uy lực của ashram, đồng thời có thể nhận ra mình đang đứng trước cơ hội học hỏi theo một cách mới và mang tính chủ quan **mà Tôi chưa thể nói đến cho tới khi chính các bạn ghi nhận được nó. Nhờ đó,**

148. Những lợi ích khác của việc trả lời các câu hỏi được liệt kê như sau:

a. Đạt đến sự hòa hợp mật thiết hơn với ashram

b. Đạt đến sự hòa hợp mật thiết hơn với chương trình của ashram

c. Đạt đến sự hòa hợp mật thiết hơn với uy lực của ashram

d. Có cơ hội học hỏi theo một cách mới và mang tính chủ quan

149. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư không nói rõ cách tiếp cận những phương pháp học hỏi chủ quan mới. Theo định luật, mỗi đệ tử

that each chela must arrive at the method himself before the Master may speak of the process.

150. This should be taken to heart by those who find their fellow disciples 'instructing' them in methods to contact the Master or to achieve higher subjective contacts. If even the Master will not speak directly of these things until they have been somewhat achieved within the disciple, then what of those of far lesser rank who claim to offer explicit instructions regarding such contact?

You will thus greatly increase your usefulness to humanity, to the Ashram, and to me.

151. We see that the questions have a purpose far beyond increasing the disciples' self-knowledge.

The Science of Impression* is of major importance to the group. The time for close attention to yourselves and to your individual characters is past; **group activity should take its place. By this I mean the activity of this particular group of disciples in relation to my Ashram and in relation to world service.**

152. DK is asking His chelas to lift their attention and no longer focus on their individual character. Rather, their attention is to be on the Ashram and its work.

153. Really, the six questions are meant to facilitate the development of the Science of Impression.

phải tự tìm ra phương pháp trước khi Chân sư có thể nói về tiến trình ấy.

150. Những ai thấy các đệ tử đồng môn đang 'chỉ dạy' mình những phương pháp tiếp xúc với Chân sư hoặc đạt đến những tiếp xúc chủ quan cao hơn cần ghi lòng điều này. Nếu ngay cả Chân sư cũng không nói trực tiếp về những điều này cho đến khi người đệ tử đã phần nào đạt được chúng bên trong mình, thì chúng ta phải nghĩ sao về những người có cấp bậc thấp hơn rất nhiều mà lại tuyên bố có thể đưa ra những chỉ dẫn cụ thể về sự tiếp xúc ấy?

các bạn sẽ gia tăng đáng kể sự hữu ích của mình đối với nhân loại, với ashram và với Tôi.

151. Chúng ta thấy rằng các câu hỏi có một mục đích vượt xa việc gia tăng sự hiểu biết về bản thân của các đệ tử.

Khoa Học về Ấn Tượng [vii]* có tầm quan trọng lớn đối với nhóm. Thời kỳ chú tâm sát sao đến bản thân và tính cách cá nhân của các bạn đã qua; **hoạt động nhóm phải thay thế cho điều ấy. Qua đó, Tôi muốn nói đến hoạt động của chính nhóm đệ tử này trong mối quan hệ với ashram của Tôi và với việc phụng sự thế gian.**

152. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài nâng cao sự chú tâm và không còn tập trung vào tính cách cá nhân của mình nữa. Thay vào đó, họ phải chú tâm đến ashram và công việc của ashram.

153. Thực ra, sáu câu hỏi nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển của Khoa Học về Ấn Tượng.

I would like you to do some further thinking upon the theme of our seventh point, the externalisation of the Masters' Ashrams, so that what I hope to say in the next instruction may mean more to you. Take your group papers and the book *Discipleship in the [97] New Age (Vol. I)* and run quickly through these two sources of information and then write down:

Tôi muốn các bạn suy nghĩ thêm về chủ đề của điểm thứ bảy mà chúng ta đã bàn, sự ngoại hiện các ashram của các Chân sư, để điều Tôi hy vọng sẽ nói trong huấn thị tiếp theo có thể mang nhiều ý nghĩa hơn đối với các bạn. Hãy lấy các tài liệu nhóm của các bạn và cuốn sách *Đường Đạo Trong [97] Kỷ Nguyên Mới (Tập I)*, đọc lướt nhanh hai nguồn thông tin này, rồi ghi lại:

154. A final review is in process. If well done, it will strengthen all future work.

154. Một đợt ôn lại cuối cùng đang diễn ra. Nếu thực hiện tốt, việc này sẽ củng cố mọi công việc trong tương lai.

155. The papers to be reviewed are all those which form the body of work in DINA II. When this instruction was given, DINA I had been printed, but DINA II had not.

155. Những tài liệu cần ôn lại là toàn bộ những tài liệu hợp thành nội dung của DINA II. Khi huấn thị này được đưa ra, DINA I đã được in, nhưng DINA II thì chưa.

1. Any definitions of an Ashram you may find. There are many.

1. Bất cứ định nghĩa nào về một ashram mà các bạn tìm được. Có rất nhiều định nghĩa.

156. This would be a worthwhile activity for ourselves. For all that has been said about the nature of an Ashram, there is still much vagueness of thought on the subject.

156. Đây sẽ là một hoạt động đáng làm đối với chúng ta. Dù đã có nhiều điều được nói về bản chất của một ashram, tư tưởng về chủ đề này vẫn còn rất mơ hồ.

157. We have a fifty-nine page compilation on the Ashram should anyone wish to have it.

157. Chúng ta có một bản biên soạn dài năm mươi chín trang về ashram, nếu có ai muốn có bản này.

2. A short, tabulated statement as to the unique work which every Ashram carries on in the outer world through its initiates and disciples and **through affiliated disciples, such as the majority of you. Two or three of you are beyond the stage of affiliation.**

2. Một bản trình bày ngắn gọn dưới dạng bảng về công việc độc đáo mà mỗi ashram thực hiện ở thế giới bên ngoài thông qua các điểm đạo đồ và đệ tử của mình, cũng như **thông qua các đệ tử liên kết, như phần lớn các bạn. Hai hoặc ba người trong các bạn đã vượt qua giai đoạn liên kết.**

158. DK wants His disciples to understand with clarity what each Ashram does and is

158. Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài thấu hiểu rõ ràng mỗi ashram làm gì và dự định làm gì trong tiến trình Ngoại Hiện.

intended to do in the Externalization process.

159. He is also offering some technical information on stages of ashramic association:

159. Ngài cũng đang cung cấp một số thông tin chuyên môn về các giai đoạn gắn kết với ashram:

a. One stage (the stage most applicable to the majority) is called “affiliation”.

a. Một giai đoạn (giai đoạn phù hợp nhất với đa số) được gọi là “liên kết”.

b. A few of the disciples have moved beyond the stage of affiliation into greater ashramic intimacy.

b. Một vài đệ tử đã vượt qua giai đoạn liên kết để bước vào sự gần gũi sâu sắc hơn với ashram.

This assignment need not take you long.

Bài tập này không cần chiếm nhiều thời gian của các bạn.

160. The value of summarizing what one has already learned is considerable.

160. Việc tóm lược những gì mình đã học có giá trị đáng kể.

My brothers, I am spiritually ambitious for you. I have gathered you into my ashramic group and, therefore, into my aura for vitalising, for training and for protection. My love goes ever out to you and my unifying desire.

Các huynh đệ của Tôi, Tôi có những kỳ vọng lớn lao về mặt tinh thần dành cho các bạn. Tôi đã quy tụ các bạn vào nhóm ashram của Tôi, và do đó vào hào quang của Tôi, để tiếp sinh lực, huấn luyện và bảo vệ các bạn. Tình thương và mong muốn hợp nhất của Tôi luôn hướng đến các bạn.

161. Here is one of the Tibetan’s great exhortations.

161. Đây là một trong những lời khích lệ lớn lao của Chân sư Tây Tạng.

162. When a Master gathers disciples into His group they are:

162. Khi một Chân sư quy tụ các đệ tử vào nhóm của Ngài, họ:

a. Thereby gathered into his aura

a. Qua đó được quy tụ vào hào quang của Ngài

b. Offered vitalising

b. Được tiếp sinh lực

c. Offered training

c. Được huấn luyện

d. Offered protection

e. Offered the Master's love

f. Offered the benefits of the Master's "unifying desire"

163. The term "unifying desire" is arresting. The Master's keen desire has a unifying effect upon His group of chelas. Have we ever discovered in ourselves the exertion of "unifying desire"? Surely the right kind of desire may be a factor contributing to group coherence.

Will you not aid me in my task? Will you stand with me in the hierarchical endeavour to which I am pledged and which I have undertaken in consort with the other Masters? There is much that you can do by speech, by pen and by example. **Will you not do it—with a simple heart and a single eye for the helping of a deeply suffering and overburdened humanity?**

164. The exhortation is irresistible.

165. We note that the Master is pledged, even as His chelas are pledged.

166. Three potent modes of assistance are given:

a. Speech

b. Pen

d. Được bảo vệ

e. Được đón nhận tình thương của Chân sư

f. Được hưởng những lợi ích từ "mong muốn hợp nhất" của Chân sư

163. Cụm từ "mong muốn hợp nhất" khiến chúng ta chú ý. Mong muốn mãnh liệt của Chân sư có tác dụng hợp nhất nhóm đệ tử của Ngài. Chúng ta đã bao giờ nhận thấy "mong muốn hợp nhất" đang phát huy tác dụng trong chính mình chưa? Chắc chắn loại mong muốn đúng đắn có thể là một yếu tố góp phần tạo nên sự gắn kết của nhóm.

Các bạn có sẵn lòng giúp Tôi trong nhiệm vụ này không? Các bạn có đứng cùng Tôi trong nỗ lực của Thánh đoàn mà Tôi đã cam kết và đã đảm nhận cùng với các Chân sư khác không? Có nhiều điều các bạn có thể làm bằng lời nói, ngòi bút và tấm gương của mình. **Các bạn có sẵn lòng làm điều ấy không—với tấm lòng đơn sơ và ánh nhìn nhất tâm hướng đến việc trợ giúp nhân loại đang đau khổ sâu sắc và gánh nặng chồng chất.**

164. Lời khích lệ ấy có sức lay động không thể cưỡng lại.

165. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư đã cam kết, cũng như các đệ tử của Ngài đã cam kết.

166. Ba phương thức trợ giúp đầy uy lực được nêu ra:

a. Lời nói

b. Ngòi bút

c. Example

167. In these three, we see how much the externalizing throat center is involved in the desirable process.

168. The action is also to be carried on with "a simple heart and a single eye"—two profound occult hints. One is to be clear and one-pointed in one's heart's desire. One is also to see with a sense of unity. The call is to be influenced by soul consciousness and not by the divisive and often complicated concrete mind.

The six questions are intended to summarise and **make deeply personal and significant** in your consciousness the instructions, given during the past few years to this group of affiliated disciples.

169. We note that the *personal* has a definite part to play in this group exercise which is filled with so much promise for the group.

170. The exercise is, we see, a way to promote assimilation of that which has been given.

They can be regarded as being put to the disciple by his own souland will mark—if correctly and creatively used—the closing of a preliminary cycle and the beginning of a new cycle of spiritual usefulness and of fresh growth and development.

171. DK is looking beyond the time when He will have outer contact with these disciples. Rather than anticipating a time of withering

c. Nêu gương

167. Trong ba điều này, chúng ta thấy trung tâm cổ họng thực hiện sự ngoại hiện tham gia nhiều đến mức nào vào tiến trình đáng mong muốn ấy.

168. Hành động cũng phải được thực hiện với "một trái tim đơn thuần và một con mắt duy nhất"—hai gợi ý huyền bí sâu sắc. Mỗi người cần rõ ràng và nhất tâm trong ước muốn của trái tim mình. Mỗi người cũng cần nhìn với ý thức về sự hợp nhất. Lời kêu gọi là hãy để tâm thức linh hồn ảnh hưởng đến mình, thay vì trí cụ thể vốn chia rẽ và thường phức tạp.

Sáu câu hỏi nhằm tóm lược những huấn thị đã ban cho nhóm đệ tử liên kết này trong vài năm qua, đồng thời **làm cho chúng trở nên thiết thân và có thâm nghĩa sâu sắc** trong tâm thức các bạn.

169. Chúng ta lưu ý rằng yếu tố *cá nhân* có một vai trò rõ rệt trong bài tập nhóm đầy hứa hẹn này đối với nhóm.

170. Chúng ta thấy bài tập này là một cách thúc đẩy sự đồng hóa những điều đã được trao truyền.

Có thể xem đó là những câu hỏi do chính linh hồn của người đệ tử đặt ra cho người ấy, và—nếu được sử dụng đúng đắn và sáng tạo—chúng sẽ đánh dấu sự kết thúc một chu kỳ sơ bộ và khởi đầu một chu kỳ mới về sự hữu ích tinh thần, cùng sự tăng trưởng và phát triển mới mẻ.

171. Chân sư DK đang nhìn xa hơn thời kỳ Ngài còn tiếp xúc bên ngoài với những đệ tử này. Thay vì dự liệu một thời kỳ suy tàn và

and fading effectiveness, he anticipates "a new cycle of spiritual usefulness and of fresh growth and development".

hiệu quả phai nhạt, Ngài dự liệu "một chu kỳ mới về sự hữu ích tinh thần, cùng sự tăng trưởng và phát triển mới mẻ".

172. Who is the one who questions? DK has His disciples imagine that it is their very soul that is the questioner.

172. Ai là người đặt câu hỏi? Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài hình dung rằng chính linh hồn của họ là người đặt câu hỏi.

173. The questions must be used both correctly and creatively. This means that not only are the answers to be both clear and honest, but that each disciple must evolve his own unique approach to their meaning and to their potential use. No one can tell another disciple how to do this.

173. Phải sử dụng các câu hỏi vừa đúng đắn vừa sáng tạo. Điều này có nghĩa là các câu trả lời không chỉ phải rõ ràng và trung thực, mà mỗi đệ tử còn phải phát triển cách tiếp cận độc đáo của riêng mình đối với ý nghĩa của các câu hỏi và khả năng sử dụng chúng. Không ai có thể chỉ cho một đệ tử khác cách làm điều này.

These questions should receive most careful consideration and much serious reflection, prior to answering.

Cần cân nhắc hết sức cẩn thận và suy ngẫm nghiêm túc về những câu hỏi này trước khi trả lời.

174. We have many well-learned words at our disposal. A somewhat convincing answer could be easily fabricated and yet lack real depth.

174. Chúng ta có sẵn nhiều lời lẽ đã học rất kỹ để sử dụng. Có thể dễ dàng dựng nên một câu trả lời phần nào có sức thuyết phục nhưng vẫn thiếu chiều sâu thực sự.

The answers should convey the truth, as the disciple sees it today and not in the light of his wishful thinking and of his aspiration;

Những câu trả lời phải truyền đạt chân lý, như người đệ tử nhìn thấy ngày hôm nay, chứ không theo những suy nghĩ mong cầu và khát vọng của mình;

175. The watchword is *truth* rather than *aspiration*. This requires great lucidity and the ability to avoid succumbing to the temptation to see things as they *should* be rather than as they *are*. Have we carefully tried this?

175. Phương châm là *chân lý* thay vì *khát vọng*. Điều này đòi hỏi sự sáng suốt cao độ và khả năng tránh sa vào cám dỗ nhìn sự vật theo cách chúng *nên* là, thay vì theo đúng thực trạng của *chúng*. Chúng ta đã cẩn thận thử làm điều này chưa?

the answers should be written down (so as to focus that truth) with no thought or fear of what other members of the group may think.

cần viết các câu trả lời ra (để tập trung chân lý ấy), không bận tâm hay lo sợ những thành viên khác trong nhóm sẽ nghĩ gì.

176. DK is asking for a great act of detachment. To those who have been concerned about what others may think, He has sometimes say: "They say. What do they say? Let them say" (cf. DINA I 563)

176. Chân sư DK đang yêu cầu một hành động tách rời lớn lao. Với những người từng bận tâm về điều người khác có thể nghĩ, đôi khi Ngài đã nói: "Họ nói. Họ nói gì? Cứ để họ nói" (xem DINA I 563)

In an Ashram, my brothers, a man is known as he is; for this clear knowledge, the members of this group (affiliated with my Ashram) should prepare themselves.

Các huynh đệ của Tôi, trong một ashram, mỗi người đều được biết đến đúng như con người mình vốn có; các thành viên của nhóm này (liên kết với ashram của Tôi) phải chuẩn bị cho sự hiểu biết rõ ràng ấy.

177. One of the principal keynotes of the Ashram is *truth.* For this DK is preparing His affiliated disciples.

177. Một trong những chủ âm chính của ashram là *chân lý.* Chân sư DK đang chuẩn bị các đệ tử liên kết với Ngài cho điều này.

178. The Ashram is focussed in the "clear, cold light". In that light, nothing can be hidden.

178. Ashram tập trung trong "ánh sáng trong trẻo, lạnh lẽo". Trong ánh sáng ấy, không điều gì có thể che giấu.

[98] One suggestion I will make: There are six questions, providing one question, therefore, for consideration each two months during the coming year.

Tôi sẽ đưa ra một gợi ý: Có sáu câu hỏi, do đó, trong năm tới cứ mỗi hai tháng các bạn có một câu hỏi để xem xét.

179. Six questions provide a year's work. This gives some indication of the depth with which DK expects the questions to be pondered and answered.

179. Sáu câu hỏi tạo thành công việc cho cả một năm. Điều này phần nào cho thấy Chân sư DK mong đợi các đệ tử suy ngẫm và trả lời những câu hỏi ấy sâu sắc đến mức nào.

Give two months to careful consideration, reflection and interior investigation and then, at the end of the second month, formulate your reply.

Hãy dành hai tháng để cân nhắc cẩn thận, suy ngẫm và khảo sát nội tâm, rồi đến cuối tháng thứ hai, hãy soạn câu trả lời.

180. No glib response will do. Deep interior investigation is required. How this investigation will occur is not for DK or anyone to say. It is part of the disciple's own *creative* approach.

180. Không thể trả lời một cách trơn tru nhưng hời hợt. Cần khảo sát nội tâm sâu sắc. Chân sư DK hay bất kỳ ai cũng không thể chỉ định cách tiến hành cuộc khảo sát này. Đó là một phần trong cách tiếp cận *sáng tạo* của chính người đệ tử.

Question 1. From a study of the instructions given by me on your five conditioning rays and from a study of yourself in connection with the information given:

Câu hỏi 1. Từ việc nghiên cứu những huấn thị Tôi đã ban về năm cung đang tác động lên các bạn và từ việc tự nghiên cứu bản thân trong mối liên hệ với những thông tin đã được cung cấp:

a. Which of your five conditioning rays controls you or which is the most dominant?

a. Trong năm cung đang tác động lên các bạn, cung nào kiểm soát các bạn hoặc cung nào chiếm ưu thế nhất?

181. The disciples know their rays, but the question of dominance requires close scrutiny. They know their soul ray *should* be dominant, but *is it?*

181. Các đệ tử biết các cung của mình, nhưng vấn đề cung nào chiếm ưu thế đòi hỏi sự xem xét kỹ lưỡng. Họ biết cung linh hồn của mình *nên* chiếm ưu thế, nhưng *thực sự có như vậy không?*

182. A careful examination of the personality and its aspects in relation to the soul will be required.

182. Cần xem xét cẩn thận phàm ngã và các phương diện của nó trong mối liên hệ với linh hồn.

b. Which ray should control you and how can you strengthen that control?

b. Cung nào nên kiểm soát các bạn và làm thế nào các bạn có thể củng cố sự kiểm soát ấy?

183. This would seem an obvious question. The soul ray, of course, should control, unless the potency of the monadic ray is to be moved into conditioning power. This would only be relevant to a few.

183. Đây có vẻ là một câu hỏi có lời đáp hiển nhiên. Dĩ nhiên, cung linh hồn nên kiểm soát, trừ khi sức mạnh của cung chân thần sắp trở thành quyền năng tác động. Điều này chỉ có liên quan đến một số ít người.

184. The important point for most of us is how to strengthen the control of the soul ray. There would be a unique approach for each individual. Does each of us know how this should be done? One can see why two month's careful consideration would be required.

184. Với phần lớn chúng ta, điểm quan trọng là làm thế nào để củng cố sự kiểm soát của cung linh hồn. Mỗi cá nhân sẽ có một cách tiếp cận riêng. Mỗi người chúng ta có biết nên thực hiện điều này như thế nào không? Có thể thấy vì sao cần dành hai tháng để cân nhắc cẩn thận.

The answering of this question will require a truthful consideration of your good and bad qualities, of your assets as well as your limitations.

Việc trả lời câu hỏi này đòi hỏi các bạn phải xem xét một cách trung thực những phẩm tính tốt và xấu, những ưu thế cũng như những giới hạn của mình.

185. In all progress upon the Path of Occultism, self-scrutiny is essential.

185. Trong mọi bước tiến trên Con Đường Huyền Bí Học, việc tự xem xét kỹ lưỡng bản thân là thiết yếu.

Question 2. Looking back over the years of instruction, do you feel that you have definitely advanced upon the Path? If so, upon what grounds do you base this belief?

Câu hỏi 2. Nhìn lại những năm tháng được huấn thị, các bạn có cảm thấy mình đã thực sự tiến bước trên Đường Đạo không? Nếu có, các bạn dựa trên những cơ sở nào để tin như vậy? Trong những hoàn cảnh ấy,

186. An historical retrospective is required. This is a *life review*— like an evening review but comprehensive and inclusive of years of training.

186. Cần nhìn lại quá trình đã qua. Đây là một cuộc *duyệt xét cuộc đời*— giống như việc duyệt xét buổi tối nhưng toàn diện và bao quát nhiều năm huấn luyện.

187. The value of these questions hits home, does it not?

187. Giá trị của những câu hỏi này chạm đến tận lòng chúng ta, phải không?

Could you have made more progress under the circumstances and if you have not, what was the reason or reasons?

liệu các bạn có thể tiến bộ hơn nữa không, và nếu chưa làm được thì lý do hay những lý do là gì?

188. Here various life decisions would have to be assessed. Various turns in the road will have to be seen.

188. Ở đây, cần đánh giá những quyết định khác nhau trong cuộc đời. Cần nhìn nhận những khúc quanh khác nhau trên đường.

Question 3. **In what do you personally feel** that your work in the future should consist in the following three relations:

Câu hỏi 3. **Bản thân các bạn cảm thấy** công việc tương lai của mình nên bao gồm những gì trong ba mối quan hệ sau đây:

189. DK is speaking of work in the same incarnation. Perhaps in this consideration, work for future incarnations would be revealed.

189. Chân sư DK đang nói về công việc trong cùng kiếp sống này. Có lẽ khi suy xét điều này, công việc dành cho những kiếp sống tương lai sẽ hiển lộ.

190. DK seems to be invoking the response of the astral body through the use of the words "personally feel". It is clear that He is looking for a *real* response rather than a mentalized one.

190. Chân sư DK dường như đang khơi gọi sự đáp ứng của thể cảm dục qua việc dùng những từ "bản thân các bạn cảm thấy". Rõ ràng Ngài đang tìm kiếm một sự đáp ứng *thực sự* hơn là một sự đáp ứng đã được trí tuệ hoá.

a. With your personality, in its particular circumstances and environment, so as to make your daily life more spiritually effective?

191. The personality has its work and has to be considered as a unit in its own right.

192. The opportunities inherent in circumstances and environment in which the personality finds itself will have to be assessed. Limitation will have to be recognized and also opportunity—both expected and unexpected.

b. In order to establish a closer contact with your soul, with the same objective of effective spiritual living?

193. The question relates to a vertical attitude. All have a future work which involves establishing a closer relation to the soul. More effective spiritual living is always the goal.

c. In order to bring about soul and personality at-one-ment **and clearly demonstrate the fact.**

194. This question relates to soul-personality fusion. The soul must descend and merge with the waiting personality. DK's disciples are to become the soul-in-incarnation, and He wants His chelas to be practical about the ways in which this could be achieved. This aspect of question 3 is different from the aspect immediately preceding.

a. Với phàm ngã của mình, trong những hoàn cảnh và môi trường riêng của nó, để làm cho đời sống hằng ngày của các bạn có hiệu quả hơn về mặt tinh thần?

191. Phàm ngã có công việc của nó và cần được xem xét như một đơn vị có vai trò riêng.

192. Cần đánh giá những cơ hội vốn có trong hoàn cảnh và môi trường mà phàm ngã đang sống. Cần nhận biết những giới hạn cũng như những cơ hội—cả những cơ hội dự kiến lẫn bất ngờ.

b. Nhằm thiết lập sự tiếp xúc mật thiết hơn với linh hồn mình, với cùng mục tiêu là sống đời sống tinh thần một cách hiệu quả?

193. Câu hỏi này liên quan đến một thái độ hướng theo chiều dọc. Tất cả đều có công việc tương lai bao hàm việc thiết lập mối quan hệ mật thiết hơn với linh hồn. Sống đời sống tinh thần hiệu quả hơn luôn là mục tiêu.

c. Nhằm tạo nên sự hợp nhất giữa linh hồn và phàm ngã, **đồng thời biểu lộ rõ ràng sự hợp nhất ấy.**

194. Câu hỏi này liên quan đến sự dung hợp linh hồn–phàm ngã. Linh hồn phải giáng xuống và hoà nhập với phàm ngã đang chờ đợi. Các đệ tử của Chân sư DK phải trở thành linh hồn đang nhập thể, và Ngài muốn các đệ tử của Ngài có cách tiếp cận thực tế đối với những phương cách có thể giúp đạt được điều này. Phương diện này của câu hỏi 3 khác với phương diện ngay trước đó.

What do you regard as the present [99] greatest hindrance to this accomplishment?

195. DK is asking for the greatest hindrance to soul-infusion. No doubt He has hinted at such a hindrance all through His instructions to the disciples, but they have to realize it for themselves.

Question 4. Are you satisfied with the relationship you have established with your group brothers?

196. Obviously, the group has been, from some vantage points, a failure. So no one could be truly satisfied. Answering this question will cause each chela to imagine the true nature of right group relations and the ways in which he or she has fallen short of promoting them.

a. Do you know them better and love them more than you earlier did? This means all of them, as a group.

197. The extent of true group consciousness will be revealed by a truthful answer to this question.

198. The past is to be compared with the present and the difference (if one exists) truthfully seen.

199. No group brother can be left out. They must be taken not only individually but, more importantly, as a group.

200. It is as if the disciples must learn to see for themselves the nature of the failure which has occurred. DK has given many reasons for the failure, but none will be as

Các bạn cho rằng hiện nay [99] trở ngại lớn nhất đối với thành tựu này là gì?

195. Chân sư DK đang hỏi về trở ngại lớn nhất đối với sự thấm nhuần của linh hồn. Chắc chắn Ngài đã gợi ý về một trở ngại như thế xuyên suốt các huấn thị dành cho các đệ tử, nhưng họ phải tự nhận ra điều đó.

Câu hỏi 4. Các bạn có hài lòng với mối quan hệ đã thiết lập với các huynh đệ đồng nhóm không?

196. Rõ ràng, xét từ một số góc độ, nhóm đã thất bại. Vì vậy, không ai có thể thực sự hài lòng. Việc trả lời câu hỏi này sẽ khiến mỗi đệ tử hình dung bản chất đích thực của các mối quan hệ đúng đắn trong nhóm và những phương diện mà ông hoặc bà đã chưa làm tròn trong việc vun đắp các mối quan hệ ấy.

a. Các bạn có biết họ rõ hơn và thương yêu họ nhiều hơn trước không? Điều này hàm ý tất cả họ, xét như một nhóm.

197. Một câu trả lời trung thực cho câu hỏi này sẽ cho thấy mức độ tâm thức nhóm đích thực.

198. Cần so sánh quá khứ với hiện tại và nhìn nhận trung thực sự khác biệt (nếu có).

199. Không thể bỏ sót một huynh đệ đồng nhóm nào. Phải xét họ không chỉ với tư cách từng cá nhân mà, quan trọng hơn, như một nhóm.

200. Dường như các đệ tử phải học cách tự nhìn thấy bản chất của sự thất bại đã xảy ra. Chân sư DK đã đưa ra nhiều lý do cho sự thất bại ấy, nhưng không lý do nào có sức thuyết

convincing as the direct sight of the inquiring disciple.

phục bằng điều mà người đệ tử đang tìm hiểu trực tiếp nhìn thấy.

b. Along what lines do you feel that you have failed them, if you have, and what do you propose to do to rectify the situation?

b. Các bạn cảm thấy mình đã phụ lòng họ ở những phương diện nào, nếu có, và các bạn dự định làm gì để sửa đổi tình trạng ấy?

201. All have failed all—obviously. It is heartening, however, to realize that not only is rectification possible but it is necessary.

201. Rõ ràng, tất cả đều đã phụ lòng nhau. Tuy nhiên, thật đáng khích lệ khi nhận ra rằng việc sửa đổi không chỉ khả thi mà còn cần thiết.

202. Rectification could occur in future years of cooperation. This would suggest the continuation of a well-functioning group. Rectification could also occur in a future incarnation, or, perhaps, between incarnations.

202. Việc sửa đổi có thể diễn ra trong những năm hợp tác về sau. Điều này gợi ý rằng một nhóm hoạt động tốt sẽ tiếp tục tồn tại. Việc sửa đổi cũng có thể diễn ra trong một kiếp lâm phàm tương lai, hoặc có lẽ trong khoảng thời gian giữa các kiếp lâm phàm.

203. We do know that the eight disciples did not continue to work with each other after the death of AAB, as DK had hoped.

203. Chúng ta biết chắc rằng tám đệ tử đã không tiếp tục làm việc với nhau sau khi Bà AAB qua đời, như Chân sư DK từng hy vọng.

c. In what way do you feel that you have been an asset to the group?

c. Các bạn cảm thấy mình đã đóng góp được gì cho nhóm?

204. An even-handed view demands a realization of both assets and liabilities. DK is not interested in producing morbid introspection.

204. Một cái nhìn công bằng đòi hỏi phải nhận ra cả những mặt đóng góp lẫn những mặt gây trở ngại. Chân sư DK không muốn khơi dậy sự tự xét mình một cách bệnh hoạn.

These four questions concern largely your ability to live as a soul in your little outer world and have reference primarily to your objective expression. The next two questions concern your subjective relationships.

Bốn câu hỏi này chủ yếu liên quan đến khả năng sống như một linh hồn trong thế giới nhỏ bé bên ngoài của các bạn, và trước hết đề cập đến sự biểu hiện khách quan của các bạn. Hai câu hỏi tiếp theo liên quan đến các mối quan hệ chủ quan của các bạn.

205. As penetrating as the first four questions have been, they are stated to relate to the chela's objective expression—

205. Dù bốn câu hỏi đầu tiên sâu sắc đến đâu, Ngài vẫn nói rằng chúng liên quan đến sự biểu hiện khách quan của đệ tử—quan

important, but obviously not the *most* important.

trọng, nhưng rõ ràng chưa phải là điều quan trọng *nhất*.

Question 5. What is your attitude towards your Master, Djwhal Khul, as a result of years of training under His instruction?

Câu hỏi 5. Sau nhiều năm được huấn luyện dưới sự chỉ dạy của Chân sư Djwhal Khul, thái độ của các bạn đối với Ngài, Chân sư của mình, như thế nào?

206. This question will touch on the true nature and quality of a chela's ashramic affiliation.

206. Câu hỏi này sẽ đề cập đến bản chất và phẩm tính đích thực của mối liên kết giữa đệ tử với ashram.

a. Can you sense my vibration at any time? How do you know the difference between my vibration, that of your own soul or the group?

a. Các bạn có thể cảm nhận rung động của Tôi vào bất kỳ lúc nào không? Làm thế nào các bạn phân biệt được rung động của Tôi với rung động của linh hồn mình hoặc của nhóm?

207. Keen discrimination avoiding all wishful thinking will be required. We note that the question is not about the occasional sensing of the Master's vibration, but the ability to sense it "at any time".

207. Điều này đòi hỏi khả năng phân biện sắc bén, tránh mọi lối suy nghĩ theo điều mình mong muốn. Chúng ta lưu ý rằng câu hỏi không nói đến việc thỉnh thoảng cảm nhận rung động của Chân sư, mà nói đến khả năng cảm nhận rung động ấy "vào bất kỳ lúc nào".

208. Let us say that the soul is on the second ray and the group is primarily a group belonging to a second ray Ashram. The Master DK is also on the second ray. How then are these three vibrations to be discriminated? One can see the necessity for a deeply internal process if this question is to be correctly answered.

208. Giả sử linh hồn thuộc cung hai và nhóm chủ yếu là một nhóm thuộc một ashram cung hai. Chân sư DK cũng thuộc cung hai. Vậy làm thế nào để phân biệt ba rung động này? Có thể thấy rằng cần có một tiến trình nội tâm sâu sắc mới trả lời đúng câu hỏi này.

b. What effect has the work of the full moon had upon you? Have there been any results of that attempted contact and, if so, what are they?

b. Công việc vào kỳ trăng tròn đã tác động thế nào đến các bạn? Nỗ lực tiếp xúc ấy có đem lại kết quả nào không, và nếu có thì đó là những gì?

209. The Master can be contacted with much increased facility at the time of the Full Moon. The question is—has such contact

209. Vào kỳ Trăng Tròn, việc tiếp xúc với Chân sư có thể diễn ra dễ dàng hơn rất nhiều. Câu hỏi là—sự tiếp xúc ấy đã thực sự

really occurred or has the process only been one of imagination or wishful thinking.

210. Not only is contact required, but it should have results. These results may or may not be tangible. More likely, they will be subjective and intangible. So the chela must enter a deeply subjective search to answer this question satisfactorily.

c. What should now govern your efforts in relation to your work as my disciple during the coming remainder of your life?

211. The implication is that the one answering the question may, indeed, remain DK's disciple for the remainder of the present incarnation. The question concerns the governing theme of life if one is to truly work as DK's disciple. Whatever may have governed life efforts during years past, there is the suggestion that there is something which must be discovered, appropriate to the present moment.

Question 6. **What part in my plans and in the task assigned to my Ashram are you prepared to take?** This question concerns both your outer and your inner work of a practical nature.

212. This is a question involving both inner and outer realities. Master DK has made the work of His Ashram abundantly clear. Now comes a moment of will, decision and resolution.

213. A Master is most interested in a chela if the chela is truly interested in the work of the Master. This final question relates to

xảy ra, hay tiến trình ấy chỉ là sự tưởng tượng hoặc lối suy nghĩ theo điều mình mong muốn.

210. Không chỉ cần có sự tiếp xúc, mà sự tiếp xúc ấy còn phải đem lại kết quả. Những kết quả này có thể hữu hình hoặc không. Nhiều khả năng chúng sẽ mang tính chủ quan và vô hình. Vì vậy, đệ tử phải đi sâu tìm kiếm trong thế giới chủ quan để trả lời câu hỏi này một cách thỏa đáng.

c. Giờ đây, điều gì nên chi phối những nỗ lực của các bạn trong công việc với tư cách đệ tử của Tôi suốt phần đời còn lại?

211. Hàm ý ở đây là người trả lời câu hỏi quả thực có thể tiếp tục là đệ tử của Chân sư DK trong phần còn lại của kiếp sống hiện tại. Câu hỏi liên quan đến chủ đề chi phối cuộc đời nếu người ấy muốn thực sự làm việc với tư cách đệ tử của Chân sư DK. Dù điều gì đã chi phối những nỗ lực trong cuộc sống suốt những năm qua, lời này gợi ý rằng có một điều cần khám phá, phù hợp với thời điểm hiện tại.

Câu hỏi 6. **Các bạn sẵn sàng đảm nhận phần việc nào trong các kế hoạch của Tôi và trong nhiệm vụ được giao cho ashram của Tôi?** Câu hỏi này liên quan đến cả công việc bên ngoài lẫn công việc bên trong mang tính thực tiễn của các bạn.

212. Đây là một câu hỏi liên quan đến cả những thực tại bên trong lẫn bên ngoài. Chân sư DK đã trình bày hết sức rõ ràng công việc của ashram Ngài. Giờ đây là thời điểm vận dụng ý chí, quyết định và quyết tâm.

213. Một Chân sư quan tâm nhất đến một đệ tử khi đệ tử ấy thực sự quan tâm đến công việc của Ngài. Câu hỏi cuối cùng này liên

practical work in cooperation with the Master and is telling.

214. The group members had not distinguished themselves by seizing upon the work suggested by Master DK. He obviously is giving them another chance to strengthen their resolve and serve the Ashram with occult obedience.

[100] a. Have you **any definite schedule of work** outlined in your mind as your contribution to the activity of my Ashram?

215. DK is asking for more than good intentions. He actually wants to see a "schedule of work" unfold in the minds of His chelas. A definite schedule will help make their good intentions actual.

b. If so, what is it and how do you propose to implement it and make it effective?

216. The chelas are being asked for an act of manifestation. The six questions have been a magical process ending with a call for manifestation.

c. What is the **main task** of the Ashram at this time? Do you know the type of assistance—subjective or objective or both—that you could give?

217. A member of an Ashram must know what an Ashram really does and how he is best suited to partake of the Ashram's work. DK wants His chelas to place the work they will do in relation to the Ashram's main task (at the time of the writing of this section of the book).

quan đến công việc thực tiễn trong sự hợp tác với Chân sư và rất có sức bộc lộ.

214. Các thành viên trong nhóm chưa chứng tỏ được mình qua việc nắm lấy công việc mà Chân sư DK gợi ý. Rõ ràng Ngài đang cho họ thêm một cơ hội để củng cố quyết tâm và phụng sự ashram với sự tuân phục huyền môn.

a. Trong thể trí, các bạn đã phác thảo **một chương trình làm việc cụ thể nào** để đóng góp vào hoạt động của ashram của Tôi chưa?

215. Chân sư DK đòi hỏi nhiều hơn những ý định tốt đẹp. Ngài thực sự muốn thấy một "chương trình làm việc" hình thành trong thể trí các đệ tử của Ngài. Một chương trình cụ thể sẽ giúp biến những ý định tốt đẹp của họ thành hiện thực.

b. Nếu có, đó là gì, và các bạn dự định triển khai cũng như làm cho chương trình ấy có hiệu quả bằng cách nào?

216. Các đệ tử đang được yêu cầu thực hiện một hành động biểu hiện. Sáu câu hỏi là một tiến trình huyền thuật kết thúc bằng lời kêu gọi biểu hiện.

c. **Nhiệm vụ chính** của ashram vào lúc này là gì? Các bạn có biết mình có thể trợ giúp theo cách nào—chủ quan, khách quan hay cả hai—không?

217. Một thành viên của ashram phải biết ashram thực sự làm gì và bản thân thích hợp nhất để tham gia công việc của ashram theo cách nào. Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài đặt công việc họ sẽ làm trong mối liên hệ với nhiệm vụ chính của ashram (vào thời điểm phần này của cuốn sách được viết).

This last question goes deeply into your ability to react to impression from me and from the Ashram. I would have you answer it, to the best of your ability, from that angle.

Câu hỏi cuối cùng này đi sâu vào khả năng của các bạn trong việc đáp ứng với ấn tượng từ Tôi và từ ashram. Tôi muốn các bạn trả lời câu hỏi ấy hết khả năng của mình từ góc độ đó.

218. It may be a stretch to understand the real purpose behind any Ashram and the nature of its main work. DK is hoping His disciples can merge into this realization. He does not expect perfect answers or even accurate answers, but He knows the value of attempting to answer.

218. Việc thấu hiểu mục đích thực sự đằng sau bất kỳ ashram nào và bản chất công việc chính của ashram ấy có thể đòi hỏi một nỗ lực vượt quá khả năng hiện tại. Chân sư DK hy vọng các đệ tử của Ngài có thể hòa nhập vào sự nhận biết này. Ngài không mong đợi những câu trả lời hoàn hảo hay thậm chí chính xác, nhưng Ngài biết giá trị của việc cố gắng trả lời.

Pass on, my disciples, into a closer relation to the Ashram of which I am the focal point; aim at a closer rapport with your fellow workers and with me. **I am the director of your work.** That this relationship may prove **the signal achievement of the coming** year for each and all of you is my earnest wish.

Các đệ tử của Tôi, hãy tiến vào một mối quan hệ mật thiết hơn với ashram mà Tôi là tiêu điểm; hãy hướng đến sự hòa hợp mật thiết hơn với những người đồng sự và với Tôi. **Tôi là người chỉ đạo công việc của các bạn.** Tôi tha thiết mong rằng mối quan hệ này sẽ trở thành **thành tựu nổi bật của năm tới** đối với từng người và tất cả các bạn.

219. When DK tells His disciples to "pass on", He may be hinting at the possibility that a number of them can take the second initiation—the initiation of "passing". It was this particular initiation which lay before the majority of them.

219. Khi Chân sư DK bảo các đệ tử của Ngài "tiến bước", có thể Ngài đang gợi ý rằng một số người trong họ có khả năng trải qua lần điểm đạo thứ hai—cuộc điểm đạo của sự "vượt qua". Chính cuộc điểm đạo đặc biệt này đang ở phía trước đa số họ.

220. DK sounds an authoritative note. He is the "director" of their work. If the chelas are to understand the purpose of the Ashram, they simply must come into closer rapport with the Master or the Ashram and with their fellow workers.

220. Chân sư DK cất lên một âm điệu đầy uy quyền. Ngài là "người chỉ đạo" công việc của họ. Nếu các đệ tử muốn thấu hiểu mục đích của ashram, họ nhất thiết phải đạt đến sự hòa hợp mật thiết hơn với Chân sư hoặc ashram và với những người đồng sự.

221. A closer relationship, therefore, is urged on two counts:

221. Do đó, một mối quan hệ mật thiết hơn được thúc giục trên hai phương diện:

a. A closer relationship with all fellow workers

a. Một mối quan hệ mật thiết hơn với tất cả những người đồng sự

b. A closer relationship with the Master, Himself

b. Một mối quan hệ mật thiết hơn với chính Chân sư

222. DK sets a goal for His chelas—a goal, the accomplishment of which, will take them to a period beyond the duration of the then incarnation of AAB.

222. Chân sư DK đặt ra một mục tiêu cho các đệ tử của Ngài—một mục tiêu mà việc hoàn thành sẽ đưa họ đến một thời kỳ sau khi kiếp sống lúc bấy giờ của Bà AAB đã kết thúc.

223. There is no question that the Master seeks an ever closer rapport with His chelas, but it must be a genuine rapport facilitated through true contact. Many contact the astral reflection of the Master. In most cases, this is useless or worse.

223. Không còn nghi ngờ gì nữa, Chân sư tìm kiếm sự hòa hợp ngày càng mật thiết với các đệ tử của Ngài, nhưng đó phải là sự hòa hợp đích thực, được vun bồi qua sự tiếp xúc chân thực. Nhiều người tiếp xúc với hình ảnh phản chiếu của Chân sư trên cõi cảm dục. Trong hầu hết các trường hợp, điều này vô ích hoặc còn tệ hơn.

224. Ashramic intimacy must be earned. Its achievement is a deeply interior process.

224. Phải nỗ lực để xứng đáng có được sự thân mật trong ashram. Việc đạt được điều ấy là một tiến trình diễn ra sâu trong nội tâm.

225. The Tibetan has offered an instrument for deeper achievement, but the rest is up to the disciples themselves.

225. Chân sư Tây Tạng đã trao một công cụ để đạt thành tựu sâu xa hơn, nhưng phần còn lại tùy thuộc vào chính các đệ tử.

226. Those of us who have been long in the work may find ourselves called to address ourselves to the same six questions.

226. Những ai trong chúng ta đã tham gia công việc từ lâu có thể thấy mình được kêu gọi tự trả lời cũng sáu câu hỏi ấy.

Commentary 35

[101-110]

November-December 1949

1. Indeed, these are the Tibetan's final instructions to His remaining group members; in December of 1949, AAB made her transition.

MY BROTHERS OF LONG ASSOCIATION:

2. DK is not only speaking of the some eighteen years during which He corresponded with these individuals, but of His long association with them in other incarnations. Part of the reason they were gathered into His groups was their karma with Him in earlier cycles.

In my last instruction to you I gave you only a very little teaching anent group work, though there were several significant hints if you had the intuition to grasp them.

3. The Tibetan's writings must be read with the greatest care. Once one becomes alive to His method of hinting, veiling and revealing, it is astonishing to realize what He has included. So often we overlook what is right under out eye—this can go on for years until.

I have, however, given you much over the years; yet, when I look back over those years, I am forced to realise **how relatively little you have profited by this teaching upon group work**, though many of you have

Tháng Mười Một–Tháng Mười Hai năm 1949

1. Quả thật, đây là những huấn thị cuối cùng của Chân sư Tây Tạng dành cho các thành viên còn lại trong nhóm của Ngài; vào tháng Mười Hai năm 1949, Bà AAB đã từ trần.

CÁC HUYNH ĐỆ ĐÃ GẮN BÓ LÂU NĂM CỦA TÔI:

2. Chân sư DK không chỉ nói đến khoảng mười tám năm Ngài trao đổi thư từ với những người này, mà còn nói đến mối gắn bó lâu dài của Ngài với họ trong những kiếp sống khác. Một phần lý do họ được quy tụ vào các nhóm của Ngài là nghiệp quả của họ với Ngài trong những chu kỳ trước.

Trong huấn thị trước gửi đến các bạn, Tôi chỉ giảng dạy rất ít về công việc nhóm, mặc dù có một số gợi ý đầy thâm nghĩa nếu các bạn có trực giác để nắm bắt.

3. Cần đọc các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng hết sức cẩn trọng. Một khi nhận biết được phương pháp gợi ý, che giấu và tiết lộ của Ngài, chúng ta sẽ kinh ngạc khi nhận ra những gì Ngài đã đưa vào đó. Chúng ta rất thường bỏ qua những gì ở ngay trước mắt mình—điều này có thể tiếp diễn suốt nhiều năm cho đến khi.

Tuy nhiên, qua nhiều năm, Tôi đã truyền dạy cho các bạn rất nhiều; thế mà khi nhìn lại những năm ấy, Tôi buộc phải nhận ra **các bạn đã thu được tương đối ít lợi ích từ giáo huấn về công việc nhóm này**, dù nhiều người trong các bạn đã thu được nhiều lợi

profited much by the personal instructions I gave you.

ích từ những huấn thị cá nhân mà Tôi đã ban.

4. DK discriminates between profit from group work and profit from personal instructions. The conclusion must be that the disciples He gathered together were more interested in themselves as persons that in the group opportunity offered.

4. Chân sư DK phân biệt giữa lợi ích thu được từ công việc nhóm và lợi ích thu được từ các huấn thị cá nhân. Phải đi đến kết luận rằng các đệ tử mà Ngài quy tụ quan tâm đến bản thân họ với tư cách cá nhân nhiều hơn là cơ hội làm việc nhóm mà Ngài dành cho họ.

5. This must have been a difficult moment of realization for Master DK. To give is not a guarantee of the assimilation of that which is given.

5. Hẳn đây là một thời khắc khó khăn đối với Chân sư DK khi Ngài nhận ra điều ấy. Việc trao truyền không bảo đảm rằng người nhận sẽ đồng hóa được những gì đã trao truyền.

Only sixteen of you are left out of an original fifty aspirants to discipleship;

Trong số năm mươi người chí nguyện bước vào địa vị đệ tử ban đầu,

6. In another place, the Master said the following: "There are many outside the New Seed Group who have done a more consecrated and selfless task than have you, though there are a few exceptions. But, my brothers, out of fifty-one, how few!!" (DINA II 84)

6. Ở một chỗ khác, Chân sư đã nói như sau: "Có nhiều người bên ngoài Nhóm Hạt Giống Mới đã thực hiện công việc với tinh thần thánh hiến và vô ngã hơn các bạn, dù có một vài ngoại lệ. Nhưng, các huynh đệ của Tôi, trong số năm mươi mốt người, có được mấy người!!" (DINA II 84)

7. On the same subject, He also said this: "You have had more, much more, than you can assimilate; of the original group of students only a few are left; of the more than fifty original members who have been affiliated with my Ashram, **only sixteen remain, and of these only eight are truly active; and of these eight, two are causing me some questioning."** (DINA II 90)

7. Cũng về chủ đề này, Ngài còn nói: "Các bạn đã nhận được nhiều, nhiều hơn rất nhiều so với khả năng đồng hóa của mình; trong nhóm môn sinh ban đầu, chỉ còn lại một số ít; trong số hơn năm mươi thành viên ban đầu đã có liên hệ với Ashram của Tôi, **chỉ còn lại mười sáu người, và trong số này chỉ có tám người thực sự hoạt động; trong tám người ấy, có hai người khiến Tôi phải băn khoăn."** (DINA II 90)

I think you yourselves would be the first to admit that there is little group interplay and no group enterprise animating those few of you who remain steadfast.

chỉ còn lại mười sáu người trong các bạn; Tôi nghĩ chính các bạn sẽ là những người đầu tiên thừa nhận rằng giữa số ít các bạn còn giữ vững sự kiên định, sự tương tác nhóm rất ít và không có một công việc chung nào của nhóm làm động lực.

8. A few of the remaining ones are steadfast disciples, but are unrelated in "group enterprise"—therefore, the failure.

8. Một vài người còn lại là những đệ tử kiên định, nhưng không gắn kết với nhau trong "công việc chung của nhóm"—do đó mà thất bại.

Certain of you (F.C.D., J.W.K-P., R.V.B., P.G.C., R.S.U., and R.S.W.) are actively working in relation to my plans,

Một số người trong các bạn (F.C.D., J.W.K-P., R.V.B., P.G.C., R.S.U. và R.S.W.) đang tích cực làm việc theo các kế hoạch của Tôi,

9. These are the six of the eight who are causing him no questioning:

9. Đây là sáu người trong số tám người không khiến Ngài phải băn khoăn:

a. FCD—Roberto Assagioli—24-127

a. FCD—Roberto Assagioli—24-127

b. JWK—Foster Bailey—12-327

b. JWK—Foster Bailey—12-327

c. RVB—Victor Fox—24-423

c. RVB—Victor Fox—24-423

d. PGC—Frank Hirsch—27-567

d. PGC—Frank Hirsch—27-567

e. RSU—Regina Keller—23-117

e. RSU—Regina Keller—23-117

f. RSW—Marion Walter—27-427

f. RSW—Marion Walter—27-427

10. It is interesting to see that of the most trusted remaining disciples by far the majority had second ray astral bodies and seven ray physical bodies. The great majority, as might be predicted, were second ray souls, resonant to DK's ray.

10. Thật thú vị khi thấy rằng trong số những đệ tử còn lại được tin cậy nhất, đại đa số có thể cảm dục cung hai và thể xác cung bảy. Như có thể dự đoán, đại đa số là những linh hồn cung hai, cộng hưởng với cung của Chân sư DK.

though those plans are not in reality mine, but simply the required cooperation in hierarchical endeavour.

mặc dù thực ra những kế hoạch ấy không phải của riêng Tôi, mà chỉ là sự hợp tác cần thiết trong nỗ lực của Thánh đoàn.

11. DK states Himself as a representative of Hierarchy. He does not have a strictly personal investment in the plans which he is carrying out.

11. Chân sư DK xác định mình là một đại diện của Thánh đoàn. Ngài không có lợi ích thuần túy cá nhân nào trong những kế hoạch mà Ngài đang thực hiện.

The rest of [101] you are engulfed in the processes of daily living or else too tired to be more active than you already are, and for that condition of the personality I have no criticism.

Những người còn lại trong [101] các bạn đang chìm trong những tiến trình của đời sống hằng ngày hoặc quá mệt mỏi để có thể hoạt động tích cực hơn hiện nay, và Tôi không phê phán tình trạng ấy của phàm ngã.

12. The other ten have two particular problems. Fatigue is one such problem, and DK offers no criticism for those who are truly fatigued.

12. Mười người còn lại có hai vấn đề cụ thể. Mệt mỏi là một trong hai vấn đề ấy, và Chân sư DK không phê phán những người thực sự mệt mỏi.

13. The others are "engulfed in the processes of daily living". Note the word "engulfed", connoting as it does the influence of the astral plane.

13. Những người khác thì "chìm trong những tiến trình của đời sống hằng ngày". Hãy lưu ý từ "chìm", vì từ này hàm ý ảnh hưởng của cõi cảm dục.

14. One of the references where this term is used most tellingly is the following:"Control the body of emotion for the waves that rise upon the stormy seas of life engulf the swimmer, shut out the sun and render all plans futile." (TWM 473)

14. Một trong những đoạn trích dùng thuật ngữ này có sức gợi tả rõ nhất là đoạn sau: "Hãy kiểm soát thể cảm xúc, vì những ngọn sóng dâng lên trên biển đời giông bão nhấn chìm người bơi, che khuất mặt trời và khiến mọi kế hoạch trở nên vô ích." (TWM 473)

15. Engulfment is the normal condition of humanity. The disciple is expected to "keep his head above water".

15. Chìm ngập là tình trạng thông thường của nhân loại. Người đệ tử được kỳ vọng phải "giữ đầu mình trên mặt nước".

It is necessary for you to remember that this group effort which I initiated with the assistance of some of the older and more experienced Masters, **is by no means completed**;

Các bạn cần nhớ rằng nỗ lực nhóm này, do Tôi khởi xướng với sự trợ giúp của một số Chân sư thâm niên và giàu kinh nghiệm hơn, **hoàn toàn chưa kết thúc**;

16. These Masters were particularly Masters KH and M.

16. Các Chân sư này cụ thể là Chân sư KH và Chân sư M.

17. DK is look ahead to the continuance of His experiment, in which, may it be said, a number of His present students may well be involved in the future.

17. Chân sư DK đang hướng tới việc tiếp tục cuộc thử nghiệm của Ngài, trong đó, có thể nói, một số môn sinh hiện tại của Ngài rất có thể sẽ tham gia trong tương lai.

it may be (and probably is) an experiment in this particular life for you, but next life may evoke from you **a new attitude and a deeper comprehension of what is subjectively going on.**

đối với các bạn, đó có thể là (và rất có thể đúng là) một cuộc thử nghiệm trong kiếp sống này, nhưng kiếp sống tới có thể khơi dậy nơi các bạn **một thái độ mới và sự thấu hiểu sâu sắc hơn về những gì đang diễn ra ở phương diện chủ quan.**

18. DK is anticipating that the attitude of His group members will change in their next incarnation.

18. Chân sư DK dự liệu rằng thái độ của các thành viên trong nhóm Ngài sẽ thay đổi trong kiếp nhập thể kế tiếp của họ.

19. The term "experiment" (as here used) seems to indicate a process in which conviction is not complete, nor understanding. DK predicts this will change in the future.

19. Thuật ngữ "thử nghiệm" (theo cách dùng ở đây) dường như chỉ một tiến trình trong đó cả niềm xác tín lẫn sự thấu hiểu đều chưa trọn vẹn. Chân sư DK tiên đoán điều này sẽ thay đổi trong tương lai.

It has been your lack of comprehension and of understood opportunity which has distressed me and bewildered A.A.B.

Chính sự thiếu thấu hiểu và việc không nhận thức được cơ hội của các bạn đã khiến Tôi phiền lòng và khiến Bà A.A.B.

20. The Master admits to distress in relation to His chelas' relative non-response. The disciples simply failed to understand the nature and scope of the opportunity offered them. Can we be sure that *we* would understand and respond properly?

20. Chân sư thừa nhận Ngài phiền lòng trước sự tương đối thiếu đáp ứng của các đệ tử Ngài. Các đệ tử đơn giản đã không thấu hiểu bản chất và phạm vi của cơ hội dành cho họ. Liệu chúng ta có thể chắc rằng *chính chúng ta* sẽ thấu hiểu và đáp ứng đúng đắn không?

Like all disciples, she had at first to work in the dark; she knew nothing in her physical brain consciousness of the Masters or the Hierarchy when she started to serve, but she continued to serve for many years till discovery rewarded her or (should I perhaps say?) **recovery of ancient links and knowledge clarified her vision and her position in regard to truth.**

hoang mang. Như mọi đệ tử, lúc đầu Bà đã phải làm việc trong bóng tối; khi bắt đầu phụng sự, trong tâm thức bộ não hồng trần của mình, Bà không biết gì về các Chân sư hay Thánh đoàn, nhưng Bà vẫn tiếp tục phụng sự suốt nhiều năm cho tới khi sự khám phá trở thành phần thưởng cho Bà, hay (có lẽ Tôi nên nói là?) **việc khôi phục những mối liên kết và tri thức từ xa xưa đã làm sáng tỏ tầm nhìn và lập trường của Bà đối với chân lý.**

21. One of the rules of discipleship is given; the disciple must at first work in the dark

21. Ở đây nêu ra một trong những quy luật của địa vị đệ tử: lúc đầu, đệ tử phải làm việc

and prove his or her worthiness through service.

trong bóng tối và chứng tỏ mình xứng đáng qua việc phụng sự.

22. If we find ourselves highly motivated with respect to the Ageless Wisdom is it very likely that ancient links and knowledge lie behind us. Of course, the recovery of these would serve as a great clarification of our Path.

22. Nếu chúng ta thấy mình có động lực mạnh mẽ đối với Minh Triết Ngàn Đời, rất có thể đằng sau chúng ta là những mối liên kết và tri thức từ xa xưa. Dĩ nhiên, việc khôi phục những điều này sẽ giúp làm sáng tỏ rất nhiều Đường Đạo của chúng ta.

23. As we have meditated, studied and served, have we somewhat felt such a recovery?

23. Trong quá trình tham thiền, học hỏi và phụng sự, chúng ta đã phần nào cảm nhận được sự khôi phục như thế chưa?

Slowly she now withdraws into that service which will (within the Ashram) enable K.H. to do more deeply spiritual work in collaboration with the Christ.

Giờ đây, Bà đang từ từ rút vào công việc phụng sự sẽ cho phép Chân sư KH (trong ashram) thực hiện công việc tinh thần sâu sắc hơn trong sự cộng tác với Đức Christ.

24. Our privilege (once we have proven ourselves) is to relieve our superiors. When, through out competence, we unburden our superiors, the entire Plan is served.

24. Đặc ân của chúng ta (một khi đã chứng tỏ được bản thân) là đỡ đần các bậc cao hơn mình. Khi dùng năng lực của mình để giảm bớt gánh nặng cho các bậc ấy, chúng ta phụng sự toàn bộ Thiên Cơ.

It was to train her and thus enable her to do this that she undertook, alone and without my help, to found and organise the Arcane School;

Chính để huấn luyện Bà và nhờ đó giúp Bà làm được điều này mà Bà đã đảm nhận, một mình và không có sự trợ giúp của Tôi, việc sáng lập và tổ chức Trường Arcane;

25. The necessary training is, it seems, to be assigned oneself by oneself. As we master the smaller tasks we are inevitably proving our fitness for larger ones.

25. Dường như chúng ta phải tự giao cho mình việc huấn luyện cần thiết. Khi thành thạo những nhiệm vụ nhỏ hơn, chúng ta tất yếu đang chứng tỏ mình đủ khả năng đảm đương những nhiệm vụ lớn hơn.

26. Probably, there are many who think that Master DK helped AAB with the Arcane School every step of the way. DK's words put a new personality on AAB's self-reliance—the great theme of the Buddha's last sermon.

26. Có lẽ nhiều người nghĩ rằng Chân sư DK đã giúp Bà AAB trong công việc Trường Arcane ở từng bước một. Những lời của Chân sư DK đem lại một sắc thái mới cho tính tự lực của Bà AAB—chủ đề lớn trong bài thuyết pháp cuối cùng của Đức Phật.

it gave her much needed training and experience and enabled her to demonstrate **the quality of the teaching and that esoteric psychology** which is the major task in each Ashram and particularly in the second ray Ashram.

công việc ấy đem lại cho Bà sự huấn luyện và kinh nghiệm rất cần thiết, đồng thời giúp Bà chứng tỏ **phẩm tính của giáo huấn và của Tâm Lý Học Nội Môn**, vốn là nhiệm vụ chủ yếu trong mỗi ashram và đặc biệt trong ashram cung hai.

27. It is interesting that these second ray processes—teaching and esoteric psychology are the major task in each Ashram regardless of its ray—though the particularly major task in second ray Ashrams.

27. Điều thú vị là những tiến trình cung hai này—giảng dạy và tâm lý học nội môn—là nhiệm vụ chủ yếu trong mỗi ashram, bất kể ashram ấy thuộc cung nào, dù đây là nhiệm vụ đặc biệt chủ yếu trong các ashram cung hai.

28. Hierarchy is majorly a second ray body, and this second ray pervades all the Ashrams. Further the entire Hierarchy is involved in a major spiritual propaganda 'offensive' at this time, for the second ray cycle of five hundred years is still with us until 2075 and we are presently in the critical period of the Forerunner.

28. Thánh đoàn chủ yếu là một đoàn thể cung hai, và cung hai này thấm nhuần mọi ashram. Hơn nữa, vào lúc này, toàn thể Thánh đoàn đang tham gia một cuộc 'tiến công' tuyên truyền tinh thần lớn, vì chu kỳ cung hai kéo dài năm trăm năm vẫn còn tiếp diễn với chúng ta cho đến năm 2075, và hiện nay chúng ta đang ở trong giai đoạn then chốt của Đấng Tiền Hô.

I would like to say at this point to all of you who have remained steadfast, even if perforce inactive,

Lúc này, Tôi muốn nói với tất cả các bạn đã giữ vững sự kiên định, dù buộc phải ngừng hoạt động,

29. "Perforce" means, necessarily so.

29. "Perforce" có nghĩa là buộc phải như vậy.

that I would ask you as life proceeds and you face eventually and inevitably the discarding of the vehicle, to hold increasingly on to your knowledge of the Hierarchy and thus **to pass over to the other side with complete dedication to the hierarchical Plan.**

rằng khi cuộc sống tiếp diễn và cuối cùng các bạn phải đối diện với việc tất yếu từ bỏ hiện thể, Tôi mong các bạn ngày càng giữ vững tri thức của mình về Thánh đoàn, để nhờ đó **bước sang phía bên kia với sự tận hiến trọn vẹn cho Thiên Cơ của Thánh đoàn.**

30. There is, we see, the possibility that the attention of formerly active disciples could fade from an awareness of Hierarchy. We are being told that, as death approaches, it is important to keep our vision of Hierarchy

30. Chúng ta thấy rằng các đệ tử trước kia từng hoạt động có thể dần không còn chú tâm nhận biết về Thánh đoàn. Chúng ta đang được nhắc rằng khi cái chết đến gần, điều quan trọng là giữ cho tầm nhìn của

strong and clear and our dedication to the hierarchical Plan "complete"

chúng ta về Thánh đoàn luôn mạnh mẽ và rõ ràng, đồng thời giữ cho sự tận hiến của chúng ta đối với Thiên Cơ của Thánh đoàn được "trọn vẹn"

31. If the disciples do not "hold on" to their knowledge of Hierarchy then that knowledge may not be sufficiently sustained to ensure an immediate continuity of effort on the other side.

31. Nếu các đệ tử không "giữ vững" tri thức của mình về Thánh đoàn, thì tri thức ấy có thể không được duy trì đủ để bảo đảm nỗ lực được tiếp nối ngay lập tức ở phía bên kia.

This is not simply a suggestion on my part; it is an attempt on my part to call to your attention the concept of a **spiritual continuity of knowledge and of a rightly oriented attitude.**

Đây không chỉ là một lời gợi ý của Tôi; đây là nỗ lực của Tôi nhằm hướng sự chú ý của các bạn đến khái niệm về **tính liên tục tinh thần của tri thức và của một thái độ định hướng đúng đắn.**

32. We are in the process of cultivating continuity of consciousness; DK is asking us to hold in mind a "spiritual continuity of knowledge" which will exist if we approach our transition with a "rightly oriented attitude".

32. Chúng ta đang trong tiến trình vun bồi tính liên tục của tâm thức; Chân sư DK yêu cầu chúng ta ghi nhớ "tính liên tục tinh thần của tri thức", vốn sẽ tồn tại nếu chúng ta đón nhận sự chuyển tiếp của mình với một "thái độ định hướng đúng đắn".

33. All this informs us that it is very easy for people (even disciples) to lose their way and thus lose time.

33. Tất cả những điều này cho chúng ta biết rằng con người (kể cả các đệ tử) rất dễ lạc đường và do đó lãng phí thời gian.

34. Time, though an illusion, is "of the essence" and must not be lost.

34. Thời gian, dù là một ảo tưởng, vẫn "có tầm quan trọng thiết yếu" và không được để lãng phí.

Thus time will not be lost; you can—if you so choose, each and all of you—**attain a true continuity of consciousness and it is one of the factors which will serve to hold this group of disciples together.**

Như vậy, thời gian sẽ không bị lãng phí; nếu lựa chọn như thế, từng người và tất cả các bạn đều có thể **đạt đến tính liên tục thực sự của tâm thức, và đó là một trong những yếu tố sẽ góp phần giữ nhóm đệ tử này gắn bó với nhau.**

35. DK is linking the attainment of a "true continuity of consciousness" with an act of will. If we think strongly in the direction of

35. Chân sư DK đang liên kết việc đạt đến "tính liên tục thực sự của tâm thức" với một hành động của ý chí. Nếu chúng ta suy nghĩ

that continuity, its development will be facilitated.

[102]

There are some things which I must say to you as this will be my last instruction on the theme of group work.

36. So, we are receiving DK's last words in relation to His group.

It is not necessary for me to say much more upon the subject. I would start with some questions. Do you ever think with recognition of those who are no longer working with us?

37. The question is directed towards the preservation of group cohesion and group continuity. Those who would be group conscious must at least hold their fellow group member in mind.

For instance, is D.A.O. ever in your minds?

38. DAO—Helen Freeman—71-4???—in the Group IX.2 (Observers of Reality). To the disciple who took that place of DAO, DK said the following:

"You are taking the place of a creative worker who succumbed—sincerely and honestly—to the glamour of a 'free and independent soul'—a paradoxical idea and one which shows forgetfulness of the fact that the heresy of separateness, of aloneness and of independence is a part of the world glamour. This brother was thus unable to cooperate and valued his "personal freedom" higher than the planned group activity and thus for

mạnh mẽ theo hướng liên tục ấy, sự phát triển của nó sẽ thuận lợi hơn.

[102]

Có một số điều Tôi phải nói với các bạn, vì đây sẽ là huấn thị cuối cùng của Tôi về chủ đề công việc nhóm.

36. Vì vậy, chúng ta đang tiếp nhận những lời cuối cùng của Chân sư DK liên quan đến nhóm của Ngài.

Tôi không cần nói thêm nhiều về chủ đề này. Tôi muốn bắt đầu bằng một vài câu hỏi. Các bạn có bao giờ nghĩ đến và ghi nhận những người không còn làm việc cùng chúng ta không? Chẳng hạn,

37. Câu hỏi này hướng đến việc duy trì sự cố kết và tính liên tục của nhóm. Những ai muốn có tâm thức nhóm ít nhất phải giữ các thành viên đồng nhóm trong tâm trí.

D.A.O. có bao giờ hiện diện trong tâm trí các bạn không?

38. DAO—Helen Freeman—71-4???—thuộc Nhóm IX.2 (Các Nhà Quan Sát Thực Tại). Với người đệ tử thay thế vị trí của DAO, Chân sư DK đã nói như sau:

"Em đang thay thế vị trí của một người hoạt động sáng tạo đã—một cách chân thành và trung thực—khuất phục trước ảo cảm về một 'linh hồn tự do và độc lập'—một ý tưởng nghịch lý cho thấy sự quên lãng rằng tà thuyết về tính chia rẽ, sự đơn độc và tính độc lập là một phần của ảo cảm thế gian. Vì thế, người huynh đệ này đã không thể hợp tác và coi trọng "tự do cá nhân" của mình hơn hoạt động nhóm đã hoạch định, do đó đã khiến

two years delayed this group of workers from arriving at [133] the intended activity." (DINA I 132-133)

nhóm người hoạt động này chậm mất hai năm mới đạt tới [133] hoạt động dự định." (DINA I 132-133)

Do you ever think of S.C.P., of W.D.B., of J.A.C., or of that expert worker for the Hierarchy, L.D.N-C?

Các bạn có bao giờ nghĩ đến S.C.P., W.D.B., J.A.C., hay L.D.N-C., người hoạt động thành thạo ấy của Thánh đoàn, không?

39. SCP—Betty Harris—16-261, in Groups IX. 1, the Telepathic Communicators.

39. SCP—Betty Harris—16-261, thuộc các Nhóm IX. 1, Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm.

40. WDB—Dorothy Grenside—24--???—in Group IX.2, the Observers of Reality

40. WDB—Dorothy Grenside—24--???—thuộc Nhóm IX.2, Các Nhà Quan Sát Thực Tại

41. JAC—Francis Andersen—12-413—in the nascent Group IX.5, the Political Workers.

41. JAC—Francis Andersen—12-413—thuộc Nhóm IX.5 mới hình thành, Những Người Hoạt Động Chính Trị.

42. LDN-C—Madeline Doty—16-???, again in the nascent Group IX.5, the Political Workers.

42. LDN-C—Madeline Doty—16-???, cũng thuộc Nhóm IX.5 mới hình thành, Những Người Hoạt Động Chính Trị.

43. If we look into DINA I we shall see that three of these workers did not stay in the Tibetan's groups for long at all. Only SCP was a member of the New Seed Group.

43. Nếu xem DINA I, chúng ta sẽ thấy rằng ba người trong số những người hoạt động này chỉ ở lại trong các nhóm của Chân sư Tây Tạng một thời gian rất ngắn. Chỉ SCP là thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới.

44. It is interesting that LDN-C is called an "expert worker for the Hierarchy". To her DK said something more interesting, indicating the importance of the rays conditioning previous lives:

44. Điều thú vị là LDN-C được gọi là một "người hoạt động thành thạo của Thánh đoàn". Chân sư DK đã nói với bà một điều còn thú vị hơn, cho thấy tầm quan trọng của các cung đã tác động lên những kiếp sống trước:

"Fortunately for you, in your last life, your personality ray was the second ray of love and so it had been for several previous lives. This has greatly aided in off-setting the dynamic destructive effects of your sixth ray

"May mắn cho em, trong kiếp sống vừa qua, cung phàm ngã của em là cung hai bác ái, và trong vài kiếp trước đó cũng như vậy. Điều này đã giúp ích rất nhiều trong việc hóa giải những tác động hủy diệt mạnh mẽ của

force. Of this you should be very glad." (DINA I 262)

mãnh lực cung sáu nơi em. Em nên rất vui mừng về điều này." (DINA I 262)

This should convey an important realization—that progress does not always mean movement from a ray of attribute to a ray of aspect.

Điều này hẳn giúp chúng ta có một nhận thức quan trọng—rằng tiến bộ không phải lúc nào cũng có nghĩa là chuyển từ một cung thuộc tính sang một cung trạng thái.

I would guarantee that they seldom enter your mind. Yet they are still an integral part of this group which had the task and the responsibility of being **one of the first groups (not by any means the only one, however) to attempt to make the first steps towards the externalisation of the Ashrams of the Hierarchy.**

Tôi có thể bảo đảm rằng họ hiếm khi xuất hiện trong tâm trí các bạn. Thế nhưng họ vẫn là một phần không thể tách rời của nhóm này, vốn có nhiệm vụ và trách nhiệm trở thành **một trong những nhóm đầu tiên (tuy nhiên, hoàn toàn không phải nhóm duy nhất) cố gắng thực hiện những bước đầu hướng đến sự ngoại hiện các ashram của Thánh đoàn.**

45. DK is giving His remaining chelas a lesson. Though these disciples, some very briefly associated in former years, are now both out of sight and out of mind (as far as His remaining chelas are concerned), they are not out of the group experiment and will be associated in the future. They are integral to the group effort.

45. Chân sư DK đang dạy cho những đệ tử còn lại của Ngài một bài học. Dù hiện nay những đệ tử này, trong đó một số chỉ gắn bó rất ngắn ngủi vào những năm trước, đã vừa khuất mắt vừa bị lãng quên (đối với những đệ tử còn lại của Ngài), họ vẫn thuộc cuộc thử nghiệm nhóm và sẽ lại gắn bó trong tương lai. Họ là một phần không thể tách rời của nỗ lực nhóm.

46. As ever, DK puts things in proportion. His experiment with some fifty-one chelas was not the *only* such experiment. It is easy to understand why His chelas needed to hear this with some frequency.

46. Như thường lệ, Chân sư DK đặt mọi việc vào đúng tỉ lệ. Cuộc thử nghiệm của Ngài với khoảng năm mươi mốt đệ tử không phải là cuộc thử nghiệm như vậy *duy nhất*. Dễ hiểu vì sao các đệ tử của Ngài cần nghe điều này khá thường xuyên.

One of the major recognitions which is essential to the spiritual aspirant is that the Hierarchy is completely unable—**under the law of the freedom of the human soul**—to work in the world of men without those representative groups which can "step down" the hierarchical quality of energy so that the average man (with his average

Một trong những nhận thức quan trọng thiết yếu đối với người chí nguyện tinh thần là: **theo định luật về sự tự do của linh hồn con người**, Thánh đoàn hoàn toàn không thể hoạt động trong thế giới loài người nếu thiếu những nhóm đại diện có thể "hạ thấp" phẩm tính năng lượng của Thánh đoàn, để người bình thường (với rung động và phẩm tính

vibration and quality) can find in himself a point of response.

trung bình của mình) có thể tìm thấy nơi bản thân một điểm đáp ứng.

47. In this excerpt, we are shown why the members of the Hierarchy must work through their disciples and initiates (in group formation).

47. Đoạn trích này cho chúng ta thấy vì sao các thành viên của Thánh đoàn phải làm việc thông qua các đệ tử và điểm đạo đồ của mình (được tổ chức thành nhóm).

48. One can imagine that if the hierarchical vibration were not stepped down, it would impose itself upon those of average vibration, thus infringing the "law of the freedom of the human soul".

48. Có thể hình dung rằng nếu rung động của Thánh đoàn không được hạ thấp, nó sẽ áp đặt lên những người có rung động trung bình, qua đó vi phạm "định luật về sự tự do của linh hồn con người".

49. The average individual is not to body compelled, but to find within himself something in common with the higher vibrations presented. This is easier to do if the presenter is not too highly elevated on the ladder of evolution. The presenter must be an individual or group to which the one of average vibration can relate.

49. Người bình thường không nên chịu sự cưỡng ép, mà cần tìm thấy trong bản thân điều gì đó tương đồng với những rung động cao hơn được đưa đến cho mình. Điều này dễ thực hiện hơn nếu người truyền đạt không ở vị trí quá cao trên thang tiến hoá. Người truyền đạt phải là một cá nhân hoặc một nhóm mà người có rung động trung bình có thể cảm thấy gần gũi.

It was for this specific reason that I engineered this experiment in group work with all of you in order to test out the human capacity in its higher brackets to respond to this much higher quality.

Chính vì lý do cụ thể này mà Tôi đã tổ chức cuộc thử nghiệm về công việc nhóm với tất cả các bạn, nhằm kiểm nghiệm khả năng đáp ứng của con người ở những mức phát triển cao hơn đối với phẩm tính cao hơn rất nhiều này.

50. This is an important statement. DK was trying to reach the intelligentsia through the groups He would train. He could not reach them directly, but needed to train intermediaries to step-down His vibration and carry it to others who, normally, could not relate to Him.

50. Đây là một phát biểu quan trọng. Chân sư DK đang cố gắng tiếp cận giới trí thức thông qua các nhóm mà Ngài sẽ huấn luyện. Ngài không thể trực tiếp tiếp cận họ, mà cần huấn luyện những người trung gian để hạ thấp rung động của Ngài và mang rung động ấy đến với những người khác vốn thường không thể kết nối với Ngài.

It has not worked out as I had hoped, but owing to the fact that all of you are—from our point of view—of the same spiritual

Cuộc thử nghiệm đã không diễn ra như Tôi hy vọng, nhưng do tất cả các bạn—từ góc nhìn của chúng tôi—đều thuộc cùng một thế

generation and that the difference in age was in no case more than twenty-five years at the outside (and believe me, my brother, I forget physical plane ages!) **you will all return together to continue with this inevitable experience.**

hệ tinh thần, và chênh lệch tuổi tác trong mọi trường hợp đều không vượt quá hai mươi lăm năm (và hãy tin Tôi, huynh đệ của Tôi, Tôi quên tuổi tác ở cõi hồng trần!), **nên tất cả các bạn sẽ cùng trở lại để tiếp tục trải nghiệm tất yếu này.**

51. Here is the promise of the future. Those who have been assembled by Master DK will return again—together.

51. Đây là lời hứa cho tương lai. Những người mà Chân sư DK đã tập hợp sẽ lại trở về —cùng nhau.

52. We learn something important about the conditions of this return—that those who are to "return together" must belong to the "same spiritual generation".

52. Chúng ta biết được một điều quan trọng về những điều kiện của lần trở lại này—rằng những người sẽ "cùng trở lại" phải thuộc "cùng một thế hệ tinh thần".

53. Chronological age has at least something to do belonging to the "same spiritual generation". It is clear from these statements, that disciples incarnate in groups. This is also true for humanity in general. There is a rhythm to group reincarnation which is an occult factor and, therefore, largely unrecognized, but nevertheless effective.

53. Tuổi đời ít nhiều có liên quan đến việc thuộc "cùng một thế hệ tinh thần". Những phát biểu này cho thấy rõ rằng các đệ tử nhập thể theo nhóm. Điều này cũng đúng với nhân loại nói chung. Việc tái sinh theo nhóm có một nhịp điệu; đó là một yếu tố huyền bí và vì thế phần lớn chưa được nhận biết, nhưng vẫn có tác dụng.

54. It is also both interesting and amusing to understand DK's personality on physical plane ages—He forgets them! So unimportant, relatively, is the physical body and so focussed is He on the consciousness.

54. Cũng thật thú vị và vui khi hiểu phàm ngã của Chân sư DK trong chuyện tuổi tác ở cõi hồng trần—Ngài quên tuổi tác! Xét một cách tương đối, thể xác ít quan trọng đến thế, và Ngài tập trung vào tâm thức đến thế.

55. Yet, when assessing the work that could be done, DK did, at one point, wish that His disciples were younger!

55. Tuy nhiên, khi đánh giá công việc có thể thực hiện, đã có lúc Chân sư DK quả thực mong các đệ tử của Ngài trẻ hơn!

In the coming cycle of service, however, you will not have the association that you have had during this life with A.A.B. and F.B., who will then be working in the Ashrams of their own Masters, as will also F.C.D. and R.S.U.

Tuy nhiên, trong chu kỳ phụng sự sắp tới, các bạn sẽ không có sự gắn bó như đã có trong kiếp sống này với A.A.B. và F.B., những người khi ấy sẽ làm việc trong các ashram của Chân sư riêng của mình, cũng như F.C.D. và R.S.U.

56. DK seems to be speaking of a future reincarnational cycle.

56. Dường như Chân sư DK đang nói đến một chu kỳ tái sinh trong tương lai.

57. These four disciples are members of the more advanced Ashrams of Master KH or M. DK seems to be telling others of the remaining chelas that they are in *His* Ashram and not in the Ashram of a Chohan.

57. Bốn đệ tử này là thành viên của các ashram tiến bộ hơn của Chân sư KH hoặc Chân sư M. Dường như Chân sư DK đang nói với những đệ tử còn lại rằng họ thuộc ashram của *Ngài* chứ không thuộc ashram của một Đấng Chohan.

Do not infer from the above statement that contact and mutual interplay in world service will not then be present; it will. The union of all the Ashrams under the spiritual Plan is complete and the interlocking relationships will be increasingly present.

Đừng từ lời nói trên mà suy ra rằng khi ấy sẽ không có sự tiếp xúc và tương tác lẫn nhau trong việc phụng sự thế gian; điều đó vẫn sẽ có. Sự hợp nhất của tất cả các ashram dưới Thiên Cơ tinh thần là trọn vẹn, và các mối quan hệ gắn kết sẽ ngày càng hiện diện rõ hơn.

58. The Tibetan defines the manner of relationship which can be expected. There will be contact and mutual interplay, but the close outer relationship between the Ashrams of the Chohans and DK's Ashram will not be the same.

58. Chân sư Tây Tạng xác định cách thức quan hệ mà chúng ta có thể trông đợi. Sẽ có sự tiếp xúc và tương tác lẫn nhau, nhưng mối quan hệ mật thiết bên ngoài giữa các ashram của các Chohan và ashram của Chân sư DK sẽ không còn như trước.

But neither of these four people will be working in my Ashram and for this I would have you prepare.

Nhưng không ai trong bốn người này sẽ làm việc trong ashram của Tôi, và Tôi muốn các bạn chuẩn bị cho điều ấy.

59. This would be the case, presumably, for work planned following the transition of AAB, but *especially* for the next incarnational cycle.

59. Có lẽ điều này sẽ đúng với công việc đã hoạch định cho thời gian sau khi Bà AAB qua đời, nhưng *đặc biệt* đúng với chu kỳ lâm phàm kế tiếp.

Remember nevertheless [103] that personal karmas have been established and are **based upon many unexpected relationships**, and there is much personal karma in this group of over fifty people; this was necessarily so; **otherwise little personal relationships would have been possible,** which may

Tuy nhiên, hãy nhớ [103] rằng nghiệp quả cá nhân đã được thiết lập và **đặt nền trên nhiều mối quan hệ bất ngờ**, và trong nhóm hơn năm mươi người này có rất nhiều nghiệp quả cá nhân; điều đó tất yếu phải như vậy; **nếu không, hầu như chẳng thể có những mối quan hệ cá nhân,** một điểm có thể khó hiểu đối với các bạn.

present a difficult point for you to understand.

60. Another truth is being revealed. The personal karmas will have to be worked out.

60. Một chân lý khác đang hiển lộ. Những nghiệp quả cá nhân sẽ phải được giải quyết.

61. It is also interesting that these karmas are "based upon many unexpected relationships". If DK has said "unsuspected" the sentence would be easier to understand —perhaps He really mean "unsuspected". Certainly, the people in his group of over fifty people do not realize the many ways in which they are all interrelated. The difficulty is that the word "unexpected" refers more to the future than the past.

61. Một điều cũng thú vị là những nghiệp quả này "đặt nền trên nhiều mối quan hệ bất ngờ". Nếu Chân sư DK dùng từ "chưa từng ngờ tới" thì câu này sẽ dễ hiểu hơn—có lẽ Ngài thực sự muốn nói "chưa từng ngờ tới". Chắc chắn những người trong nhóm hơn năm mươi người của Ngài không nhận ra vô số cách thức mà tất cả họ liên hệ với nhau. Điểm khó là từ "bất ngờ" hướng đến tương lai nhiều hơn quá khứ.

62. We are being told of the value of "personal relationship" in forming an outer plane group representing the Master's Ashram. The necessary outer cohesiveness depends, in part, on the personal relationships established. The bonds formed by spiritual purpose (He seems to be saying) would not be sufficient to hold such a group together.

62. Chúng ta đang được cho biết về giá trị của "mối quan hệ cá nhân" trong việc hình thành một nhóm trên cõi bên ngoài đại diện cho ashram của Chân sư. Sự gắn kết cần thiết ở bên ngoài phụ thuộc một phần vào những mối quan hệ cá nhân đã thiết lập. Dường như Ngài muốn nói rằng những mối dây liên kết do mục đích tinh thần tạo nên sẽ không đủ để giữ một nhóm như thế gắn bó với nhau.

I would like to arrest any tendency to consider one Ashram as superior to another. The forty-nine Ashrams which constitute the Hierarchy in this planetary period are some of them fully active; some are in process of formation, and **some are, as yet, in a totally embryonic condition, awaiting the "focussing ability" of some initiate who is today preparing for the fifth initiation.**

Tôi muốn ngăn chặn mọi khuynh hướng xem một ashram cao hơn một ashram khác. Trong số bốn mươi chín ashram hợp thành Thánh đoàn trong thời kỳ hành tinh này, một số đã hoạt động đầy đủ; một số đang trong tiến trình hình thành, và **một số vẫn hoàn toàn ở trạng thái phôi thai, chờ đợi "khả năng tập trung" của một điểm đạo đồ nào đó hiện đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ năm.**

63. It is natural, given human nature, for some involved in the Ashram of a Chohan to take a superior position to those simply

63. Xét bản chất con người, cũng là điều tự nhiên khi một số người thuộc ashram của một Chohan tự cho mình cao hơn những

involved in the Ashram of one who is simply a Master—such is the lack of understanding.

64. We are told that eventually there will be forty-nine Ashrams within the Hierarchy.

65. There are, however, three different conditions with respect to Ashrams:

a. Some are fully active

b. Some are in process of formation

c. Some are in a totally embryonic stage.

66. DK says something quite interesting about the ones that are in a totally embryonic condition. They must await a Master. Those in preparation for the fifth initiation are not yet fully possessed of this "focussing ability".

67. It is as if there are certain energy configurations which form part of the Divine Purpose and are destined to form part of the *active* Divine Plan, but they must be animated, focussed and empowered by those whose nature characterizes these energy configurations.

68. For instance, every Ashram operates according to a major and minor ray. The collection of seven major rays, each one of them expressing through each of seven subrays is a necessary part of Divine Purpose. But the Master Who can focus and empower a particular ray and sub-ray combination may not yet have been trained, or if in the process of training, may not have reached sufficient proficiency to focalize an Ashram.

người chỉ thuộc ashram của một vị mới là Chân sư—sự thiếu thấu hiểu là như thế.

64. Chúng ta được cho biết rằng cuối cùng sẽ có bốn mươi chín ashram trong Thánh đoàn.

65. Tuy nhiên, các ashram có ba trạng thái khác nhau:

a. Một số đã hoạt động đầy đủ

b. Một số đang trong tiến trình hình thành

c. Một số hoàn toàn ở giai đoạn phôi thai.

66. Chân sư DK nói một điều khá thú vị về những ashram hoàn toàn ở trạng thái phôi thai. Những ashram ấy phải chờ một Chân sư. Những vị đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ năm vẫn chưa hoàn toàn có được "khả năng tập trung" này.

67. Dường như có những cấu hình năng lượng nhất định vốn là một phần của Thiên Ý và được định sẵn để trở thành một phần của Thiên Cơ *đang hoạt động*, nhưng những người có bản chất đặc trưng cho các cấu hình năng lượng này phải tiếp sinh lực, tập trung và tăng cường sức mạnh cho chúng.

68. Chẳng hạn, mỗi ashram hoạt động theo một cung chính và một cung phụ. Tập hợp bảy cung chính, mỗi cung biểu hiện qua từng cung trong số bảy cung phụ, là một phần thiết yếu của Thiên Ý. Nhưng Chân sư có thể tập trung và tăng cường sức mạnh cho một tổ hợp cung chính và cung phụ cụ thể có thể vẫn chưa được huấn luyện, hoặc nếu đang trong quá trình huấn luyện, có thể chưa đạt đủ mức thành thạo để làm tiêu điểm cho một ashram.

Essentially and potentially all the Ashrams are equal, and their quality is not competitive;

Về bản chất và tiềm năng, tất cả các ashram đều bình đẳng, và phẩm tính của các ashram không mang tính cạnh tranh;

69. DK is reading into the minds of some of His chelas. Their point of view is separative and actually, petty. The sense of competition characterizes only those focussed in the lower ego.

69. Chân sư DK đang đọc được suy nghĩ của một số đệ tử của Ngài. Quan điểm của họ mang tính chia rẽ và thực ra là nhỏ nhen. Tâm lý cạnh tranh chỉ đặc trưng cho những ai tập trung trong phàm ngã.

70. In essence, all ray and sub-ray combinations are needed for the fulfillment of Divine Purpose and Plan. This is easy to realize. Each is, ultimately, indispensable to the completed whole.

70. Về bản chất, mọi tổ hợp cung chính và cung phụ đều cần thiết để hoàn thành Thiên Ý và Thiên Cơ. Điều này rất dễ nhận ra. Xét đến cùng, mỗi tổ hợp đều không thể thiếu đối với toàn thể hoàn chỉnh.

all of them differ as to their planned activity —an activity which is all part of a carefully formulated hierarchical activity. This you need most carefully to remember.

tất cả đều khác nhau về hoạt động đã hoạch định—một hoạt động hoàn toàn thuộc về hoạt động của Thánh đoàn đã được xây dựng cẩn thận. Các bạn cần ghi nhớ điều này hết sức kỹ lưỡng.

71. The magical number, in this case, is forty-nine, and all forty-nine are needed.

71. Trong trường hợp này, con số huyền diệu là bốn mươi chín, và cả bốn mươi chín đều cần thiết.

72. One wonders whether it must be centuries before all forty-nine will be active.

72. Chúng ta tự hỏi liệu có phải mất hàng thế kỷ nữa thì cả bốn mươi chín mới hoạt động hay không.

73. Further, there are always some rays which (in terms of racial ray cycles) are out of incarnation. How will the fact that the sixth ray will soon be out of incarnation affect the expression of the major sixth ray through seven sub-rays? Will there be inner work on the buddhic plane and on casual levels, even though few if any sixth ray souls will be in incarnation?

73. Hơn nữa, luôn có một số cung không lâm phàm (xét theo các chu kỳ cung của nhân loại). Việc cung sáu sắp ngừng lâm phàm sẽ ảnh hưởng thế nào đến sự biểu hiện của cung sáu chính qua bảy cung phụ? Liệu sẽ có công việc nội tại trên cõi Bồ đề và ở các cấp độ nguyên nhân, dù sẽ có rất ít linh hồn cung sáu lâm phàm, nếu có chăng?

Sự sùng kính của một đệ tử đối với một Chân sư cụ thể nào đó không có tầm quan trọng

The devotion of a disciple to some particular Master is of no importance to that Master or to His ashramic group.

đối với Chân sư ấy hay nhóm ashram của Ngài.

74. This must be strongly held in mind. The Masters are hampered by the disciple's devotion more often than helped by it. Such devotion is so often the cause of outer frictions with the disciples who belong to other Ashrams.

74. Cần ghi nhớ thật sâu điều này. Sự sùng kính của đệ tử thường cản trở các Chân sư nhiều hơn là giúp ích cho các Ngài. Sự sùng kính như vậy rất thường là nguyên nhân gây ra những va chạm bên ngoài với các đệ tử thuộc những ashram khác.

It is not devotion or predilection or any personality choice which governs the formation of a Master's group. It is ancient relationships, the **ability to demonstrate certain aspects of life to demanding humanity** and a definite ray expression of quality which determine the hierarchical placement of aspirants in an Ashram.

Không phải sự sùng kính, thiên ái hay bất kỳ lựa chọn nào của phàm ngã chi phối sự hình thành nhóm của một Chân sư. Chính những mối quan hệ từ xa xưa, **khả năng biểu lộ một số phương diện của sự sống trước nhân loại đang đòi hỏi**, cùng sự biểu hiện phẩm tính của một cung xác định, quyết định vị trí của người chí nguyện trong một ashram thuộc Thánh đoàn.

75. This is a vital excerpt. Let us tabulate for clarity.

75. Đây là một đoạn trích hết sức quan trọng. Chúng ta hãy lập bảng cho rõ ràng.

76. Membership in an Ashram is *not* predicated upon:

76. Tư cách thành viên trong một ashram *không* dựa trên:

a. Devotion

a. Sự sùng kính

b. Predilection (i.e., taste)

b. Thiên ái (tức là sở thích)

c. Personality choice (i.e. a choice originality within the personality mind, emotions and brain)

c. Sự lựa chọn của phàm ngã (tức là một lựa chọn khởi nguồn từ thể trí, cảm xúc và bộ não của phàm ngã)

77. Membership in an Ashram *is* predicated upon:

77. Tư cách thành viên trong một ashram *được* xác lập trên cơ sở:

a. Ancient relationships

a. Những mối quan hệ từ xa xưa

b. The ability to demonstrate certain aspect of life to demanding humanity

b. Khả năng thể hiện một phương diện nào đó của sự sống trước nhân loại đang có những đòi hỏi

c. A definite ray expression of quality

c. Một biểu hiện phẩm tính rõ rệt theo cung

78. Note that DK calls those who are placed in an Ashram, “aspirants”.

78. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK gọi những người được bố trí vào một ashram là “những người chí nguyện”.

79. Note also that certain aspects of “life” have to be demonstrated that they meet the demands of humanity. The word “life” is important and suggests the influence of the Spirit aspect.

79. Cũng hãy lưu ý rằng phải thể hiện một số phương diện của “sự sống” để đáp ứng những đòi hỏi của nhân loại. Từ “sự sống” rất quan trọng và gợi lên ảnh hưởng của phương diện Tinh thần.

80. We see that the entire matter of ashramic affiliation is determined on the plane of soul. It relates to ray equipment and the development of the service capacity of the individual.

80. Chúng ta thấy rằng toàn bộ vấn đề liên kết với ashram được quyết định trên cõi linh hồn. Điều này liên quan đến cấu trúc cung và sự phát triển năng lực phụng sự của cá nhân.

This will perhaps be a new thought to you and is responsible for the reason why A.A.B. has never emphasised concentration on **some one** of the known Masters.

Có lẽ đây là một ý tưởng mới đối với các bạn, và cũng là lý do Bà A.A.B. chưa bao giờ nhấn mạnh việc tập trung vào **một Chân sư nào** trong số những Chân sư đã được biết đến.

81. The reasons for some of AAB’s orientations are now explained. She knew more, obviously, than she discussed.

81. Giờ đây, lý do cho một số định hướng của Bà AAB đã được giải thích. Hiển nhiên, Bà biết nhiều hơn những gì Bà đã bàn đến.

She has always been aware that **each central Ashram has associated with it six other Ashrams which are steadily and constantly being organised to meet planetary need.**

Bà luôn biết rằng **mỗi ashram trung tâm đều có sáu ashram khác liên kết với mình, những ashram đang được tổ chức đều đặn và liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu hành tinh.**

82. Among these the second ray Ashram, since it is probably the first to externalize, is among the most organized.

82. Trong số này, ashram cung hai thuộc nhóm có tổ chức hoàn chỉnh nhất, vì có lẽ đây là ashram đầu tiên ngoại hiện.

83. It is important to examine the words "subsidiary Ashram" and "affiliated Ashrams". From the following excerpt, we learn how many of these subsidiary Ashrams have presently been organized:

83. Cần xem xét các từ "ashram phụ thuộc" và "các ashram liên kết". Từ đoạn trích sau, chúng ta biết hiện nay có bao nhiêu ashram phụ thuộc như thế đã được tổ chức:

"**The second ray, for instance, has five affiliated Ashrams and one of which only the nucleus exists, and all these are working under its inspiration and through the effect of the second ray central fire.** All have at their centre a second ray disciple. The third ray has already two subsidiary Ashrams; the sixth has four, and so on. The first ray is the only one at this time with no subsidiary fully functioning Ashram, and this because the will aspect is as yet very little understood and few initiates can meet the requirements of the first ray initiation. (R&I 388)

"**Chẳng hạn, cung hai có năm ashram liên kết và một ashram mới chỉ có hạt nhân, và tất cả các ashram này đều hoạt động dưới sự truyền cảm hứng của cung hai và qua tác động của ngọn lửa trung tâm cung hai.** Tất cả đều có một đệ tử cung hai ở trung tâm. Cung ba đã có hai ashram phụ thuộc; cung sáu có bốn, và cứ thế. Hiện nay, cung một là cung duy nhất chưa có ashram phụ thuộc nào hoạt động đầy đủ, và điều này là do phương diện ý chí vẫn còn rất ít được thấu hiểu, và ít điểm đạo đồ có thể đáp ứng các yêu cầu của cuộc điểm đạo cung một. (R&I 388)

84. It would seem that the second ray Ashram is almost fully organized. Only one subsidiary Ashram is not yet organized.

84. Dường như ashram cung hai đã được tổ chức gần như hoàn chỉnh. Chỉ còn một ashram phụ thuộc chưa được tổ chức.

You will note that I did not say "human need," for the needs of the planet which the Hierarchy has to meet embrace more than those of the fourth kingdom in nature. I would have you ponder on these points.

Các bạn sẽ lưu ý rằng Tôi không nói "nhu cầu nhân loại", bởi những nhu cầu của hành tinh mà Thánh đoàn phải đáp ứng bao gồm nhiều hơn nhu cầu của giới thứ tư trong thiên nhiên. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về những điểm này.

85. It is ever important to decentralize the self-centered human perspective.

85. Việc vượt khỏi góc nhìn tập trung vào bản thân của con người luôn là điều quan trọng.

It would be of benefit to you also to consider **the Masters' Ashrams as expressions of the highest type of constructively functioning groups.**

Các bạn cũng sẽ được lợi khi xem **các ashram của các Chân sư là những biểu hiện của loại nhóm cao nhất hoạt động một cách kiến tạo.**

86. The standard for group work is set.

86. Standards for group work have been established.

There exists amongst its personnel a complete unity of purpose and an utter dedication (without any reservations, as far as the disciple involved is concerned) to the furthering of the immediate ashramic enterprise.

87. This is the type of dedication which we must learn to emulate.

88. We see that for real members of an Ashram, nothing is held back. It is in our reservations that we reveal ourselves as personality to ourselves as soul.

The [104] position of the Master at the centre of the group has no relation to that of a teacher at the centre of a group of learners and devotees, such as we have learned to recognise in this Piscean Age. He is the centre simply because through the quality of His vibration, through karmic ancient relationship and through the invocative demand of disciples, initiates and some aspirants, He has gathered them together in order to further the ends of His ashramic enterprise;

89. This is important information for the clarification of the true nature of the Ashram. The Ashram is functioning far beyond the strictly cognitive level—the level on which most schools function.

90. The so-called Ashrams in the world are often as DK describes above—a teacher at the center and devotees on the periphery.

86. Chuẩn mực cho công việc nhóm đã được xác lập.

Giữa các thành viên có sự thống nhất hoàn toàn về mục đích và sự tận hiến trọn vẹn (không chút dè dặt nào về phía người đệ tử liên quan) để thúc đẩy công việc trước mắt của ashram.

87. Đây là kiểu tận hiến mà chúng ta phải học noi theo.

88. Chúng ta thấy rằng những thành viên đích thực của một ashram không giữ lại điều gì. Chính qua những điều còn dè dặt, chúng ta trong tư cách phàm ngã bộc lộ mình trước chính chúng ta trong tư cách linh hồn.

[104] Vị trí của Chân sư ở trung tâm nhóm không giống vị trí của một huấn sư ở trung tâm một nhóm người học và người sùng kính như chúng ta đã quen nhận biết trong Kỷ Nguyên Song Ngư này. Ngài là trung tâm chỉ vì qua phẩm tính rung động của Ngài, qua mối quan hệ nghiệp quả từ xa xưa và qua lời khẩn cầu của các đệ tử, điểm đạo đồ cùng một số người chí nguyện, Ngài đã quy tụ họ để thúc đẩy những mục tiêu trong công việc ashram của Ngài;

89. Đây là thông tin quan trọng giúp làm sáng tỏ bản chất đích thực của ashram. Ashram hoạt động vượt xa cấp độ thuần túy nhận thức—cấp độ mà phần lớn các trường học hoạt động.

90. Những nơi được gọi là ashram trên thế giới thường giống như Chân sư DK mô tả ở trên—một huấn sư ở trung tâm và những người sùng kính ở vòng ngoài.

91. Why is the Master the center of an Ashram? Let us tabulate for clarity:

a. Because of the quality of His vibration

b. Through karmic ancient relationship

c. Through the invocative demand of disciples, initiates and some aspirants

92. It is interesting to see that an Ashram is not only formed based on the quality of the Master, but arises in response to invocative demand (especially among those who are karmically related to the Master—a demand which He, because of His quality, is equipped to fulfill).

He has not gathered them together in order to teach them or to prepare them for initiation as has hitherto been taught.

93. Again, the selfish and self-centered point of view. The Master's purpose is the fulfillment of the Divine Plan through service to the world. He is interested in those who can help fulfill His plan, and thus, those who are motivated by the impelling need to serve— *not* the impelling desire to become initiated.

Aspirants and disciples **prepare themselves** for the processes of initiation by becoming initiated into the mysteries of divinity through discipline, meditation and service.

94. Each aspirant or disciple is responsible for his own meditation, service and discipline.

91. Tại sao Chân sư là trung tâm của một ashram? Chúng ta hãy liệt kê cho rõ:

a. Do phẩm tính rung động của Ngài

b. Qua mối quan hệ nghiệp quả từ xa xưa

c. Qua lời khẩn cầu của các đệ tử, điểm đạo đồ cùng một số người chí nguyện

92. Thật thú vị khi thấy rằng một ashram không chỉ hình thành dựa trên phẩm tính của Chân sư, mà còn xuất hiện để đáp ứng lời khẩn cầu (đặc biệt từ những người có quan hệ nghiệp quả với Chân sư—một lời khẩn cầu mà nhờ phẩm tính của mình, Ngài có đủ khả năng đáp ứng).

Ngài không quy tụ họ để giảng dạy hay chuẩn bị cho họ được điểm đạo như người ta vẫn giảng giải từ trước đến nay.

93. Một lần nữa, đó là quan điểm ích kỷ và tập trung vào bản thân. Mục đích của Chân sư là hoàn thành Thiên Cơ qua việc phụng sự thế gian. Ngài quan tâm đến những người có thể giúp hoàn thành kế hoạch của Ngài, và do đó, những người có động lực từ nhu cầu thôi thúc phải phụng sự— *chứ không phải* dục vọng thôi thúc muốn được điểm đạo.

Những người chí nguyện và đệ tử **tự chuẩn bị** cho các tiến trình điểm đạo bằng cách được điểm đạo vào những huyền nhiệm của thiên tính qua kỷ luật, tham thiền và phụng sự.

94. Mỗi người chí nguyện hay đệ tử đều chịu trách nhiệm về việc tham thiền, phụng sự và kỷ luật của chính mình.

95. It was interesting to read in the Buddha's Last Sermon the following words:

95. Thật thú vị khi đọc những lời sau đây trong Bài Thuyết Pháp Cuối Cùng của Đức Phật:

"I have disciplined, in heaven and on earth, all those whom I could discipline, and I have set them in the stream."

"Trên trời và dưới đất, Ta đã rèn luyện tất cả những ai Ta có thể rèn luyện, và Ta đã đưa họ vào dòng."

Yet, fundamentally, the discipline is the province of the disciple.

Tuy nhiên, về căn bản, kỷ luật là trách nhiệm của người đệ tử.

You need to bear in mind that a Master of an Ashram may, for instance, attract to Him other Masters of equal rank as His Own. I have five Masters working with me in my Ashram.

Các bạn cần ghi nhớ rằng, chẳng hạn, một Chân sư của một ashram có thể thu hút đến với Ngài những Chân sư khác có cấp bậc ngang với chính Ngài. Có năm Chân sư đang làm việc cùng Tôi trong ashram của Tôi.

96. This is an interesting piece of information and suggests the extensiveness of DK's Ashram. Are all these Masters on the second ray? Probably, they have ray or sub-ray qualities which help DK's Ashram reach many varied types of individuals. The Ashram of Master DK has a certain diversity to it as it is responsible for educating those on a number of different rays.

96. Đây là một thông tin thú vị, gợi cho thấy quy mô rộng lớn của ashram của Chân sư DK. Có phải tất cả các Chân sư này đều thuộc cung hai không? Có lẽ Các Ngài có những phẩm tính cung hoặc cung phụ giúp ashram của Chân sư DK tiếp cận nhiều loại cá nhân khác nhau. Ashram của Chân sư DK có tính đa dạng nhất định, vì ashram này chịu trách nhiệm giáo dục những người thuộc một số cung khác nhau.

It would be of value to you if you considered the factors which hold an Ashram together and which establish its unity. The major ones, and those which you can understand, are as follows:

Việc xem xét những yếu tố giữ cho một ashram gắn bó và thiết lập sự hợp nhất của ashram sẽ có giá trị đối với các bạn. Những yếu tố chủ yếu, và cũng là những yếu tố các bạn có thể thấu hiểu, như sau:

97. We will be speaking of the factors contributing to the**cohesiveness** and **unity** of an Ashram.

97. Chúng ta sẽ bàn về những yếu tố góp phần tạo nên **sự gắn kết** và **sự hợp nhất** của một ashram.

1. The most important capacity of a Master of an Ashram is that He has earned the right **to communicate directly with the Council at Shamballa and thus to ascertain at first**

1. Năng lực quan trọng nhất của một Chân sư của một ashram là Ngài đã đạt được quyền **giao tiếp trực tiếp với Hội Đồng tại Shamballa, và nhờ đó trực tiếp xác định**

hand the immediate evolutionary task which the Hierarchy is undertaking.

98. It may be that not all Masters can contact Shamballa directly, but apparently the head of an Ashram (if at least a Master) must be able to do so.

99. The Master is not dealing with mediated information (as we are). He understands (at least in relation to the hierarchical level) what the Lord of the World wills.

He is not called Master by the initiates in His Ashram; He is regarded as the Custodian of the Plan, and **this is based on His ability to "face the greater Light which shines in Shamballa."**

100. These statements curtain the usual devotional attitude.

101. The initiates within the Ashram realize that the Master can see what they cannot; this naturally inspires their complete respect and cooperation with the will of the Master.

It is the Plan which gives the keynote to the activities of any Ashram at any particular time, during any particular cycle.

102. The activities of the Ashram are not in the least *personal.* The personal preference of the Master has nothing to do with the processes and activities undertaken.

103. The Plan determines the keynote and the Master serves the Plan. This means that

nhiệm vụ tiến hoá trước mắt mà Thánh đoàn đang đảm nhận.

98. Có thể không phải mọi Chân sư đều có thể tiếp xúc trực tiếp với Shamballa, nhưng hiển nhiên vị đứng đầu một ashram (nếu ít nhất đã là một Chân sư) phải có khả năng làm điều đó.

99. Chân sư không làm việc với thông tin qua trung gian (như chúng ta). Ngài thấu hiểu (ít nhất trong phạm vi cấp độ của Thánh đoàn) ý muốn của Đức Chúa Tể Thế Giới.

Các điểm đạo đồ trong ashram của Ngài không gọi Ngài là Chân sư; họ xem Ngài là Đấng Gìn Giữ Thiên Cơ, và **điều này dựa trên khả năng của Ngài trong việc "đối diện với Ánh Sáng lớn hơn đang chiếu rạng tại Shamballa".**

100. Những phát biểu này che khuất thái độ sùng kính thông thường.

101. Các điểm đạo đồ trong ashram nhận ra rằng Chân sư có thể thấy những gì họ không thể thấy; điều này tự nhiên khơi dậy nơi họ sự tôn trọng hoàn toàn và tinh thần hợp tác với ý chí của Chân sư.

Chính Thiên Cơ ấn định chủ âm cho các hoạt động của bất kỳ ashram nào vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào, trong bất kỳ chu kỳ cụ thể nào.

102. Các hoạt động của ashram hoàn toàn không mang tính *cá nhân.* Sở thích cá nhân của Chân sư không liên quan gì đến những tiến trình và hoạt động được thực hiện.

103. Thiên Cơ quyết định chủ âm và Chân sư phụng sự Thiên Cơ. Điều này có nghĩa là

the Master is not only an authority, but is necessarily under a greater authority.

Chân sư không chỉ có thẩm quyền mà còn tất yếu chịu một thẩm quyền lớn hơn.

2. This unanimity of purpose produces **a very close subjective relationship**, and each member of the Ashram is occupied with making his fullest possible contribution to the task in hand.

2. Sự nhất trí về mục đích này tạo nên **một mối quan hệ chủ quan rất mật thiết**, và mỗi thành viên của ashram đều chuyên tâm đóng góp hết khả năng vào nhiệm vụ đang thực hiện.

104. A subjective relationship is a *soul* relationship, and the true soul is the triadal consciousness. The lower astral and mental bodies are no longer part of the Master's equipment, and so our usual understanding of subjectivity does not apply.

104. Một mối quan hệ chủ quan là một mối quan hệ *linh hồn*, và linh hồn đích thực là tâm thức Tam Nguyên Tinh Thần. Thể cảm dục và thể trí thấp không còn thuộc về hệ thống hiện thể của Chân sư, nên cách hiểu thông thường của chúng ta về tính chủ quan không áp dụng ở đây.

Personalities do not enter in. You will remember how some years ago I told you that the **personality vehicles are ever left outside the Ashram**—speaking symbolically.

Các phàm ngã không tham dự vào. Các bạn sẽ nhớ cách đây vài năm Tôi đã nói với các bạn rằng **các hiện thể của phàm ngã luôn được để lại bên ngoài ashram**—nói theo nghĩa biểu tượng.

105. It's a bit like taking off one's dirty shoes before entering the household.

105. Điều này hơi giống việc cởi đôi giày bẩn của mình trước khi bước vào nhà.

106. Thus, lower identifications are left outside the 'door' of the Ashram.

106. Như vậy, những sự đồng hoá với các phương diện thấp được để lại bên ngoài 'cửa' ashram.

This means that the subtler bodies of the personality have perforce to follow the same rules as the physical body—they are left outside.

Điều này có nghĩa là các thể thanh nhẹ hơn của phàm ngã tất yếu phải tuân theo cùng những quy luật như thể xác—chúng được để lại bên ngoài.

107. DK is explicit in this. Personal preferences and habitually entertained thoughts are not part of the currency used within the Ashram. Therefore, in relation to the Ashram, it is not what we feel or what we concretely think that matters; the Ashram is a place for the exercise of the higher mental and buddhic faculties, and to

107. Chân sư DK nói rõ điều này. Những sở thích cá nhân và những tư tưởng mà chúng ta thường xuyên nuôi dưỡng không thuộc loại tiền tệ lưu hành trong ashram. Do đó, trong mối liên hệ với ashram, điều quan trọng không phải là những gì chúng ta cảm thấy hay những gì chúng ta suy nghĩ một cách cụ thể; ashram là nơi vận dụng các

some extent the atmic, if the member of the Ashram is sufficiently advanced.

năng lực thượng trí và Bồ đề, và ở một mức độ nào đó cả năng lực atma, nếu thành viên ashram đã tiến hoá đủ xa.

Remember also that [105] the Ashrams exist upon the plane of buddhi or of the intuition.

Cũng hãy nhớ rằng [105] các ashram hiện hữu trên cõi Bồ đề hay cõi trực giác.

108. This is, fore the most part, the case, except for a few Ashrams on the higher mental plane presided over by an initiate of the fourth degree.

108. Phần lớn là như vậy, ngoại trừ một vài ashram trên cõi thượng trí do một điểm đạo đồ bậc bốn chủ trì.

The joint undertaking and the **united adhering to the desired and arranged cyclic technique binds all members of the Ashram into one synthetic whole;**

Công việc chung và **sự cùng tuân thủ kỹ thuật theo chu kỳ đã được mong muốn và sắp đặt gắn kết mọi thành viên của ashram thành một tổng thể tổng hợp;**

109. We see that all ashramic members follow rhythmic law and their will to do so cooperatively (and their success in doing so), contribute to the synthetic wholeness of the Ashram.

109. Chúng ta thấy rằng mọi thành viên ashram đều tuân theo định luật nhịp điệu, và ý chí cùng hợp tác tuân theo định luật ấy của họ (cùng sự thành công của họ trong việc đó) góp phần tạo nên tính toàn vẹn tổng hợp của ashram.

there is therefore no possible controversy or any emphasis upon individual ideas, because no personality vibratory quality can penetrate in the periphery or the aura of an Ashram.

do đó không thể có tranh luận hay bất kỳ sự nhấn mạnh nào vào những ý tưởng cá nhân, bởi không một phẩm tính rung động nào của phàm ngã có thể thâm nhập vào chu vi hay hào quang của một ashram.

110. These words are so definite. The personality cannot even penetrate the periphery of the Ashram. There is no argument in the Ashram because of the clarity of vision which there prevails.

110. Những lời này thật dứt khoát. Phàm ngã thậm chí không thể thâm nhập vào chu vi của ashram. Trong ashram không có tranh luận vì tầm nhìn sáng rõ ngự trị nơi đó.

111. It is true (we are told) that Masters sometimes have different points of view on how to solve certain problems, but such differences never degenerate into controversy.

111. Quả thật (chúng ta được cho biết), các Chân sư đôi khi có những quan điểm khác nhau về cách giải quyết một số vấn đề, nhưng những khác biệt ấy không bao giờ suy thoái thành tranh luận.

112. It is as if all points of view within the Ashram are comprehended by all; each is seeing through all eyes. The Ashram is a group entity; there are no separate individuals within it.

112. Dường như tất cả đều thấu hiểu mọi quan điểm trong ashram; mỗi người đều nhìn qua đôi mắt của tất cả mọi người. Ashram là một thực thể nhóm; trong đó không có những cá nhân riêng biệt.

3. The planning and the assignment of tasks connected with the enterprise in hand is carried forward **through the medium of an ashramic, reflective meditation, initiated by the Custodian of the Plan.**

3. Việc hoạch định và phân công các nhiệm vụ liên quan đến công việc đang thực hiện diễn ra **thông qua một sự tham thiền suy ngẫm của ashram, do Đấng Gìn Giữ Thiên Cơ khởi xướng.**

113. These are important words to ponder: "ashramic, reflective meditation". Under the influence of such meditation, it becomes perfectly clear what must be done and by whom. Further, these is no personality (in the usual sense) to resist the doing.

113. Đây là những từ ngữ quan trọng cần suy ngẫm: "sự tham thiền suy ngẫm của ashram". Dưới ảnh hưởng của sự tham thiền như thế, điều phải làm và người phải làm điều ấy trở nên hoàn toàn rõ ràng. Hơn nữa, không có phàm ngã nào (theo nghĩa thông thường) chống lại việc thực hiện.

114. The meditation is not carried on by 'individuals', but by the ashramic consciousness as a whole. The members of an Ashram are mediating *as one.*

114. Sự tham thiền không do những 'cá nhân' thực hiện, mà do toàn bộ tâm thức ashram thực hiện. Các thành viên của một ashram tham thiền *như một.*

The Master of an Ashram does not say: "Do this" or "Do that."

Chân sư của một ashram không nói: "Hãy làm điều này" hay "Hãy làm điều kia."

115. If a Master does not say "Do this' or "Do that" to the members of His own Ashram, how much less likely is He to do so with aspirants and disciples!

115. Nếu một Chân sư không nói "Hãy làm điều này" hay "Hãy làm điều kia" với các thành viên trong chính ashram của Ngài, thì Ngài lại càng ít có khả năng làm như thế với những người chí nguyện và đệ tử biết bao!

116. Masters do not operate in a dictatorial manner. The high level of consciousness of those who work with them, make this unnecessary. Further, for a Master to act dictatorially would be against spiritual and an infringement of the freedom of the soul of His chelas.

116. Các Chân sư không hành động theo cách độc tài. Trình độ tâm thức cao của những người làm việc với Các Ngài khiến điều này không cần thiết. Hơn nữa, một Chân sư hành động độc tài sẽ trái với tinh thần và xâm phạm quyền tự do của linh hồn các đệ tử của Ngài.

Together, in unison and in deep reflection the plans unfold, and **each disciple and initiate sees occultly where he is needed and where—at any given moment—he must place his cooperative energy.**Note my wording here.

Cùng nhau, trong sự đồng tâm và suy ngẫm sâu sắc, các kế hoạch khai mở, và **mỗi đệ tử cùng điểm đạo đồ đều thấy theo cách huyền bí nơi nào cần đến mình và nơi nào —vào bất kỳ thời điểm nhất định nào— mình phải đặt năng lượng hợp tác.** Hãy lưu ý cách dùng từ của Tôi ở đây. Tuy nhiên,

117. Perhaps we can gather something of the subtlety of the process. United deep reflection yields clear occult vision. As the will of the meditating members is harnessed to the will of the Master which is harnessed to the Will of the Plan, there can be no question of non-commission.

117. Có lẽ chúng ta có thể phần nào nắm bắt được tính tinh tế của tiến trình này. Sự suy ngẫm sâu sắc trong hợp nhất đem lại linh thị huyền bí rõ ràng. Khi ý chí của các thành viên đang tham thiền gắn kết với ý chí của Chân sư, vốn gắn kết với Ý Chí của Thiên Cơ, thì không thể có chuyện không thực hiện nhiệm vụ.

118. The Ashram thus presents a picture of enlightened cooperation by those who are trained in spiritual willingness. The energy expressed by the member of an Ashram is always cooperative.

118. Như vậy, ashram biểu hiện một bức tranh về sự hợp tác sáng suốt của những người đã được huấn luyện về sự tự nguyện tinh thần. Năng lượng mà thành viên của một ashram biểu lộ luôn mang tính hợp tác.

The members of an Ashram, however, do not sit down for a joint meditation.

các thành viên của một ashram không ngồi xuống để cùng tham thiền.

119. They do not have to “sit down” for joint meditation because they are always engaged in joint meditation

119. Họ không phải “ngồi xuống” để cùng tham thiền vì họ luôn cùng nhau tham thiền

One of the qualities, developed through ashramic contact, is **the ability to live always within the field of intuitive perception**—a field which has been created, or a sphere of energy which has been generated, by the united purpose, the combined planning and the concentrated energy of the Hierarchy.

Một trong những phẩm tính phát triển qua sự tiếp xúc với ashram là **khả năng luôn sống trong trường tri giác trực giác**—một trường đã được tạo nên, hay một khối cầu năng lượng đã được phát sinh, từ mục đích thống nhất, sự hoạch định chung và năng lượng tập trung của Thánh đoàn.

120. The members of an Ashram share the same field of intuitive perception constantly; they are all focussed on the buddhic plane, wherein there is a mutually

120. Các thành viên của một ashram liên tục cùng chia sẻ một trường tri giác trực giác; tất cả họ đều tập trung trên cõi Bồ đề, nơi sự thấu hiểu thấm nhuần lẫn nhau; tâm thức

pervasive understanding; their consciousness is as one consciousness, *wherever* they may be additionally focussed on lower levels of perception.

của họ như một tâm thức duy nhất, *bất kể ở đâu* họ còn có thể đồng thời tập trung trên các cấp độ tri giác thấp hơn.

121. It is interesting to read of how the intuitive field is generated:

121. Thật thú vị khi đọc về cách trường trực giác hình thành:

a. By united purpose of the Hierarchy

a. Nhờ mục đích thống nhất của Thánh đoàn

b. By the combined planning of the Hierarchy

b. Qua việc phối hợp hoạch định của Thánh đoàn

c. By the concentrated energy of the Hierarchy

c. Qua năng lượng tập trung của Thánh đoàn

122. We see we are being instructed in the nature of ashramic reflective meditation.

122. Chúng ta thấy mình đang được chỉ dạy về bản chất của sự tham thiền suy ngẫm trong ashram.

An analogy (but only an analogy, however) would be to regard this field of reflecting, reflective and reflected energies as resembling the brain of a human being; this brain reflects the impacts of telepathic activity, the sensory perceptions and the knowledges gained in the three worlds; reflection then sets in in relation to the mental processes which are synchronised with the brain, and then follows the impartation of these reflections to the outside world.

Một phép tương đồng (tuy nhiên, chỉ là một phép tương đồng) là xem trường năng lượng phản chiếu, suy ngẫm và được phản chiếu này giống như bộ não của con người; bộ não này phản ánh những tác động của hoạt động viễn cảm, những tri giác giác quan và những tri thức thu nhận trong ba cõi giới; sau đó, sự suy ngẫm diễn ra liên quan đến những tiến trình trí tuệ đồng bộ với bộ não, rồi tiếp đến là việc truyền đạt những suy ngẫm ấy ra thế giới bên ngoài.

123. The field of energies in which the members of an Ashram live is

123. Trường năng lượng mà các thành viên của một ashram sống trong đó là

a. A field of reflecting energies

a. Một trường năng lượng phản chiếu

b. A field of reflective energies

b. Một trường năng lượng suy ngẫm

c. A field of reflected energies

c. Một trường năng lượng được phản chiếu

124. DK likens this threefold process to the function of the physical brain of the human being.

125. The member of the Ashram first reflects telepathic sensitivity, sensory perceptions and knowledges.

126. Upon these reflected impression he then *reflects* or thinks.

127. The process of reflecting upon that which is reflected produces reflections, which are then imparted to the world.

128. The major acts are the reflection of impressions (the impressions then become reflected impressions) and then the act of reflecting upon them. The words used here are somewhat interchangeable in different contexts; we just have to keep the idea clear.

The ashramic reflective meditation is an integral part of the constantly developing perception of the disciple-initiate, and it (in its turn) is a part of the whole hierarchical reflective meditation.

129. When we think of ashramic meditation, we must always think of this factor of reflectivity.

130. We note that the Tibetan calls the member of the Ashram the disciple-initiate; a true member of an Ashram is an initiate of some degree.

124. Chân sư DK ví tiến trình tam phân này với chức năng của bộ não thể xác của con người.

125. Trước hết, thành viên của ashram phản chiếu sự nhạy cảm viễn cảm, những tri giác giác quan và những tri thức.

126. Sau đó, y *suy ngẫm* hay suy nghĩ về những ấn tượng được phản chiếu này.

127. Tiến trình suy ngẫm về những gì được phản chiếu tạo ra những suy ngẫm, rồi những suy ngẫm ấy được truyền đạt cho thế gian.

128. Những hoạt động chính là phản chiếu các ấn tượng (khi ấy, các ấn tượng trở thành những ấn tượng được phản chiếu), rồi suy ngẫm về chúng. Những từ dùng ở đây phần nào có thể thay thế cho nhau trong các ngữ cảnh khác nhau; chúng ta chỉ cần giữ cho ý tưởng được rõ ràng.

Sự tham thiền suy ngẫm của ashram là một phần không thể tách rời trong tri giác không ngừng phát triển của người đệ tử-điểm đạo đồ, và đến lượt nó, sự tham thiền ấy lại là một phần trong toàn bộ sự tham thiền suy ngẫm của Thánh đoàn.

129. Khi nghĩ đến sự tham thiền của ashram, chúng ta phải luôn nghĩ đến yếu tố suy ngẫm này.

130. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng gọi thành viên của ashram là người đệ tử-điểm đạo đồ; một thành viên thực sự của một ashram là một điểm đạo đồ ở một cấp độ nào đó.

131. We are reminded that the Ashram is an integral part of the entire Hierarchy and that Hierarchy itself is pursuing a similar king of reflective meditation.

131. Chúng ta được nhắc rằng ashram là một bộ phận không thể tách rời của toàn thể Thánh đoàn và chính Thánh đoàn cũng đang thực hành một hình thức tham thiền suy ngẫm tương tự.

132. We can see that any member of an Ashram must be in a constant state of alertness, tuned-in to a level of registration which is deeply subjective. This is a king of dual consciousness which characterizes all true member of an Ashram.

132. Chúng ta có thể thấy rằng bất kỳ thành viên nào của một ashram cũng phải luôn ở trong trạng thái tỉnh thức, hòa nhịp với một cấp độ ghi nhận mang tính chủ quan sâu xa. Đây là một dạng tâm thức kép đặc trưng cho mọi thành viên đích thực của một ashram.

This latter is based upon inspiration (in the occult sense) from Shamballa.

Sự tham thiền sau cùng này dựa trên cảm hứng (theo nghĩa huyền bí) từ Shamballa.

133. The Hierarchy's reflective meditation is inspired from Shamballa.

133. Sự tham thiền suy ngẫm của Thánh đoàn nhận cảm hứng từ Shamballa.

The moment a disciple can share in this constant unremitting meditation or reflection without its interfering with his service and his other lines of thought, he becomes what is called "**a disciple who shall no more go out.**"

Ngay khi một đệ tử có thể tham gia vào sự tham thiền hay suy ngẫm thường xuyên không ngừng này mà không để nó cản trở việc phụng sự và những mạch tư tưởng khác của mình, người ấy trở thành người được gọi là "**một đệ tử sẽ không còn đi ra nữa**". [106]

134. This is a most important statement and sets an objective for all of us. We must be able to pursue our normal thought process and our service activities and *at the same time* share in a constant, unremitting ashramic meditation or reflection. This requires being tuned-in to the Ashram at all times.

134. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng và đặt ra một mục tiêu cho tất cả chúng ta. Chúng ta phải có khả năng tiếp tục tiến trình tư duy thông thường và các hoạt động phụng sự của mình, và *đồng thời* tham gia vào sự tham thiền hay suy ngẫm thường xuyên, không ngừng của ashram. Điều này đòi hỏi chúng ta luôn hòa nhịp với ashram.

135. To "go out" is for consciousness to descend into preoccupation with all manner of personality processes, forgetful of the ongoing process of reflection.

135. "Đi ra" là khi tâm thức hạ xuống và mải mê với đủ mọi tiến trình của phàm ngã, quên mất tiến trình suy ngẫm đang diễn ra.

[106]

[106]

4. Another factor productive of group unity and synchronous precision in working is the **complete freedom of the Ashram from any spirit of criticism.**

136. A person for whom criticism is a constant attitude cannot be trusted to enter the Ashram. Those who stand upon the periphery are, of course, imperfect, but they must learn a positive harmlessness if they are to be permitted further penetration.

There is no tendency among its personnel to be critical and **no interest whatsoever in the outer, personal lives of the members**, should they be amongst those functioning in the three worlds.

137. No interest whatsoever in the personal lives of the other members of the Ashram. This sets the standard. The focus of the member of the Ashram is entirely other. Personality issues lie below the threshold of consciousness.

138. The term "outer" is used. "Outer" means either "personal", or there is an "outer" personality life and an "inner". We know that on occasion, there must be a willingness to share in the psychological and thought processes of one's fellow group members, as DK has advised us in other instructions.

Criticism, as seen among men, simply is **a mode of emphasising the lower self** and **deflects the attitude to the material aspects of a person's life**.

139. We have here an excellent definition of criticism. Usually when one criticizes, one thinks one is thinking, writing of another,

4. Một yếu tố khác tạo nên sự hợp nhất nhóm và tính chính xác đồng bộ trong công việc là **ashram hoàn toàn không có bất kỳ tinh thần chỉ trích nào.**

136. Một người luôn có thái độ chỉ trích không thể được tin cậy để cho phép bước vào ashram. Dĩ nhiên, những người đứng ở vùng ngoại vi còn chưa hoàn hảo, nhưng họ phải học tính vô tổn hại một cách tích cực nếu muốn được phép thâm nhập sâu hơn.

Giữa các thành viên không có khuynh hướng chỉ trích và **cũng hoàn toàn không quan tâm đến đời sống cá nhân bên ngoài của những thành viên** đang hoạt động trong ba cõi giới.

137. Hoàn toàn không quan tâm đến đời sống cá nhân của các thành viên khác trong ashram. Điều này đặt ra chuẩn mực. Thành viên của ashram tập trung vào những điều hoàn toàn khác. Những vấn đề của phàm ngã nằm dưới ngưỡng tâm thức.

138. Ở đây, thuật ngữ "bên ngoài" được sử dụng. "Bên ngoài" hoặc có nghĩa là "cá nhân", hoặc có một đời sống phàm ngã "bên ngoài" và một đời sống phàm ngã "bên trong". Chúng ta biết rằng đôi khi cần sẵn lòng chia sẻ các tiến trình tâm lý và tư tưởng của những thành viên đồng nhóm, như Chân sư DK đã khuyên chúng ta trong những huấn thị khác.

Sự chỉ trích, như thấy ở con người, đơn giản là **một cách nhấn mạnh phàm ngã** và **khiến thái độ chuyển hướng sang những phương diện vật chất trong đời sống của một người**.

139. Ở đây, chúng ta có một định nghĩa rất hay về sự chỉ trích. Thông thường, khi chỉ trích, người ta tưởng mình đang suy nghĩ,

but in fact, one is simply reinforcing one's own lower personal self, one's lower ego.

viết về một người khác, nhưng thực ra chỉ đang củng cố cái tôi cá nhân thấp kém, phàm ngã của chính mình.

There is necessarily clear vision among the members of an Ashram; they know each other's capacities and limitations and **they know, therefore, where they can complement each other and together create and present a perfect team in world service.**

Các thành viên của một ashram tất yếu có tầm nhìn rõ ràng; họ biết những khả năng và giới hạn của nhau, và **do đó biết họ có thể bổ sung cho nhau ở đâu để cùng tạo thành và thể hiện một tập thể hoàn hảo trong việc phụng sự thế gian.**

140. We are understanding the Ashram as the epitome of teamwork. The various member of the Ashram have a realistic vision of each other. The goal is effective group service and so they not only seek to complement each other but know how they can do so.

140. Chúng ta đang hiểu ashram là hình mẫu của sự làm việc đồng đội. Các thành viên của ashram nhìn nhận nhau một cách thực tế. Mục tiêu là phụng sự nhóm hiệu quả, nên họ không chỉ tìm cách bổ sung cho nhau mà còn biết mình có thể làm như thế nào.

141. Let us question ourselves—with whom do we work in such a manner? If we find that we are working in this way, we are preparing for later ashramic participation.

141. Chúng ta hãy tự hỏi—chúng ta làm việc theo cách như thế với những ai? Nếu nhận thấy mình đang làm việc theo cách này, chúng ta đang chuẩn bị để sau này tham gia vào ashram.

5. One other factor I will mention among the many possible: The members of an Ashram are all **in the process of demonstrating love and pure reason**, and they are—at the same time—**focussing themselves in the Will aspect of divinity**.

5. Tôi sẽ đề cập thêm một yếu tố trong số nhiều yếu tố có thể nêu ra: Các thành viên của một ashram đều **đang trong tiến trình biểu lộ tình thương và lý trí thuần khiết**, đồng thời **tập trung vào phương diện Ý Chí của thiên tính**. Hiện nay,

142. It would appear that the *intelligence* aspect of the members of an Ashram is somewhat assumed.

142. Dường như phương diện *trí thông minh* của các thành viên trong một ashram phần nào được xem là điều đương nhiên.

143. An Ashram functioning largely under the second aspect of divinity of which love and pure reason are representative.

143. Một ashram hoạt động phần lớn dưới ảnh hưởng của phương diện thứ hai của thiên tính, mà tình thương và lý trí thuần khiết là những biểu hiện tiêu biểu.

144. For the normal Ashram member, focus within the Divine Will represents future possibilities, and the attempt is constantly made.

144. Đối với thành viên ashram thông thường, việc tập trung trong Ý Chí thiêng liêng thể hiện những khả năng trong tương lai, và họ không ngừng nỗ lực thực hiện điều đó.

This statement may mean little to you at present but **it is fundamentally the factor which creates the higher antahkarana, uniting the Hierarchy and Shamballa.** This makes the planetary purpose of so much importance.

phát biểu này có thể chưa mang nhiều ý nghĩa đối với các bạn, nhưng **về căn bản, đó là yếu tố tạo nên antahkarana cao hơn, hợp nhất Thánh đoàn và Shamballa.** Điều này khiến mục đích hành tinh có tầm quan trọng lớn lao đến thế.

145. There is a higher and lower antahkarana; we enter the Hierarchy via the antahkarana when we can align with the buddhic plane. Presumably, the higher antahkarana will relate the meditator to the atmic plane and the monadic plane.

145. Có antahkarana cao hơn và antahkarana thấp hơn; chúng ta gia nhập Thánh đoàn qua antahkarana khi có thể chỉnh hợp với cõi Bồ đề. Có lẽ antahkarana cao hơn sẽ kết nối người hành thiền với cõi atma và cõi chân thần.

146. Hierarchy can only formulate the Plan if it knows somewhat of the Purpose. The higher antahkarana makes this possible and it can only be built if the disciple is somewhat proficient in focussing within the Will.

146. Thánh đoàn chỉ có thể hoạch định Thiên Cơ nếu biết phần nào về Thiên Ý. Antahkarana cao hơn khiến điều này trở nên khả thi, và người đệ tử chỉ có thể xây dựng nó nếu đã phần nào thành thạo việc tập trung trong Ý Chí.

These are the major factors which produce group unity; they have, as results, telepathic rapport and intuitive perception; but these are effects and not causes and are the product of the measure of the attained group unity.

Đó là những yếu tố chủ yếu tạo nên sự hợp nhất nhóm; kết quả của chúng là sự hòa hợp viễn cảm và tri giác trực giác; nhưng đây là những hệ quả chứ không phải nguyên nhân, và là sản phẩm của mức độ hợp nhất nhóm đã đạt được.

147. We are understanding the importance of group unity. It is foundational. The foregoing should be carefully and repeatedly studied if we hope to develop those necessary ashramic states of consciousness —telepathic rapport and intuitive perception.

147. Chúng ta đang hiểu tầm quan trọng của sự hợp nhất nhóm. Đó là nền tảng. Nếu hy vọng phát triển những trạng thái tâm thức ashram thiết yếu ấy—sự hòa hợp viễn cảm và tri giác trực giác—chúng ta cần nghiên cứu kỹ lưỡng và nhiều lần phần trình bày ở trên.

You can see, therefore, the scientific reason I had when **I urged you in past years to have a group enterprise**, **for it is a major unifying factor**, and the inner Ashram with which you are affiliated stands to you (at your particular point of development) as Shamballa stands to the Hierarchy—from the angle of dynamic inspiration.

Do đó, các bạn có thể thấy lý do khoa học khiến **Tôi thúc giục các bạn trong những năm qua thực hiện một công việc chung của nhóm**, **vì đó là một yếu tố hợp nhất chủ yếu**, và ashram bên trong mà các bạn liên kết có vai trò đối với các bạn (ở điểm phát triển riêng của các bạn) giống như vai trò của Shamballa đối với Thánh đoàn—xét từ góc độ cảm hứng năng động.

148. An analogy is given. The inner Ashram is to an outer ashramic group (such as Master DK has been training) as Shamballa is to the H.

148. Ở đây có một phép tương đồng. Quan hệ của ashram bên trong với một nhóm ashram bên ngoài (chẳng hạn như nhóm mà Chân sư DK đã và đang huấn luyện) tương tự quan hệ của Shamballa với Thánh đoàn.

149. Spiritual group enterprises are unifying factors needed by all disciples who would work together in the manner described in the five points on group unity.

149. Những công việc chung mang tính tinh thần của nhóm là các yếu tố hợp nhất mà mọi đệ tử muốn làm việc cùng nhau theo cách đã mô tả trong năm điểm về sự hợp nhất nhóm đều cần đến.

150. Do the groups with which we may be involved have group enterprises which promote group unity as DK has described it?

150. Các nhóm mà chúng ta có thể đang tham gia có những công việc chung thúc đẩy sự hợp nhất nhóm như Chân sư DK đã mô tả hay không?

Had you done this (which you did not) the group would not have fallen apart—as it has done.

Nếu các bạn đã làm điều này (mà các bạn đã không làm), nhóm hẳn đã không tan rã—như thực tế đã xảy ra.

151. Here we have the clearest possible statement. Because there was no unifying group enterprise, the group fell apart!

151. Ở đây chúng ta có lời khẳng định rõ ràng nhất có thể. Vì không có một công cuộc chung để hợp nhất nhóm, nhóm đã tan rã!

Had you eliminated criticism, the essential unity would have been strengthened.

Nếu các bạn đã loại bỏ sự chỉ trích, sự hợp nhất cốt yếu hẳn đã được củng cố.

152. Criticism undermines group unity; let us never forget it.

152. Sự chỉ trích làm suy yếu sự hợp nhất nhóm; chúng ta đừng bao giờ quên điều đó.

153.

One of the reasons I had for the complete frankness and so-called exposure of your individual weakness and limitations to the group as a whole was to **train you in the light of pure perception which knows the reason** [107] **why and sees with clarity the ends in view. Where true perception exists, criticism is automatically eliminated.**

154. The Tibetan's intended exposure of the faults of group members was for the purpose of training the group members in pure perception.

155. The astonishing statement is the following: "where true perception exists, criticism is automatically eliminated". It is only because we do not see clearly that we criticize. On this we should ponder.

Modern groups (and groups form a large part of every field of thought and activity) are usually composed of people possessing some basic idea upon which they are all agreed and **which they are trying to express through the medium of their clashing personalities** and,**frequently, in obedience to some leader or person of more powerful mentality than that of the majority**, and in order to exploit and use the methods which they regard as essential to success. There is therefore little true unity, and often what there is is based on expediency or good manners.

156. This is a frank assessment of modern group interplay.

153.

Một trong những lý do khiến Tôi hoàn toàn thẳng thắn và làm điều được gọi là phơi bày những yếu điểm cùng giới hạn cá nhân của các bạn trước toàn thể nhóm là để **huấn luyện các bạn trong ánh sáng của tri giác thuần khiết, vốn biết rõ nguyên do** [107] **và nhìn thấy rõ ràng những mục tiêu cần đạt. Nơi nào có tri giác chân thực, nơi ấy sự chỉ trích tự động bị loại bỏ.**

154. Chân sư Tây Tạng chủ định phơi bày những khuyết điểm của các thành viên trong nhóm nhằm huấn luyện họ về tri giác thuần khiết.

155. Lời khẳng định đáng kinh ngạc là: "nơi nào có tri giác chân thực, nơi ấy sự chỉ trích tự động bị loại bỏ". Chỉ vì không thấy rõ nên chúng ta mới chỉ trích. Chúng ta nên suy ngẫm về điều này.

Các nhóm hiện đại (và các nhóm chiếm phần lớn trong mọi lĩnh vực tư tưởng và hoạt động) thường gồm những người cùng đồng thuận về một ý tưởng căn bản nào đó và **đang cố gắng biểu hiện ý tưởng ấy thông qua những phàm ngã xung đột của mình**, đồng thời **thường tuân theo một người lãnh đạo hay một người có trí lực mạnh hơn đa số**, để khai thác và sử dụng những phương pháp mà họ xem là thiết yếu cho thành công. Do đó, sự hợp nhất chân thực rất ít, và phần hợp nhất hiện có thường dựa trên tính thuận tiện hay phép lịch sự.

156. Đây là một nhận định thẳng thắn về sự tương tác trong các nhóm hiện đại.

157. We can see that there is usually not much love. The factor of personal will is dominant.

157. Chúng ta có thể thấy rằng thường không có nhiều tình thương. Yếu tố ý chí cá nhân chiếm ưu thế.

158. The conditions for true unity (as described in the five points above) are entirely missing.

158. Những điều kiện cho sự hợp nhất chân thực (như mô tả trong năm điểm ở trên) hoàn toàn vắng bóng.

159. These modern group have no real esoteric basis.

159. Những nhóm hiện đại này không có nền tảng nội môn thực sự nào.

160. A group unity based on expediency and good manners cannot possibly be the same as the group unity arising in an ashramic group which is inspired by a Master Who can face the Will of Shamballa, deeply subjective, meditative, non-critical, expressive of love and pure reason and focussed in the Divine Will

160. Sự hợp nhất nhóm dựa trên tính thuận tiện và phép lịch sự không thể nào giống với sự hợp nhất nhóm nảy sinh trong một nhóm ashram nhận cảm hứng từ một Chân sư có thể đối diện với Ý Chí của Shamballa, có đời sống nội tâm sâu sắc, chuyên tâm tham thiền, không chỉ trích, biểu hiện tình thương và lý trí thuần khiết, và tập trung trong Ý Chí thiêng liêng

Everywhere, however, the newer type of groups are slowly being gathered together. Have you ever realised (I seek here to make you think and reason) that a group composed entirely of people upon the same ray, and who were also at exactly the same point in evolution, would be relatively futile and useless? **Such a group would lack dynamic—the dynamic which comes into expression when many and different ray qualities meet and combine.**

Tuy nhiên, khắp nơi, những nhóm thuộc loại mới hơn đang dần được quy tụ. Các bạn có bao giờ nhận ra (ở đây Tôi muốn khiến các bạn suy nghĩ và suy luận) rằng một nhóm hoàn toàn gồm những người thuộc cùng một cung và cũng ở đúng cùng một điểm tiến hoá sẽ tương đối vô hiệu và vô ích không? **Một nhóm như thế sẽ thiếu động lực—động lực biểu hiện khi nhiều phẩm tính cung khác nhau gặp gỡ và kết hợp.**

161. We are being told that a dynamic (the emergence of available energy) appears when “many and different ray qualities meet and combine”. This alerts us to the fact that we can consider our differences with others with whom we intend to cooperate as an opportunity for more effective work.

161. Chúng ta được cho biết rằng một động lực (sự xuất hiện của năng lượng sẵn có để sử dụng) xuất hiện khi “nhiều phẩm tính cung khác nhau gặp gỡ và kết hợp”. Điều này giúp chúng ta nhận ra rằng chúng ta có thể xem những khác biệt giữa mình với những người mà mình định hợp tác là một cơ hội để làm việc hiệu quả hơn.

162. The need to adjust to and harmonize with those on other rays and who possess other perspective, evokes from us our best. We become resourceful. That which we are and that which we know is drawn forth into intelligent application. The differences evoke intelligent response.

162. Nhu cầu thích nghi và hoà hợp với những người thuộc các cung khác và có những quan điểm khác khơi dậy những gì tốt đẹp nhất trong chúng ta. Chúng ta trở nên tháo vát. Những gì chúng ta là và những gì chúng ta biết được khơi dậy để vận dụng một cách thông minh. Những khác biệt khơi gợi sự đáp ứng thông minh.

When you speak of an Ashram being a first or a second ray Ashram—to mention only two out of the seven—it is essential that you bear in mind that though its members may have the same **basic** soul ray, **they are apt to be found on one or other of the six subsidiary sub-rays**;

Khi các bạn nói một ashram là ashram cung một hay cung hai—chỉ nêu hai trong số bảy cung—điều thiết yếu là phải ghi nhớ rằng tuy các thành viên có thể có cùng một cung linh hồn **căn bản**, **họ vẫn có thể thuộc cung này hay cung khác trong sáu cung phụ**;

163. Here we *may* be talking about the personality ray, or (if considering the larger Ashram) we could be talking about the subsidiary ray which all those in the subsidiary Ashram share.

163. Ở đây, chúng ta *có thể* đang nói về cung phàm ngã, hoặc (nếu xét ashram lớn hơn) chúng ta có thể đang nói về cung phụ mà tất cả các thành viên trong ashram phụ đều cùng có.

164. A soul ray is *a* sub-ray of a monadic ray; as well the major monadic ray has its own sub-ray on the monadic level. A personality ray is *a* sub-ray of the soul ray; as well the major soul ray has its own sub-ray on the soul level.

164. Một cung linh hồn là *một* cung phụ của một cung chân thần; đồng thời, cung chân thần chủ yếu có cung phụ riêng ở cấp độ chân thần. Một cung phàm ngã là *một* cung phụ của cung linh hồn; đồng thời, cung linh hồn chủ yếu có cung phụ riêng ở cấp độ linh hồn.

165. We will not consider the monadic implications at this point.

165. Ở đây, chúng ta sẽ không xem xét những hàm ý liên quan đến chân thần.

166. When the phrase "basic soul ray" is used, it points to the *major* or *higher* ray of the soul. The following reference should be taken into consideration on this point:

166. Khi cụm từ "cung linh hồn căn bản" được dùng, nó chỉ cung *chủ yếu* hay *cao hơn* của linh hồn. Về điểm này, cần xem xét đoạn trích dẫn sau:

"3. The personality rays then become one ray and in their turn become subservient to the

"3. Khi ấy, các cung phàm ngã trở thành một cung và đến lượt chúng phục tùng cung kép

dual ray of the soul. Again, therefore, three rays are blended and fused.

"4. The soul rays dominate the personality and the three become again the one, as the dual ray of the soul and the blended ray of the personality vibrate to the measure of **the highest of the soul rays—the ray of the soul's group, which is ever regarded as the true egoic ray.**" EPII, 18

If there is a "true egoic ray" there must also we an egoic ray which is not the "true" and this would be the sub-ray of the egoic ray.

167. If we approach from the perspective of soul focus, we will find, for instance, all members of the great second ray Ashram share the second ray as their soul ray—the "true", highest, major or "basic" soul ray. In a subsidiary Ashram of the great second ray Ashram, however, all might equally share the third ray or the fourth, as well as the second. Further, those in such subsidiary Ashrams, all sharing two rays (the major ray of the soul and a minor soul ray) would be found on all the different personality rays.

there is also a constant shifting of people as they make true progress from a minor ray to a major ray

168. There is more to this than the change of personality rays. When the soul is focussed upon a ray of attribute, it may at some time it may shift onto a ray of aspect. This will usually occur (in the case of a shift to the first or second rays) more or less around the period of the first initiation—sometimes slightly preceding it and sometimes afterwards. The shift to the third ray may occur rather earlier, but will still necessitate

của linh hồn. Do đó, một lần nữa, ba cung hòa trộn và dung hợp.

"4. Các cung linh hồn chi phối phàm ngã và ba cung lại trở thành một, khi cung kép của linh hồn và cung hòa trộn của phàm ngã rung động theo nhịp của **cung cao nhất trong các cung linh hồn—cung của nhóm linh hồn, vốn luôn được xem là cung chân ngã đích thực.**" EPII, 18

Nếu có một "cung chân ngã đích thực" thì hẳn cũng phải có một cung chân ngã không phải là cung "đích thực", và đó chính là cung phụ của cung chân ngã.

167. Nếu tiếp cận từ góc độ tập trung nơi linh hồn, chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy tất cả các thành viên của ashram cung hai lớn đều có chung cung hai làm cung linh hồn—cung linh hồn "đích thực", cao nhất, chủ yếu hay "căn bản". Tuy nhiên, trong một ashram phụ của ashram cung hai lớn, tất cả các thành viên có thể cùng có cung ba hoặc cung bốn, bên cạnh cung hai. Hơn nữa, những thành viên trong các ashram phụ như vậy, tuy đều có chung hai cung (cung chủ yếu của linh hồn và một cung linh hồn thứ yếu), lại có thể thuộc mọi cung phàm ngã khác nhau.

cũng luôn có sự chuyển dịch của các thành viên khi họ thực sự tiến bộ từ một cung thứ yếu sang một cung chủ yếu,

168. Điều này còn bao hàm nhiều hơn sự thay đổi các cung phàm ngã. Khi linh hồn tập trung trên một cung thuộc tính, đến một lúc nào đó, nó có thể chuyển sang một cung trạng thái. Trong trường hợp chuyển sang cung một hoặc cung hai, điều này thường xảy ra vào khoảng thời gian diễn ra lần điểm đạo thứ nhất—đôi khi sớm hơn một chút và đôi khi sau đó. Sự chuyển dịch sang cung ba có thể xảy ra sớm hơn khá nhiều, nhưng vẫn

that the individual be an intelligent or advanced human being.

đòi hỏi cá nhân ấy phải là một người thông minh hoặc tiến hóa cao.

or (for service reasons) on to **a different sub-ray of their own ray**; this is a point which is very apt to be forgotten.

hoặc (vì những lý do phụng sự) chuyển sang **một cung phụ khác thuộc cung của mình**; đây là một điểm rất dễ bị lãng quên.

169. DK is explaining much in these few words.

169. Chân sư DK đang giải thích rất nhiều điều qua vài lời này.

170. By "their own ray" DK may mean the soul ray or perhaps the monadic ray.

170. Qua cụm từ "cung của mình", Chân sư DK có thể muốn nói đến cung linh hồn hoặc có lẽ là cung chân thần.

171. Two kinds of shifts are going on:

171. Có hai loại chuyển dịch đang diễn ra:

a. From a minor ray to a major ray—in the soul

a. Từ một cung thứ yếu sang một cung chủ yếu—ở linh hồn

b. From one sub-ray of the soul ray to another.

b. Từ một cung phụ của cung linh hồn sang một cung phụ khác.

172. All this indicates that there is much flux within any major Ashram

172. Tất cả điều này cho thấy trong bất kỳ ashram chính nào cũng có nhiều biến động.

It is wise to realise that **an Ashram is composed of disciples and initiates of all degrees.** It is this interplay of diverse elements that enriches an Ashram and tends inevitably to successful service in the three worlds.

Điều khôn ngoan là nhận ra rằng **một ashram gồm các đệ tử và điểm đạo đồ ở mọi cấp độ.** Chính sự tương tác của những yếu tố đa dạng này làm phong phú một ashram và tất yếu hướng đến việc phụng sự thành công trong ba cõi giới.

173. We see the value of a diversity of ranks and rays within an Ashram. We must learn to value this diversity. A constant adaptability to all manner of energies and forces is required of each disciple within an Ashram. Successful adaptation promotes that diversity in unity which will characterize the New Age.

173. Chúng ta thấy giá trị của sự đa dạng về cấp bậc và các cung trong một ashram. Chúng ta phải học cách trân trọng sự đa dạng này. Mỗi đệ tử trong một ashram cần có khả năng không ngừng thích ứng với mọi loại năng lượng và mãnh lực. Sự thích ứng thành công thúc đẩy tính đa dạng trong hợp nhất vốn sẽ là đặc trưng của Kỷ Nguyên Mới.

174. To find accord with only those who are similar requires little adaptation. The differences in qualities must be bridged through adaptation (and mutual appreciation), so that all ray types and sub-types may work in harmony.

174. Việc chỉ tìm được sự hòa hợp với những người tương đồng đòi hỏi rất ít sự thích ứng. Cần bắc cầu qua những khác biệt về phẩm tính bằng sự thích ứng (và sự trân trọng lẫn nhau), để mọi loại cung và các loại cung phụ đều có thể làm việc hài hòa.

I am anxious to see the group, with which I have been undertaking an occult experiment for the Hierarchy, hold together.

Tôi tha thiết mong thấy nhóm mà Tôi đã cùng thực hiện một cuộc thử nghiệm huyền bí cho Thánh đoàn tiếp tục gắn bó.

175. We see that the Tibetan has not given up hope.

175. Chúng ta thấy rằng Chân sư Tây Tạng vẫn chưa từ bỏ hy vọng.

When I say this, I refer not only to the few of you who are now active (and perhaps patting yourselves on the back for your steadfastness!),

Khi nói điều này, Tôi không chỉ nói đến số ít các bạn hiện đang hoạt động (và có lẽ đang tự khen mình vì sự kiên định!),

176. DK doe not allow a trace of egotism to enter.

176. Chân sư DK không cho phép dù chỉ một chút tự cao tự đại len vào.

but also to the inactive members, to those likewise who of their own freewill dropped out, those whom perforce I myself had to drop, and those also [108] who are functioning upon the other side of the veil.

mà còn nói đến những thành viên không hoạt động, cả những người đã tự nguyện rút lui, những người mà chính Tôi buộc phải cho rời nhóm, và cả những người [108] đang hoạt động ở phía bên kia bức màn.

177. The Master is inclusive in His consciousness. Once He has made the link to a chela, the magnetism holds. He wishes to see the project through to its conclusion.

177. Tâm thức của Chân sư có tính bao gồm. Một khi Ngài đã thiết lập mối liên kết với một đệ tử, từ điện duy trì mối liên kết ấy. Ngài mong muốn đưa dự án đến chỗ hoàn tất.

I have asked A.A.B. to send each of you a complete list of all who were in the earlier groups as well as those who were or are in the reorganised group. The names will be sent to you without comment and without addresses.

Tôi đã yêu cầu Bà A.A.B. gửi cho mỗi người trong các bạn một danh sách đầy đủ tất cả những người đã ở trong các nhóm trước đây, cũng như những người đã hoặc đang ở trong nhóm được tái tổ chức. Danh sách tên sẽ được gửi đến các bạn không kèm bình luận và không có địa chỉ.

178. To have addresses would encourage personal contact. It is not this kind of contact which the Master seeks to perpetuate.

178. Việc có địa chỉ sẽ khuyến khích sự tiếp xúc cá nhân. Chân sư không tìm cách duy trì loại tiếp xúc này.

I would ask you on one day each month—the day of the full moon—to**sit down and mention each of these names of your co-disciples in the light, sending out light and love to one and all. This will strengthen the relation of you all to each other and it will also create an energy body—an etheric body—for the entire subjective group and will integrate them closely as time goes on, restoring those who broke away and strengthening those who unfortunately proved themselves to be weak.**

Tôi muốn vào một ngày mỗi tháng—ngày trăng tròn—các bạn **ngồi xuống và nhắc tên từng đệ tử đồng môn ấy trong ánh sáng, gửi ánh sáng và tình thương đến từng người và tất cả mọi người. Điều này sẽ củng cố mối quan hệ giữa tất cả các bạn, đồng thời tạo nên một thể năng lượng—một thể dĩ thái—cho toàn bộ nhóm chủ quan và sẽ tích hợp họ chặt chẽ theo thời gian, khôi phục những người đã tách khỏi nhóm và củng cố những người không may đã tỏ ra yếu đuối.**

179. The Master offers an occult technique to promote group cohesion. The method is simple. Sometimes it has been called "naming and loving".

179. Chân sư đưa ra một kỹ thuật huyền bí để thúc đẩy sự gắn kết nhóm. Phương pháp này đơn giản. Đôi khi người ta gọi đó là "nhắc tên và yêu thương".

180. The suggested method can be used to promote group cohesion in all our group undertakings.

180. Có thể dùng phương pháp được đề xuất để thúc đẩy sự gắn kết nhóm trong mọi công việc nhóm của chúng ta.

181. We note the implication of rebellion in "those who broke away". There is a Martian component in the personalities of all, and, in fact, Mars, the planet of egoistic rebellion, rules the personality as a whole.

181. Chúng ta lưu ý hàm ý nổi loạn trong cụm từ "những người đã tách ra". Phàm ngã của mọi người đều có một thành phần mang tính Sao Hỏa, và thực tế, Sao Hỏa, hành tinh của sự nổi loạn vị kỷ, cai quản toàn bộ phàm ngã.

182. DK has analyzed the many reasons for failure and we should examine ourselves carefully in order to discover whether we may harbor seeds which would contribute to group failure in our own energy system and psyche. It would be better to root them out now, as the day will come when perhaps many of us will be tested as DK's chelas were

182. Chân sư DK đã phân tích nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại, và chúng ta nên cẩn thận xem xét bản thân để khám phá liệu trong hệ thống năng lượng và tâm lý của mình, chúng ta có nuôi dưỡng những hạt giống có thể góp phần gây ra thất bại của nhóm hay không. Tốt hơn hết là nhổ tận gốc chúng ngay bây giờ, vì sẽ đến ngày có lẽ nhiều người trong chúng ta sẽ chịu thử

tested—in group formation under His supervision.

thách như các đệ tử của Chân sư DK đã từng —trong đội hình nhóm dưới sự giám sát của Ngài.

This entire problem of **group integrity** and **personnel-synthesis** (if I may coin such a phrase) is at this time presenting a **major problem to the Hierarchy.**

Toàn bộ vấn đề về **tính toàn vẹn của nhóm** và **sự tổng hợp các thành viên** (nếu Tôi có thể đặt ra một cụm từ như vậy) hiện đang là một **vấn đề lớn đối với Thánh đoàn.**

183. DK is speaking of how the personnel within any group endeavor may contribute to group integrity rather than frustrate it.

183. Chân sư DK đang nói về cách các thành viên trong bất kỳ nỗ lực nhóm nào có thể góp phần củng cố tính toàn vẹn của nhóm thay vì cản trở điều đó.

It is based, as you see, on the point in evolution which humanity has reached. There are many millions today—and this may surprise you—who have already achieved a definite measure of permanent personality integration. **They are people in the fullest sense of the term although they may yet be lacking any contact with the soul or any desire for such contact.**

Như các bạn thấy, vấn đề này dựa trên điểm tiến hoá mà nhân loại đã đạt đến. Ngày nay có nhiều triệu người—và điều này có thể khiến các bạn ngạc nhiên—đã đạt được một mức độ tích hợp phàm ngã bền vững nhất định. **Họ là những con người theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này, dù có thể họ vẫn chưa có bất kỳ sự tiếp xúc nào với linh hồn hay bất kỳ mong muốn nào về sự tiếp xúc ấy.**

184. DK is speaking of the true nature of personality integration—something not generally understood.

184. Chân sư DK đang nói về bản chất thực sự của sự tích hợp phàm ngã—một điều nhìn chung chưa được thấu hiểu.

185. To be a true “person”, one must be an integrated personality.

185. Để là một “con người” thực sự, người ta phải là một phàm ngã tích hợp.

186. ”People” are not necessarily “souls” (at least they are not necessarily conscious of being souls).

186. “Những con người” không nhất thiết là “những linh hồn” (ít nhất họ không nhất thiết có ý thức rằng mình là những linh hồn).

187. Today’s world is full of *people*— those who have a definite measure of permanent personality integration.

187. Thế giới ngày nay đầy *những con người* — những người có một mức độ tích hợp phàm ngã bền vững nhất định.

This means that they are relatively dominant men and women in their own

Điều này có nghĩa họ là những người nam và nữ tương đối có ưu thế trong hoàn cảnh, môi

setting, environment or milieu; **they therefore constitute a problem in this preparatory cyclic era because they refuse—usually quite unconsciously—to form part of any group; they seek ever the position of leader.**

188. The process of personality integration, itself, must involve a good deal of the first ray—the ray of domination.

189. Such people are naturally inclined to reinforce that which has become integrated. They assert themselves as personalities at the expense of greater group possibilities.

This is true of spiritual aspirants just as much as it is true of workers and group leaders in any other phase of human thought and procedure.

190. The implication here is that there are some spiritual aspirants that are dominant personalities. If this is the case, how much contact with the soul do they have?

Therefore we ask: **How can we create extra-ashramic groups out of aspirants and disciples who primarily value spiritual status, kudos or an elevated position?** We cannot.

191. DK has included disciples in this question. Such disciples would clearly be on the Probationary Path and not accepted disciples.

All we can do is to train aspirants in recognised group requirements.

trường hay giới của mình; **do đó, họ tạo thành một vấn đề trong thời đại chu kỳ mang tính chuẩn bị này vì họ từ chối—thường hoàn toàn không ý thức—trở thành một phần của bất kỳ nhóm nào; họ luôn tìm kiếm vị trí lãnh đạo.**

188. Chính tiến trình tích hợp phàm ngã hẳn phải có sự tham gia đáng kể của cung một—cung thống trị.

189. Những người như vậy có khuynh hướng tự nhiên là củng cố những gì đã trở nên tích hợp. Họ khẳng định mình như những phàm ngã, làm tổn hại đến những khả năng lớn hơn của nhóm.

Điều này đúng với những người chí nguyện tinh thần cũng như với những người hoạt động và lãnh đạo nhóm trong bất kỳ phương diện nào khác của tư tưởng và cách hành động của con người.

190. Hàm ý ở đây là có một số người chí nguyện tinh thần là những phàm ngã có ưu thế. Nếu đúng như vậy, họ có được bao nhiêu sự tiếp xúc với linh hồn?

Do đó, chúng tôi hỏi: **Làm sao có thể tạo nên những nhóm bên ngoài ashram từ những người chí nguyện và đệ tử chủ yếu coi trọng địa vị tinh thần, danh tiếng hay một vị trí cao?** Chúng tôi không thể.

191. Chân sư DK đã đưa cả các đệ tử vào câu hỏi này. Những đệ tử như vậy rõ ràng đang ở trên Con Đường Dự Bị và chưa phải là những đệ tử được chấp nhận.

Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là huấn luyện người chí nguyện về những yêu cầu đã được công nhận của nhóm.

192. DK has written voluminously on such requirements. We must refresh ourselves concerning them, and, more importantly, *apply* them.

192. Chân sư DK đã viết rất nhiều về những yêu cầu ấy. Chúng ta phải ôn lại chúng và, quan trọng hơn, *áp dụng* chúng.

We must also point out to them the dangers of mental pride, detail to them their personality limitations and the difficulties of true spiritual leadership, and then **plead with them to mind their own business where each other is concerned and ask them to serve the human race;**

Chúng tôi cũng phải chỉ cho họ những nguy cơ của sự kiêu hãnh trí tuệ, trình bày chi tiết những giới hạn phàm ngã của họ cùng những khó khăn của sự lãnh đạo tinh thần chân chính, rồi **tha thiết khuyên họ chuyên tâm vào việc của mình, tránh can dự vào việc của nhau, và yêu cầu họ phụng sự nhân loại; dĩ nhiên,**

193. DK has listed the Hierarchy's approach to aspirants who are limited by their own egoism.

193. Chân sư DK đã liệt kê cách Thánh đoàn tiếp cận những người chí nguyện đang chịu giới hạn do tính vị kỷ của chính họ.

194. It is clear that dominant personalities often criticize and interfere with the work of others. They must learn to sacrifice their criticism and interference.

194. Rõ ràng, những phàm ngã thích chi phối thường chỉ trích và can thiệp vào công việc của người khác. Họ phải học cách từ bỏ sự chỉ trích và can thiệp của mình.

195. As for the dangers of mental pride, they are particularly evident in a number of students of Theosophy, broadly considered.

195. Về những nguy cơ của sự kiêu hãnh trí tuệ, chúng đặc biệt rõ rệt nơi một số đạo sinh Thông Thiên Học, xét theo nghĩa rộng.

this of course means, incidentally, serving the Hierarchy and thus [109] demonstrate their ability to work within an Ashram.

điều này đồng thời có nghĩa là phụng sự Thánh đoàn và nhờ đó [109] chứng tỏ khả năng làm việc trong một ashram.

196. The primary requirement is to serve humanity. The disciple who does this will, incidentally, need to serve the Hierarchy—whether consciously or unconsciously.

196. Yêu cầu hàng đầu là phụng sự nhân loại. Khi làm điều này, người đệ tử cũng sẽ cần phụng sự Thánh đoàn—dù có ý thức hay không.

Disciples—in the earlier stages—are apt to be didactic; t**hey like to express in words their profound understanding of occult truth and thereby, in reality, establish their superiority over non-esoteric students**,

Ở những giai đoạn đầu, các đệ tử dễ có khuynh hướng lên lớp; **họ thích diễn đạt bằng lời sự thấu hiểu sâu sắc của mình về chân lý huyền bí, và qua đó, thực ra, khẳng định sự vượt trội của mình so với những đạo sinh không theo học huyền bí học**; khi

and in so doing (again incidentally) antagonise those they otherwise could help.

làm như thế, họ lại khiến những người mà lẽ ra mình có thể giúp đỡ trở nên chống đối.

197. How well He sees the situation! So much, so-called teaching, is nothing but personality emphasis in another form.

197. Ngài nhìn thấu tình hình biết bao! Biết bao điều gọi là giảng dạy chẳng qua chỉ là sự đề cao phàm ngã dưới một hình thức khác.

198. It is hard to outgrow the personality; familiarity with the teaching and the ability to speak about it, is no guarantee that egoistic personality limitations have been outgrown.

198. Thật khó vượt lên trên phàm ngã; sự thông thuộc giáo huấn và khả năng nói về giáo huấn không bảo đảm rằng người ta đã vượt qua những giới hạn vị kỷ của phàm ngã.

They like to show their **unique familiarity with hierarchical principles** but, as they are not yet living those principles, they hinder more than they can help; at the same time, through self-discovery, they learn much thereby.

Họ thích phô bày **sự thông thuộc đặc biệt của mình đối với các nguyên khí của Thánh đoàn**, nhưng vì chưa sống theo những nguyên khí ấy nên họ gây trở ngại nhiều hơn là giúp ích; đồng thời, qua việc tự khám phá, họ cũng học được nhiều điều từ đó.

199. The key, of course, is for us to "walk our talk", and live the excellent principles with which we may have become familiar.

199. Dĩ nhiên, điều then chốt là chúng ta phải "làm đúng như lời mình nói", và sống theo những nguyên khí cao đẹp mà có thể chúng ta đã thông thuộc.

200. The egoistic disciple, of course, will provoke a reaction antagonistic to his pretensions, and through this reaction he will learn.

200. Dĩ nhiên, người đệ tử vị kỷ sẽ khơi dậy một phản ứng chống lại những điều ông tự phụ phô trương, và qua phản ứng này, ông sẽ học hỏi.

They believe that in expressing their knowledge of petty and unimportant details anent the lives and methods of the Masters, a high point of spiritual understanding and development is thereby indicated. This is not by any means the case. **In the last analysis, it indicates a superficial sense of false values, and seventy per cent of their information is wrong and of no importance.**

Họ tin rằng việc biểu lộ kiến thức về những chi tiết nhỏ nhặt và không quan trọng liên quan đến đời sống cùng các phương pháp của các Chân sư chứng tỏ một trình độ thấu hiểu và phát triển tinh thần cao. Hoàn toàn không phải như vậy. **Xét đến cùng, điều đó cho thấy một nhận thức hời hợt dựa trên những giá trị sai lầm, và bảy mươi phần trăm thông tin của họ là sai và không có tầm quan trọng.**

201. In this last letter, we find DK being unusually frank.

202. His words are sobering. He never uses percentages lightly. When He states a percentage, it is done with exactitude.

203. Do any of us imagine that seventy percent of what we may say about the Masters may be petty, wrong or of no importance.

204. The excerpt above is a challenge to ensure that our spiritual values are correct and in alignment with world need.

I feel it necessary to emphasise the unimportance of their claims to information because the work of the Masters and Their freedom to serve humanity as They desire have been greatly hindered by these foolish thoughtforms and by the preconceived ideas of well-intentioned aspirants. The Masters very seldom resemble the theories, the pictures and the information which is so frequently circulated by the average aspirant. This whole business of occult gossip and of misinformation governs the majority of the many little occult groups.

201. Trong bức thư cuối cùng này, chúng ta thấy Chân sư DK thẳng thắn khác thường.

202. Những lời của Ngài khiến chúng ta phải tỉnh táo suy xét. Ngài không bao giờ dùng các tỉ lệ phần trăm một cách tùy tiện. Khi Ngài nêu một tỉ lệ phần trăm, Ngài luôn nêu chính xác.

203. Có ai trong chúng ta hình dung rằng bảy mươi phần trăm những gì chúng ta có thể nói về các Chân sư có thể là vụn vặt, sai lầm hoặc không có tầm quan trọng.

204. Đoạn trích trên là một lời thách thức, đòi hỏi chúng ta bảo đảm rằng các giá trị tinh thần của mình là đúng đắn và phù hợp với nhu cầu thế giới.

Tôi thấy cần phải nhấn mạnh sự không quan trọng của những điều họ tự nhận là biết, vì những hình tư tưởng ngớ ngẩn này và những ý tưởng định sẵn của những người chí nguyện có thiện chí đã cản trở rất nhiều công việc của các Chân sư và sự tự do phụng sự nhân loại theo ý muốn của Các Ngài. Các Chân sư rất hiếm khi giống với những lý thuyết, hình ảnh và thông tin mà người chí nguyện thông thường hay lưu truyền. Toàn bộ chuyện đồn đại huyền bí và thông tin sai lệch này chi phối phần lớn trong số nhiều nhóm huyền bí nhỏ bé.

205. When we think, write and speak of the Masters, we are asked to do so with as much accuracy as possible. We are told that much of what the average aspirant communicates on this subject is a hindrance to the Masters' intentions. Do we know that we are not numbered among those who miscommunicate?

205. Khi suy nghĩ, viết và nói về các Chân sư, chúng ta được yêu cầu làm điều đó với mức độ chính xác cao nhất có thể. Chúng ta được cho biết rằng phần lớn những gì người chí nguyện thông thường truyền đạt về chủ đề này đều cản trở các ý định của các Chân sư. Chúng ta có biết chắc rằng mình không nằm trong số những người truyền đạt sai lệch không?

206. One can hardly say that Master DK is mincing words. In this, His last communication, He is being utterly clear and direct—thus, it would seem, clearing away much glamor.

206. Khó có thể nói rằng Chân sư DK đang nói vòng vo. Trong thông điệp cuối cùng này của Ngài, Ngài nói hết sức rõ ràng và thẳng thắn—qua đó, dường như Ngài đang quét sạch nhiều ảo cảm.

Until groups are formed which consist of **disciples and senior aspirants who possess self-ascertained knowledge and who are capable of correct interpretation of the occult facts, and who are also endowed with the rare group virtue of silence, we shall not have the desired externalisation of the Ashrams.**

Chừng nào chưa hình thành những nhóm gồm **các đệ tử và người chí nguyện lâu năm có tri thức do chính mình xác minh, có khả năng diễn giải đúng các sự kiện huyền bí, đồng thời có đức tính nhóm hiếm có là im lặng, chúng ta sẽ chưa có sự ngoại hiện các ashram như mong muốn.**

207. The Tibetan tells us what is necessary if the externalization of the Ashrams is to move forward. He states the requirements and they apply to us. Let us tabulate them for clarity:

207. Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết điều gì là cần thiết để sự ngoại hiện các ashram có thể tiến triển. Ngài nêu các yêu cầu, và những yêu cầu ấy áp dụng cho chúng ta. Chúng ta hãy liệt kê chúng cho rõ ràng:

a. Groups must consist of disciples and senior aspirants

a. Các nhóm phải gồm các đệ tử và những người chí nguyện lâu năm

b. Such individuals just possess self-ascertained knowledge

b. Những cá nhân như vậy chỉ có tri thức do chính mình xác minh

c. Such individuals must be capable of correct interpretation of the occult facts

c. Những cá nhân như vậy phải có khả năng diễn giải đúng các sự kiện huyền bí

d. Such individuals must be endowed with the rare *group* virtue of silence. Note that DK

d. Những cá nhân như vậy phải có đức tính hiếm có của *nhóm* là im lặng. Hãy lưu ý rằng

calls silence "group virtue", which emphasizes its importance in all group work.

Chân sư DK gọi sự im lặng là "đức tính nhóm", điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của nó trong mọi công việc nhóm.

I would have you think on these matters and prepare yourselves for a better and sounder appreciation, plus a more adequate meeting of hierarchical requirements in your next incarnation.

Tôi muốn các bạn suy nghĩ về những vấn đề này và tự chuẩn bị để nhận thức tốt hơn, vững chắc hơn, đồng thời đáp ứng đầy đủ hơn những yêu cầu của Thánh đoàn trong kiếp nhập thể tới.

208. This is advice to us as well as we look ahead to future possibilities.

208. Đây cũng là lời khuyên dành cho chúng ta khi chúng ta hướng tới những khả năng trong tương lai.

209. It may be that some of those to whom DK was speaking have returned and perhaps have 're-read' the requirements, now more able to apply them.

209. Có thể một số người mà Chân sư DK đã nói với đã trở lại và có lẽ đã 'đọc lại' các yêu cầu ấy, giờ đây có khả năng áp dụng chúng tốt hơn.

And now, my brothers and co-workers, I leave you to work, serve and study; **by that last word, I mean reflect and think.**

Và giờ đây, các huynh đệ và đồng sự của Tôi, Tôi để các bạn làm việc, phụng sự và nghiên cứu; **qua từ cuối cùng ấy, Tôi muốn nói đến suy ngẫm và tư duy.**

210. The usual trinity is meditation, study and service. To study is not merely to read. Reflection and thought are an indispensable accompaniment to the necessary reading.

210. Bộ ba thông thường là tham thiền, học hỏi và phụng sự. Học hỏi không chỉ là đọc. Suy ngẫm và tư duy là những yếu tố không thể thiếu, đi kèm với việc đọc cần thiết.

I would commend to your consideration (because you cannot as yet think truly constructively, but only imaginatively) [110] the place in this hierarchical planning, adjusting and aligning that my Ashram should take and of your part in it, as an individual and as a group, above all.

Tôi muốn các bạn xem xét (vì hiện nay các bạn chưa thể tư duy thực sự theo cách kiến tạo, mà chỉ mới bằng sự tưởng tượng) [110] vị trí mà ashram của Tôi nên đảm nhận trong công việc hoạch định, điều chỉnh và chỉnh hợp này của Thánh đoàn, cùng phần việc của các bạn trong đó, với tư cách cá nhân và trên hết là với tư cách một nhóm.

211. DK differentiates between constructive thinking and imaginative thinking. The latter must precede the former. Since we do not *know* the Ashram with intimacy, our thought cannot reflect its realities and thus

211. Chân sư DK phân biệt giữa tư duy kiến tạo và tư duy bằng sự tưởng tượng. Loại sau phải đi trước loại đầu. Vì chúng ta không *hiểu biết* ashram một cách sâu sát, tư duy của chúng ta không thể phản ánh những

be truly *constructive.* Imagination, however, when rightly motivated, may begin to approximate the reality, and so we are enjoined to think imaginatively of our individual and group roles in the Master's Ashram.

thực tại của ashram và do đó không thể thực sự mang tính *kiến tạo.* Tuy nhiên, khi có động cơ đúng đắn, sự tưởng tượng có thể bắt đầu tiến gần đến thực tại, và vì thế chúng ta được khuyên hãy dùng sự tưởng tượng để suy nghĩ về vai trò cá nhân và vai trò nhóm của mình trong ashram của Chân sư.

212. He asks His chelas (and He asks us) to think in terms of the Ashram— *His* Ashram.

212. Ngài yêu cầu các đệ tử của Ngài (và Ngài cũng yêu cầu chúng ta) suy nghĩ trong khuôn khổ của ashram—ashram *của Ngài.*

I ask your aid so that one of the newest Ashrams may play a good part in the group of Ashrams, gathered around that of the One Who was my Master, the Chohan K.H.

Tôi xin sự trợ giúp của các bạn để một trong những ashram mới nhất có thể đảm nhận tốt vai trò của mình trong nhóm ashram quy tụ quanh ashram của Đấng từng là Chân sư của Tôi, Đức Chohan KH.

213. Here the Master attempts to evoke from us a greater sense of responsibility so that we may see the importance of our efforts. DK wants His Ashram (quite a *new* Ashram) to fulfill its role with other second ray Ashrams gathered around His Master, the Chohan KH. We do not know the inner workings of Master DK's Ashram. Perhaps on inner levels it is fulfilling its part. On outer levels, however, much remains to be done by disciples like ourselves to ensure the Ashram's outer success.

213. Ở đây, Chân sư tìm cách khơi dậy trong chúng ta tinh thần trách nhiệm lớn hơn để chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của những nỗ lực của mình. Chân sư DK muốn ashram của Ngài (một ashram khá *mới*) hoàn thành vai trò của mình cùng các ashram cung hai khác quy tụ quanh Chân sư của Ngài, Đức Chohan KH. Chúng ta không biết hoạt động bên trong ashram của Chân sư DK diễn ra như thế nào. Có lẽ ở các cấp độ bên trong, ashram đang hoàn thành phần việc của mình. Tuy nhiên, ở các cấp độ bên ngoài, các đệ tử như chúng ta vẫn còn nhiều việc phải làm để bảo đảm thành công của ashram ở bên ngoài.

There has been much pressure on you this year; I have seen and noted it; the group—as a group—has done better this year than for some years past;

Năm nay các bạn đã chịu nhiều áp lực; Tôi đã thấy và ghi nhận điều đó; nhóm—xét như một nhóm—đã làm tốt hơn trong năm nay so với vài năm trước;

214. It is as if an increase in pressure ensures an increase in accomplishment.

214. Dường như áp lực gia tăng bảo đảm thành tựu cũng gia tăng.

215. A principle emerges: if we wish to succeed, we must keep the pressure on!

and I have seen a deepening of devotion and a strengthening of conviction. Failures, where they may be found, need not persist, for the group love can offset them all;

216. Another principle of importance: group love can offset the failure of the members of the group and, perhaps, of the group itself.

personality weaknesses, mistakes and faults are overlooked and forgotten in the urgency of human need;

217. This will be so if our sense of spiritual values are rightly adjusted.

they do not even penetrate into the Ashram. I would ask you to remember this, and **with humility in your hearts, persistence in your efforts and love to all men, pass on your way.**

218. It is very important that we remember this. The personality faults over which we may expend so much time in thought and self-recrimination, do not even penetrate into the Ashram. The Master may make Himself aware of such failures if He wishes, but usually we are left to solve these problems.

219. The advise given is so sound, that it should be a watch word for us all: “with humility in your hearts, persistence in your efforts and love to all men, pass on your way”.

215. Một nguyên tắc hiện rõ: nếu muốn thành công, chúng ta phải duy trì áp lực!

và Tôi đã thấy sự sùng kính sâu sắc hơn cùng niềm xác tín vững mạnh hơn. Những thất bại, ở nơi nào còn có, không nhất thiết phải tiếp diễn, bởi tình thương của nhóm có thể hóa giải tất cả;

216. Một nguyên tắc quan trọng khác: tình thương của nhóm có thể hóa giải thất bại của các thành viên trong nhóm và có lẽ cả thất bại của chính nhóm.

những yếu điểm, sai lầm và lỗi lầm của phàm ngã được bỏ qua và quên đi trước tính cấp bách của nhu cầu nhân loại;

217. Điều này sẽ diễn ra nếu cảm nhận của chúng ta về các giá trị tinh thần được điều chỉnh đúng đắn.

chúng thậm chí không thâm nhập vào ashram. Tôi muốn các bạn ghi nhớ điều này, và **với lòng khiêm nhường, sự bền bỉ trong nỗ lực cùng tình thương dành cho mọi người, hãy tiếp tục con đường của mình.**

218. Việc chúng ta ghi nhớ điều này là rất quan trọng. Những lỗi lầm của phàm ngã mà chúng ta có thể dành quá nhiều thời gian để suy nghĩ và tự trách thậm chí không thâm nhập vào ashram. Nếu muốn, Chân sư có thể chủ động biết đến những thất bại ấy, nhưng thường Ngài để chúng ta tự giải quyết những vấn đề này.

219. Lời khuyên này đúng đắn đến mức tất cả chúng ta nên lấy đó làm phương châm: “với lòng khiêm nhường, sự bền bỉ trong nỗ lực cùng tình thương dành cho mọi người, hãy tiếp tục con đường của mình”.

Let love play its part in all your lives and all your inter-relations as it must and does in the Hierarchy;

Hãy để tình thương thực hiện vai trò của mình trong toàn bộ đời sống và mọi mối tương quan của các bạn, như tình thương phải làm và đang làm trong Thánh đoàn;

220. The Spiritual Hierarchy is the Hierarchy of Love. "Let pain bring due reward of light and love".

220. Thánh đoàn là Thánh đoàn của Tình thương. "Hãy để đau khổ mang lại phần thưởng xứng đáng là ánh sáng và tình thương".

look upon the Ashram to which you are affiliated as a miniature Hierarchy and model your efforts upon what you have learned anent the Hierarchy;

hãy xem ashram mà các bạn liên kết là một Thánh đoàn thu nhỏ và noi theo những gì đã học về Thánh đoàn trong nỗ lực của mình;

221. Our first spiritual work must be in relation to our Ashram; this must be perfected before we can work in relation to the entire Spiritual Hierarchy.

221. Công việc tinh thần đầu tiên của chúng ta phải gắn với ashram của chúng ta; chúng ta phải hoàn thiện công việc này trước khi có thể làm việc trong mối liên hệ với toàn thể Thánh đoàn.

count all things but loss unless they are productive along the line of service to humanity, and become increasingly factual in your attitude to all disciples and to the Hierarchy.

hãy xem mọi sự đều là mất mát trừ khi chúng đem lại kết quả trên con đường phụng sự nhân loại, và ngày càng thực tế hơn trong thái độ đối với mọi đệ tử và với Thánh đoàn.

222. If what we do does not serve humanity it is simply wasted effort.

222. Nếu những gì chúng ta làm không phụng sự nhân loại thì đó chỉ là nỗ lực uổng phí.

223. The second piece of advice is very interesting: we are asked to become increasingly factual in our attitude towards all disciples and to the Hierarchy. This would mean that we see all disciples and the Hierarchy free from the distortions of glamour and illusion. This will usually require a significant adjustment of our thoughts and imaginings.

223. Lời khuyên thứ hai rất thú vị: chúng ta được yêu cầu ngày càng căn cứ vào thực tế trong thái độ đối với mọi đệ tử và với Thánh đoàn. Điều này có nghĩa là chúng ta nhìn mọi đệ tử và Thánh đoàn mà không để những sự bóp méo do ảo cảm và ảo tưởng che lấp. Điều này thường đòi hỏi chúng ta phải điều chỉnh đáng kể những suy nghĩ và hình dung của mình.

The coming cycle is momentous in its offering of opportunity, and I would have you—again as individuals and as a group—measure up to this chance.

Chu kỳ sắp tới có ý nghĩa trọng đại vì những cơ hội nó đem lại, và Tôi muốn các bạn—một lần nữa, với tư cách cá nhân và một nhóm—đáp ứng xứng đáng cơ hội này.

224. Does DK mean the cycle that lay immediately ahead of the disciples to whom He was writing, or the cycle of their next incarnation? Maybe both.

224. Chân sư DK muốn nói đến chu kỳ ngay trước mắt những đệ tử mà Ngài đang viết thư cho, hay chu kỳ của kiếp lâm phàm kế tiếp của họ? Có lẽ là cả hai.

Fix your eyes on human need and your hand in mine (if I may speak thus to you in symbols) and go forward with me to greater influence and deeper usefulness.

Hãy chăm chú nhìn vào nhu cầu nhân loại và đặt tay các bạn trong tay Tôi (nếu Tôi có thể nói với các bạn bằng những biểu tượng như thế), rồi cùng Tôi tiến đến tầm ảnh hưởng lớn hơn và sự hữu ích sâu sắc hơn.

225. As final words to the remaining members of the New Seed Group, these words are impressive, inspiring and heart-warming.

225. Là những lời cuối cùng gửi đến các thành viên còn lại của Nhóm Hạt Giống Mới, những lời này thật ấn tượng, đầy cảm hứng và làm ấm lòng.

226. We are to fix our eye on human need.

226. Chúng ta phải chăm chú nhìn vào nhu cầu nhân loại.

227. We are to place our ‘hand’ in the ‘hand’ of the Master.

227. Chúng ta phải đặt ‘tay’ mình trong ‘tay’ của Chân sư.

228. We are to move forward with Him to greater influence.

228. Chúng ta phải cùng Ngài tiến đến tầm ảnh hưởng lớn hơn.

229. We are to move forward with Him into deeper usefulness.

229. Chúng ta phải cùng Ngài tiến đến sự hữu ích sâu sắc hơn.

230. Can one resist such a request?

230. Ai có thể cưỡng lại một lời yêu cầu như thế?